



BẠN CÓ THỂ HIỂU ĐƯỢC KINH THÁNH

***Phao-lô, Hành Trình Truyền Giáo Thứ Tư :
1 Ti-mô-thê, Tích & 2 Ti-mô-thê***

BOB UTLEY

GIÁO SƯ MÔN GIẢI THÍCH BẢN VĂN

(THÁNH KINH CHÚ GIẢI HỌC)

*TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU
TÂN ƯỚC, TẬP 9*

BIBLE LESSONS INTERNATIONAL, MARSHALL, TEXAS

2002 (revised 2011)

MỤC LỤC

Tâm sự của tác giả: làm sao để tài liệu giải kinh này có thể giúp anh chị em?	i
Hướng dẫn cách đọc Kinh thánh hiệu quả: xác nhận chân lý một cách cá nhân	iii
Giải kinh:	
Giới thiệu I Ti-mô-thê	1
I Ti-mô-thê 1	8
I Ti-mô-thê 2	35
I Ti-mô-thê 3	56
I Ti-mô-thê 4	74
I Ti-mô-thê 5	93
I Ti-mô-thê 6	106
Giới thiệu Tịch	123
Tịch 1	125
Tịch 2	139
Tịch 3	158
II Ti-mô-thê 1	170
II Ti-mô-thê 2	188
II Ti-mô-thê 3	206
II Ti-mô-thê 4	216
Phụ lục 1 Các định nghĩa ngắn gọn về cấu trúc ngữ pháp Hy-lạp	229
Phụ lục 2 Phê bình văn bản	238
Phụ lục 3 Định nghĩa từ vựng	241
Phụ lục 4 Xác nhận quan điểm giáo lý của tác giả	250

Copyright © 2013 [Bible Lessons International](http://www.freebiblecommentary.org). All rights reserved. Any copies or distribution of any part of this material must be made available ở câuno cost. Such copies or distribution must give credit to Dr. Bob Utley and include a reference to www.freebiblecommentary.org

The primary biblical text used in this commentary is: New American Standard Bible (Update, 1995) Copyright ©1960, 1962, 1963, 1968, 1971, 1972, 1973, 1975, 1977, 1995 by The Lockman Foundation, P. O. Box 2279, La Habra, CA 90632-2279

BẢNG LIỆT KÊ CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT.

ĐÁNG MÊ-SI-A (theo Đa-ni-en 9:26) / <u>MESSIAH</u>	10
TI-MÔ-THÊ / <u>TIMOTHY</u>	11
CHA THIÊN THƯỢNG , ĐỨC CHÚA CHA / <u>GOD THE FATHER</u>	12
GÂY DỰNG / <u>edify</u>	15
TÂM LÒNG / <u>the heart</u>	16
QUAN ĐIỂM CỦA PHAO-LÔ VỀ LUẬT MÔI SE / <u>Phao-lô's views of the mosaic law</u>	18
CÁC THÓI XẤU VÀ THÓI TỐT TRONG TÂN ƯỚC / <u>vices and virtues in the nt</u>	18
ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI / <u>homosexuality</u>	20
TẠ ƠN / <u>thanksgiving</u>	22
CÁCH DÙNG ‘HUPER’ CỦA PHAO LÔ / <u>Paul's use of "huper" compounds</u>	25
CÁCH DÙNG CHỮ “THẾ GIAN “ / <u>Phao-lô's use of kosmos</u>	26
ĐỨC TIN ([danh từ], TIN [động từ], ĐÁNG TIN[tính từ]) / <u>faith, believe, or trust (pistis [noun], pisteuō, [verb], pistos [adjective])</u>	28
ĐỔI ĐỔI (THÀNH NGỮ HY-LẠP) / <u>forever (greek idiom)</u>	30
TIÊN TRI TRONG TÂN ƯỚC / <u>new testament prophecy</u>	31
SỰ CẦU THAY/ <u>intercessory prayer</u>	37
CHÍNH QUYỀN DO CON NGƯỜI / <u>human government</u>	39
‘LẼ THẬT’ TRONG THƯ TÍN PHAO LÔ / <u>"truth" in phao-lô's writings</u>	42
THUYẾT ĐỘC THẦN, (NHẤT THẦN LUẬN, DUY NHẤT THẦN THUYẾT) / <u>monotheism</u>	44
GIÁ CHUỘC, CHUỘC LẠI / <u>ransom/redeem</u>	46
CẦU NGUYỆN TUY VÔ HẠN, NHƯNG CÒN HỮU HẠN / <u>prayer, unlimited yet limited</u>	49
PHỤ NỮ TRONG KINH THÁNH / <u>women in the bible</u>	52
KINH THÁNH NÓI VỀ RƯỢU VÀ SAY RƯỢU / <u>alcohol and alcoholism</u>	59
HỘI THÁNH (<i>ekklesia</i>) / <u>church (ekklesia)</u>	62
HIỆN THÂN CỦA ĐIỀU ÁC SATAN / <u>Satan</u>	62
TÍN HỮU CÓ NÊN ĐOÁN XÉT LÃN NHAU / <u>Should Christians judge one another?</u>	64
SỰ HUYỀN NHIỆM / <u>God's plan for redemption, "mystery"</u>	65
TIÊU CHUẨN CHO NỮ CHẤP SỰ / <u>qualifications for female church workers</u>	51
XÁC THỊT / <u>flesh (sarx)</u>	71
SỰ THĂNG THIÊN / <u>the ascension</u>	72
SỰ TÁI LÂM TRÌ HOÃN / <u>a delayed second coming</u>	75

SỰ BỘI ĐẠO / <u>apostasy</u> (<i>aphistēmi</i>)	76
MA QUỶ / <u>the demonic</u> (unclean spirits)	78
TỘI LỖI DẪN ĐẾN SỰ CHẾT. / <u>sin unto death</u>	80
SỰ TIN KÍNH / <u>Godliness</u>	83
CHƯƠNG TRÌNH CỨU CHUỘC CỦA GIÊ-HÔ-VA / <u>YHWH's eternal redemptive plan</u>	85
KHUÔN MẪU / <u>form</u> (<i>tupos</i>)	86
ĐẶT TAY TRONG KINH THÁNH / <u>laying on of hands</u>	88
SỰ CẦN THIẾT PHẢI BỀN ĐŌ / <u>the need to persevere</u>	90
TRƯỞNG LÃO / <u>elder</u>	94
SỰ GIÀ CẢ CỦA CON NGƯỜI / <u>age</u>	94
CÁC THÁNH ĐỒ / <u>saints</u> (<i>hagios</i>)	99
PHẠO LÔ KHUYÊN VỀ NÔ LỆ / <u>Phao-lô's admonitions to slaves</u>	106
SỰ GIÀU CÓ / <u>wealth</u>	109
THUẬT NGỮ VÀ HÀM Ý CHO “THỬ NGHIỆM” TRONG TIẾNG HY LẠP / <u>Greek terms for testing and their connotations</u>	111
ĐÔI ĐỜI (<i>aiōnios</i>) / <u>Eternal</u>	122
SỰ CÂN BẰNG THẦN HỌC GIỮA THUYẾT LỰA CHỌN VÀ TIỀN ĐỊNH / <u>Election/predestination and the need for a theological balance</u>	114
SỰ XUNG NHẬN, / <u>Confession</u>	115
CHỮ ‘AMEN’ / <u>amen</u>	117
ĐỜI NÀY VÀ ĐỜI SẮP ĐẾN / <u>This Age And The Age To Come</u>	118
TRI-HUỆ GIÁO / <u>Gnosticism</u>	127
SỰ TRÔNG CẬY, HY VỌNG / <u>Hope</u>	129
TUỔI VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TRÁI ĐẤT / <u>The Age And Formation Of The Earth</u>	129
SỰ ĐẦU PHỤC (HUPOTASSO) / <u>Submission</u> (<i>Hupotassō</i>)	142
THUYẾT TIỀN ĐỊNH SO VỚI THUYẾT TỰ DO LỰA CHỌN CỦA CON NGƯỜI / <u>Predestination (Calvinism) Versus Human Free Will (Arminianism)</u>	146
SỰ CÔNG CHÍNH / <u>Righteousness</u>	151
CÁC THUẬT NGỮ TÂN ƯỚC NÓI VỀ SỰ TÁI LÂM CỦA Đấng CHRIST / <u>NT terms for Christ's return</u>	154
SỰ VINH HIỂN / <u>Glory</u> (<i>Doxa</i>)	155
THẨM QUYỀN / <u>Authority</u> (<i>Exousia</i>)	156
BAN ĐẦU (<i>ARCHĒ</i>)	160
PHÉP BÁP-TEM / <u>Baptism</u>	163
BA NGÔI ĐỨC CHÚA TRỜI / <u>The Trinity</u>	164

DANH CỦA CHÚA / Names For Deity	171
VÌ SAO CƠ ĐỐC NHÂN CHỊU KHỔ / Why Do Christians Suffer?	176
THÌ CỦA CÁC ĐỘNG TỪ HY LẠP DÙNG CHO SỰ CỨU RỖI / Salvation (Greek Verb Tenses)	176
ĐƯỢC KÊU GỌI / Called	177
SỰ LÀM RA HƯ KHÔNG VÀ TRỐNG RỖNG (<i>KATARGEŌ</i>) / Null And Void (<i>Katargeō</i>)	179
SỰ ĐẢM BẢO , (SỰ BẢO CHỨNG) CỦA CƠ ĐỐC NHÂN / Assurance	181
NGÀY ẤY / That Day	183
NGÔI VỊ CỦA ĐỨC THÁNH LINH / The Personhood Of The Spirit	184
SỰ CHÍNH THỐNG CỦA CÁC THƯ LINH VỤ / The Orthodoxy Of The Pastorals	185
GIAO ƯỚC / Covenant	189
SỰ CẦN THIẾT PHẢI BỀN ĐŌ / Perseverance	193
TRỊ VỊ TRONG VƯƠNG QUỐC ĐỨC CHÚA TRỜI / Reigning In The Kingdom Of God	194
NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI CỦA Y-SO-RA-ÊN / Characteristics Of Israel's God	198
VIÊN ĐÁ GÓC / Cornerstone	199
ẤN / Seal	200
DANH CỦA CHÚA / The Name Of The Lord	201
SỰ THÁNH KHIẾT THEO TÂN ƯỚC / SỰ NÊN THÁNH / New Testament Holiness / Sanctification	202
SỰ ẪN NẪN TRONG CỰU ƯỚC / Repentance In The Old Testament	204
CÁC BÀI GIẢNG (<i>KERYGMA</i>) CỦA HỘI THÁNH ĐẦU TIÊN / The Kerygma Of The Early Church	213
NGƯỜI CHẾT Ở ĐÂU? / Where Are the Dead?	217
NƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI / The Kingdom Of Đức Chúa Trời	219
“LINH” (<i>pneuma</i>) TRONG TÂN ƯỚC / Đức Thánh Linh (<i>pneuma</i>) In The New Testament	227
MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN VỀ CẤU TRÚC NGỮ PHÁP TIẾNG HY LẠP	229
PHÊ BÌNH VĂN BẢN	238
TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ	241
LẬP TRƯỜNG VỀ TÍN LÝ CỦA TÁC GIẢ	250

LỜI CỦA TÁC GIẢ: TẬP TÀI LIỆU GIẢI KINH NÀY CÓ THỂ GIÚP ÍCH GÌ CHO BẠN?

Sự giải nghĩa Kinh thánh là một tiến trình mang tính thuộc linh và lý trí nhằm hiểu được các trước giả ngày xưa được linh cảm với mục đích giúp chúng ta hiểu và áp dụng được sứ điệp của Đức Chúa Trời trong thời đại ngày nay.

Tiến trình mang tính thuộc linh là quan trọng nhưng khó có thể định nghĩa. Nó gồm có sự đầu phục và mở lòng ra trước mặt Chúa. Cần phải có một sự khao khát (1) chính Chúa, (2) được biết Ngài và (3) khao khát được phục vụ Ngài. Tiến trình này cần có sự cầu nguyện, xưng tội và sự bằng lòng thay đổi lối sống của mình. Mặc dù biết rằng Đức Thánh Linh đóng vai trò quan trọng trong tiến trình giải nghĩa, nhưng thật khó hiểu là tại sao cũng là các Cơ-độc nhân chân thật, yêu mến Chúa, nhưng họ lại hiểu Kinh thánh một cách khác nhau.

Tiến trình mang tính lý trí thì dễ diễn tả hơn. Chúng ta phải nhất quán và công bằng đối với mọi bản văn và không được để cho những thành kiến cá nhân hay giáo phái chi phối mình. Chúng ta đều ít nhiều bị ảnh hưởng bởi quá khứ của mình. Không ai là người giải nghĩa Kinh thánh hoàn toàn khách quan và trung dung. Tập tài liệu giải kinh này cung cấp một tiến trình theo lý trí một cách cẩn thận gồm ba nguyên tắc giải nghĩa để giúp chúng ta vượt qua các thành kiến của mình.

Nguyên tắc thứ nhất

Nguyên tắc thứ nhất là để ý đến bối cảnh lịch sử khi sách được viết ra và các dịp tiện mang tính lịch sử đặc biệt liên quan đến tác giả. Tác giả nguyên thủy có một mục đích, một sứ điệp muốn truyền đạt. Bản văn không thể có ý nghĩa mà nó chưa bao giờ có đối với tác giả nguyên thủy, từ ngày xưa được thần cảm. Ý định của tác giả đó – chứ không phải nhu cầu thuộc về lịch sử, cảm xúc, văn hóa, cá nhân và giáo phái- chính là chìa khóa. Việc áp dụng là người anh chị em đi chung với việc giải thích, nhưng sự giải nghĩa thích hợp phải luôn luôn đi trước việc áp dụng. Cần phải nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại rằng mỗi bản Kinh văn đều chỉ có một ý nghĩa và chỉ một mà thôi. Ý nghĩa này là ý nghĩa mà tác giả nguyên thủy đã có ý định truyền đạt cho thời đại của họ dưới sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh. Ý nghĩa duy nhất này có thể có nhiều áp dụng khác nhau cho các văn hóa và tình huống khác nhau. Những áp dụng này phải được nối kết với lẽ thật trọng tâm theo tác giả nguyên thủy. Vì vậy, tập tài liệu này được thiết kế bằng cách cung cấp phần giới thiệu cho mỗi sách trong Kinh thánh.

Nguyên tắc thứ hai

Nguyên tắc thứ hai là xác định các đơn vị ngữ văn. Mỗi sách trong Kinh thánh là một văn bản hợp nhất. Người giải nghĩa không có quyền lấy riêng ra chỉ một khía cạnh của lẽ thật bằng cách bỏ qua các khía cạnh khác. Vì vậy, chúng ta phải cố gắng tìm hiểu mục đích của Toàn sách trước khi phân tích các đơn vị ngữ văn riêng lẻ. Các đơn vị riêng lẻ- đoạn, phân đoạn, hay câu- không thể mang ý nghĩa mà tổng thể của sách đó không có. Việc giải nghĩa phải đi từ phương pháp suy diễn từ tổng thể đến phương pháp quy nạp của từng phần. Do đó, tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế bằng cách giúp người học phân tích cấu trúc của mỗi đơn vị ngữ văn theo từng phân đoạn. Mặc dù các phân đoạn và chia đoạn không được thần cảm nhưng nó giúp chúng ta xác định được các ý tưởng theo từng đơn vị.

Giải nghĩa theo cấp độ từng phân đoạn- không phải từng câu, từng vế, từng cụm từ, hay từng chữ- là chìa khóa để lần theo ý nghĩa mà tác giả Kinh thánh đã định. Các phân đoạn dựa vào một chủ đề hợp nhất, thường gọi là chủ đề hay câu chủ đề. Từng chữ, vế, cụm từ và câu trong các phân đoạn này bằng cách nào đó liên hệ với chủ đề hợp nhất này. Chúng giới hạn chủ đề bàn đến, mở rộng nó, giải thích thêm hoặc chất vấn nó. Chìa khóa thật sự để đi đến cách giải nghĩa đúng đắn là theo sát ý tưởng của tác giả nguyên thủy trên cơ sở từng phân đoạn một thông qua các đơn vị ngữ văn cấu thành nên Toàn bộ sách. Tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế nhằm giúp người học có thể làm được điều này qua việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ hiện đại. Các bản dịch này được chọn ra bởi vì chúng có những lý thuyết khác nhau về cách dịch:

- A. Bản Hy Lạp của Hội Kinh thánh Liên hiệp (United Bible Society) là bản hiệu đính lần thứ tư (Thánh Kinh Liên hiệp UBS⁴). Bản dịch này được chia đoạn bởi các học giả phê bình bản văn hiện đại.
- B. Bản King James mới (NKJV) là bản dịch sát nghĩa theo từng chữ dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản tiêu chuẩn (the Textus Receptus). Các phân đoạn của nó dài hơn so với các bản dịch khác. Các đơn vị dài hơn này giúp người học thấy được các chủ đề mang tính hợp nhất.
- C. Bản hiệu đính tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ có bổ sung. Nó nằm ở điểm giữa so với hai bản hiện đại sẽ trình bày sau đây. Cách phân chia đoạn của nó giúp góp phần xác định được các chủ đề.
- D. Bản tiếng Anh ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển được xuất bản bởi Hội Kinh thánh Liên Hiệp (the United Bible Society). Nó cố gắng dịch sao cho người đọc và nói tiếng Anh ngày nay có thể hiểu được bản văn tiếng Hy Lạp. Đặc biệt trong các sách Phúc âm, thông thường nó chia đoạn theo người nói chứ không phải theo chủ đề, cũng giống như bản NICAU. Nếu dùng để giải nghĩa, nó không có lợi. Để ý thấy thật thú vị khi cả hai bản dịch Thánh Kinh Liên hiệp UBS⁴ và TEV đều được xuất bản bởi một cơ quan nhưng cách chia đoạn của nó lại khác nhau.
- E. Bản Giê-ru-sa-lem Bible (JB) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo. Nó giúp ích rất nhiều cho việc đối chiếu các cách phân đoạn từ quan điểm của Âu châu.
- F. Bản in sử dụng trong tập sách này là bản NASB được cập nhật năm 1995, là một bản dịch sát theo từng chữ. Các chú giải từng câu đều theo cách chia đoạn của bản dịch này.

Nguyên tắc thứ ba

Nguyên tắc thứ ba là đọc Kinh thánh qua nhiều bản dịch khác nhau để nắm được tầm ý nghĩa rộng nhất (thuộc lĩnh vực ngữ nghĩa) mà từng chữ hoặc từng cụm từ có thể có. Thông thường một chữ hay một cụm từ tiếng Hy Lạp có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Các bản dịch này cho thấy được những chọn lựa này và giúp xác định và giải thích một số khác biệt trong các bản thảo tiếng Hy Lạp. Những điều này không ảnh hưởng đến tín lý nhưng nó giúp chúng ta trở về với nguyên bản viết bởi các tác giả từ xưa được thần cảm.

Tập tài liệu này cung cấp cho người học một cách tiện lợi để kiểm tra các giải nghĩa của họ. Nó không nhằm đưa ra cách giải nghĩa cuối cùng, nhưng chỉ nhằm cung cấp thông tin và gợi suy nghĩ. Thông thường, các cách giải nghĩa khác giúp chúng ta không quá địa phương cục bộ, quá giáo điều, hay theo tinh thần hệ phái quá mức. Người giải nghĩa cần có một phạm vi giải nghĩa rộng đủ để nhìn nhận sự không rõ ràng mà các bản cổ có thể có. Thật là một cú sốc khi thấy trong vòng các Cơ-đốc nhân không có sự đồng ý với nhau trong khi họ đều cho rằng Kinh thánh là nguồn của lẽ thật.

Các nguyên tắc này đã giúp tôi vượt qua được khá nhiều điều kiện lịch sử quá khứ của cá nhân tôi vì nó đã buộc tôi phải trăn trở với bản văn cổ. Tôi hy vọng nó cũng sẽ là một điều phước hạnh cho quý vị.

Bob Utley

Trường đại học East Texas Baptist University

Ngày 27 tháng 6 năm 1996

HƯỚNG DẪN THỜI QUEN ĐỌC KINH THÁNH HIỆU QUẢ: CUỘC TÌM KIẾM LẼ THẬT KIỂM CHỨNG ĐƯỢC CỦA CÁ NHÂN

Chúng ta có thể biết lẽ thật được không? Nó ở đâu? Làm thế nào để xác minh nó một cách hợp lý? Có một thẩm quyền tối hậu hay không? Có những giá trị tuyệt đối hướng dẫn đời sống chúng ta, thế giới chúng ta đang sống hay không? Có ý nghĩa cho cuộc đời này không? Tại sao chúng ta lại ở trên thế giới này? Rồi chúng ta đi đâu? Những câu hỏi này- những câu hỏi mà mọi người có lý trí đều phải suy nghĩ đến- đã ám ảnh các nhà trí thức của nhân loại ngay từ buổi ban đầu (Truyền đạo 1:13-18; 3:9-11). Tôi nhớ lại cuộc tìm kiếm của cá nhân tôi về một trung tâm kết nối tất cả mọi sự cho cuộc đời tôi. Tôi tin Chúa khi còn rất nhỏ, nhờ vào sự làm chứng của những người có vai vế trong gia đình tôi. Khi tôi lớn lên, những câu hỏi về chính tôi và thế giới xung quanh tôi cũng lớn dần. Những câu sáo ngữ xưa cũ trong văn hóa và tôn giáo không đem lại ý nghĩa gì đối với những kinh nghiệm cuộc sống tôi biết đến hoặc từng đối diện. Có lúc tôi cảm thấy rối bời, tìm kiếm, ngóng trông và cảm thấy vô vọng trước một thế giới quá khắc khổ, lạnh nhạt mà tôi đang sống.

Nhiều người tuyên bố có câu trả lời cho những câu hỏi trên, nhưng sau khi tự nghiên cứu và suy nghĩ lại, tôi thấy những câu trả lời của họ dựa vào (1) các triết lý sống cá nhân, (2) các huyền thoại xa xưa, (3) những kinh nghiệm cá nhân, hay là (4) các ý nghĩ ảnh hưởng bởi tâm lý. Tôi cần một mức độ có thể kiểm chứng được, tôi cần bằng chứng, cần lý luận để có thể đặt lên nó Toàn bộ thế giới quan của tôi, một trung tâm kết nối tất cả, một lẽ sống cho cuộc đời.

Tôi tìm thấy những điều này qua việc học Kinh thánh. Tôi bắt đầu tìm kiếm những bằng chứng về sự đáng tin cậy của nó và tôi đã tìm thấy nó trong (1) sự đáng tin cậy về lịch sử của Kinh thánh xác nhận bởi khảo cổ học, (2) sự chính xác của những lời tiên tri trong Cựu Ước, (3) sự thống nhất của Toàn bộ sứ điệp Thánh Kinh qua hơn 1.600 năm hình thành và (4) những lời làm chứng cá nhân của những con người mà cuộc đời đã được thay đổi vĩnh viễn bởi tiếp xúc với Kinh thánh. Cơ-đốc giáo, một hệ thống hợp nhất trong đức tin và niềm tin, có khả năng đối diện với các câu hỏi hóc búa nhất về cuộc sống của con người. Điều này không những đem lại cho tôi một bộ khung lý trí, nhưng phương diện thực nghiệm của đức tin theo Kinh thánh cũng đã đem lại cho tôi niềm vui và sự vững vàng không lay động trong cảm xúc.

Tôi nghĩ tôi đã tìm thấy được cái trung tâm kết nối mọi sự của đời tôi- Đấng Christ, như đã trình bày trong Kinh thánh. Đó là một kinh nghiệm nóng nảy, một sự giãn xả cảm xúc. Tuy vậy, tôi vẫn còn nhớ đã bị sốc và đau khi tôi bắt đầu thấy ra có quá nhiều sự giải thích cho chỉ một cuốn Kinh thánh này, có khi ngay cả trong cùng một hội thánh hay cùng một trường phái. Việc xác minh sự thần cảm và đáng tin cậy của Kinh thánh không phải là hết, đó chỉ là sự bắt đầu. Làm thế nào để tôi xác minh hay bác bỏ những sự giải nghĩa khác nhau và kinh chống nhau về những phân đoạn khó trong Kinh thánh bởi những người tuyên bố tin vào thẩm quyền và tính đáng tin cậy của nó?

Nhiệm vụ này trở thành mục tiêu của đời tôi và cũng là hành trình đức tin của tôi. Tôi biết rằng đức tin nơi Đấng Christ đã đem lại cho tôi niềm vui và sự bình an không kể xiết. Tâm trí tôi mong tìm thấy được các giá trị tuyệt đối giữa một thế giới theo chủ thuyết tương đối và chủ nghĩa giáo điều trong các hệ thống tôn giáo kinh chống nhau cũng như những sự kiêu căng về hệ phái của mình. Khi tôi đi tìm một phương pháp thích hợp để giải nghĩa các thể loại văn chương xa xưa, tôi ngạc nhiên phát hiện ra những thành kiến của riêng tôi xuất phát từ quá khứ của mình, từ văn hóa, hệ phái và kinh nghiệm riêng của tôi. Tôi đã từng đọc Kinh thánh để củng cố quan điểm riêng của tôi. Tôi đã từng lấy nó làm cơ sở cho những giáo điều để tấn công người khác trong khi tự trấn an mình về những sự bất an và thiếu hụt của chính mình. Rất đau đớn khi tôi nhận ra những điều này!

Mặc dù tôi không bao giờ có thể hoàn toàn khách quan, nhưng tôi có thể trở nên một người đọc Kinh thánh đúng nghĩa hơn. Tôi có thể hạn chế những thành kiến của mình bằng việc xác định được chúng và công nhận sự hiện diện của chúng. Tôi chưa thể hoàn toàn dứt khỏi những điều này, nhưng tôi đã đối diện với những khiếm khuyết của mình. Người giải nghĩa thường là kẻ thù số một trong nỗ lực đọc Kinh thánh hiệu quả!

Tôi sẽ liệt kê ra một số giả định khi tôi tiếp cận việc học Kinh thánh, để anh chị em, người đọc, có thể cùng kiểm điểm theo với tôi:

I. Các giả định

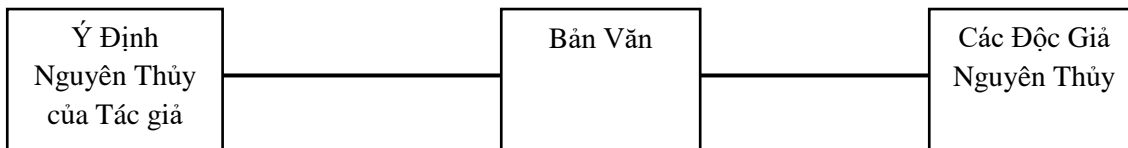
- A. Tôi tin Kinh thánh là sự tự mặc khải duy nhất từ một Đức Chúa Trời chân thật. Vì vậy, nó phải được giải nghĩa trong ánh sáng của ý định từ tác giả nguyên thủy thông qua các trước giả loài người trong bối cảnh lịch sử cụ thể.
- B. Tôi tin Kinh thánh được viết ra cho người bình dân- cho tất cả mọi người! Đức Chúa Trời đã tự hạ xuống để có thể trò chuyện với chúng ta một cách rõ ràng qua một bối cảnh lịch sử và văn hóa nhất định. Chúa không giấu giếm lẽ thật- Ngài muốn chúng ta hiểu biết lẽ thật! Vì vậy, Kinh thánh phải được giải nghĩa trong sự soi sáng của thời kỳ Kinh thánh, chứ không phải của chúng ta. Kinh thánh không nên có những ý nghĩa mà nó chưa từng bao giờ có đối với những người ngày xưa đã đọc hoặc nghe nó lần đầu tiên. Nó có thể dễ hiểu đối với một trí óc con người trung bình và nó sử dụng các loại truyền thông hoặc kỹ thuật bình thường của con người.
- C. Tôi tin Kinh thánh có một sứ điệp và mục đích thống nhất. Nó không tự mâu thuẫn, mặc dù nó có những đoạn khó hiểu hoặc nghịch lý. Vì vậy, người giải nghĩa số một của Kinh thánh là chính Kinh thánh.
- D. Tôi tin mỗi phân đoạn (ngoại trừ các lời tiên tri) có một và chỉ một ý nghĩa mà thôi dựa vào ý định của tác giả nguyên thủy được thân cảm. Mặc dù chúng ta không bao giờ chắc chắn rằng chúng ta biết được đích xác ý định của tác giả, nhưng có nhiều dấu hiệu chỉ về hướng đó:
 1. Thể loại văn chương được chọn để diễn tả sứ điệp đó
 2. Bối cảnh lịch sử hoặc/và trường hợp cụ thể khiến viết lên một cuốn sách nào đó
 3. Bối cảnh ngữ văn của Toàn sách cũng như từng đơn vị ngữ văn một
 4. Cách sắp xếp bản văn của những đơn vị ngữ văn khi nó cùng liên hệ đến một sứ điệp tổng thể
 5. Các đặc điểm văn phạm cụ thể dùng để chuyển tải sứ điệp
 6. Những từ ngữ dùng để trình bày sứ điệp

Việc nghiên cứu từng khía cạnh như thế này trở thành đối tượng của việc nghiên cứu từng phân đoạn của chúng ta. Trước khi tôi giải thích phương pháp đọc Kinh thánh hiệu quả, tôi xin phác họa một vài phương pháp không thích hợp đang được sử dụng ngày nay dẫn đến tính muôn màu muôn vẻ trong cách giải nghĩa, là điều rất lại cần phải tránh:

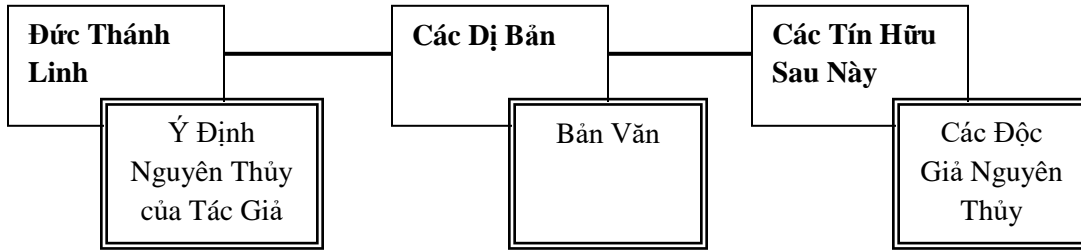
II. Các phương pháp không thích hợp

- A. Lờ đi bối cảnh ngữ văn của các sách trong Kinh thánh và sử dụng các câu, cụm từ, hoặc ngay cả từng từ ngữ riêng lẻ và kể nó là các lời tuyên bố của lẽ thật nhưng không liên hệ đến ý định hoặc bối cảnh rộng hơn của tác giả. Cách này thường được gọi là “dò bản văn” (proof-texting).
- B. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này bằng cách thay thế nó bằng một bối cảnh lịch sử khác không có hoặc chỉ có rất ít hậu thuẫn từ bản văn.
- C. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này và đọc nó như một tờ báo địa phương buổi sáng viết cho các Cơ-đốc nhân ngày nay.
- D. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của sách này bằng cách ngụ ngôn hóa bản văn thành một sứ điệp thuộc về triết lý hay thần học hoàn toàn không liên hệ đến những thánh giả ban đầu cũng như ý định nguyên thủy của tác giả.
- E. Làm ngơ sứ điệp nguyên thủy bằng cách thay thế nó bằng một hệ thống thần học riêng của mình, một giáo lý được ưa chuộng, hay một vấn đề đương thời không liên hệ đến mục đích và sứ điệp của tác giả nguyên thủy. Hiện tượng này thường theo sau việc lấy việc đọc Kinh thánh để thiết lập thẩm quyền cho mình. Người ta thường gọi nó là “theo phản ứng của độc giả” (lối giải nghĩa “bản văn có ý nghĩa gì đối với tôi”).

Ít nhất có ba yếu tố liên hệ với nhau trong bất cứ một thông tin viết tay nào của con người:



Trong quá khứ có nhiều phương pháp đọc khác nhau tập trung vào chỉ một trong các yếu tố này. Nhưng để thật sự công nhận tính thần cảm đặc biệt của Kinh thánh, biểu đồ được bổ sung sau đây có thể thích hợp hơn:



Thật sự ba yếu tố này cần phải có trong quá trình giải nghĩa. Để kiểm chứng lại tiến trình giải nghĩa này, tôi tập trung vào hai yếu tố đầu: ý định nguyên thủy của tác giả và bản văn. Tôi thật sự có phản ứng với những cách giải nghĩa kiểu lạm dụng mà tôi thường bắt gặp: (1) ngụ ngôn hóa hay thuộc linh hóa các bản văn và (2) kiểu giải nghĩa “theo phản ứng độc giả” (bản văn này có ý nghĩa gì đối với tôi). Sự lạm dụng có thể xảy ra ở cả hai chạng. Chúng ta phải kiểm tra động cơ, thành kiến, phương pháp và cách áp dụng của mình. Nhưng làm thế nào để kiểm tra nếu không có một giới hạn này, một tiêu chuẩn nào, một đường ranh nào cho việc giải nghĩa? Ý định của tác giả và cấu trúc bản văn cung cấp cho tôi một số tiêu chuẩn để giới hạn phạm vi giải nghĩa hợp lý của bản văn.

III. Các phương pháp khả dĩ dẫn đến việc đọc Kinh thánh có hiệu quả

Tại đây tôi không bàn đến các phương pháp khác nhau để giải nghĩa từng thể loại văn chương nhưng chỉ đưa ra các nguyên tắc giải kinh tổng quát thích hợp cho tất cả các thể loại văn bản. Một cuốn sách rất tốt giúp ích cho việc tiếp cận các thể loại văn chương khác nhau là cuốn *How to Read the Bible for All Its Worth*, của Gordon Fee và Douglas Stuart, xuất bản bởi nhà xuất bản Zondervan.

Phương pháp của tôi tập trung đầu tiên vào người đọc, là người để cho Đức Thánh Linh soi sáng lẽ thật Kinh thánh qua bốn chu kỳ đọc cá nhân. Điều này làm cho Đức Thánh Linh, bản văn và người đọc trở nên yếu tố chính, không phải là yếu tố phụ. Điều này cũng bảo vệ người đọc khỏi những ảnh hưởng thái quá từ các nhà giải kinh. Tôi đã từng nghe nhiều người nói: “Kinh thánh làm cho tôi hiểu các sách giải kinh nhiều hơn.” Đây không phải là câu nói hạ thấp giá trị của các phương tiện trợ giúp cho việc nghiên cứu, nhưng đúng hơn là lời khản nài sử dụng nó một cách đúng thời điểm.

Chúng ta phải có khả năng hỗ trợ những giải nghĩa của mình từ chính bản văn. Năm phương diện sau đây cung cấp ít nhất một sự kiểm chứng có giới hạn:

1. Tác giả
 - a. Bối cảnh lịch sử
 - b. Bối cảnh văn chương
2. sự lựa chọn hình thức văn chương
 - a. Cấu trúc ngữ pháp
 - b. Cách dùng từ ngày nay
 - c. Thể loại văn chương
3. sự hiểu biết của chúng ta về
 - a. Các phân đoạn song song có liên quan
 - b. Mối liên hệ giữa các giáo lý thần học (ngịch lý)

Chúng ta cần có khả năng đưa ra lý lẽ và lập luận ủng hộ cho cách giải thích của mình. Kinh thánh là nguồn duy nhất của chúng ta trên phương diện đức tin và thực hành. Đáng buồn thay, nhiều Cơ-đốc nhân thường bắt đồng những điều Kinh thánh dạy hay xác nhận.

Bốn chu kỳ đọc Kinh thánh được thiết kế nhằm cung cấp một số ý cho việc giải nghĩa như sau :

- A. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ nhất
 1. Đọc qua hết sách trong một lần đọc. Đọc lại lần nữa từ một bản dịch khác, hy vọng đây là một bản dịch theo một triết lý khác
 - a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
 - b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
 - c. Dịch theo lời diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)

2. Tìm mục đích trọng tâm của Toàn bộ sách. Xác định chủ đề chính.
 3. Tách (nếu có thể) các đơn vị ngữ văn ra, từng chương, từng đoạn, hay từng câu là những đơn vị phản ánh rõ ràng trọng tâm hay chủ đề chính này.
 4. Xác định thể loại văn chương chủ yếu
 - a. Các sách Cựu Ước
 - (1) Văn tường thuật Hy bá lai
 - (2) Văn thơ Hy bá lai (các văn chương khôn ngoan, thi thiên)
 - (3) Lời tiên tri Hy bá lai (văn xuôi, văn vần)
 - (4) Các luật lệ
 - b. Các sách Tân Ước
 - (1) Văn tường thuật (Các sách Phúc âm, Công Vụ)
 - (2) Các ví dụ (Các sách Phúc âm)
 - (3) Thư tín
 - (4) Khải thị
- B. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ hai
1. Đọc Toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định các chủ đề hay vấn đề chính
 2. Lập dàn ý các chủ đề chính và ghi lại một số nội dung chính trong một câu ngắn gọn
 3. Kiểm tra lại câu chủ đề và dàn ý tổng quát trong các sách nghiên cứu khác
- C. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ ba
1. Đọc Toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định bối cảnh lịch sử và các dịp tiện đặc biệt làm lý do để viết sách này
 2. Liệt kê ra các mục thuộc về lịch sử trong sách đang đọc
 - a. Tác giả
 - b. Thời điểm
 - c. Người nhận
 - d. Lý do cụ thể viết sách này
 - e. Các bối cảnh văn hóa liên hệ đến mục đích của việc viết sách này
 - f. Các đối chiếu trong lịch sử liên quan đến con người và các sự kiện
 3. Mở rộng dàn ý bằng cách viết lại thành đoạn văn hoàn chỉnh cho phân đoạn Kinh thánh mà anh chị em sẽ giải nghĩa. Luôn luôn xác định và lập dàn ý cho các đơn vị ngữ văn. Nó có thể là vài chương hay vài phân đoạn. Cách này giúp anh chị em theo dõi được lập luận và cách trình bày văn bản của tác giả nguyên thủy.
 4. Kiểm tra lại bối cảnh lịch sử từ các sách nghiên cứu khác
- D. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ tư
1. Đọc lại đơn vị ngữ văn đang nghiên cứu từ nhiều bản dịch khác
 - a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
 - b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
 - c. Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)
 2. Tìm kiếm các cấu trúc ngữ pháp và văn chương
 - a. Các cụm từ lặp đi lặp lại, Êphêsô 1:6, 12, 13
 - b. Các cấu trúc ngữ pháp lặp đi lặp lại, Rôma 8:31
 - c. Các khái niệm tương phản
 3. Liệt kê những mục sau đây
 - a. Các từ ngữ quan trọng
 - b. Các từ ngữ bất thường
 - c. Các cấu trúc ngữ pháp quan trọng
 - d. Các từ ngữ, về câu, hay câu văn khó hiểu
 4. Tìm các phân đoạn song song tương đương
 - a. Tra xem phân đoạn Kinh thánh dạy rõ ràng nhất về chủ đề anh chị em đang nghiên cứu
 - (1) Các sách “thần học hệ thống”
 - (2) Các Kinh thánh đối chiếu
 - (3) Kinh thánh phù dẫn

- b. Tìm một cặp nghịch lý (paradoxical pair) trong chủ đề anh chị em nghiên cứu. Nhiều lẽ thật Kinh thánh được trình bày theo các cặp biện chứng (dialectical pairs); các mâu thuẫn trong các hệ phái thường đến từ cách dò bản văn (proof-texting) chỉ phân nửa vấn đề được trình bày trong Kinh thánh. Vì Toàn bộ Kinh thánh đều được linh cảm, chúng ta phải tìm kiếm sự điệp trọn vẹn của nó để cung cấp một sự cân bằng về Kinh thánh trong cách giải nghĩa của mình.
 - c. Tìm xem các phân đoạn tương đương trong cùng một sách, cùng một tác giả, hay cùng một thể loại văn chương; Kinh thánh tự nó là người giải nghĩa số một bởi vì nó có một tác giả duy nhất đó là chính Đức Thánh Linh.
5. Dùng sách nghiên cứu kiểm tra lại quan sát của anh chị em về bối cảnh lịch sử và các dịp tiện
- a. Các Kinh thánh có phần nghiên cứu
 - b. Các tự điển bách khoa Kinh thánh, cẩm nang Kinh thánh hay tự điển Kinh thánh
 - c. Các sách nhập môn Kinh thánh
 - d. Các sách giải kinh (trong tiến trình nghiên cứu của anh chị em đến thời điểm này, anh chị em nên cho phép cộng đồng đức tin thời quá khứ và hiện tại, tham gia vào việc trợ giúp và chỉnh sửa công trình nghiên cứu cá nhân của anh chị em).

IV. Phần Áp Dụng Sau Khi Giải Nghĩa

Tại đây chúng ta xoay qua phần áp dụng. Anh chị em đã dành thì giờ để tìm hiểu bản văn trong bối cảnh nguyên thủy của nó; bây giờ anh chị em phải áp dụng nó trong cuộc sống của anh chị em, văn hóa của anh chị em. Tôi định nghĩa thẩm quyền của Kinh thánh là “nhận biết điều mà tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của ông và áp dụng lẽ thật đó cho thời chúng ta.”

Phần áp dụng phải theo sau phần giải nghĩa ý định nguyên thủy của tác giả cả xét về thời điểm lẫn cách lập luận. Chúng ta không thể áp dụng một phân đoạn Kinh thánh cho thời của chúng ta ngày nay khi chúng ta chưa hiểu nó nói gì cho thời đại của nó! Một phân đoạn Kinh thánh không thể có ý nghĩa mà nó chưa bao giờ có từ trước!

Dàn ý chi tiết của anh chị em và phần dàn ý viết thành đoạn (chu kỳ đọc thứ ba) sẽ là người dẫn đường cho anh chị em. Phần áp dụng phải được rút ra từ cấp phân đoạn chứ không phải từ từng chữ riêng lẻ. Từ ngữ chỉ có nghĩa trong bối cảnh riêng của nó mà thôi. Người được linh cảm duy nhất trong tiến trình giải nghĩa là chính tác giả nguyên thủy. Chúng ta chỉ theo sự dẫn đường của người này dưới sự soi sáng của Đức Thánh Linh. Nhưng sự soi sáng không phải là linh cảm. Để có thể nói, “Đức Chúa Trời có phán như vậy,” chúng ta phải buộc mình theo ý định của tác giả nguyên thủy. Phần áp dụng phải liên hệ cụ thể đến ý tưởng chung của Toàn bộ sách, của từng đơn vị ngữ văn và từng ý tưởng phá triển ở cấp phân đoạn.

Đừng để các vấn đề của thời đại chúng ta xen vào giải nghĩa Kinh thánh; hãy để tự Kinh thánh nói! Điều này đòi hỏi chúng ta phải rút ra các nguyên tắc từ bản văn. Nếu bản văn hỗ trợ cho nguyên tắc đó, thì điều đó là hợp lý. Thật không hay chút nào vì nhiều khi các nguyên tắc của chúng ta chỉ là ‘của chúng ta,’ mà không phải là của Kinh thánh.

Khi áp dụng Kinh thánh, cần phải nhớ rằng một và chỉ một ý nghĩa duy nhất tương ứng với một phân đoạn Kinh thánh cụ thể (trừ các lời tiên tri). Ý nghĩa nó liên hệ đến ý định của tác giả nguyên thủy khi người này đề cập đến một vấn nạn hay một nhu cầu của thời đại ông ta. Nhiều áp dụng có thể được rút ra từ một ý nghĩa này. Phần áp dụng sẽ dựa vào nhu cầu của người nhận nhưng phải liên hệ đến ý nghĩa của tác giả nguyên thủy.

V. Yếu Tố Thuộc Linh Của Việc Giải Nghĩa

Những phần trước cho đến giờ, tôi bàn đến tiến trình lô-gích trong việc giải nghĩa và áp dụng Kinh thánh. Bây giờ tôi sẽ đề cập ngắn gọn đến phương diện thuộc linh của việc giải nghĩa Kinh thánh. Những mục kiểm tra sau đây đã giúp ích cho tôi:

- A. Cầu xin sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh (xem I Cô-rinh-tô 1:26-2:16).
- B. Cầu xin Chúa tha tội và tẩy rửa những tội lỗi biết được (I Giăng 1:9).
- C. Cầu xin sự khao khát biết Chúa càng hơn (Thi thiên 19:7-14; 42:1 và tiếp theo; 119: 1 và tiếp theo).
- D. Áp dụng những ý tưởng sâu sắc vào cuộc sống của anh chị em ngay lập tức
- E. Luôn khiêm nhường và chịu học hỏi

Khó mà giữ được sự quân bình giữa tiến trình lô-gích và sự hướng dẫn thuộc linh của Đức Thánh Linh. Những câu nói sau đây đã giúp tôi giữ được sự quân bình này:

- A. Trích từ sách *Scripture Twisting*, của James Sire, trang 17-18:
 “Sự soi sáng đến với trí óc của dân sự Đức Chúa Trời- nó không chỉ đến với những người được tuyển lựa thuộc linh. Không có thành phần bậc thầy trong Cơ-đốc giáo theo Kinh thánh, không có những người đặc biệt được soi sáng, không có những người mà tất cả các sự giải thích hợp lý phải thông qua họ. Và vì vậy, mặc dù Đức Thánh Linh ban các ân tứ đặc biệt về sự khôn ngoan, tri thức và phân biệt thuộc linh cho một số người, Ngài không giao cho các Cơ-đốc nhân tài năng này quyền làm những người duy nhất có thẩm quyền giải nghĩa lời của Ngài. Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào dân sự của Ngài muốn học, muốn xem xét và phân biệt các vấn đề chiếu theo Kinh thánh là quyền sách đứng làm thẩm quyền ngay cả đối với những người Chúa cho có những khả năng đặc biệt. Tóm lại, giả định mà tôi muốn nêu ra trong Toàn bộ tập sách này là Kinh thánh là mặc khải thật của Đức Chúa Trời cho Toàn thể nhân loại, Kinh thánh là thẩm quyền tuyệt đối của chúng ta trên tất cả các vấn đề mà nó nói đến và nó không phải là một điều gì đó hoàn toàn huyền bí nhưng những người bình dân ở mọi văn hóa đều có thể hiểu được.”
- B. Trích từ *Protestant Biblical Interpretation*, của Bernard Ramm, khi nói về Kierkegaard, trang 75:
 Theo Kierkegaard việc nghiên cứu Kinh thánh trên phương diện ngữ pháp, từ vựng và lịch sử là điều cần thiết nhưng đó chỉ là mở đầu cho việc thật sự đọc Kinh thánh. “Đề đọc Kinh thánh như là lời Đức Chúa Trời một người phải đọc nó với tấm lòng nơi cửa miệng, với sự hớn hở trông mong, trong cuộc đối thoại với Đức Chúa Trời. Đọc Kinh thánh một cách vô ý, cầu thả, theo kiểu học giả hay nhà nghề thì không phải là đọc lời Đức Chúa Trời. Khi một người đọc lời Chúa như đọc bức thư tình, người đó đang đọc lời Đức Chúa Trời.”
- C. Trích từ *The Relevance of the Bible*, của H.H. Rowley, trang 19:
 “Không có một sự hiểu biết Kinh thánh đơn thuần theo trí thức nào, cho dù có đầy đủ đến đâu, có thể sở hữu được tất cả các châu báu của nó. Nó không khinh thường những sự hiểu biết này, vì đây là điều cần để có thể hiểu một cách hoàn chỉnh. Nhưng nó phải dẫn đến sự hiểu biết thuộc linh của các châu báu thuộc linh trong sách đó nếu nó muốn trở nên hoàn chỉnh. Và để có thể hiểu các vấn đề thuộc linh như vậy, thì điều gì đó cao hơn sự nhạy bén về tri thức là cần thiết. Các vấn đề thuộc linh được nhận biết theo cách thuộc linh và mỗi người học Kinh thánh đều cần có thái độ đón nhận thuộc linh, một sự ham thích tìm thấy Chúa dẫn đến việc người đó tự đầu phục Ngài, nếu người đó muốn vượt qua tâm nghiên cứu theo tính chất khoa học của mình để đi đến một sự thừa hưởng giàu có hơn về điều cao quý nhất trong tất cả các sách này.”

VI. Phương Pháp Sử Dụng Trong Tập Sách này

Tập Hướng Dẫn Nghiên Cứu Giải Kinh được thiết kế nhằm giúp anh chị em trong quá trình giải nghĩa Kinh thánh qua các cách sau:

- A. Một dàn ý lịch sử ngắn được giới thiệu ở mỗi sách. Sau khi anh chị em đã thực hiện “chu kỳ đọc thứ ba” anh chị em nên kiểm tra lại thông tin này.
- B. Các nhận xét sâu sắc về bối cảnh được trình bày ở đầu mỗi chương. Điều này giúp anh chị em thấy các đơn vị ngữ văn nối kết nhau như thế nào.
- C. Ở đầu mỗi chương hay ở các đơn vị ngữ văn chính, các phần chia đoạn và tiêu đề được trình bày từ nhiều bản dịch khác nhau:
 1. Bản United Bible Society, bản Hy Lạp, hiệu đính lần thứ tư (Thánh Kinh Liên hội UBS⁴)
 2. Bản New American Standard Bible, cập nhật năm 1995 (NASB)
 3. Bản New King James Version (NKJV)
 4. Bản New Revised Standard Version (NRSV)
 5. Bản Today’s English Version (TEV)
 6. Bản the New Giê-ru-sa-lem Bible (NJB)

Các cách chia đoạn không được linh cảm. Chúng phải được xác nhận từ bối cảnh của nó. Bằng cách đối chiếu các bản dịch hiện đại từ các lý thuyết dịch và quan điểm thần học khác nhau, chúng ta có thể phân tích được cấu trúc ý tưởng giả định là đúng từ tác giả nguyên thủy. Mỗi phân đoạn có một lẽ thật chính. Điều này còn được gọi là “câu chủ đề” hay “ý tưởng trọng tâm của bản văn.” Ý tưởng hợp nhất này là chìa khóa dẫn đến sự giải nghĩa hợp lý về mặt lịch sử và văn phạm. Không một người nào nên giải nghĩa, giảng hay dạy dựa trên một đơn vị ít hơn là một phân đoạn! Cũng nên nhớ rằng mỗi phân đoạn đều liên hệ đến các phân đoạn xung quanh nó. Điều này giải thích tại sao việc lập dàn ý ở cấp độ phân đoạn

cho Toàn bộ sách là quan trọng. Chúng ta phải có khả năng theo dõi được sự phát triển ý tưởng một cách lôgic về một chủ đề do tác giả nguyên thủy được sự linh cảm trình bày.

- D. Các chú thích của Bob đi theo phương pháp giải nghĩa theo từng câu. Điều này buộc chúng ta phải đi theo ý tưởng của tác giả nguyên thủy. Các chú thích này cung cấp thông tin thuộc về các lãnh vực sau:
1. Bối cảnh ngữ văn
 2. Các nhận xét sâu sắc về lịch sử và văn hóa
 3. Các thông tin ngữ pháp
 4. Các nghiên cứu theo từ
 5. Các đoạn Kinh thánh tương ứng
- E. Ở một số chỗ trong tập giải nghĩa này, phần bản văn in theo bản New American Standard Version (cập nhật năm 1995) sẽ được bổ sung bằng các bản dịch hiện đại khác:
1. Bản King James mới (NKJV) là bản dịch dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản tiêu chuẩn (the Textus Receptus).
 2. Bản hiệu đính tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ được xuất bản bởi National Council of Churches of the Revised Standard Version.
 3. Bản tiếng Anh ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển xuất bản bởi American Bible Society.
 4. Bản Giê-ru-sa-lem Bible (JB) là một bản dịch tiếng Anh dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo.
- F. Đối với những người không biết tiếng Hy Lạp, việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ giúp xác định được một số vấn đề trong bản văn:
1. Các dị bản
 2. Cách sử dụng từ
 3. Các bản văn và cấu trúc ngữ pháp khó
 4. Các bản văn không rõ ý
- G. Ở cuối mỗi chương đều có các câu hỏi thảo luận liên quan đến vấn đề, được cung cấp để hướng đến một số vấn đề giải thích chính trong đoạn đó.

GIỚI THIỆU CÁC THƯ LINH VỤ

1 & 2 TI-MÔ-THÊ VÀ TÍCH

LỜI MỞ ĐẦU

- A. Các địa danh trong 1 Ti-mô-thê, Tích, and 2 Ti-mô-thê không phù hợp với trình tự thời gian trong Công-vụ hoặc các thư khác của Phao-lô.
- lần thăm Ê-phê-sô (Xem 1 Ti-mô-thê 1:3)
 - lần thăm Troas (Xem 2 Ti-mô-thê 4:13)
 - lần thăm Miletus (Xem 2 Ti-mô-thê 4:20)
 - lần thăm Crete (Xem Tích 1:5)
 - lần đi Tây Ban Nha (theo Clement thành Rome, 95 SCN và sự giới thiệu Muratorian Canon, A.D. 180-200)
- Vì vậy tôi cho rằng Phao-lô được thả khỏi nhà tù (đầu năm 60 SCN theo I Clement 5, được viết năm 96 SCN, và bắt đầu chuyến đi truyền giáo lần thứ tư, bị bắt lần nữa và giết năm 68 (năm Nê-rô tự sát) .
- B. Mục đích của những thư này là chỉ dẫn điều hành hội thánh, tuy nhiên trong cuốn *New International Biblical Commentary*, Vol. 13, on I and 2 Ti-mô-thê and Tích, Gordon Fee thuyết phục tôi về bối cảnh lịch sử là sự xuất hiện và gia tăng của giáo huấn giả trong các hội thánh tại gia ở Ê-phê-sô (1 Ti-mô-thê) và Crete (Tích).
- C. Trong một khía cạnh, các thư Linh Vụ đặt ra nguyên tắc điều hành hội thánh giống như *Manual of Discipline* (Cẩm Nang Kỷ Luật) của nhóm Essenes (cộng đồng khắc khổ). Những hướng dẫn này lại càng cần thiết khi có sự xa rời giáo huấn và khuôn mẫu của các Sứ Đồ.
- D. Sự giống nhau về từ vựng giữa các thư Linh Vụ và Lu-ca, Công vụ có thể do việc Phao-lô sử dụng Lu-ca là thư ký (Xem C. F. C. Moule, *The Problem of the Pastoral Epistles: A Reappraisal*). Tác giả S. G. Wilson còn khẳng định trong cuốn *Luke and the Pastoral Epistles* rằng cả ba thư Linh Vụ đều là cố gắng của Lu-ca viết tập ba (sau Lu-ca và Công Vụ) về sự tăng trưởng Phúc Âm vượt quá thành Rô-m.
- E. Vì sao cả ba thư này được xếp lại thành một nhóm? Phải chăng cả ba thư giải quyết các nan đề ở các địa phương và thời gian khác nhau? Chỉ có 1 Ti-mô-thê and Tích mới liên hệ tới việc điều hành hội thánh. Đúng ra, ba cuốn sách này liên hệ với nhau qua (1) từ ngữ, (2) nan đề các giáo sư giả, (3) nó đều không phù hợp với trình tự thời gian trong Công Vụ (nếu nhìn nhận cả ba là một nhóm)

TÁC GIẢ

- A. Các lá thư này đều khẳng định từ sứ đồ Phao-lô, (Xem 1 Ti-mô-thê 1:1; 2 Ti-mô-thê 1:1; and Tích 1:1) gửi cho hai đại diện của ông là Ti-mô-thê và Tích.
- B. Nan đề ai viết các thư Linh Vụ bắt đầu trong thế kỷ 19, 20. Sự từ chối quyền tác giả của Phao-lô thường dựa theo:
- tổ chức một hội thánh đã phát triển (tiêu chuẩn lãnh đạo)

2. Tri-hiệu giáo đã phát triển (như được thấy trong các văn tự thế kỷ thứ hai)
3. Tín lý đã phát triển (bản tuyên xưng đức tin)
4. sự dùng từ vựng khác thường (30% khác các thư khác của Phao-lô)

C. Những khác thường trên có thể giải thích

1. Đây là các thư cuối cùng của Phao-lô, có thể ông dùng Lu-ca làm thư ký
2. Từ vựng và cách viết tùy thuộc vào hoàn cảnh, thời điểm
3. Tri-hiệu giáo phái triển trong ý tưởng Do-thái ngay trong thế kỷ thứ nhất (Xem Dead Sea Scrolls)
4. Phao-lô là một nhà thần học thông minh và người viết đầy tính sáng tạo, với kho tàng ngữ vựng dồi dào.

D. Càng ngày càng có thêm sự hiểu biết về bối cảnh lịch sử trước đây:

1. Phao-lô sử dụng thư ký (trong trường hợp này là Lu-ca)
2. Phao-lô sử dụng đồng tác giả (i.e., một thành phần của đoàn truyền giáo Xem 2 Ti-mô-thê 4:11)
3. Phao-lô sử dụng trích dẫn từ nghi thức hành lễ và thánh ca, (được tóm tắt trong cuốn *Dictionary of Phao-lô and His Letters*, của Hawthorne và Martin, xuất bản qua IVP, trang. 664).

Những gợi ý việc vài phân đoạn trong các thư Linh Vụ là trích dẫn từ các nguồn khác giúp giải thích sự có mặt của *hapax legomena* (những từ chỉ được sử dụng một lần trong NT), của thành ngữ và thuật ngữ không giống loại Phao-lô thường dùng:

- a. Kinh tán tụng (Xem 1 Ti-mô-thê 1:17; 6:15-17)
- b. Danh mục tội lỗi (Xem 1 Ti-mô-thê 1:9-10)
- c. Hành vi thích hợp cho người vợ (Xem 1 Ti-mô-thê 2:9-3:1a)
- d. Tiêu chuẩn cho người lãnh đạo tâm linh (Xem 1 Ti-mô-thê 3:1b-13)
- e. Tuyên xưng qua Thánh Ca (Xem 1 Ti-mô-thê 2:5-6; 3:16; 2 Ti-mô-thê 1:9-10; Tích 3:3-7)
- f. Thánh ca (Xem 1 Ti-mô-thê 6:11-12,15-16; 2 Ti-mô-thê 2:11-13; Tích 2:11-14)
- g. *midrash* từ Cựu Ước (Xem 1 Ti-mô-thê 1:9-10; 2:9-3:1a; 5:17-18; 2 Ti-mô-thê 2:19-21; Tích 3:3-7)
- h. Cụm từ theo công thức
 - (1) "lời chắc chắn" (Xem 1 Ti-mô-thê 1:15; 2:9-3:1a; 2 Ti-mô-thê 2:11-13; Tích 3:3-8)
 - (2) "biết rằng" (Xem 1 Ti-mô-thê 1:9-10; 2 Ti-mô-thê 3:1-5)
 - (3) "những điều" (Xem 1 Ti-mô-thê 4:6,11; 2 Ti-mô-thê 2:14; Tích 1:15-16; 2:1)
- i. Trích dẫn từ một nhà thơ Hy-lạp (Xem Tích 1:12 [Epimenides and/or Euripides])

E. Thật ngạc nhiên khi giả thiết Phao-lô là tác giả trong thế kỷ thứ hai, làm sao ông lại biết rõ tên các nhân vật trong thư, (như Hymenaeus, 1 Ti-mô-thê 1:20; 2 Ti-mô-thê 2:17; Alexander, 1 Ti-mô-thê 1:20; Zenas, Tích 3:13) và các sự kiện (như việc Trophimus bị bệnh ở Miletus, 2 Ti-mô-thê 4:20; hoặc vai trò quả phụ, 1 Ti-mô-thê 5:9) không được nhắc tới bất cứ nơi nào trong thư tín của ông.

Những điều này khiến giả thiết mạo danh Phao-lô trở nên vô lý

Để biết thêm về giả thiết mạo danh tác giả liên hệ các thư tín trong Tân Ước, xin xem cuốn *An Introduction to the New Testament*, của Carson, Moo, và Morris, pp. 367-371.

THỜI ĐIỂM

- A. Nếu đúng là những thư này được viết khi Phao-lô ra khỏi nhà tù (sau kết thúc Công Vụ, khoảng năm 59-61SCN), thì sau đó còn có những hoạt động nào của ông không, (như truyền giảng ở Tây-ban-nha, Xem Rô-ma 15:24,28)?

1. Các thư Linh Vụ (Xem 2 Ti-mô-thê 4:10)
 2. I Clement 5
 - a. Phao-lô truyền giảng miền đông và miền tây (Tây Ban Nha)
 - b. Phao-lô bị giết dưới thời “nhóm Thái Thú” (Tigellinus và Sabinus, cai trị trong những năm cuối cùng của Nê-rô, 68SCN)
 3. sự bắt đầu của văn tự Muratorian Fragment (một loạt các sách kinh điển từ thành Rôm khoảng 180-200 SCN)
 4. Tác giả Eusebius trong cuốn' *Historical Ecclesiastical History* 2:22:1-8, xác nhận việc Phao-lô được thả khỏi nhà tù La-mã.
- B. Dường như 1 Ti-mô-thê và Tịch được viết cùng thời trước khi Phao-lô bị tái giam. 2Ti-mô-thê là lá thư với lời chia tay khi ông ngồi tù lần cuối.
- C. Sau đây là trình tự thời gian của các thư Phao-lô do FF. Bruce và Murry Harris gợi ý, với vài sửa đổi nhỏ.

<u>Thứ tự</u>	<u>Sách</u>	<u>Thời điểm</u>	<u>Nơi viết</u>	<u>Liên hệ tới Công vụ</u>
1	Ga-la-ti	48	An-ti-ốt (Sy-ria)	Công-vụ 14:28;15:2
2	1 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rin-tô	Công-vụ 18:5
3	2 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rin-tô	
4	1 Cô-rin-tô	55	Ê-phê-sô	Công-vụ 19:20
5	2 Cô-rin-tô	56	Ma-xê-đô-nia	Công-vụ 20:2
6	Rô-ma	57	Cô-rin-tô	Công-vụ 20:3
7-10	Prison Letters			
	Cô-lô-sê	đầu những năm 60	Rôm	
	Ê-phê-sô	đầu những năm 60	Rôm	
	Phi-lê-môn	đầu những năm 60	Rôm	
	Phi-líp	cuối những năm 62-63	Rôm	Công-vụ 28:30-31
11-13	chuyến truyền giáo thứ tư			
	1 Ti-mô-thê	63 hoặc muộn hơn	Ma-xê-đô-nia	
	Tịch	63 nhưng sớm hơn 64	Ê-phê-sô	
	2 Ti-mô-thê	68	Rôm	

NGƯỜI NHẬN THƯ

- A. Tên CácThư Linh Vụ, được bắt đầu trong tập giải kinh của ông D. N. Berdot năm 1703. Nó đề cập tới những đặc tính và nội dung đặc thù, tuy nhiên Ti-mô-thê và Tích không phải là mục sư, nhưng là đặc phái viên của sứ đồ.
- B. Nhưng lá thư này được viết cho hội thánh, nhưng thể loại văn chương được thấy như viết cho đồng lao của Phao-lô: Ti-mô-thê và Tích. Phao-lô hướng tới hội thánh qua đội ngũ lãnh đạo: sau đây là những gợi ý về những người nhận thư ngoài hai người này:
 1. Lời giới thiệu cá nhân bao gồm chức vụ sứ đồ.
 2. Danh từ ngôi thứ hai số nhiều “các anh chị em” đều có mặt ở trong phần kết của cả ba bức thư
 3. Phao-lô's bảo vệ sự kêu gọi của bản thân (Xem 1 Ti-mô-thê 2:7)
 4. Phao-lô viết về những việc mà Ti-mô-thê đã biết khi còn ở với ông. (Xem 1 Ti-mô-thê 3:15)

CƠ HỘI VIẾT VÀ MỤC ĐÍCH

- A. Mục đích viết chính là tranh đấu chống lại giáo huấn sai lầm trên đả gia tăng, (Xem 1 Ti-mô-thê 1:3-7), cụ thể là sự kết hợp giữa truyền thống Do-thái và Tri-huệ giáo (cũng giống như các giáo sư giả ở Ê-phê-sô và Cô-lô-sê). Cũng có thể đây là hai nhóm khác biệt.
- B. Cựu Ước chỉ dẫn cụ thể cách điều hành công đồng đức tin (luật Mô-sê), Tân Ước không chứa đựng những điều răn về tổ chức, quản trị hội thánh. Các thư Linh Vụ là sự gần gũi nhất về điều lệ cho hội thánh trong Tân Ước
- C. 1 Ti-mô-thê được viết
 1. để yêu cầu Ti-mô-thê ở lại Ê-phê-sô (Xem 1 Ti-mô-thê 1:3)
 2. để giải quyết nan đề giáo sư giả (Xem 1 Ti-mô-thê 1:19-20; 4:1-5; 6:4-5,20-21)
 3. để tổ chức đội ngũ lãnh đạo (Xem 1 Ti-mô-thê 3)
- D. Thư cho Tích cũng có chú ý tương tự đối với sự lầm lạc tín lý và tổ chức hội thánh ở Co-rét. (Xem Tích1:5)
- E. 2 Ti-mô-thê được viết khi Phao-lô ở trong tù với sự vô vọng được thả ra, (Xem 2 Ti-mô-thê 4:6-8, 16-18)
- F. Cụm từ “sự dạy dỗ lành mạnh, giáo lý chân chính, đạo lành” được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong các thư này (Xem 1 Ti-mô-thê 1:10; 4:6; 6:3; 2 Ti-mô-thê 1:13; 4:3; Tích 1:9; 2:1) hoặc “đức tin trong sạch, lành mạnh” (Xem Tích 1:13; 2:2). Đức Chúa Trời giao phó giáo huấn trong sạch cho Phao-lô (Xem 1 Ti-mô-thê 1:11); Phao-lô giao phó cho Ti-mô-thê (Xem 1 Ti-mô-thê 6:20), và Ti-mô-thê sẽ giao phó cho những người trung tín” (Xem 2 Ti-mô-thê 2:2).

CÁC GIÁO SƯ GIẢ

- A. Thật khó bàn luận về các giáo sư giả vì chúng ta thiếu các thông tin từ thế kỷ đầu tiên, Phao-lô viết thư cho những người biết rõ giáo sư giả qua trải nghiệm, nên ông không bàn luận về giáo lý lầm lạc, mà chỉ đề cập tới nếp sống và động cơ của họ (Tương tự như thư của Giu-đe).
- B. Hai vấn đề giải kinh liên hệ tới ai là giáo sư giả:

1. Người Do-thái?
2. Người Hy-lạp?
3. Sự kết hợp cả hai?

Các giáo sư giả dường như là một tổ hợp Do-thái và Tri-huê giáo. Nhưng làm sao họ có thể hòa hợp sự khác biệt tôn giáo?

- a. Do-thái giáo luôn kết nối với một vài thành phần Nhi-nguyên luận (theo Cuộn Biển Chết / Dead Sea Scrolls)
- b. Tri-huê giáo phát triển trong thế kỷ thứ hai, dựa theo thần học và ý tưởng Trung Cận Đông
- c. Do-thái giáo-thái trong vòng người sống bên ngoài Pa-lê-stin mang tính chiết trung nhiều hơn những gì mà các học giả giả thiết trước đó
- d. Có một hình thức Tri-huê- giáo Do-thái trong thế kỷ thứ nhất được đề cập trong sách Cô-lô-sê

C. Một số thành phần giáo sư giả

1. Có nguồn gốc Do-thái

a. Giáo sư giả

(1) Giáo sư dạy Luật (Xem 1 Ti-mô-thê 1:7)

(2) Đấng Cắt Bì (Xem Tích 1:10)

b. Giáo sư giả chuyên về huyền thoại Do-thái (Xem 1 Ti-mô-thê 3:9; Tích 1:14)

c. Giáo sư giả thiên về luật ăn uống (Xem 1 Ti-mô-thê 4:1-5)

d. Giáo sư giả qua tâm tới gia phả (Xem 1 Ti-mô-thê 1:4; 4:7; 2 Ti-mô-thê 4:4; Tích 1:14-15; 3:9)

2. Có nguồn gốc Tri-huê giáo (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu Tích 1)

a. Nhóm khổ hạnh, (asceticism), ngăn cấm

(1) Hôn nhân (Xem 1 Ti-mô-thê 2:15; 4:3)

(2) một số thực phẩm (Xem 1 Ti-mô-thê 4:4)

b. nhóm buông thả: lạm dụng tình dục (Xem 1 Ti-mô-thê 4:3; 2 Ti-mô-thê 3:6-7; Tích 1:11,15)

c. nhóm nhấn mạnh kiến thức (Xem 1 Ti-mô-thê 4:1-3; 6:20)

KINH ĐIỂN HÓA

A. Các thư của Phao-lô được suy tầm thành một tập được gọi là “Sứ Đồ” và lưu hành trong vòng các hội thánh. Một phiên bản Hy-lạp duy nhất không có ba thư Linh Vụ 1, 2 Ti-mô-thê và Tích (đồng thời 2 Tê-sa-lô-ni-ca and Phi-lê-môn) là bản P⁴⁶ từ những thế kỷ thứ hai. (còn được gọi là Chester Beatty papyri). Dù sao đây cũng là sự phỏng đoán, vì bản sao cũng bị mất vài trang giấy cọ. Tất cả các bản Hy-lạp khác đều chứa “các thư của sứ đồ”

B. Các nguồn văn tự cổ có trích dẫn hoặc gọi nhớ đến các thư Linh Vụ

1. Các giám mục xưa

a. Pseudo-Barnabas (70-130) trích dẫn 2 Ti-mô-thê and Tích

b. Clement thành Rome (95-97) gọi nhớ 1 Ti-mô-thê và 2 Ti-mô-thê đồng thời trích dẫn Tích 3:1

c. Polycarp (110-150) gọi nhớ 1 Ti-mô-thê, 2 Ti-mô-thê, và Tích

d. Hermas (115-140) trích dẫn 1 Ti-mô-thê and 2 Ti-mô-thê

e. Irenaeus (130-202) trích dẫn thường xuyên 1 Ti-mô-thê, 2 Ti-mô-thê, và Tích

f. Diognetus (150) trích dẫn Tích

- g. Tertullian (150-220) trích dẫn 1 Ti-mô-thê, 2 Ti-mô-thê, và Tích
 - h. Origen (185-254) trích dẫn 1 Ti-mô-thê, 2 Ti-mô-thê, và Tích
 - 2. Các sách Kinh điển cũng có các thư Linh Vụ
 - a. Muratorian Fragment (from Rome about 200)
 - b. Barococcio (206) d. Cheltenham List (360)
 - c. Apostolic List (300) e. Athanasius' Letter (367)
 - 3. Các bản dịch xưa chứa đựng các thư Linh Vụ:
 - a. Bản La-tinh cổ, (old Latin) (150-170)
 - b. Bản Sy-rac cổ. (old Syriac) (200)
 - 4. Một số hội đồng giáo hội xác nhận tính thần cảm của các thư Linh Vụ.
 - a. Nicea (325-340) c. Carthage (397 and 419)
 - b. Hippo (393)
- C. Một quá trình xác nhận Kinh điển trong các hội thánh Đế Quốc La mã, chịu ảnh hưởng áp lực từ bên trong và bên ngoài xã hội. Tiêu chuẩn được công nhận Kinh điển phải là
1. mỗi liên hệ với sứ đồ
 2. sứ điệp tương đồng với các sứ điệp trong các thư tín khác
 3. thay đổi đời sống của những người đọc nó.
 4. sự đồng thuận giữa các hội thánh xưa.
- D. Nhu cầu xác nhận Kinh Điển bởi vì
1. sự Tái Lâm trì hoãn
 2. khoảng cách xa xôi giữa các hội thánh và Sứ đồ
 3. các Sứ Đồ qua đời
 4. sự gia tăng của các giáo sư giả
 - a. Do-thái giáo
 - b. Triết học Hy-lạp
 - c. tập hợp Do-thái giáo và Tri-huệ giáo (ở Cô-lô-sê)
 - d. Các tôn giáo huyền bí La-ma / Hy-lạp (e.g. Mithra)
 Những điều này xảy ra khi Phúc âm lan truyền đến nhiều nền văn hóa khác nhau
- E. Nan đề trong việc kinh điển hóa các thư Linh Vụ nằm trong mối liên hệ với tác giả. Các hội thánh xưa đều công nhận thư Linh Vụ do Phao-lô viết. Tôi cho rằng quá trình kinh điển hóa do Đức Thánh Linh điều khiển, không chỉ trong thần cảm việc viết Kinh Thánh, nhưng trong góp nhập và bảo vệ Kinh Thánh. Câu hỏi quyền tác giả của Phao-lô (mà tôi công nhận) không ảnh hưởng tới sự thần cảm và quá trình kinh điển hóa các thư Linh Vụ

CHU KỲ ĐỌC KINH THÁNH LẦN THỨ NHẤT (xem trang v)

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc toàn bộ sách này trong một lần đọc. Viết ra chủ đề trọng tâm của toàn bộ sách bằng chữ của anh chị em.

1. Chủ đề của toàn bộ sách
2. Thể loại văn chương

CHU KỲ ĐỌC KINH THÁNH LẦN HAI (xem trang vi)

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc lại toàn bộ sách này lần thứ hai trong một lần đọc. Lập dàn ý các chủ đề chính và viết một câu đề diễn tả mỗi chủ đề.

1. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ nhất
2. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ hai
3. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ ba
4. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ tư
5. Vân vân...

1 TI-MÔ-THÊ 1

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI *

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Chào thăm	Chào thăm	Chào thăm	Lời giới thiệu	Lời mở đầu
1:1-2	1:1	1:1	1:1	1:1-2
	1:2a	1:2a	1:2a	
	1:2b	1:2b	1:2b	
Cảnh báo giáo lý giả	Không bảo vệ gì khác	bảo vệ chân lý	Cảnh báo giáo lý giả	Kìm chế giáo sư giả
1:3-7	1:3-11	1:3-7	1:3-7	1:3-7
1:8-11		1:8-11	1:8-11	1:8-11
Cảm tạ sự thương xót	Vinh hiển Chúa vì ân sủng		Cảm tạ sự thương xót của Chúa	Phao-lô nói về sự kêu gọi của mình
1:12-17	1:12-17	1:12-17	1:12-17	1:12-17
	Đánh trận đánh tốt lành			Trách nhiệm của Ti-mô-thê
1:18-20	1:18-20	1:18-20	1:18-20	1:18-20

* Mặc dù không được linh cảm, việc phân đoạn và câu là chìa khóa để hiểu và theo dõi được ý tưởng của tác giả nguyên thủy. Mỗi bản dịch hiện đại đều có phần phân đoạn và tóm tắt đoạn. Mỗi đoạn có một chủ đề, một lẽ thật, một ý tưởng trọng tâm. Mỗi bản dịch có cách chia đoạn đặc biệt riêng của nó để nhằm cô đọng lại các chủ đề này. Khi đọc một bản văn, hãy tự hỏi chính mình bản dịch nào giúp anh chị em nắm được chủ đề qua lối chia đoạn và câu của nó.

Ở mỗi đoạn, chúng ta phải đọc Kinh thánh trước và tìm cách xác định các chủ đề (phân đoạn) của nó, sau đó so sánh sự hiểu biết này với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi nào chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách theo dõi lý luận và cách trình bày của họ, thì chúng ta mới thật sự hiểu được Kinh thánh. Chỉ có tác giả nguyên thủy được linh cảm- người đọc không có quyền thay đổi hay bổ sung vào sứ điệp. Tuy nhiên, những người đọc Kinh thánh có trách nhiệm áp dụng những lẽ thật được linh cảm này vào cuộc sống hằng ngày của họ.

Lưu ý rằng tất cả các thuật ngữ và những chữ viết tắt đều được giải thích trong Phụ lục một, hai và ba.

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của anh chị em với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

BẢN DỊCH BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 1:1

¹Phao-lô, một sứ đồ của Đức Chúa Giê-su Christ, theo lệnh của Đức Chúa Trời, Đấng Giải Cứu chúng ta, và của Đức Chúa Giê-su Christ, hy vọng của chúng ta

1:1 "Phao-lô, " hầu hết người Do-thái có hai tên, một tên Do-thái và tên kia La-mã (Xem Công-vụ 13:9). Phao-lô là tên La-mã và Sao-lơ là tên Do-thái giống như vua Sao-lơ từ bộ tộc Ben-gia-min (Xem Rô-ma 11:1; Phi-líp 3:5). Phao-lô có ý nghĩa Hy-lạp là “nhỏ” có thể ám chỉ

1. Tầm vóc nhỏ bé của ông, được nhắc tới trong cuốn ngụ kinh *The Acts of Paul*, chương "Paul and Thekla", nói về Thê-sa-lô-ni-ca
2. Cảm giác nhỏ bé của ông so với các thánh đồ, bởi ông bắt bớ hội thánh (Xem 1 Cô-rin-tô 15:9; Ê-phê-sô 3:8; 1 Ti-mô-thê 1:15)
3. Đơn giản là tên được cha mẹ đặt khi ông mới sinh
Khả năng thứ ba có vẻ thích hợp nhất.

▣ **"một sứ đồ"** Gốc của từ này là “sai đi” với một vài áp dụng thần học. .

1. Các thầy Ra-bi giải thích về một người được gọi và sai đi như đại diện chính thức, mà trong ngôn ngữ ngoại giao là “đại sứ quán” (Xem 2 Cô-rin-tô 5:20).
2. Phúc Âm dùng dạng động từ nói về Chúa Giê-su được sai phái bởi Đức Chúa Cha. Giảng ám chỉ vai trò Đấng Mê-si-a nhiều hơn (Xem Giảng 4:34; 5:24,30,36,37,38; 6:29,38,39,40,57; 7:29; 8:42; 10:36; 11:42; 17:3,8,18,21,23,25; 20:21).
3. Ám chỉ Chúa Giê-su sai đi các tín đồ (Xem Giảng 17:18; 20:21).
4. Ám chỉ một ân tứ cho hội thánh trong Tân Ước.
 - a. Nhóm “Mười Hai” nguyên thủy (Xem Công-vụ 1:21-22)
 - b. Nhóm các phụ tá, đồng lao với các sứ đồ
 - (1) Barnabas (Xem Công-vụ 14:4,14)
 - (2) Andronicus và Junias (KJV, Junia, Xem Rô-ma 16:7)
 - (3) Apollos (Xem 1 Cô-rin-tô 4:6-9)
 - (4) Gia-cơ em của Chúa (Xem Ga-la-ti 1:19)
 - (5) Silvanus và Ti-mô-thê (Xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:6)
 - (6) Có thể Tích (Xem 2 Cô-rin-tô 8:23)
 - (7) Có thể Epaphroditus (Xem Phi-líp 2:25)
 - c. Ám chỉ ân tứ sứ đồ trong hội thánh (Xem Ê-phê-sô 4:11)

5. Phao-lô sử dụng danh hiệu này trong các thư tín như một cách khẳng định thẩm quyền được Đức Chúa Trời trao, với tư cách đại sứ quán của Đấng Christ (Xem 1 Cô-rin-tô 1:1; 2 Cô-rin-tô 1:1; Ê-phê-sô 1:1; Cô-lô-sê 1:1; 2 Ti-mô-thê 1:1). Dù trong các bức thư cá nhân như thư gửi Ti-mô-thê, thẩm quyền được nhắc một cách quan trọng:
 - a. Thẩm quyền trao cho Ti-mô-thê
 - b. Phao-lô đang công kích các giáo sư giả,
 - c. Bức thư của ông còn được đọc trong hội thánh

▣ **"của Đức Chúa Giê-su Christ"** Đây là danh hiệu đầy đủ Đức Chúa Giê-su Christ." Cả ba phần đều mang ý nghĩa hết sức quan trọng một cách cá nhân: .

1. "Christ" là thuật ngữ Hy-lạp, tương tự Mê-si-a trong Hê-bơ-rơ có nghĩa là Đấng được xúc dầu, khẳng định Chúa Giê-su theo Cựu Ước là Đấng được Đức Chúa Trời hứa sai phái để thiết lập Tân Kỳ Nguyên Công Chính
2. "Giê-su" là tên mà thiên sứ đặt cho hài nhi sinh hạ tại Bết-lê-hem (Xem Ma-thi-ơ 1:21). Tên này được cấu tạo từ hai phần: "ĐỨC GIÊ-HỒ-VA," là danh thánh theo giao ước và "Cứu Rỗi" (Xem Xuất Ê-díp-tô 3:14). Giê-su giống như Giô-suê theo tiếng Hê-bơ-rơ. Khi "Giê-su" được dùng riêng rẽ, danh này ám chỉ một người ở Na-xa-rét được sinh bởi Ma-ri (e.g., Ma-thi-ơ 1:16, 25; 2:1; 3:13,15,16; Công-vụ 13:23,33; Rô-ma 8:11; 1 Cô-rin-tô 11:23; 12:3; Ê-phê-sô 4:21; Phi-líp 2:10; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:10; 4:14).
3. "Đức Chúa" (dùng trong 1 Ti-mô-thê 1:1 bản KJV hoặc trong 1 Ti-mô-thê 1:12) là thuật ngữ được dịch từ tiếng Hê-bơ-rơ, có nghĩa là "chủ nhân, chồng, chủ, hoặc chúa". Người Do-thái rất sợ tội phạm hủy khi xưng gọi danh ĐỨC GIÊ-HỒ-VA chiếu theo một trong Mười Điều Răn. Chính vì vậy mà danh CHÚA đều được viết hoa cho ĐỨC GIÊ-HỒ-VA của Cựu Ước. Bằng cách gọi Giê-su là Chúa, các tác giả Tân Ước xác nhận Thần Đức, Thần Tính và sự bình đẳng của Chúa Giê-su với Đức Chúa Cha (Mục đích này cũng đạt được qua dạng ngữ pháp, trong 1 Ti-mô-thê 1:2 khi một giới từ dùng cho cả hai Ngôi: Đức Chúa Cha and Giê-su Đức Chúa Con, Xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1,2).

▣ **"theo lệnh của Đức Chúa Trời"** Đây là một cách nữa giúp Phao-lô khẳng định thẩm quyền chức vụ sứ đồ. Chức vụ của ông là ý chỉ của Đức Chúa Trời, (Xem 2 Ti-mô-thê 1:1) và là sứ mạng của Đức Chúa Trời (Xem Títíc 1:3). Có lẽ ông nhắc tới trải nghiệm gặp Chúa trên đường đi Đa-mách và thông tin được bày tỏ qua Ananias (Xem Công-vụ 9:1-22; 22:3-16; 26:9-18).

Phao-lô bị bắt phục chức không tình nguyện vào chức vụ!

▣ **"Đấng Giải Cứu chúng ta,"** Đây là danh hiệu từ Cựu Ước cho ĐỨC GIÊ-HỒ-VA, Đấng chăm nuôi và giải cứu I-sơ-ra-en (Xem Ê-sai 19:20; 43:3,11; 45:15,21; 49:26; 60:16; 63:8), đặc biệt qua sự hy sinh của Đầy Tớ Thương Khó (Xem Ê-sai 52:13-53:12). Danh hiệu này ám chỉ Đức Chúa Cha trong Títíc 1:3; 2:10 và 3:4 và ám chỉ Đức Chúa Con là Chúa Giê-su, trong Títíc 1:4; 2:13 và 3:6. Đây là một cách liên kết thần học Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con.

Danh hiệu "Đấng Giải Cứu" cũng được dùng cho Hoàng Đế (Caesar) thời Phao-lô, là người tự xưng là chúa, là đấng giải cứu và thần. Cơ đốc nhân gọi Chúa Giê-su là Đấng Giải Cứu, việc này khiến họ bị chính quyền và xã hội coi là người bội phản hoàng đế. Cả ngàn người bị bắt bớ, sát hại trong thế kỷ thứ nhất và thứ hai. Xem ghi chú đầy đủ ở câu 2 Ti-mô-thê 1:10.

▣ **"Christ"** xem [CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐÁNG MÊ-SI-A](#) following.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐÁNG MÊ-SI-A (theo Đa-ni-en 9:26)

Messiah

Thật khó giải kinh thuật ngữ này, bởi vì có nhiều cách sử dụng liên hệ tới Đấng Mê-si-a hay Đấng Chịu Xức Dầu (BDB 603). Có thể nói về

1. một vị vua Do-thái (e.g., 1 Sa-mu-en 2:10; 12:3)
2. các thầy tế lễ (e.g., Lê-vi 4:3,5)
3. vua Si-rus (Xem Ê-sai 45:1)
4. cả vua và thầy tế lễ trong Thi-thiên 110 và Xa-cha-ri 4
5. Vị Vua mà Đức Chúa Trời sai đến, theo dòng dõi Đa-vít, đem lại Kỷ Nguyên Công chính
 - a. thuộc bộ tộc Giu-đa (x. Sáng thế. 49:10)
 - b. thuộc gia tộc Giê-sê (Xem 2 Sa-mu-en 7)
 - c. tể trị toàn cầu (x. thi-thiên 2; Ê-sai. 9:6; 11:1-5; Mi-ca. 5:1-4 và các câu tiếp)
Tôi cảm thấy Đáng Được Xức Dầu ở đây là Chúa Giê-su Na-xa-rét, vì
 1. sự giới thiệu Vương Quốc Đầy Đầy của Đức Chúa Trời (tức vương quốc thứ tư) trong Đa-ni-en 2.
 2. sự giới thiệu "Con Người" tiếp nhận Vương Quốc Đầy Đầy trong in Đa-ni-ên 7:13
 3. chi tiết cứu chuộc trong Đa-ni-ên 9:24, chỉ tới cao điểm lịch sử của thế giới băng hoại
 4. Chúa Giê-su sử dụng Đa-ni-ên trong Tân Ước (x. Ma-thi-ơ 24:15; Mác 13:14)

▣ "hy vọng của chúng ta" Xem [CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: hy vọng / HOPE](#) ở câu Tịch 1:2.

BẢN DỊCH BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 1:2

²gởi cho Ti-mô-thê, con thật của ta trong đức tin. Nguyện xin ân sủng, thương xót, và bình an từ Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, và từ Đức Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng ta,

1:2 "gởi cho Ti-mô-thê" Nhóm thư mục vụ: Ti-mô-thê và Tịch đều theo khuôn mẫu thư tín Hy-lạp: (1) từ ai, (2) đến ai, (3) chào thăm hoặc lời cầu chúc.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TI-MÔ-THÊ

Timothy

- A Ti-mô-thê có nghĩa là ""người tôn trọng Chúa"
- B Ông là con trai của mẹ Do-thái và cha Hy-lạp ở vùng Lit-trơ (theo Công vụ 16:1). Bản giải kinh của Origen tiếng La-tin cho biết Ti-mô-thê là công dân thành Đet-bơ theo Công vụ 20:4.
- C Ông được giới thiệu Do-thái giáo hoặc Cơ đốc giáo bởi mẹ và bà ngoại (theo II Ti-mô-thê 1:5; 3:14-15).
- D Ông tin Chúa trong chuyến truyền giáo thứ nhất của Phao-lô (theo Công vụ 14:6-7).
- E Được Phao-lô và Si-la mời tham gia trong chuyến truyền giáo thứ hai (theo Công vụ 16:1-5), thay chân Giảng Mác. Ông được khẳng định bởi các lời tiên tri (theo I Ti-mô-thê 1:18; 4:14).
- F Ông được Phao-lô cất bị để có thể làm việc với cả người Do-thái và dân ngoại. (theo Công vụ 16:3).
- G Ông là người đồng hành tin cậy và sứ giả của Phao-lô. Ông được nhắc đến nhiều hơn bất cứ ai từng cộng tác với Phao-lô. (17 lần trong 10 thư tín, theo Rô ma 16:21; I Cô rin tô 4:17; 16:10; Phi-líp 1:1; 2:19,22; Cô-lô-sê 1:5; I Ti-mô-thê 1:2; II Ti-mô-thê 1:2; Tịch 1:4).
- H Phao-lô gọi ông một cách trìu mến: "đứa thật của ta trong đức tin." (theo I Ti-mô-thê 1:2); "con yêu dấu của ta" (theo II Ti-mô-thê 1:2); "Con thật của ta trong đức tin chung" (theo Tịch 1:4). "con yêu dấu trung tín trong Chúa của ta" I Cô rin tô 4:17.
- I Ông ở Rô-ma cùng Phao-lô khi Phao-lô ra tù và đi cùng Phao-lô truyền giáo lần thứ tư (theo Cô-lô-sê 1:1; Phi-lê-môn 1).
- J Được gọi là sứ đồ trong I Thê sa lô ni ca 2:6 trong hàm ý một ân tứ thuộc linh cho hội thánh (theo Ê-phê-sô 4:11).
- K Có hai thư của Phao-lô mang tên ông.
- L Ông được nhắc đến lần cuối trong Hê-bơ-rơ 13:23 (nhưng lần cuối theo thứ tự thời gian là II Ti-mô-thê

▣ **"con thật của ta"**. Chữ "của ta" không có trong nguyên bản Hy-lạp. "Con" *teknon*, có nghĩa là con chính thức Phao-lô coi mình là cha thuộc linh của Ti-mô-thê (Xem 2 Ti-mô-thê 1:2; 2:1). Ông cũng gọi Tích (Xem Tutus 1:4) và Onesimus (Xem Phi-lê-môn 1:10) với danh hiệu tương tự.

▣ **"ân sủng, thương xót, và bình an"** Xin để ý cách gọi tương tự và khác biệt trong các lời mở đầu của Phao-lô:

1. "Cầu xin Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, và Chúa là Đức Chúa Jê-sus Christ ban ân điển và bình an cho anh em" (Xem Rô-ma 1:7; 1 Cô-rin-tô 1:3; 2 Cô-rin-tô 1:2; Ga-la-ti 1:3; Ê-phê-sô 1:2; Phi-líp 1:2; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:2; Phi-lê-môn 1:3)
2. "Cầu xin Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, ban ân điển và bình an cho anh em." (Xem Cô-lô-sê 1:2)
3. "Cầu xin ân điển và bình an ban cho anh em!" (Xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1)
4. Cầu xin Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, và Đấng Christ Jê-sus, Chúa chúng ta, ban ân điển, sự thương xót và bình an cho con!(Xem 1 Ti-mô-thê 1:2; 2 Ti-mô-thê 1:2)
5. "Cầu xin Đức Chúa Trời là Cha và Đấng Christ Jê-sus, Cứu Chúa chúng ta, ban ân điển và bình an cho con!" (Xem Tích 1:4)

Xin để ý trong sự khác biệt có một số tiêu chuẩn

1. "Ân điển" bắt đầu trong tất cả lời chào thăm. Đây là một đặc tính Đức Chúa Trời, trở nên đặc thù của Cơ-đốc giáo .
2. "Bình an" là kết quả của sự tin cậy nơi Đức Chúa Trời .
3. "Thương xót" là một cách nữa miêu tả đặc tính của Đức Chúa Trời, hết sức đặc thù trong văn thư Phao-lô. Bản Bảy Mươi Septuagint dịch từ thuật ngữ Hê-bơ-rơ *hesed* (i.e., có nghĩa trung tín theo giao ước). Đức Chúa Trời luôn nhân nghĩa và đáng tin cậy.
4. Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con đều được nhắc tới trong từng câu chào thăm (trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca được nhắc ở câu trước đó). Hai ngôi được liên kết làm một qua ngữ pháp, cũng là cách các tác giả Tân Ước xác nhận Thần Đức đầy đủ của Chúa Giê-su Na-xa-ret. Danh Hiệu chính thức của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được áp dụng cho Chúa Giê-su (i.e., Lord and Savior).

▣ **"Cha"** Kinh thánh dùng hình ảnh con người (nhân cách hóa - anthropomorphisms) để miêu tả Vị Thần hỗ trợ con người tội lỗi, phạm tục. Đây là ẩn dụ thường dùng trong Kinh Thánh: :

1. Đức Chúa Trời với tư cách là Cha, phụ huynh (cha và mẹ), và họ hàng (*go'el*)
2. Chúa Giê-su với tư cách là Con Đức Chúa Trời, là anh em của tín đồ, là chồng của hội thánh
3. Tín đồ với tư cách là con cái, con cái được nhận, hoặc là nàng dâu.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHA THIÊN THƯỢNG , ĐỨC CHÚA CHA

God The Father

Cựu Ước giới thiệu một hình ảnh quen thuộc gần gũi của Đức Chúa Trời đó là hình ảnh người Cha:

1. quốc gia Do Thái thường được gọi là 'con' của Đức Giê-hô-va (Ô-sê 11:1; Ma-la-chi 3:17);
2. ngay cả trước đó trong sách Phục truyền Luật lệ ký hình ảnh Đức Chúa Trời là Cha cũng đã được sử dụng (1:31);
3. trong Phục truyền đoạn 32 Y-sơ-ra-ên được gọi là "con cái của Ngài" và Chúa được gọi là "Cha của các người";
4. hình ảnh này cũng được nêu trong Thi thiên 103: 13 và được phát triển thêm trong Thi thiên 68:5 (cha của kẻ mồ côi); và

5. hình ảnh này cũng rất thông dụng trong các sách tiên tri (Ê-sai 1:2; 63:8; Y-sơ-ra-ên là con trai, và Đức Chúa Trời là Cha, 63:16; 64:8; Giê-rê-mi 3:4, 19; 31:9).

Chúa Jêsus sử dụng tiếng A-ram, có nghĩa là trong nhiều chỗ khi chữ “Cha” xuất hiện trong tiếng Hy Lạp, *Pater*, thì nó diễn tả chữ *Abba* trong tiếng A-ram (14:36). Những từ ngữ như “Ba” hay “Cha” cho thấy sự thân mật của Chúa Jêsus với Cha; Việc Chúa bày tỏ sự thân mật này cho các môn đồ thấy khuyến khích chúng ta cũng nên có mối liên hệ mật thiết với Đức Chúa Cha. Từ “Cha” chỉ được dùng cho Đức Giê-hô-va trong Cựu Ước, nhưng Chúa Jêsus dùng nó rất thường và dùng ở nhiều nơi. Khái niệm này là một sự mặc khải quan trọng cho mối liên hệ mới của chúng ta với Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus Christ. M ở câu(6:9)

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 1:3-7

³Như ta đã căn dặn con khi ta sắp đi qua vùng Ma-xê-đô-ni-a rằng con hãy ở lại Ê-phê-sô để truyền cho những người kia không được dạy các tín lý sai lạc, ⁴và bảo họ đừng chăm chú vào những chuyện hoang đường và những gia phả vô tận, là những điều chỉ đưa đến sự tranh luận về các suy đoán hơn là rao báo hồng ân cứu rỗi của Đức Chúa Trời, theo như đức tin của chúng ta. ⁵Mục đích của sự khuyên răn là tình yêu phát xuất từ một tâm hồn trong sạch, một lương tâm tốt, và một đức tin chân thành. ⁶Một số người đã không đi đúng đường lối ấy, quay qua cãi nhau những chuyện vô ích, ⁷muốn làm những người dạy luật, nhưng không hiểu những điều họ nói, và cũng không hiểu những điều họ xác định.

1:3 "Ê-phê-sô"

1. Là thành phố lớn nhất vùng Tiểu Á, mặc dầu không phải là thủ phủ, nhưng thống đốc La mã sống ở đây. Nó cũng là trung tâm thương mại quan trọng vì có hải cảng tự nhiên tốt.
2. Nó cũng là thành phố tự do, được phép có chính phủ tự trị, có nhiều nhà chính trị và tướng lãnh sống ở đây. Nó có nhiều quyền tự quyết và không có doanh trại quân đội La-mã.
3. Nó là thành phố Tiểu Á duy nhất được tổ chức thể vận hội Á châu hai năm một lần
4. Nó là nơi của đền thờ Artemis (Đi-an-na theo tiếng Latin), là một trong bảy liên trúc kỳ diệu của thế giới lúc bấy giờ. Kích thước khoảng 14m x 73m với 127 trụ cột cao 20 m được giát vàng, (xem Pliny's *Hist. Nat.* 36:95 và các câu tiếp). Hình tượng Artemis được coi là một thiên thạch có hình dạng người phụ nữ nhiều vú. Điều ấy cho thấy sự có mặt của nhiều gái điếm tôn giáo trong thành phố (Xem Công-vụ 19). Đây là thành phố dâm loạn và hỗ trợ với nhiều sắc dân.
5. Phao-lô ở đây hơn 3 năm (Xem Công-vụ 18:1 và các câu tiếp; 20:13), nhiều hơn bất cứ nơi nào.
6. Theo truyền thống, sứ đồ Giăng sống ở đây sau khi Ma-ri qua đời ở Pa-let-stin
7. Phao-lô và Ti-mô-thê chắc phải hành trình cùng nhau sau khi Phao-lô được thả khỏi nhà tù ở Rô-ma. Đây là thông tin đầu tiên về chuyến đi truyền giáo thứ tư của Phao-lô. Xin để ý ông đang hướng về Ma-xê-đô-ni-a
8. Eusebius (sử gia hội thánh thế kỷ thứ ba) cho biết (theo truyền thống) rằng Ti-mô-thê bị ném đá chết vì tranh luận với tín đồ thờ Đi-an-na.

▣ "để" Đây là câu chủ đích *hina* (purpose clause), có nghĩa là “để cho” (1 Ti-mô-thê 1:10,18,20; 2:2; 3:15; 4:15; 5:7,16,20,21; 6:1,19).

▣ "truyền cho" một mệnh lệnh quân sự “nghiêm lệnh” (Xem 1 Ti-mô-thê 1:5,18; 4:11; 5:7; 6:13,17). Phao-lô điều hành Ti-mô-thê như sứ giả của ông.

▣ "những người kia không được dạy các tín lý sai lạc" Thường Phao-lô, như các tác giả văn thư trong thế kỷ thứ nhất có phần mở đầu bằng lời cầu chúc, như trong các văn thư Hy-lạp đương thời. Nhưng trong hoàn cảnh ở Ga-la-ti và 1 Ti-mô-thê với các thể lực của giáo sư giảng, ông thay đổi khuôn mẫu bình thường. Có nhiều lời bần

trong vòng học giả ngày nay về các giáo sư giả thời Phao-lô. Họ là sự kết hợp giữa tư tưởng Do-thái và Hy-lạp (cũng như giáo sư giả ở Cô-lô-sê) Trong văn cảnh (1:3-4), họ được đặc trưng bởi:

1. Tín lý lạ.
2. để ý tới huyền thoại.
3. để ý tới gia phả bất tận
4. hầu như là dựa trên phỏng đoán và đồn đại.

Một số nhà giải kinh gợi ý tín lý Tri-huệ giáo về các tầng trời, tầng thiên sứ (*plērōma*) giữa Thần tối cao tốt lành và các thần thấp kém, các thiên sứ, và lớp nhỏ nhất là vật chất xấu xa được nhào nặn. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Tri Huệ giáo / Gnostics ở câu Tích 1:1.

Thành phần Do-thái là:

1. "giáo sư dạy luật" (1 Ti-mô-thê 1:7-10)
2. "huyền thoại Do-thái" (Tích 1:14; 2 Ti-mô-thê 4:4)
3. "tranh luận về luật pháp" (Tích 3:9)
4. "những người thuộc đảng cắt bì" (Tích 1:10)
5. Có thể là nguồn gốc (gia phả) của Đảng Mê-si-a, Tích 3:9a

BD2011:	các tín lý sai lạc
RVV 11:	dạy một giáo lý nào khác
VI 1926:	truyền dạy một đạo giáo khác
NASB	"giảng tín lý nào khác"
NKJV	"giảng tín lý khác biệt"
NRSV	"giảng tín lý sai trật"
TEV	"giảng tín lý sai trật"
NJB	"truyền bá sự dạy dỗ sai"

Đây là THÌ HIỆN TẠI DẠNG VÔ ĐỊNH của thuật ngữ ghép *heteros* (cá thể khác biệt khác giống) và *didakalin* (những điều được dạy). The TÍNH TỪ *heteros* cũng được sử dụng nói về dạy những điều không hợp trong Công-vụ 17:21; 2 Cô-rin-tô 11:4; and Ga-la-ti 1:6-7. 1 Ti-mô-thê 6:3 là câu tương tự.

Trong *The New International Biblical Commentary*, trang. xiv, một trong các nhà giải kinh được tôi yêu thích, Gordon Fee, khẳng định câu này mang tính chất nghiêm trọng khi nói về giải kinh mục đích của 1 Ti-mô-thê. Theo ông, lá thư này không chủ yếu là cuốn cẩm nang về kỷ luật hội thánh, nhưng là sự bác bỏ các giáo sư giả / giáo huấn giả (và tôi cũng đồng ý với ông).

1:4 "đùng chăm chú vào những chuyện hoang đường và những gia phả vô tận" Bởi có những gợi ý về Luật Do-thái (1 Ti-mô-thê 1:7-10 và Tích 3:9b), về phép cắt bì (Tích 1:10), và huyền thoại Do-thái (Tích 1:14 và trong 2 Ti-mô-thê 4:4), rõ ràng giáo huấn giả mang tính chất Do-thái. Có thể cuộc tranh cãi liên hệ tới nguồn gốc gia phả của Đảng Mê-si-a (Xem Tích 3:9a).

Irenaeus và Tertullian cho rằng Phao-lô nói một cách tiên tri về Tri-huệ giáo, về các tầng thuộc linh giữa Thần Tối Cao và các thần thấp hơn, (or *Elohim*/thiên sứ) là các đấng sáng tạo vật chất. Tri-huệ giáo là hệ thống tư tưởng được viết trong thế kỷ thứ hai, Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Gnostics ở câu Tích 1:1. Từ các văn chương này chúng ta biết được những danh mục các bậc thiên sứ giữa Thần Tối Cao tốt lành và các thực thể thuộc linh kém hơn.

Tuy nhiên các danh mục này không được thấy trong văn chương Cơ-đốc giáo, Do-thái Giáo hiện đại, hay văn chương Tri-huệ giáo qua các thuật ngữ "huyền thoại", "gia phả"

Chủ đề Tri-huệ giáo được phổ biến bởi các phát hiện khảo cổ như Nag Hammadi. Văn bản này đã được xuất bản trong tiếng Anh, *The Nag Hammadi Library* bởi James M. Robinson và Richard Smith.

BD 2011:	"chỉ đưa đến sự tranh luận về các suy đoán"
BD 1926:	"gây nên sự cãi lầy"

RVV11:	“gây ra tranh cãi”
NASB	"kích động suy đoán"
NKJV	"gây ra tranh cãi"
NRSV	"khuyến khích suy đoán"
TEV	"sản sinh tranh cãi"
NJB	"chỉ nuôi sự ngờ vực"

Cò thể vì chúng ta tham gia nghiên cứu đạo mà quên đi trọng tâm nghiên cứu Lời Đức Chúa Trời (Xem Tích 3:8; Ma-thi-ơ 28:19-20). Đề ý đến ý nghĩa khả thi theo từ vựng có thể dẫn đến sự giải kinh sai không theo hàm ý văn bản và bối cảnh lịch sử.

Chính vì vậy mà chủ nghĩa mộ đạo (Pietism) được phát triển từ truyền thống Cải Chính. Tâm trí và tấm lòng phải đầu phục và khởi động bởi Đức Thánh Linh.

BD2011:	“hơn là thực hiện chương trình của Đức Chúa Trời”
RVV11:	“hơn là mở mang công việc của Đức Chúa Trời”
VB1926:	“chẳng bỏ sự mở mang công việc của Đức Chúa Trời”
NASB	"thay vì mở mang vương quốc Đức Chúa Trời "
NKJV	"thay vì gây dựng sự tin kính "
NRSV	"thay vì sự huấn luyện tâm linh"
TEV	"không phục vụ chương trình của Đức Chúa Trời"
NJB	"thay vì phát triển chương trình của Đức Chúa Trời"

Thuật ngữ “người quản gia” (*oikonomian*, found in MSS κ , A, D², F, G) được dùng cho tín đồ được giao sứ điệp Phúc Âm. Nó ám chỉ chương trình của Đức Chúa Trời cho sự cứu rỗi nhân loại qua đức tin nơi Đấng Christ. (Xem Sáng-Thế-Ký 3:15; 2 Cô-rin-tô 5:21; Ê-phê-sô 2:8-10; 2:11-3:13). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: : CHƯƠNG TRÌNH CỨU RỖI ĐỜI ĐỜI CỦA ĐỨC GIÊ-HÔ-VA / YHWH's ETERNAL REDEMPTIVE PLAN ở câu 1 Ti-mô-thê 4:10.

Bản anh ngữ NKJV có thuật ngữ “gây dựng” (*oikodomēn*) theo bản cổ MS D* và bản Hy-lạp được dùng bởi Irenaeus và bản Latin được dùng bởi Theodore. Thánh Kinh Liên Hội USB⁴ xếp “người quản gia” vào hạng A (chắc chắn là như vậy).

Bản dịch The NET Bible xếp 1 Ti-mô-thê 2:3-6; 2 Ti-mô-thê 1:9-10 và Tích 3:4-7 như một chương trình cứu chuộc đời đời của Đức Chúa Trời (p. 2176).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GÂY DỰNG

Edify

Chữ *oikodomeo* và các dạng khác của nó thường được Phao-lô sử dụng. Nó có nghĩa là “xây một ngôi nhà” theo nghĩa đen (Ma-thi-ơ 7:24), nhưng dần dần nó được sử dụng theo nghĩa bóng để chỉ:

1. Thân thể Đấng Christ, Hội thánh của Ngài, I Cô-rinh-tô 3:9; Ê-phê-sô 2:21; 4:16
2. Gây dựng
 - a. Các anh em yếu đuối, Rô-ma 15:1
 - b. Người lân cận, Rô-ma 15:2
 - c. Lẫn nhau, Ê-phê-sô 4:29; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:11
 - d. Các thánh đồ trong chức vụ, Ê-phê-sô 4:11
3. Chúng ta gây dựng bằng cách
 - a. Yêu thương, I Cô-rinh-tô 8:1; Ê-phê-sô 4:16
 - b. Tự giới hạn sự tự do của mình, I Cô-rinh-tô 10:23-24
 - c. Tránh những suy đoán mộng lung (speculations), I Ti-mô-thê 1:4
 - d. Giới hạn những người chia xẻ trong các buổi nhóm thờ phượng (người hát, người dạy, các tiên tri, những người nói tiếng lạ và người thông giải), I Cô-rinh-tô 14:3-4, 12
4. Mọi sự nên có mục đích gây dựng

- a. Thăm quyền của Phao-lô, II Cô-rinh-tô 10:8; 12:19; 13:10
- b. Các câu đúc kết trong Rô-ma 14:19 và I Cô-rinh-tô 14:26

▣ **"theo như đức tin"** Có một sự khác biệt quan trọng giữa “đức tin” và “huyền thoại”, “gia phả”, “phỏng đoán”. Đức tin dựa trên chân lý lịch sử của Phúc Âm, chứ không trên lý thuyết. Đức tin đến từ hứa ngôn của Đức Chúa Trời (Xem Ga-la-ti 3:14,16,17,18,21,22,29), chứ không từ ưu thế của triết học con người. (Xem I Cô-rinh-tô 1:18-31). Một bên là sự bày tỏ, còn bên kia là sự phỏng đoán. Một bên tôn vinh Đức Chúa Trời, còn bên kia phóng đại một triết gia.

Điều này không có nghĩa rằng chúng ta phủ nhận giáo dục thần học, nhưng phân biệt đâu là thần học mặc khải, đâu là phỏng đoán suy tưởng, khám phá của con người. Tín đồ phải yêu Đức Chúa Trời với tâm trí của mình (Xem Chúa Giê-su trích dẫn Phục-truyền 6:5 trong Ma-thi-ơ 22:36-37; Mác 12:28-30; Lu-ca 10:27) và truyền đạt chân lý cho con cháu của mình, (Xem Phục-truyền 6:7,20-25).

1:5 "tình yêu phát xuất từ một tâm hồn trong sạch" Mục tiêu huấn thị của Phao-lô đối với tín đồ trong 1 Ti-mô-thê 1:5 gồm có ba phần

1. Yêu từ tấm lòng trong sạch
2. Yêu từ lương tâm trong sạch
3. Yêu từ đức tin trong sạch

Trong ý tưởng Hê-bơ-rơ “tấm lòng” là trung tâm của trí tuệ, cảm xúc, và lý trí, (Xem Phục-truyền 6:5-6). Nó hợp lại là toàn thể một cá nhân.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÂM LÒNG

The Heart

Chữ *kardia* trong tiếng Hy Lạp được dùng trong bản Bảy Mươi và trong Tân Ước diễn tả ý nghĩa chữ *leb* trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nó được dùng trong một số cách sau đây (xin xem Bauer, Arndt, Gingrich và Danker, *A Greek-English Lexicon*, trang 403-404):

1. Trung tâm của một cuộc sống thuộc thể, hình ảnh về một con người (Công vụ 14:17; II Cô-rinh-tô 3:2-3; Gia-cơ 5:5)
2. Trung tâm của một cuộc sống thuộc linh (đạo đức)
 - a. Đức Chúa Trời nhìn biết tấm lòng (Lu-ca 16:15; Rô-ma 8:27; I Cô-rinh-tô 14:25; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:4; Khải huyền 2:23)
 - b. Để chỉ đời sống thuộc linh của con người (Ma-thi-ơ 15:18-19; 18:35; Rô-ma 6:17; I Ti-mô-thê 1:5; II Ti-mô-thê 2:22; I Phi-e-rơ 1:22)
3. Trung tâm của cuộc sống lý trí (tức là tri thức, Ma-thi-ơ 13:15; 24:48; Công vụ 7:23; 16:14; 28:27; Rô-ma 1:21; 10:6; 16:18; II Cô-rinh-tô 4:6; Ê-phê-sô 1:18; 4:18; Gia-cơ 1:26; II Phi-e-rơ 1:19; Khải huyền 18:7; tấm lòng đồng nghĩa với trí óc trong II Cô-rinh-tô 3:14-15 và Phi-líp 4:7)
4. Trung tâm của ý chí (Công vụ 5:4; 11:23; I Cô-rinh-tô 4:5; 7:37; II Cô-rinh-tô 9:7)
5. Trung tâm của tình cảm (Ma-thi-ơ 5:28; Công vụ 2:26,37; 7:54; 21:13; Rô-ma 1:24; II Cô-rinh-tô 2:4:7:3; Ê-phê-sô 6:22; Phi-líp 1:7)
6. Nơi đặc biệt để Đức Thánh Linh hành động (Rô-ma 5:5; II Cô-rinh-tô 1:22; Ga-la-ti 4:6 [Đấng Christ sống trong lòng của chúng ta, Ê-phê-sô 3:17])
7. Tấm lòng là cách nói tượng hình để chỉ toàn bộ một con người (Ma-thi-ơ 22:37, lấy từ Phục truyền 6:5). Những tư tưởng, động cơ, và hành động thuộc về tấm lòng bày tỏ rõ ràng loại người. Cựu Ước có một số cách sử dụng ẩn tượng về từ ngữ này:
 - a. Sáng thế ký 6:6; 8:21, “Đức Chúa Trời buồn trong lòng” (cũng để ý xem Ô-sê 11:8-9)
 - b. Phục truyền 4:29; 6:5 “bằng cả tấm lòng, cả linh hồn”
 - c. Phục truyền 10:16, “tấm lòng không cất bì” và Rô-ma 2:29
 - d. Ê-xê-chi-ên 18:31-32, “tấm lòng mới”

▣ **"một lương tâm tốt, và một đức tin chân thành"** Không có thuật ngữ trong Cựu Ước tương ứng với “lương tâm” trong tiếng Hy-lạp, trừ phi “lòng ngực” ám chỉ ý thức bản thân và động cơ. Thuật ngữ “lương tâm” trong ý tưởng Hy-lạp ám chỉ năm giác quan, sau này được dùng ám chỉ nội tâm (Xem Rô-ma 2:15). Phao-lô dùng thuật ngữ này hai lần trong phiên xử ông (Xem Công-vụ 23:1 and 24:16). Nó ám chỉ rằng ông không ý thức được những gì vi phạm trong trách nhiệm đối với Đức Chúa Trời (Xem 1 Cô-rin-tô 4:4).

Lương tâm là sự phát triển ý thức về động cơ và hành động của tín đồ đối với (1) thế giới quan theo Kinh Thánh, (2) Thánh Linh ngự trị trong lòng và (3) kiến thức về lời của Đức Chúa Trời. Lương tâm trở nên nhạy cảm khi con người tiếp nhận Phúc Âm một cách cá nhân.

Phao-lô sử dụng thuật ngữ “lương tâm” hai lần trong chương 1. Lần đầu nói về ý thức của ông đối với ý chỉ của Đức Chúa Trời (Xem 1 Ti-mô-thê 1:5) và lần hai về ý thức sự từ chối cố tình của các giáo sư giả (Xem Tít 1:15), kể cả Hymenaeus và Alexander (Xem 1 Ti-mô-thê 1:19). Các giáo sư giả có lương tâm đã bị chai lì (Xem 1 Ti-mô-thê 4:2).

▣ **"và một đức tin chân thành"** Phao-lô sử dụng TÍNH TỪ “chân thành” ba lần trong văn tự của ông để miêu tả (1) đức tin (Xem 1 Ti-mô-thê 1:5; 2 Ti-mô-thê 1:5) và (2) tình yêu (Xem 2 Cô-rin-tô 6:6 và cũng trong 1 Phi-ê-ro 1:22). Nó mang hàm ý hàng thực, (thực chất) so với hàng giả là đặc tính của các giáo sư giả (Xem 1 Ti-mô-thê 1:19-20).

1:6-7 Các câu này chứng minh các giáo sư giả thuộc về thành phần Do-thái.

1. họ đi lạc khỏi mục đích của giáo huấn đạo đức (Xem 1 Ti-mô-thê 1:5)
2. họ hướng vào
 - a. "tranh luận vô hiệu quả" (NASB)
 - b. "nói vô vị" (NKJV)
 - c. "nói vô nghĩa" (NRSV)
 - d. "phỏng đoán trống rỗng" (NJB)
3. họ muốn trở nên giáo sư về Luật (Mô-sê)
4. họ không hiểu về Luật
5. họ khẳng định những điều họ không hiểu
6. câu 9c-10 dường như ám chỉ Mười Điều Răn

Tai họa của các giáo sư giả có thể là

1. sự mù lòa tâm linh, bày tỏ bởi sự không thành thực
2. sự cố tình từ chối ánh sáng, chứ không phải sự không thấy ánh sáng
3. họ dẫn người khác vào chỗ lầm lạc và hủy hoại.

BẢN DỊCH BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 1:8-11

⁸ Chúng ta biết rằng luật pháp là tốt, nếu người ta biết vâng giữ nghiêm túc. ⁹ Phải biết rằng luật pháp lập ra không phải để cho người ngay lành, nhưng cho những kẻ phạm pháp và gây loạn, những kẻ vô luân và tội lỗi, những kẻ bất khiết và phạm thượng, những kẻ giết cha và giết mẹ, những kẻ sát nhân, ¹⁰ những kẻ gian dâm, những kẻ đồng tính luyến ái, những kẻ buôn người, những kẻ nói dối, những kẻ khai man trước tòa, và những kẻ làm những điều nghịch với sự dạy dỗ lành mạnh ¹¹ của Tin Mừng vinh hiển của Đức Chúa Trời phước hạnh, đó là Tin Mừng mà ta đã được trao trách nhiệm rao giảng.

1:8-11 Đây là một câu khá dài trong bản Hy-lạp, bày tỏ một mục đích nhất quán của Luật Mô-sê, đặc biệt liên hệ tới nếp sống đạo đức.

1:8 "Chúng ta biết rằng luật pháp là tốt" Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt sau đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC QUAN ĐIỂM CỦA PHAO-LÔ VỀ LUẬT MÔISE

Phao-Lô's Views Of The Mosaic Law

- A. Nó là điều tốt lành và đến từ Đức Chúa Trời (Rô-ma 7:12, 16).
- B. Nó không phải là đường dẫn đến sự công bình để được Đức Chúa Trời chấp nhận (nó thậm chí có thể là một sự nguyên rủa, Ga-la-ti 3).
- C. Nó vẫn là ý chỉ của Đức Chúa Trời cho người tin Chúa bởi vì nó là sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời (Phao-lô thường trích Cựu Ước để cáo trách và/hoặc khích lệ người tin Chúa)
- D. Người tin Chúa được cung cấp thông tin từ Cựu Ước (Rô-ma 4:23-24; 15:4; I Cô-rinh-tô 10:6,11), nhưng không được cứu bởi Cựu Ước (Công vụ 15; Rô-ma 4; Ga-la-ti 3; Hê-bơ-rơ)
- E. Nó thực hiện chức năng trong Giao ước mới đề:
 - 1. Chỉ tội lỗi (Ga-la-ti 3:15-29)
 - 2. Hướng dẫn những người được cứu trong xã hội
 - 3. Cung cấp thông tin cho các quyết định đạo đức Cơ đốc

Chính loạt quan điểm thần học quá rộng này từ sự nguyên rủa và bỏ qua đến sự chúc phước và bất biến của nó đã gây ra sự khó khăn trong việc nỗ lực tìm hiểu quan điểm của Phao-lô về Luật Môise. Trong cuốn *A Man in Christ*, James Stewart cho thấy lỗi suy nghĩ và các bài viết đầy nghịch lý của Phao-lô:

"Thông thường chúng ta mong đợi người tự kiến tạo nên một hệ thống tư tưởng và tín lý sẽ sửa chữa một cách gât gao nhất ý nghĩa của những thuật ngữ mà người đó dùng. Chúng ta mong đợi người này hướng đến việc dùng các từ ngữ một cách thật chính xác để trình bày các ý tưởng chủ đạo của mình. Chúng ta đòi hỏi một từ ngữ, một khi đã được người viết sử dụng trong một ý nghĩa đặc biệt, sẽ luôn mang ý nghĩa đó một cách xuyên suốt. Nhưng tìm kiếm điều này nơi Phao-lô là một điều gây thất vọng. Hầu hết các lỗi diễn tả từ ngữ của ông đều rất lỏng lẻo, không cứng nhắc... Ông viết "luật pháp là thánh" "tôi ưa thích luật pháp Đức Chúa Trời sau con người bên trong (Rô-ma 7:12, 22) nhưng rõ ràng có một khía cạnh khác của *nomos* khiến cho ông nói ở trong một chỗ khác như vậy, "Đấng Christ đã cứu chúng ta khỏi lời nguyên của luật pháp (Ga-la-ti 3:13)" (trang 26).

▣ "nếu" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA có nghĩa là hành động khả thi có dự tính (potential and contingent) Luật Mô-sê phải được dùng một cách thích hợp, chứ không phải theo khuôn mẫu luật pháp hóa (Xem Rô-ma 2:27-29; 7:6; 2 Cô-rinh-tô 3:6).

1:9 "nhưng cho những kẻ phạm pháp và gây loạn" Phao-lô đề cập tới một danh sách tội lỗi (Xem Rô-ma 1:29-31; 13:13; 1 Cô-rinh-tô 5:11; 6:9-10; Ê-phê-sô 5:5; Cô-lô-sê 3:5; 1 Ti-mô-thê 6:4-5; 2 Ti-mô-thê 3:2-4; Tít 3:3). Nó giống danh sách của các triết gia đạo đức Hy-lạp (Stoics). Danh sách này nhắm vào những người ở dưới Luật Pháp (nghĩa là tội nhân). Danh sách theo Luật của Đức Chúa Trời được bàn tới trong Ga-la-ti 3.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC THÓI XẤU VÀ THÓI TỐT TRONG TÂN ƯỚC

Vices And Virtues In The Nt

Bảng liệt kê những thói xấu và nét tốt thường thấy trong Tân Ước. Những điều này thường phản ánh các thói nét của văn hóa (Hy Lạp) và Do thái. Danh sách những thói nét tương phản này được liệt kê sau đây:

	<u>Những thói xấu</u>	<u>Những nét tốt</u>
1. Phao lô	Rô-ma 1:28-32	---
	Rô-ma 13:13	Rô-ma 2:9-21
	I Cô-rinh-tô 5:9-11	---
	6:10	I Cô-rinh-tô 6:6-9

	II Cô-rinh-tô 12:20	II Cô-rinh-tô 6:4-10
	Ga-la-ti 5:19-21	Ga-la-ti 5:22-23
	Ê-phê-sô 4:25-32	---
	5:3-5	---
	---	Phi-líp 4:8-9
	Cô-lô-sê 3:5,8	Cô-lô-sê 3:12-14
	ITi-mô-thê 1:9-10	---
	6:4-5	---
	II Ti-mô-thê 2:22a, 23	II Ti-mô-thê 2:22b,24
	Tít 1:7, 3:3	Tít 1:8-9; 3:1-2
2. Gia-cơ	Gia-cơ 3:15-16	Gia-cơ 3:17-18
3. Phi-e-rơ	I Phi-e-rơ 4:3	I Phi-e-rơ 4:7-11
	II Phi-e-rơ 1:9	II Phi-e-rơ 1:5-8
4. Giăng	Khải huyền 21:8; 22:15	---

▣ **"phạm pháp"** Theo nghĩa đen: “không thừa nhận thẩm quyền” Các giáo sư giả từ chối khía cạnh đạo đức của Luật Mô-sê, họ trở nên luật pháp cho chính họ, (không cần đến lương tâm, Xem 1 Ti-mô-thê 4:2).

▣ **"gây loạn,"** Có nghĩa "không dưới thẩm quyền." Họ muốn mình trở nên thẩm quyền.

▣ **"vô luân"** Có nghĩa “cố tình vô đạo” Họ không ngại thơ, thất học, như tự mình bịt mắt mình.

▣ **"tội lỗi"** Có nghĩa “đổi nghịch sự tin kính”, chống lại tất cả những điều quan trọng đối với Đức Chúa Trời và công việc của Ngài.

▣ **"bất khiết và phạm thượng"** Có nghĩa “chà đạp Đấng Thánh”. Họ tự xưng thuộc linh, nhưng hành động của họ bày tỏ tính xác thịt, trần tục.

▣ **"giết cha và giết mẹ,"** Nếu Phao-lô muốn nói về Mười Điều Răn (Decalog), thì tội này là tội thiếu tôn kính, thiếu tôn trọng cha mẹ (Xem Xuất Ê-díp-tô 20:12; Phục-truyền 5:16).

▣ **"sát nhân,"** Theo Mười Điều Răn , đây là tội sát sinh có chủ ý (Xem Xuất Ê-díp-tô 20:13; Phục-truyền 5:17).

1:10 "gian dân" Có nghĩa là “vô đạo đức về tình dục” Xuất Ê-díp-tô 20:14 and Phục-truyền 5:18. Thực hành tình dục buông thả luôn là đặc trưng của các giáo sư giả.

đồng tính luyến ái

NASB, NJB
NKJV, NRSV
TEV

"đồng tính luyến ái"
"người Sô-đôm"
"trái thối tình dục"

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI Homosexuality

Sức ép văn hóa nặng nề của xã hội hiện đại khiến chấp nhận đồng tính luyến ái như một lối sống thích hợp khác. Kinh thánh lên án nó như một lối sống hủy hoại, đi ra khỏi ý chỉ của Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo của Ngài.

1. Nó vi phạm mạng lệnh trong Sáng-thể-ký 1 là hãy sanh sản và thêm nhiều
2. Nó phản ánh lối thờ phượng và văn hóa ngoại giáo (Lê-vi-ký 18:22; 20:13; Rô-ma 1:26-27; và Giu-đê 7).
3. Nó bày tỏ một sự độc lập khỏi Đức Chúa Trời, lấy bản thân làm trung tâm (I Cô-rinh-tô 6:9-10)

Tuy nhiên, trước khi tôi rời đề tài này, tôi xin khẳng định tình yêu thương và sự tha thứ của Đức Chúa Trời cho tất cả những con người chống đối. Cơ đốc nhân không có quyền cư xử theo cách ghét người, hay lên mặt đối với tội nhân, đặc biệt là khi chúng ta thấy rõ ràng là mọi người đều phạm tội. Sự cầu thay, quan tâm, lời chứng, và tấm lòng thương xót có kết quả hơn nhiều thay cho những lời kết tội đầy công kích. Lời Chúa và Thánh Linh của Ngài sẽ làm công việc cáo trách nếu chúng ta để Ngài làm việc. Tất cả những tội lỗi về tính dục, không chỉ là tội này, đều là một sự góm ghiếc ở trước mặt Chúa và đều dẫn đến sự phán xét. Tính dục là một món quà của Chúa cho sự hạnh phúc, sung sướng của con người và cho một xã hội ổn định. Tuy nhiên sự thôi thúc mạnh mẽ, được Chúa ban cho này thường biến thành một lối sống lấy bản thân làm trung tâm, tìm kiếm sự khoái lạc và muốn được nhiều hơn bất kể giá nào (Rô-ma 8:1-8; Ga-la-ti 6:7-8).

Nhiều khi có người nói: “Đức Chúa Trời tạo ra tôi như vậy” made me this way.” Rõ ràng chúng ta không biết được nguồn gốc (sinh học hay xã hội học) của hiện tượng đồng tính luyến ái. Nhưng chúng ta phải được hướng dẫn bởi Kinh Thánh. Lời Chúa phải được ưu tiên so với cảm xúc hoặc ý kiến cá nhân. Chúng ta là cộng đồng đức tin được dẫn dắt bởi thần linh mặc khải, chứ không bởi quyền cá nhân hay quyền tự do.

Kết thúc chủ đề, với tư cách người lãnh đạo hội thánh tôi biết có một thành phần trong vòng Cơ-đốc nhân phải tranh đấu trong lĩnh vực này. Nan đề không phải là thiên hướng nhưng hành động. Một số sinh viên thần học tranh đấu với những nan đề tình dục khác, rất mạnh mẽ trong giai đoạn cuộc sống này. Một số người chọn hạn chế dục vọng của mình. Họ là những người có thể thành công trong chức vụ. Điều này cũng đúng với những người tranh đấu với đồng tính luyến ái. Hành động, chứ không phải ý tưởng, chính là điều chính yếu. Vì sao có một số người bị lôi kéo tới người cùng giới là điều khó hiểu. Trong tất cả mọi lĩnh vực đều có sự lựa chọn. Chúng ta chịu trách nhiệm cho sự lựa chọn cá nhân.

Đức Chúa Trời yêu thương con người và mong muốn một cuộc sống phước hạnh, bền lâu và gia tăng cho con người là tạo hóa mang hình ảnh của Ngài. Những gì làm tổn thương sức khỏe, hạnh phúc của một cá nhân và cộng đồng đều bị phán xét. Đức Chúa Trời muốn những gì tốt nhất cho chúng ta, còn chúng ta chỉ muốn thỏa mãn một cách tức thì. Đức Chúa Trời thương xót tất cả mọi người.

▣ **"buôn người"** Đây cũng là một bằng chứng cho thấy danh mục tội lỗi ở đây tương tự như Mười Điều Răn. Các thầy Ra-bi giải thích điều “Ngươi chớ trộm cắp” (Xem Xuất Ê-díp-tô 20:15; Phục-truyền 5:19) là ngươi chớ bắt cóc người làm nô lệ (Xem Xuất Ê-díp-tô 21:16; Phục-truyền 24:7), tuy nhiên văn cảnh trực tiếp của câu này liên hệ tới sự đòi bại tình dục (ví dụ làm nhục nô lệ gái, như trong A-mốt 2:7, hay lạm dụng nô lệ trai trong hành vi đồng tính luyến ái)

▣ **"nói dối, khai man trước tòa,"** Đây có thể liên hệ tới Mười Điều Răn: Ngươi chớ làm chứng dối nghịch người lân cận” (Xem Xuất Ê-díp-tô 20:16; Phục-truyền 5:20).

▣ **"làm những điều nghịch với sự dạy dỗ lành mạnh "** Nếu chúng ta tiếp tục ý tưởng Mười Điều Răn, thì tội này liên hệ tới “ngươi chớ tham muốn, ..." (Xem Xuất Ê-díp-tô 20:17; Phục-truyền 5:21). Tuy nhiên, dường như, Pha-ô-lô chấm dứt danh mục tội lỗi như trong các câu Rô-ma 13:9 và Ga-la-ti 5:21 một cách chung chung (không đi vào chi tiết của tội tham muốn).

▣ **"sự dạy dỗ lành mạnh "** Chữ “lành mạnh” tương tự với từ “vệ sinh”, (“hygiene” trong Anh Ngữ có nguồn gốc từ tiếng Hy-lạp). Nó nói về sự dạy dỗ khiến cho tín đồ được lành mạnh thuộc linh.

Khái niệm này (dù được viết một cách khác) là chủ đề thường được lặp lại trong các thư Linh Vụ. (Xem 1 Ti-mô-thê 1:10; 4:6; 6:3; 2 Ti-mô-thê 1:13; 4:3; Tích 1:9,13; 2:1,2,7). Văn cảnh cho thấy “sự dạy dỗ lành mạnh” tương đồng với “Phúc Âm Vinh Hiển” trong 1 Ti-mô-thê 1:11.

Nỗi khó khăn khi áp dụng câu này liên hệ tới việc các tín đồ ngày nay định nghĩa thế nào là giáo sư giả. Làm sao một người có thể phân biệt được đâu là sự lựa chọn cá nhân tùy thuộc vào nền văn hóa, so với tín lý căn bản? Câu trả lời nằm trong sự truyền giảng Phúc Âm của các Sứ đồ, đặc biệt khi liên hệ tới Cá nhân và Công tác của Đấng Christ, để cuối cùng con người có thể đón nhận kết quả của công tác của Đấng Christ mà sống trong ánh sáng Phúc Âm, với mục đích càng ngày càng trở nên giống Ngài.

"Sự dạy dỗ lành mạnh" là một trong một vài cách bày tỏ và nâng cao chân lý của Đức Chúa Trời

1. "Lời Đức Chúa Trời" (Xem 1 Ti-mô-thê 4:5; 2 Ti-mô-thê 4:2; Tích 2:5)
2. "Lời của Chúa chúng ta" (Xem 1 Ti-mô-thê 6:3; 2 Ti-mô-thê 1:13)
3. "Lời chân lý" (Xem 2 Ti-mô-thê 2:15)
4. "lời đức tin" (Xem 1 Ti-mô-thê 4:6)
5. "giáo huấn" (Xem 1 Ti-mô-thê 1:10; 11 Ti-mô-thê 4:3; Tích 1:9, 2:1)
6. "những gì được giao" (Xem 1 Ti-mô-thê 6:20)
7. "chân lý" (Xem 2 Ti-mô-thê 1:14; 2:18, 25; 3:7,8; 4:4)
8. "Phúc Âm" (Xem 1 Ti-mô-thê 1:11; 2 Ti-mô-thê 2:8, 10, 11)
9. "đức tin" (Xem 1 Ti-mô-thê 6:21; 2 Ti-mô-thê 4:7)
10. "Thánh Kinh" (Xem 2 Ti-mô-thê 2:15-16)

1:11 "của Tin Mừng vinh hiển" Theo nghĩa đen: “Phúc Âm của sự vinh quang của Đức Chúa Trời phước hạnh” Câu này cũng tương tự như: “sự dạy dỗ lành mạnh” 1 Ti-mô-thê 1:10. Đức Chúa Trời đã bày tỏ cách liên hệ với Chúa và với người một cách hợp lý (theo Phúc Âm) và một cách không hợp lý (luật lệ hóa Do-thái giáo). Giao ước mới trong Đấng Christ là sự phán xét cuối cùng những gì thích đáng và cần thiết cho cơ-độc nhân (Xem Công-vụ 15).

Thuật ngữ (*doxa*) không dễ định nghĩa. Trong Cựu Ước, theo tiếng Hê-bơ-rơ có từ *kabod*, với ý nghĩa thương mại là năng ký, ám chỉ những gì đáng giá và đáng quý trọng. Nó có thêm ý nghĩa đặc biệt khi được dùng trong sự liên hệ tới ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Xem Xuất Ê-díp-tô 16:7), trong hình ảnh *shekinah* đám mây tượng trưng cho sự Trong Cựu Ước, từ này trở nên một cách ám chỉ chính Đức Chúa Trời (Xem Ê-sai 59:19). Đó là lý do vì sao Giăng 1:14 trở nên quan trọng như vậy. Chúa Giê-su và (hoặc) Phúc Âm của Ngài được xác nhận với Đức Chúa Trời phước hạnh trong Cựu Ước, tức là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

▣ **"Đức Chúa Trời phước hạnh,"** Thuật ngữ “phước hạnh” dùng cho Đức Chúa Trời, chỉ có ở đây và ở trong 1 Ti-mô-thê 6:15. Nó cũng được dùng trong bài giảng trên núi, Ma-thi-ơ 5 (i.e. "Phước thay," "thỏa mãn thay"). Ứng dụng của thành ngữ này là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đáng được ngợi khen.

▣ **"ta đã được trao trách nhiệm rao giảng"** - THÌ QUÁ KHỨ DẠNG THỤ ĐỘNG LỜI CHỈ ĐỊNH của thuật ngữ *pisteuō*, là thuật ngữ gốc của đức tin, tin cậy, và tin trong Tân Ước. Ở đây có ý nghĩa là “tin cậy lẫn nhau” (Xem Lu-ca 16:11; Rô-ma 3:2; 1 Cô-rin-tô 9:17; Ga-la-ti 2:7; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:4; 1 Ti-mô-thê 1:11; Tích 1:3; 1 Phi-ê-rơ 4:10).

Phao-lô tin rằng Đức Chúa Trời đã khiến ông làm người quản lý Phúc Âm, mà ông có trách nhiệm phải khai trình, (Xem 1 Cô-rin-tô 9:17; Ga-la-ti 2:7; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:4; Tích 1:3).

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 1:12-17

¹² Ta cảm tạ Đức Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng ta, Đấng ban năng lực cho ta, vì Ngài đã xét thấy ta trung thành nên đã bổ nhiệm ta phục vụ Ngài; ¹³ mặc dù trước kia ta là một kẻ phạm thượng, một kẻ bất bố, và một kẻ bạo tàn; nhưng ta đã nhận được ơn thương xót, bởi ta đã hành động như thế trong lúc ta chưa hiểu biết và chưa tin. ¹⁴ Nhưng ân sủng của Chúa chúng ta đã tuôn tràn trên ta, cùng với đức tin và tình yêu trong Đức Chúa Giê-su Christ. ¹⁵ Đây là lời đáng tin cậy và đáng cho mọi người tiếp nhận: Đức

Chúa Giê-su Christ đã đến thế gian để cứu những kẻ tội lỗi, trong những kẻ ấy ta đứng đầu.¹⁶ Nhưng cũng vì lý do đó mà ta đã nhận được ơn thương xót, để qua ta, một kẻ tội lỗi hàng đầu, Đức Chúa Giê-su Christ có thể bày tỏ lòng chịu đựng vô cùng lớn lao của Ngài, và dùng trường hợp của ta làm gương, để những người tin thờ Ngài được sự sống đời đời.
¹⁷Nguyện sự tôn quý và vinh hiển đời đời vô cùng thuộc về Đức Chúa Trời độc nhất vô nhị, là Vua đời đời, bất tử, và vô hình. A-men.

1:12 "Ta cảm tạ Đức Chúa Giê-su Christ," Ít khi nào Phao-lô cầu nguyện tới Đấng Christ thay vì cầu nguyện tới Đức Chúa Cha. Ông làm việc ấy ở đây vì có sự kiện gặp Chúa Giê-su trên đường đi Đa-mách (Xem Công-vụ 9:4-5; 22:7-8; 26:15). Phao-lô chắc chắn rằng Chúa Giê-su

1. khích lệ / trang bị / ba phẩm quyền cho ông (Xem Phi-líp 4:13; 2 Ti-mô-thê 4:17)
2. coi ông trung tín, đáng tin cậy
3. bổ nhiệm ông vào chức vụ (Xem Công-vụ 9:15).

Phần còn lại của phân đoạn cho thấy sự kinh ngạc của ông trước việc làm sao Đức Chúa Trời có thể yêu thương tha thứ và sử dụng một tội nhân ghê gớm như ông. Nếu Ngài có thể làm điều ấy với ông, Ngài có thể là cho tất cả mọi người, kể cả các giáo sư giả và môn đồ của họ.

Sự ngợi khen ở giữa văn cảnh là một điều thường thấy trong hành văn của Phao-lô. Trong quá trình giảng giải về tín lý ông thường thốt ra lời ca tụng và cảm tạ. Phao-lô thường dùng thuật ngữ Hy-lạp *eucharisteō* hoặc *eucharistia* để cảm tạ, nhưng ở đây ông dùng *charin*, là gốc từ của ân điển (*charis*). Thuật ngữ này khá hiếm hoi trong văn tự của Phao-lô, (Xem 1 Ti-mô-thê 1:12; 2 Ti-mô-thê 1:3). Tuy nhiên cả hai đều được dùng một cách trao đổi trong các thư gửi người Cô-rin-tô, dường như ý nghĩa của hai thuật ngữ đều giống nhau, với sự khác biệt rất nhỏ.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TẠ ƠN (Thanksgiving)

Thanksgiving

I. Giới thiệu

A. Đây là thái độ thích hợp của tín hữu hướng về Đức Chúa Trời:

1. Đây là nguồn gốc của sự ca ngợi Đức Chúa Trời qua Đấng Christ của chúng ta.
 - a. II Cô-rinh-tô 2:14
 - b. II Cô-rinh-tô 9:15
 - c. Cô-lô-sê 3:17
2. Đây là động cơ để hầu việc đúng đắn, I Cô-rinh-tô 1:4
3. Đây là chủ đề tiếp tục trên thiên đàng
 - a. Khải Huyền 4:9
 - b. Khải Huyền 7:12
 - c. Khải Huyền 11:17
4. Đây là chủ đề tiếp tục của các tín hữu
 - a. Cô-lô-sê 2:7
 - b. Cô-lô-sê 3:17
 - c. Cô-lô-sê 4:2

II. Tài liệu Kinh Thánh

A. Cựu Ước

1. Hai từ chính:
 - a. *yadah*, có nghĩa là ca ngợi
 - b. *todah*, có nghĩa là tạ ơn. Chữ này thường được dùng chỉ sự dâng hiến của lễ (xem II Sứ ký 29:31; 33:16)
2. Đa-vít đã chỉ định những người Lê-vi tuyển chọn để ca ngợi và cảm tạ Đức Chúa Trời. Điều này được tiếp tục duy trì bởi Sa-lô-môn, Ê-xê-chia, và Nê-hê-mi:
 - a. I Sứ ký 16:4,7,41

- b. I Sứ ký 23:30
 - c. I Sứ ký 25:3
 - d. II Sứ ký 5:13
 - e. II Sứ ký 7:6
 - f. II Sứ ký 31:2
 - g. Nê-hê-mi 11:12
 - h. Nê-hê-mi 12:24,27,31,38,46
3. Thi-thiên là bộ sưu tập những lời ca ngợi và cảm tạ của Y-sơ-ra-ên:
- a. Tạ ơn Đức Giê-hô-va về sự thành tín theo giao ước của Ngài
 - (1) Thi-thiên 107:8 [chữ *hesed*]
 - (2) Thi-thiên 103:1 và các câu tiếp
 - (3) Thi-thiên 138:2 [chữ *hesed*]
 - b. Tạ ơn là một phần trong nghi lễ tại Đền thờ
 - (1) Thi-thiên 95:2
 - (2) Thi-thiên 100:4
 - c. Sự tạ ơn được kèm theo với của lễ
 - (1) Thi-thiên 26:7
 - (2) Thi-thiên 122:4
 - d. Tạ ơn về những việc làm của Đức Giê-hô-va
 - (1) Giải cứu khỏi kẻ thù
 - (a) Thi-thiên 7:17
 - (b) Thi-thiên 18:49
 - (c) Thi-thiên 28:7
 - (d) Thi-thiên 35:18
 - (e) Thi-thiên 44:8
 - (f) Thi-thiên 54:6
 - (g) Thi-thiên 79:13
 - (h) Thi-thiên 118:1,21,29
 - (i) Thi-thiên 138:1
 - (2) Giải cứu khỏi ngục tù (theo nghĩa hình bóng), Thi-thiên 142:7
 - (3) Giải cứu khỏi cái chết
 - (a) Thi-thiên 30:4,12
 - (b) Thi-thiên 86:12-13
 - (c) Ê-sai 38:18-19
 - (4) Ngài hạ kẻ gian ác xuống và tôn cao người công chính
 - (a) Thi-thiên 52:9
 - (b) Thi-thiên 75:1
 - (c) Thi-thiên 92:1
 - (d) Thi-thiên 140:13
 - (5) Ngài tha thứ
 - (a) Thi-thiên 30:4
 - (b) Ê-sai 12:1
 - (6) Ngài tiếp trợ cho dân sự Ngài
 - (a) Thi-thiên 106:1 và các câu tiếp
 - (b) Thi-thiên 111:1
 - (c) Thi-thiên 136:1,26
 - (d) Thi-thiên 145:10
 - (e) Giê-rê-mi 33:11

B. Tân Ước

- 1. Những chữ chính được dùng để cảm tạ, tạ ơn (theo một số trích dẫn)
 - a. *eucharisteō* (xem I Cô-rinh-tô 1:4,14; 10:30; 11:24; 14:17,18; Cô-lô-sê 1:3,12; 3:17)
 - b. *eucharistos* (xem Cô-lô-sê 3:15)

- c. *eucharistia* (xem I Cô-rinh-tô 14:16; II Cô-rinh-tô 4:15; 9:11,12; Cô-lô-sê 2:7; 4:2)
- d. *charis* (xem I Cô-rinh-tô 15:57; II Cô-rinh-tô 2:14; 8:16; 9:15; I Phi-e-rơ 2:19)
- 2. Gương mẫu của Đức Chúa Giê-xu
 - a. Ngài tạ ơn về thức ăn:
 - (1) Lu-ca 22:17,19 (I Cô-rinh-tô 11:24)
 - (2) Giăng 6:11,23
 - b. Ngài cảm tạ cho lời cầu xin được trả lời, Giăng 11:41
- 3. Những gương mẫu khác về sự tạ ơn
 - a. Vì Đấng Christ là quà tặng từ Đức Chúa Trời, II Cô-rinh-tô 9:15
 - b. Về thức ăn
 - (1) Công-vụ 27:35
 - (2) Rô-ma 14:6
 - (3) I Cô-rinh-tô 10:30; 11:24
 - (4) I Ti-mô-thê 4:3-4
 - c. Về sự chữa lành, Lu-ca 17:16
 - d. Về sự bình an, Công-vụ 24:2-3
 - e. Được giải cứu khỏi nguy hiểm
 - (1) Công-vụ 27:35
 - (2) Công-vụ 28:15
 - f. Trong mọi hoàn cảnh, Phi-líp 4:6
 - g. Cho mọi người, đặc biệt là các trưởng lão, I Ti-mô-thê 2:1
- 4. Những khía cạnh khác của sự tạ ơn
 - a. Nó là ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho mọi tín hữu, I Tê-sa-lô-ni-ca 5:18
 - b. Nó là dấu hiệu của đời sống được đầy dẫy Đức Thánh Linh, Ê-phê-sô 5:20
 - c. Bỏ qua sự tạ ơn là tội
 - (1) Lu-ca 17:16
 - (2) Rô-ma 1:21
 - d. Nó là thuốc giải độc dành cho tội lỗi, Ê-phê-sô 5:4
- 5. Sự tạ ơn của Phao-lô
 - a. Lời tạ ơn Chúa về phước lành trên Hội thánh
 - (1) Về sự công bố Phúc âm
 - (a) Rô-ma 1:8
 - (b) Cô-lô-sê 1:3-4
 - (c) Ê-phê-sô 1:15-16
 - (d) I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2
 - (2) Về sự ban phát ân điển
 - (a) I Cô-rinh-tô 1:4
 - (b) II Cô-rinh-tô 1:11; 4:15
 - (3) Về sự tiếp nhận Phúc âm, I Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
 - (4) Về mối thông công trong việc truyền bá Phúc âm, Phi-líp 1:3-5
 - (5) Về sự tăng trưởng trong ân điển, II Tê-sa-lô-ni-ca 1:3
 - (6) Về sự hiểu biết việc được lựa chọn, II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
 - (7) Về những phước lành thiêng liêng, Cô-lô-sê 1:12; 3:15
 - (8) Về việc tự nguyện ban cho, II Cô-rinh-tô 9:11-12
 - (9) Về niềm vui với những tín hữu mới, I Tê-sa-lô-ni-ca 3:9
 - b. Lời tạ ơn cá nhân
 - (1) Được là một tín hữu, Cô-lô-sê 1:12
 - (2) Được giải cứu khỏi xiềng xích của tội lỗi, Rô-ma 7:25; II Cô-rinh-tô 2:14
 - (3) Về công lao hy sinh của những tín hữu khác, Rô-ma 16:4; II Cô-rinh-tô 8:16
 - (4) Về một số việc không xảy ra, I Cô-rinh-tô 1:14
 - (5) Về ân tứ thiêng liêng cá nhân, I Cô-rinh-tô 14:18
 - (6) Về sự tăng trưởng tâm linh của những bạn hữu, Phi-lê-môn 4-5

(7) Về sức mạnh thuộc thể để hầu việc, I Ti-mô-thê 1:12

III. Kết luận

- A. Tạ ơn là sự đáp ứng chính đáng của chúng ta với Đức Chúa Trời khi chúng ta được cứu. Nó bày tỏ ra không chỉ bằng lời nói nhưng còn qua lối sống cảm tạ.
- B. Tạ ơn trong mọi sự là mục đích của đời sống trưởng thành trong sự chăm sóc của Đức Chúa Trời (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 5:13-18).
- C. Tạ ơn là chủ đề lặp đi lặp lại trong cả Cựu Ước và Tân Ước. Nó có phải là chủ đích đời sống bạn không?

1:13 "một kẻ phạm thượng," – nói về đức tin và tuyên bố của Sao-lơ về Chúa Giê-su trước khi ông được cải đạo.

▣ **"một kẻ bất bớ, và một kẻ bạo tàn;"** (Xem Công-vụ 8:1-3; 9:1,13,21; 22:4,19; 26:10-11; 1 Cô-rin-tô 15:8-9; Ga-la-ti 1:13; Phi-líp 3:6)

▣ **"ta đã nhận được ơn thương xót"** - THÌ QUÁ KHỨ DẠNG THỤ ĐỘNG LỐI CHỈ ĐỊNH, Đức Chúa Trời / Đấng Christ đã thương xót Sao-lơ, kẻ bất bớ cuồng bạo. Nếu ông nhận lãnh sự thương xót, tác cả mọi người đều có thể nhận lãnh sự thương xót. Điều này bày tỏ đặc tính của Đức Chúa Trời, cho thấy tình yêu và sự thương xót của Ngài vươn tới tội nhân đến mức độ nào.

▣ **"ta đã hành động như thể trong lúc ta chưa hiểu biết và chưa tin"** Trong Cựu Ước, tội ngộ nhận có thể được tha thứ nhờ sinh tế (Lê-vi 16) nhưng tội chủ ý không thể tha thứ, ngay cả trong ngày Đại Lễ. Trong thư Rô-ma, Phao-lô khẳng định Đức Chúa Trời quy trách nhiệm cho con người với mức độ ánh sáng hiểu biết. Ví dụ trước khi có Luật Mô-sê, Đức Chúa Trời bỏ qua sự vi phạm điều luật. (Xem Công-vụ 17:30; Rô-ma 3:20,25; 4:15; 5:13,20; 7:5,7-8; 1 Cô-rin-tô 15:56). Cũng vậy đối với những người chưa được nghe Phúc Âm (Xem Rô-ma 1:18-2:29). Họ chịu trách nhiệm về ánh sáng họ có (từ tạo hóa, Rô-ma 1:18-23 và từ lương tâm cáo trách, Rô-ma 2:14-15). Đây còn được gọi là "mặc khải tự nhiên" thay thế cho "mặc khải đặc biệt" (Kinh Thánh).

1:14 "Nhưng ân sủng của Chúa" Chìa khóa trong thần học Phao-lô là đặc tính của Đức Chúa Trời chứ không phải là công đức của con người. Hy vọng duy nhất của con người nơi tình yêu và sự thương xót của Đức Chúa Trời chỉ có được trong Đấng Christ (Xem Ê-phê-sô 1:3-14; 2:4,8-9).

▣ **"đã tuôn tràn trên ta"** Theo nghĩa đen "siêu đầy" (*hyperpleonazō*). Đây là cách hành văn *hapax legomenon* đặc thù của Phao-lô tạo ra thuật ngữ ghép với tiền tố *hyper*, "nơi nào tội lỗi gia tăng thì ân điển lại càng dư dật hơn" (Rô-ma 5:20).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁCH DÙNG TỪ GHÉP 'HUPER' CỦA PHAO LÔ

Paul's Use Of "*Huper*" Compounds

Phao lô có một ưa thích đặc biệt về việc tạo ra các từ mới khi sử dụng GIỚI TỪ *hyper* trong tiếng Hy Lạp, có nghĩa là 'vượt qua' hay 'ở trên'. Khi dùng với SỐ HỮU CÁCH (GENITIVE, ABLATIVE) nó có nghĩa là 'thay mặt.' Nó cũng có ý nghĩa "về" hay "liên hệ đến" như chữ *peri* (II Cô-rinh-tô 8:23; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:1). Khi sử dụng với ĐỐI CÁCH (ACCUSATIVE) nó có nghĩa là 'bên trên,' 'vượt qua,' hay 'vượt quá' (xem sách của A.T. Robertson, *A Grammar of the Hy-lạp Tân Ước in the Light of Historical Research*, trang 625-633). Khi Phao lô muốn nhấn mạnh một khái niệm, ông thường sử dụng GIỚI TỪ từ trong một từ ghép.

Sau đây là bảng liệt kê của những cách Phao lô sử dụng GIỚI TỪ này trong các từ ghép:

- A. Hapax legomenon (có nghĩa là "chỉ dùng một lần trong Tân Ước")

1. *Huperakmos*, một người đã qua thời kỳ sung mãn nhất của cuộc đời, I Cô-rinh-tô 7:36

2. *Huperauxano*, gia tăng nhiều gấp bội, II Tê-sa-lô-ni-ca 1:3
3. *Huperbaino*, đi quá hay vượt quá, I Tê-sa-lô-ni-ca 4:6
4. *Huperkeina*, vượt quá, lần sang II Cô-rinh-tô 10:16
5. *Huperekteina*, vượt quá, II Cô-rinh-tô 10:14
6. *Huperentugchano*, cầu thay, Rô-ma 8:26
7. *Hupernikao*, chiến thắng dư dật, Rô-ma 8:37
8. *Huperpleonazo*, dư dật vượt quá, I Ti-mô-thê 1:14
9. *Huperupsoo*, tôn cao tốt bực, Phi-líp 2:9
10. *Huperphroneo*, có những ý tưởng cao, Rô-ma 12:3

B. Từ chỉ dùng trong các thư tín của Phao lô.

1. *Huperairomai*, tự nâng mình lên, II Cô-rinh-tô 12:7; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:4
2. *Huperballontos*, vượt mức, không thể đo lường được, II Cô-rinh-tô 11:23; (chỉ có PHÓ TỬ ở đây, nhưng ở dạng ĐỘNG TỬ trong II Cô-rinh-tô 3:10; 9:14; Ê-phê-sô 1:19; 2:7; 3:19)
3. *Huperbole*, quá mức, một số lượng bất thường, Rô-ma 7:13; I Cô-rinh-tô 12:31; II Cô-rinh-tô 1:8; 4:7,17; 12:7; Ga-la-ti 1:13
4. *Huperekperissou*, vượt quá mọi sự đo lường, Ê-phê-sô 3:20; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:10; 5:13
5. *Huperlian*, ở mức độ cao nhất, tốt bực, II Cô-rinh-tô 11:5; 12:11
6. *Huperoche*, tuyệt vời, nổi bật xuất chúng, I Cô-rinh-tô 2:1; I Ti-mô-thê 2:2
7. *Huperperisseuo*, đầy đầy, đầy tràn, Rô-ma 5:20 (TRUNG CÁCH (MIDDLE VOICE), được đầy tràn, đầy đầy, II Cô-rinh-tô 7:4)

C. Từ Phao lô dùng và rất hiếm khi được các trước giả Tân Ước khác dùng

1. *Huperano*, vượt xa, Ê-phê-sô 1:21; 4:10; và Hê-bơ-rơ 9:5 (dùng chỉ thăm quyền các thiên thần)
2. *Huperecho*, tuyệt diệu, Rô-ma 13:1; Phi-líp 2:3; 3:8; 4:7; I Phi-e-rơ 2:13
3. *Huperephanos*, kiêu căng, Rô-ma 1:30; II Ti-mô-thê 3:2 và Lu-ca 1:51; Gia-cơ 4:6; I Phi-e-rơ 5:5.

Phao lô là một người đầy nhiệt huyết; một khi điều gì hay người nào đó tốt, thì họ hay điều đó rất tốt và khi điều gì hay người nào đó xấu, thì họ hay điều đó cũng rất xấu. GIỚI TỬ này đã mở đường cho Phao lô bày tỏ những cảm xúc cực độ của mình về tội lỗi, bản ngã, Đấng Christ và Phúc âm.

▣ **"cùng với đức tin và tình yêu trong Đức Chúa Giê-su Christ."** Có một vài nan đề giải thích thần học liên hệ tới câu này.

1. Danh hiệu "Chúa" (I Ti-mô-thê 1:14) ám chỉ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Xem I Ti-mô-thê 1:17) hay Chúa Giê-su? Theo văn cảnh, liên hệ tới ĐỨC GIÊ-HÔ-VA có vẻ hợp lý hơn.
2. Món quà ân điển liên hệ tới đức tin và tình yêu, liên hệ tới Đức Chúa Trời hay tới Đấng Christ? (Xem TEV, NJB).

Rõ ràng sự cải đạo của Phao-lô là trải nghiệm ân điển (Xem Công-vụ 9) Ông được chọn và được bổ nhiệm. Sự đáp ứng của ông không phải là hành động của quyền tự do quyết định. Nhu cầu của Phao-lô được đáp ứng trong ân điển của Đức Chúa Trời và công tác của Chúa Giê-su. Phao-lô tiếp nhận ân điển và sống nhờ ân điển làm gương cho tất cả mọi người.

Xin để ý rằng sự cứu rỗi từ Đức Chúa Trời chỉ được cung ứng trong Đấng Christ. Trong Ngài Đức Chúa Trời trả lời cho mọi lãnh vực cuộc sống của loài người sa ngã (Xem I Ti-mô-thê 1:15-17).

1:15 "Đây là lời đáng tin cậy và đáng cho mọi người tiếp nhận" Câu này được nhắc lại 5 lần trong các thư linh vụ (Xem I Ti-mô-thê 1:15; 3:1, 4:9; 2 Ti-mô-thê 2:11; Tích 3:8). Nó cũng giống như câu "a-men, a-men" của Chúa Giê-su trước một lời tuyên bố rất quan trọng. Nhiều học giả cho rằng đây là câu Phao-lô trích dẫn từ một bài thánh ca, ngân nga nghi lễ, giáo lý. Có người cho rằng đây là trích dẫn bản tuyên xưng đức tin thời xưa 1:17; 3:16; 6:15-16; 2 Ti-mô-thê 2:11-13.

▣ **"Đức Chúa Giê-su Christ đã đến thế gian"** – nói về sự tiền tại của Chúa Giê-su (Xem Giảng 1:1,15, 8:57-58, 16:28, 17:5; I Cô-rinh-tô 8:9; Phi-líp 2:6-7; Cô-lô-sê 1:17; Hê-bơ-rơ 1:3; 10:5-8), là chủ đề chính liên hệ tới Thần

Đức của Ngài, (Thiên Chúa nhập thể chứ không phải là tạo vật) Xem Châm-ngôn 8:22). Điều này nhắm vào các giáo sư giả thuộc Tri-huê giáo. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Tri-huê giáo / Gnosticisim ở câu Tích 1:1.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THẾ GIỚI (KOSMOS)

Phao-Lô's Use Of *Kosmos*

Phao-lô dùng chữ *kosmos* theo nhiều cách.

1. Tất cả trật tự được tạo dựng (xem Rô-ma 1:20; Ê-phê-sô 1:4; I Cô-rinh-tô 3:22; 8:4,5)
2. Hành tinh này (xem II Cô-rinh-tô 1:17; Ê-phê-sô 1:10; Cô-lô-sê 1:20; I Ti-mô-thê 1:15; 3:16; 6:7)
3. Nhân loại (xem 1:27-28; 4:9,13; Rô-ma 3:6,19; 11:15; II Cô-rinh-tô 5:19; Cô-lô-sê 1:6)
4. Nhân loại tổ chức và hành động tách biệt khỏi Đức Chúa Trời (xem 1:20-21; 2:12; 3:19; 11:32; Ga-la-ti 4:3; Ê-phê-sô 2:2,12; Phi-líp 2:15; Cô-lô-sê 2:8,20-24). Điểm này rất giống với cách dùng của Giảng (I Giảng 2:15-17)
5. Cấu trúc của thế giới hiện tại (xem 7:29-31; Ga-la-ti 6:14 tương tự như Phi-líp 3:4-9, nơi đây Phao-lô mô tả những cấu trúc theo cách Do thái). Có một vài cách dùng lại trùng lặp lẫn nhau và khó có thể phân loại rõ ràng cho từng cách sử dụng. Cũng giống như nhiều chữ trong tư tưởng của Phao-lô, chữ này cần phải được định nghĩa theo văn mạch cụ thể chứ không thể dựa vào định nghĩa sẵn có. Các thuật ngữ Phao-lô sử dụng rất là uyển chuyển (xem James Stewart's *A Man in Christ*). Phao-lô không có ý định xây dựng thần học hệ thống, ông chỉ rao giảng về Đấng Christ. Ông thay đổi tất cả mọi thứ.

▣ "**để cứu những kẻ tội lỗi,**" – Lý do Đấng Christ nhập thể (Xem Mác 10:45; Lu-ca 19:10; 1 Giảng 2:2) cũng là tín lý căn bản của Phúc Âm liên hệ tới nhu cầu ân điển của loài người sa ngã, (Xem Rô-ma 3:9-18,23; 6:23).

▣ "**ta đứng đầu**" – Ánh sáng càng nhiều, ý thức về tội lỗi càng cao (Xem 1 Ti-mô-thê 1:16; 1 Cô-rinh-tô 15:9; Ê-phê-sô 3:8). Phao-lô cảm thấy sự cáo trách khi ông khùng bỏ hội thánh (Xem Công-vụ 7:58; 8:1; 9:12; 22:4,19-20; 26:10-11), nhưng đồng thời ân điển tình yêu quá dư dật của Đức Chúa Trời và lối giải thoát cho tội nhân qua công tác hoàn thiện của Đấng Christ, (Xem 1 Ti-mô-thê 1:16).

1:16 lòng chịu đựng vô cùng lớn lao

RVV11:	"sự nhẫn nhục trọn vẹn"
VB1926:	"mọi sự nhịn-nhục"
NASB	"kiên nhẫn tuyệt hảo"
NKJV	"nhẫn nhục"
NRSV	"kiên nhẫn tuyệt đối "
TEV	"kiên nhẫn đầy đủ"
NJB	"kiên nhẫn không hạn"

Đây là thuật ngữ Hy-lạp ghép (*makros* và *thumos*) có nghĩa là "cầm nén cơn giận", thường được dùng trong Cựu Ước bản Hy-lạp, còn được gọi là bản Bảy Mươi, hay Septuagint (Xem Dân-số 14:18; Thi-thiên 86:15; 103:8; Giô-ên 2:13; Nah. 1:3). Kiên nhẫn của là đặc tính của Đức Chúa Trời trong Tân Ước (Xem Rô-ma 2:4; 9:22; 1 Phi-ê-rơ 3:20; 2 Phi-ê-rơ 3:15) và cũng là đặc tính nên có của con cái Ngài, (Xem 2 Cô-rinh-tô 6:6; Ga-la-ti 5:22; Ê-phê-sô 4:2; Cô-lô-sê 1:11; 3:12; 2 Ti-mô-thê 3:10; 4:2).

▣ "**làm gương,**" Phao-lô làm chứng về sự cứu rỗi, từ địa vị kẻ tử thù với Phúc Âm trở nên người Sứ Đồ đáng tin cậy cho Dân ngoại. Điều ấy chứng tỏ chiều cao chiều sâu của ân điển Đức Chúa Trời. Trong một cách nói khác, Phao-lô là giáo sư giả thực lòng, kinh nghiệm được sự thương xót của Đức Chúa Trời.

▣ "**để những người tin thờ Ngài được sự sống đời đời**" Chúa Giê-su cầu thay cho những kẻ tin Ngài, Giảng 17:20-26. Mặc dù Phúc Âm Giảng sử dụng giới từ *eis* thường xuyên khi nói tới đức tin con người, Phao-lô là sử dụng *epi* (Xem Rô-ma 4:5,24; 9:33; 10:11; 1 Ti-mô-thê 1:16; và Công-vụ 9:42; 11:17; 16:31) hoặc TẶNG CÁCH

/ DATIVE (Xem Ga-la-ti 3:6; Công-vụ 18:8; 27:25). Không có sự khác biệt theo thần học giữa đặt đức tin (1) vào (*eis*); (2) trong (*en*) và (3) nơi (*epi*), hay sử dụng TẶNG CÁCH không GIỚI TỪ, (Xem 1 Giăng 5:10). Phao-lô, cũng như Giăng thường dùng chữ “tin rằng” (*hoti*) để nhấn mạnh đức tin (Xem Rô-ma 6:8; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:14). Phúc Âm chính là (1) Cá Nhân để chào đón, (2) Chân Lý để tin nhận và (3) Sự Sống để sống đạo.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC TIN [danh từ], TIN, [động từ], ĐÁNG TIN [tính từ]

Faith, Believe, or Trust (Pistis [Noun], Pisteuō, [Verb], Pistos [Adjective])

- A. Đây là chữ rất quan trọng của Kinh Thánh (xem Hê-bơ-rơ 11:1,6). Nó là chủ đề cho những bài giảng lúc ban đầu của Đức Chúa Giê-xu (xem Mác 1:15). Có ít nhất hai đòi hỏi của giao ước mới: sự ăn năn và đức tin (xem 1:15; Công-vụ 3:16,19; 20:21).
- B. Từ nguyên (nguồn gốc của từ ngữ)
 Chữ “đức tin” trong Cựu Ước có nghĩa là trung thành, trung thực hay là đáng tin cậy
1. là sự mô tả bản tính của Đức Chúa Trời, chứ không phải con người chúng ta.
 2. nó phát xuất từ chữ Do thái (*emun, emunah*) có nghĩa là “chắc chắn” hay là “ổn định”. Đức tin cứu rỗi là sự tán thành trong tâm trí (những chân lý, lẽ thật), đời sống đạo đức (lối sống) và hơn nữa là sự cam kết liên hệ (sẵn sàng tiếp đón) với một người nào đó, một cam kết tự nguyện (một quyết định) dành cho một người nào đó.
- C. Cách sử dụng trong Cựu Ước
 Cần phải nhấn mạnh rằng đức tin của Áp-ra-ham không đặt nơi Đấng Mê-si-a sẽ đến trong tương lai, nhưng là nơi những lời hứa của Đức Chúa Trời rằng ông sẽ có một đứa con và dòng dõi (xem Sáng-thể Ký 12:2; 15:2-5; 17:4-8; 18:14). Áp-ra-ham đáp ứng với lời hứa này bằng cách tin cậy nơi Đức Chúa Trời. Ông vẫn có những nghi vấn và trở ngại về lời hứa này, phải chờ đợi mười ba năm để hoàn thành. Đức tin của ông không trọn vẹn, tuy vậy vẫn được Đức Chúa Trời chấp nhận. Đức Chúa Trời sẵn sàng đồng công với con người sa ngã đáp ứng với Ngài và những lời hứa của Ngài bởi đức tin, ngay cả khi đức tin chỉ bằng hột cải (xem Ma-thi-ơ 17:20).
- D. Cách sử dụng trong Tân Ước
 Chữ “tin” phát xuất từ chữ Hy Lạp (*pisteuō*) được dịch là “tin”, “đức tin” hay là “tin cậy”. Ví dụ, dạng danh từ không xuất hiện trong Phúc âm Giăng, nhưng dạng động từ lại được thường sử dụng. Trong Giăng 2:23-25 có sự mơ hồ về tính chân thật của đám đông xác nhận Giê-xu người Na-xa-rét là đấng Mê-si-a. Những ví dụ khác về cách sử dụng chữ “tin hời hợt” là Giăng 8:31-59 và Công-vụ 8:13,18-24. Đức tin chân thật theo như Kinh Thánh thì nhiều hơn chỉ là đáp ứng ban đầu. Nó cần phải được tiếp tục bằng một quá trình môn đệ hóa sau đó (xem Ma-thi-ơ 13:20-22,31-32).
- E. Cách sử dụng như là GIỚI TỪ (GIỚI TỪS)
1. *eis* có nghĩa là “vào trong”. Cấu trúc độc đáo này nhấn mạnh những tín hữu đặt sự tin cậy/đức tin trong Đức Chúa Giê-xu
 - a. vào trong danh Ngài (Giăng 1:12; 2:23; 3:18; I Giăng 5:13)
 - b. vào trong Ngài (Giăng 2:11; 3:15,18; 4:39; 6:40; 7:5,31,39,48; 8:30; 9:36; 10:42; 11:45,48; 17:37,42; Ma-thi-ơ 18:6; Công-vụ 10:43; Phi-líp 1:29; I Phi-e-rơ 1:8)
 - c. vào trong Ta (Giăng 6:35; 7:38; 11:25,26; 12:44,46; 14:1,12; 16:9; 17:20)
 - d. vào trong Đức Chúa Con (Giăng 3:36; 9:35; I Giăng 5:10)
 - e. vào trong Đức Chúa Giê-xu (Giăng 12:11; Công-vụ 19:4; Ga-la-ti 2:16)
 - f. vào trong Sự sáng (Giăng 12:36)
 - g. vào trong Đức Chúa Trời (Giăng 14:1)
 2. *en* có nghĩa là “trong” giống như tại Giăng 3:15; Mác 1:15; Công-vụ 5:14
 3. *epi* có nghĩa là “trong” hay là ở trên, giống như tại Ma-thi-ơ 27:42; Công-vụ 9:42; 11:17; 16:31; 22:19; Rô-ma 4:5,24; 9:33; 10:11; I Ti-mô-thê 1:16; I Phi-e-rơ 2:6
 4. dạng TẶNG CÁCH không có GIỚI TỪ (DATIVE CASE with no GIỚI TỪ) giống như trong Ga-la-ti 3:6; Công-vụ 18:8; 27:25; I Giăng 3:23; 5:10
 5. *hoti*, có nghĩa là “tin rằng”, cho biết điều tin cậy.
 - a. Đức Chúa Giê-xu là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời (Giăng 6:69)
 - b. Đức Chúa Giê-xu là Ta Là (Giăng 8:24)

- c. Đức Chúa Giê-xu ở trong Đức Chúa Cha và Đức Chúa Cha ở trong Ngài (Giăng 10:38)
- d. Đức Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si-a (Giăng 11:27; 20:31)
- e. Đức Chúa Giê-xu Con của Đức Chúa Trời (Giăng 11:27; 20:31)
- f. Đức Chúa Giê-xu được Đức Chúa Cha sai đến (Giăng 11:42; 17:8,21)
- g. Đức Chúa Giê-xu là một với Đức Chúa Cha (Giăng 14:10-11)
- h. Đức Chúa Giê-xu đến từ Đức Chúa Cha (Giăng 16:27,30)
- i. Đức Chúa Giê-xu xác nhận chính Ngài trong danh hiệu giao ước của Đức Chúa Cha, “Ta Là” (Giăng 8:24; 13:19)
- j. Chúng ta sẽ sống với Ngài (Rô-ma 6:8)
- k. ĐỨC CHÚA GIÊ-XU ĐÃ CHẾT VÀ ĐÃ SỐNG LẠI (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:14)

▣ **"sự sống đời đời."** Sự sống đời đời (*zōen aiōnion*) là chủ đề lặp lại nhiều lần trong thần học theo Giăng, là thực tại hiện thời (e.g., Giăng 3:16,36; 5:24; 6:47,54) cũng như là hy vọng tương lai cho những ai biết Đức Chúa Trời qua sự tin cậy vào Đức Chúa Con (e.g., Giăng 17:2-3).

Phao-lô sử dụng thuật ngữ này như một cách xác định (1) Kỷ Nguyên Mới; (2) Vương Quốc Đức Chúa Trời ; và (3) sự sống lại (Xem Rô-ma 2:7; 5:21; 6:22,23; Ga-la-ti 6:8; 1 Ti-mô-thê 1:16; Tít 1:2; 3:7). Duy nhất chỉ Đức Chúa Trời mới bắt đầu, duy nhất chỉ có Đức Chúa Trời có thể ban sự sống Ngài ban sự sống đời đời cho những ai tin cậy Đức Chúa Con bởi đức tin.

1:17 "Vua" Lời ca ngợi này giống như câu 6:15-16. Nó phản ánh ngôn ngữ của nhà hội Do-thái ("Vua của Vũ Trụ") và của người Do-thái sống ngoại quốc (thuật ngữ "đời đời" ám chỉ Đức Chúa Trời được Philo từ Alexandria sử dụng thường xuyên).

Cũng rất có thể Phao-lô trích dẫn bài Thánh Ca, xưng nhận đức tin hay tín điều của hội thánh sơ khởi, như ông làm trong câu 1 Ti-mô-thê 3:16; 6:15-16 and 2 Ti-mô-thê 2:11-13.

▣ **"đời đời"** Đây là TÍNH TỪ hùng mạng đầu tiên trong bốn TÍNH TỪ S được sử dụng trong câu này, 1 Ti-mô-thê 1:16, ở đây miêu tả Đức Chúa Trời. Theo nghĩa đen là "của mọi thời đại", được hiểu theo ẩn dụ Do-thái về hai kỷ nguyên:

1. Kỷ Nguyên Hiện Tại tội lỗi xấu xa, đặc thù bởi tính độc lập và phản loạn (của con người và thiên sứ)
2. Kỷ Nguyên Sẽ Đến được hứa, đặc thù bởi sự công chính và tể trị của Đức Thánh Linh và thực thi bởi Đấng Mê-si-a

Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 6:17.

Sự căng thẳng "đã có và chưa trọn" về sự sống đời đời miêu tả một giai đoạn trong đó hai Kỷ Nguyên theo ý tưởng Do-thái chồng chéo lên nhau, bởi sự bày tỏ của sự Nhập Thể của Đấng Mê-si-a Đấng Cứu Chuộc và sự Tái Lâm của Vị Vua, Chúa và Thẩm Phán.

▣ **"bất tử,"** Theo nghĩa đen là "không thể hư nát", và hiểu theo ẩn dụ là "Đấng sống đời đời" "Nguồn Sống". Danh hiệu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong tiếng Hê-bơ-rơ bắt nguồn từ động từ xác định "Ta Là", từ đó xuất phát Danh "Đấng Tự Hữu Hằng Hữu" Xem Xuất Ê-díp-tô 3:14, Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Thánh / Names for Deity ở câu 2 Ti-mô-thê 1:2). Chỉ có Đức Chúa Trời mới có sự sống trong Ngài, (Xem Rô-ma 1:23; 1 Ti-mô-thê 1:17; 6:16). Tất cả sự sống đều là món quà và sự quản trị Đức Chúa Trời ban cho. Ấy là ân điển của Đức Chúa Trời, công tác của Chúa Giê-su và chức vụ của Đức Thánh Linh.

▣ **"vô hình."** thuật ngữ ám chỉ cõi tâm linh (Xem Cô-lô-sê 1:15) hoặc về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA với tư cách Đức Chúa Trời không ai có thể nhìn thấy, (không hình tượng, Xem Xuất Ê-díp-tô 33:20; Phục-truyền 4:15; 1 Ti-mô-thê 6:16). Đức Chúa Trời là Thần Linh đời đời của tất cả mọi tạo hóa.

▣ **"Đức Chúa Trời độc nhất vô nhị"** Điều này liên hệ tới ý tưởng Nhất thần Luận” của người Do-thái, (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 2:5, Xem Phục-truyền 6:4-6; Giu-đe 25). Nó bày tỏ thế giới quan theo Kinh Thánh một cách đặc thù. Kinh Thánh dẫn dắt con người tới một góc nhìn đức tin vượt qua năm giác quan

1. Chỉ có một và duy nhất Đức Chúa Trời (Xem Sáng-Thế-Ký 1:1; Xuất Ê-dip-tô 8:10; 9:14; Phục-truyền 4:35-39; 1 Sa-mu-en 2:2; 2 Sa-mu-en 7:22; 22:32; 1 Các-vua 8:23; Thi-thiên 86:8,10; Ê-sai 43:11; 44:6,8; 45:6-7,14,18,21-22; 46:5,9; Giê-rê-mi 2:11; 5:7; 10:6; 16:20).
2. Ngài là Đấng cá nhân, tạo hóa, cứu chuộc, (Xem Sáng-Thế-Ký 1-2; 3:15; Thi-thiên 103-104).
3. Ngài hứa ban hy vọng, và sự hồi phục qua Đấng Mê-si-a (Xem Ê-sai 53).
4. Đức tin trong Đấng Mê-si-a sửa sự vi phạm phản nghịch (Phúc Âm)
5. Ai tin Đấng Mê-si-a sẽ có sự sống đời đời (Phúc Âm).

Bản Textus Receptus, theo nguồn Hy-lạp \aleph^c , D^c , K, L, và P, thêm chữ "khôn ngoan nữa" (NKJV, "Đức Chúa Trời đáng khôn ngoan duy nhất."). Chữ "khôn ngoan" không có trong các bản \aleph^* , A, D^* , F, G, và H^{*}. Có thể đây là sự thêm vào của các nhà sao chép, từ câu Rô-ma 16:27. Thánh Kinh Liên Hội USB⁴ xếp sự thiếu từ "khôn ngoan vào hạng A, tức là chắc chắn.

▣ **"Nguyện sự tôn quý và vinh hiển "** Thuật ngữ từ Cựu Ước là *kabod* (Xem 1 Ti-mô-thê 1:11). Nó được sử dụng vài lần trong sách Khải Huyền cùng với những lời ngợi khen khác, (Xem 1 Ti-mô-thê 4:9,11; 5:12,13; 7:12).

Trong Cựu Ước, ý nghĩa chính của "vinh hiển" (*kabod*) mang tính chất thương mại, "nặng ký". Những gì nặng ký là những gì đáng trọng, quý giá. Nhiều lúc khái niệm sáng láng được thêm vào thuật ngữ này để miêu tả sự huy hoàng của Đức Chúa Trời (Xem Xuất Ê-dip-tô 15:16; 24:17; Ê-sai 60:1-2). Ngài duy nhất xứng đáng và được quý trọng. Ngài quá rực rỡ cho người phàm chiêm ngưỡng (Xem Xuất Ê-dip-tô 33:17-23; Ê-sai 6:5). Đức Chúa Trời chỉ có thể được biết qua Đấng Christ (Xem Giê-rê-mi 1:14; Ma-thi-ơ 17:2; Hê-bơ-rơ 1:3; Gia-cơ 2:1).

Thuật ngữ "vinh hiển" mang chút khó hiểu:

1. Nó có thể tương đồng với sự công chính của Đức Chúa Trời "
2. Nói có thể phản chiếu sự thánh khiết, linh thiêng tuyệt hảo của Đức Chúa Trời
3. Nó có thể liên hệ tới hình ảnh của Đức Chúa Trời mà trong đó con người được tạo dựng. (Xem Sáng-Thế-Ký 1:26-27; 5:1; 9:6), nhưng bị mờ đi vì sự phản loạn (Xem Sáng-Thế-Ký 3:1-22)

Sự vinh hiển lần đầu tiên được sử dụng miêu tả sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA với dân sự Ngài (Xem Xuất Ê-dip-tô 16:7,10; Lê-vi 9:23; Dân-số 14:10).

▣ **"đời đời vô cùng"** Nghĩa đen: "những thời đại của những thời đại" một thành ngữ ám chỉ sự vĩnh hằng. (Xem Ga-la-ti 1:5; Phi-líp 4:20; 2 Ti-mô-thê 4:18). Cụm từ này cũng được sử dụng trong 1 Ti-mô-thê 1:16 về "sự sống đời đời" và trong 1 Ti-mô-thê 1:17 về "vua đời đời"

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỜI ĐỜI (THÀNH NGỮ HY-LẠP)

Forever (Greek Idiom)

Một thành ngữ Hy-lạp phổ biến là "cho đến đời đời" (Xem Lu-ca 1:33; Rô-ma 1:25; 11:36; 16:27; Ga-la-ti 1:5; 1 Ti-mô-thê 1:17), có thể tương đương với thuật ngữ tiếng Hê-bơ-rơ 'olam. Than khảo Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, pp. 319-321, và Chủ đề đặc biệt Đời Đời [Forever ('Olam)].

Một thành ngữ "đến bao giờ", "mãi mãi" (Xem Ma-thi-ơ 21:19; Mác 11:14; Lu-ca 1:55; Giảng 6:58; 8:35; 12:34; 13:8; 14:16; 2 Cô-rin-tô 9:9) và "qua mọi thế hệ đến vô cùng" (Xem Ê-phê-sô 3:21). Không có sự khác biệt giữa các thuật ngữ này, dù số nhiều hay số ít. Mọi thời đại có thể là số nhiều bởi sự nhấn mạnh trong văn tự của các Ra-bi, được gọi là "số nhiều của sự oai phong lâm liệt", hoặc cũng có thể liên hệ tới quan điểm Do-thái về Kỷ Nguyên Điều Ác và Kỷ Nguyên Công Bình (xem chủ đề đặc biệt "Kỷ Nguyên Hiện Tại và Kỷ Nguyên Sẽ Đến").

▣ "Amen" Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 6:16.

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 1:18-20

¹⁸ Hỡi Ti-mô-thê, con ta, ta truyền cho con điều này theo lời tiên tri đã nói trước về con, để nhờ đó con có thể chiến đấu anh dũng, ¹⁹ với đức tin vững mạnh và lương tâm thanh sạch. Một số người đã bỏ điều ấy nên đức tin của họ đã bị đắm chìm. ²⁰ Trong số đó có Hy-mê-nê và A-léc-xan-đơ, những người ta đã phó cho Satan để họ có thể được dạy cho bài học chớ phạm thượng.

1:18 "ta truyền" Phao-lô dùng hai thuật ngữ quân sự trong chương này (1) "truyền lệnh" (1 Ti-mô-thê 1:3,5,18) và (2) "đánh trận tốt lành" (1 Ti-mô-thê 1:18; Xem 2 Cô-rin-tô 10:3-6; Ê-phê-sô 6:10-17). Phân đoạn này (i.e., 1 Ti-mô-thê 1:18-20) quay trở lại chủ đề thần học sai lầm của các giáo sư giả được nói tới trong 1 Ti-mô-thê 1:3-7.

RVV11: "truyền mệnh lệnh"
VB1926: "sự răn bảo mà ta truyền"
NASB, TEV "giao phó"
NKJV "ủy nhiệm"
NRSV, NJB "ban cho"

THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH LỐI CHỈ ĐỊNH của thuật ngữ *paratithēmi*. Phao-lô giao phó công tác Phúc Âm cho Ti-mô-thê (Xem 1 Ti-mô-thê 6:20; 2 Ti-mô-thê 1:14, cũng như Chúa Giê-su đã giao phó cho ông Xem 2 Ti-mô-thê 1:12) để tiếp tục giao phó cho những người trung tín, (Xem 2 Ti-mô-thê 2:2).

Thuật ngữ "giao phó" được hữu dụng khi nói về

1. Chúa Giê-su giao phó mình cho Đức Chúa Trời trong Lu-ca 23:46
2. Các tín đồ giao phó mình cho Đức Chúa Trời trong Công-vụ 14:23
3. Phao-lô giao phó các tín đồ cho Đức Chúa Trời trong Công-vụ 20:32
4. Các tín đồ giao phó thế hệ mới trong 2 Ti-mô-thê 2:2

▣ "theo lời tiên tri đã nói trước về con" Ti-mô-thê đã tiếp nhận ân tứ thuộc linh và được ấn chứng qua lời tiên tri khi ở hội thánh Lystra, với sự đặt tay của trưởng lão (Xem 1 Ti-mô-thê 4:14). Câu này có thể có ý nghĩa, lời tiên tri (1) "đã nói trước về con" (Xem NRSV) hay (2) "đã dẫn ta đến với con" (Xem RSV).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TIÊN TRI TRONG TÂN ƯỚC

New Testament Prophecy

- I. Nó không giống như nói tiên tri trong Cựu Ước, theo như ý nghĩa của các thầy rabi về những mặc khải được linh cảm từ Đức Giê-hô-va (Công-vụ 3:18, 21; Rô-ma 16:26). Chỉ có những tiên tri mới viết được Kinh thánh.
 - A. Môi-se được kêu gọi làm tiên tri (Phục truyền 18:15-21)
 - B. Các sách lịch sử (Giô-suê đến Các Vua [trừ sách Ru-tơ]) được gọi là "các tiên tri đời trước" (Công-vụ 3:24).
 - C. Tiên tri thay thế vai trò của thầy tế lễ tối cao như một nguồn thông tin từ Đức Chúa Trời (Ê-sai- Ma-la-chi).
 - D. Phần thứ hai của Kinh sách Hê-bơ-rơ gọi là "Các tiên tri" (Ma-thi-ơ 5:17; 22:40; Lu-ca 16:16; 24:25, 27; Rô-ma 3:21).
- II. Trong Tân Ước khái niệm này được sử dụng trong nhiều cách khác nhau
 - A. Chỉ các tiên tri Cựu Ước và sứ điệp được linh cảm của họ (Ma-thi-ơ 2:23; 5:12; 11:13; 13:14; Rô-ma 1:2)
 - B. Chỉ một sứ điệp cho một cá nhân hơn là một nhóm người (các tiên tri Cựu Ước thường nói tiên tri về Y-sơ-ra-ên)
 - C. Chỉ Giảng Báp-tít (Ma-thi-ơ 11:9; 14:5; 21:26; Lu-ca 1:76) và Chúa Giê-xu như là những người công bố Nước Trời (Ma-thi-ơ 13:57; 21:11, 46; Lu-ca 4:24; 7:16; 13:33; 24:19). Chúa Giê-xu cũng tuyên bố Ngài lớn hơn các tiên tri (Ma-thi-ơ 11:9; 12:41; Lu-ca 7:26).

D. Chỉ các tiên tri khác trong Tân Ước

1. Thời thơ ấu của Đức Chúa Giê-xu được ghi lại trong Phúc âm Lu-ca (tức là các kỷ niệm, những điều Ma-ri ghi nhớ)
 - a. Ê-li-sa-bết (Lu-ca 1:41-42)
 - b. Xa-cha-ri (Lu-ca 1:67-79)
 - c. Si-mê-ôn (Lu-ca 2:25-35)
 - d. An-ne (Lu-ca 2:36)
2. Các lời tiên đoán mĩa mai (Cai-phe, Giảng 11:51)

E. Chỉ người công bố Phúc âm (danh sách các ân tứ công bố Phúc âm trong I Cô-rinh-tô 12:28-29; Ê-phê-sô 4:11)

F. Chỉ một ân tứ đang vận hành trong Hội thánh (Ma-thi-ơ 23:34; Công-vụ 13:1; 15:32; Rô-ma 12:6; I Cô-rinh-tô 12:10, 28-29; 13:2; Ê-phê-sô 4:11). Có khi điều này chỉ các phụ nữ (Lu-ca 2:36; Công-vụ 2:17; 21:9; I Cô-rinh-tô 11:4-5).

G. Chỉ sách về thời kỳ cuối cùng, sách Khải huyền (Khải huyền 1:3; 22:7, 10, 18, 19).

III. Các tiên tri thời Tân Ước

A. Họ không rao truyền những mặc khải được linh cảm như cách các tiên tri thời Cựu Ước (tức là Kinh thánh). Điều này khả thi là vì cách dùng cụm từ “đức tin này” (có nghĩa là một Phúc âm đã hoàn tất, trọn vẹn) trong Công-vụ 6:7; 13:8; 14:22; Ga-la-ti 1:23; 3:23; 6:10; Phi-líp 1:27; Giu-đe 3, 20.

Điều này được thấy rõ ràng qua cụm từ dùng trong Giu-đe 3, “đạo[đức tin] đã truyền cho anh em một lần đủ cả.” Chữ đạo “một lần đủ cả” chỉ các lẽ thật, giáo lý, khái niệm, các lời dạy về thế giới quan Cơ-Đốc-Giáo. Sự nhấn mạnh “đưa ra một lần” là nền tảng Kinh thánh giới hạn sự linh cảm cho các sách Tân Ước và không công nhận tính mặc khải của các sách khác hoặc các sách viết sau đó. Mặc dù có nhiều chỗ mơ hồ, không rõ ràng, nửa trắng nửa đen trong Tân Ước, nhưng người tin Chúa bởi đức tin công nhận rằng mọi điều “cần” cho đức tin và cho sự thực hành lối sống đạo đều có trong Tân Ước với một sự rõ ràng có thể hiểu được. Khái niệm này được xếp trong cái gọi là “tam giác mặc khải”

1. Đức Chúa Trời mặc khải chính Ngài qua không gian và thời gian của lịch sử (SỰ MẶC KHẢI)
2. Ngài chọn một số trước giả là con người để ghi lại và giải thích những công việc của Ngài (SỰ LINH CẢM)
3. Ngài ban Thánh Linh để mở lòng và trí của con người để hiểu Kinh thánh, mặc dầu không phải một cách hoàn toàn, nhưng một cách vừa đủ để dẫn đến sự cứu rỗi và một nếp sống Cơ Đốc hiệu quả (SỰ SOI SÁNG)

Điều muốn nói ở đây là sự linh cảm chỉ giới hạn cho các trước giả viết Kinh thánh mà thôi. Không có một cuốn sách nào, một khải tượng hay một mặc khải nào khác có thẩm quyền trên những điều đã viết bởi các trước giả này. Kinh điển Kinh thánh đã được đóng lại. Chúng ta có toàn bộ lẽ thật chúng ta cần để có thể đáp ứng với Đức Chúa Trời một cách thích hợp.

Lẽ thật này được thấy rõ ràng nhất trong sự thống nhất giữa các trước giả Kinh thánh so với sự không đồng ý của những người tin Chúa chân thành và tin kính. Không một tác giả hay diễn giả hiện đại nào có một mức độ lãnh đạo thiêng liêng giống như các trước giả Kinh thánh.

B. Về nhiều mặt các tiên tri Tân Ước giống với các tiên tri Cựu Ước:

1. Tiên đoán các sự kiện trong tương lai (Phao-lô, Công-vụ 27:22; A-ga-bút, Công-vụ 11:27-28; 21:10-11; một số tiên tri không được nêu tên, Công-vụ 20:23)
2. Công bố sự đoán xét (Phao-lô, Công-vụ 13:11; 28:25-28)
3. Các hành động tượng trưng mô tả cách ẩn tượng một sự kiện (A-ga-bút, Công-vụ 21:11)

C. Có một số lần họ công bố lẽ thật Phúc âm qua sự tiên đoán (Công-vụ 11:27-28; 20:23; 21:10-11), nhưng đây không phải là trọng tâm chính. Nói tiên tri trong I Cô-rinh-tô chủ yếu là truyền bá Phúc âm (14:24, 39).

D. Họ là công cụ của Thánh Linh để bày tỏ những ứng dụng hiện tại và thực tế về lẽ thật Đức Chúa Trời cho từng trường hợp, văn hóa, hay thời đại khác nhau (I Cô-rinh-tô 14:3).

E. Họ tích cực trong các Hội thánh đầu tiên thời Phao-lô (I Cô-rinh-tô 11:4-5; 12:28, 29; 13:29; 14:1, 3, 4, 5, 6, 22, 24, 29, 31, 32, 37, 39; Ê-phê-sô 2:20; 3:5; 4:11; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:20) và được nhắc đến trong tập *Didache* (viết vào cuối thế kỷ thứ nhất hay thế kỷ thứ hai, ngày tháng không rõ) và trong

phái Montanism ở thế kỷ thứ hai và thứ ba trong vùng bắc Phi.

IV. Có phải các ân tứ thời Tân Ước đã chấm dứt?

- A. Câu hỏi này thật khó trả lời. Nó giúp làm sáng tỏ vấn đề bằng cách định nghĩa mục đích các ân tứ. Chúng được dùng để xác nhận sự giảng dạy ban đầu về Phúc âm hay chúng là những phương cách vẫn tiếp diễn để Hội thánh phục vụ chính mình và cho một thế giới hư mất?
- B. Chúng ta nhìn xem lịch sử của Hội thánh hay chỉ xem xét Tân Ước để trả lời câu hỏi này? Không có một dấu hiệu nào trong Tân Ước cho thấy rằng các ân tứ thuộc linh chỉ có tính cách tạm thời. Những người tìm cách dùng I Cô-rinh-tô 13:8-13 để nói đến vấn đề này đã lạm dụng ý định có thẩm quyền của đoạn này, là đoạn xác định rằng mọi sự sẽ qua đi chỉ trừ tình yêu thương.
- C. Tôi rất muốn nói rằng bởi vì Tân Ước là thẩm quyền, không phải lịch sử Hội thánh, cho nên người tin Chúa phải xác định rằng các ân tứ này vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên, tôi tin rằng văn hóa cũng ảnh hưởng đến cách diễn giải. Một số đoạn rất hiển nhiên không còn áp dụng cho ngày nay (ví dụ cái hôn thánh, đàn bà mang khăn trùm đầu, Hội thánh nhóm tại nhà, v.v...). Vậy thì, nếu văn hóa ảnh hưởng đến các đoạn Kinh thánh, thì tại sao lịch sử Hội thánh lại không làm được điều này?
- D. Nói cho cùng, đây là câu hỏi không thể trả lời một cách dứt khoát được. Một số thì ủng hộ "sự chấm dứt", trong khi một số khác ủng hộ sự "không ngưng nghỉ." Trong lãnh vực này, cũng như trong một số vấn đề giải nghĩa khác, tâm lòng của người tin Chúa là chìa khóa. Tân Ước có tính mơ hồ và thuộc về văn hóa. Điều khó là làm sao để biết được đoạn Kinh văn nào bị ảnh hưởng bởi lịch sử, văn hóa và đoạn nào mang tính vĩnh viễn (xem sách của Fee and Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 14-19; 69-77). Tại đây vấn đề về tự do và trách nhiệm, được nói đến trong Rô-ma 14:1-15:13 và I Cô-rinh-tô 8-10, đóng vai trò quan trọng. Cách chúng ta trả lời cho câu hỏi này có tính quan trọng trong hai cách:
 1. Mỗi tín hữu phải bước đi bằng đức tin trong ánh sáng (sự soi dẫn) mà họ có. Đức Chúa Trời nhìn xem tâm lòng và động cơ của chúng ta.
 2. Mỗi tín hữu cũng phải cho phép các tín hữu khác bước đi trong sự hiểu biết đức tin của họ. Nên có một sự chấp nhận nhau trong khuôn khổ Kinh thánh. Đức Chúa Trời muốn chúng ta yêu thương nhau như Ngài đã yêu.
- E. Để kết lại vấn đề, Cơ-Đốc-Giáo là cuộc sống của đức tin và tình yêu chứ không phải là một thần học hoàn hảo. Mọi liên hệ với Ngài, điều sẽ ảnh hưởng đến mối liên hệ của chúng ta với người khác, là điều quan trọng hơn là những thông tin không còn nghi vấn hay sự hoàn hảo về tín lý.

▣ **"chiến đấu anh dũng"** Cuộc sống Cơ-đốc thường được miêu tả như cuộc chạy đua, hay chiến trận như ở đây. Những lời tiên tri cho Ti-mô-thê trang bị và khích lệ người đánh trận tốt lành như Phao-Lô (THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH LỐI BÀN THÁI, Xem 1 Ti-mô-thê 6:12; 2 Ti-mô-thê 2:3-4; 4:7; 2 Cô-rin-tô 10:3-6; Ê-phê-sô 6:10-17).

1:19 "với đức tin vững mạnh và lương tâm thanh sạch." (ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HOÀN THÀNH DẠNG CHỦ ĐỘNG). Một tranh đấu đòi hỏi

1. đức tin
2. lương tâm thanh sạch

Cả hai đức tin và lương tâm thanh sạch đều được nhắc tới trong 1 Ti-mô-thê 1:5. Nay được lặp lại bởi thiếu nó, một số người đã bị đắm thuyền đức tin. Đức tin trong câu này có thể mang hàm ý: (1) Tín lý, hoặc (2) nếp sống. Cả hai đều quan trọng.

Chúng ta được biết từ 2 Ti-mô-thê 2:17 rằng Hymenaeus làm lạc về tín lý (khẳng định sự sống lại đã xảy ra) và nếp sống vô đạo, (Xem 2 Ti-mô-thê 2:16). Còn người kia, Alexander, không thể là người thợ bạc trong 2 Ti-mô-thê 4:14 và Công-vụ 19, bởi hắn là kẻ thù của Phúc Âm.

Họ từ chối chân lý và sự tin kính không bởi vì làm lẫn, nhưng có chủ ý (THÌ QUÁ KHỨ DẠNG TRUNG CÁCH [deponent] ĐỘNG TÍNH TỪ của thuật ngữ *apōtheō*, Xem Công-vụ 7:39; 13:46; Rô-ma 11:1). Xem ghi chú về lương tâm ở câu 1 Ti-mô-thê 1:5.

▣ **"Một số người đã bỏ điều ấy nên đức tin của họ đã bị đắm chìm."** Đây là một điều khó và gây tranh cãi. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: APOSTASY (APHISTĒMI) ở câu 1 Ti-mô-thê 4:1.

Có nhiều ví dụ về sự bỏ đạo trong 1 Ti-mô-thê (Xem 1 Ti-mô-thê 1:19; 4:1-2; 5:14-15; 6:9-10,21; cũng như 2 Ti-mô-thê 2:16-18; 3:1-8,13; 2 Phi-ê-rô 2:1,20-21; Giu-đe 4). xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BỘI ĐẠO/ APOSTASY (APHISTĒMI) ở câu 1 Ti-mô-thê 4:1.

1:20 "ta đã phó cho Sa-tan" Lại thêm một câu khó nữa, Kinh Thánh cho thấy một số ví dụ:

1. Đức Chúa Trời dùng Sa-tan để thử Gióp (Gióp 2:6)
2. Đức Thánh Linh đẩy Chúa Giê-su vào thử thách của Sa-tan (Mác 1:12)
3. Phao-lô trao tín đồ cho Sa-tan, nhằm thanh tẩy người phạm tội và để người đó cuối cùng được cứu, (1 Cô-rin-tô 5:5)

Xin để ý mục đích ở đây trong 1 Ti-mô-thê 1:20 để họ không phạm thượng. Có thể hình thức được dùng là dứt phép thông công. Sự kỳ bluật tạm thời của Đức Chúa Trời luôn mang tính chất cứu chuộc, và đúng, Ngài sử dụng Sa-tan để thử nghiệm con người, (Xem Sáng-Thế-Ký 3; Gióp 1-2; Xa-cha-ri 3). Nói một cách khác, Sa-tan là công cụ của Đức Chúa Trời. Sự bạo nghịch chống lại Đức Chúa Trời, tính kiêu ngạo, tính tự lập khiến Sa-tan trở nên ác, chứ không phải công tác thử nghiệm của hắn. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SATAN ở câu 1 Ti-mô-thê 3:6.

Câu này được dùng để đem lại hy vọng cho các giáo sư giả và môn đồ của họ. Tuy nhiên, ẩn dụ trong câu 1 Ti-mô-thê 4:2 ám chỉ nỗi vô vọng của nhóm người này.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp anh chị em suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Vì sao Phao-lô khẳng định chức vụ sứ đồ đối với Ti-mô-thê?
2. Sự lầm lẫn, sai lạc ở Ê-phê-sô mang tính chất như thế nào. ?
3. Vì sao Cơ-đốc nhân liên hệ tới Luật Mô-sê?
4. Phao-lô nhìn nhận thế nào về chức vụ của ông? (v.12)
5. Vì sao ông nhắc lại nhiều lần lời làm chứng của mình? (1 Ti-mô-thê 1:16)
6. Mệnh lệnh đối với Ti-mô-thê là gì? (1 Ti-mô-thê 1:18)
7. Phải chăng Hymenaeus và Alexander rơi tuột khỏi vòng ân điển? (1 Ti-mô-thê 1:19)
8. Thế nào là "lương tâm tốt lành" ? (1 Ti-mô-thê 1:19)
9. Thế nào là "trao một người cho Sa-tan" (1 Ti-mô-thê 1:19)

1 TI-MÔ-THÊ 2

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Chỉ dẫn về cầu nguyện (2:1-3:1a)	Cầu nguyện cho mọi người	Nội quy thờ phượng	Hội thánh thờ phượng	Cầu nguyện theo nghĩ lễ
2:1-7	2:1-7 Nam, nữ trong hội thánh	2:1-7	2:1-7	2:1-7
2:8-3:1	2:8-15	2:8-15	2:8-15	2:8 Phụ nữ trong hội thánh. 2:9-15

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của anh chị em với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

KIẾN GIẢI THEO VĂN CẢNH

- A. Cả phân đoạn này Phao-lô giải quyết việc thờ phượng công cộng và cách tổ chức hội thánh, 1 Ti-mô-thê 2:1-3:13,
 1. thờ phượng công cộng (1 Ti-mô-thê 2:1-15)
 - a. vai trò nam giới (1 Ti-mô-thê 2:1-8)
 - b. vai trò phụ nữ (1 Ti-mô-thê 2:9-15)
 2. tổ chức hội thánh (1 Ti-mô-thê 3:1-13)
 - a. mục sư (1 Ti-mô-thê 3:1-7)
 - b. chấp sự (1 Ti-mô-thê 3:8-10,12-13)
 - c. phụ nữ giúp việc (1 Ti-mô-thê 3:11)

- B. Tiêu điểm lời cầu nguyện của tín đồ là sự cứu rỗi của “mọi người” (Xem 1 Ti-mô-thê 2:1). Ý chỉ của Đức Chúa Trời là cứu chuộc “tất cả”, (Xem Giăng 3:16; 1 Ti-mô-thê 2:4; Tít 2:11; 2 Phi-ê-rơ 3:9). Chúa Giê-su đã trả giá tội lỗi cho “tất cả” (Xem Rô-ma 5:18-19). Một tình yêu bao gồm tuyệt vời.
- C. Phân đoạn này có thể là cảm nang tổ chức hội thánh và hướng dẫn công tác của họ, (Xem 1 Ti-mô-thê 3:14-15).
- D. Điều khó khăn nhất là giải kinh phân đoạn 1 Ti-mô-thê 2:8-15. Nó không khó hiểu, trừ khi chúng ta muốn biết áp dụng cách nào trong bối cảnh nền văn hóa. Chẳng có gì khó khi coi điều nào trong Tân Ước chúng ta không đồng ý, thành vấn đề “nền văn hóa thời ấy”, không liên hệ gì đến chúng ta ngày nay. Tôi không thích việc dán nhãn hiệu “tùy theo nền văn hóa” cho một câu Kinh Thánh được thần cảm, vì những lý do sau đây.
1. Tôi là ai mà dám phủ nhận Kinh Thánh?
 2. Làm sao tôi biết được mình đang bị ảnh hưởng của nền văn hóa của mình? (định kiến cá nhân liên hệ tới khuôn mẫu lịch sử)?
 3. Trong văn cảnh, có dấu hiệu nào, thành ngữ nào không ám chỉ “nền văn hóa đặc thù”, thay vì đó là ý chỉ đời đời của Đức Chúa Trời cho hội thánh phổ thông?

Đầu tiên, ở đây không có dấu hiệu nào khác trong văn cảnh. Thứ hai, tôi phải cho phép Kinh Thánh phán xét các vấn đề cụ thể. Nếu các phân đoạn Kinh Thánh thông nhất trên một vấn đề nào đó, đó là sự thật tuyệt đối. Nếu Kinh Thánh chỉ ra một số sự chọn lựa, tình huống, thì tôi được tự do chọn lựa trong giải kinh, (Xem *How to Read the Bible For All Its Worth* by Fee and Stuart, pp. 70-76).

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

BD2011 2:1-7

¹Vậy trước hết, ta khuyên con hãy cầu xin, khẩn nguyện, cầu thay, và cảm tạ cho mọi người, ² cho các vua và tất cả những người cầm quyền, để chúng ta có thể sống một đời bình tịnh và êm ả, một cuộc sống hoàn toàn đạo đức và đầy phẩm giá. ³ Đây là điều tốt đẹp và được chấp nhận trước mặt Đức Chúa Trời, Đấng Giải Cứu của chúng ta; ⁴ Ngài muốn mọi người được cứu và tiến đến sự nhận biết chân lý.

⁵ Vì chỉ có một Đức Chúa Trời và một Đấng Trung Gian giữa Đức Chúa Trời và loài người, đó là Đức Chúa Giê-su Christ, một người, ⁶ Đấng đã hiển chính Ngài làm giá chuộc mọi người, một sự kiện được xác chứng là đã xảy ra đúng kỳ. ⁷ Vì sự kiện đó mà ta đã được bổ nhiệm làm giảng sư và sứ đồ –ta nói thật, chứ không nói dối– tức làm giáo sư để dạy các dân ngoại về đức tin và chân lý.

2:1 "Vậy trước hết," Đây là thành ngữ Hy-lạp, “điều quan trọng nhất”. Văn cảnh cho thấy Phao-lô tìm cách kiểm soát và hạn chế ảnh hưởng của các giáo sư giả.

▣ **"cầu xin, khẩn nguyện, cầu thay, và cảm tạ"** Đây là một loạt 4 thuật ngữ liên hệ tới cầu nguyện, (Phi-líp 4:6 có ba thuật ngữ, Ê-phê-sô 6:18 có hai). Phao-lô muốn nhấn mạnh tất cả các hình thức cầu nguyện cho tất cả mọi người đặc biệt những người nắm quyền hành. Ê-phê-sô 6:18 cũng có sự nhấn mạnh, nhưng chỉ cho các tín đồ, còn ở đây cho tất cả mọi người.

Thuật ngữ “cầu xin” chỉ được dùng ở đây và trong 1 Ti-mô-thê 4:5.

▣ **"cho mọi người,"** Thuật ngữ “tất cả” được nhắc tới 5 lần trong các câu 1-7, ám chỉ sự mở rộng của lời cầu nguyện của chúng ta và tình yêu của Đức Chúa Trời. Một số người coi sự nhấn mạnh về “tất cả” là sự trả lời cho tính “biệt riêng” của các giáo sư giả.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CẦU THAY

Intercessory Prayer

I. Giới thiệu

- A. Sự cầu nguyện là quan trọng vì Đức Chúa Giê-su đã làm gương
 - 1. Lời cầu nguyện riêng, Mác 1:35; Lu-ca 3:21; 6:12; 9:29; 22:29-46
 - 2. Dẹp sạch đền thờ, Ma-thi-ơ 21:13; Mác 11:17; Lu-ca 19:46
 - 3. Lời cầu nguyện mẫu, Ma-thi-ơ 6:5-13; Lu-ca 11:2-4
- B. Cầu nguyện là thực hiện hành động thấy được về niềm tin chúng ta nơi một Đức Chúa Trời hay chăm sóc, quan tâm đến cá nhân, Đấng đang hiện diện, sẵn sàng và có thể hành động thay cho chúng ta và những người khác
- C. Đức Chúa Trời đích thân tự giới hạn chính Ngài để đáp lại lời cầu nguyện của con cái Ngài trong nhiều lãnh vực (Gia-cơ 4:2)
- D. Mục đích chính yếu của sự cầu nguyện là tương giao và dành thì giờ với Ba Ngôi Đức Chúa Trời.
- E. Tầm bao quát của sự cầu nguyện là bất cứ điều gì, bất cứ ai có liên quan đến người tin Chúa. Chúng ta có thể cầu nguyện một lần, rồi tin, hay là cầu nguyện nhiều lần lặp đi lặp lại khi tư tưởng và sự lo âu lại đến.
- F. Sự cầu nguyện bao gồm một số yếu tố sau:
 - 1. Ngợi khen và chúc tụng Ba Ngôi Đức Chúa Trời
 - 2. Cảm tạ Chúa về sự hiện diện, mối tương giao và sự chu cấp của Ngài
 - 3. Xưng tội, trong quá khứ và hiện tại
 - 4. Cầu xin những nhu cầu hay những mong ước chúng ta cảm biết được
 - 5. Cầu thay dâng lên những nhu cầu của người khác trước mặt Cha
- G. Sự cầu thay là một huyền nhiệm. Đức Chúa Trời yêu thương người mà chúng ta cầu thay còn hơn cả chúng ta, thế nhưng sự cầu thay của chúng ta lại thường đem đến sự thay đổi, sự đáp ứng, hay nhu cầu không những trong chính chúng ta, mà cũng đem đến trong họ nữa.

II. Các dữ liệu trong Kinh thánh

A. Cựu Ước

- 1. Những ví dụ về sự cầu thay:
 - a. Áp-ra-ham nài xin cho Sô-đôm, Sáng-thế-ký 18:22 và tiếp sau
 - b. Môi-se cầu nguyện cho dân Y-sơ-ra-ên
 - (1) Xuất Ê-đíp-tô ký 5:22-23
 - (2) Xuất Ê-đíp-tô ký 32:31 và tiếp sau
 - (3) Phục truyền 5:5
 - (4) Phục truyền 9:18, 25 và tiếp sau
 - c. Sa-mu-ên cầu nguyện cho Y-sơ-ra-ên:
 - (1) I Sa-mu-ên 7:5-6, 8-9
 - (2) I Sa-mu-ên 12:16-23
 - (3) I Sa-mu-ên 15:11
 - d. Đa-vít cầu nguyện cho con, II Sa-mu-ên 12:16-18
- 2. Đức Chúa Trời tìm kiếm những người cầu thay, Ê-sai 59:16
- 3. Tội lỗi biết được nhưng không xưng ra hay thái độ không ăn năn ảnh hưởng đến sự cầu nguyện
 - a. Thi thiên 66:1
 - b. Châm ngôn 28:9
 - c. Ê-sai 59:1-2; 64:7

B. Tân Ước

- 1. Công tác cầu thay của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh:
 - a. Đức Chúa Giê-su
 - (1) Rô-ma 8:34
 - (2) Hê-bơ-rơ 7:25
 - (3) I Giăng 2:1
 - b. Đức Thánh Linh, Rô-ma 8:26-27

2. Mục vụ cầu thay của Phao-lô
 - a. Cầu thay cho người Do Thái
 - (1) Rô-ma 9:1 và tiếp sau
 - (2) Rô-ma 10:1
 - b. Cầu thay cho các Hội thánh
 - (1) Rô-ma 1:9
 - (2) Ê-phê-sô 1:16
 - (3) Phi-líp 1:3-4, 9
 - (4) Cô-lô-sê 1:3, 9
 - (5) I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-3
 - (6) II Tê-sa-lô-ni-ca 1:11
 - (7) II Ti-mô-thê 1:3
 - (8) Phi-líp 4
 - c. Phao-lô xin các Hội thánh cầu nguyện cho ông
 - (1) Rô-ma 15:30
 - (2) II Cô-rinh-tô 1:11
 - (3) Ê-phê-sô 6:19
 - (4) Cô-lô-sê 4:3
 - (5) I Tê-sa-lô-ni-ca 5:25
 - (6) II Tê-sa-lô-ni-ca 3:1
3. Mục vụ cầu thay của Hội thánh:
 - a. Cầu thay cho nhau:
 - (1) Ê-phê-sô 6:18
 - (2) I Ti-mô-thê 2:1
 - (3) Gia-cơ 5:16
 - b. Cầu nguyện cho các thành phần đặc biệt:
 - (1) Cho kẻ thù, Ma-thi-ơ 5:44
 - (2) Cho những người làm công việc Chúa, Hê-bơ-rơ 13:18
 - (3) Cho nhà cầm quyền, I Ti-mô-thê 2:2
 - (4) Cho người bệnh, Gia-cơ 5:13-16
 - (5) Cho những người sa ngã, I Giăng 5:16
 - c. Cầu nguyện cho mọi người, I Ti-mô-thê 2:1

III. Cản trở những lời cầu nguyện được nhậm:

- A. Mối liên hệ của người tin Chúa với Chúa và với Đức Thánh Linh
 1. Ở trong Ngài, Giăng 15:7
 2. Trong danh Ngài, Giăng 14:13,14; 15:16; 16:23-24
 3. Trong Đức Thánh Linh, Ê-phê-sô 6:18; Giu-đe 20
 4. Theo ý chỉ của Đức Chúa Trời, Ma-thi-ơ 6:10; I Giăng 3:22; 5:14-15
- B. Động cơ của người cầu nguyện
 1. Không giao động, Ma-thi-ơ 21:22; Gia-cơ 1:6-7
 2. Khiêm nhường và ăn năn, Lu-ca 18:9-14
 3. Cầu xin sai lầm, Gia-cơ 4:3
 4. Ích kỷ, Gia-cơ 4:2-3
- C. Các khía cạnh khác trong đời sống người cầu nguyện
 1. Trung kiên
 - a. Lu-ca 18:1-8
 - b. Cô-lô-sê 4:2
 - c. Gia-cơ 5:16
 2. Cú cầu xin
 - a. Ma-thi-ơ 7:7-8
 - b. Lu-ca 11:5-13
 - c. Gia-cơ 1:5

3. Xích mích trong gia đình, I Phi-e-rơ 3:7
4. Được giải phóng khỏi tội lỗi biết được
 - a. Thi thiên 66:18
 - b. Châm ngôn 28:9
 - c. Ê-sai 59:1-2
 - d. Ê-sai 64:7

IV. Kết luận thần học:

- A. Quả là một đặc ân! Quả là một cơ hội! Thật là một nhiệm vụ và một trách nhiệm!
- B. Đức Chúa Giê-su là gương mẫu cho chúng ta. Chúa Thánh Linh là người hướng dẫn chúng ta. Đức Chúa Cha đang mong đợi chúng ta.
- C. Nó có thể thay đổi bạn, gia đình bạn, bạn bè của bạn và thế giới.

2:2 "cho các vua và tất cả những người cầm quyền," Kinh Thánh không dạy chúng ta về thần quyền của vua, nhưng dạy thần ý của Chúa trong tổ chức chính quyền, Xem Rô-ma 13:1,2. Việc chúng ta có đồng ý với chính quyền, hay chính quyền có tốt hay không không phải là chủ đề thần học. Tín đồ phải cầu nguyện cho chính quyền vì họ nằm trong ý chỉ của Đức Chúa Trời trong thế gian sa ngã. Từ câu Rô-ma 13:1,2 chúng ta biết thẩm quyền được ban từ Đức Chúa Trời, vậy, mọi tín đồ của Đấng Christ đều có trách nhiệm tôn trọng và vâng phục. Lời của Phao-lô càng mạnh mẽ hơn khi bạn hiểu rằng ông đang khuyên tín đồ cầu thay cho bạo chúa La-mã là Nê-rô!

▣ "**cầm quyền,**" thuật ngữ Hy-lạp là *hyperochē*. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Phao-lô sử dụng từ Huper / Paul's Use of *Huper* Compounds ở câu 1 Ti-mô-thê 1:14.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHÍNH QUYỀN DO CON NGƯỜI

Human Government

I. GIỚI THIỆU

- A. Định nghĩa - Chính quyền là con người tự tổ chức với nhau để cung ứng và bảo vệ các nhu cầu vật chất có thể nhận biết được
- B. Mục đích - Đức Chúa Trời đã bày tỏ ý chỉ cho thấy Ngài ưa sự trật tự hơn là sự vô chủ, hỗn loạn.
 1. Sự lập pháp theo luật Môi-se, đặc biệt là Mười điều răn, là ý chỉ của Đức Chúa Trời cho con người trong xã hội. Nó cân bằng sự thờ phượng và cuộc sống.
 2. Không một dạng thức hay cấu trúc chính quyền nào được hậu thuẫn bởi Kinh thánh, mặc dù chế độ thần quyền của quốc gia Y-sơ-ra-ên cổ là hình thức được mong đợi nơi thiên đàng. Cơ đốc nhân phải hành xử cách phải lẽ trong bất kỳ một hệ thống chính quyền nào họ đang thuộc về. Mục đích của Cơ đốc nhân là truyền giảng và mục vụ, chứ không phải cách mạng.
- C. Nguồn gốc chính quyền:
 1. Công giáo La mã đã công nhận rằng một chính quyền thuộc con người là một nhu cầu nằm ngay trong bản chất con người, ngay cả trước khi có sự sa ngã. Aristotle dường như cũng đồng ý với tiền đề này. Ông nói rằng "con người là một sinh vật chính trị" và qua đó ông muốn nói rằng chính quyền "hiện hữu để đẩy mạnh một cuộc sống tốt đẹp."
 2. Tin lành, đặc biệt là Martin Luther, khẳng định rằng chính quyền con người là điều nằm trong sự sa ngã. Ông gọi nó là "tay trái của vương quốc Đức Chúa Trời." Ông nói rằng cách Đức Chúa Trời cai trị những người xấu là đặt họ dưới một quyền cai trị."
 3. Karl Marx khẳng định rằng chính quyền là phương tiện qua đó một số ít người thuộc tầng lớp quý tộc có thể điều khiển số đông quần chúng. Đối với ông, chính quyền và tôn giáo đóng vai trò như nhau.

II. CÁC TÀI LIỆU THÁNH KINH

A. Cựu Ước

1. Y-sơ-ra-ên là một kiểu mẫu sẽ được sử dụng trên thiên đàng. Trong quốc gia Y-sơ-ra-ên cổ Đức Giê-hô-va là Vua. Chế độ thần quyền là từ dùng để diễn tả sự cai trị trực tiếp của Đức Chúa Trời (I Sa-

mu-ên 8:4-9)

2. Chúng ta có thể nhận thấy quyền chủ tể của Đức Chúa Trời trên các chính quyền con người rất rõ ràng qua các câu Kinh thánh sau:
 - a. Giê-rê-mi 27:6; E-xơ-ra 1:1
 - b. II Sử ký 36:22
 - c. Ê-sai 44:28
 - d. Đa-ni-ên 2:21
 - e. Đa-ni-ên 2:44
 - f. Đa-ni-ên 4:17, 25
 - g. Đa-ni-ên 5:28
3. Con cái Chúa cần phải vâng phục và tôn trọng ngay cả những chính quyền đến xâm chiếm và chiếm đóng:
 - a. Đa-ni-ên 1-4, Nê-bu-cát-nét-sa
 - b. Đa-ni-ên 5, Bê-n-xát-xa
 - c. Đa-ni-ên 6, Đa-ri-út
 - d. E-xơ-ra và Nê-hê-mi
4. Con cái Chúa phải cầu nguyện cho các bậc có thẩm quyền
 - a. Giê-rê-mi 28:7
 - b. Mishnah, Avot. 3:2

B. Tân Ước

1. Chúa Jê-sus bày tỏ sự tôn trọng đối với chính quyền con người
 - a. Ma-thi-ơ 17:24-27, đóng thuế đền thờ
 - b. Ma-thi-ơ 22:15-22, ủng hộ việc đóng thuế cho La mã và vì vậy cũng ủng hộ chính quyền dân sự của La mã
 - c. Giăng 19:11, Đức Chúa Trời ban cho chính quyền thẩm quyền
2. Lời của Phao-lô liên quan đến chính quyền con người
 - a. Rô-ma 13:1-7, người tin Chúa phải vâng phục và cầu nguyện cho các bậc cầm quyền
 - b. I Ti-mô-thê 2:1-3, người tin Chúa phải cầu nguyện cho bậc cầm quyền
 - c. Tít 3:1, người tin Chúa phải vâng phục bậc cầm quyền
3. Lời của Phi-e-rơ liên quan đến chính quyền con người
 - a. Công-vụ 4:1-31; 5:29, Phi-e-rơ và Giăng trước tòa Công luận (ở đây cho thấy sự không vâng phục chính quyền)
 - b. I Phi-e-rơ 2:13-17, người tin Chúa phải vâng phục bậc cầm quyền
4. Lời của Giăng liên quan đến chính quyền con người

Khải huyền 17, dân phụ Ba-by-lôn đại diện cho chính quyền con người chống lại Đức Chúa Trời

III. KẾT LUẬN

- A. Chính quyền con người được phong định bởi Đức Chúa Trời. Đây không phải là “quyền thiên thượng của các Vua,” nhưng là vị trí định bởi Đức Chúa Trời cho các chính quyền. Không có một dạng chính quyền nào trên dạng nào.
- B. Người tin Chúa có trách nhiệm tôn giáo phải vâng theo thẩm quyền dân sự với một thái độ kính trọng đúng đắn.
- C. Ủng hộ chính quyền bằng việc trả thuế và cầu thay cho họ là việc phải lẽ của những người tin Chúa.
- D. Chính quyền con người được lập với mục đích giữ gìn trật tự. Họ là những quản gia của Đức Chúa Trời để làm công việc này.
- E. Chính quyền con người không phải là tối cao. Nó có giới hạn trong khuôn khổ quyền hạn của nó. Người tin Chúa phải hành xử theo lương tâm của mình và khước từ thẩm quyền thuộc về dân sự khi nó dẫn lên giới hạn được Chúa thiết lập. Như Augustine đã từng khẳng định trong quyển *The City of Đức Chúa Trời*, chúng ta là công dân của hai vương quốc (lãnh vực), một vương quốc tạm thời và một vương quốc đời đời. Chúng ta có trách nhiệm với cả hai, nhưng vương quốc Đức Chúa Trời có tính tối hậu! Trách nhiệm của chúng ta với Đức Chúa Trời bao gồm cả sự tập trung cá nhân và tập thể.
- F. Chúng ta nên khuyến khích người tin Chúa trong hệ thống dân chủ tham gia tích cực trong các quá trình hình thành chính quyền và thực hiện chính quyền, nếu có thể được, theo lời dạy của Kinh thánh.

G. Sự thay đổi xã hội phải được tiên phong bằng sự biến đổi của cá nhân. Không có một sự trông cậy tối hậu thực sự nơi một chính quyền. Mọi chính quyền con người, cho dù được sử dụng và bởi ý chỉ của Đức Chúa Trời, đều là những thể hiện tội lỗi của một tổ chức con người ngoài Chúa. Khái niệm này được diễn tả bằng chữ “thế gian” trong cách dùng của sách Giăng.

▣ **"để chúng ta có thể sống một đời bình tĩnh và êm ả** , “một cách bình tĩnh” với hàm ý “không có thử thách bên ngoài” và “êm ả” với hàm ý “không có rối loạn bên trong”. Tín đồ thực hành đức tin qua nếp sống yên lặng, mặc dù điều này không dễ khi đối diện với áp lực và hỗn loạn. Các giáo sư giả làm mất đi sự bình an và niềm vui thỏa của các hội thánh tại gia ở Ê-phê-sô. Phao-lô cũng gửi lời khuyên này cho hội thánh ở The-sa-lo-ni-ca, bị rối loạn bởi các nhóm cuồng tín và và làm lạc trong lai-thể học. (Xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:11; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:12). Trong bối cảnh bối rối hội thánh phải cầu nguyện, và sống đạo một cách bình tĩnh và yên lặng.

▣ **"một cuộc sống hoàn toàn đạo đức và đầy phẩm giá"** Tín đồ thường bị hiểu lầm và bắt bớ bởi xã hội ngoại giáo. Cách cư xử với sự bất công này là nếp sống đạo.

Thuật ngữ “tin kính” được nhắc tới 10 lần trong các thư Linh Vụ (Xem 1 Ti-mô-thê 2:2; 3:16; 4:7,8; 6:3,5,6,11; 2 Ti-mô-thê 3:5; Tít 1:1). Nó ám chỉ sự kính sợ Đức Chúa Trời , được thể hiện qua cuộc sống hàng ngày, Xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:7.

Thuật ngữ “đầy phẩm giá” được dùng tới 7 lần trong các thư Linh Vụ (Xem 1 Ti-mô-thê 2:2; 3:4,8,11; Tít 2:2,7). Nó được định nghĩa bởi các học giả Bauer, Arndt, Gingrich, và Danker's Lexicon như “Tôn kính, nhân phẩm, nghiêm túc, tôn trọng, thánh thiện, trung thực”(p. 47).

Cơ-độc nhân nên lời kéo sự đề ý một cách tích cực (đáng được quý trọng), chứ không một cách tiêu cực (đáng khinh) (Xem 1 Ti-mô-thê 2:3; 1 Phi-ê-rơ 4:12-16).

2:3 " Đây là điều tốt đẹp và được chấp nhận " Nếp sống tin kính là ý chỉ của Đức Chúa Trời cho tất cả nhân loại. Điều này nói về sự hồi phục hình ảnh của Đức Chúa Trời cho con người, Sáng-Thế-Ký 1:26-27. Đức Chúa Trời luôn luôn mong muốn con người phản chiếu các đặc tính của Ngài. Câu hỏi được đặt ra là “thế nào”. Cựu Ước đã chỉ ra con người không thể sản sinh sự công chính bởi sự cố gắng bản thân. Bởi vậy, Tân Ước xây dựng công chính dựa theo mỹ đức và công tác của Đức Chúa Trời, (Xem Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chiên 36:22-38). Đức Chúa Trời hồi phục và tác động con dân của Ngài qua Kinh Thánh, Đức Chúa Con, Đức Thánh Linh. Chúng ta không công nghĩa trước Đức Chúa Trời bởi công đức bản thân, nhưng bởi sự biết ơn cứu rỗi của Ngài, mục tiêu của cuộc sống là sự khánh thiết, (Xem Ma-thi-ơ 5:20,48; Rô-ma 8:29; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 2:10). Xem [CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THÁNH KHIẾT VÀ NÊN THÁNH TRONG TÂN ƯỚC / NEW TESTAMENT HOLINESS/SANCTIFICATION](#) ở câu 2 Ti-mô-thê 2:2.

▣ **"trước mặt Đức Chúa Trời, Đáng Giải Cứu của chúng ta; "** Xem ghi chú đầy đủ ở câu 2 Ti-mô-thê 1:10.

2:4 " Ngài muốn mọi người được cứu" tín đồ phải cầu nguyện cho tất cả mọi người vì Đức Chúa Trời muốn tất cả đều được cứu. Đây là lời tuyên bố gây sốc đối với các giáo sư giả, là những người quảng bá chủ nghĩa biệt lập, độc tôn qua Do-thái giáo, hay Tri-huệ giáo, hoặc sự kếp hợp cả hai như được thấy trong các thư Linh Vụ. Sự cứu rỗi bao gồm là chân lý vĩ đại về tình yêu của Đức Chúa Trời đối với nhân loại, (Xem 1 Ti-mô-thê 4:10; Ê-xê-chiên 18:23,32; Giăng 3:16; 4:42; Tít 2:11; 2 Phi-ê-rơ 3:9; 1 Giăng 2:1; 4:14). Câu này cho thấy sự mất cân bằng của quan điểm tiền định cực đoan, dựa theo sự lựa chọn siêu phàm, đặt quyền thống trị của Đức Chúa Trời bên trên sự đáp ứng của con người. Chủ nghĩa Can-vanh (Calvanism) được tóm tắt qua năm điểm, đặc biệt nhấn mạnh “sự ân điển không thể từ chối” và “sự thể tội hạn chế”, như vậy hủy bỏ tính giao ước của đức tin theo Kinh Thánh. Quan điểm này biến Đức Chúa Trời thành con rối của ý chỉ con người, và biến con người thành con rối của Thần Linh. Đức Chúa Trời trong chủ quyền của Ngài chọn cách cư xử với con người sa ngã qua giao ước. Ngài luôn khởi xướng và lên kế hoạch (Xem Giăng 6:44;65), nhưng con người phải hưởng ứng trong ăn năn và đức tin. (Xem Mác 1:15; Công-vụ 3:16,19; 20:21).

Nhiều khi cuộc tranh luận giữa Thần Quyền của Đức Chúa Trời (thuyết tiền định) và nhân quyền của con người (thuyết tự do lựa chọn) trở nên cuộc tranh đấu chứng minh văn bản (dùng các trích dẫn chứng ngoài văn cảnh, đơn độc, để chứng minh định kiến thần học). Kinh Thánh chỉ rõ Thần Quyền của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. đồng thời cho thấy tạo vật thượng đỉnh của Ngài là con người, với hình ảnh của Ngài, được ban cho một ân tứ tuyệt vời là quyền tự do quyết định đạo đức. Con người phải công tác với Đức Chúa Trời trong mọi lĩnh vực của cuộc sống.

Thuật ngữ “nhiều” trong câu này được một số người dùng để chứng minh Đức Chúa Trời chỉ chọn một số người (tiền định), nhưng không chọn tất cả, và Chúa Giê-su chỉ chết thay cho một số người, chứ không cho tất cả. Khi nghiên cứu các phân đoạn Kinh Thánh được liệt kê sau đây, chúng ta thấy chúng được dùng một cách tương đồng.

Ê-sai 53

1. "tất cả" (1 Ti-mô-thê 2:6)
2. "nhiều" (1 Ti-mô-thê 2:11-12)

Rô-ma 5

1. "tất cả" (1 Ti-mô-thê 2:18)
2. "nhiều" (1 Ti-mô-thê 2:19)

▣ **"được cứu "** THÌ QUÁ KHỨ DẠNG THỤ ĐỘNG LỐI VÔ ĐỊNH (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 2 Ti-mô-thê 1:9). DẠNG THỤ ĐỘNG xác nhận con người không thể cứu bản thân, nhưng Đức Chúa Trời sẵn sàng, sẵn lòng và thừa sức làm điều đó qua Đấng Christ.

▣ **"tiền đến sự nhận biết "** câu này được nhắc vài lần trong các thư Linh Vụ, (Xem 2 Ti-mô-thê 2:25; 3:7; Tích 1:1). Nó có nghĩa hiểu biết và đáp ứng sứ điệp Phúc Âm. (Xem Ê-phê-sô 4:13).

Đây là dạng mạnh mẽ của thuật ngữ Hy-lạp hép *epi + gnōsis*, ám chỉ kiến thức đầy đủ và qua trải nghiệm. Tính “bao gồm” của Phúc Âm là cú sốc cho các giáo sư giả, là những người ưu ái chủ nghĩa “biệt riêng ưu tú” và “kiến thức đặc biệt”. Mỗi liên hệ giữa tư tưởng Do-thái và Hy-lạp như thế nào là điều không rõ, có nhóm Do-thái phóng to các huyền thoại, gia phả, và luật pháp (xem ghi chú ở câu 1 Ti-mô-thê 1:6-7). Lại có những phỏng đoán về tư tưởng Hy-lạp như sự loạn luân, đặc trưng cho các giáo sư giả gốc Hy-lạp hơn là gốc Do-thái. Còn ảnh hưởng của Tri-huệ giáo với các cấp bậc thiên sứ có được nhắc tới trong các thư Linh Vụ là điều không chắc. Trong cuốn *Word Pictures in the New Testament*, vol. 4, p. 567, A. T. Robertson xác nhận các giáo sư giả là nhóm Tri-huệ giáo.

Với những phát hiện của khảo cổ học ở Nag Hammadi, Ai-cập, chúng ta biết thêm nhiều về giáo lý Tri-huệ giáo. Bạn có thể tham khảo cuốn *The Nag Hammadi Library* được hiệu đính bởi ông James M. Robinson và Richard Smith. Thêm vào đó là cuốn *The Gnostic Religion*. của ông Hans Jonas

▣ **"chân lý"** là khái niệm Tân Ước được dùng theo vài cách.

1. Cá nhân Chúa Giê-su (Xem Giăng 8:31,32, 14:6)
2. Miêu tả Đức Thánh Linh (Xem Giăng 16:13)
3. Chân lý tuyệt đối của Đức Chúa Trời được thấy trong Chúa Giê-su Christ, Lời hằng Sống, được ghi chép trong Kinh Thánh, để đem ánh sáng cho chúng ta bởi Đức Thánh Linh. Chân lý ở đây tương đồng với “giáo huấn lành mạnh” trong 1 Ti-mô-thê 1:9 và “Phúc Âm vinh hiển” của Đức Chúa Trời phước hạnh” ở câu 1 Ti-mô-thê 1:10. Nó nói về Phúc Âm của (Xem 1 Ti-mô-thê 4:3; 2 Ti-mô-thê 2:25; 3:7; Tích 1:1).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ‘LỄ THẬT’ TRONG THƯ TÍN PHAO LÔ "Truth" In Phao-Lô's Writings

Khi sử dụng từ ngữ này và những từ có dạng liên hệ, Phao lô lấy từ chữ tương đương trong Cựu Ước là *emet*, có nghĩa là đáng tin cậy hay thành tín. Trong các tác phẩm Do thái thời giữa hai giao ước, chữ này được dùng để diễn tả sự thật đối lập với sự giả dối. Có lẽ sự đối chiếu gần nhất là “Thánh ca Cảm tạ” trong Cuộn Biển Chết, nơi

nó được dùng để chỉ các tín lý được mặc khải. Những thành viên của cộng đồng này trở thành “những người làm chứng cho lẽ thật.”

Phao lô dùng chữ này để chỉ Tin lành của Chúa Jê-sus Christ:

1. Rô-ma 1:18,25; 2:8,20; 3:7; 15:8
2. I Cô-rinh-tô 13:6
3. II Cô-rinh-tô 4:2; 6:7; 11:10; 13:8
4. Ga-la-ti 2:5, 14; 5:7
5. Ê-phê-sô 1:13; 6:14
6. Cô-lô-sê 1:5,6
7. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:10,12,13
8. I Ti-mô-thê 2:4; 3:15; 4:3; 6:5
9. II Ti-mô-thê 2:15, 18,25; 3:7, 8; 4:4
10. Tít 1:1,14

Phao lô cũng sử dụng từ ngữ này để chỉ những điều ông nói là thật:

1. Công-vụ 26:25
2. Rô-ma 9:1
3. II Cô-rinh-tô 7:14; 12:6
4. Ê-phê-sô 4:25
5. Phi-líp 1:18
6. I Ti-mô-thê 2:7

Ông cũng dùng để chỉ động cơ của ông trong I Cô-rinh-tô 5:8 và lời sớng (cũng như cho mọi Cơ-Độc-Nhân) trong Ê-phê-sô 4:24; 5:9; Phi-líp 4:8. Có lúc ông dùng nó cho con người:

1. Đức Chúa Trời, Rô-ma 3:4 (Giăng 3:33; 17:17)
2. Chúa Jê-sus, Ê-phê-sô 4:21 (giống như Giăng 14:6)
3. Những sự làm chứng của sứ đồ, Tít 1:13
4. Phao lô, II Cô-rinh-tô 6:8

Chỉ có Phao lô dùng dạng động từ (tức là *aletheo*) trong Ga-la-ti 4:16 và Ê-phê-sô 4:15, là những câu chỉ về Tin lành. Muốn nghiên cứu thêm, xin tham khảo sách của Colin Brown (ed), *The New International Dictionary of New Testament Theology*, vol. 3, trang 784-902.

2:5 "Vì chỉ có một Đức Chúa Trời " sự nhấn mạnh trên thuyết Độc Thần (Xem Rô-ma 3:30; 1 Cô-rin-tô 8:6; Ê-phê-sô 4:6) được thấy trong 1 Ti-mô-thê 1:17, phản chiếu Phục-truyền 6:4-6. Giê-su Đức Chúa Con và Đức Chúa Cha dường như được cách biệt ở câu này. Xin nhớ rằng Tân Ước khẳng định Thần Đức của Chúa Giê-su, (Xem Giăng 1:1; Cô-lô-sê 1:14-16; Hê-bơ-rơ 1:2,3) đồng thời tách biệt Ngài khỏi Đức Chúa Cha. Tín lý Ba Ngôi xác nhận sự hiệp một và bình đẳng về bản tính, nhưng sự khác biệt về bản thể, (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu Tích 3:6) Một trong các ví dụ về nghịch lý Kinh Thánh này là nghiên cứu các phân đoạn sau trong Giăng.

1. Chúa Giê-su là một với Đức Chúa Cha (Giăng 1:1; 5:18; 10:30,34-38; 14:9-10; 20:28).
2. Chúa Giê-su cách biệt với Đức Chúa Cha (Giăng 1:2,14,18; 5:19-23; 8:28; 10:25,29; 14:10,11,12,13,16; 17:1-2).
3. Chúa Giê-su đầu phục the Đức Chúa Cha (Giăng 5:20,30; 8:28; 12:49; 14:28; 15:10,19-24;17:8).

Khái niệm về Thần Đức của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh khá rõ ràng trong Tân Ước, tuy nhiên tín lý truyền thống này không được phát triển cho đến thế kỷ thứ ba, thứ bốn. Thuật ngữ “Ba Ngôi” không có trong Kinh Thánh, nhưng khái niệm “Ba Ngôi” là điều không thể nghi ngờ. (Xem Ma-thi-ơ 3:16-17; 28:19; Giăng 14:26; Công-vụ 2:32-33,38-39; Rô-ma 1:4-5; 5:1-5; 8:1-4,8-10; 1 Cô-rin-tô 12:4-6; 2 Cô-rin-tô 1:21-22; 13:14; 4:4-6; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-5; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13; Tích 3:4-6; 1 Phi-ê-rơ 1:2; Giu-đe 20-21).

Cấu trúc ngữ pháp câu 1 Ti-mô-thê 2:5-6 cho biết lý do vì sao sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời mang tính chất bao gồm .

1. Chỉ có một Đức Chúa Trời. Từ Sáng-Thế-Ký 1:26-27 chúng ta biết con người được tạo dựng trong hình ảnh Ngài.

- Chỉ có một con đường tới Đức Chúa Trời qua Đấng Mê-si-a (Xem Giảng 14:6), được tiên tri trong Sáng-Thế-Ký 3:15.
- Chỉ có một sự cứu rỗi, được kết thúc bởi huyết chuộc tội của Chiên Con Đức Chúa Trời là Chúa Giê-su (Xem Giảng 1:29; 2 Cô-rin-tô 5:21).

Đức Chúa Trời duy nhất cung ứng con đường cho tất cả mọi người được liên hệ, hiệp thông với Ngài, (Xem Sáng-Thế-Ký 3:15).

Ai ước nguyện đều có thể đến với Ngài, nhưng chỉ có thể đến bằng con đường của Ngài, bởi sự Cứu rỗi từ Trời, qua đức tin nơi Đức Chúa Con, như niềm hy vọng duy nhất được Ngài chấp nhận.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THUYẾT ĐỘC THẦN, (NHẤT THẦN LUẬN, DUY NHẤT THẦN THUYẾT) **Monotheism**

Khái niệm "Độc Thần" (duy nhất một Đức Chúa Trời) rất đặc thù đối với I-sơ-ra-en, (Abraham, 2000 B.C.), khác với Đấng Tối Cao trong các vị thần, hoặc Thần Tốt Lành của Nhị Nguyên Luận vùng Ba-tư, còn gọi là đạo Lửa ((Zoroastrianism). Ngoài ra chỉ có một bất thường hiếm có và ngẫu nhiên về thuyết Độc Thần ở Ai cập (Amenhotep IV, also known as Akhenaten, 1367-1350 hoặc 1386-1361 B.C.).

Khái niệm này được thấy trong vài câu Cựu-ước.

- "Không có ai như Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của chúng ta." Xuất Ê-gíp-tô Ký. 8:10; 9:14; Phục-truyền. 33:26; 1 Các vua. 8:23
- "Không có ai ngoài Ngài" Phục-truyền. 4:35,39; 32:39; 1 Sa-mu-en. 2:2; 2 Sa-mu-en. 22:32; Ê-sai. 45:21; 44:6,8; 45:6,21
- "Đức Giê-hô-va là một" Phục-truyền. 6:4; Rô-ma. 3:30; 1 Cô-rin-tô. 8:4,6; 1 Ti-mô-thê 2:5; Gia-cơ 2:19
- "Không một ai như Ngài," 2 Sa-mu-en. 7:22; Giê-rê-mi. 10:6
- "Ngài duy nhất là Đức Chúa Trời," Thi-thiên. 86:10; Ê-sai. 37:16
- "Trước Ta không có thần nào được tạo và sau Ta không có thần nào nữa. Ê-sai. 43:10
- "không có một ai ngoài Ta... không có một ai" Ê-sai. 45:5,6,22
- "Không ai khác, Ta là Đức Giê-hô-va, ngoài Ta không một ai là Đức Chúa Trời," Ê-sai. 45:14,18
- "Không có ai trừ Ta" Ê-sai. 45:21
- "Không ai khác... không một ai như Ta." Ê-sai. 46:9

Khái niệm thuyết Độc Thần được phát triển theo thời gian: Ban đầu được gọi là Thuyết Độc thần thực tế: Tuy có nhiều vị thần, nhưng Đức Giê-hô-va duy nhất là Đức Chúa Trời cho chúng tôi. Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký. 15:11; 20:2-5; Phục-truyền. 5:7; 6:4,14; 10:17; 32:12; 1 Các vua. 8:23; Thi-thiên. 83:18; 86:8; 136:1-9).

Những câu Kinh thánh đầu tiên gợi ý về Nhất Thần (Thuyết Độc Thần theo triết học) là Xuất Ê-gíp-tô Ký. 8:10; 9:14; Phục-truyền. 4:35,39; 33:26). Tuyên bố trọn vẹn về Thuyết Độc Thần được thấy trong Ê-sai 43-46 (Xem 43:11; 44:6,8; 45:7,14,18,22; 46:5,9).

Tân-ước phản ánh Phục-truyền 6:4 trong Rô-ma. 3:30; 1 Cô-rin-tô. 8:4,6; Ê-phê-sô. 4:6; 1 Ti-mô-thê 2:5; và Gia-cơ 2:19. Chúa Giê-su ấn chứng mệnh lệnh đầu tiên trong Ma-thi-ơ. 22:36-37; Mác 12:29-30; Lu-ca 10:27. Cả Cựu-ước và Tân-ước khẳng định các thực tại thuộc linh khác như thiên sứ, ma quỷ, như chỉ nói về một Đấng Tạo Hóa và Cứu Rỗi, (Giê-hô-va Đức Chúa Trời) (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Sáng-thế-Ký. 1:1).

Thuyết Độc Thần theo Kinh Thánh có những đặc trưng như sau.

- Đức Chúa Trời có một và độc đáo (Bản thể học được giả thiết, nhưng không được định nghĩa rõ ràng)
- Đức Chúa Trời mạnh tính cá nhân (các thể) (Xem Sáng-thế-Ký. 1:26-27; 3:8)
- Đức Chúa Trời có đạo đức (Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký. 34:6; Nê-hê-mi 9:17; Thi-thiên. 103:8-10)
- Đức Chúa Trời tạo dựng con người theo hình ảnh Ngài (Sáng-thế-Ký. 1:26-27) với mục đích tương

giao (giống mục 2). Ngài là Đức Chúa Trời đố kỵ (Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký. 20:5-6)

Từ trong Tân-ước được thấy:

1. Đức Chúa Trời có ba Ngôi Đờ Đờ một cách cá nhân (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi ở câu 8:1)
2. Đức Chúa Trời được mặc khải một cách trọn vẹn và tuyệt hảo qua Chúa Giê-su (Xem Giảng 1:1-14; Cô-lô-sê. 1:15-19; Hê-bơ-rơ. 1:2-3)

Đức Chúa Trời có chương trình cứu rỗi cho nhân loại sa ngã qua sự hy sinh chuộc tội của Chúa Giê-su (Ê-sai 53; Mác 10:45; 2 Cô-rin-tô. 5:21; Phi-líp. 2:6-11; Hê-bơ-rơ)

▣ **"và một Đấng Trung Gian giữa Đức Chúa Trời và loài người,"** Thêm một ví dụ Tân Ước xác nhận đức tin nơi cá nhân và công tác của Chúa Giê-su là cách duy nhất trở nên công chính trước Đức Chúa Cha (Xem Giảng 10:1-18; 14:6). Đây thường được gọi là "tính cách biệt gây xúc phạm của Phúc Âm", ("scandal of the exclusivism of the gospel"). Chân lý "duy nhất" trở nên không thích hợp với tư tưởng "bao gồm" (không coi trọng điều tuyệt đối" trong thời đại ngày nay. Tuy nhiên, Kinh Thánh là sự bày tỏ của Đức Chúa Trời, chính vì vậy mà tín đồ phải xác nhận tính cách biệt của Phúc Âm. Chúng ta không nói về một giáo phái là duy nhất, nhưng về con đường duy nhất qua Chúa Giê-su đến Đức Chúa Trời .

Thuật ngữ Đấng trung gian là hình ảnh thầy tế lễ (Xem Hê-bơ-rơ 8:6; 9:15; 12:24). Thầy tế lễ đứng giữa con người đáng thương và Đấng Thánh. Chúa Giê-su là Thầy Tế Lễ tối cao (Xem Hê-bơ-rơ 7-9). Chúa Giê-su là

1. Đấng Cứu Chuộc
2. Đấng Chết Thế
3. Đấng Trung Gian
4. Đấng Cầu Thay

▣ **"đó là Đức Chúa Giê-su Christ, một người,"** Câu này nhấn mạnh việc Chúa Giê-su là con người trọn vẹn và Đấng Trung Gian giữa con người và Đức Chúa Trời (Xem Giảng 14:6). Các giáo sư giả từ chối bản thể con người của Chúa Giê-su (Xem Giảng 1:14; 1 Giảng 1:1-3).

Cũng có thể ý của Phao-lô không nhất thiết vì phản biện Tri-huệ giáo, nhưng đây là thần học hình bóng luận A-đam so với Christ của ông, (Xem Rô-ma 5:12-21; 1 Cô-rin-tô 15:21-22,45-49; Phi-líp 2:6). Chúa Giê-su được coi là A-đam thứ hai, người khởi đầu của nhân loại mới, không phải đặc trưng Do-thái, Hy-lạp, nam hay nữ, nô lệ hay tự do, nhưng những người sống bởi đức tin, Cơ-đốc nhân (Xem 1 Cô-rin-tô 12:13; Ga-la-ti 3:28; Ê-phê-sô 2:11-3:13; Cô-lô-sê 3:11).

Cũng có thể các câu 1 Ti-mô-thê 2:5 và 6 là định nghĩa thần học về "chân lý" được nêu ra trong câu 1 Ti-mô-thê 2:4.

2:6 "Đấng đã hiển chính Ngài " Đức Chúa Cha sai phái, nhưng Chúa Giê-su sẵn lòng đến và hy sinh mạng sống của mình, (Xem Ma-thi-ơ 20:28; Mác 10:45; Giảng 10:17,18).

▣ **"làm giá chuộc,"** gợi nhớ tới Ê-sai 53 (đặc biệt. 1 Ti-mô-thê 2:6). Thuật ngữ "giá chuộc" mang tính chất thương mại, ám chỉ việc mua lại thân nhân, bạn hữu, tù binh khỏi bị bán ở chợ nô-lệ. Cấu trúc ngữ pháp ở đây hết sức quan trọng. (1) trong thuật ngữ ghép "giá chuộc" có một thành phần là (1) giới từ *anti* có nghĩa là "thay vì", (2) giới từ tiếp theo là *huper*, có nghĩa là "thay cho" (mọi người) (Xem Tích 2:14). Theo thần học, đây nói về sự chết thế của Chúa Giê-su Christ cho chúng ta, (Xem 2 Cô-rin-tô 5:21).

**Chủ Đề Đặc Biệt: GIÁ CHUỘC, CHUỘC LẠI,
Ransom/Redeem**

I. Cựu Ước

- A. Có hai thuật ngữ về mặt pháp lý trong tiếng Hê-bơ-rơ để hiểu khái niệm này.
1. Ga'al (BDB 145 I, KB 169 I), có nghĩa "được tự do bởi giá chuộc đã trả" Một dạng đánh vần khác là 'go'el' thêm vô ý nghĩa "chuộc lại bởi người trung bảo", thường là qua một thành viên gia đình (Người bà con có quyền chuộc lại sản nghiệp). Người này đứng ra chuộc lại tài sản, súc vật, ruộng đất đã mất (Xem Lê-vi 25:27), (Xem Ru-tơ 4:14; Ê-sai 29:22). Khái niệm này được mở rộng tới việc Đức Giê-hô-va chuộc lại dân I-sơ-ra-en từ Ai-cập. (Xem Xuất Ê-díp-tô 6:6; 15:13; Thi-thiên 74:2; 77:15; Giê-rê-mi 31:11). He becomes "the Redeemer" (Xem Gióp 19:25; Thi-thiên 19:14; 78:35; Châm-ngôn 23:11; Ê-sai 41:14; 43:14; 44:6,24; 47:4; 48:17; 49:7,26; 54:5,8; 59:20; 60:16; 63:16; Giê-rê-mi 50:34).
 2. Padah (BDB 804, KB 911), có ý nghĩa căn bản là "giải cứu", "giải phóng"
 - a. sự cứu chuộc các con trưởng. (Xuất Ê-díp-tô 13:13-15 and Dân-số 18:15-17)
 - b. sự cứu chuộc thuộc thể khác sự cứu chuộc thuộc linh (Thi-thiên 49:7,8,15)
 - c. Đức Giê-hô-va sẽ cứu chuộc I-sơ-ra-en khỏi tội lỗi và phân loạn. (Thi-thiên 130:7-8)
- B. Khái niệm cứu chuộc liên hệ tới vài điều sau:
1. Có nhu cầu giải cứu, như vòng nô-lệ, tù tội,
 - a. về mặt thuộc thể
 - b. về mặt xã hội,
 - c. về mặt thuộc linh. (Xem Thi-thiên 130:8)
 2. Một giá chuộc phải trả cho sự tự do, phóng thích, hồi phục.
 - a. của dân I-sơ-ra-en (Xem Phục-truyền 7:8)
 - b. của từng cá nhân (Xem Gióp 19:25-27; 33:28; Ê-sai 53)
 3. Có người trung bảo. Trong 'ga'al' người này là người thuộc gia hay họ hàng (i.e., go'el, BDB 145).
 4. Đức Giê-hô-va tự miêu tả với các thuật ngữ tương tự.
 - a. Người Cha
 - b. Người Chồng
 - c. Người bà con có quyền chuộc lại, / Đấng Cứu Chuộc Báo Thù. Qua giá chuộc được trả, sự cứu chuộc được đảm bảo.

II. Tân Ước

- A. Có vài thuật ngữ để hiểu khái niệm này
1. Agorazō (Xem 1 Cô-rin-tô 6:20; 7:23; 2 Phi-ê-rơ 2:1; Khải Huyền 5:9; 14:3-4). thuật ngữ thương mại nói về trả giá để mua thứ gì đó. Chúng ta được mua lại bởi huyết, chúng không là chủ nhân của sự sống, chúng ta thuộc về Đấng Christ.
 2. Exagorazō (Xem Ga-la-ti 3:13; 4:5; Ê-phê-sô 5:16; Cô-lô-sê 4:5). Đây cũng là thuật ngữ thương mại, ám chỉ Chúa Giê-su chết thay cho chúng ta. Ngài gánh chịu sự nguyên rủa của luật pháp. (i.e., Luật Mô-sê, Xem Ê-phê-sô 2:14-16; Cô-lô-sê 2:14), mà tội nhân không thể thực hiện. Ngài gánh chịu sự rủa sả (Xem Phục-truyền 21:23) cho tất cả chúng ta. (Xem Mác 10:45; 2 Cô-rin-tô 5:21)! Trong Chúa Giê-su, sự công nghĩa và tình thương của Đức Chúa Trời gặp gỡ, kết quả trong sự tha thứ, tiếp nhận và cửa mở vào thiên đàng. Nơi Đức Chúa Trời ngự.
 3. Luō, "giải cứu, phóng thích"
 - a. Lutron, "một giá đã trả" (Xem Ma-thi-ơ 20:28; Mác 10:45). Những thuật ngữ này được phát ra từ môi miệng của Chúa Giê-su về sứ mạng của Ngài trở nên Đấng Cứu Rỗi của nhân loại, qua trả giá cho món nợ tội lỗi mà Ngài không gây ra. (Xem Giăng 1:29).
 - b. Lutroō, "phóng thích"
 - (1) cứu chuộc I-sơ-ra-en (Lu-ca 24:21)
 - (2) cứu chuộc và làm thánh một dân tuyền (Tích 2:14)
 - (3) trở nên sinh tể thay thế vô tội. (1 Phi-ê-rơ 1:18-19)
 - c. Lutrōsis, "sự cứu chuộc," "giải phóng," hay "giải cứu"
 - (1) Xa-cha-ri tiên tri Chúa Giê-su, Lu-ca 1:68
 - (2) An-nê ca ngợi Đức Chúa Trời về Chúa Giê-su, Lu-ca 2:38
 - (3) Chúa Giê-su là sinh tể tốt hơn, Hê-bơ-rơ 9:12
 4. Apolytrōsis
 - a. cứu chuộc ở thời điểm Tái Lâm (Xem Công-vụ 3:19-21)

- (1) Lu-ca 21:28
 - (2) Rô-ma 8:23
 - (3) Ê-phê-sô 1:14; 4:30
 - (4) Hê-bơ-rơ 9:15
- b. cứu chuộc trong sự chết của Đấng Christ
- (1) Rô-ma 3:24
 - (2) 1 Cô-rin-tô 1:30
 - (3) Ê-phê-sô 1:7
 - (4) Cô-lô-sê 1:14
5. Antilytron (Xem 1 Ti-mô-thê 2:6). Đây là câu quan trọng liên hệ tới sự chết chuộc tội trên Thập Tự giá. (tương tự câu Tích 2:14) Chúa Giê-su là Đấng Duy Nhất có thể chết thay cho loài người và trở nên Sinh Tế có thể chấp nhận cho Đức Chúa Trời (Xem Giăng 1:29; 3:16-17; 4:42; 1 Ti-mô-thê 2:4; 4:10; Tích 2:11; 2 Phi-ê-rơ 3:9; 1 Giăng 2:2; 4:14).
- B. Quan điểm thần học của Tân Ước.
1. Nhân loại trong vòng nô lệ tội lỗi. (Xem Giăng 8:34; Rô-ma 3:10-18,23; 6:23).
 2. Vòng tội lỗi của nhân loại được bày tỏ trong luật Mô-sê (Xem Ga-la-ti 3) và Bài Giảng Trên Núi.(Xem Ma-thi-ơ 5-7). Công đức lại là án tử hình của nhân loại (Xem Cô-lô-sê 2:14)
 3. Chúa Giê-su là Con Chiên vô tội của Đức Chúa Trời. đã chết thay cho chúng ta (Xem Mác 10:45; Giăng 1:29; 2 Cô-rin-tô 5:21). Chúng ta được chuộc lại để phục vụ Đức Chúa Trời. (Xem Rô-ma 6).
 4. Đức Giê-hô-va và Chúa Giê-su là “người bà con có quyền chuộc lại” của chúng ta, (một hình ảnh ẩn dụ về thành viên gia đình: Cha, chồng, con, anh em, họ hàng gần gũi)
 5. Sự Cứu chuộc không phải là giá phải trả cho Sa-tan (theo thần học trung cổ), nhưng là sự làm hòa với Đức Chúa Trời trong công nghĩa và yêu thương qua trung gian Chúa Giê-su. Hòa bình bắt đầu nơi Thập Tự Giá, sự bạo loạn được tha thứ, hình ảnh Đức Chúa Trời được hồi phục trong con người với sự thông công Thần – nhân mật thiết.
 6. Vẫn còn sót lại khía cạnh sự cứu chuộc, (Xem Rô-ma 8:23; Ê-phê-sô 1:14; 4:30), sẽ được ứng nghiệm bởi sự phục sinh của thân thể và gặp gỡ Chúa Ba Ngôi (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi. Thân thể chúng ta sẽ trở nên giống Ngài.(Xem 1 Giăng 3:2). Chúa đã có thân thể phục sinh, 1 Cô-rin-tô 15:12-19 with 1 Cô-rin-tô 15:35-58 nhưng còn có phần thuộc linh, là nghịch lý chúng ta không thể hiểu nổi . Rõ ràng chúng ta sẽ có thân thể phục sinh và thân thể thuộc linh, cũng như Chúa Giê-su.

▣ **"mọi người "** Cảm tạ Đức Chúa Trời về thuật ngữ “tất cả” được dùng năm lần trong 1 Ti-mô-thê 2:1-7! Đây là điều rất quan trọng là sự chết thế của Chúa Giê-su liên hệ tới tội lỗi của cả thế gian. (Xem Giăng 1:29; 3:16,17; 1 Ti-mô-thê 4:10; Tích 2:11; Hê-bơ-rơ 2:9; 2 Phi-ê-rơ 3:9; 1 Giăng 2:2; 4:14). Trở ngại duy nhất để con người được cứu không phải là tội lỗi, nhưng chính là sự vô tin nơi Cá Nhân và công việc của Chúa Giê-su Christ (Xem Giăng 1:12; Công-vụ 17:30; 1 Ti-mô-thê 4:10; 1 Giăng 5:10-13). Chân lý này phải cân bằng với thuyết tiền định. (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu Tích 2:11).

một sự kiện được xác chứng là đã xảy ra đúng kỳ.

RVV11:	“lời chứng được ban cho đúng thời điểm”
VB1925	“lời chứng đã làm đúng kỳ”
NASB	"lời chứng được ban đúng kỳ"
NKJV	"được làm chứng đúng đúng kỳ"
NRSV	"được làm chứng ở thời điểm thích đáng"
TEV	"là minh chứng ở thời điểm đúng"
NJB	"đây là lời chứng ở thời điểm đã định"

Câu này tương tự như các câu 1 Ti-mô-thê 6:15 và Tích 1:3. Đức Chúa Trời tể trị các sự kiện lịch sử . Đấng Christ đến trong thời điểm Cha đã định để cứu chuộc nhân loại, (Xem Rô-ma 5:18-19).

Khả năng khác theo Rô-ma 5:6; Ga-la-ti 4:4; Ê-phê-sô 1:10, là bối cảnh thế kỷ thứ nhất của xã hội La-mã / Hy-lạp cung cấp thời điểm chín muồi

1. *Pax Romana*, hay hoà bình thành Rôm, cho phép mọi người di chuyển từ xứ này qua xứ kia một cách tự do.
2. Một ngôn ngữ phổ thông (*Koinē Hy-lạp*) cho phép mọi người trong vùng Địa Trung Hải hiểu nhau
3. Sự suy sụp của hệ thống tôn giáo Hy-lạp / La-mã khiến mọi người tìm kiếm ý nghĩa cuộc sống. Họ mong muốn mối liên hệ cá nhân trong lãnh vực tâm linh. Vì lý do đó mà xuất hiện tôn giáo huyền bí.

2:7 "Vì sự kiện đó mà ta đã được bổ nhiệm " Phao-lô nhấn mạnh sự chọn lựa và kêu gọi của Đức Chúa Trời trên đường tới thành Đa-mách, cũng được nhắc đến trong câu 1:1. Đức Chúa Trời mong muốn dân ngoại hiểu được Phúc Âm cho cả nhân loại.

▣ **"làm giảng sư và sứ đồ "** Nhiều khi các chức vụ này được liệt kê như ân tứ Thánh Linh 1 Cô-rin-tô 12:28 hoặc Ê-phê-sô 4:11. Ở đây chức vụ "tiên tri" được coi là nhà truyền giảng, với ý nghĩa như trong 1 Cô-rin-tô, Xem 1 Cô-rin-tô 11:4,5; 13:9; 14:1,3,4,5,24,31,39). Trong một cách nói khác, mỗi một chức vụ lãnh đạo đều có cùng sứ mạng truyền rao Phúc Âm, nhưng với sự nhấn mạnh khác nhau. Phao-lô một lần nữa sử dụng chính xác ba thuật ngữ này trong 2 Ti-mô-thê 1:11 để miêu tả chức vụ mình.

▣ **"- ta nói thật, chứ không nói dối - "** Nhiều nhà giải kinh cho lời nói này không thích hợp khi Phao-lô nói với Ti-mô-thê, người đồng lao yêu mến của mình. Nhưng chúng ta nên nhớ rằng thư này cũng được đọc trong hội thánh một cách rộng rãi, (Xem 1 Ti-mô-thê 6:21b; 2 Ti-mô-thê 4:22b; Tịch 3:15b). Lá thư này giới thiệu Ti-mô-thê và giao phó thẩm quyền sứ đồ cho người đại diện trẻ này được cử đến hội thánh Ê-phê-sô, là hội thánh đang chịu đựng nan đề giáo sư giả.

▣ **"tức làm giáo sư để dạy các dân ngoại "** Phao-lô cảm nhận Đức Chúa Trời sai phái người một cách đặc biệt đi giảng Phúc Âm cho Dân ngoại, (Xem Công-vụ 9:15; 22:21; 26:17; Rô-ma 1:5; 11:13; 15:16; Ga-la-ti 1:16; 2:7; Ê-phê-sô 3:1-2,8; 2 Ti-mô-thê 4:17). Điều ấy chứng minh cho tính bao gồm của tình yêu Thiên Chúa và sự cứu chuộc của Đấng Christ.

▣ **"về đức tin và chân lý."** Có thể nói về (1) thái độ của sứ giả hoặc (2) nội dung của sứ điệp. Trong 1 Ti-mô-thê 1:14 "đức tin" liên hệ tới "tình yêu" Cả hai đều đặc trưng cho Chúa Giê-su và là tiêu chuẩn để tín đồ noi theo.

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 2:8-15

⁸ **Vậy ta muốn quý ông hãy cầu nguyện tại mỗi nơi nhóm lại để thờ phượng, hãy đưa đôi tay thánh sạch lên mà cầu nguyện, đừng giận dữ và cãi nhau.**

⁹ **Quý bà cũng vậy, hãy ăn mặc lịch sự, trang sức thanh nhã và giản dị, không bôi những kiểu tóc cầu kỳ, không đeo vàng ngọc đắt giá, hoặc mặc những y phục đắt tiền,** ¹⁰ **nhưng làm những việc từ thiện, đó là những điều thích hợp với các phụ nữ xưng mình là người tin kính Đức Chúa Trời.** ¹¹ **Phụ nữ^[a] hãy học trong yên lặng và thuận phục trong mọi sự.** ¹² **Ta không cho phép đàn bà^[b] dạy dỗ hay cầm quyền trên đàn ông,** ^[c] **nhưng phải yên lặng,** ¹³ **vì A-đam được dựng nên trước rồi mới đến Ê-va;** ¹⁴ **và không phải A-đam bị lừa gạt, nhưng người đàn bà^[d] bị lừa gạt và phạm tội.** ¹⁵ **Tuy vậy đàn bà sẽ được cứu qua việc sinh con, nếu họ cứ tiếp tục ở trong đức tin, tình yêu, và thánh khiết, với sự thùy mị.**

2:8 "Vậy ta muốn quý ông hãy cầu nguyện tại mỗi nơi nhóm lại để thờ phượng" Phao-lô xác nhận sự nghiêm trang và thích hợp nơi công cộng (Xem 1 Ti-mô-thê 2:1-7), và chôn thờ phượng (Xem 1 Cô-rin-tô 11-14). Chữ mọi nơi có nghĩa các hội thánh tại gia trong và ngoài thành phố Ê-phê-sô. Lời cầu nguyện đáng chấp nhận được định nghĩa trong câu 8,

1. Nâng cao tay thánh
2. Không từ vít giận giữ
3. Không cãi cọ,

Những phẩm giá này cho thấy Phao-lô đang nói chuyện với tín đồ, chứ không với các giáo sư giả, hay các đại diện (thường là quả phụ trẻ) và các môn đồ của họ .

Phao-lô dùng cụm từ “tại mọi nơi” khác nhiều lần, (Xem 1 Cô-rin-tô 1:2; 2 Cô-rin-tô 2:14; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:8; 1 Ti-mô-thê 2:8). Có thể đây là sự gọi nhớ Cựu Ước, từ câu Mal. 1:11, là tiên tri nói về sự thờ phượng phổ thông, “tại mọi nơi” cũng phù hợp với “tất cả” hai được dùng trong 1 Ti-mô-thê 2:1-7.

▣ **"hãy đưa đôi tay thánh sạch lên mà cầu nguyện, "** Đây là tư thế cầu nguyện thông thường của người Do-thái. Lời của tín đồ phải đồng tình với hành động của mình, (Xem Gia-cơ 4:8).

▣ **"đừng giận dữ "** Thuật ngữ *orgē*, có nghĩa là “sự chống đối bất phục” (Xem Ma-thi-ơ 5:23-24; 6:15). Sự giận dữ với người ảnh hưởng tới một liên hệ với Đức Chúa Trời (Xem Ma-thi-ơ 5:21-24; Mác 11:25; 1 Giăng 2:9,11; 4:20-21).

▣ **“cãi nhau”**

RVV11, VB1925:	Cãi cọ
NASB	"dissension"
NKJV	"nghĩ ngờ"
NRSV, TEV,	
NJB	"tranh cãi"

Các triết học gia Hy-lạp dùng kỹ năng này cho một buổi dạy dỗ, tranh luận. Tân Ước ám chỉ đây là hành vi xấu, (Xem Ma-thi-ơ 15:19; Mác 7:21). Đây nói về văn cảnh của giáo huấn hay sự phá rối của các giáo sư giả.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỜI CẦU NGUYỆN TUY VÔ HẠN NHƯNG CÒN HỮU HẠN
Prayer, Unlimited Yet Limited

A. Các sách Phúc Âm Công Quan

1. Những tín hữu được khuyến khích bền đỗ trong sự cầu nguyện và Đức Chúa Trời sẽ ban “những điều tốt lành” (Ma-thi-ơ 7:7-11) hay ban cho “Đức Thánh Linh” (Lu-ca 11:5-13)
2. Theo điều lệ của giáo hội, các tín hữu được khuyên phải hiệp một trong lời cầu nguyện (Ma-thi-ơ 18:19)
3. Theo nhận xét của Do Thái Giáo, những người tin đạo phải cầu xin trong đức tin không nghi ngờ (Ma-thi-ơ 21:22; Mác 11:23-24)
4. Theo câu chuyện quan án không công bình trong Lu-ca 18:1-8 và câu chuyện về người Pha-ri-si và người có tội trong Lu-ca 18:9-14, những tín hữu được khuyến khích hành động khác hơn với vị quan không có Chúa và người Pha-ri-si tự xưng công bình. Đức Chúa Trời lắng nghe người khiêm nhường và ăn năn.

B. Những tác phẩm của Giăng

1. Trong câu chuyện người mù từ khi sinh ra được Đức Chúa Giê-xu chữa lành, sự mù lòa thật sự của những người Pha-ri-si bị phơi bày. Những lời cầu nguyện của Đức Chúa Giê-xu (cũng như mọi người) được trả lời bởi vì Ngài biết Đức Chúa Trời và sống theo ý muốn của Ngài (Giăng 9:31).
2. Sự giảng dạy trên Phòng Cao trong Phúc âm Giăng (Giăng 13-17)
 - a. 14:12-14 – lời cầu nguyện với niềm tin có đặc điểm
 - 1) Từ những tín hữu
 - 2) Cầu xin trong danh Đức Chúa Giê-xu
 - 3) Với mong ước tôn vinh Đức Chúa Cha
 - 4) Giữ theo những mạng lệnh (câu 15)
 - b. 15:7-10 – lời cầu nguyện của những tín hữu có đặc điểm
 - 1) Cứ ở trong Đức Chúa Giê-xu
 - 2) Lời của Ngài ở trong họ
 - 3) Mong muốn Đức Chúa Cha được tôn cao
 - 4) Sinh kết quả
 - 5) Vâng giữ theo mạng lệnh (câu 10)
 - c. 15:15-17 - lời cầu nguyện của những tín hữu có đặc điểm
 - 1) Được tuyển chọn
 - 2) Sinh kết quả

- 3) Cầu xin trong danh Đức Chúa Giê-xu
- 4) Giữ mạng lệnh yêu người khác
- d. 16:23-24 - lời cầu nguyện của những tín hữu có đặc điểm
 - 1) Cầu xin trong danh Đức Chúa Giê-xu
 - 2) Mong ước sự vui mừng được trọn vẹn
- 3. Lá thư đầu tiên của Giăng (I Giăng)
 - a. 3:22-24 - lời cầu nguyện của những tín hữu có đặc điểm
 - 1) Giữ mạng lệnh của Ngài (câu 22,24)
 - 2) Sống xứng đáng
 - 3) Tin Đức Chúa Giê-xu
 - 4) Yêu thương người khác
 - 5) Ở trong Ngài và Ngài ở trong chúng ta
 - 6) Nhận lãnh sự ban cho Đức Thánh Linh
 - b. 5:14-16 - lời cầu nguyện của những tín hữu có đặc điểm
 - 1) Tin cậy nơi Đức Chúa Trời
 - 2) Theo ý muốn của Ngài
 - 3) Những tín hữu cầu thay lẫn nhau

2:9 cũng vậy,

RVV11: "cũng muốn"
VB1225: "Cũng muốn"
NASB "cũng vậy"
NKJV "cũng cách này"
NRSV, TEV "cũng"
NJB "tương tự"

Văn cảnh là: "làm cách nào nam giới và phụ nữ thờ phượng nơi công cộng" (i.e., hội thánh tại gia, Xem 1 Cô-rin-tô 11-14). Một bản luận tốt có thể đọc trong cuốn của ông F. F. Bruce, *Answers to Questions*, trang. 114-115.

▣ **"hãy ăn mặc lịch sự, trang sức thanh nhã "** Cách ăn mặc bày tỏ tâm trí tấm lòng. Tín đồ nên ăn mặc lịch sự, không chỉ ở nơi thờ phượng nhưng ở mọi nơi, bởi vì họ là cơ đốc nhân. Sự nhấn mạnh của phần đoạn này không phải về hiện diện bên ngoài, nhưng nếp sống tin kính, (Xem 1 Ti-mô-thê 2:10; 1 Phi-ê-rô 3:3,4). Trong tất cả lãnh vực cuộc sống con dân Chúa phải là muối và ánh sáng thế gian, (Xem Ma-thi-ơ 5:13-16). Chúng ta phải nhớ luôn mình đang đại diện cho ai.

Tuy nhiên điều này không có nghĩa là tín đồ có thể ăn mặc xuề xòa. Chúng ta ăn mặc không để nổi bật trong đám đông nhưng gọn gàng, sạch sẽ, hợp thời trang và theo tiêu chuẩn Cơ-đốc.

▣ **"giản dị** Xem ghi chú đầy đủ ở câu 1 Ti-mô-thê 3:2.

▣ **"và , không bôi những kiểu tóc cầu kỳ, không đeo vàng ngọc đắt giá, hoặc mặc những y phục đắt tiền, "** Hình như đây ám chỉ một phần nào đó các tín đồ giàu có. Người Do-thái và La-mã thời đó có kiểu tóc cầu kỳ và mắc tiền. Rõ ràng một số phụ nữ cơ-đốc cũng bị ảnh hưởng hướng về thế gian, hoặc hướng về tự do các nhân (phong trào giải phóng phụ nữ, bắt đầu trong xã hội La-mã) Xem 1 Cô-rin-tô 11:2-16). Điều này phản chiếu chủ nghĩa biệt tách ưu tú của các giáo sư giả, tìm kiếm những cá nhân giàu có, quyền lực và có học vấn.

2:10 "nhưng làm những việc từ thiện," Tín đồ cần nhớ họ không được cứu bởi công việc, nhưng được cứu để thực hiện công việc, (Xem Ê-phê-sô 2:8-10; Tích 3:8; Gia-cơ 2:14-26). Nếp sống chúng ta làm chứng cho đức tin, cũng là những điều dạy dỗ trong cả sách Gia-cơ và 1 Giăng.

Trong văn cảnh, công việc tốt lành liên hệ tới nếp sống mà xã hội đương thời trông chờ, (Xem 1 Ti-mô-thê 5:10; Tích 2:5).

▣ "đó là những điều thích hợp với các phụ nữ xưng mình là người tin kính Đức Chúa Trời." Rõ ràng văn cảnh nói tới những người phụ nữ đã được cứu, chứ không tới tất cả phụ nữ trong xã hội. Ăn mặc thích hợp sự tin kính là điều cần có của con dân Ngài. Nếp đẹp để không nằm trong quần áo, nhưng trong trái tim đã được thay đổi. Người phụ nữ tin kính là người phụ nữ đẹp tính đẹp lòng, (trong tất cả lãnh vực cuộc sống.)

2:11 "Phụ nữ" Nói về các phụ nữ Cơ-đốc, hay những người vợ, (Xem Bản dịch Charles B. Williams dịch là "người phụ nữ có chồng" 1 Ti-mô-thê 2:11. Văn cảnh làm sáng tỏ dụng ý của tác giả.

▣ "**hãy học trong yên lặng**" **LỐI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG** . Mới nhìn qua, câu này có vẻ tiêu cực vì (1) phụ nữ không được học luật trong Do-thái giáo, hay đến trường trong xã hội La-mã / Hy-lạp. Nhưng vậy khuyên "phụ nữ hãy học" là một bước tiến bộ lớn để được huấn luyện trong Lời Chúa. (2) văn cảnh phải xét đến các giáo sư giả nhằm vào những người phụ nữ. (Xem 1 Ti-mô-thê 5:13; Công-vụ 20:30; 2 Ti-mô-thê 3:5-9; Tích 1:11). Có thể những phụ nữ này là các xướng ngôn viên cho giáo sư giả trong các buổi thờ phượng tại hội thánh tại gia, (Gordon Fee, *New International Biblical Commentary*, tập. 13).

▣ "**và thuận phục trong mọi sự.**" Câu này cũng có vẻ tiêu cực trong xã hội ngày nay, nhưng xin hãy nhớ rằng

1. Thuật ngữ "đầu phục" được Chúa Giê-su sử dụng. Ngài đầu phục Đức Chúa Cha (Xem 1 Cô-rin-tô 15:28); Ngài đầu phục phụ huynh trần thế, (Xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:21). Một cách khác, với thái độ thích hợp Ngài làm trọn những gì mà xã hội đương thời và dạy dỗ tôn giáo đòi hỏi.
2. "Đầu phục" là những gì mà Đức Chúa Trời mong muốn ở mọi tín đồ, (Xem Ê-phê-sô 5:21). Đây là một trong năm **ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI** định nghĩa thế nào là sự đầy rẫy Thánh Linh (Xem Ê-phê-sô 5:18)

3. Cũng như trong thư gửi người Ê-phê-sô, ở đây Phao-lô dùng ba hình ảnh gia đình để miêu tả sự đầu phục: (1) người vợ đối với người chồng, (2) con cái đối với cha mẹ, (3) nô lệ đối với chủ nô.

Một phần tích cực trong văn cảnh ở đây (và i.e. Ê-phê-sô 5:18-6:9) là Phao-lô hạn chế quyền của những người có quyền trong xã hội. (chồng, cha mẹ, chủ nô). Trong bối cảnh bấy giờ, viết về những người phụ nữ, con cái, và nô lệ là những bước đột phá trong văn tự của Phao-lô.

4. Phao-lô không công kích chủ nghĩa nô lệ, vì việc này sẽ phá hủy lời chứng và công tác hữu hiệu của hội thánh thời đó. Tôi cũng nghĩ vậy đối với địa vị phụ nữ. Phao-lô khẳng định sự bình đẳng tâm linh, (Xem Ga-la-ti 3:28; Cô-lô-sê 3:11), ân tứ (Xem 1 Cô-rin-tô 12:7-13), và vai trò truyền giáo của họ (Xem Rô-ma 16). Ông biết rằng phụ nữ trong vai trò lãnh đạo sẽ (1) gây sự hiểu lầm về tôn giáo thờ thần hộ sinh, và (2) bị từ chối trong xã hội độc quyền cho nam giới.

2:12 "cầm quyền trên đàn ông" Động từ cầm quyền *authentēō* chỉ được dùng ở đây trong Tân Ước. Nó định nghĩa "một người xử sự trong thẩm quyền bản thân" (*authentēs*, master) hoặc "một người thống trị, lấn át, chi phối". Xin xem trang luận của hai tác giả Moulton và Milligan, *Vocabulary of the Greek Testament*, trang 91. Vậy phụ nữ có được lãnh đạo không, nếu họ không lấn át? Văn cảnh gần gũi không ủng hộ ý tưởng này qua câu sau đó: "nhưng phải sự yên lặng" (Xem 1 Cô-rin-tô 14:34). Lời của Phao-lô về vai trò thuận phục của phụ nữ không thể giải thích theo phương cách *hapax legomenon* (dùng một từ, một câu, một việc xảy ra một lần để giải thích một quy luật cụ thể). Nó phải được hiểu trong bối cảnh văn hóa đương thời. Đức Chúa Trời chọn mặc khải chính mình cho từng xã hội cụ thể. Tất cả mọi sự trong một xã hội, một thời điểm có thể hoặc không có thể là ý chỉ chung của Đức Chúa Trời cho mọi xã hội, trong suốt cả quá trình lịch sử, (see Gordon Fee, *Gospel and Đức Thánh Linh* và *How to Read the Bible For All Its Worth*, trang. 83-86). Chân lý và quyền năng Phúc Âm thay đổi căn bản nền văn hóa con người (i.e. sở hữu nô lệ, chồng chúa vợ tôi...). Sự kiêu ngạo, sự lạm dụng, đều xấu dù đó là tính của người nam hay nữ. Chúng ta cần tránh xa hai thái cực: (1) Phụ nữ không được phép làm gì (văn hóa Trung Cận Đông) hoặc (2) phụ nữ có thể làm tất cả (văn hóa Tây phương). Cả nam giới và phụ nữ đều phục vụ trong khả năng tối đa để truyền bá đạo Chúa và môn đồ hóa, chứ không phục vụ lợi ích, ý muốn cá nhân.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: PHỤ NỮ TRONG KINH THÁNH

Women In The Bible

I. Cựu Ước

- A. Xét về mặt văn hóa, phụ nữ được xem như các vật sở hữu
 - 1. Nằm trong danh sách những vật sở hữu (Xuất Ê-díp-tô ký 20:17)
 - 2. Luật đối đãi với các nữ nô lệ (Xuất Ê-díp-tô ký 21:7-11)
 - 3. Lời thề hứa của các phụ nữ có thể bị hủy bỏ bởi một người đàn ông có trách nhiệm về mặt xã hội (Dân số ký 30)
 - 4. Phụ nữ như các chiến lợi phẩm trong chiến tranh (Phục truyền luật lệ ký 20:10-14; 21:10-14)
- B. Xét trên thực tế, có một sự hỗ tương giữa nam và nữ
 - 1. Người nam và người nữ được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27)
 - 2. Tôn trọng cha mẹ (Xuất Ê-díp-tô ký 20:12 [Phục truyền luật lệ ký 5:16])
 - 3. Kính sợ mẹ cha (Lê-vi-ký 19:3; 20:9)
 - 4. Cả nam và nữ đều có thể làm người Na-xi-rê (Dân số ký 6:1-2)
 - 5. Người con gái cũng có quyền hưởng tài sản (Dân số ký 27:1-11)
 - 6. Cả hai đều thuộc về dân giao ước (Phục truyền luật lệ ký 29:10-12)
- C. Phụ nữ ở địa vị lãnh đạo:
 - 1. Mí-ri-am, chị của Môi-se, được gọi là nữ tiên tri (Xuất Ê-díp-tô ký 15:20-21)
 - 2. Những phụ nữ được Chúa ban cho tài đàn các vật liệu dùng trong đền tạm (Xuất Ê-díp-tô ký 35:25-26)
 - 3. Đê-bô-ra, một phụ nữ, cũng là một tiên tri (Các quan xét 4:4), là người lãnh đạo tất cả các chi phái (Các quan xét 4:4-5; 5:7)
 - 4. Nữ tiên tri Hun-đa, là người vua Giô-si-a chỉ định để đọc và giải nghĩa “Sách Luật pháp” vừa được tìm thấy (II Các Vua 22:14; II Sử ký 34:22-27)
 - 5. Hoàng hậu Ê-xơ-tê, một người nữ yêu mến Chúa, đã cứu dân tộc Do thái ở Ba-tư.

II. Tân Ước

- A. Về mặt văn hóa phụ nữ trong Do thái giáo và trong thế giới Hy-lạp đều là các công dân hạng hai, chỉ có một ít quyền lợi và đặc ân (ngoại trừ Ma-xê-đoan)
- B. Các phụ nữ ở vai trò lãnh đạo:
 - 1. Ê-li-sa-bết và Ma-ri là những phụ nữ kính sợ Chúa, để cho Chúa sử dụng đời sống mình (Lu-ca 1-2)
 - 2. An-ne, một người yêu mến Chúa, phục vụ Chúa tại đền thờ (Lu-ca 2:36)
 - 3. Ly-đi, một tín hữu và là lãnh đạo một hội thánh tư gia (Công vụ 16:14, 40)
 - 4. Bốn con gái của Phi-líp là các nữ tiên tri (Công vụ 21:8-9)
 - 5. Phê-bê, nữ chấp sự trong hội thánh tại Xyn-chi-cơ (Rô-ma 16:1)
 - 6. Bê-rít-sin, anh chị em đồng làm việc với Phao-lô và là người dạy đạo cho A-bô-lô (Công vụ 18:26; Rô-ma 16:3)
 - 7. Ma-ri, Tri-phe-nơ, Tri-phô-sơ, Bết-si-đơ, Giu-li, chị của Nê-rê và một số các phụ nữ khác cùng làm việc với Phao-lô (Rô-ma 16:6-16)
 - 8. Giu-ni-a, có lẽ là nữ sứ đồ (Rô-ma 16:7)
 - 9. Ê-yô-đi và Syn-ti-cơ, anh chị em đồng lao với Phao-lô (Phi-líp 4:2-3)

III. Làm thế nào để tín hữu ngày nay có sự quân bình khi xem xét các trường hợp khác biệt trong Kinh thánh?

- A. Làm thế nào phân biệt được các lẽ thật thuộc về lịch sử hay thuộc về văn hóa là điều chỉ áp dụng trong bối cảnh nguyên thủy mà thôi, với các lẽ thật trường tồn là điều thích hợp cho tất cả các hội thánh, mọi tín hữu ở mọi thời đại?
 - 1. Chúng ta phải xem xét một cách rất nghiêm túc ý định nguyên thủy của các trước giả đã được Đức Chúa Trời hà hơi. Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời và là nguồn thông tin duy nhất hướng dẫn đức tin và lối sống của chúng ta.
 - 2. Chúng ta cũng phải cân nhắc các điều kiện lịch sử hiển nhiên trong các bản văn được hà hơi
 - a. Nền văn hóa (truyền thống và nghi lễ của I-sơ-ra-en)

- b. Do-thái giáo thể kỷ thứ nhất.
- c. Hệ thống luật pháp của người La-mã ngoại giáo (I Cô-rinh-tô 6)
 - (1) Duy trì nô lệ (I Cô-rinh-tô 7:20-24)
 - (2) Sống độc thân (I Cô-rinh-tô 7:1-35)
 - (3) Trinh nữ (I Cô-rinh-tô 7:36-38)
 - (4) Thức ăn tế thần (I Cô-rinh-tô 10:23-33)
 - (5) Các hành vi không xứng đáng trong Lễ tiệc thánh (I Cô-rinh-tô 11)

3. Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài một cách rõ ràng cho một văn hóa nhất định trong một thời đại nhất định. Chúng ta phải xem xét nghiêm túc sự mặc khải này, nhưng không nhất thiết phải cân nhắc mọi khía cạnh lịch sử mà nó chứa đựng. Lời của Đức Chúa Trời được viết ra bằng chữ của con người, để cập đến một văn hóa nhất định trong một thời điểm nhất định.

B. Sự giải nghĩa Kinh thánh phải nhắm vào ý định của tác giả nguyên thủy. Họ truyền đạt điều gì cho những người thời đó? Đây là nền tảng quan trọng để có được một sự giải nghĩa đúng đắn. Nhưng chúng ta cũng phải áp dụng nó cho thời nay. Đây là vấn nạn về chủ đề phụ nữ trong vai trò lãnh đạo (Vấn nạn giải kinh có lẽ là sự định nghĩa từ ngữ. Có phải các mục vụ nhiều hơn các mục sư lãnh đạo hay không? Nữ chấp sự và nữ tiên tri có được xem là các lãnh đạo hay không?) Điều khá rõ ràng là trong I Cô-rinh-tô 14:34-35, I Ti-mô-thê 2:9-15, Phao-lô khẳng định phụ nữ không nên hướng dẫn trong sự thờ phượng công cộng! Nhưng tôi sẽ áp dụng điều này ngày nay ra sao? Tôi không muốn văn hóa thời Phao-lô cũng như văn hóa của tôi thời nay làm im bật lời của Chúa và ý muốn của Ngài. Có lẽ thời Phao-lô bị quá giới hạn, nhưng thời của tôi cũng có lẽ quá cởi mở. Tôi thấy không an tâm khi cho rằng lời lẽ và sự dạy dỗ của Phao-lô là những lẽ thật có điều kiện, chỉ cho thể kỷ thứ nhất và chỉ dành cho những trường hợp địa phương mà thôi. Tôi là ai mà dám lấy suy nghĩ riêng của mình hay là văn hóa của mình để bác bỏ một trước giả được linh cảm?

Tuy nhiên, tôi phải làm thế nào khi Kinh thánh liệt kê những trường hợp phụ nữ lãnh đạo (ngay cả trong các thư tín của Phao-lô, xem Rô-ma 16)? Một ví dụ điển hình là trường hợp Phao-lô bàn về sự thờ phượng công cộng trong I Cô-rinh-tô 11-14. Trong câu 11:5, dường như Phao-lô cho phép phụ nữ giảng và cầu nguyện nơi công cộng khi họ trùm khăn trên đầu, tuy nhiên trong các câu 14:34-35 ông muốn họ phải yên lặng! Kinh thánh có nói đến các nữ chấp sự (Rô-ma 16:1) và nữ tiên tri (Công vụ 21:9). Chính sự đa dạng này cho tôi sự tự do để cho rằng những lời bàn của Phao-lô (liên quan đến những cấm cản đối với phụ nữ) chỉ giới hạn cho những người ở thế kỷ đầu tiên tại Cô-rinh-tô và Ê-phê-sô. Ở cả hai hội thánh này, có một số vấn đề xảy ra đối với các phụ nữ mới được ban cho quyền tự do (xem sách của Bruce Winter, *After Phao-lô Left Corinth*), là điều có lẽ đã gây khó khăn cho hội thánh khi đi ra làm chứng về Chúa cho xã hội bên ngoài. Quyền tự do của họ đã bị hạn chế bởi đức Phúc âm trở nên hiệu quả hơn.

Thời đại của tôi thì khác hẳn thời Phao-lô. Trong thời nay, nếu những phụ nữ nói năng lưu loát, đã được huấn luyện không được cho phép để đi ra chia sẻ Phúc âm, hoặc không cho cơ hội lãnh đạo, thì Phúc âm có lẽ đã bị hạn chế! Mục tiêu tối hậu của sự thờ phượng công cộng là gì? Không phải để truyền giảng và đạo tạo môn đệ hay sao? Đức Chúa Trời có được tôn cao và hài lòng đối với những nữ lãnh đạo hay không? Cả Kinh thánh dường như trả lời rằng, “Vâng, có!”

Tôi muốn nhường cho Phao-lô; thần học của tôi chủ yếu là lấy từ Phao-lô. Tôi không muốn bị ảnh hưởng thái quá hay bị điều khiển bởi chủ nghĩa quyền phụ nữ hiện đại! Tuy nhiên, tôi cảm thấy hội thánh đã phản ứng quá chậm trước những lẽ thật Kinh thánh hiển nhiên này, như vấn đề không đúng đắn của chế độ nô lệ, tị phân biệt chủng tộc, thái độ tin theo mù quáng không biết gì đến người khác và sự chủ nghĩa phân biệt giới tính. Hội thánh cũng đã phản ứng quá chậm trước sự lạm dụng phụ nữ của thế giới hiện đại ngày nay. Đức Chúa Trời trong Đấng Christ đã giải phóng nô lệ và phụ nữ. Tôi không dám để một bản văn bị ràng buộc bởi văn hóa xiềng xích họ lại một lần nữa.

Một điểm nữa: là một nhà giải kinh, tôi biết Cô-rinh-tô là một hội thánh rất tị. Các ân tứ được đánh giá cao và khoe khoang. Một số phụ nữ có lẽ bị rơi vào điều này. Tôi cũng tin rằng hội thánh ở Ê-phê-sô đã bị ảnh hưởng của các giáo sư giả, những người lợi dụng phụ nữ và dùng họ như những phát ngôn nhân thay thế mục sư trong các hội thánh tư gia ở Ê-phê-sô.

C. Các sách đề nghị để nghiên cứu thêm

How to Read the Bible for All Its Worth của Gordon Fee và Doug Stuart (trang 61-77)

Phúc Âm và Đức Thánh Linh : Issues in Tân Ước Hermeneutics của Gordon Fee

2:13-15 "vì A-đam được dựng nên trước rồi mới đến Ê-va;¹⁴ và không phải A-đam bị lừa gạt, nhưng người đàn bà bị lừa gạt và phạm tội.¹⁵ Tuy vậy đàn bà sẽ được cứu qua việc sinh con, nếu họ cứ tiếp tục ở trong đức tin, tình yêu, và thánh khiết, với sự thù mị." Lời Phao-lô trong phân đoạn này liên hệ tới Sáng-Thế-Ký 3. Và cũng liên hệ tới các giáo sư giả (Xem 1 Ti-mô-thê 1:3-11; 4:1-5; 5:11-13). Phao-lô sử dụng Sáng-Thế-Ký 3 để dùng hình ảnh E-va bị Sa-tan lừa dối, phạm tội, phản loạn, và mong muốn tự chủ bên ngoài Đức Chúa Trời, (Xem 1 Ti-mô-thê 5:13; 2 Ti-mô-thê 3:6-9).

Hậu quả của sự sa ngã liên hệ trực tiếp tới việc phụ nữ phải đầu phục chồng mình (Xem Sáng-Thế-Ký 3:16). Hành động tự lập của nàng đã và đang là nan đề thần học. Phải chăng sự rửa xả đó vẫn còn thích hợp cho thời nay? Phải chăng Phúc Âm đã loại bỏ hết sự rửa xả trong Sáng thế kỷ 3? Phải chăng những phụ nữ ngày nay, được huấn luyện chuyên môn và biết nghệ thuật truyền đạt, lại làm ngược ý của Phao-lô? Xin tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu the beginning of 1 Ti-mô-thê 2:12.

2:14 "bị lừa gạt và phạm tội." Có hai hậu quả mà Ê-va phải chịu vì tội lỗi mình: (1) sự đau đớn khi sinh con và (2) sự đầu phục chồng mình. Động từ trong THÌ HOÀN THÀNH, có nghĩa rằng hậu quả còn đến bây giờ. Chúa Giê-su đã bắt đầu Kỷ Nguyên Mới, nhưng tín đồ vẫn sống trong Kỷ Nguyên Cũ.

2:15 "Tuy vậy đàn bà sẽ được cứu qua việc sinh con," Giải thích câu này không dễ dàng. Có thể đây là câu khó nhất trong văn tự Phao-lô. Chúng ta phải nhớ tới

1. mối liên hệ câu này tới Sáng-Thế-Ký 3:13,16
2. bối cảnh giáo sư giả hoành hành ở Ê-phê-sô.
3. Liên từ tương phản "nhưng", liên hệ tới sự lừa dối của các giáo sư giả.

Thuật ngữ "được cứu", hay "được bảo vệ" có thể liên hệ tới sự giải cứu thuộc thể trong khi sinh con, (Xem bản dịch NASB New American Standard Version). Thuật ngữ này một lần nữa trong 1 Ti-mô-thê 4:16, nói về giáo huấn sai lầm của các giáo sư giả, là những người quảng bá nếp sống độc thân như một thực thể tâm linh cao quý, siêu việt hơn, Xem 1 Ti-mô-thê 4:3), hoặc mang ý nghĩa tâm linh về thời chung kết (lai thế học), dường như hợp lý với hầu hết các dẫn chứng Tân Ước khác.

Một cách giải kinh lạ thường khác dựa theo cấu trúc ngữ pháp với MAO TỬ CHỈ ĐỊNH trong câu qua việc sinh con" có lẽ liên hệ tới sự nhập thể của Chúa Giê-su Christ, vì:

1. Văn cảnh liên hệ tới Sáng-Thế-Ký 3:15
2. MAO TỬ *dia* có thể được dịch: "bằng phương cách" (bằng công cụ)"
3. sự có mặt của MAO TỬ CHỈ ĐỊNH với "sinh con"
4. sự có mặt của cả NGÔI SỐ ÍT "người đàn bà" và NGÔI SỐ NHIỀU "họ. "

Như vậy, Ê-va trở nên đại diện cho tất cả phụ nữ được cứu bởi lời hứa của Đức Chúa Trời về một sự giáng sinh kỳ diệu (i.e., Chúa Giê-su, tương tự về thần học với A-đam, trong dự hình luận được thấy trong các câu Rô-ma 5:12-21; 1 Cô-rin-tô 15:21-22,44-48; Phi-líp 2:6-7).

Văn cảnh gần gũi cho thấy phụ nữ là những người nội trợ trong xã hội thời Phao-lô, cũng như hầu hết các xã hội xưa và nay. Sự cứu rỗi của phụ nữ không đến từ vai trò trong thờ phượng nơi công cộng hay sự tự do cá nhân bên ngoài khuôn khổ của bối cảnh xã hội.

Sự cứu rỗi không đến từ vị trí xã hội nhưng từ đức tin và bông trái tâm linh (Xem 1 Ti-mô-thê 2:15b). Sự cứu rỗi ở trong và qua Đấng Christ. Những phụ nữ tin kính nhờ cậy Ngài không cố gắng khiến mình được đề ý. Tuy nhiên trong xã hội chúng ta, phụ nữ "được đề ý một cách không xứng đáng" khi vai trò của họ bị hạn chế. Cũng như những người chưa được cứu trong thế kỷ thứ nhất chán ngán những phụ nữ quá năng động, thì ngày nay, người hư mất cũng quay đi vì chủ nghĩa phân biệt giới tính, hoặc luật lệ hóa. Mục đích mọi sự là ưu tiên cho việc truyền giáo, chứ không cho sự tự do cá nhân hay sở thích riêng tư, (Xem 1 Cô-rin-tô 9:19-23).

▣ "nếu họ cứ tiếp tục ở trong đức tin, tình yêu, và thánh khiết, với sự thù mị." CÂU ĐIỀU KIỆN HANG BA có nghĩa là hành động khả thi, mang tính dự phòng. Tính dự phòng (tức là có tiềm năng) ở đây là nữ tín đồ

tiếp tục đức tin, tình yêu, sự biệt thánh và tự chủ. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Bền đỗ / Perseverance ở câu 2 Ti-mô-thê 2:11.

Về sự tự chủ xin xem ghi chú đầy đủ ở câu ở câu 1 Ti-mô-thê 3:2.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp anh chị em suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Chân lý trong chương này liên hệ tới các giáo sư giả như thế nào?
2. Làm cách nào chúng ta có thể cầu thay cho chính quyền, những người lãnh đạo vô tin, cư xử theo cách bất công và thiếu kính sợ Đức Chúa Trời?
3. Phải chăng Đức Chúa Trời muốn cả nhân loại được cứu? Phải chăng Chúa Giê-su thực sự chết thế cho tất cả mọi người?
4. Hãy định nghĩa “giá chuộc”.
5. Vì sao cách ăn mặc của Cơ đốc nhân là chủ đề tranh cãi trong xã hội hôm nay?
6. Công việc tốt lành liên hệ tới đức tin cứu rỗi như thế nào?
7. Phụ nữ nên đứng trong vị trí nào trong hội thánh hiện nay, dựa theo ánh sáng của câu 11-14?
8. Câu 15 có ý nghĩa như thế nào trong ánh sáng của giáo huấn Tân Ước?

1 TI-MÔ-THÊ 3

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Tiêu chuẩn của giám mục	Tiêu chuẩn của giám mục	Nạn đề quản trị hội thánh	Các lãnh đạo hội thánh	Chấp sự trưởng
3:1b-7	3:1-7	3:1-7	3:1-7	3:1-7
Tiêu chuẩn của chấp sự	Tiêu chuẩn của chấp sự		Những người giúp việc hội thánh	Chấp sự
3:8-13	3:8-13	3:8-13	3:8-13	3:8-13
Điều huyền bí của tôn giáo chúng ta	Huyền bí vĩ đại		Huyền bí vĩ đại	Hội thánh và điều huyền nhiệm của sự sống tâm linh
3:14-16	3:14-16	3:14-16	3:14-16	3:14-16

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của anh chị em với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

KIẾN GIẢI THEO VĂN BẢN

- A. Chương này liệt kê ba chức vụ
 1. mục sư (1 Ti-mô-thê 3:1-7)
 2. chấp sự (1 Ti-mô-thê 3:8-10,12-13)
 3. quǎ phụ (1 Ti-mô-thê 3:11; 5:9-16) hoặc nữ chấp sự (Xem Rô-ma 16:1)
- B. Những tiêu chuẩn này có thể là sự trả lời trực tiếp cho giáo huấn của giáo sư giả

- c. Câu 16 rõ ràng là trích dẫn một bài thánh ca. Phao-lô thường sử dụng thêm những nhu liệu này. (Xem Ê-phê-sô 5:19; Phi-líp2:6-11; Cô-lô-sê 1:15-16; 3:15-20; 2 Ti-mô-thê 2:11-13). Cấu trúc văn vần được thấy với 6 ĐÔNG TỪ THÌ QUÁ KHỨ ĐẠNG THỤ ĐỘNG LỐI CHỈ ĐỊNH VỚI 5 VỊ TRÍ CÁCH hoặc CÔNG CỤ CÁCH .

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CẤU VĂN

BD2011 3:1-7

Đây là lời đáng tin cậy: nếu ai khao khát làm giám mục, người ấy ước muốn một điều cao quý. ² **Vậy người giám mục cần phải không chỗ trách được, chồng của một vợ, tiết độ, sáng suốt, khả kính, hiếu khách, có ơn giảng dạy,** ³ **không ghiền rượu, không hung dữ, nhưng độ lượng, không gây gỗ, không tham tiền,** ⁴ **khéo quản trị gia đình mình, có các con cái biết vâng phục với tất cả lòng tôn kính.** ⁵ **(Vi nếu người nào không biết quản trị gia đình mình, làm sao người ấy có thể chăm sóc hội thánh của Đức Chúa Trời?)** ⁶ **Giám mục không thể là một người mới tin, kẻ người ấy tự phụ mà rơi vào án phạt dành cho Ác Quỷ.** ⁷ **Ngoài ra người ấy phải có danh tiếng tốt đối với những người ngoài, để khỏi bị rơi vào sỉ nhục và cạm bẫy của Ác Quỷ**

3:1 "Đây là lời đáng tin cậy: " Thành ngữ này có thể là lời kết thúc hoặc mở đầu Xem 1Ti-mô-thê 1:15; 3:1; 4:9; 2 Ti-mô-thê 2:11; Tích 3:8). Đây là lần thứ hai trong 5 lần Phao-lô sử dụng câu này, cũng như chúa Giê-su sử dụng "A-men" hoặc", "A-men, a-men", "quả thật" hoặc "quả thật, quả thật" để kêu gọi sự chú ý.

▫ **"nếu ai "** CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT có nghĩa là theo giả thiết sẽ xảy ra theo quan điểm hoặc dụng ý văn chương của tác giả.

▫ **"khao khát, ước muốn"** Đây là một trong hai thuật ngữ Hy-lạp mạnh (1) "vươn tới" (Xem 1 Ti-mô-thê 6:10; Hê-bơ-rơ 11:16) and (2) "đặt tấm lòng vào" (Xem Ma-thi-ơ 13:17; Lu-ca 15:16). Điều này cho tôi thấy ngày nay tiêu chuẩn bước vào chức vụ theo kiểu Cựu Ước có thể ít hạn chế hơn. Chỉ cần "khao khát, ước muốn là đủ. Lòng khao khát trong tín đồ đến từ Chúa (Xem Thi-thiên 37:4).

giám mục

NASB	"chức vụ người lãnh đạo chính"
NKJV	"chức vụ người giám mục"
NRSV	"chức vụ người giám mục"
TEV	"một người lãnh đạo hội thánh"
NJB	"người trưởng lão"

Thuật ngữ *episkopos*, thường được dịch ra là "giám mục" hoặc "giám thị" (hoặc đốc công) Thường thường nó đồng nghĩa với hai chức vụ lãnh đạo xã hội khác ở địa phương. Thuật ngữ : mục sư, giám mục hay trưởng lão đều là một. (Xem 1 Ti-mô-thê 5:17; Công-vụ 20:17,28; Tích 1:5,7; 1 Phi-ê-rơ 5:1-2). Hội thánh Tân Ước chỉ có hai cấp bậc: mục sư và chấp sự (Xem Phi-líp 1:1). Dường như tên gọi: "trưởng lão" mang tính chất Do-thái và "giám mục" mang tính chất Hy-lạp theo tổ chức hành chính.

3:2 "không chỗ trách được" là tiêu chuẩn chính yếu theo văn cảnh về lãnh đạo hội thánh địa phương. Câu này không cho phép có có tri trích trong và ngoài hội thánh (1 Ti-mô-thê 3:7). Chủ đề không để chê trách được nhắc lại trong các câu 7,10; 5:7; và 6:14. Không có lãnh đạo toàn vẹn, nhưng người này phải cố gắng vươn tới trong sự tin kính. được tôn trọng và chấp nhận, Xem thêm ghi chú ở câu Tích 1:6.

chồng của một vợ,

RVV11:	"một chồng một vợ"
VB1925:	"chồng chỉ một vợ"

NASB, NKJV

NJB

"chồng của một vợ"

NRSV

"lấy vợ chỉ một lần"

TEV

"chỉ có một vợ mà thôi"

Câu này gây nhiều tranh luận. Rõ ràng đây là nan đề của hội thánh Ê-phê-sô trong thế kỷ thứ nhất. (Xem 1 Ti-mô-thê 3:1,12; 5:7; and in Crete, Tít 1:6). Sau đây là một số giả thiết:

1. Nói về sự đa thê
2. Nói về sự tái hôn sau ly dị
3. Nói về sự tái hôn sau goá vợ
4. Nói về sự chung thủy giữa người nam và nữ, (một cách nói về quan hệ gia đình tốt theo bản dịch NEB.

Tất cả đều nói đến ảnh hưởng gia đình, bất cứ nan đề nào trong gia đình đều loại bỏ một người khỏi chức vụ lãnh đạo hội thánh địa phương. Khả năng thứ nhất trên đây không phải là nan đề của xã hội La-mã, nhưng có tiềm năng trong Do-thái giáo (dù ít xảy ra trong thế kỷ thứ nhất). Khả năng thứ hai là nan đề lớn trong xã hội La-mã, và Do-thái, (theo Hillel vs.Shammai); Khả năng thứ ba là nỗi quan tâm của hội thánh sơ khởi, đặc biệt nhóm theo Tertullian, và ngày nay trong vòng người trong giáo phái Báp-tít ở châu Âu. Tuy nhiên, dựa theo câu 1 Ti-mô-thê 5:14, tương tự với (Xem Rô-ma 7:2-3; 1 Cô-rin-tô 7), người góa trẻ được phép tái hôn.

Thêm một khả năng nữa là sự đòi hỏi lập gia đình so với ở độc thân. Các giáo sư giả cảm đoán việc lập gia đình (Xem 1 Ti-mô-thê 4:3). Đây có thể là sự phản biện trực tiếp xu hướng sống độc thân và khổ hạnh. Ở đây không khẳng định người độc thân không thể làm mục sư, nhưng độc thân không thể là tiêu chuẩn để làm mục sư. Khả năng liên hệ tới giáo sư giả theo tôi là khả năng thích hợp nhất so với các khả năng khác, liên hệ tới (1) nghiện rượu và (2) nan đề phụ nữ 1 Ti-mô-thê 2:8-15. Những điều này phải được hiểu trong ánh sáng về các giáo sư giả.

Nếu chủ đề này mạnh mẽ, gia đình tin kính, thì ly dị không phải là chủ đề sống còn duy nhất. Có lúc sự ly dị trong Cựu Ước là cách giải quyết thích hợp (1) ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ly dị I-sơ-ra-en thất tín, và (2) các thầy tế lễ ly dị người vợ không chung thủy. (Tham khảo "Old Testament Perspective on Divorce and Remarriage" trong *Journal of the Evangelical Theological Society* tập. 40 #4, tháng Mười Hai. 1997). Tất cả mọi người đều đối diện với sự gián đoạn gia đình ở một thời điểm nào đó. Tôi suy nghĩ rằng sự đề cao tiêu chuẩn này theo nghĩa đen là sự thiếu nhất quán với các tiêu chuẩn khác theo văn cảnh. Nếu ly dị loại bỏ người lãnh đạo, thì (a) việc không nghiện rượu, (tức là "không uống quá nhiều rượu") trong 1 Ti-mô-thê 3:8 chứng tỏ không nhất thiết kiêng cử tuyệt đối, và (b) "giữ con cái vâng lời" 1 Ti-mô-thê 3:4, là những điều có thể khiến nhiều mục sư chấp sự ngày nay phải bỏ việc.

Thật ra tôi không biết đến nhiều mục sư và chấp sự có được đầy đủ các tiêu chuẩn trong quá trình cuộc sống. Trước khi chúng ta có thái độ quá tri trích sự thiếu sót của các vị lãnh đạo, xin nhớ rằng đây là ý chỉ của Đức Chúa Trời cho tất cả con dân của Ngài. Tôi không muốn giảm nhẹ tiêu chuẩn, nhưng nhắc nhở mọi người đừng luật lệ hóa và phán xét. Hội thánh luôn cần những người lãnh đạo tin kính, và được xã hội chấp nhận. Chúng ta đều được chọn ra từ trong vòng người tội nhân được cứu. Hội thánh cần tìm kiếm những người đã được chứng tỏ trung tín qua nhiều năm, thay vì tìm kiếm người toàn hảo.

Ở một điểm nào đó, nếu câu này được nắm chặt cứng nhắc, thì Chúa Giê-su là người độc thân, và Phao-lô có thể là người đã ly dị (vì ông từng là Pha-ri-si, đòi hỏi phải có vợ) không thể làm lãnh đạo hội thánh. Điều ấy có lý hay không?

▣ **"tiết độ, sáng suốt,"** Theo nghĩa đen là "tinh táo". Bởi vì sự say rượu đã được nói đến trong 1 Ti-mô-thê 3:3, ở đây có thể là ẩn dụ về sự "khôn ngoan, đứng đắn, hợp lý" (Xem 1 Ti-mô-thê 3:11; Tít 2:2).

NASB

"khôn ngoan"

NKJV

"đầu óc tinh táo"

NRSV

"hợp tình hợp lý"

TEV

"tiết độ, tự chủ"

NJB "kín đáo"

Thuật ngữ *sōphrōn* có nghĩa "cân bằng" trong triết học Hy-lạp, ám chỉ tránh những thái cực, (khích lệ triết lý "đi ở giữa") /"the golden mean"). Cũng được dùng nói về một người đầu óc tinh táo trong các câu 1 Ti-mô-thê 2:9,15; 2 Ti-mô-thê 1:7; Tích 2:4,6,9,12,15.

Thuật ngữ gốc (theo BAGD, trang. 802) được thấy trong nhiều dạng khác nhau trong các thư Linh Vụ

1. ĐÔNG TỬ, *sōphroneō* – "hợp tình hợp lý," Tích 2:6
2. ĐÔNG TỬ, *sōphronizō* – "khích lệ" (i.e., đem một người quay lại sự tinh táo), Tích 2:4
3. DANH TỬ, *sōphronismos* – "môn đồ" (i.e., người tự chủ bản thân), 2 Ti-mô-thê 1:7
4. DANH TỬ, *sōphrosunē* – "kín đáo," 1 Ti-mô-thê 2:9,15
5. TÍNH TỬ, *sōphronōs* – "nhạy cảm" (i.e., vừa phải), Tích 2:12
6. TÍNH TỬ, *sōphrōn* – "hợp tình hợp lý," "khôn ngoan," "nghĩ kỹ," 1 Ti-mô-thê 3:2; Tích 1:8; 2:2,5

khả kính,

VB1925: "xứng đáng"

NASB, NRSV "đáng kính"

NKJV "cư xử tốt"

TEV "có trật tự"

NJB "lịch sự, nhã nhặn"

Thuật ngữ Hy-lạp *kosmikos*. được dùng trong hai ý nghĩa (1) một cách tiêu cực là tránh cảm dỗ trần thế, (2:12) và (2) một cách tích cực là có trật tự trước sau (2:10). Trong 1 Ti-mô-thê, văn cảnh ám chỉ trật tự thích hợp, lịch sự. Tức là những gì mà xã hội đương thời coi là đúng mực, đáng trọng, được mong đợi. Vì vậy mà có một tiêu chuẩn trong 1 Ti-mô-thê 3:7a, "phải có danh tiếng tốt đối với những người ngoài."

▣ **"hiếu khách,"** Các khách sạn thời Phao-lô nổi tiếng là nhà chứa, Chính vì vậy mà Cô-độc nhân, đặc biệt những người lãnh đạo cần có chỗ dừng chân cho các giáo sỹ, hoặc người sa cơ thất thế. (Xem 1 Ti-mô-thê 5:10; Tích 1:8; Rô-ma 12:13; Hê-bơ-rơ 13:2; 1 Phi-ê-rơ 4:9; 2 Giăng 5; and 3 Giăng).

▣ **"có ơn giảng dạy,"** Người lãnh đạo cần có ơn giảng dạy (Xem 2 Ti-mô-thê 2:24). Thật thú vị khi thấy "dạy dỗ" là một ơn riêng biệt, nhưng lại liên hệ tới mục sư trong Ê-phê-sô 4:11. Rõ ràng có giáo sư chuyên môn, và có mục sư với khả năng dạy dỗ. Nói một cách khác, tất cả các ơn trong ê-phê-sô 4 đều nhắm vào sứ mạng quảng bá Phúc Âm, nhưng với ý nghĩa và ưu tiên khác nhau.

Một số học giả coi đây là những người có học, hoặc những người dễ dạy.

Cuối cùng, khả năng dạy dỗ liên hệ tới các giáo sư giả, là những người tự cho mình là thầy giáo trong luật (Xem 1 Ti-mô-thê 1:7), nhưng thực ra họ tự lừa mình.

3:3 không ghiền rượu,

NASB "không nghiện rượu"

NKJV "không bị rượu khống chế"

NRSV "không là người say rượu"

TEV "phải không là người say"

NJB "không là người uống nhiều"

Có lẽ đây là điều gợi ý từ bản Bảy Mươi, Châm-ngôn 23:29-35. Cần đề ý là Kinh Thánh chống lại sự nghiện ngập, nhưng không quảng bá sự kiêng cử tuyệt đối, (Xem 1 Ti-mô-thê 3:8; 5:23; Tích 1:7; 2:3). Sự kiêng cử tuyệt đối đến từ sự hứa nguyện với Chúa của một cá nhân, dựa theo sự hạn chế quyền cá nhân vì xã hội họ đang phục vụ, (Xem Rô-ma 14:1-15:13 and 1 Cô-rin-tô 8-10). Tham khảo *Hard Sayings of the Bible* của tác giả Kaiser, Davids, Bruce, and Branch, trang. 673-674.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: KINH THÁNH NÓI VỀ RƯỢU VÀ SỰ SAY RƯỢU

Biblical Attitudes Toward Alcohol And Alcoholism

I. Các từ ngữ trong Kinh thánh

A. Cự Ước

1. *Yayin*- Đây là từ ngữ tổng quát chỉ rượu, được dùng 141 lần. Từ nguyên của chữ này không rõ bởi vì nó không phải xuất phát từ gốc từ Hê-bơ-rơ. Nó có nghĩa là các loại trái cây lên men, thường là nho. Các đoạn Kinh thánh điển hình gồm có Sáng thế ký 9:21; Xuất Ê-díp-tô ký 29:40; Dân số ký 15:5, 10.
2. *Tirosh*- Đây là “rượu mới.” Bởi vì điều kiện khí hậu ở vùng Cận đông, quá trình lên men có thể xảy ra sớm nhất là 6 giờ đồng hồ sau khi ép lấy nước trái cây. Từ này chỉ rượu đang trong giai đoạn lên men. Các đoạn Kinh thánh điển hình gồm có Phục truyền luật lệ ký 12:17; 18:4; Ê-sai 62:8-9; Ô-sê 4:11
3. *Asis*- Đây rõ ràng là các loại uống có cồn (Giô-ên 1:5; Ê-sai 49:26).
4. *Sekar*- Đây là từ “đồ uống mạnh.” Từ Hê-bơ-rơ gốc là “say” hay “người say.” Nó có thêm một thứ gì khác vào để làm cho say hơn. Nó tương đương với từ *yayin* (Châm-ngôn 20:1; 31:6; Ê-sai 28:7).

B. Tân Ước

1. *Oinos*- chữ Hy-lạp tương đương của chữ *yayin*.
2. *Neos oinos* (rượu mới)- từ Hy-lạp tương đương với chữ *tirosh* (Mác 2:22)
3. *Gleuchos vinos* (rượu ngọt)- rượu trong thời kỳ đầu của giai đoạn lên men (Công vụ 2:13).

II. Các cách dùng trong Kinh thánh

A. Cự Ước:

1. Rượu là một món quà từ Chúa (Sáng thế ký 27:28; Thi-thiên 104:14-15; Truyền đạo 9:7; Ô-sê 2:8-9; Giô-ên 2:19,24; A-môt 9:13; Xa-cha-ri 10:7).
2. Rượu là một phần trong tế lễ hy sinh (Xuất Ê-díp-tô ký 29:40; Lê-vi-ký 23:13; Dân số ký 15:7,10; 28:14; Phục truyền luật lệ ký 14:26; Các quan xét 9:13).
3. Rượu được dùng như thuốc (II Sa-mu-ên 16:2; Châm-ngôn 31:6-7).
4. Rượu có thể trở thành một vấn đề nghiêm trọng (Nô-ê- trong Sáng thế ký 9:21; Lót- trong Sáng thế ký 19:33, 35; Sam-sôn- trong Các quan xét 16:19; Na-banh- trong I Sa-mu-ên 25:36; U-ri- II Sa-mu-ên 11:13; Am-môn- II Sa-mu-ên 13:28; Ê-la- I Các Vua 16:9; Bên-ha-đát- I Các Vua 20:12; Những người cầm quyền- A-môt 6:6; và Những người phụ nữ- A-môt 4).
5. Rượu có thể bị lạm dụng (Châm-ngôn 20:1; 23:29-35; 31:4-5; Ê-sai 5:11, 22; 19:14; 28:7-8; Ô-sê 4:11).
6. Rượu bị cấm đối với một số nhóm người (Thầy tế lễ đang phiên trực, Lê-vi-ký 10:9; Ê-xê-chi-ên 44:21; Na-xi-rê, Dân số ký 6; và những người cai trị, Châm-ngôn 31:4-5; Ê-sai 56:11-12; Ô-sê 7:5).
7. Rượu được dùng trong bối cảnh ngày cuối cùng (A-môt 9:13; Giô-ên 3:18; Xa-cha-ri 9:17).

B. Thời kỳ giữa hai giao ước (Interbiblical)

1. Rượu dùng có chừng mực rất có ích lợi (sách Ecclesiasticus 31:27-30)
2. Các thầy ra-bi nói rằng, “Rượu là thứ thuốc tốt nhất, chỗ nào thiếu rượu thì thuốc mới cần đến.” (BB 58b).

C. Tân Ước:

1. Chúa Jê-sus biến một khối lượng lớn nước thành rượu (Giăng 2:1-11).
2. Chúa Jê-sus uống rượu (Ma-thi-ơ 11:18-19; Lu-ca 7:33-34; 22:17 và tiếp sau).
3. Phi-e-rơ bị cho là say ‘rượu mới’ trong ngày lễ Ngũ Tuần (Công vụ 2:13).
4. Rượu được dùng làm thuốc (Mác 15:23; Lu-ca 10:34; I Ti-mô-thê 5:23).
5. Lãnh đạo không được là người lạm dụng rượu. Điều này không có nghĩa là hoàn toàn kiêng cử rượu (I Ti-mô-thê 3:3, 8; Tít 1:7; 2:3; I Phi-e-rơ 4:3).
6. Rượu dùng trong bối cảnh ngày cuối cùng (Ma-thi-ơ 22:1 và tiếp sau; Khải huyền 19:9).
7. Ân hận khi say rượu (Ma-thi-ơ 24:49; Lu-ca 11:45; 21:34; I Cô-rinh-tô 5:11-13; 6:10; Ga-la-ti 5:21; I Phi-e-rơ 4:3; Rô-ma 13:13-14).

III. Các kiến giải thần học:

A. Sự căng thẳng biện chứng:

1. Rượu là một món quà Chúa ban
2. Sự say rượu là một vấn đề nghiêm trọng
3. Người tin Chúa trong một số văn hóa phải tự giới hạn sự tự do của mình vì Phúc âm (Ma-thi-ơ 15:1-20; Mác 7:1-23; I Cô-rinh-tô 8-10; Rô-ma 14:1-15; 13).

B. Khuyh hướng đi ra khỏi giới hạn cho phép:

1. Đức Chúa Trời là nguồn của mọi điều tốt lành (tạo vật “rất tốt lành,” Sáng thế ký 1:31).
2. Con người sa ngã đã lạm dụng những điều Chúa ban bằng cách đi ra khỏi giới hạn cho phép.

C. Sự lạm dụng ở tại chúng ta, chứ không phải trong đồ vật. Không có điều gì là gian ác trong các tạo vật thuộc vật chất này (Mác 7:18-23; Rô-ma 14:14,20; I Cô-rinh-tô 10:25-26; I Ti-mô-thê 4:4; Tít 1:15).

IV. Văn hóa Do thái thế kỷ thứ nhất và sự lên men rượu:

- A. Sự lên men xảy ra rất sớm, khoảng 6 giờ sau khi nho được ép ra, đặc biệt là trong loại khí hậu nóng và điều kiện vệ sinh thấp
- B. Truyền thống Do thái nói rằng khi một miếng bột nhỏ xuất hiện trên bề mặt (dấu hiệu lên men), nó phải được biệt riêng ra phần mười (sách *Ma aseroth* 1:7). Nó được gọi là “rượu mới” hay là “rượu ngọt.”
- C. Sự lên men mạnh mẽ nhất chấm dứt sau một tuần.
- D. Quá trình lên men lần thứ hai mất khoảng 40 ngày. Đến lúc này, nó được xem là “rượu đã chín tới” và có thể được đem dâng trên bàn thờ (sách *Edhuyyoth* 6:1).
- E. Rượu để ở nơi khuất (rượu lâu năm) được kể là rượu tốt, nhưng phải lọc thật kỹ trước khi dùng.
- F. Rượu được xem là đến đúng tuổi sau khoảng một năm để lên men. Thời gian cất giữ rượu lâu nhất là 3 năm. Nó gọi là “rượu cũ” và phải pha với nước.
- G. Chỉ trong vòng 100 năm trở lại đây, quá trình lên men bị đình lại khi ở trong môi trường tiệt trùng và các hóa chất phụ gia. Thời xưa không thể làm ngưng quá trình lên men tự nhiên.

V. Lời kết:

- A. Nên cẩn thận để kinh nghiệm của bạn, quan điểm thần học và sự giải thích Kinh thánh của bạn không hạ giá Chúa Jê-sus và văn hóa Do thái và/hoặc văn hóa Cơ đốc! Rõ ràng họ không phải là những người hoàn toàn kiêng cử rượu.
- B. Tôi không cổ vũ cho việc dùng rượu để xã giao. Tuy nhiên, nhiều người đã tuyên bố quá đáng vị trí của Kinh thánh về đề tài này và tự xưng công bình ở đẳng cấp cao hơn dựa vào các thành kiến về hệ phái và văn hóa.
- C. Đối với tôi, Rô-ma 14:1-15:13 và I Cô-rinh-tô 8-10 đã cung cấp các kiến giải và hướng dẫn dựa trên tình yêu thương và sự tôn trọng các anh em trong niềm tin và sự truyền bá Phúc âm trong mọi văn hóa, chứ không phải nhấn mạnh đến tự do cá nhân hay là công kích với tinh thần phán xét. Nếu Kinh thánh là nguồn tài liệu duy nhất để hướng dẫn niềm tin và thực hành, thì có lẽ chúng ta phải suy nghĩ lại vấn đề này.
- D. Nếu chúng ta cố áp đặt sự kiêng cử hoàn toàn là ý chỉ của Chúa, thì chúng ta đã có hàm ý gì về chính Chúa Jê-sus, cũng như các văn hóa ngày nay thường dùng rượu (ví dụ như Âu châu, Y-sơ-ra-ên, Ác-hen-ti-na)?

▣ "**không hung dữ**, (Xem Tích 1:7). Có thể đây liên hệ tới nghiện rượu, hậu quả ảnh hưởng tới tất cả mối quan hệ. (gia đình, hội thánh, giá sư giả)

▣ "**nhưng độ lượng**," Là đặc tính của người nhân nghĩa, dịu dàng, có lòng thông cảm yêu thương, sẵn sàng nhường nhịn người khác (Xem Tích 3:2; Gia-cơ 3:17; 1 Phi-ê-rơ 2:18).

▣ "**không gây gỗ**" Thuật ngữ Hy-lạp về chiến đấu, chiến trận, với cấu trúc ngữ pháp PHỦ ĐỊNH ALPHA PRIVATIVE, khiến thuật ngữ có nghĩa ngược lại, ở đây là không tranh chiến. không gây lộn, cãi vã (Xem Tích 3:2). Chúng ta có thể thấy rõ ràng theo văn chương, các giáo sư giả là nhân vật làm nền, (phản diện) để so sánh với người lãnh đạo tâm linh của chương 3 (và trong các thư Linh Vụ)

không tham tiền,

VB1925:	“đừng ham tiền bạc”
NASB	"tự do khỏi yêu thích tiền bạc"
NKJV	"không tham"
NRSV	"không là người yêu tiền"
TEV	"người ấy không được phép yêu tiền"
NJB	"không ham lợi, tham lam"

Đây là một từ ghép: “bạc” và “tình yêu anh em” với cấu trúc PHỦ ĐỊNH ALPHA PRIVATIVE có nghĩa không là người yêu tiền bạc” (Xem 1 Ti-mô-thê 6:6-10; Tích 1:7; Hê-bơ-rơ 13:5; 1 Phi-ê-rơ 5:2). Yêu tiền bạc chà đạp tính của các giáo sư giả. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ GIÀU CÓ /WEALTH ở câu 1 Ti-mô-thê 6:8.

3:4-5 "khéo quản trị gia đình mình," Lãnh đạo cần được thấy thành công ở nhà. Mọi nan đề xảy ra trong gia đình giữa vợ chồng, cha mẹ con cái, thông gia có thể loại bỏ người lãnh đạo khỏi chức vụ trong bối cảnh hội thánh sơ khởi. “Không có vấp phạm” là nổi quan tâm chính. Cách một người cai trị gia đình thế nào sẽ được thấy trong việc quản trị hội thánh, (Xem 1 Ti-mô-thê 3:5, đây cũng là lời giải thích cho câu hỏi phụ với câu trả lời “không”. Vâng, nếu áp dụng câu này theo nghĩa đen, nhiều tôi tớ Chúa ngày nay sẽ bị loại bỏ. Nhiều đặc tính tích cực và tiêu cực đều được liệt kê ra trong 1 Ti-mô-thê 3:2-3 mô tả khuôn khổ gia đình. “Trước hết hãy kiểm tra gia đình” là lời khuyên đối với ban nhân sự hội thánh.

3:5 "nêu" CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT, có nghĩa khả thi theo quan điểm hoặc dụng ý văn chương của tác giả.

▣ "Hội thánh"

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HỘI THÁNH (*ekklesia*) **Church (*Ekklesia*)**

Thuật ngữ Hy-lạp *ekklesia*, là từ kép, được hợp lại từ 2 thành phần, , "ra khỏi" và "kêu gọi." Trong bối cảnh xã hội, có nghĩa là gọi công dân ra khỏi nhà để đi họp. xem. Công-vụ 19:32,39,41) và bỏ Bản Bảy Mươi Septuagint dùng thuật ngữ ‘tập họp của dân Do-thái, từ thuật này mang ý nghĩa tôn giáo. Hội thánh sơ khởi tiếp tục thờ phượng Đức Chúa Trời với tư cách dân tuyển trong Cựu-ước. Họ coi mình là những người I-sơ-ra-en mới, (Xem Rô-ma 2:28-29; Ga-la-ti 3:29; 6:16; 1 Phi-ê-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:6), là sự ứng nghiệm về sứ mạng truyền giáo thế giới, (Xem Sáng-Thế-Ký 3:15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô 19:5-6; Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:47; Công-vụ 1:8; Xem Chủ Đề Đặc Biệt, Đức Giê-hô-va với chương trình cứu rỗi đời đời

Thuật ngữ này có vài ý nghĩa trong Công Vụ và Phúc Âm:

1. họp mặt thành phố, Công-vụ 19:32,39,41
2. Con dân của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ nói chung, Ma-thi-ơ 16:18 and Ê-phê-sô
3. Hội thánh địa phương bao gồm Tín Đồ Đấng Christ, Ma-thi-ơ 18:17; Công-vụ 5:11 (hội thánh tại Giê-ru-sa-lem); Công-vụ 13:1; Rô-ma 16:5; 1 C or. 16:19; Cô-lô-sê 4:15; Phi-lê-môn v. 2
4. Dân I-sơ-ra-en nói chung, Công-vụ 7:38, trong bài giảng của Ê-tiên
5. dân của Chúa tại một vùng Công-vụ 8:3; Ga-la-ti 1:2 (Judah or Pa-let-stin)

Hội thánh là một nhóm người hiệp lại, chứ không phải là một tòa nhà. Hội Thánh không có một tòa nhà qua hàng trăm năm, Gia cơ là cuốn sớm nhất trong Tân Ước, nói về Hội Thánh với thuật ngữ "*synagōgē*" (nhóm hội). Thuật ngữ này được dùng duy nhất trong Gia-cơ (Xem Gia-cơ 2:2; 5:14).

3:6 "không thể là một người mới tin, " Câu này không có trong thư gửi cho Tích. Thư 1 Ti-mô-thê được viết cho hội thánh Ê-phê-sô, là hội thánh đã được thiết lập lâu hơn. Còn thư gửi cho Tích được viết cho hội thánh Cô-rét, mới được mở ra, Thời gian thiết lập chính xác khi nào là điều không rõ.

▣ **"kéo người ấy tự phụ mà rơi vào án phạt dành cho Ác Quỷ. "** Sự kiêu ngạo là nan đề của cả thiên sứ và ma quỷ, (Xem 1 Ti-mô-thê 6:4; 2 Ti-mô-thê 3:4). Động từ (ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ QUÁ KHỨ DẠNG THỤ ĐỘNG) có nghĩa là "trở nên mù vì khói", Cụm từ “dành cho ác quỷ” là SỞ HỮU CÁCH có nghĩa

1. sự phán xén mà ma quỷ sẽ thực thi (Xem 1 Ti-mô-thê 3:7)
2. sự phán xét tương tự mà ma quỷ nhận lãnh. (Xem NKJV, TEV, NJB)

Phao-lô nói về kẻ thù của nhân loại vài lần trong thư 1 Ti-mô-thê (nhưng không lần nào trong các thư 2 Ti-mô-thê hoặc Tích):

1. Ma quỷ (*diabolos*, 1 Ti-mô-thê 3:6,7)
2. Sa-tan (*Santanas*, 1 Ti-mô-thê 1:20; 5:20)
3. Tà linh (*daimonion*, 1 Ti-mô-thê 4:1)

Thế giới quan theo Kinh Thánh có bao gồm kẻ thù tâm linh (Xem Ê-phê-sô 2:2; 6:10-19), được thấy trong cả Cựu Ước và Tân Ước

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HIỆN THÂN CỦA ĐIỀU ÁC SATAN

Satan

Đây là một chủ đề khó, vì một số lý do:

1. Kinh thánh Cựu Ước không bày tỏ một kẻ thù đầu tiên của điều thiện, nhưng là một tội tở của Đức Giê-hô-va, kẻ đã đưa ra một lựa chọn khác cho con người và tố cáo sự không công bình của họ.
2. Khái niệm hiện thân của một kẻ thù của Đức Chúa Trời phát triển trong các văn chương xuất hiện khoảng giữa hai giao ước (không được kinh điển) dưới ảnh hưởng của tôn giáo Ba-tư (Zoroastrianism). Điều này đến lượt nó lại ảnh hưởng lớn trên Do thái giáo.
3. Tân Ước phát triển một số chủ đề Cựu Ước một cách rất thẳng thắn nhưng có chọn lọc.

Nếu chúng ta tiếp cận vấn đề về điều ác từ cái nhìn của thần học Thánh kinh (theo mỗi sách hoặc trước giả hoặc thể loại được nghiên cứu và sắp xếp riêng biệt), thì sẽ thấy có rất nhiều quan điểm về điều ác.

Tuy nhiên, nếu tiếp cận nó từ các tài liệu không phải là Kinh thánh hoặc các tài liệu thêm vào Kinh thánh từ các tôn giáo của thế giới hoặc tôn giáo Đông phương, thì chúng ta sẽ thấy sự phát triển Tân Ước hầu hết bị bao trùm trong thuyết nhị nguyên của Ba-tư (Persian) và thuyết thông linh (spiritism) của thế giới Hy Lạp-La mã.

Nếu chúng ta chấp nhận thẩm quyền thiêng liêng của Kinh thánh, thì sự phát triển trong Tân Ước phải được xem như một sự mặc khải tiệm tiến (progressive revelation). Người Cơ đốc phải cảnh giác, không để cho những truyền thống dân gian của người Do thái hay các tác phẩm văn chương phương Tây (như Dante, Milton) định nghĩa thay cho họ các ý niệm Kinh thánh. Rõ ràng rằng có một sự huyền bí và không rõ ràng trong lãnh vực khái thị này. Chúa quyết định không bày tỏ ra mọi khía cạnh của điều ác, xuất xứ, mục đích của nó, nhưng Ngài đã bày tỏ cho chúng ta biết rằng nó đã bị đánh bại!

Trong Cựu Ước chữ Sa-tan hay kẻ kiện cáo có lẽ liên quan đến ba nhóm riêng biệt:

1. Những kẻ kiện cáo là con người (I Sa-mu-ên 29:4; II Sa-mu-ên 19:22; I Các vua 11:14, 23, 25; Thi-thiên 109:6)
2. Những kẻ kiện cáo là thiên sứ (Dân số ký 22:22-23; Xa-cha-ri 3:1)
3. Những kẻ kiện cáo là ma quỷ (I Sứ ký 21:1; I Các Vua 22:21; Xa-cha-ri 13:2)

Chỉ có sau này trong thời kỳ giữa hai giao ước thì con rắn trong Sáng thế ký 3 mới được cho là Sa-tan (Sách khôn ngoan 2:23-24; II Hê-nóc 31:3), và mãi sau này điều này mới trở thành một cách giải thích của các thầy rabi (Sot 9b và Sanh. 29a). Các “con trai của Đức Chúa Trời” trong Sáng thế ký 6 trở thành các thiên sứ trong I Hê-nóc 54:6. Tôi đề cập đến điều này, không phải để khẳng định tính chính xác về mặt thần học của nó, nhưng chỉ để cho thấy tiến trình phát triển của nó. Khi vào trong Tân Ước thì các hành động trong Cựu Ước này thường được gán cho thiên thần ác, điều ác được nhân cách hóa (Sa tan) trong II Cô-rinh-tô 11:3; Khải huyền 12:9.

Nguồn gốc điều ác được nhân cách hóa thật khó, thậm chí không thể xác định rõ ràng được (tùy theo quan điểm của bạn) từ Cựu Ước. Nguyên do là bởi tính độc thần rất mạnh của Y-sơ-ra-ên (I Các Vua 22:20-22; Truyền đạo 7:14; Ê-sai 45:7; A-môt 3:6). Mọi nguyên nhân đều thuộc về Đức Giê-hô-va để chỉ sự độc nhất và cao cả nhất của Ngài (Ê-sai 43:11; 44:6, 8, 24; 45:5-6, 14, 18, 21, 22).

Một số nguồn thông tin có được thường tập trung vào (1) Gióp 1-2 ở đây Sa-tan là một trong những “con trai Đức Chúa Trời” (tức là thiên thần) hoặc là (2) Ê-sai 14; Ê-xê-chi-ên 28 là nơi các vua kiêu căng vùng Cận đông (Ba-by-lôn và Ty-rơ) được dùng để minh họa sự kiêu ngạo của Sa-tan (I Ti-mô-thê 3:6). Tôi có những cảm xúc lẫn lộn về cách tiếp cận này. Ê-xê-chi-ên dùng hình ảnh Vườn Ê-đen không những cho vua của Ty-rơ là Sa-tan (Ê-xê-chi-ên 28:12-16), nhưng ông cũng dùng hình ảnh này cho Vua của Ai-cập để chỉ cây biết điều thiện và điều ác (Ê-xê-chi-ên 31). Tuy vậy, Ê-sai 14, đặc biệt là câu 12-14, dường như mô tả sự nổi loạn của các thiên thần qua sự kiêu ngạo. Nếu Đức Chúa Trời muốn bày tỏ cho chúng ta biết bản chất và xuất xứ đặc biệt của Sa-tan qua những câu này, thì Ngài đã đặt nó ở một chỗ không rõ ràng và đề cập đến một cách rất gián tiếp. Chúng ta cần phải cảnh giác không theo xu hướng của thần học hệ thống gom góp một số câu ít ỏi, lờ mờ từ cả hai giao ước, các tác giả, sách vở, các thể loại văn chương khác nhau và kết hợp chúng lại thành những miếng xếp hình có vẻ thiêng liêng và được ráp lại không rõ ràng

Học giả Alfred Edersheim (*The Life and Times of Chúa Giê-su the Đấng Mê-si-a*, tập 2, phụ lục XIII [trang 748-763]) và XVI [trang 770-776]) cho rằng Do thái giáo đã bị ảnh hưởng quá mức của thuyết nhị nguyên Ba-tư

và các suy đoán về ma quỷ. Các thầy ra-bi không phải là nguồn đáng tin cậy trong lãnh vực này. Chúa Jê-sus đã hoàn toàn tách xa khỏi các lời dạy của các thầy ra-bi trong các nhà hội. Tôi nghĩ rằng khái niệm trung gian và chống đối của các thiên thần theo các thầy ra-bi qua việc ban luật Môi-se trên núi Si-nai đã mở đường cho khái niệm cho rằng trong giới thiên thần có một kẻ thù của Đức Giê-hô-va và con người. Hai vị thần cao cả của thuyết nhị nguyên của người I-ran (Zoroastrian) là *Ahkiman* và *Ormaza*, thiện và ác, và thuyết nhị nguyên này đã phát triển thành quan điểm nhị nguyên có giới hạn trong Do thái giáo giữa Đức Giê-hô-va và Sa-tan.

Chắc chắn là có một sự mặc khải tiệm tiến trong Tân Ước về sự phát triển của khái niệm điều ác, nhưng không quá chi tiết như các thầy ra-bi tuyên bố. Một ví dụ điển hình cho sự khác biệt này là “cuộc chiến trên thiên đàng.” Sự sa ngã của Sa-tan cũng chỉ là một điều cần phải có theo cách lô-gích, nhưng chúng ta không có các chi tiết của sự kiện này. Ngay cả những điều được cho biết thì chỉ được thấy qua bức màn của thể loại văn chương lai thể (apocalyptic genre) (Khải huyền 12:4, 7, 12-13). Mặc dù Sa-tan bị đánh bại và bị đẩy xuống trần gian này, nó vẫn có chức năng như một đầy tớ của Đức Giê-hô-va (Ma-thi-ơ 4:1; Lu-ca 22:31-32; I Cô-rinh-tô 5:5; I Ti-mô-thê 1:20).

Chúng ta phải ngăn chặn sự tò mò của chúng ta trong lãnh vực này. Có một quyền lực hiện thân của sự cám dỗ và gian ác, nhưng cũng có một và chỉ một Đức Chúa Trời và con người phải chịu trách nhiệm đối với những điều mình chọn lựa. Có một trận chiến thuộc linh cả trước và sau sự cứu rỗi. Sự chiến thắng chỉ có thể đến và tồn tại trong và qua Đức Chúa Trời Ba ngôi. Sự ác đã bị đánh bại và sẽ bị loại bỏ!

3:7 "Ngoài ra người ấy phải có danh tiếng tốt đối với những người ngoài, " Lãnh đạo phải được thấy là người trung thực, không giả dối trong mắt xã hội mà hội thánh tìm cách đem tới đức tin trong Đấng Christ, (5:14; 6:1; Tích 2:5,6,10; I Cô-rin-tô 10:32; Cô-lô-sê 4:5; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:12).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CƠ ĐỐC NHÂN CÓ NÊN ĐOÁN XÉT LẪN NHAU? (Should Christians Judge One Another?)

Phán xét là điều chắc chắn (Xem Ma-thi-ơ 12:36; Hê-bơ-rơ 9:27; 10:27; 2 Phi-ê-rơ 2:4,9; 3:7).

A. Ai là thẩm phán

1. Đức Chúa Trời (Xem Rô-ma 2:2-3; 14:10,12; 1 Phi-ê-rơ 1:17; 2:23; Khải Huyền 20:11-15)
2. Christ (Xem Giăng 9:39; Ma-thi-ơ 16:27; 25:31-46; Công-vụ 10:42; 17:31; 2 Cô-rin-tô 5:10; 2 Ti-mô-thê 4:1)
3. Đức Chúa cha qua Đức Chúa Con (Xem Giăng 5:22-27; Công-vụ 17:31; Rô-ma 2:16)

Phán xét không phải là chủ đề dễ dàng, nhưng nó được nhắc đi nhắc lại trong Kinh Thánh, Phán xét dựa trên các chân lý căn bản sau:

1. Đây là thế giới đạo đức được tạo dựng bởi Đấng Có Lương Tri. (Chúng ta gieo gì gặt nấy, Xem Ga-la-ti 6:7).
2. Nhân loại phân loạn và sa ngã.
3. Thể gian đã biến đổi khác với thể gian theo dụng ý Đức Chúa Trời.
4. Tất cả tạo vật có lương tâm (thiên sứ và con người) sẽ phải tường trình trước Đức Chúa Trời về sự sống được ban. Chúng ta là người quản trị ân tứ của Chúa. .
5. Cối đời đời sẽ được quyết định bởi công việc và lựa chọn trong cuộc sống hôm nay.

- B. Chủ đề này cần phải được giải quyết theo hai cách: (1) Những tín hữu được can gián không đoán xét lẫn nhau (xem Ma-thi-ơ 7:1-5; Lu-ca 6:37,42; Rô-ma 2:1-11; Gia-cơ 4:11-12), và (2) những tín hữu cũng được khuyên là phải đánh giá (nhận xét) những người lãnh đạo của họ (xem Ma-thi-ơ 7:6,15-16; I Cô-rinh-tô 14:29; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:21; I Ti-mô-thê 3:1-13; and I Giăng 4:1-6).

Một vài tiêu chuẩn đánh giá thích hợp, có ích lợi

1. Đánh giá cho mục đích công nhận (xem I Giăng 4:1 - “trắc nghiệm” hướng đến sự chấp thuận)
2. Sự đánh giá cần phải thực hiện trong tinh thần khiêm nhường và hòa nhã (xem Ga-la-ti 6:1)
3. Sự đánh giá không được tập trung vào những vấn đề sở thích cá nhân (xem Rô-ma 14:1-23; I Cô-rinh-tô 8:1-13; 10:23-33)
4. Sự đánh giá dùng để chọn ra những người lãnh đạo “không thể chê trách” trong vòng Hội thánh hay

▣ "để khỏi bị rơi vào sỉ nhục và cạm bẫy của Ác quỷ " Phao-lô quan tâm tới chiến trận thuộc linh. Sự công chính là vũ khí, nhưng sự tự kỷ mở cửa cho kẻ thù tấn công.

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 3:8-13

⁸ Tương tự, các chấp sự cũng phải là những người đáng kính, không nói hai lời, không ghiền rượu, không tham lợi phi nghĩa, ⁹ nắm giữ huyền nhiệm của đức tin với một lương tâm thanh sạch. ¹⁰ Họ cũng phải được thử thách trước, nếu không có gì đáng trách, họ mới được làm chấp sự. ¹¹ Các nữ chấp sự cũng vậy, phải là người đáng kính, không nói xấu, nhưng tiết độ, và trung tín trong mọi sự. ¹² Mỗi nam chấp sự chỉ được làm chồng của một vợ, khéo quản trị con cái và gia đình riêng mình. ¹³ Vì ai thi hành chức vụ chấp sự cách tốt đẹp sẽ được kính trọng và được mạnh dạn nhiều trong đức tin nơi Đức Chúa Giê-su Christ.

3:8 "các chấp sự " Chấp sự không được nhắc tới trong các thư 2 Ti-mô-thê and Títíc. chức vụ chấp sự và hình thức không được định nghĩa trong Tân Ước. Nhiều người cho rằng Công Vụ chương 6 bắt đầu công tác của các chấp sự, nhưng có lẽ không phải như vậy. Ở đây chấp sự được nhắc đến cùng với mục sư, như hai chức vụ / hành chính của một hội thánh địa phương, (Xem Phi-líp 1:1). Thuật ngữ "chấp sự" có nghĩa là "quét bụi", một hình ảnh cho công việc của người đầy tớ. Nó trở nên thuật ngữ chung của chức vụ trong Tân Ước (Xem 1 Ti-mô-thê 1:12; 4:6; 2 Ti-mô-thê 1:18; 4:5,11). Chấp sự là đầy tớ chứ không phải là quản gia!

▣ "**cũng phải** " Tiêu chuẩn lãnh đạo hội thánh nay mở rộng ra cho nhóm người mới, cũng như cho nhóm phụ nữ. 1 Ti-mô-thê 3:11.

▣ "**là những người đáng kính**" Xem ghi chú ở câu 1 Ti-mô-thê 2:2.

▣ "**, không nói hai lời,**" Có nghĩa nói những điều khác nhau cho cá nhóm người, hầu mong được chấp nhận một cách giả hình.

không ghiền rượu,

NASB	"không nghiện rượu"
NKJV	"không bị rượu khống chế"
NRSV	"không là người say rượu"
TEV	"phải không là người say"
NJB	"không là người uống nhiều"

Đây là thuật ngữ ghép *pros* và *echō*, có nghĩa là "thêm vào" hoặc "nắm giữ", theo văn cảnh là "từ bỏ chính mình vì (rượu)" theo (Harold K. Moulton, *The Analytical Greek Lexicon Revised*, p. 349). Câu này cũng như câu 1 Ti-mô-thê 3:3, không nói về sự kiêng cử tuyệt đối, nhưng về sự lạm dụng. Trong cuộc sống hàng ngày ở một số nơi, Cơ-đốc nhân không hề thấy nan đề trong việc dùng rượu. Ở nước Mỹ, sự lạm dụng rượu dẫn đến phong trào kiêng cử tuyệt đối, vượt qua sự dạy dỗ trong Kinh Thánh. Khi vượt quá Kinh Thánh, chúng ta trở nên tiêu chuẩn chứ không phải Kinh Thánh. Tội thêm lời cho Kinh Thánh cũng nghiêm trọng như tội cắt xén lời từ Kinh Thánh. Phải chăng Kinh thánh là nguồn tham khảo duy nhất cho đức tin và thực hành? Nếu phải, thì chỉ Kinh Thánh mới được dùng để phán xét các nền văn hoá. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 3:3.

▣ "**không tham lợi phi nghĩa,**" Đây nói về công việc làm ăn trung thực của các vị lãnh đạo lương nghiệp. Nếu làm tiền là mục đích thì Chúa Giê-su không là ưu tiên, (Xem 1 Ti-mô-thê 6:9-10). Nên nhớ, các giáo sư giả là những người được nhắc tới với tính cách tham tiền và lạm dụng tình dục. Xin nhớ rằng văn cảnh của lá thư này phản chiếu các tác hại của giáo sư giả.

3:9 " nắm giữ huyền nhiệm của đức tin " Sự huyền nhiệm ám chỉ cả nhóm người Do-thái và Hy-lạp, được chấp nhận trong gia đình của Chúa. (Xem Ê-phê-sô 2:11-3:13; Cô-lô-sê 1:26,27). Đức tin là MẠO TỬ CHỈ ĐỊNH, ám chỉ tổ hợp tín lý Cơ-đốc giáo.

**Chủ Đề Đặc Biệt: SỰ HUYỀN NHIỆM ,
God's plan for redemption, "mystery"**

I. Trong Cựu Ước

Tiếng A-ra-mic (BDB 1112, KB 1980), raz, có nghĩa "che dấu," "giữ bí mật." Được sử dụng vài lần trong Đa-ni-ên (Xem Đa-ni-ên 2:18,19,27,28,29,30,47; 4:9). Nó trở nên chủ đề trọng tâm trong văn chương Khải thị và cuộn Biển Chết. Đức Chúa Trời mặc Khải ý tưởng của Ngài cho các tiên tri. (Xem Sáng-Thế-Ký 18:17; Giê-rê-mi 23:18; Đa-ni-ên 9:22; A-mốt 3:7).

Trong vòng cộng đồng Cuộn Biển Chết, Đức Chúa Trời mặc Khải qua trung gian (1) các tiên tri Cựu Ước, (raz), đồng thời (2) qua sự giải kinh (peshar) của "giảng viên công chính". Khuôn mẫu hai phần "tiên tri - giải kinh" này thường được thấy trong văn chương Khải thị. ."

II. Trong Phúc Âm Đồng Quan, thuật ngữ điều huyền nhiệm ám chỉ tri thức thuộc linh tiếp nhận bởi giáo huấn và ngụ ngôn của Chúa Giê-su.

1. Mác 4:11
2. Ma-thi-ơ 13:11
3. Lu-ca 8:10

III. Phao-lô sử dụng sự huyền nhiệm theo vài cách như sau:

1. Sự cứng lòng một phần của I-sơ-ra-en để dân ngoại được tham gia Nước Trời. Sự tham gia của dân ngoại là cơ chế khích lệ I-sơ-ra-en tiếp nhận Chúa Giê-su là Đấng Christ được tiên tri. (Xem Rô-ma 11:25-32).
2. Phúc Âm được truyền giảng tới các dân tộc để họ biết mình được tiếp nhận trong Đấng Christ và bởi Đấng Christ. (Xem Rô-ma 16:25-27; Cô-lô-sê 2:2).
3. Nói về thân thể mới của tín đồ tại thời điểm Tái Lâm. (Xem 1 Cô-rin-tô 15:5-57; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18).
4. Sự tổng kết và chung kết mọi sự trong Đấng Christ. (Xem Ê-phê-sô 1:8-11).
5. Dân ngoại và I-sơ-ra-en đều chung gia sản của Cha. (Xem Ê-phê-sô 2:11-3:13).
6. mối liên hệ giữa Đấng Christ và Hội Thánh được miêu tả như tình vợ chồng. (Xem Ê-phê-sô 5:22-33).
7. Dân ngoại tham gia dân tuyển theo giao ước mới, đồng thời sự ngự trị bởi Thánh Linh khiến tín đồ trở nên trưởng thành, hình ảnh Đức Chúa Trời được hồi phục trong họ. (Xem Sáng-Thế-Ký 1:26-27; 5:1; 6:5,11-13; 8:21; 9:6; Cô-lô-sê 1:26-28).
8. Nói về Kẻ Nghịch Đấng Christ trong thời Tận Thế. (Xem 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:1-11).

IV. Sự huyền nhiệm trong lời thánh ca, hoặc tín điều của một Hội Thánh nguyên thủy 1 Ti-mô-thê 3:16.

V. Trong Khải Huyền của Giảng, với các biểu tượng Khải thị.

1. Khải Huyền 1:20
2. Khải Huyền 10:7
3. Khải Huyền 17:5,6

VI. Những huyền nhiệm con người không thể tự khám phá, nhưng được mặc Khải bởi Đức Chúa Trời.

▣ **"vói một lương tâm thanh sạch. "** Khải niệm trong sạch áp dụng cho người lãnh đạo theo cách nói và làm như chân lý Phúc Âm. Xem ghi chú đầy đủ hơn ở câu 1 Ti-mô-thê 1:5.

3:10 "Họ cũng phải được thử thách trước," LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG THỤ ĐỘNG . Thuật ngữ Hy-lạp là *dokimazō*, có hàm ý “thử nghiệm với ý định xem có dùng được không” (Xem Rô-ma 2:18; 12:2; 14:22; 1 Cô-rin-tô 3:13; 16:3; 2 Cô-rin-tô 8:22; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:4). Khác với *peirazō*, “thử nghiệm với ý định xem có bỏ được không” (Xem 1 Cô-rin-tô 2:5; 10:9,13; Ga-la-ti 6:1; Phi-líp 1:10; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:5; 1 Ti-mô-thê 6:9). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Thuật ngữ Hy-lạp cho thử nghiệm và các hàm ý / Greek Words for Testing and Their Connotations ở câu 1 Ti-mô-thê 6:9.

▣ **"nếu" CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT** như 1 Ti-mô-thê 3:5.

▣ **"nếu không có gì đáng trách"** xem ghi chú ở câu 1 Ti-mô-thê 3:2.

▣ **"họ mới được làm chấp sự."** LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG .

3:11 " Các nữ chấp sự cũng vậy, phải là người đáng kính, " - Ở đây không nói về vợ các chấp sự (Xem KJV and NIV), nhưng nói về phụ nữ làm việc trong hội thánh. Cú pháp Hy-lạp phân biệt một nhóm người khác, (cũng vậy)(i.e. 1 Ti-mô-thê 3:8). Nữ chấp sự được nhắc tới trong Rô-ma 16:1 (Xem bản dịch Charles B. Williams) và có thể trong Phi-líp 4:3. Tiêu chuẩn của nữ chấp sự cũng tương đương như nam chấp sự. Họ phục vụ trong những trường hợp mà nam chấp sự không thể làm được như chăm sóc phụ nữ lâm bệnh, giúp phụ nữ chuẩn bị trước và sau lễ báp-tem, thăm viếng các phụ nữ lớn tuổi. Từ các văn tự được viết bởi các giám mục đầu tiên, chức vụ nữ chấp sự được phát triển rất nhanh và được sử dụng rộng rãi trong cả thế kỷ thứ nhất. Nan đề trong một số hội thánh ngày nay là chúng ta có ban điều hành toàn nam giới, dựa theo đoạn Kinh Thánh khác trong Ti-mô-thê, loại bỏ người phụ nữ. Tuy nhiên nghĩa chính của chấp sự là đầy tớ, vậy phụ nữ phải được phép tham gia một cách thích hợp. Có thể chữ “nữ chấp sự” đồng nghĩa với “vai trò người quả phụ” (Xem 1 Ti-mô-thê 5:9 và các câu tiếp), là những người phải trên 60 tuổi, không có gia đình và được các hội thánh sơ khởi thuê để làm việc. Tôi nghĩ rằng in lại lời bình luận giải kinh của tôi về câu Rô-ma 16:1 là một việc hữu ích

Các nữ chấp sự

RVV11:	“phụ nữ”
VB1925:	“Vợ các chấp sự”
NASB, NKJV	"người đầy tớ của hội thánh"
NRSV	"chấp sự của hội thánh"
TEV	"người phục vụ hội thánh"
NJB	"người nữ chấp sự của hội thánh"

Đây là thuật ngữ *diakonos*, là ĐỐI CÁCH GIỐNG CÁI SỐ ÍT của thuật ngữ người đầy tớ, người phục (nam) được dùng (1) nói về Christ trong Rô-ma 15:8; Mác 10:45; (2) nói về Phao-lô trong Ê-phê-sô 3:7; Cô-lô-sê 1:23,25; và (3) nói về chấp sự trong Phi-líp 1:1; 1 Ti-mô-thê 3:11.

Có bằng chứng được thấy trong Tân Ước và ngoài Kinh Thánh trong các văn tự của hội thánh sơ khởi. Ví dụ: phụ nữ trong chức vụ của hội thánh địa phương là “danh sách các quả phụ” trong các thư Linh Vụ, (Xem 1 Ti-mô-thê 3:11; 5:3-16). Các bản dịch RSV, Amplified, và Phillips dịch là “nữ chấp sự” trong Rô-ma 16:1. Các bản NASB và NIV đặt “nữ chấp sự” trong phần ghi chú cuối trang, bản NEB dịch là “những người nắm chức vụ” Tất cả mọi tín đồ đều được kêu gọi và trang bị trong phục vụ (Xem Ê-phê-sô 4:12).

Tác giả M. R. Vincent, trong cuốn *Word Studies*, tập. 2, trang. 752 và 1196, nói rằng văn tự *Apostolical Constitutions*, được viết cuối thế kỷ thứ hai phân biệt giữa bổ nhiệm và trách nhiệm một người nữ chấp sự.

- Bổ nhiệm:
1. Nữ chấp sự
 2. quả phụ (Xem 1 Ti-mô-thê 3:11; 5:9-10)
 3. trinh nữ (Xem Công-vụ 21:9 có thể thêm 1 Cô-rin-tô 7:34)

Trách nhiệm:

1. chăm sóc người bệnh
2. chăm sóc những người bị đánh đập (bất bớ)
3. thăm viếng những người trong tù vì đức tin

4. dạy dỗ tín đồ mới
5. giúp đỡ phụ nữ làm phép báp-tem.
6. điều hành nhóm phụ nữ trong hội thánh

▣ **"không nói xấu,"** Đây là một ví dụ về nan đề do các giáo sư giả gây nên. (Xem 1 Ti-mô-thê 5:13-15; 2 Ti-mô-thê 3:1-7). Có thể nó liên hệ tới cuộc hội thoại về giáo huấn giả. "Nói xấu" được dùng cho công việc của ma quỷ (Xem Giăng 6:70). Nghĩa đen là "vu khống" (NKJV, NRSV, NIV, Xem 1 Ti-mô-thê 3:11; 2 Ti-mô-thê 3:3; Tích 2:3), chứ không phải là đồn đại (NASB, TEV, NJB).

▣ **"nhưng tiết độ, theo các bản dịch"** xem ghi chú ở câu 1 Ti-mô-thê 3:3.

▣ **"và trung tín trong mọi sự."** Một lần nữa Phao-lô nhắm vào các giáo sư giả, là những người lạm dụng phụ nữ trong hội thánh. Những người lãnh đạo / đầy tớ phải trung tín trong đức tin và trong sự lựa chọn nếp sống (không có MAO TỬ ở đây và ở trong 1 Ti-mô-thê 3:13).

3:12 Hầu hết các bản dịch hiện đại đều đặt 1 Ti-mô-thê 3:8-13 thành một phân đoạn. Chấp sự được bắt đầu bàn tới từ câu 1 Ti-mô-thê 3:8 và kết thúc ở câu 1 Ti-mô-thê 3:13. Vậy trong câu 11 lại nói về nữ chấp sự. Chính vì vậy mà một số hội thánh coi đây là vợ các chấp sự. Tôi nghĩ rằng đây nói về các phụ tá chấp sự, các nữ chấp sự thích hợp hơn về mặt văn hóa. Đầy tớ nữ ("quả phụ") được nhắc tới một cách đặc biệt trong 1 Ti-mô-thê 5:9-10.

Câu 12 rất giống với tiêu chuẩn của giám mục hay mục sư. trong 1 Ti-mô-thê 3:2-5.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TIÊU CHUẨN CHO NỮ CHẤP SỰ **Qualifications For Female Church Workers**

- A. đáng kính (1 Ti-mô-thê 3:11)
- B. không đồn đại vu khống (1 Ti-mô-thê 3:11)
- C. tiết độ (1 Ti-mô-thê 3:11)
- D. trung tín trong mọi sự (1 Ti-mô-thê 3:11)
- E. không được họ hàng nuôi dưỡng (1 Ti-mô-thê 3:11)
- F. đức tin đặt nơi Đức Chúa Trời (1 Ti-mô-thê 5:5)
- G. cầu nguyện không ngừng, (1 Ti-mô-thê 5:5)
- H. không chỗ chê trách (1 Ti-mô-thê 5:7)
- I. trên 60 tuổi (1 Ti-mô-thê 5:9)
- J. vợ của một chồng (1 Ti-mô-thê 5:9)
- K. nổi tiếng về việc lành (1 Ti-mô-thê 5:10)
 1. nuôi dạy con cái tốt (1 Ti-mô-thê 5:10)
 2. hiếu khách với người lạ (1 Ti-mô-thê 5:10)
 3. rửa chân cho thánh đồ (1 Ti-mô-thê 5:10)
 4. trợ giúp người trong nan đề (1 Ti-mô-thê 5:10)
 5. tận tình trong mọi công việc tốt lành (1 Ti-mô-thê 5:10)

Tác giả M. R. Vincent, trong cuốn *Word Studies*, tập. 2, trang. 752 và 1196, nói rằng văn tự *Apostolical Constitutions*, được viết cuối thế kỷ thứ hai đầu thế kỷ thứ ba phân biệt giữa bổ nhiệm và trách nhiệm một người nữ chấp sự.

Bổ nhiệm:

- A. nữ chấp sự
- B. quả phụ (Xem 1 Ti-mô-thê 3:11; 5:9-10)
- C. trinh nữ (Xem Công-vụ 21:9 có thể thêm 1 Cô-rin-tô 7:34)

Trách nhiệm:

- A. chăm sóc người bệnh
- B. chăm sóc những người bị đánh đập (bất bớ)

- C. thăm viếng những người trong tù vì đức tin
- D. dạy dỗ tín đồ mới
- E. giúp đỡ phụ nữ làm phép báp-tem.
- F. điều hành nhóm phụ nữ trong hội thánh

Copyright © 2014 [Bible Lessons International](http://BibleLessonsInternational.com)

3:13 " thi hành chức vụ chấp sự " Đây là dạng động từ của chấp sự (làm chấp sự), là một thuật ngữ chung trong Tân Ước, Trong bản Hy-lạp, câu này không có thuật ngữ “chấp sự”.

▣ **"sẽ được kính trọng và được mạnh dạn "** ý Phao-lô không phải là quyền thế cao hơn (như chức vụ mục sư) nhưng sự tin cậy trong cộng đồng khiến họ được mạnh dạn chia sẻ Phúc Âm.

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 3:14-16

¹⁴ Ta viết cho con những điều này với hy vọng sẽ sớm đến với con. ¹⁵ Nhưng nếu ta phải đến trễ thì nhờ thư này con sẽ biết cách xử sự thế nào trong nhà Đức Chúa Trời, tức Hội Thánh của Đức Chúa Trời hằng sống, là cột trụ và nền tảng của chân lý. ¹⁶ Mọi người đều công nhận rằng huyền nhiệm của sự tin kính thật là uyên thâm, đó là Đấng

Được bày tỏ trong xác thịt đã
 Được Đức Thánh Linh xác chứng,
 Được các thiên sứ chiêm ngưỡng,
 Được rao giảng giữa các dân,
 Được tin thờ khắp thế gian,
 Được cất lên trong vinh hiển

3:14-15 Phao-lô dự định đến thăm Ti-mô-thê ở Ê-phê-sô. Đức Thánh Linh chỉ dẫn ông viết thư trước để khích lệ Ti-mô-thê và hướng dẫn hội thánh trong gian đoạn này.

Những câu này xác nhận bối cảnh của các chương 1-3 là thờ phượng nơi công cộng, (cũng như 1 Cô-rin-tô 11-14). Tôi cũng nghĩ rằng sự có mặt của các giáo sư giả thêm lý do để Phao-lô phản ứng và hướng dẫn tiêu chuẩn lãnh đạo. Đây chắc chắn không phải là bối cảnh vô tư,

Bối cảnh này cũng tương tự như trong sách Lê-vi-ký. Sách này không phải là sách dạy vệ sinh hoặc tập tục, nhưng là sự phản ứng đối với nền văn hóa của các dân tộc Ca-na-an mà I-sơ-ra-en phải cách biệt, cả về nếp sống và tôn giáo. Cũng vậy, các thư Linh Vụ được viết nhằm để tách biệt những người hầu việc Chúa và các giáo sư giả.

3:15 "Nhưng nếu ta phải đến trễ " CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA có nghĩa là có khả năng xảy ra.

▣ **"trong nhà Đức Chúa Trời"** Phao-lô sử dụng nhiều ẩn dụ về hội thánh, như “thân thể”, tuy nhiên hình ảnh “nhà” mang tính các gần gũi nhất (Đức Chúa Trời với tư cách Đức Chúa Cha, Chúa Giê-su là Đức Chúa Con, các tín đồ là con cái Đức Chúa Trời)

▣ **"tức Hội Thánh "** *Ekklesia* là thuật ngữ ghép: “”được gọi” + “ra từ”. Tiếng Hy-lạp phổ thông Koine dùng để miêu tả tất cả các buổi nhóm, như buổi nhóm cộng đồng, (Xem Công-vụ 19:32). Các hội thánh Do-thái sơ khởi sử dụng từ thuật này, vì nó được dùng trong Bản Bảy Mươi / Septuagint là bản dịch Cựu Ước ra tiếng Hy-lạp, khoảng 250 TCN cho thư viện thành A-lê-xan-đra. Thuật ngữ Hê-bơ-rơ là *qahal* được thấy trong câu “đoàn dân của Chúa” (Xuất Hành, Dân Số 20:4). Các tác giả Tân Ước xác nhận họ “được Thần Linh gọi ra”, là dân tuyền của Đức Chúa Trời trong thời đại họ sống. Các tín đồ Do-thái thời đó không coi sự khác biệt giữa dân tuyền Cựu Ước và bản thân họ, con dân của Đức Chúa Trời. Họ cho rằng hội thánh thực sự của Đấng Christ, chứ không phải là

Do-thái giáo theo các thầy Ra-bi, là người thừa kế gia sản đã hứa trong Cựu Ước. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 3:5.

▣ **"của Đức Chúa Trời hằng sống,"** Cựu Ước xác nhận chỉ có một và duy nhất có một Đức Chúa Trời (xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHẤT THẦN LUÂN / MONOTHEISM ở câu 1 Ti-mô-thê 2:5, Xem Xuất Ê-díp-tô 8:10; 9:14; Phục-truyền 4:35,39; 6:4; 32:39; 1 Sa-mu-en 2:2; Ê-sai 40:10-13; 44:6-8; 45:5-7). TÍNH TỪ "hằng sống" xuất phát từ danh hiệu theo giao ước (Xem 1 Ti-mô-thê 4:10) của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, dựa trên động từ xác nhận thực thể: "Ta Là" (Đấng Tự Hữu Hằng Hữu) (Xem Xuất Ê-díp-tô 3:14; xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: DANH THẦN THÁNH / NAMES FOR DEITY ở câu 2 Ti-mô-thê 1:2).

▣ **"là cột trụ và nền tảng của chân lý."** Có thể đây là gợi ý từ Ê-sai 28:16, Nền móng của Đức Chúa Trời là Chúa Giê-su, tảng đá góc nhà, cũng vậy trong 2 Ti-mô-thê 2:19. Đây là lần thứ hai cho thấy mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và hội thánh

1. "nhà của Đức Chúa Trời" (1 Ti-mô-thê 3:15)
2. "hội thánh của Đức Chúa Trời hằng sống" (1 Ti-mô-thê 3:15)
3. "trụ cột và nền tảng của chân lý" (1 Ti-mô-thê 3:15)

Thuật ngữ (*alētheia*) rất thông dụng trong văn tự của Phao-lô (và Giăng), thường ám chỉ nội dung Phúc Âm. (Xem Rô-ma 1:18,25; 2:2,8; 3:7; 15:8; 1 Cô-rin-tô 13:6; 2 Cô-rin-tô 4:2; 6:7; 7:14; 13:8; Ga-la-ti 2:5,14; 5:7; Ê-phê-sô 1:13; 4:21; 5:9; Phi-líp 1:18; Cô-lô-sê 1:5,6; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:10,12,13; 1 Ti-mô-thê 3:15; 4:3; 6:5; 2 Ti-mô-thê 2:15,18,25; 3:7,8; 4:4; Tít 1:1,14). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Chân Lý trong văn tự của Phao-lô / Truth in Paul's Writings ở câu 1 Ti-mô-thê 2:4.

3:16 Mọi người đều công nhận

RVV 11; "phải công nhận rằng"
VB 1925: "mọi người đều cho"
NASB "bởi sự công nhận phổ thông"
NKJV "không còn tranh cãi"
NRSV, NJB "không còn nghi ngờ"
TEV "không ai từ chối"

Thuật ngữ Hy-lạp nói về xưng nhận, (xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: XUNG NHẬN / CONFESSION ở câu 1 Ti-mô-thê 6:12). Đây là kỹ xảo văn chương, đánh dấu những gì quan trọng sau đó: bản tuyên xưng đức tin của hội thánh sơ khởi.

▣ **"rằng huyền nhiệm của sự tin kính thật là uyên thâm"**, "huyền nhiệm" trong thư tín Phao-lô thường nói về truyền giáo cho Người Ngoại, (Xem Ê-phê-sô 2:113:13), cũng có thể là chìa khóa trả lời cho câu 1 Ti-mô-thê 3:16. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 3:9. Sự tin kính, xin tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:7.

Đây cũng là câu giới thiệu một phần thánh ca hay bản tuyên xưng đức tin, giống như trong câu 2 Ti-mô-thê 2:11-13. Cấu trúc văn thể được sắp xếp theo một số khuôn mẫu như sau:

1. A B C D E F (bày tỏ chân lý về Đấng Christ)
2. AB, BA, AB (sự khác biệt trần gian và thiên đàng, hay khác biệt giữa hạ thấp và nâng cao)
3. ABC, ABC (bày tỏ mối liên hệ về Đấng Christ và hội thánh.)

Khuôn mẫu "đối xứng quy tụ", hay "cách đảo đổi" (Chiasmic Patterns, Chiasmus) trong Kinh Thánh càng ngày càng trở nên rõ ràng đối với các học giả ngày nay. Companion Bible xuất bản bởi Kregel năm 1990 và *Poet and Peasant* của ông Kenneth E. Bailey tiếp cận phương cách này khá chi tiết.

Dường như Phao-lô trích dẫn một câu trong bài thánh ca, hoặc trong bài tụng kinh của hội thánh, nhấn mạnh chân lý về Chúa Giê-su với tư cách Con Người và công vụ thế gian của Ngài. Nó không nhắc đến ba điều căn bản trong giáo lý thần học của Phao-lô: (1) thập giá; (2) sự sống lại; và (3) sự Tái Lâm. Phao-lô trích dẫn một vài nguồn trong các thư I, 2 Ti-mô-thê và Tít, điều này giải thích vì sao có sự khác biệt trong cách viết văn và sự nhấn mạnh thần học so với các văn tự khác của Phao-lô.

Được bày tỏ trong xác thịt

- RV11:** “Đáng được bày tỏ trong xác thịt”
VB1925: “Đáng được tỏ ra trong xác thịt”
NASB "Đáng được tỏ ra trong xác thịt"
NKJV "Đức Chúa Trời bày tỏ trong xác thịt"
NRSV "Đáng được tỏ ra trong xác thịt"
TEV "Đáng xuất hiện trong khuôn khổ con người"
NJB "Đáng được thấy trong xác thịt"

Điều này nói về sự nhật thể của Chúa Giê-su Christ tại Bét-lê-hem: cuộc sống, giáo huấn, sự chết và sự sống lại của Ngài, bày tỏ trọn vẹn Đức Chúa Cha (Xem Giăng 1:14-18). Thêm vào đó là dấu hiệu tính tiền tại của Ngài, (Xem Giăng 1:1-5; 8:57-58; 2 Cô-rin-tô 8:4; Phi-líp 2:6; Cô-lô-sê 1:17). Đây là chân lý trọng tâm của Phúc Âm về Chúa Giê-su Christ, Một Thần Nhân, trọn vẹn là Đức Chúa Trời và trọn vẹn là con người, (Xem Giăng 1:14; Phi-líp 2:6-8; Cô-lô-sê 1:14-16; 1 Giăng 4:1-6).

Có một bản muện tiếng Hy-lạp, trong đó danh từ *hos* (Ngài) được thay đổi thành *theos*, (Đức Chúa Trời), (MSS κ , A, C, F, G; UBS⁴ xếp vào hạng A, chắc chắn như vậy), Sự thay đổi muện có thể xảy ra:

1. với sự lẫn lộn của chữ viết tắt OC (chữ viết tắt trong bản chữ lớn - uncial Greek cho “Đáng”) được đọc thành HC (Chữ viết tắt trong bản chữ lớn – uncial Greek, cho "Đức Chúa Trời "), hoặc
2. sự thay đổi bởi các nhà sao chép văn bản, có chủ đích thần học, (Xem MSS κ^c , A^c, C², và D²), với lòng mong muốn chống lại tư tưởng “Chúa Giê-su là con nuôi của Đức Chúa Trời” (adoptionism) một cách sai lầm (Xem Bart D. Ehrman, *The Orthodox Corruption of Scripture*, pp. 77-78)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: XÁC THỊT (Sarx)

Flesh (Sarx)

Đây nói về sự khôn ngoan của con người, theo tiêu chuẩn thế gian (xem I Cô-rin 1:20, 2:6,8, 3:18) Phao-lô sử dụng từ này trong vài ý nghĩa:

- A. Cơ thể con người (xem. Rô-ma. 2:28; I Cô-rin. 5:5; 7:28)
- B. Con cháu (tức là cha-con, xem. Rô-ma. 1:3; 4:1; I Cô-rin.10:18)
- C. Loài người (xem. I Cô-rin. 1:26,29)
- D. Nói theo con người Giăng 8:15; I Cô-rin-tô 1:26; II Cô-rin-tô 1:12; 5:16; 10:2; Ga-la-ti 6:12
- E. Sự yếu đuối con người bởi sự phạm tội của tổ tiên, Sáng thế 3 (xem. Rô-ma. 6:19; 7:18)
- F. Sự thù hận đối nghịch Đức Chúa Trời, sau con người sa ngã Rô-ma 7:14; 13:14; I Cô-rin-tô 3:1,3; Ê-phê-sô 2:3; Cô-lô-sê 2:18; I Phi-ê-rơ 2:11; I Giăng 2:16

Được Đức Thánh Linh xác chứng,

- RVV11:** “Được Thánh Linh tuyên xưng công chính”
VB1925: “Thì đã được Đức Thánh-Linh xưng là công-bình”
NASB "Được minh chứng trong Đức Thánh Linh "
NKJV, NJB "được xưng công chính trong the Đức Thánh Linh "
NRSV "được minh chứng trong tâm linh"
TEV "được đúng bởi Đức Thánh Linh "

Câu này được hiểu qua vài cách như sau.

1. Phải chăng Ngài được minh chứng, được tuyên xưng công chính?
2. Phải chăng Đức Thánh Linh năng động trong chức vụ Chúa Giê-su (NASB)?
3. Phải chăng Thần Linh Chúa Giê-su được xác nhận bởi trong khi Ngài sống trong thân thể con người. (Xem Ma-thi-ơ 3:17; 17:5) (NRSV)?

Có nhiều học giả coi "Đức Thánh Linh " nói về Thần Đức của Chúa Giê-su, được minh chứng khi Ngài sống lại (Xem Rô-ma 1:4; 1 Phi-ê-rơ 3:18).

▣ **"Được các thiên sứ chiêm ngưỡng,"** Các thiên sứ luôn luôn mong muốn được biết Đức Chúa Trời đang làm gì với nhân loại sa ngã (Xem 1 Cô-rin-tô 4:9; Ê-phê-sô 2:7; 3:10; 1 Phi-ê-rơ 1:12). Nhưng cũng có thể ở đây nói về các thiên sứ phục vụ Chúa Giê-su, khi Ngài bị cám dỗ, (Xem Ma-thi-ơ 4:11; Mác 1:13), hoặc trong vườn Ghết-sê-ma-nê (Xem Lu-ca 22:43, tức là một phân đoạn đáng ngờ (a questionable text), hoặc ngay sau khi Ngài phục sinh, (Xem Lu-ca 24:4,23; Giăng 20:12).

Phân đoạn này ngắn và không rõ nghĩa nên một vài lời giải kinh chi là những dự đoán:

1. Các thiên sứ phục vụ Chúa Giê-su (như ở trên)
2. Các thiên sứ ngắm nhìn Ngài thăng thiên (cả thiên sứ tốt và thiên sứ xấu) Xem 1 Pet 3:19-20,22)
3. Các thiên sứ ngắm nhìn Chúa Giê-su ngự trị trên Thiên Đàng

▣ **"Được rao giảng giữa các dân,"** Đây là sự truyền giảng khắp thế gian, (Xem Lu-ca 24:46-47) cũng là điều gây sốc cho những người Do-thái trong thế kỷ thứ nhất, nhưng đó là trọng tâm của Phúc Âm, (Xem Ma-thi-ơ 28:18-20). Phúc Âm cho Người Ngoại là điều huyền nhiệm của sự tin kính. (Xem Ê-phê-sô 2:11-3:13).

Được tin thờ khắp thế gian,

VB1925: "được thiên hạ tin cậy"

RVV11: "được mọi người tin nhận"

NASB, NKJV "được tin nhận trong thế gian"

NRSV, TEV,

NJB "được tin nhận trên khắp thế gian"

Phúc Âm không chỉ là một sứ điệp cho mọi người, nhưng cũng được tiếp nhận khắp nơi. Và hội thánh hôm nay bao cả người Do-thái và Người Ngoại (Xem Ê-phê-sô 2:11-3:13). Đó luôn là chương trình kỳ diệu của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời Độc Tôn đã hoàn tất hứa ngôn của Ngài trong Sáng-Thế-Ký 3:15. Sự ăn năn và đức tin cá nhân (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 1:16) có mặt trong Phúc Âm, trong cuộc sống hôm nay đã mở cửa Thiên Đàng cho tất cả những ai hưởng ứng lời mời gọi, (Xem Giăng 1:12; 3:16; Rô-ma 10:9-13). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Cách Phao-lô sử dụng thuật ngữ "kosmos" / Paul's Use of *Kosmos* ở câu 1 Ti-mô-thê 1:16.

▣ **"Được cất lên trong vinh hiển "** Ám chỉ sự thăng thiên của Ngài. Thật ngạc nhiên khi các chi tiết chính như sự chết, sự sống lại và sự tái lâm tương lại bị bỏ ra ngoài, nhưng nếu đây là một thánh ca được trích dẫn một phần, thì cũng dễ hiểu. Rồi khuôn mẫu "đối xứng quy tụ", hay "cách đối đảo" được sử dụng, cho thấy sự hiểu biết của một cá nhân, (Xem 1 Ti-mô-thê 3:16). Bài thánh ca, hay tụng kinh xưng nhận đức tin được liên hệ tới lời mở đầu, là một sự phản biện hùng hồn đối với Tri-huê giáo. Thần Nhân Giê-su được vinh hiển, theo khuôn mẫu "đối đảo" thứ hai. Tuy nhiên theo bản dịch NRSV, ba câu cuối cùng có thể nói về hội thánh, Khuôn mẫu "đối đảo" thứ ba. Xin tham khảo ghi chú đầy đủ về "vinh hiển" hơn ở câu 1:17.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THĂNG THIÊN

The Ascension

Chúa Giê-su hạ thế từ Thiên Đàng (Xem Phi-líp 2:6-7; 2 Cô-rin-tô 8:9). Bây giờ Ngài đã phục hồi sự vinh hiển tiền tại, (Xem Giăng 1:1-3; 17:5; Ê-phê-sô 4:10; 1 Ti-mô-thê 3:16; I Giăng 1:2). Ngày đang ngồi bên hữu của Đức Chúa Trời (Xem Thi-thiên 110:1; Lu-ca 22:69; Công-vụ 2:33; Rô-ma 8:34; Ê-phê-sô 1:20; Cô-lô-sê 3:1; Hê-bơ-rơ 1:3; 8:1; 10:12; 12:2; 1 Phi-ê-rơ 3:22 Đây là chấp thuận sự sống và sự chết của Ngài. Có nhiều thuật ngữ Hy-lạp khác nhau miêu tả trở về Thiên đàng của Chúa Giê-su:

1. Công-vụ 1:2,11,22; *analambanō*, được bắt lên cao (Xem 1 Ti-mô-thê 3:16)
2. Công-vụ 1:9, *epairō*, nâng cao,
3. Lu-ca 9:51, *analēpsis* (giống điếm #1)
4. Lu-ca 24:51, *diistēmi*, rời đi

Có một vài gợi ý về Chúa Giê-su trở về Thiên Đàng trong Phúc Âm Giăng (Xem Giăng 7:33; 8:14,21; 12:33-34; 13:3,33,36; 14:4,5,12,28; 16:5,10,17,28; 26:7)

5. Giăng 3:13; 20:17, *ana BeBēken*, đi lên

6. Giăng 6:62, *anabainō*, thăng thiên

Sự kiện này không được ghi chép trong Phúc âm Mác, hoặc Ma-thi-ơ. Phúc Âm Mác kết thúc ở câu 16:8, Nhưng một trong ba nhà sao chép văn bản miêu tả sự kiện này trong Mác 16:19 (i.e., *analambanō*).

ó một vài gợi ý về Chúa Giê-su ở trên Thiên Đàng trong Công Vụ.

1. Phi-ê-rơ – Công-vụ 2:33; 3:21

2. Stephen – Công-vụ 7:55-56

3. Phao-lô – Công-vụ 9:3,5; 22:6-8; 26:13-15

Copyright © 2014 [Bible Lessons International](#)

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp anh chị em suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Có bao nhiêu loại đầy tớ tâm linh?
2. Vì sao các mục sư, trưởng lão, giám mục được gọi một cách khác nhau trong Tân Ước?
3. Tân Ước có nói về nữ chấp sự hay không?
4. Vì sao câu 16 được coi là một phần của thánh ca về Đấng Christ?
5. Thế nào là cách đối đảo, đối xứng hội tụ? vì sao nó quan trọng?

1 TI-MÔ-THÊ 4

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Báo trước sự bội đạo	Sự bội đạo lớn	Các giáo sư giả	Các giáo sư giả	Các giáo sư giả
4:1-5	4:1-5	4:1-5	4:1-5	4:1-11
Đầy tớ tốt của Chúa Giê-su Christ	Đầy tớ tốt của Chúa Giê-su Christ		Đầy tớ tốt của Chúa Giê-su	
4:6-10	4:6-10	4:6-10	4:6-10	
	Hãy cẩn thận với chức vụ mình			
4:11-16	4:11-16	4:11-16	4:11-16	
				4:12-16

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của anh chị em với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

KIẾN GIẢI THEO VĂN CẢNH 4:1-16

- A. Giống như các chương 1-3, chương 4-6 phải giải kinh trong ánh sáng sự có mặt của các giáo sư giả.
- B. Chương 4 chứa đựng cả phẩm chất xấu (1 Ti-mô-thê 4:1-5) và phẩm chất tốt của người lãnh đạo (1 Ti-mô-thê 4:6-10).
- C. Các câu 11-16 là sứ điệp riêng Phao-lô gửi Ti-mô-thê, và được tiếp tục cho đến câu 1 Ti-mô-thê 6:2.

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 4:1-5

Đức Thánh Linh đã phán rõ ràng rằng trong thời kỳ cuối cùng sẽ có những người lìa bỏ đức tin để theo các tà linh lừa dối và các giáo lý của các quỷ. ²Họ theo thói đạo đức giả của bọn dối trá, là những kẻ có lương tâm chai lỳ. ³Họ cấm cưới gả và bắt kiêng cử các thức ăn Đức Chúa Trời đã dựng nên, để những người có lòng tin và hiểu biết chân lý cảm tạ và dùng. ⁴Vì mọi vật do Đức Chúa Trời dựng nên đều tốt cả, không vật gì đáng bỏ, miễn là được nhận lấy với lòng biết ơn, ⁵vì nhờ lời Đức Chúa Trời và lời cầu nguyện mà vật đó được thánh hóa

4:1 "Đức Thánh Linh đã phán rõ ràng " câu này có thể liên hệ tới

1. Tiên tri Cựu Ước
2. Phao-lô là người nhận sự hướng dẫn thần cảm trực tiếp từ Đức Thánh Linh (Xem Công-vụ 20:33)
3. sứ điệp thần cảm qua các vị lãnh đạo tâm linh đương thời. (Xem Công-vụ 21:11)

rằng trong thời kỳ cuối

RVV11: "trong thời kỳ cuối"

VB1925: "trong đời sau rốt"

NASB, NRSV,

TEV "các thời sau này"

NKJV "thời sau này"

NJB "các thời cuối cùng"

Phao-lô, cũng như các tiên tri Cựu Ước, nói về giai đoạn mình sống, nhưng ở đây cũng ám chỉ những thời cuối cùng trước sự Tái Lâm. Phao-lô giảng dạy về Tái Lâm trì hoãn *Parousia* trong sách 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2. Chính vì vậy ở đây nói về sự phản loạn và giáo huấn giả đặc trưng cho cả thời của ông (Xem 2 Ti-mô-thê 3:1) và tất cả các giai đoạn giữa hai lần đến của Chúa Giê-su và những ngày cuối cùng. (Xem 2 Phi-ê-rô 3:3; Giu-đe 1:18). Tân Ước cũng miêu tả những ngày cuối cùng, cũng như các tiên tri Cựu Ước sử dụng sự khủng hoảng của thời họ sống và chiếu tới bối cảnh tận thế. (Xem Ma-thi-ơ 24:10-12; Công-vụ 20:29-30; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3-12; 2 Ti-mô-thê 3:1-9; 4:3-4; 1 Giăng 2:18-19; 4:1-3).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ TÁI LÂM TRÌ HOÃN

A Delayed Second Coming

Hầu hết các tín đồ được dạy dỗ về sự tái lâm sắp đến, đột ngột, và không thể báo trước. (Xem Ma-thi-ơ 10:23; 24:34; Mác 9:1; 13:30; Khải Huyền 1:1,3; 2:16; 3:11; 22:7,10,12,20; xem chủ đề đặc biệt Tái Lâm kế cận / Soon Return). Nhưng cho đến hôm nay, tất cả mọi thế hệ trông đợi như vậy đều sai lầm. Sự Tái Lâm của Chúa là một niềm hy vọng mạnh mẽ cho tất cả mọi thế hệ, nhưng chỉ có một thế hệ (tức là thế hệ bị bắt bớ) có thể kinh nghiệm được điều đó.

Tín đồ phải sống như bối cảnh Chúa đến ngày mai, nhưng vẫn tiếp tục lên kế hoạch và thực hiện truyền giáo, (Xem Ma-thi-ơ 28:19-20), dường như Chúa sẽ trì hoãn sự Tái Lâm,

Một số phân đoạn trong Phúc Âm (Xem Ma-thi-ơ 24:45-51; 25:5,19; Mác 13:10; Lu-ca 17:2; 18:8; 19:11-27) và các thư 1, 2 Tê-sa-lô-ni-ca đều dựa trên khả năng Chúa Tái Lâm trì hoãn, (*Parousia*).

Tân Ước thông báo một số sự kiện sẽ xảy ra trước sự Tái Lâm:

1. Phúc Âm phải được truyền giảng khắp thế gian. (xem Ma thi ơ 24:14; Mác 13:10)
2. Sự bội đạo nghiêm trọng (xem Ma thi ơ 24:10-13, 21; 1 Ti-mô-thê 4:1; 2 Ti-mô-thê 3:1 và các câu tiếp.; 2 Thê sa lô ni ca 2:3)
3. Sự hiện ra của "người tội lỗi" (xem Đa-ni-ên 7:23-26; 9:24-27; 2 Thê sa lô ni ca 2:3, Ma-thi-ơ 24:21,24; Khải-huyền 13)
4. Sự bắt bớ nghiêm trọng (Xem Ma-thi-ơ 24:21,24; Khải-huyền 13)
5. Sự cất đi của Đấng đang cầm giữ (xem 2 Thê sa lô ni ca 2:6-7)
6. Con phần hưng của người Do-thái (xem Za-cha-ri 12:10; La-mã 11)

Sự Tái Lâm là điều khó hiểu có chủ đích (Xem Ma-thi-ơ 24:42-51; Mác 13:32-36), bạn hãy sống hôm

lìa bỏ

VB1925:	“bội đạo”
RVV11:	“chối bỏ”
NASB	"rơi rụng"
NKJV	"lìa khỏi"
NRSV	"chối bỏ"
TEV	"bỏ rơi"
NJB	"rời bỏ"

Đây là từ ghép: *apo* (khỏi) và *istēmi* (vị trí). Nó được dùng để nói về sự đào ngũ nói chung, sự sa ngã trong Lu-ca 8:13, và xây bỏ trong Hê-bơ-rơ 3:12. Trong 2 Ti-mô-thê 2:19 có nghĩa “tránh xa...” THÌ TƯƠNG LAI DẠNG TRUNG CÁCH LỖI CHỈ ĐỊNH. Một bằng chứng của sự cứu rỗi chân thật là bền đỗ trong hội thánh, (Xem 1 Giăng 2:18). Tham khảo CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ BỀN ĐỖ CẦN THIẾT / THE NEED TO PERSEVERE ở câu 1 Ti-mô-thê 4:16.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ BỘI ĐẠO

Apostasy (*Aphistēmi*)

Chữ Hy Lạp *aphistēmi* là chữ có nhiều nghĩa. Tuy nhiên, chữ “apostasy” trong Anh ngữ xuất phát từ chữ Hy Lạp trên và làm cho những độc giả hiện đại có định kiến với cách dùng chữ này. Văn mạch luôn luôn là chìa khóa để hiểu nghĩa của nó chứ không phải là định nghĩa có sẵn.

Đây là từ ghép giữa giới từ *apo*, có nghĩa là “khỏi” hay “ra khỏi” với *histēmi* có nghĩa là “ngồi,” “đứng,” hay là “sửa chữa.” Lưu ý những cách sử dụng không theo nghĩa thần học như sau:

1. Lấy ra khỏi theo phương diện vật chất
 - a. Khỏi Đền thờ, Lu-ca 2:37
 - b. Lấy ra khỏi nhà, Mác 13:34
 - c. Lấy ra khỏi một người, Mác 12:12; 14:50; Công-vụ các Sứ-đồ 5:38
 - d. Rút khỏi mọi sự, Ma-thi-ơ 19:27,29
2. Rút lui về phương diện chính trị, Công-vụ các Sứ-đồ 5:37
3. Ra khỏi về liên hệ, Công-vụ các Sứ-đồ 5:38; 15:38; 19:9; 22:29
4. Ra khỏi theo pháp lý (ly dị), Phục-truyền Luật-lệ Ký 24:1,3 (LXX) và Tân Ước, Ma-thi-ơ 5:31; 19:7; Mác 10:4; I Cô-rinh-tô 7:11
5. Xóa nợ, Ma-thi-ơ 18:24
6. Bày tỏ sự không quan tâm bằng cách lánh đi, Ma-thi-ơ 4:20; 22:27; Giăng 4:28; 16:32
7. Bày tỏ sự quan tâm bằng cách không tránh mặt, Giăng 8:29; 14:18
8. Cho phép, thừa nhận, Ma-thi-ơ 13:30; 19:14; Mác 14:6; Lu-ca 13:8

Trong ý nghĩa thần học, động từ này cũng có cách sử dụng rộng rãi bao quát:

1. Hủy, tha thứ trách nhiệm tội lỗi, theo Xuất Ê-díp-tô Ký 32:32 (bản Septuagint); Dân số Ký 14:19; Gióp 42:10 và Tân Ước, Ma-thi-ơ 6:12,14-15; Mác 11:25-26
2. Giữ mình khỏi phạm tội, II Ti-mô-thê 2:19
3. Thờ ơ bằng cách tránh né
 - a. Luật pháp, Ma-thi-ơ 23:23; Công-vụ các Sứ-đồ 21:21
 - b. Đức tin, Ê-xê-chi-ên 20:8 (LXX); Lu-ca 8:13; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3; I Ti-mô-thê 4:1; Hê-bơ-rơ 3:12

Những tín hữu ngày nay thắc mắc về nhiều câu hỏi thần học mà các tác giả Tân Ước đã không hề nghĩ đến. Một trong những điểm này liên hệ đến xu hướng hiện đại tách rời đức tin khỏi sự thành tín. Có nhiều nhân vật trong Kinh Thánh liên hệ với dân sự của Đức Chúa Trời và có chuyện xảy ra.

- I. Cự Uớc
 - A. Cô-rê, Dân số Ký 16
 - B. Các con trai của Ê-li, I Sa-mu-ên 2, 4

- C. Sau-lơ, I Sa-mu-ên 11-31
- D. Các tiên tri giả (những thí vụ)
 1. Phục-truyền Luật-lệ Ký 13:1-5 18:19-22
 2. Giê-rê-mi 28
 3. Ê-xê-chi-ên 13:1-7
- E. Các nữ tiên tri giả
 1. Ê-xê-chi-ên 13:17
 2. Nê-hê-mi 6:14
- F. Các người lãnh đạo gian ác của dân Y-sơ-ra-ên
 1. Giê-rê-mi 5:30-31; 8:1-2; 23:1-4
 2. Ê-xê-chi-ên 22:23-31
 3. Mi-chê 3:5-12

II. Tân Ước

- A. Chữ Hy Lạp này có nghĩa đen là bội đạo, bỏ đạo. Cả Tân Ước và Cựu Ước đều xác nhận tội lỗi gia tăng mạnh mẽ và sự giảng dạy sai lạc đầy dẫy trước khi Chúa trở lại trần gian lần thứ hai (xem Ma-thi-ơ 24:24; Mác 13:22; Công-vụ các Sứ-đồ 20:29,30; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3,9-12; II Ti-mô-thê 4:4). Chữ Hy Lạp này có thể diễn đạt những lời phán của Đức Chúa Giê-xu trong ẩn dụ về những loại đất theo Lu-ca 8:13. Các giáo sư giả này rõ ràng không phải là Cơ Đốc Nhân, nhưng từ trong vòng những Cơ Đốc Nhân (xem Công-vụ các Sứ-đồ 20:29-30; I Giăng 2:19). Họ lại có thể dẫn dụ và thu phục những tín hữu chân thật nhưng chưa trưởng thành (xem Hê-bơ-rơ 3:12).

Đây là câu hỏi thần học: có bao giờ các giáo sư giả này từng là người tin đạo? Đây là câu hỏi khó trả lời bởi vì đã có các giáo sư giả ở trong những Hội Thánh địa phương (xem I Giăng 2:18-19). Thường thì truyền thống thần học hay hệ phái của chúng ta giải đáp câu hỏi này mà không tra cứu đến những khúc Kinh Thánh cụ thể (ngoại trừ phương pháp trung dẫn bằng chứng bản văn bằng việc trích dẫn một câu Kinh Thánh mà không xét đến văn mạch để bảo vệ quan điểm thiên kiến cá nhân).

- B. Đức tin chỉ là ở bên ngoài (trong lòng không có)
 1. Giu-đa, Giăng 17:12
 2. Thuật sĩ Si-môn, Công-vụ các Sứ-đồ 8
 3. Những người được đề cập trong Ma-thi-ơ 7:21-23
 4. Những người được đề cập trong Ma-thi-ơ 13:1-23; Mác 4:1-12; Lu-ca 8:4-10
 5. Những người Do Thái trong Giăng 8:31-59
 6. A-léc-xan-đơ và Hy-mê-nê, I Ti-mô-thê 1:19-20
 7. Những người được đề cập trong I Ti-mô-thê 6:21
 8. Hy-mê-nê và Phi-lét, II Ti-mô-thê 2:16-18
 9. Đê-ma, II Ti-mô-thê 4:10
 10. Các tín hữu bề ngoài, Hê-bơ-rơ 3:10-16
 11. Các giáo sư giả, II Phi-e-rơ 2:19-21; Giu-đe 12-19
 12. Antichrists, I Giăng 2:18-19
- C. Đức tin không kết quả
 1. Ma-thi-ơ 7:13-23
 2. I Cô-rinh-tô 3:10-15
 3. II Phi-e-rơ 1:8-11

Chúng ta ít khi nghĩ về những đoạn kinh văn này bởi vì hệ thống thần học của chúng ta (Calvinism, Arminianism, v.v.) chỉ định cho câu giải đáp đã được ấn định. Xin đừng có thành kiến với tôi khi tôi nêu ra chủ đề này. Điều tôi chú trọng là phương pháp giải nghĩa Kinh Thánh thích hợp. Chúng ta cần phải để Kinh Thánh phán với chúng ta và đừng cố gắng ép nó vào cái khuôn thần học đã có sẵn. Điều này thường gây sốc và khó chịu bởi vì thần học của chúng ta dựa theo hệ phái, văn hóa hay là từ liên hệ (cha mẹ, bạn bè, mục sư) nhưng lại không căn cứ vào Kinh Thánh. Một số người ở trong vòng dân sự của Đức Chúa Trời nhưng lại không phải thuộc về dân sự của Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 9:6).

▣ **"đức tin"** Thuật ngữ này được sử dụng với mạo từ trong các thư Linh Vụ, như một tổ hợp các chân lý Cơ-đốc. (Xem 1 Ti-mô-thê 3:9; 4:6; 5:8; 6:10,12,21; 2 Ti-mô-thê 2:18; 3:8,10; 4:7; Tít 1:5,13; 2:2). Ở đây không nhất thiết nói đến sự cứu rỗi của tín đồ hơn là đến các giáo sư giả.

▣ **"để theo các tà linh lừa dối và các giáo lý của các quỷ."** ĐÔNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG có nghĩa nhấn mạnh tính liên tục. Những người bội đạo liên tục tin và ngưỡng mộ giáo huấn ma quỷ.

4:2 Họ theo thói đạo đức giả của bọn dối trá,

RVV11: "bởi luận điệu đạo đức giả của những người nói dối"
VB1925: "bị làm lạc bởi sự giả hình của giáo sư dối"
NASB "bởi sự giả hình của những người nói dối"
NKJV "nói dối trong sự giả hình"
NRSV "qua sự giả hình của người nói dối"
TEV "phân phát truyền rao bởi nói dối lừa lọc"
NJB "lừa dối bởi sự giả hình của người nói dối."

Những người này tự xưng mình là giáo sư dạy Luật (Xem 1 Ti-mô-thê 1:7). Họ chắc phải xuất thân từ thành phần Do-thái giáo, được miêu tả chi tiết trong 1 Ti-mô-thê 1:3-7; 4:2-3,7 và 6:3-10,20-21.

1. họ dạy tín lý lạ (1 Ti-mô-thê 1:3; 6:3)
2. họ đề ý tới huyền thoại và gia phả (1 Ti-mô-thê 1:4)
3. họ xây ngang tới những tranh luận vô bổ (1 Ti-mô-thê 1:6)
4. họ khẳng định chắc chắn những điều mình không biết. (1 Ti-mô-thê 1:7; 6:4)
5. họ là những người giả hình nói dối (1 Ti-mô-thê 4:2)
6. họ có lương tâm chai lỳ (1 Ti-mô-thê 4:2)
7. họ ngăn cấm hôn nhân (1 Ti-mô-thê 4:3)
8. họ quảng bá sự kiêng ăn (1 Ti-mô-thê 4:3)
9. họ tung lời đồn đại (1 Ti-mô-thê 4:7)
10. họ tự lừa mình (1 Ti-mô-thê 6:4)
11. họ quan tâm đến việc cầu hỏi và từ vựng gây tranh cãi (1 Ti-mô-thê 6:4)
12. họ gây ra những tranh cãi triền miên (1 Ti-mô-thê 6:5)
13. họ có kiến thức giả (1 Ti-mô-thê 6:20-21)
14. họ lạc mất khỏi đức tin (1 Ti-mô-thê 4:1; 6:21)

các tà linh lừa dối và các giáo lý của các quỷ

RVV11: "thần lừa dối và giáo lý ma quỷ"
VB1925: "các thần lừa dối và đạo lý ma quỷ"
NASB "các thần lừa dối và đạo lý ma quỷ"
NKJV "các thần lừa dối và đạo lý ma quỷ"
NRSV "các thần lừa dối và giáo huấn ma quỷ"
TEV "các linh lừa dối và giáo huấn ma quỷ"
NJB "Các linh lừa dối và sự dạy dỗ đến từ ma quỷ"

Phao-lô nhìn nhận các giáo sư giả một cách rất tiêu cực, Ông coi họ là công việc của Sa-tan (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Satan ở câu 1 Ti-mô-thê 3:6, Xem 1 Ti-mô-thê 2:14; 3:6-7) và của ma quỷ. Trong nhiều cách, Phao-lô so sánh họ với những người thờ phượng thần phụ sản ở Ca-na-an. Đức Chúa Trời sai khiến I-sơ-ra-en hủy diệt những người này vì họ làm hư hoại đức tin. Những lời cảnh cáo tương tự được thấy ở đây (Xem 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:9-10; Gia-cơ 3:15; 1 Giăng 2:18-19).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: MA QUỶ
The Demonic (Unclean Spirits)

- A. Con người trong thời cổ đại tin theo thuyết vật linh. Họ gán ghép nhân tính và những đặc điểm giống người vào những sức mạnh thiên nhiên, các vật thể thiên nhiên. Sự sống được giải thích qua những tương tác giữa những thể linh này với con người.
- B. Sự nhân cách hoá này phát triển thành đa thần giáo. Thông thường tà linh (*genii*) được xem là những thần linh cấp thấp hay là nửa thần nửa người (thiện hoặc ác) tác động đến đời sống cá nhân con người.
1. Mê-sô-pô-ta-mi, hỗn loạn và xung đột
 2. Ai-cập, thú tự và vận hành
 3. Ca-na-an, xem *Archaeology and the Religion of I-sơ-ra-enc* của W. F. Albright, Fifth Edition, trang 67-92
- C. Cựu Ước không chú tâm hay khai triển chủ đề những thần linh cấp thấp, thiên thần hay là tà linh bởi vì đặc tính độc thần nghiêm ngặt (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 8:10; 9:14; 15:11; Phục-truyền Luật-lệ Ký 4:35,39; 6:4; 33:26; Thi-thiên 35:10; 71:19; 86:6; Ê-sai 46:9; Giê-rê-mi 10:6-7; Mi-chê 7:18). Cựu ước có đề cập đến những thần hư không của những ngoại giáo (*Shedim*, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:17; Thi-thiên 106:37) và cho biết tên của một số.
1. *Se'im* (thần rừng hay là những quỷ có lông, tóc xem Lê-vi Ký 17:7; II Sứ-ký 11:15)
 2. *Lilith* (giống cái, quỷ cám dỗ, xem Ê-sai 34:14)
 3. *Mavet* (chữ “sự chết” trong tiếng Do thái cũng dùng cho các tà linh trong âm phủ của người Ca-na-an, *Mot*, xem Ê-sai 28:15,18; Giê-rê-mi 9:21; có thể Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:22)
 4. *Resheph* (tai vạ, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 33:29; Thi-thiên 78:48; Ha-ba-cúc 3:5)
 5. *Dever* (bệnh dịch, xem Thi-thiên 91:5-6; Ha-ba-cúc 3:5)
 6. *Az'azel* (không rõ ý nghĩa của tên này, nhưng có lẽ là một quỷ sa mạc hay là một địa danh, xem Lê-vi Ký 16:8,10,26)
- (Những ví dụ này lấy từ *Encyclopaedia Judaica*, vol. 5, trang 1523.)
- Tuy nhiên, không có thuyết nhị nguyên hay những thiên thần độc lập với Đức Giê-hô-va trong Cựu Ước. Sa-tan là một đầy tớ của Đức Giê-hô-va (xem Gióp 1-3; Xa-cha-ri 3), chứ không phải là kẻ thù (xem A. B. Davidson, *A Theology of the Old Testament*, trang 300-306).
- D. Sự phát triển của Do-Thái-Giáo trong thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn (năm 586-538 trước Chúa), thần học của nó bị ảnh hưởng bởi thuyết nhị nguyên được nhân cách hoá của Ba-tư từ Bái-hóa giáo, một thần cao cấp thiện lành gọi là *Mazda* hay là *Ormazd* và một thần đối nghịch độc ác gọi là *Ahriman*. Sự ảnh hưởng này khiến Do-Thái-Giáo sau thời kỳ lưu đày trở thành một dạng nhị nguyên thuyết được nhân cách hóa, một bên là Đức Giê-hô-va và các thiên thần của Ngài và phía đối địch là Sa-tan và những tà linh của nó.
- Thần học nhân cách hóa ma quỷ của Do-Thái-Giáo được giải thích và tường trình chi tiết trong *The Life and Times of Jesus the Messiah*, vol. 2, của Alfred Edersheim phần Phụ lục XIII (trang 749-863) và XVI (trang 770-776). Do-Thái-Giáo nhân cách hoá ma quỷ theo ba cách.
1. Sa-tan hay là Sammael
 2. Xu hướng tội lỗi (*yetzer hara*) bên trong con người
 3. Thần Chết
- Edersheim trình bày ba phương cách này bằng (1) Kẻ kiện cáo; (2) Kẻ cám dỗ; và (3) Kẻ trừng phạt (vol. 2, trang 756). Có sự khác biệt thần học rõ rệt trong cách trình bày và giải thích về ma quỷ giữa Do-Thái-Giáo sau thời kỳ lưu đày và trong Tân Ước.
- E. Trong Tân Ước, đặc biệt trong các sách Phúc âm, khẳng định sự hiện hữu và chống nghịch của những tà linh với con người và Đức Giê-hô-va (trong Do-Thái-Giáo, Sa-tan là kẻ thù với con người, nhưng với Đức Chúa Trời thì không). Chúng chống nghịch với ý định, sự cai trị và vương quốc của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Giê-su đã đương đầu và đuổi những tà ma này, cũng gọi là (1) những uế linh, xem Lu-ca 4:36; 6:18, hay là (2) tà linh, xem Lu-ca 7:21; 8:2 khỏi con người. Đức Chúa Giê-su phân biệt rõ ràng giữa những bệnh tật (thể chất, tâm trí) và những người bị quỷ ám. Chúa Giê-su bày tỏ quyền năng và sự nhận biết thiêng liêng của Ngài bằng việc nhận diện và đuổi những quỷ này. Các quỷ này cũng thường nhận biết Ngài và cố gắng tôn xưng Ngài, nhưng Đức Chúa Giê-su khước từ sự xác nhận của chúng, ra lệnh cho chúng im lặng và đuổi chúng.
- Trong những thư tín của các Sứ đồ trong Tân Ước, có sự “thiếu hụt nghiêm trọng” thông tin đề cập đến chủ đề này. Sự đuổi quỷ không bao giờ được đề cập như là một ân tứ thuộc linh cũng như không có phương pháp hay là cách thức nào được để lại cho những thể hệ tín hữu, mục sư về sau.
- F. Ma quỷ có thật; ma quỷ có nhân cách; ma quỷ hiện diện. Cả nguồn gốc hay là chủ đích của ma quỷ không được bày tỏ. Kinh thánh khẳng định sự thực hữu của ma quỷ và chống đối mạnh mẽ ảnh hưởng của nó.

Không hề có sự nhị nguyên tốt cùng giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan. Đức Chúa Trời hoàn toàn kiểm soát mọi sự, ma quỷ đã bị đánh bại, bị đoán xét và sẽ bị xô đuổi khỏi công trình sáng tạo.

- G. Dân sự của Đức Chúa Trời phải chống cự với ma quỷ (xem Gia-cơ 4:7). Họ không thể bị nó kiểm soát (xem I Giăng 5:18), dù cho họ có thể bị cám dỗ và lời làm chứng cũng như ảnh hưởng của họ bị tổn hại (xem Ê-phê-sô 6:10-18). Ma quỷ là một phần được Kinh thánh tiết lộ trong thế giới quan của Cơ-Độc-Nhân. Những Cơ-Độc-Nhân hiện đại (nhóm Tân phái) không có quyền để định nghĩa lại về ma quỷ (như những cố gắng loại bỏ tính huyền thoại của Rudolf Baltmann); loại bỏ nhân cách khỏi ma quỷ (những cấu trúc xã hội của Phao-lô Tillich), hay là cố gắng giải thích ma quỷ hoàn toàn theo phương diện tâm lý (như Sigmund Freud), tuy vậy ảnh hưởng của chúng lại tràn lan khắp nơi.

là những kẻ có lương tâm chai lỳ.

NASB "chai lỳ trong lương tâm của họ"

NKJV "có lương tâm bị cháy rụi như bởi sắt nung"

NRSV "lương tâm bị cháy rụi như bị sắt nung"

TEV "lương tâm đã chết, như bị cháy bởi sắt nung"

NJB "lương tâm bị đóng dấu như bị sắt nung"

(giải thích: sắt nung là con dấu bằng sắt được nung đỏ để đóng dấu sở hữu trên da súc vật, LND)

Điều này có thể ám chỉ hai khả năng: .

1. Các giáo sư giả đã đi quá giới hạn của sự ăn năn (Xem Ê-phê-sô 4:19; Tích 1:15). Chúng ta có được từ thuật Anh Ngữ "cauterize" từ tiếng Hy-lạp ở đây. (tiếng Việt: "đốt bằng sắt nung đỏ")
2. Sa-tan đóng dấu trên họ như một ấn chứng sở hữu (họ thuộc về Sa-tan) (e.g., Khải Huyền 13:16,17; 14:11; 16:2; 19:20; 20:4). Vì họ từ chối không chịu nhìn nhận chân lý, họ không còn khả năng làm điều đó nữa (Xem 2 Cô-rin-tô 4:4). Đây là tội không thể tha thứ được nhắc đến trong 1 Giăng 5.

Xem ghi chú về "lương tâm" / "conscience" ở câu 1 Ti-mô-thê 1:5.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT; TỘI LỖI DẪN ĐẾN SỰ CHẾT.

Sin Unto Death

A. Theo Thánh Kinh Chú Giải học:

1. phải liên hệ một cách thích hợp với bối cảnh lịch sử của Thư Giăng Thứ Nhất
 - a. Sự có mặt của các giáo sư giả (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Gnosticism) trong các hội thánh (Xem 1 Giăng 2:19,26; 3:7; 2 Giăng 7; Xem chủ đề đặc biệt Tri Huệ Giáo)
 - 1) Nhóm "Cerinthian." dạy rằng nhân vật tên là Giê-su nhận linh của Đấng Christ ở thời điểm Báptem và bị bỏ rơi ở thời điểm chết trên Thập tự Giá. (xem 1 Giăng 5:6-8)
 - 2) Nhóm "Docetic" dạy rằng Chúa Giê-su chỉ là thần thánh, chứ không phải là người thực. (Xem 1 Giăng 1:1-3)
 - 3) Nhóm Tri Huệ Giáo Thế Kỷ thứ hai, dạy về hai quan điểm về thân thể con người.
 - a) Bởi sự cứu rỗi áp dụng cho trí tuệ, nó vô dụng đối với thân thể, Chính vì vậy cơ thể mong ước điều gì cho nó điều ấy. Quan điểm này dẫn đến sự buông thả đạo đức. Nhóm này còn gọi là Tri Huệ Giáo tự do (Antinoman hay libertine) .
 - b) Cơ thể tự có bản ngã xấu xa, vậy nó muốn gì đều cấm nó. Nhóm này còn được gọi là Tri Huệ Giáo Khô hạnh (Ascetic).
 - b. Các giáo sư giả đã rời bỏ hội thánh (Xem 1 Giăng 2:19), nhưng ảnh hưởng của họ còn vương vấn trên Tín Đồ!
2. Phải liên hệ tới ngữ cảnh văn chương của cả bức thư.
 - a. Giăng được viết với mục đích phản biện Tri Huệ Giáo và khích lệ Tín Đồ trong sự đảm bảo cứu rỗi.
 - b. Có hai phương diện của sự thử nghiệm Tín Đồ
 - (1) tín lý
 - (a) Chúa Giê-su thực sự nhập thể trong xương thịt (Xem 1 Giăng 1:1-3; 4:14)
 - (b) Chúa Giê-su thực sự là Đức Chúa Trời (Xem 1 Giăng 1:2; 5:20)

- (c) nhân loại mang tính tội lỗi và chịu trách nhiệm trước Đức Chúa Trời Thánh Khiết (Xem 1 Giảng 1:6,10)
 - (d) Nhân loại được tha thứ và được coi là công chính trước Đức Chúa Trời bởi
 - i. Sự chết thể của Chúa Giê-su (Xem 1 Giảng 1:7; 2:1-2; 3:16; 4:9-10,14; 5:6-8)
 - ii. Đức tin nơi Chúa Giê-su (Xem 1 Giảng 1:9; 3:23; 4:15; 5:1,4-5,10-12,13)
 - (2) thực hành sống đạo (thử nghiệm tìm điều đáng khen)
 - (a) nếp sống vâng phục (Xem 1 Giảng 2:3-5; 3:22,24; 5:2-3)
 - (b) nếp sống yêu thương (1 Giảng 2:10; 3:11,14,18,23; 4:7,11-12,16-18,21)
 - (c) nếp sống giống-Đấng-Christ (không vấp phạm, Xem 1 Giảng 1:7; 2:6,29; 3:6-9; 5:18)
 - (d) nếp sống đắc thắng trên sự ác / kẻ ác (Xem 1 Giảng 2:13,14; 4:4; 5:4)
 - (e) Lời Ngài trường tồn trong họ (Xem 1 Giảng 1:10; 2:14)
 - (f) Họ có Đức Thánh Linh (Xem 1 Giảng 3:24; 4:4-6,13)
 - (g) họ được nhậm lời cầu nguyện (cf 1 Giảng 5:14-15)
 - (3) thực hành sống đạo (thử nghiệm tìm điều đáng trách)
 - (a) nếp sống tội lỗi (Xem 1 Giảng 3:8-10)
 - (b) nếp sống thù ghét (Xem 1 Giảng 2:9,11; 3:15; 4:20)
 - (c) nếp sống bất tuân (Xem 1 Giảng 2:4; 3:4)
 - (d) yêu thế gian (Xem 1 Giảng 2:15-16)
 - (e) từ chối Đấng Christ (từ chối cả Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con (Xem 1 Giảng 2:22-23; 4:2-3; 5:10-12)
 - 3. phải liên hệ tới việc xác nhận từng từng vấn đề trong từng phân đoạn (Xem 1 Giảng 5:16-17)
 - a. phải chăng thuật ngữ ‘anh em’ trong 1 Giảng 5:16 nói về cả hai nhóm phạm tội dẫn đến sự chết và phạm tội không dẫn đến sự chết ?
 - b. Phải chăng những người phạm tội đã từng là thành viên của Hội Thánh? (Xem 1 Giảng 2:19)?
 - c. Đầu là chi tiết qua trọng trong cú pháp:
 - (1) không có mạo từ đối với ‘tội lỗi’ ?
 - (2) Động từ ‘thấy’ trong thể điều kiện hạng ba, nhưng với lối bàn thái chủ động thì quá khứ?
 - d. làm sao lời cầu thay của một Tín Đồ có thể hồi phục sự sống đời đời *zōē* cho một cá nhân khác (Xem Gia-cơ 5:15-16) ?
 - e. làm sao 1 Giảng 5:17 liên hệ tới loại tội dẫn đến sự chết và loại tội không dẫn đến sự chết.
- B. Nan đề thần học**
1. Người dịch có nên liên hệ ‘tội lỗi dẫn đến sự chết’ trong 1 Giảng với
 - a. tội lỗi không thể tha thứ trong Phúc Âm (Xem chủ đề đặc biệt, tội không thể tha thứ)
 - b. Tội tái phạm trong Hê-bơ-rơ 6 and 10
 Ngữ cảnh của Giảng có vẻ tương đồng ‘tội dẫn đến sự chết’ và ‘tội không thể tha thứ’ của các Pha-ri-si trong thời Chúa Giê-su. (Xem Ma-thi-ơ. 12:22-37; Mác 3:22-29) và những người Do-thái bất tin trong Hê-bơ-rơ 6 and 10. Cả ba nhóm (Pha-ri-si, người Do-thái bất tin, và giáo sư giả Tri huệ Giáo) đều đã nghe rõ Phúc Âm, nhưng từ chối sự tin cậy nơi Chúa Giê-su. .
 2. Các giáo phái tin lành có nên cho phép định kiến thần học soi chiếu văn bản?
 Các giáo phái tin lành nhấn mạnh quá nhiều về giai đoạn mở đầu của trải nghiệm Cơ-đó, nhưng xem nhẹ sự tiếp tục trong nếp sống đức tin. Các câu hỏi thần học ngày nay sẽ gây sốc cho các Tín Đồ của hội thánh sơ khởi. Chúng ta muốn có sự đảm bảo dựa trên một số câu Kinh thánh ‘an toàn’, tức dễ hiểu, và dựa trên định kiến của giáo hội.
 Hệ thống thần học phản án sự bất an của chúng ta. Chúng ta cần thông tin nhiều hơn những gì Kinh thánh cung cấp, vì vậy hệ thống thần học của chúng ta dựa trên một phần nhỏ của Kinh thánh và phần lớn là ý tưởng dựa theo nền văn hóa phương Tây.
 Lời của Chúa Giê-su trong Ma-thi-ơ và Mác chương 7 đủ cho các Hội thánh sơ khởi. Chúa Giê-su tìm các môn đồ, không tìm những người hưởng ứng nhất thời. Chúa tìm nếp sống tin cậy lâu dài, chứ không tìm cảm xúc ngắn hạn. (Xem Ma-thi-ơ. 13:10-23; 28:18-20; Giảng 8:31-59). Cơ đốc giáo không phải là một hành động trong quá khứ, nhưng là nếp sống ăn năn, tin cậy, vâng phục và bền đỗ. Cơ đốc giáo không phải là vé đi thiên Đàng, không phải là hợp đồng bảo hiểm để bảo vệ nếp sống vị kỷ, vô đạo của chúng ta. Xem chủ đề đặc biệt: sự dị đạo.

3. Phải chăng ‘tội lỗi dẫn đến sự chết’ nói về sự chết thuộc thể hay sự chết đời đời. Giảng sử dụng thuật ngữ sự sống *zōē* ở trong ngữ cảnh này để ám chỉ sự tương phản với sự sống đời đời. Có thể nào Đức Chúa Trời đưa về nhà Chúa những người tội nhân chỉ chết phần thể xác? Sự áp dụng ngữ cảnh dẫn đến kết luận là (1) Tín Đồ cầu thay cho Tín Đồ khác, và (2) sự ăn năn của Tín Đồ vấp phạm, hiệp lại có thể hồi phục họ, nhưng nếu họ cứ tiếp tục nếp sống mất uy tín cho công đồng đức tin, hậu quả sẽ là sự ra đi, hay là chết sớm trong cuộc sống này. Theo cuốn *When Critics Ask* của Norman Geisler and Thomas Howe, p. 541)

4:3 "Họ cấm cưới gả và bắt kiêng cử các thức ăn " Đây là hai giáo huấn kiêng cử của các giáo sư già. Đầu tiên là cấm lập gia đình, liên hệ tới Trị huệ giáo Hy-lạp, hoặc nhóm khổ hạnh do thái (Essene) (Cộng đồng Cuộn Biển Chết, Dead Sea Scroll Community). Hôn nhân là món quà từ Đức Chúa Trời (Xem Sáng-Thế-Ký 2:24) và là ý chỉ của Đức Chúa Trời (Xem Sáng-Thế-Ký 1:28;9:1,7). Hôn nhân là điều bình thường, sống độc thân là sự kêu gọi đặc biệt và là ân tứ. (Xem Ma-thi-ơ 19:11-12; 1 Cô-rin-tô 7).

Thứ hai, kiêng cử thức ăn, hình như liên hệ tới Luật Do-thái (Xem Lê-vi 11), nhưng cũng có thể tới sự cấm đoán trong Tri-huệ giáo. Cả hai khái niệm kiêng cử đều liên hệ theo thần học tới Sáng-Thế-Ký 1:28-31. Những người sùng tín ngưỡng thường hạ thấp giá trị vật thể, cho rằng từ chối lập gia đình hay kiêng một số thức ăn đồ uống, và thực hành khổ hạnh sẽ khiến họ thuộc linh hơn, (Xem Ma-thi-ơ 15:11; Mác 7:17-23; Rô-ma 14:1-15:13; 1 Cô-rin-tô 8:8; 10:23-33; Cô-lô-sê 2:8-23). Những tiêu chuẩn cho người lãnh đạo trong chương 3 liên hệ tới giáo huấn sai trệ này. Xin để ý hôn nhân và rượu được phép trong các tiêu chuẩn Phao-lô đưa ra, (Xem 1 Ti-mô-thê 3:2,12; 5:9 and 3:3,8; 5:23).

▣ **" những người có lòng tin và hiểu biết chân lý "** Câu này chứa đựng một cấu trúc ngữ pháp khác thường (tính từ và động tính từ) (Xem Michael Magill, *NT TransLine*, p. 785). Cũng cách tiếp cận này được thấy trong Tích 1:15. Các tín đồ ở đây miêu tả như sau:

1. “người có lòng tin” – TÍNH TỪ NHƯ ĐẠI TỪ, (PRONOMINAL), TẶNG CÁCH (DATIVE), SỐ NHIỀU, GIỐNG ĐỰC
2. “người hiểu biết” – ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HOÀN THÀNH, DẠNG CHỦ ĐỘNG, SỐ NHIỀU GIỐNG ĐỰC.

Chân lý ở đây, (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 2:4) là tất cả tạo vật đều được Đức Chúa Trời sáng tạo và cung ứng, chúng ta phải cảm tạ Ngài mà dùng. Chủ nghĩa khổ hạnh vi phạm chân lý này.

4:4 "Vì mọi vật do Đức Chúa Trời dựng nên đều tốt cả, không vật gì đáng bỏ, " Một chân lý tuyệt vời về tạo hóa tốt lành, được thấy trong Sáng Thế Ký 1:31; Rô-ma 14:14,20; 1 Cô-rin-tô 6:12; 10:26; Tích 1:15. Tuy nhiên chúng ta cần phải cân bằng, rằng tất cả mọi sự đều bắt nguồn từ Đức Chúa Trời, nhưng không phải tất cả đều gây dựng hội thánh, (Xem 1 Cô-rin-tô 6:12 and 10:23). Vì Đấng Christ mà chúng ta cần hạn chế tự do cá nhân để khỏi khiến người khác vấp phạm, (Xem Rô-ma 14:1-15:13; 1 Cô-rin-tô 8-10).

Thuật ngữ “đáng bỏ” có nghĩa đen là “quăng bỏ đi”, Bản dịch Mofatt dịch là “cấm kỵ” / "tabooed." Xin hãy cẩn thận với truyền thống giáo phái và xã hội. (Xem Ê-sai 29:13; Cô-lô-sê 2:8-23).

4:5 “vì nhờ lời Đức Chúa Trời và lời cầu nguyện mà vật đó được thánh hóa” Đức Chúa Trời phán và thế giới được tạo dựng (Xem Sáng-Thế-Ký 1:3,6,7,14,20,24). Ngài cũng xác nhận mọi sự là tốt lành ngay từ đầu. (Xem Sáng-Thế-Ký 1:31). Tín đồ cảm tạ Đức Chúa Trời (Xem 1 Ti-mô-thê 4:4b) về tạo hóa và món quà Ngài ban (Xem Rô-ma 14:6; 1 Cô-rin-tô 10:30-31).

▣ **"cầu nguyện"** Thuật ngữ này (*enteuxis*) chỉ được dùng hai lần trong Tân Ước (Xem 1 Ti-mô-thê 2:1 and 4:5). Nghĩa đen là “gặp ai để thăm viếng”. Nhiều khi nó được dịch là “cầu thay”, (Xem 1 Ti-mô-thê 2:1); Văn cảnh cho thấy “cảm tạ” thích hợp hơn. Xin nhớ rằng văn cảnh quyết định ý nghĩa, chứ không phải từ vựng

⁶ Nếu con giải bày những điều ấy cho anh chị em,^[a] con sẽ là một đầy tớ tốt của Đức Chúa Giê-su Christ, được nuôi dưỡng trong lời của đức tin và trong tín lý chân chính mà con đã tin theo. ⁷ Đừng để con dính líu gì đến những chuyện báng bổ và những chuyện nhảm nhí của các bà già; thay vào đó hãy luyện tập cho con thành một người tin kính đạo đức,⁸ vì sự luyện tập cơ thể ích lợi chẳng bao nhiêu, nhưng sự tin kính đạo đức ích lợi đủ mọi mặt, bởi trong đó có lời hứa cho cuộc sống hiện tại và đời sống hầu đến. ⁹ Đó là những lời đáng tin cậy và đáng chấp nhận hoàn toàn. ¹⁰ Vì mục đích ấy chúng ta lao động vất vả và phấn đấu, bởi chúng ta đặt hy vọng nơi Đức Chúa Trời hằng sống, Đấng Giải Cứu của mọi người, đặc biệt của những người có lòng tin.

4:6 "Nếu con giải bày những điều ấy cho anh chị em" *Hupotitēmi*, là DẠNG TRUNG CÁCH VOICE có nghĩa "gợi ý". Xin đề ý cách nhẹ nhàng của Phao-lô khích lệ Ti-mô-thê giải bày cho những thành viên của hội thánh, (Xem chapter 5), đối nghịch với câu 1 Ti-mô-thê 4:11, khi ông nghiêm khắc chỉ đạo việc giải quyết nan đề của hội thánh ấy. Cả hai thái độ đều thích hợp trong từng trường hợp.

▣ **được nuôi dưỡng trong lời của đức tin và trong tín lý chân chính** " ĐÔNG ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG THỤ (mặc dù cũng có thể là DẠNG TRUNG CÁCH, có nghĩa khích lệ tín đồ nghiên cứu học hỏi chân lý đức tin cho chính bản thân mình. Mục sư phải tự nuôi mình bằng các giáo lý căn bản của Cơ-đốc giáo. (Tôi cho rằng cả hai cụm từ: "lời của đức tin" và "tín lý chân chính" đều mang ý nghĩa tương đồng). Đây là kiến thức thực, chứ không phải kiến thức ma quỷ của các giáo sư giả. Mục đích của Kinh Thánh được nêu ra rõ ràng trong 2 Ti-mô-thê 3:15-17, cũng như trách nhiệm của mỗi tín đồ trong 2 Ti-mô-thê 2:15, đặc biệt trong bối cảnh các giáo sư giả, (Xem 2 Ti-mô-thê 2:14-18).

▣ **"mà con đã tin theo"** THÌ HOÀN THÀNH DẠNG CHỦ ĐỘNG LỐI CHỈ ĐỊNH. Ti-mô-thê luôn chứng tỏ sự trung tín, đáng tin cậy. "tin theo" có thể mang ý nghĩa

1. đã theo đuổi (Xem 2 Ti-mô-thê 3:10)
2. đã nghiên cứu cẩn thận (Xem Lu-ca 1:3)

4:7 "Đừng để con dính líu gì đến những chuyện báng bổ và những chuyện nhảm nhí của các bà già;" Các thư Linh Vụ nhắc nhở (LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH [deponent]) tránh mọi cuộc tranh luận với các giáo sư giả cứng lòng (Xem 1 Ti-mô-thê 1:4; 4:7; 2 Ti-mô-thê 2:14-18,23; Tích 1:14; 3:9). Động từ này (*paraiteomai*) được dùng trong 1 Ti-mô-thê 4:7; 5:11; 2 Ti-mô-thê 2:23, và Tích 3:10. Cụm từ "các bà già" (*graōdēs*) chỉ được dùng ở đây trong Tân Ước. Ông Harold K. Moulton, *The Analytical Greek Lexicon Revised*, trang. 82, cho rằng "chuyện các bà già" ám chỉ sự "ngớ ngẩn" và "vô lý". Nó được dịch "chuyện vớ vẩn của các vợ già" trong các bản NRSV, NJB và "chuyện bịa của các vợ già" in NKJV. Tôi đồng ý với ông Gordon Fee rằng các phụ nữ bị giáo sư giả lợi dụng và trở nên công cụ truyền đạt ý tưởng sai lầm trong các hội thánh tại gia. Nếu vậy thì có phải

1. các bà già là giáo sư giả (Xem 1 Ti-mô-thê 5:6)?
2. Đây là cách nhấn mạnh các nan đề liên hệ tới phụ nữ?
3. Có phải đây là thành ngữ trong xã hội đương thời?

▣ Thuật ngữ "**chuyện nhảm nhí**" (NRSV, NJB) trong câu 1 Ti-mô-thê 4:7 thường bị hiểu lầm. Có một bài luận của ông G. B. Caird, *The Language and Imagery of the Bible*, chương 13, trang. 219-242 giải thích ý nghĩa của thuật ngữ này. Chuyện nhảm nhí có vài hàm ý khác nhau..

▣ **"thay vào đó hãy luyện tập cho con thành một người tin kính đạo đức,"** " LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG . "Luyện tập," hay "đào luyện," là hình ảnh của một vận động viên, từ thuật ngữ Hy-lạp chúng ta có được thật ngữ tiếng Anh là "gymnasium". Sự luyện tập thể thao là một quá trình dành công, kiên nhẫn, vất vả đòi hỏi sự ưu tiên. Đây là hình ảnh nhắc nhở Cơ-đốc nhân trong lĩnh vực tâm linh, có ý nghĩa quan trọng hơn lĩnh vực thuộc thể (Xem 1 Cô-rin-tô 9:24-27; 2 Ti-mô-thê 2:5; 4:7; Hê-bơ-rơ 12:1-3).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ TIN KÍNH

Godliness

Đây là thuật ngữ then chốt trong các thư Linh Vụ. (i.e., 1 Timothy; 2 Timothy; Tích). Nó nói về cả tín lý đức tin và nếp sống hàng ngày theo Phúc Âm. Nó không miêu tả trường hợp ngoại lệ (cho đầy tớ Chúa), nhưng tiêu chuẩn chung (cho mọi tín đồ). Thuật ngữ "tin kính" đến từ thuật ngữ ghép: "tốt lành" (*eu*) và "thờ phượng" (*sebomai*). Sự thờ phượng tốt lành (thực) là nếp sống hàng ngày, với tư duy thích hợp (Xem 1 Ti-mô-thê 4:16a). Xin để ý tới số lần từ thuật "tin kính" được dùng trong các thư Linh Vụ:

1. danh từ sự tin kính (*eusebeia*), 1 Ti-mô-thê 2:2; 3:16; 4:7,8; 6:3,5,6,11; 2 Ti-mô-thê 3:5; Tích 1:1
2. trạng từ một cách tin kính (*eusebēs*), 2 Ti-mô-thê 3:12; Tích 2:12
3. động từ học tin kính (*eusebeō*), 1 Ti-mô-thê 5:4
4. điều phù hợp tin kính *theosebeia*, 1 Ti-mô-thê 2:10
5. thuật ngữ (con đường) không tin kính (ALPHA PRIVATIVE, i.e. *asebeia*), 2 Ti-mô-thê 2:16; Tích 2:12

Copyright © 2014 [Bible Lessons International](#)

4:8 vì sự luyện tập cơ thể ích lợi chẳng bao nhiêu, nhưng sự tin kính đạo đức ích lợi đủ mọi mặt, bởi trong đó có lời hứa cho cuộc sống hiện tại và đời sống hầu đến. Thân thể được ban cho chúng ta để quản trị sự sống, không phải là mối quan tâm đầu tiên, Sự tin kính phải được đặt lên hàng đầu. Phao-lô có thể nói về:

1. luyện tập thân thể
2. kỷ luật thân thể
3. nếp sống khổ hạnh

Cả ba điều này đều tác động đáng kể tới thân thể, nhưng không điều nào ảnh hưởng tới cõi đời đời, ngoài đào luyện tâm linh. Sự đào luyện thật chính là "lao khổ" và "tranh đấu" trong 1 Ti-mô-thê 4:10! Chức vụ ảnh hưởng tới kết quả của Phúc Âm, nhưng luyện tập thân thể ảnh hưởng đến duy nhất cá nhân mình.

4:9 "Đó là những lời đáng tin cậy và đáng chấp nhận hoàn toàn", "Đó là " có thể kết nối với câu 8 hoặc 10. Phao-lô thường dùng cụm từ này để nhấn mạnh các chân lý quan trọng trong các thư Linh Vụ (Xem 1 Ti-mô-thê 1:15; 3:1; 4:9; 2 Ti-mô-thê 2:11; Tích 3:8), Cũng như Chúa Giê-su sử dụng "Amen, amen" hoặc Phao-lô sử dụng câu: "tôi muốn anh em biết" trong các thư sớm hơn (Xem Rô-ma 1:13; 11:25; 1 Cô-rin-tô 10:1; 12:11; 2 Cô-rin-tô 1:8; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13).

4:10 "chúng ta lao động vất vả và phấn đấu," Cả hai thuật ngữ đều mang tính chất thi đấu. Phấn đấu là thuật ngữ Hy-lạp mà chúng ta có được chữ "agonize" hay "agonize," có nghĩa là "đau đớn, khắc khoải", cũng được dùng trong Phi-líp 2:16; 1 Ti-mô-thê 6:12; and 2 Ti-mô-thê 4:7.,

Ở đây có sự khác biệt giữa các bản Hy-lạp:

1. MSS ^ς, D, L, P, cũng như bản dịch Vulgate, Peshitta, và Coptic dịch là "chịu đựng sự nhọc" (NKJV)
2. ^ς, A, C, F, G, K, và 075 dịch là "tranh đấu" (NASB, NRSV, TEV, NJB, NIV)

Thánh Kinh Liên Hội USB⁴ xếp hạng "C" cho trường hợp này, có nghĩa là hội đồng khó quyết định nên chọn khả năng nào. Việt bản VB1925 dịch là khó nhọc và đánh trận, Bản RVV11: Khổ nhọc và tranh đấu

bởi chúng ta đặt hy vọng nơi

RVV11: "vì chúng ta đã đặt hi vọng nơi "

VB1925: "để sự trông-cậy ta trong"

NASB "vì chúng ta gắn chặt hy vọng"
NKJV "vì chúng ta tin cậy nơi..."
NRSV "vì chúng ta đặt hy vọng nơi..."
TEV "vì chúng ta đặt hy vọng nơi ..."
NJB "tức là chúng ta đặt tin cậy nơi..." "

THÌ HOÀN THÀNH DẠNG CHỦ ĐỘNG LỐI CHỈ ĐỊNH. Sự tin cậy của tín đồ, được đặt trong tính chắc chắn và không hề biến đổi của Đức Chúa Trời, là hy vọng duy nhất của họ. (Xem Thi-thiên 102:26-27; Mal. 3:6; Hê-bơ-rơ 1:11-12; 13:8; Gia-cơ 1:17). Sự cứu rỗi chắc chắn được neo trong đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA từ Cựu Ước (Xem 1 Ti-mô-thê 6:17; Rô-ma 15:12; 2 Cô-rin-tô 1:10).

▣ **"Đức Chúa Trời hằng sống,"** Tôi nghĩ rằng đây là câu Hy-lạp phản chiếu danh hiệu theo giao ước của Đức Chúa Trời. Ý nghĩa gốc của danh "ĐỨC GIÊ-HÔ-VA," đến từ động từ xác nhận "Ta Là", Anh ngữ "I Am", Việt ngữ: "Tự Hữu, Hằng Hữu". Xin xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: DANH THẦN THÁNH / NAMES FOR DEITY ở câu 2 Ti-mô-thê 1:2). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là một Đấng duy nhất hằng sống.

▣ **"Đấng Giải Cứu của mọi người, đặc biệt của những người có lòng tin."** Danh hiệu "Đấng Giải Cứu" được dùng khá thường xuyên trong các thư Linh Vụ (Xem 1 Ti-mô-thê 1:1; 2:3; 2 Ti-mô-thê 1:10; Tít 1:3-4; 2:10-13; 3:4,6). Trong các chương đầu của 1 Ti-mô-thê, Đức Chúa Trời được xưng là Đấng Cứu Chuộc (Redeemer) của cả nhân loại (Xem 1 Ti-mô-thê 2:4,6; Lu-ca 2:11; Giăng 1:29; 4:42; Rô-ma 5:18-19; 2 Phi-ê-rơ 3:9). Xem ghi chú đầy đủ ở câu 2 Ti-mô-thê 1:10. Bởi vì có câu thêm: "đặt biệt của những người có đức tin", (theo thần học có thể dịch là chỉ cho những người có đức tin), nên có thể Phao-lô ám chỉ theo Cựu Ước như *Elohim*, Thần "phù hộ" và "cung ứng" cho tất cả sinh thể trên thế gian. (Xem Ma-thi-ơ 5:45; Công-vụ 17:28).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHƯƠNG TRÌNH CỨU CHUỘC ĐỜI ĐỜI CỦA ĐỨC GIÊ-HÔ-VA **YHWH's Eternal Redemptive Plan**

Tiêu đề của Sáng Thế Ký 1 – là Đức Chúa Trời tạo dựng một vị trí mà ở đó, Ngài và tạo vật cao cấp nhất là con người có được một thông công Xem Sáng-Thế-Ký 1:26,27; 3:8). Tạo Hóa vật thể là sân khấu cho mục đích tương giao tâm linh.

1. Thánh Au-gút-stin (St. Augustine) miêu tả trong con người có một lỗ hồng chỉ có thể khóa lấp bởi Đức Chúa Trời.
2. Nhà văn Lu-ít (C.S. Lewis) gọi Trái Đất là hành tinh được "thiên tạo", tức được chuẩn bị một cách đặc biệt cho con người bởi Đức Chúa Trời.

Có nhiều gợi ý trong Cựu Ước về mục đích này của Đức Chúa Trời:

1. Sáng-Thế-Ký 3:15 chứa đựng lời hứa đầu tiên của Đức Chúa Trời không để con người mãi mãi trong vũng bùn tội lỗi bạo loạn như nhớp. Lời hứa này không liên hệ tới I-sơ-ra-en, vì khi đó chưa có I-sơ-ra-en, chưa có dân tuyển cho đến Áp-ra-ham trong chương 12.
2. Sáng-Thế-Ký 12:1-3 chứa đựng sự kêu gọi Áp-ra-ham bởi Đức Chúa Trời, từ ông sẽ có dân tuyển. tuy nhiên, khi gọi Áp-ra-ham, con mắt của Đức Chúa Trời hướng về cả thế gian. Sáng-Thế-Ký 12:3!
3. Xuất Hành 20 (Phục-truyền 5) Đức Giê-hô-va ban Luật Pháp cho Mô-sê và dân tuyển. Trong Xuất Ê-díp-tô 19:5-6, Đức Giê-hô-va mặc khải mối liên hệ đặc biệt của dân tuyển đối với Chúa, nhưng dân tuyển cũng như Áp-ra-ham, được chọn lựa để làm phước cho thế gian. (Xem Xuất Ê-díp-tô 19:5, "Cả thế gian thuộc về Ta"). I-sơ-ra-en trở nên phương tiện để thế gian biết đến và yêu mến Đức Chúa Trời. Thảm hại thay họ thất bại trong sứ mạng này. (Xem Ê-xê-chiên 36:22-38).
4. Trong 1 Các-vua 8 vua So-lo-môn cầu nguyện chúc phước cho Đền Thờ, để tất cả các dân có thể đến thờ lạy Đức Chúa Trời. (Xem 1 Các-vua 8:43,60).
5. Trong Thi-thiên – 22:27-28; 66:4; 86:9 (Khải Huyền 15:4)
6. Qua tất cả các tiên tri Đức Giê-hô-va tiếp tục bày tỏ chương trình cứu chuộc của Ngài.
 - a. Ê-sai – 2:2-4; 12:4-5; 25:6-9; 42:6,10-12; 45:22; 49:5-6; 51:4-5; 56:6-8; 60:1-3; 66:18,23
 - b. Giê-rê-mi – 3:17; 4:2; 16:19
 - c. Mi-chê 4:1-3

d. Ma-la-chi 1:11

Sự nhấn mạnh tính đại chúng được thấy trong Giao ước mới (Xem Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chiên 36:22-38), hướng về sự thương xót của Chúa thay vì công đức của con người. Xuất hiện các thuật ngữ mới như: “trái tim mới”, “tâm trí mới”, “tâm linh mới”. Sự vâng lời là điều trọng yếu, với các bằng chứng nội tâm hơn là thể hiện bên ngoài. (Xem Rô-ma 3:21-31).

Cựu Ước xác nhận chương trình cứu rỗi đại chúng qua một vài cách sau đây:

1. Đại Mạng Lệnh Truyền Giáo – Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:46-47; Công-vụ 1:8
2. Chương Trình Đòi Đòi (Tiền định) – Lu-ca 22:22; Công-vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29
3. Ước nguyện mọi người được cứu. – Giăng 3:16; 4:42; Công-vụ 10:34-35; 1 Ti-mô-thê 2:4-6; Tích 2:11; 2 Phi-ê-rô 3:9; 1 Giăng 2:2; 4:14
4. Đấng Christ hiệp nhất Cựu Ước và Tân Ước. Ga-la-ti 3:28-29; Ê-phê-sô 2:11-3:13; Cô-lô-sê 3:11. Tất cả sự chia cắt giữa con người đều bị dỡ bỏ. Chúa Giê-su là “điều huyền nhiệm của Đức Chúa Trời nay được bày tỏ” (Ê-phê-sô 2:11-3:13).

Tân Ước tập trung vào Chúa Giê-su, thay vì vào I-sơ-ra-en. Tính trọng tâm của Phúc Âm vượt qua mọi biên giới địa dư và ngôn ngữ. Chúa Giê-su là sự mặc khải tối hậu. (Xem Ma-thi-ơ 5:17-48).

Tôi hy vọng độc giả có thời gian đọc Chủ Đề Đặc Biệt: Vì sao hứa ngôn trong Tân Ước có vẻ khác với hứa ngôn trong Cựu Ước. ([Special Topic: Why Do OT Covenant Promises Seem So Different from NT Covenant Promises.](#))

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 4:11-16

¹¹ Đó là những điều con hãy truyền và dạy.

¹² Đừng để ai khinh con vì trẻ tuổi, nhưng hãy lấy lời nói, cách cư xử, tình thương, đức tin, và sự trong sạch làm gương cho các tín hữu. ¹³ Cho đến khi ta đến, con hãy chú trọng vào việc tuyên đọc Kinh Thánh, khuyên bảo, và giảng dạy. ¹⁴ Đừng quên ân tứ ở trong con, tức ân tứ đã ban cho con qua lời tiên tri khi Hội Đồng Trưởng Lão đặt tay trên con. ¹⁵ Hãy đem những điều ta nói ở trên ra áp dụng, hãy tận tụy làm theo những điều ấy, để mọi người có thể thấy sự tiến bộ của con. ¹⁶ Con hãy thận trọng trong cách ăn nết ở và trong sự giảng dạy của con. Hãy kiên trì trong các lãnh vực đó, vì làm như thế con sẽ cứu được chính mình và những người nghe con giảng dạy.

4:11 "truyền " LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG mạnh tính chất “mệnh lệnh quân sự một cách nghiêm khắc” (Xem 1 Ti-mô-thê 1:3,18).

▣ **" và dạy những điều "** LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG . Phao-lô khích lệ Ti-mô-thê nắm quyền hành một cách dứt khoát. Hội thánh bị gián đoạn bởi các giáo sư giả và tay chân của họ (có thể là những phụ nữ trẻ, Xem 2 Ti-mô-thê 3:6-7, hoặc phụ nữ già, Xem 1 Ti-mô-thê 4:7).

4:12 "Đừng để ai khinh con vì trẻ tuổi, " LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG với TIỂU TỪ PHỦ NHẬN thường có nghĩa “hãy dừng lại một hành động đang diễn ra”. “Tuổi trẻ” trong xã hội La-mã/Hy-lạp thời đó nói về một người dưới 40 tuổi. Có thể các giáo sư giả lấy tuổi của Ti-mô-thê làm cớ để tấn công cá nhân và lời dạy của ông (Xem 1 Cô-rin-tô 16:11). Ti-mô-thê là sứ giả của Phao-lô. Phao-lô cũng khích lệ Tích bằng cách tương tự trong Tích 2:15.

▣ **"nhưng hãy lấy lời nói, cách cư xử, tình thương, đức tin, và sự trong sạch "** Ti-mô-thê phải trưng bày phẩm chất lãnh đạo qua nếp sống trước hết, (THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH [deponent] LỜI MỆNH LỆNH) (Xem 1 Ti-mô-thê 4:6c and 7b). Ông phải sống một cách đối nghịch so với các giáo sư giả.

Có sự khác biệt giữa các bản Hy-lạp. Bản Textus Receptus thêm chữ “tâm linh” sau chữ “tình thương”, cũng được thấy trong các bản chữ lớn (uncial manuscripts) K, L, và P và hầu hết các bản chữ nhỏ muộn hơn (minuscule manuscripts). Tuy nhiên sự thêm từ “tâm linh” không được thấy trong các bản MSS κ , A, C, D, F, G, và các bản dịch Vulgate, Syrian, Coptic, ám chỉ sự thêm thắt được thực hiện bởi các nhà sao chép sau này.

▣ "làm gương"

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: KHUÔN MẪU

Form (Tupos)

Thuật ngữ khuôn mẫu có nhiều ứng dụng trong từ vựng học.

1. Theo Moulton và Milligan, *The Vocabulary of the Greek New Testament*, p. 645
 - a. mẫu
 - b. kế hoạch
 - c. Hình thức hoặc cách viết
 - d. sắc lệnh
 - e. bản án hoặc quyết định
 - f. khuôn mẫu cơ thể con người như vật cúng tế thần mong được chữa bệnh
 - g. động từ dùng trong ý nghĩa thực thi lật pháp.
2. Theo Louw and Nida, *Greek-English Lexicon*, vol. 2, p. 249
 - a. Vết sẹo (xem Giăng 20:25)
 - b. Hình ảnh (xem Công-vụ 7:43).
 - c. Mô hình (xem Hê-bơ-rơ 8: 5)
 - d. Ví dụ (xem 1 Cô-rinh-tô 10: 6, Phi-líp 3:17)
 - e. Nguyên mẫu (xem Rô-ma 5:14)
 - f. Loại (xem Công-vụ 23:25).
 - g. Nội dung (xem Công-vụ 23:25)
3. Theo Harold K. Moulton, *The Analytical Greek Lexicon Revised*, p. 411
 - a. Một cú đánh, ấn tượng, một dấu hiệu (xem Giăng 20:25)
 - b. Miêu tả
 - c. Một hình ảnh (xem Công-vụ 7:43).
 - d. Công thức, kế hoạch (xem Rô-ma 6:17)
 - e. Hình thức, ý nghĩa (xem Công-vụ 23:25)
 - f. Một hình tượng, một đối tượng (xem 1 Cô-rinh-tô 10: 6)
 - g. Một con người dự đoán, loại hình bóng (xem Rô-ma 5:14, 1Cor 10:11)
 - h. Một mẫu gương (xem Công-vụ 7:44, Hê-bơ-rơ 8: 5).
 - i. Một khuôn mẫu về đạo đức (xem Phi-líp 3:17, 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1 Tha-lê 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3: 9, 1 Tim 4:12, 1 Ma-thi-ơ 5: 3).

Xin nhớ rằng từ điển và cách dùng từ không quyết định ý nghĩa của câu văn, nhưng là văn cảnh. Chúng ta nên cẩn thận khi chọn từ vựng để giải kinh. Hãy nhớ nguyên tắc sau: Văn cảnh, văn cảnh, văn cảnh quyết định ý nghĩa và dụng ý tác giả.

Copyright © 2014 [Bible Lessons International](http://www.biblelessonsinternational.com)

4:13 "Cho đến khi ta đến, " (Xem 1 Ti-mô-thê 3:14)

▣ "**con hãy chú trọng** " LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG . Phao-lô nhấn mạnh ba hình thức chức vụ nơi công cộng cho Ti-mô-thê là người lãnh đạo thờ phượng tập thể

1. đọc Kinh Thánh nơi công cộng
2. truyền giảng
3. dạy dỗ

Hội thánh sơ khởi thực hành hình thức thờ phượng đơn giản (căn bản), ở trong nhà hội Do-thái, (Xem Công-vụ 13:15; 15:21).

4:14 Dừng quên " THÌ HIỆN TẠI LỜI MỆNH LỆNH với with a **TIÊU TỪ PHỦ NHẬN**, với hàm ý "hãy dừng một hành động đang tiến hành". Phải chăng Ti-mô-thê đang bỏ dần ân tứ được ban, hay Ti-mô-thê được nhắc không nên xem nhẹ ân tứ được ban? Tôi nghĩ khả năng thứ hai hợp lý hơn.

▣ **"ân tứ ở trong con,** " Tất cả mọi tín đồ đều nhận được ân tứ khi cải đạo, (Xem 1 Cô-rin-tô 12:7,11,18). Theo văn cảnh, ân tứ của Ti-mô-thê được xác nhận bởi các lãnh đạo thuộc linh ở hội thánh Lystra (Xem Công-vụ 16:2) và tái xác nhận trong một buổi lễ đặc biệt, (Xem 1 Ti-mô-thê 1:18). Ân tứ thuộc linh được ban bởi Ba Ngôi Đức Chúa Trời (Xem 1 Cô-rin-tô 12:4-6) cho cá nhân tín đồ với mục đích phục vụ thân thể Đấng Christ. (Xem 1 Cô-rin-tô 12:7,11). Thời điểm và phương cách tiếp nhận ân tứ thuộc linh không được định nghĩa rõ ràng, nhưng điều có thể thấy được là ân tứ được ban nhằm để phục vụ cộng đồng, (Xem Ê-phê-sô 4:12).

▣ **"đặt tay trên con."** Hình như đây là hình thức bổ chức trong hội thánh sơ khởi, (Xem Công-vụ 6:6; 13:3; 2 Ti-mô-thê 1:6), cũng tương tự như trong Cựu Ước (Xem Dân-số 8:10; Phục-truyền 34:9)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐẶT TAY TRONG KINH THÁNH

Laying On Of Hands

Cử chỉ này được dùng theo nhiều cách trong Kinh thánh.

1. thề nguyện (đặt tay dưới đùi) ([Xem Sáng-Thế-Ký 24:2,9; 47:29])
2. chuyển giao quyền lãnh đạo. (Xem Sáng-Thế-Ký 48:14,17,18)
3. xác nhận sự chết của con sinh tể
4. thầy tế lễ (Xem Xuất Ê-díp-tô 29:10,15,19; Lê-vi 16:21; Dân-số 8:12)
5. người giúp việc đền thờ (Xem Lê-vi 1:4; 3:2,8; 4:4,15,24; 2 Chr. 29:23)
6. biệt riêng người phục vụ Đức Chúa Trời trong một sứ mạng đặc biệt (Xem Dân-số 8:10; 27:18,23; Phục-truyền 34:9; Công-vụ 6:6; 13:3; 1 Ti-mô-thê 4:14; 5:22; 2 Ti-mô-thê 1:6)
7. tham gia phán xử, ném đá giết tội nhân (Xem Lê-vi 24:14)
8. đặt tay trên miệng ám chỉ sự yên lặng, hoặc không phản đối (chấp nhận phán xét). (Xem Quan-xét 18:19; Gióp 21:5; 29:9; 40:4; Mi-chê 7:16)
9. đặt tay lên đầu ám chỉ sự đau buồn (2 Sa-mu-en 13:19)
10. tiếp nhận phước hạnh cho sức khỏe, hạnh phúc và tin kính, (Xem Ma-thi-ơ 19:13,15; Mác 10:16)
11. relating to physical healing (Xem Ma-thi-ơ 8:3; 9:18,20; Mác 5:23; 6:5; 7:32; 8:23; 16:18; Lu-ca 4:40; 13:13; Công-vụ 9:17; 28:8)
12. tiếp nhận Đức Thánh Linh (Xem Công-vụ 8:17-19; 9:17; 19:6, ghi chú Phục-truyền 34:9)

Chúng ta không thấy sự nhất quán trong các phân đoạn Kinh Thánh thường được dùng trong các buổi lễ bổ nhiệm, phong chức. (XinTham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Thụ phong / Ordination).

1. Trong Công-vụ 6:6, các sứ đồ đặt tay trên bảy người để bắt đầu phục vụ ở địa phương.
2. Trong Công-vụ 13:3 các tiên tri và giáo sư đặt tay trên Ba-na-bas và Phao-lô trước khi đi truyền giáo.
3. Trong 1 Ti-mô-thê 4:14, các trưởng lão địa phương đặt tay trên Ti-mô-thê khi ông được gọi vào chức vụ và được bổ chức.
4. Trong 2 Ti-mô-thê 1:6 Phao-lô là người đặt tay trên Ti-mô-thê

Sự phong phú và khó hiểu của việc đặt tay minh họa sự thiếu tổ chức trong hội thánh thế kỷ thứ nhất. Các hội thánh sơ khởi thường xuyên sử dụng một cách thường xuyên và linh động các ân tứ thuộc linh của các tín đồ, (Xem 1 Cô-rin-tô 12; 14). Tân Ước không được viết để khuyến khích hay ngăn cản hình thức quản trị (có thể thấy trong Công-vụ 15), hoặc hình thức tân phong. Tổ chức hội thánh là điều cần thiết, nhưng không nhất thiết theo Kinh Thánh. Sự tin kính trong lãnh đạo quan trọng hơn hình thức tổ chức.

Copyright © 2014 [Bible Lessons International](http://BibleLessonsInternational.com)

▣ **"qua lời tiên tri "** Phải chăng điều này chứng tỏ ân tứ thuộc linh của Ti-mô-thê được ban cho ông khi:

1. Ông được biệt riêng để hầu việc Chúa? (Xem 1 Ti-mô-thê 1:14)
2. Bằng cách đặt tay và lời tiên tri, (Xem 2 Ti-mô-thê 1:6)

3. Các tiên tri xác nhận ân tứ trên ông và các trưởng lão biệt riêng ông cho chức vụ, (Xem 1 Ti-mô-thê 1:18) Tôi nghĩ khả năng thứ ba thích hợp nhất.

Hội Đồng Trưởng Lão

VB1925: "hội trưởng lão"
NASB, NKJV "bởi hội đồng trưởng lão"
NRSV "bởi ban trưởng lão"
TEV "các trưởng lão"
NJB, NIV "hội trưởng lão"

Tôi phải công nhận sự thất vọng đối với cụm từ này. Tôi có định ký chống lại hệ thống lương cực: giáo sỹ và giáo dân, đã phát triển trong Cơ-độc giáo. Tôi tin rằng tất cả mọi người đều được kêu gọi và trang bị vào sự trưởng thành và vào chức vụ. (Xem 1 Cô-rin-tô 12; Ê-phê-sô 4:11-12). Tất cả tín đồ đều là thánh đồ và là người phục vụ.

Khái niệm về chức vụ thầy tế lễ của mỗi tín đồ bị hiểu lầm bởi phong trào Cảnh Chánh, được khởi xướng bởi Martin Luther. Theo Kinh thánh, Tất cả mọi tín đồ đều là thầy Tế lễ" (Xem Xuất Ê-díp-tô 19:5-6; Dân-số 16:3).

Sau khi nói ra điều này, tôi ý thức được một chân lý, rằng Đức Chúa Trời có gọi mọi số tín đồ để lãnh đạo tín đồ khác. Không còn nghi ngờ việc một số người được biệt ra và trang bị nhằm mục đích hướng dẫn lãnh đạo, khích lệ và tổ chức đoàn dân của Đức Chúa Trời .

Tuy nhiên những người này không phải là tín đồ đặc biệt, ưu tiên, nhưng là những người lãnh đạo trong tinh thần phục vụ. (Xem Ma-thi-ơ 18:1-4; 20:20-28; 23:11). Sự bổ nhiệm phong chức ngày nay làm nhẹ đi vài chân lý Kinh Thánh:

1. tất cả tín đồ đều là người người phục vụ
2. tất cả tín đồ đều được ban ân tứ để phục vụ.

Sự tấn phong được phải triển từ một nghi thức khẳng định ân tứ và cầu nguyện cho một sứ mạng đặc biệt nào đó. Nó trở nên sự biệt riêng của nhóm ưu tú, phức tạp và không thể tiếp cận. Điều này phải bị thay đổi, ý tưởng này phải bị xem lại, xu hướng này phải bị thách đố. Quá nhiều trên truyền thống và chủ nghĩa ưu tú của cơ đốc giáo ngày nay dựa trên những cơ sở (trích dẫn) Kinh Thánh nhỏ. Trong các phân đoạn Kinh Thánh hoặc truyền thống giáo phái, đâu là thẩm quyền không thể chối cãi?

4:15 Hãy đem những điều ta nói ở trên ra áp dụng,

RVV11: "hãy chú tâm.... những việc này"
VB1925: "hãy chuyên loviệc đó"
NASB NKJV "Hãy đau lòng với những điều này "
NRSV "Suy gẫm những điều này"
TEV "Đưa những điều này vào thực hành"
NJB "Hãy để điều này trở nên điều quan tâm của anh em"

LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG . Trong bản Bảy Nươi /Septuagint, thuật ngữ này được dịch là "suy gẫm" (Xem Ê-sai 33:18; Công-vụ 4:25), nhưng văn bản theo Tân Ước có hàm ý là thực hành một cách năng động.

hãy tận tụy làm theo những điều ấy,

VB1926: "hãy chăm sóc... những việc đó"
RVV11: "hãy thực hành những việc này"
NASB "hãy bị thu hút lôi cuốn và những việc này"
NKJV "dồn hết sức mình vào những việc này"
NRSV, TEV "hãy dâng mình trọn vào những việc này"
NJB "khiến nó trở nên nổi quan tâm"

Thêm một LỜI MỆNH THÌ HIỆN TẠI LỆNH nữa, có nghĩ "dâng trọn mình vào việc dạy dỗ. Hãy để việc dạy dỗ trở nên điều ưu tiên của cuộc sống và chức vụ chúng ta. Chân Lý của Đức Chúa Trời cần phải trở nên khuôn mẫu cho cuộc sống, và mọi người sẽ .

▣ **"để mọi người có thể thấy sự tiến bộ của con."** Xin nhớ rằng Ti-mô-thê phải sống trước mặt tín đồ và người ngoại, hầu cho họ không có cơ để trịch Phức Âm và chức vụ của ông., (Xem 1 Ti-mô-thê 3:2,7,10; 5:7,8,14; 6:14). Sự tin kính được tăng trưởng trong ông là những điều phản nghịch so với các giáo sư giả (Xem 2 Ti-mô-thê 2:16 and 3:9).

4:16 "Con hãy thận trọng trong cách ăn nết ở và trong sự giảng dạy của con." Lại thêm một LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG. Ti-mô-thê được khuyến đầu tư thời gian cho sự trưởng thành và nuôi dưỡng tâm linh. Đây cũng là lời khuyên hữu dụng cho các mục sư hôm nay, (Xem 1 Ti-mô-thê 4:6c; 7b; 12b).

▣ **"Hãy kiên trì trong các lãnh vực đó,"** LỜI MỆNH LỆNH cuối cùng, THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG. Ti-mô-thê phải là tấm gương bền đỗ, vì rõ ràng các giáo sư giả không bền đỗ. Sự cứu rỗi được liên hệ không chỉ với quyết định đức tin và lời ăn nết khởi đầu, với sự nên thánh và liên tục trong tín lý. Sự bền đỗ là dấu hiệu thực về sự cứu rỗi. Trong Cơ-độc giáo theo Kinh Thánh, con đường mà một cá nhân bắt đầu, trường tồn và kết thúc đều là những yếu tố vô cùng quan trọng.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ BỀN ĐỠ CẦN THIẾT **The Need To Persevere**

Các tín lý Kinh thánh liên quan đến đời sống Cơ đốc nhân rất khó giải thích vì chúng được trình bày trong những cặp biện chứng rất Đông phương. Những cặp này dường như mâu thuẫn nhau, nhưng chúng đều có nền tảng Kinh thánh. Những Cơ đốc nhân phương Tây thường có khuynh hướng chọn một lẽ thật và bỏ qua hoặc không xem trọng lẽ thật đối lại. Tôi minh họa như sau:

- A. Sự cứu rỗi là một quyết định ban đầu tin cậy nơi Đấng Christ hay là một cam kết trọn đời làm môn đồ của Ngài?
- B. Có phải sự cứu rỗi là một sự lựa chọn bởi ân điển từ một Đức Chúa Trời chí cao hay là đáp ứng tin cậy và ăn nết của con người trước một món quà thiêng thượng?
- C. Sự cứu rỗi, một khi đã nhận được, thì không thể mất được, hay là phải có sự chuyên cần liên tục?

Vấn đề về sự kiên trì đã gây nhiều tranh cãi trong lịch sử Hội thánh. Vấn đề khởi sự từ những phân đoạn rõ ràng mâu thuẫn với nhau trong Tân Ước:

- A. Các phân đoạn về sự đảm bảo chắc chắn
 - 1. Câu nói của Đức Chúa Giê-xu (Giăng 6:37; 10:28-29)
 - 2. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 8:35-39; Ê-phê-sô 1:13; 2:5,8-9; Phi-líp 1:6; 2:13; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; II Ti-mô-thê 1:12; 4:18)
 - 3. Câu nói của Phi-e-rơ (I Phi-e-rơ 1:4-5)
- B. Các phân đoạn về sự cần thiết phải kiên trì
 - 1. Câu nói của Đức Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 10:22; 13:1-9, 24-30; 24:13; Mác 13:13; Giăng 8:31; 15:4-10; Khải huyền 2:7,17,20; 3:5,12,21)
 - 2. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 11:22; I Cô-rinh-tô 15:2; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 1:6; 3:4; 5:4; 6:9; Phi-líp 2:12; 3:18-20; Cô-lô-sê 1:23)
 - 3. Câu nói của tác giả thư Hê-bơ-rơ (2:1; 3:6,14; 4:14; 6:11)
 - 4. Câu nói của Giăng (I Giăng 2:6; II Giăng 9)
 - 5. Câu nói của Đức Chúa Cha (Khải huyền 21:7)

Sự cứu rỗi theo Kinh thánh xuất phát từ tình yêu, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời Ba Ngôi chí cao. Không một ai có thể được cứu mà không nhờ vào sự khởi đầu của Đức Thánh Linh (Giăng 6:44,64). Đức Chúa Trời đến trước và lập kế hoạch, nhưng đòi hỏi người đáp ứng bằng đức tin và ăn nết, từ lúc ban đầu và tiếp tục về sau. Chúa làm việc với con người trong mối liên hệ giao ước. Vì vậy có cả đặc ân và trách nhiệm.

Sự cứu rỗi được ban cho tất cả mọi người. Sự chết của Đức Chúa Giê-xu đã giải quyết vấn đề tội lỗi của muôn vật bị sa ngã. Đức Chúa Trời đã ban cho một con đường và Ngài muốn mọi người được dựng nên theo ảnh tượng của Ngài đáp ứng lại tình yêu và sự ban tặng của Ngài trong Đức Chúa Giê-xu.

Nếu anh chị em muốn đọc thêm về chủ đề này theo quan điểm không theo phái Calvin, thì anh chị em có thể xem:

1. Dale Moody, *The Word of Truth*, Eerdmans, 1981 (trang 348-365)
2. Howard Marshall, *Kept by the Power of Đức Chúa Trời*, Bethany Fellowship, 1969
3. Robert Shank, *Life in Đức Chúa Con*, Westcott, 1961

Kinh thánh cho thấy hai nan đề trong lãnh vực này (1) tin vào sự cứu rỗi chắc chắn được xem như giấy phép để sống cuộc đời không kết quả, ích kỷ và (2) khích lệ những người đang tranh đấu với tội lỗi cá nhân và trong mục vụ. Nan đề ở đây là có những nhóm đã đi theo sứ điệp sai lầm và xây dựng hệ thống thần học trên một số phân đoạn Kinh thánh giới hạn. Một số Cơ đốc nhân thật sự cần sứ điệp về sự cứu rỗi chắc chắn, trong khi một số khác thì cần được cảnh cáo nghiêm minh. Anh chị em ở trong nhóm nào? Có một sự tranh luận lịch sử giữa Augustine và Pelagius, giữa Calvin và Arminius (semi-Pelagian) xung quanh vấn đề cứu rỗi. Nếu một người đã được cứu, người ấy có phải bền đỗ trong đức tin và ra bông kết trái hay không?

Nhóm Can-vin khẳng định Đức Chúa Trời tể trị và có quyền gìn giữ, dựa theo các câu (Giăng 10:27-30; Rô-ma 8:31-39; 1 Giăng 5:13,18; 1 Phi-ê-rơ 1:3-5). Họ chỉ ra tính động từ bị động thì hoàn thành của câu Ê-phê-sô 2:5,8.

Nhóm A-mi-ni-an (Arminians) dựa vào các câu "nắm chặt", "nắm tới", "tiếp tục" (Ma-thi-ơ 10:22; 24:9-13; Mác 13:13; Giăng 15:4-6; 1 Cô-rin-tô 15:2; Ga-la-ti 6:9; Khải Huyền 2:7,11,17,26; 3:5,12,21; 21:7). Bản thân tôi không tin các câu trong Hê-bơ-rơ 6 và 10 nên ứng dụng ở đây, nhưng nhiều người thuộc nhóm này sử dụng để cảnh báo sự bội đạo. Các ngụ ngôn trong Ma-thi-ơ 13 and Mác 4, Giăng 8:31-59... nói về sự cứng lòng không tin. Về ngữ pháp, khi nhóm Can-vin dùng tính động từ bị động thì hoàn thành, nhóm A-mi-ni-an dùng thì hiện tại trong các câu. 1 Cô-rin-tô 1:18; 15:2; 2 Cô-rin-tô 2:15,

Đây là những ví dụ về các thần học hệ thống hạn chế, thông diễn Kinh Thánh một cách phù hợp với họ, (không giải kinh theo ngữ cảnh và bối cảnh). Họ định kiến một số nguyên tắc từ trước rồi tìm các câu Kinh Thánh phù hợp để ghép vô. Hãy cẩn thận với bất cứ một khuôn khổ thần học nào. Khuôn khổ thần học được đến bởi Lô-gíc Tây phương, chứ không từ khai thị Kinh Thánh xuất phát từ Đông phương, trình bày chân lý bằng nghịch lý. Tân Ước cho tín đồ cả sự đảm bảo cứu rỗi và đòi hỏi phải bền đỗ và nếp sống tin kính. Cơ đốc giáo được bắt đầu bởi ăn năn và đức tin, tiếp tục bởi ăn năn và đức tin. Sự cứu rỗi không phải là sản phẩm của hãng bảo hiểm, nhưng là mối liên hệ. Nó được miêu tả trong Tân Ước qua các câu sau đây. :

- Thì quá khứ (hành động đã kết thúc trong quá khứ), Công-vụ 15:11; Rô-ma 8:24; 2 Ti-mô-thê 1:9; Tít 3:5
- Thì hoàn thành (hành động đã kết thúc với kết quả đang tiếp diễn), Ê-phê-sô 2:5,8
- Thì hiện tại: (hành động vẫn đang tiến hành), 1 Cô-rin-tô 1:18; 15:2; 2 Cô-rin-tô 2:15
- Thì tương lai (hành động trong tương lai, hoặc sẽ xảy ra một cách chắc chắn), Rô-ma 5:8,10; 10:9; 1 Cô-rin-tô 3:15; Phi-líp 1:28; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9; Hê-bơ-rơ 1:14; 9:28

▣ **"vì làm như thế con sẽ cứu được chính mình và những người nghe con giảng dạy."** Điều này liên hệ tới câu 10 hoặc tới các giáo sư giả, (Xem 1 Ti-mô-thê 2:15). Phao-lô luôn luôn quan tâm đến việc cẩn thận giữ mình, để ông khỏi bị loại bỏ trong cuộc đua (Xem 1 Cô-rin-tô 9:27).

Xem [CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CỨU RỖI \(CÁC THÌ CỦA ĐỘNG TỪ TRONG TIẾNG HY-LAP\) / SALVATION \(GREEK VERB TENSES\)](#) ở câu 2 Ti-mô-thê 1:9.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp anh chị em suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Phải chăng các giáo sư giả là Cơ-đốc nhân? Phải chăng trước đây họ đã từng là Cơ-đốc nhân?
2. Phải chăng sự kiên cố và chủ nghĩa khổ hạnh nguy hiểm cho hội thánh?

3. câu 10 có ý nghĩa gì? Có phải tất cả mọi người sẽ cuối cùng được cứu?
4. Ti-mô-thê được khuyên chiến thắng trở ngại của tuổi trẻ như thế nào?

1 TI-MÔ-THÊ 5

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Trách nhiệm đối với người khác	Cách cư xử với thành viên hội thánh	Mục sư và đàn chiên	Trách nhiệm đối với tín đồ	Cách thực hành Linh Vụ
5:1-2	5:1-2	5:1-2	5:1-2	5:1-2
	Tôn trọng quả phụ thực			Quả phụ
5:3-16	5:3-16	5:3-8	5:3-8	5:3-8
		5:9-16	5:9-10	5:9-16
			5:11-16	
	Tôn trọng người già			Người già
5:17-23	5:17-25	5:17-22	5:17-22	5:17-22
		5:23	5:23	5:23
5:24-6:2a		5:24-6:2a	5:24-25	5:24-25

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của anh chị em với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

KIẾN GIẢI THEO VĂN CẢNH

- A. Trong văn cảnh lớn hơn của bức thư, những lời ở đây được minh họa rõ ràng hơn khi nhớ tới hành động của các giáo sư già.
 1. Nan đề với các quả phụ, (1 Ti-mô-thê 5:3-16)
 2. Nan đề với người già (1 Ti-mô-thê 5:17-25)

3. Nan đề với người nô lệ, (1 Ti-mô-thê 6:1-2a)
 4. Nan đề với các giáo sư giả, (1 Ti-mô-thê 6:2b-10)
 - a. Tín lý
 - b. Tài sản
- B. Có ba thuật ngữ với hai ý nghĩa khác nhau.
1. "trưởng lão"
 - a. người cao tuổi (1 Ti-mô-thê 5:1)
 - b. lãnh đạo hội thánh tại gia (1 Ti-mô-thê 5:17)
 2. "quả phụ"
 - a. người nữ góa bụa, mà hội thánh cần giúp, (1 Ti-mô-thê 5:3-8)
 - b. một nhóm nữ nhân viên được hội thánh trả lương (1 Ti-mô-thê 5:9-16)
 3. "kính trọng"
 - a. kính trọng (1 Ti-mô-thê 5:3, 17)
 - b. trả lương (1 Ti-mô-thê 5:3, 17)
 - c. hoặc bao gồm cả hai
- C. Trong một khía cạnh nào đó, chương 5 liên hệ tới chương 3, “Người già trong 1 Ti-mô-thê 5:17 liên hệ tới “trưởng lão” trong 1 Ti-mô-thê 3:1 và “danh sách quả phụ” 1 Ti-mô-thê 5:9 liên hệ tới “phụ nữ” trong 1 Ti-mô-thê 3:11.
- Tôi cho rằng sự khác biệt giữa phụ nữ được hội thánh giúp đỡ, 1 Ti-mô-thê 5:3-8 và nữ trợ lý hội thánh dường như được phóng to. Sau đây là các lý do:
1. Tiêu chuẩn các quả phụ khá nghiêm ngặt, (Xem 1 Ti-mô-thê 5:5,9-10) phải chăng hội thánh chỉ nên giúp đỡ một số quả phụ đặc biệt sao?
 2. “cuốn sổ” dường như là danh sách đặc biệt của các quả phụ 1 Ti-mô-thê 5:9.
 3. “Danh sách” (Xem 1 Ti-mô-thê 5:9), hoặc “hứa nguyện” (theo nghĩa đen “(literally) lời thề ước ban đầu) trong 1 Ti-mô-thê 5:12 ám chỉ nhiều hơn là cam kết không tái giá. Vì sao tái giá là điều xấu? Vì sao tái giá sẽ chấm dứt trợ cấp của hội thánh nếu như đây là lương cho người giúp việc hội thánh. Phải chăng đây là cách giúp đỡ hai chiều? (hội thánh giúp đỡ phụ nữ gặp khó khăn (qua hình thức trả lương) và nhận được sự giúp đỡ của họ đối với người khác trong vòng các chị em).
 4. Bàn luận về “trưởng lão / người già” bắt đầu từ câu 1 Ti-mô-thê 5:17, liên hệ tới việc trợ cấp của hội thánh.

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 5:1-2

Đừng quở trách một cụ ông, nhưng khi khuyên nhủ, hãy coi cụ như cha, các thanh niên như anh em, ² các cụ bà như mẹ, các thiếu nữ như chị em với cả lòng trong sạch

5:1 "Đừng quở trách " LỜI BÀN THÁI THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG với TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH “đừng”, có nghĩa không bắt đầu một hành động. “Quở trách”, đây là một thuật ngữ mạnh trong tiếng Hy-lạp, có nghĩa “giáng một đòn” Xem 1 Ti-mô-thê 3:13).

Cơ đốc nhân phải hành động khác thường luôn luôn yêu thương hướng về sự hòa thuận. Lời khuyên ở đây có thể là điều gọi nhớ từ Cựu Ước trong Lê-vi 19:32 về sự kính trọng đối với người già.

▣ **"một cụ ông, "** Thuật ngữ này chính xác là “trưởng lão” (*presbuteros*). Có hai ý nghĩa được sử dụng theo văn cảnh:

1. Người già, cụ ông (1 Ti-mô-thê 5:1)

Chủ Đề Đặc Biệt: TRƯỞNG LÃO

Elder

I. Trong Cựu Ước

A. Nói về Thiên sứ trong Hội Đồng Thiên Sứ (Xem Ê-sai 24:23). Thuật ngữ này cũng được dùng tương tự trong Khải Huyền (Xem 4:4,10; 5:5,6,8,11,14; 7:11,13; 11:16; 14:3; 19:4).

B. Nói về người lãnh đạo các bộ tộc (*zaqen*) in the OT (Xem Xuất. 3:16; Dân-số-ký 11:16). Sau này cũng được dùng nói về nhóm lãnh đạo trong hội đồng công luật tối cao, San-hê-rin (Xem Ma-thi-ơ 21:23; 26:57). Trong thời Chúa Giê-su có 70 thành viên, được kiểm soát bởi Thầy Tế Lễ Tối Cao thoái hóa. (không xuất phát từ giòng dõi Aaron, nhưng được mua chức từ chính quyền La-mã).

II. Trong Tân Ước

A. Nói về những người lãnh đạo hội thánh địa phương. Có ba danh hiệu tương đồng (Mục sư, giám mục, trưởng lão) Xem. Tích 1:5,7; Công-vụ 20:17,28). Phi-ê-ros và Giảng dùng danh hiệu này để đặt mình trong vị trí lãnh đạo. (Xem I Phi-ê-ros 5:1; II Giảng 1; III Giảng 1).

B. Cách chơi chữ của thuật ngữ (*presbuteros*) trong 1 Phi-ê-ros 1:1 và 5, dành cho những người lãnh đạo. Xem v. 1 và cho những người cao tuổi Xem v. 5 Điều đáng ngạc nhiên là '*presbuteros*' theo tiếng Hê-bơ-ros nói về người lãnh đạo bộ tộc và còn theo tiếng Hy-lạp '*episcopos*' có nghĩa người lãnh đạo thành phố, thị trưởng. 1 Phi-ê-ros sử dụng thuật ngữ Do-thái để gọi sứ điệp tới tín đồ ngoại bang.

Phi-ê-ros tự xưng mình là người đồng sự trong chức vụ trưởng lão. Thuật ngữ *presbuteros* với giới từ '*syn*', có nghĩa cộng hưởng với anh em trưởng lão. Phi-ê-ros không áp đặt quyền sứ đồ trên các vị lãnh đạo địa phương, nhưng "khích lệ" (động từ chỉ định chủ động thì hiện tại) họ hành động và sống

1. Theo tấm gương Đấng Christ.

2. Theo bối cảnh cận kề Tái Lâm.

Các Hội Thánh nguyên thủy không trả lương cho các trưởng lão, nhưng xác nhận ân tứ thuộc linh và khả năng lãnh đạo của họ trong Hội Thánh địa phương. Sự xác nhận này phải được quân bình với sự khôn ngoan của lớp người cao tuổi, rất quan trọng đối với cộng đồng tín đồ Do-thái. Chính vì vậy Phi-ê-ros đề cập tới cả hai loại lãnh đạo. .

Thêm nữa, thuật ngữ 'trưởng lão' mang số nhiều, có thể Phi-ê-ros nói chuyện với nhiều trưởng lão của các Hội Thánh tại gia, (Xem Công-vụ 20:17) , hoặc (2) với các lãnh đạo của nhiều chức vụ trong một Hội Thánh, Ê-phê-sô 4:11), có nghĩa rằng chức vụ trưởng lão thuộc về tất cả mọi tín đồ, theo quan điểm vương quốc các thầy tế lễ, (Xem 1 Phi-ê-ros 2:5,9).

C. Nói về người lớn tuổi trong hội thánh, không nhất thiết ở trong vị trí lãnh đạo (Xem I Ti-mô-thê 5:1; Tích 2:2)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ GIÀ CẢ CỦA CON NGƯỜI

Age

I. Lời giới thiệu

A. Một trích dẫn từ tạp chí Christian Life Commission về "tương lai của gia đình" / "A Future for the Family," 1973, p. 16, by L. D. Giàngson, có tiêu đề "Hebrew-Christian Geriatrics":

"Thái độ của chúng ta về sự già cả phản ánh hành động nhiều hơn là lời nói, tán thưởng nhiều hơn là vâng lời đối với Kinh Thánh. Có lẽ không một xã hội văn minh nào ít quan tâm tới người già cả như xã hội chúng ta. Chúng ta là những người tôn thờ người trẻ, chăm sóc chiều chuộng, làm hư hỏng chúng, ghen tỵ với chúng. Chúng ta trở nên những người ngu dại khi bắt chước người trẻ. Giá trị cao nhất trong xã hội thuộc về người trẻ, và thấp nhất thuộc về người già.

B. Sự vô lý của xã hội đảo ngược là điều dễ thấy, một trong sáu người trong xã hội là người già, và tỷ lệ này càng gia tăng.

Các nền văn hóa đối xử với người già một cách khác nhau.

1. Người phương Đông / châu Á tôn trọng và nuôi dưỡng người già

2. Người Da Đỏ Bắc Mỹ bỏ mặc người già cho chết.

II. Dẫn chứng từ Kinh Thánh (và ngụ kinh)

A. Cựu Ước

1. Tuổi già là phước hạnh cho cuộc sống theo giao ước.
 - a. Proverbs 16:31
 - b. Sáng-Thế-Ký 15:15
 - c. Xuất Ê-díp-tô 20:12; Phục-truyền 6:2; 22:6-7; 25:15
 - d. Gióp 5:17-26 (đặc biệt câu 26)
 - e. Thi-thiên 91:14-16
 - f. Thi-thiên 92:1-15 (đặc biệt các câu 14-15)
2. Tuổi già phước hạnh vẫn có các nan đề.
 - a. Nan đề tuổi già được miêu tả trong ẩn dụ trong Truyền-đạo 12:1-5
 - b. Isaac có mắt kém, Sáng-Thế-Ký 27:1
 - c. Jacob có mắt kém, Sáng-Thế-Ký 48:10
 - d. Eli có mắt kém, 1 Sa-mu-en 3:2
 - e. Barzillai có thính giác và vị giác kém, 2 Sa-mu-en 19:31-35
 - f. David bị thấp áp, 1 Các-vua 1:1-4
 - g. Ahijah có mắt kém, 1 Các-vua 14:1
3. Đức Chúa Trời không bao giờ từ bỏ người già.
 - a. Thi-thiên 37:23-26
 - b. Thi-thiên 71:9,18
 - c. Thi-thiên 73:24
4. Tuổi già, là dấu hiệu phước hạnh của Đức Chúa Trời cần được kính trọng
 - a. Lê-vi 19:32
 - b. Ru-tơ 4:15
 - c. Châm-ngôn 23:22
 - d. Thiếu kính trọng sẽ bị- phán xét.
 - (1) Phục-truyền 28:50
 - (2) 1Sa-mu-en 2:31-32
 - (3) Ê-sai 3:5
 - (4) Ca-thương 4:16; 5:12
 - e. Trí khôn của Solomon, 2:10 (ngụ kinh)
 - f. Trí khôn của Ben Sirach (Ecclesiasticus) 8:6 (ngụ kinh)
5. Tuổi già phước hạnh đem lại sự khôn ngoan và sáng suốt
 - a. 1Các-vua 12:8
 - b. Gióp 12:12,20
 - c. Gióp 15:10
 - d. (Ecclesiasticus 25:6) (ngụ kinh)
 - e. trừ những trường sau
 - (1) Gióp 32:6 và các câu tiếp
 - (2) Truyền-đạo 4:13
6. Tuổi nào được coi là già?
 - a. Lê-vi 27:1-8, 60 tuổi
 - b. Thi-thiên 90:10, bình thường - 70, thọ - 80
 - c. Ê-sai 65:20, 100 tuổi
 - d. Ecclesiasticus 18:9 - 100 tuổi

B. Tân Ước - 1 Timothy

- a. Danh sách quả phụ, 5:3 và các câu tiếp (i.e., quả phụ trên 60, được trả phụ cấp)
- b. Thái độ đối với người già, 3:1-2
- c. Tii đồ phải có trách nhiệm đối với gia đình 3:8

III. Gợi ý thực tế.

A. Dạy con cái tôn trọng người già (chính bạn cũng cần điều này)

- B. tổ chức thăm viếng nếu có thể, hoặc không thì phải viết thư, gọi điện thăm hỏi, đặc biệt trong các ngày lễ.
- C. Nhớ thăm hàng xóm già cả hoặc viện dưỡng lão. Cả hội thánh nên chọn một cơ sở và thăm viếng thường xuyên.
- D. Xấp xếp để trẻ em thăm viếng ông bà, dù ông bà ruột thịt hay không.
- E. Khích lệ hội thánh có trương trình phục vụ người già.
- F. Bản thân chuẩn bị về hưu.

Copyright © 2014 [Bible Lessons International](http://www.biblelessons.org)

▣ **"nhưng khi khuyên nhủ, hãy coi cụ như cha, " LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG .**
Phao-lô khích lệ Ti-mô-thê đối xử với thành viên hội thánh tại gia như người thân của mình, (Xem Mác 3:31-35). Sự quý mến và kính trọng cha mẹ được phản ánh trong Mười Điều Răn . (Xem 1 Ti-mô-thê 5:4).

5:2 "các thiếu nữ như chị em với cả lòng trong sạch " sự lạm dụng tình dục của các giáo sư giả (Xem 2 Ti-mô-thê 3:6), Phao-lô đặc biệt nhấn mạnh mối liên hệ trong sạch với phụ nữ trẻ.

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 5:3-8

³ Hãy kính trọng các góa phụ, những người thật sự góa bụa. ⁴ Nếu một góa phụ có con hoặc cháu, các con cháu đó trước hết phải học cách bày tỏ lòng hiếu thảo và đền đáp công ơn các đấng sinh thành, vì đó là điều đẹp lòng Đức Chúa Trời. ⁵ Người thật sự góa bụa và sống đơn chiếc nên đặt lòng trông cậy của mình vào Đức Chúa Trời, ngày đêm liên tục nài xin và cầu nguyện. ⁶ Còn góa phụ nào cứ mãi mê chạy theo các vui thú trần tục thì cũng như đã chết dù đang sống. ⁷ Con hãy truyền dạy những điều ấy, để họ không bị chê trách. ⁸ Ai không cấp dưỡng cho người thân, đặc biệt là người trong gia đình mình, ấy là người chối bỏ đức tin, và còn tệ hơn người không tin.

5:3 "Hãy kính trọng các góa phụ, " Thuật ngữ "kính trọng" ở đây có thể có ý trợ cấp hay lương bổng, 1 Ti-mô-thê 5:3 và 17 dành cho:

1. quả phụ khó khăn (Xem 1 Ti-mô-thê 5:3-8)
2. nữ trợ lý đặc biệt (Xem 1 Ti-mô-thê 5:9-16)
3. người cao niên (Xem 1 Ti-mô-thê 5:17-22)

Dường như theo truyền thống nhà hội Do-thái và Cựu Ước, hội thánh quan tâm chăm sóc người quả phụ (Xem Phục-truyền 24:17-22; Xuất Ê-díp-tô 22:22-24; Ê-sai 1:17; Công-vụ 6:1 và các câu tiếp; 9:39,41). Nhóm mà Phao-lô đặc biệt lo toan là những người thực sự ở trong hoàn cảnh khó khăn (Xem 1 Ti-mô-thê 5:4,16). Các giáo sư giả lạm dụng quả phụ không được ai trợ giúp , (Xem 1 Ti-mô-thê 5:6,15). Phao-lô khích lệ hội thánh giúp đỡ người quả phụ thực sự.

5:4 "nếu" - CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (cũng như 1 Ti-mô-thê 5:8). Những quả phụ này bị gia đình bỏ rơi, (Xem 1 Ti-mô-thê 5:8,16).

▣ **"vì đó là điều đẹp lòng Đức Chúa Trời. "** Ở đây có thể liên hệ tới Mười Điều Răn, (Xem Xuất Ê-díp-tô 20:12), đặc biệt đối với người mẹ góa bụa. Trong Cựu Ước Đức Chúa Trời bảo vệ người yếu, người bị xã hội ruồng bỏ, trẻ mồ côi, người ngụ cư.... điều ấy được thấy từ sách Phục Truyền và lặp lại trong Giê-rê-mi Tín đồ bày tỏ sự kính yêu ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bằng cách tôn trọng Lời Ngài dạy và gây dựng, gìn giữ giềng mối và trách nhiệm gia đình.

5:5 "Người thật sự góa bụa và sống đơn chiếc " Một cấu trúc ngữ pháp hiếm hoi, cũng giống như 4:3 (TÍNH TỪ và ĐỘNG TÍNH TỪ, Xem Tích 1:15). Có người băn khoăn không biết đây có phải là sự đánh dấu văn chương của người thư ký được Phao-lô sử dụng viết các thư Linh Vụ không? Phao-lô hướng dẫn cụ thể cho các hội thánh thời đó tiêu chuẩn nhận trợ cấp từ hội thánh, nhưng không được liệt kê trong “danh sách” ở câu 4:9:

1. THÌ HOÀN THÀNH – đã và đang sống cô đơn
2. THÌ HOÀN THÀNH – đã và đang là người phụ nữ tin kính
3. THÌ HOÀN THÀNH – tiếp tục tránh thú vui trần thế bằng cách liên tục cầu nguyện, giống như Anne trong Lu-ca 2:37 và Dorcas, Công-vụ 9:36, mặc dầu không ai biết rằng bà có phải là góa bụa không.

5:6 Còn góa phụ nào cứ mãi mê chạy theo các vui thú trần tục

VB1925:	“Nhưng về phần kẻ ưa sự vui-chơi,”
RVV11:	“Nhưng quả phụ nào sống xa hoa trụy lạc”
NASB	“kẻ nào thả mình trong ham muốn”
NKJV	“nhưng kẻ nào sống trong vui thú”
NRSV	“kẻ nào sống trong vui thú”
TEV	“kẻ nào buông thả trong vui thú”
NJB	“kẻ nào chỉ nghĩ về sự vui thú”

Trong bối cảnh văn hóa câu này có thể hiểu là:

1. người góa quay sang nghề mại dâm để kiếm sống
2. sự lạm dụng tình dục của các giáo sư giả (Xem 2 Ti-mô-thê 3:5-7)

Đường như đây là một lời cảnh báo hết sức nghiêm khắc. (Xem 1 Ti-mô-thê 5:15). Lời cảnh báo này cũng được thấy trong Gia-cơ 5:5.

▣ **"Thì cũng như đã chết dù đang sống. "** Nói về sự chết tâm linh. (THÌ HOÀN THÀNH DẠNG CHỦ ĐỘNG LỐI CHỈ ĐỊNH), một tình trạng của một số quả phụ ở hội thánh Ê-phê-sô. Các giáo sư giả không những đem cho mình sự chết, nhưng cho nhiều người nữa.

5:7 Con hãy truyền dạy những điều ấy,

RVV11:	“Hãy truyền bảo họ những điều này”
VB1925:	“Hãy nhắc lại những điều đó cho họ”
NASB	“hãy khuyên những điều này”
NKJV	“hãy truyền lại những điều này”
NRSV	“Hãy ban truyền những mạng lệnh này”
TEV	“hãy cho họ lời hướng dẫn này”
NJB	“hãy hướng dẫn họ trong những điều này. ”

Thuật ngữ ở đây thuộc tính quân sự, truyền lệnh để thi hành, (Xem 1 Ti-mô-thê 1:3,18; 4:11). Đây không phải là lời gợi ý, ước nguyện cá nhân.

▣ **"để họ không bị chê trách"** Đường như Phao-lô nói về những người thân của các quả phụ. Ai không chăm sóc thân nhân mình, đặc biệt cho thân nhân gần gũi, là người “chối bỏ đức tin”, tệ hại hơn người ngoài xã hội, (1 Ti-mô-thê 5:7,8), lời cảnh cáo này thích hợp với thời của Phao-lô cũng như thời nay. Chúa Giê-su dạy điều tương tự như vậy trong câu Mác 7:9-13. Ý của Phao-lô tiếp tục trong việc không tạo ra lý do cáo trách cho người ngoại hoặc tín đồ đối với hội thánh (Xem 1 Ti-mô-thê 3:2,7,10; 5:7; 6:14). Cơ đốc nhân luôn phải sống trong nếp sống hấp dẫn cho sự làm chứng về Đấng Christ. Phản diện tích cực của câu này được thấy trong câu 4. Xin tham khảo [CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TIÊU CHUẨN CHO NỮ TRỢ LÝ TRONG HỘI THÁNH / QUALIFICATIONS FOR FEMALE CHURCH WORKERS](#) ở câu 1 Ti-mô-thê 3:12.

5:8 "nếu" , CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT, có nghĩa một số tín đồ thực sự đã bỏ rơi thân nhân mình, (Xem 1 Ti-mô-thê 5:4,16)

▣ "**chối bỏ đức tin, và còn tệ hơn người không tin**", tôi tin rằng chữ "đức tin" ở đây nói về sự làm chứng cá nhân trong cộng đồng, (Xem 1 Ti-mô-thê 5:7; 3:4-5), chứ không về sự cứu rỗi bản thân. Ngay người chưa được cứu cũng chăm sóc thân nhân của mình. Tuy nhiên trong một số câu Kinh Thánh khác nói về việc chối bỏ hoàn toàn Đức Chúa Trời (Xem 2 Ti-mô-thê 2:12; Tích 1:16; 2 Phi-ê-rơ 2:1; Giu-đe 4). Văn cảnh cũng liên hệ tới các giáo sư giả, là những người rơi rụng khỏi đức tin. (Xem 1 Ti-mô-thê 1:19,20; 4:1-2; 6:9-10,20-21) hoặc tới các môn đệ của giáo sư giả (Xem 1 Ti-mô-thê 5:6,15). See CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ BỎI ĐẠO / APOSTASY (APHISTĒMI) ở câu 1 Ti-mô-thê 4:1.

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 5:9-16

⁹ Để được ghi vào danh sách các góa phụ, người góa bụa đó không được dưới sáu mươi tuổi, chỉ có một đời chồng, ¹⁰ được xác chứng là đã làm những việc tốt, như nuôi dạy con cái, hiếu khách, rửa chân các thánh đồ, cứu giúp những người hoạn nạn, dấn thân vào mọi việc lành. ¹¹ Nhưng đừng ghi tên vào danh sách các góa phụ còn trẻ, vì khi bị dục tình thôi thúc, họ có thể lia xa Đấng Christ và muốn tái giá. ¹² Như vậy họ sẽ chuốc lấy án phạt, vì vi phạm lời thệ nguyện ban đầu. ¹³ Đồng thời họ lại dễ học thói ăn không ngồi rồi, la cà từ nhà này sang nhà khác; không những ăn không ngồi rồi, lại còn ngồi lê đôi mách, xen vào chuyện người khác, và nói những điều không nên nói.

¹⁴ Vì thế ta khuyên các góa phụ trẻ tuổi nên tái giá, sinh con cái, quản trị gia đình mình, không cho kẻ thù có cơ hội để nói xấu, ¹⁵ vì đã có vài người tể tách để đi theo Sa-tan rồi.

¹⁶ Nếu nữ tín hữu nào có người thân trong gia đình là góa phụ, nữ tín hữu đó hãy giúp đỡ góa phụ ấy, để khỏi làm gánh nặng cho hội thánh, hầu hội thánh có thể giúp những người thật sự góa bụa.

5:9 "Để được ghi vào danh sách các góa phụ, người góa bụa đó không được dưới sáu mươi tuổi," LỜI MỆNH LỆNH, THÌ HIỆN TẠI DẠNG THỤ ĐỘNG với TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH, ám chỉ hãy dừng một hành động đang tiếp diễn. Ở đây đang nói về tiêu chuẩn cho các quả phụ thuộc nhóm phục vụ. Thuật ngữ "danh sách" trong tiếng Hy-lạp là "đăng ký pháp lý". Danh sách "các quả phụ" cũng có thể đồng nghĩa với khái niệm "nữ chấp sự", (Xem 1 Ti-mô-thê 3:11; Rô-ma 16:1). Dù vậy, trong bản "Điều Lệ Các Sứ Đồ" ("Apostolic Constitutions," được viết đầu thế kỷ thứ hai) liệt ra ba hạng mục phụ nữ hầu việc Chúa: trinh nữ, nữ chấp sự và quả phụ.

chỉ có một đời chồng,

- VB1925:** "vốn chỉ có một chồng mà thôi"
- RVV11:** "chỉ có một đời chồng"
- NASB** "đã từng là vợ của một chồng"
- NKJV** "và không thiếu điều bà là vợ của một chồng"
- NRSV** "và bà chỉ lập gia đình một lần"
- TEV** "thêm vào đó bà chỉ lập gia đình một lần"
- NJB** "là người chỉ có một chồng "

Có nhiều điều tranh luận về ý nghĩa câu này: (Xem 1 Ti-mô-thê 3:1,12). Nhưng rõ ràng đó là nan đề nghiêm trọng ở Ê-phê-sô và Cô-rin-tô. (Xem 1 Ti-mô-thê 3:1,12; 5:9; Tích 1:6). Gia đình tin kính hạnh phúc là sự làm chứng mạnh mẽ trong xã hội lầm lạc và hư mất.

Xin thảo khảo chủ đề này một cách đầy đủ hơn trong câu 3:2. Trong 1 Ti-mô-thê 5:14 những quả phụ trẻ được khuyên tái giá. Dường như điều này ám chỉ lập gia đình lần thứ hai không phải là điều tội lỗi, (Xem Rô-ma 7:2-3; 1 Cô-rin-tô 7). Trong vòng giáo hội Báp-tít ở châu Âu, khái niệm một chồng của một vợ, hay vợ của một chồng là sự từ chối việc lập gia đình lần thứ hai theo Kinh Thánh, đặc biệt đối với mục sư. Tuy nhiên đây không phải là thực hành trong xã hội Trung Cận Đông. Quan điểm thần học này phản ánh sự tăng trưởng thuyết khổ hạnh trong các hội thánh sơ khởi, nhưng không theo hướng dẫn của Tân Ước. Coi thân thể là xấu xa, triết lý Hy-lạp, ảnh hưởng rất nhiều đến hội thánh Dân Ngoại thời Phao-lô.

5:10 "được xác chứng là đã làm những việc tốt," Ở đây có 5 điều tốt được liệt kê (tất cả đều là CÂU ĐIỀU KIẾN BẬC MỘT) trong phần cuối câu 1 Ti-mô-thê 5:10. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Tiêu chuẩn cho nữ nhân sự hội thánh / Qualifications for Female Church Workers ở câu 1 Ti-mô-thê 3:12. Những công việc này phản ánh vai trò của phụ nữ được mong chờ trong cộng đồng.

▣ **"nếu"** bắt đầu một loại năm CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT trong 1 Ti-mô-thê 5:10, một câu định nghĩa một phẩm chất của một quả phụ được phụ cấp bởi hội thánh.

▣ **"như nuôi dạy con cái,"** Điều này không có nghĩa là phụ nữ son sẽ không được nhận trợ cấp, nhưng nếu bà có con, thì con cái họ phải có sự tin kính. Đây là điều nhắc đi nhắc lại (chương 3) về một gia đình mạnh, chung thủy và tin kính.

▣ **"hiếu khách,"** Phao-lô không nói về việc tiếp rước bất cứ ai vô nhà, nhưng về việc đón tiếp các sứ đồ, giáo sỹ lưu động.

▣ **"rửa chân các thánh đồ,"** Đây là công việc của đầy tớ đối với khách. Chúa Giê-su làm gương cho các môn đồ về sự khiêm nhường (Xem Giăng 13). Phao-lô có thể dùng hình ảnh người đầy tớ để giáo dục hội thánh và dòng thời cũng phản ánh hành vi hiếu khách trong xã hội thời đó.

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC THÁNH ĐỒ, Saints (Hagios)

Thuật ngữ *Hagios* tiếng Hy-lạp tương tự như thuật ngữ *Kadosh* tiếng Hê-bơ-rơ, (noun, BDB 871; verb, BDB 872, KB 1066-1067; xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thánh khiết.), mang ý nghĩa một vật, một thứ, một người được biệt riêng để phục vụ Đức Chúa Trời. Tiếng Anh là "sacred" và tiếng Việt là "thánh". I-sơ-ra-en là dân tộc thánh của Đức Giê-hô-va. (theo 1 Phi ê rơ 2:9, dẫn chứng từ Xuất Hành 19:6). Bản thân Đức Giê-hô-va cũng được biệt thánh, tách biệt khỏi nhân loại bởi bản thể thần linh, vĩnh cửu, vô tạo và bản tính thánh khiết của Ngài. Ngài là tiêu chuẩn của mọi tiêu chuẩn, nhờ Ngài mà mọi sự được đong lường và phán xét. Đức Chúa Trời siêu phàm, thiêng liêng.

Đức Chúa Trời tạo dựng con người với mục đích thông công. Nhưng tội lỗi trở nên hàng rào ngăn cách giữa Đấng Thánh và phàm nhân. Đức Chúa Trời chọn sự phục hồi tạo hóa, bởi vậy Ngài gọi con dân của Ngài nên thánh. (theo Lê vi ký 11:44; 19:2; 20:7,26; 21:8). Bằng mối liên hệ bởi đức tin với Đức Giê-hô-va, dân tuyển thuộc linh trở nên thánh khiết qua giao ước và qua nếp sống. (xem Chủ Đề Đặc Biệt: sự Nên Thánh Sanctification, theo Ma thi ơ 5:48; Ê phê sô 4:1,17; 5:2-3,15; 1 Phi ê rơ 1:15).

Nếp sống thánh khiết có thể thực hiện bởi tín đồ được tha thứ (1) qua sự sống Chúa Giê-su và (2) công tác Đức Thánh Linh trong tâm lòng và tâm trí. Điều này có vẻ là một nghịch lý:

1. Trở nên thánh khiết bởi sự công chính của Đấng Christ. (tức là Rô ma 4)
2. Được gọi là thánh khiết bởi sự hiện diện của Đức Thánh Linh, Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Nên Thánh.

Tín đồ trở nên thánh đồ bởi

1. Ý chỉ của Đấng Thánh (Đức Chúa Cha theo Giăng 6:29,40; 1 Phi ê rơ 1:15-16),
2. Công tác của Chúa Giê-su theo 2 Cô rin tô 5:21; 1 Phi ê rơ 1:18-21),
3. Sự ngự trị trong lòng của Đức Thánh Linh, (theo Rô ma 8:9-11,27)

Tân Ước luôn nói về thánh đồ trong số nhiều, (trừ một trường hợp trong Phi-líp 4:21). Được cứu là được tham gia vào gia đình thuộc linh, trở nên chi thể của thân thể, một khối của tòa nhà. Đức tin theo Kinh Thánh bắt đầu bởi cá nhân, nhưng phát triển trong cộng đồng. Mỗi chúng ta đều có ân tứ, 1 Cô rin tô 12:1, để xây dựng Hội Thánh lành mạnh, trưởng thành, là thân thể Đấng Christ, theo 1 Cô rin tô 12:7. Chúng ta được cứu để phục vụ. Thánh khiết là thuộc tính của gia đình thiên thượng.

Thánh đồ là danh hiệu nói về bản chất của tín đồ, (theo Công vụ 9:13,32,41; 26:10; Rô ma 1:7; 1 Cô rin tô 1:2; 2 Cô rin tô 1:1; Ê phê sô 1:1; Phi-líp 1:1; Cô-lô-sê 1:2), đồng thời là cách bày tỏ việc họ được biệt riêng để phục vụ người khác, (theo Rô ma 12:13; 16:2; Ê phê sô 1:15; Cô-lô-sê 1:4; 1 Ti-mô-thê 5:10; Hê-bơ-rơ 6:10). Phao-lô tiếp nhận quà tặng từ tín đồ ngoại bang cho hội thánh mẹ ở Giê-ru-sa-lem (theo Rô ma 15:25-26; 1 Cô rin tô 16:1; 2 Cô rin tô 8:4; 9:1).

▣ " **cứu giúp những người hoạn nạn,**" Có thể không chỉ về công tác tình thương đối với tín đồ, nhưng vươn tới những người nghèo khổ, tổn thương trong xã hội. Mỗi một phẩm chất được nêu ra đều nói về tinh thần phục vụ của những quả phụ cao tuổi này.

5:11 "Nhưng đừng ghi tên vào danh sách các góa phụ còn trẻ, vì khi bị đục tình thô thúc, họ có thể lia xa Đấng Christ và muốn tái giá." Chúng ta phải nhớ tới quan điểm tích cực của thần học về hôn nhân, (Xem Sáng-Thế-Ký 1 and 2). Câu này hình như liên hệ tới lời thề nguyện của các quả phụ khi họ tiếp nhận công việc trợ giúp hội thánh, (Xem 1 Ti-mô-thê 5:12). Ý của Phao-lô không phải là gièm pha hôn nhân, nhưng cảnh cáo về việc thề nguyện nhân danh Christ và không giữ lời ấy (kể cả việc thề nguyện hôn lễ và ly dị)

5:12 "Nhu vậy họ sẽ chuốc lấy án phạt," Bản dịch KJV (The King James Version) dịch là "nguyên rủa" (bản NKJV dịch là "kết tội"). Lời dịch này quá nghiêm trọng đối với thuật ngữ Hy-lạp *krino*. Thề nguyện đối với Đức Chúa Trời là một điều rất nghiêm trọng, (Xem Lê-vi 27 and Dân-số 30), nhưng không phải là điều quyết định sự cứu rỗi.

vì vi phạm lời thề nguyện ban đầu.

RVV11: "vì đã vi phạm lời hứa nguyện ban đầu"
VB1925: "bội lời thề-ước ban đầu"
NASB "họ bỏ qua lời nguyện trước đó"
NKJV "họ ném đi đức tin ban đầu"
NRSV "vi phạm hứa nguyện đầu tiên"
TEV "bẻ gãy lời hứa trước đó đối với Ngài"
NJB "không chung thủy với lời hứa ban đầu"

Thuật ngữ Hy-lạp *pistis*, thường được dịch là "đức tin"(danh từ) , tin (động từ), "tin cậy" (động từ), đều có hàm ý "điều đáng giá" từ trong Cựu Ước. Ở đây được dùng để ám chỉ lời hứa phục vụ Christ (theo nghĩa đen: đức tin nguyên thủy).

5:13 "Đồng thời họ lại dễ học thói ăn không ngồi rồi, la cà từ nhà này sang nhà khác;" Nói một cách tích cực, những quả phụ này giúp đỡ hàng ngày và hàng tuần trong những buổi chia sẻ thực phẩm, tương tự như trong nhà hội Do-thái. Họ cũng đi thăm viếng những thành viên của hội thánh.

▣ " **không những ăn không ngồi rồi, lại còn ngồi lê đôi mách, xen vào chuyện người khác,**" "Ăn không ngồi rồi" được dùng trong 3 Giăng 10 nói về sự cáo buộc đối với một lãnh đạo hội thánh. Điều này được định nghĩa rõ ràng hơn trong Tích 1:11. Nan đề không chỉ là đồn đại tán gẫu, nhưng là truyền đạt giáo huấn sai lầm

Thuật ngữ thứ hai nói về ma thuật, phép thuật, giống như trong Công-vụ 19:19. Tuy nhiên văn cảnh cho thấy việc một số phụ nữ xen vô công việc của người khác. (NJB "can thiệp, xía vào").

▣ " **và nói những điều không nên nói.**" Trong văn cảnh của các thư Linh Vụ, các giáo sư giả lừa dối phụ nữ trẻ. (Xem 2 Ti-mô-thê 3:5-7), có thể họ là những người truyền đạt giáo huấn giả từ nhà này qua nhà kia, từ hội thánh tại gia này qua hội thánh tại gia kia (Xem Tích 1:11). Chính vì vậy mà Phao-lô không cho phép họ được nói nơi công cộng trong các hội thánh (Xem 1 Ti-mô-thê 2:9-15) và không cho phép họ trở nên trợ lý cho hội thánh.

5:14 " Vì thế ta khuyên các góa phụ trẻ tuổi nên tái giá" Hôn nhân (đối với quả phụ là hôn nhân lần thứ hai) không phải là điều xấu hoặc kém thuộc linh (Xem 1 Cô-rin-tô 7:8,39-40). Nội trợ chính là sự kêu gọi của Đức Chúa Trời (Xem 1 Ti-mô-thê 2:15).

▣ " **không cho kẻ thù có cơ hội để nói xấu,**"

kẻ thù - danh từ số ít- có thể là

1. Sa-tan (Xem 1 Ti-mô-thê 5:15)
2. người hàng xóm chống lại Cơ-độc giáo (NJB footnote, *Jerome Biblical Commentary*, p. 356)
3. một giáo sư giả (Xem 2 Ti-mô-thê 3:6-7)

Những quả phụ này trở nên năng động tình dục khiến Sa-tan hoặc cộng đồng (tín hữu và người ngoại) có cánh cửa mở ra để công kích hội thánh.

Thuật ngữ “cơ hội” mang tính chất quân sự, có nghĩa là “cơ sở hoạt động” hoặc “vị trí đồ bộ”, “đầu cầu” (“nhân dịp” Xem Rô-ma 7:8,11). Thân thể không xấu xa, nhưng là bãi chiến trường của sự cám dỗ. Con người sa ngã đem món quà của chúa ra quá giới hạn mà Chúa đặt ra.

5:15 " vì đã có vài người tề tách để đi theo Sa-tan rồi." Có thể Ti-mô-thê liên hệ tới một số trường hợp về quả phụ được nhắc tới trong các câu 6 và 13, Các giáo sư giả nhắm vào các quả phụ trẻ và biến họ thành các phát ngôn viên (ngoài ra họ cũng có một số thủ lãnh nam giới, Xem 1 Ti-mô-thê 1:20). Đằng sau các giáo sư giả là hoạt động của ma quỷ.

Xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SATAN ở câu 1 Ti-mô-thê 3:6.

5:16 "nếu" CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT. Phao-lô muốn các gia đình Cơ-đốc thực hiện nghĩa vụ của mình (LỖI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG). Ông cũng muốn cung ứng cho những người không có thân nhân (Xem 1 Ti-mô-thê 5:4,8).

Nếu nữ tín hữu

VB1925: “Nếu tín-đồ nào”
RVV11: “Nếu nữ tín hữu nào”
NASB "nếu người phụ nữ nào là tín đồ"
NKJV "nếu một tín đồ nam hay nữ"
NRSV "nếu tín đồ nữ nào"
REV, "Nhưng nếu một nữ Cơ-đốc nào"
NJB "Nếu một nữ tín đồ"

Ở đây có sự khác biệt giữa các văn bản.

1. *pistē* – người nữ tín đồ, MSS κ , A, C, F, G, P
2. *pistos* – người nam tín đồ, trong một số bản Latin cổ, Vulgate MSS và bản Hy-lạp được Augustine dùng
3. *pistos ē pistē* – tín đồ nam và nữ, MS D và nhiều bản chữ nhỏ (minuscules)
4. *pistas* – các nữ tín đồ, trong một số bản Latin cổ và Vulgate MSS

Thánh Kinh Liên Hội USB⁴ xếp khả năng thứ nhất vào hạng “B”, có nghĩa gần như vậy

▣ "**hội thánh**" Xem ghi chú ở câu 1 Ti-mô-thê 3:15 và chủ đề đặc biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 3:5.

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 5: 17-22

¹⁷ Những vị trưởng lão điều hành công việc hội thánh cách tốt đẹp thì đáng được kính trọng gấp đôi, đặc biệt là những người làm việc vất vả trong chức vụ rao giảng và dạy đạo, ¹⁸ vì Kinh Thánh dạy rằng, “Người chớ khớp miệng con bò trong khi nó đập lúa,”

và

“Người làm công đáng được tiền công mình.”

¹⁹ Con đừng nhận đơn tố cáo một vị trưởng lão nào, nếu không có hai hoặc ba người làm chứng. ²⁰ Người nào cứ tiếp tục phạm tội, con hãy khiển trách trước mặt mọi người, để những người khác phải sợ.

²¹ Trước mặt Đức Chúa Trời, trước mặt Đức Chúa Giê-su Christ, và trước mặt các thiên sứ được chọn, ta tha thiết khuyên con hãy giữ những điều ấy cách vô tư, đừng làm điều gì vì thiên vị. ²² Đừng vội vàng đặt tay trên ai, và đừng dự phần vào tội lỗi của người khác; hãy giữ chính mình con cho trong sạch.

5:17 "Những vị trưởng lão" Thuật ngữ “trưởng lão” (*presbuteros*) ám chỉ người lãnh đạo theo Cựu Ước trong khi thuật ngữ “giám mục” ám chỉ lãnh đạo thành phố trong xã hội Hy-lạp. (*episkopos*, Xem 1 Ti-mô-thê 3:1). Tuy nhiên cả hai đều đồng nghĩa trong Tân Ước (Xem Công-vụ 20:17, 28 và 1 Phi-e-rơ 5:1-2, khi trưởng lão là mục sư, và trong Tích 1:5,7, trưởng lão và giám mục nói về một người). Tân Ước không thể dùng để thiết lập hình thức tổ chức hội thánh một cách độc đoán, bởi nó chứa đựng cả ba hình thức:

1. lãnh đạo bởi giám mục (Gia-cơ với tư cách lãnh đạo tuyệt đối), như các hội thánh Giám Lý / episcopalian

2. lãnh đạo bởi các trưởng lão (một nhóm xét duyệt), như các hội thánh Trưởng Lão/ presbyterian
 3. lãnh đạo theo dân chủ (hội chúng địa phương bỏ phiếu), như các hội thánh Công Lý / congregational
- Vị trưởng lão trong số nhiều ở đây và trong Công-vụ 20:17, Tích 1:5 có thể ám chỉ các hội thánh tại gia. Các hội thánh sơ khởi không có thánh đường cho đến thế kỷ thứ ba. Không có nhà nào đủ lớn để chứa hết mọi người, chính vì vậy mà các gia đình mở cửa để nhóm họp thường xuyên và như vậy cũng tránh được sự bắt bớ cùng lúc.

Không biết sự lãnh đạo trong một thành phố với các hội thánh tại gia được tổ chức như thế nào, nhưng khi hội thánh gia tăng, một hình thức tổ chức phải được hình thành. Hình thức tổ chức không quan trọng như mức độ tin kính của người lãnh đạo.

▣ **"đáng được kính trọng gấp đôi,"** – LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG THỤ ĐỘNG, đây có thể nói về việc trả lương gấp đôi, (Xem Ga-la-ti 6:6) hay mức độ kính trọng gấp đôi. (Xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:12-13). Văn cảnh tiếp theo gợi ý sự trả lương 1 Ti-mô-thê 5:18)

▣ **"đặc biệt là những người làm việc vất vả trong chức vụ rao giảng và dạy đạo,"** các trưởng lão luôn được nêu ra trong số nhiều, ám chỉ vài hội thánh trong một thành phố như Ê-phê-sô, (Xem Công-vụ 20:17 và các câu tiếp). Mục sư phải có khả năng dạy dỗ và truyền giảng. (Xem 1 Ti-mô-thê 3:2; 2 Ti-mô-thê 2:24; Ê-phê-sô 4:11).

Một số lãnh đạo có ân tứ này và người khác có ân tứ khác. Người lãnh đạo phải tập trung vào ân tứ của mình và cho phép người khác làm trọn sự thiếu thốn. Cũng có nhiều người có nhiều ân tứ một lúc. Những người làm việc trong nhiều lãnh vực cần được trả lương xứng đáng, đồng thời bảo vệ trong các lãnh vực mà họ thiếu sót. Trong khi hội thánh được phước nhờ ân tứ của một số cá nhân, hội thánh cũng nên nhớ rằng chúng ta luôn hết sức cần thiết lẫn nhau, (Xem 1 Cô-rin-tô 12:7)!

5:18 "vì Kinh Thánh dạy rằng," "Người chớ khớp miệng con bò trong khi nó đập lúa," và "Người làm công đáng được tiền công mình." Đây là các dẫn chứng từ Phục-truyền 25:4, và cũng được thấy trong 1 Cô-rin-tô 9:6-7,14. Sự đặc thù trong 1 Ti-mô-thê 5:18 là dẫn chứng Cựu Ước được đứng cùng dẫn chứng Tân Ước trong Lu-ca 10:7 ("Người lao công xứng đáng nhận tiền công"). Điều này chứng tỏ việc Phao-lô xác nhận tính thần cảm của cả Cựu Ước và Tân Ước trong giai đoạn phôi thai. Phi-ê-rô cũng viết tương tự như Phao-lô, Xem 2 Phi-ê-rô 3:15-16).

Phao-lô xác nhận khái niệm trả lương cho người lãnh đạo một cách khá thú vị:

1. Theo truyền thống Do-thái, thầy dạy luật không nhận lương, ông cũng không nhận lương từ ai, (ngoại trừ ở Phi-li-pi và Thê-sa-lô-ni-ca).
2. Đây là chủ đề tấn công Phao-lô của các giáo sư giả (như trong Cô-rin-tô, xem 2 Cô-rin-tô 11:7-9; 12:13).
3. Có thể bồi cảnh liên hệ tới giáo huấn của giáo sư giả, nhưng về điều gì thì không rõ.

5:19 Con đừng nhận đơn tố cáo một vị trưởng lão nào, nếu không có hai hoặc ba người làm chứng " "Đừng nhận" - LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH với TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH, có ý nghĩa "hãy đừng một hành động đang xảy ra" (tố cáo trưởng lão). Nó bộc lộ sự rối loạn do các giáo sư giả đang gây ra.

Bản thân câu này dựa trên luật Mô-sê (Xem Dân-số 35:30; Phục-truyền 17:6; 19:15).

5:20 Người nào cứ tiếp tục phạm tội" Xin để ý ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG. Văn cảnh ám chỉ người lãnh đạo phạm tội, (Xem 1 Cô-rin-tô 3:10-15). Đây không phải trường hợp phạm tội một lần. Phao-lô đã hướng dẫn các xử sự với tội phạm trong Rô-ma 16:17-18; 1 Cô-rin-tô 5; Ga-la-ti 6:1-5; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:14; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:6-15; 1 Ti-mô-thê 1:20; 5:19-20; và Tích 3:10-11.

▣ **"con hãy khiển trách trước mặt mọi người, để những người khác phải sợ. "** Dường như Phao-lô gợi ý kỷ luật nơi công cộng (trước các trưởng lão hoặc trước hội chúng) (Xem Ga-la-ti 2:14; Gia-cơ 5:16) khi một số trưởng lão phản đối những người:

1. vượt quá giới hạn thẩm quyền
2. quảng bá giáo huấn sai lạc
3. tham gia các hành động không thích hợp.

"**Khiên trách**" là thuật ngữ thường xuyên trong các thư Linh Vụ (Xem 2 Ti-mô-thê 4:2; Tích 1:9,13; 2:15). "**những người khác**" có thể là:

1. các hội thánh tại gia khác
2. các trưởng lão khác
3. các tín đồ khác

5:21 "Trước mặt Đức Chúa Trời, trước mặt Đức Chúa Giê-su Christ, và trước mặt các thiên sứ được chọn," Lời thề mạnh này được sử dụng vài lần trong các thư Linh Vụ: (Xem 1 Ti-mô-thê 5:21; 6:13; 2 Ti-mô-thê 4:1; và trong hàm ý tương tự 2 Ti-mô-thê 2:14). Phao-lô rất quan tâm tới thẩm quyền và nguồn gốc giáo huấn của ông.

▣ "**các thiên sứ được chọn**" Điều đáng ngạc nhiên là Phao-lô nhắc tới "thiên sứ được chọn" thay vì Đức Thánh Linh. Ý của Phao-lô ám chỉ:

1. Những thiên sứ đang phục vụ con dân Đức Chúa Trời và đang hiện diện cùng với họ (Xem Thi-thiên 138:1; 1 Cô-rin-tô 4:9; Ma-thi-ơ 18:10; Lu-ca 9:26; and Hê-bơ-rơ 1:14)
2. Các thiên sứ đặc biệt ở gần ngôi Đức Chúa Trời, liên hệ với Ngài một cách đặc thù – các thầy Ra-bi dạy có bảy thiên sứ như vậy.

Câu này phản diện trực tiếp đối với Sa-tan (Xem 1 Ti-mô-thê 5:15).

▣ "**hãy giữ những điều ấy cách vô tư, đừng làm điều gì vì thiên vị.**" Ti-mô-thê không được phép thiên vị hoặc giữ ác cảm đối với bất cứ ai. Thuật ngữ "gìn giữ" trong tiếng Hy-lạp là "canh gác". Cũng như Đức Chúa Trời canh gác chúng ta (Xem 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:2; Giu-đe 1:24) và gia sản của chúng ta (Xem 1 Phi-ê-rơ 1:4-5), chúng ta phải canh gác chân lý của Ngài. Chúng ta phải cảnh giác trước giáo huấn giả (Xem 2 Ti-mô-thê 4:15; 2 Phi-ê-rơ 3:17; 1 Giăng 5:21).

Xin để ý tính qua lại trong giao ước. Đức Chúa Trời gìn giữ / canh gác chúng ta, tín đồ cũng phải canh gác gìn giữ chân lý và bản thân. Rất có thể mệnh lệnh cho Ti-mô-thê được ban trong bối cảnh các giáo sư giả thiên vị và chia rẽ một số người, tự xưng là nhóm ưu tú, có khả năng tri thức đặc biệt và được tự do khác thường.

5:22 "Đừng vội vàng đặt tay trên ai," đây là một trong ba LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG cùng câu. Nó được giải kinh trong hai cách: (1) sự thụ phong (Xem 1 Ti-mô-thê 3:10; 4:14) hoặc (2) sự tái bổ nhiệm một trưởng lão phạm tội đã ăn năn và bị công khai, (Xem 1 Ti-mô-thê 5:20). Khả năng thứ hai có vẻ hợp lý hơn trong văn cảnh câu 24 và 25 và bối cảnh các giáo sư giả. Xin xem [CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐẶT TAY / LAYING ON OF HANDS](#) ở câu 1 Ti-mô-thê 4:14.

▣ "**và đừng dự phần vào tội lỗi của người khác;**" câu này có thể liên hệ tới việc (1) thụ phong ai quá nhanh (Xem 1 Ti-mô-thê 3:6) hoặc (2) hồi phục chức vụ trưởng lão quá vội vàng. Xin hãy nhớ việc các giáo sư giả xâm nhập hội thánh. Nếu không cẩn thận, hành động của chúng ta có thể bị hiểu lầm là xác nhận và đồng thuận với sai lầm của người khác. (Xem 2 Giăng 11).

▣ "**hãy giữ chính mình con cho trong sạch.**" Theo nghĩa đen "hãy giữ mình tinh sạch" (LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG), Xem 1 Ti-mô-thê 4:12; 5:2). Tội lỗi là

1. một thái độ
2. một hành động
3. một liên hệ

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 5:23

²³Đừng chỉ uống nước mà thôi, nhưng hãy dùng một ít rượu, vì cơ bao tử con và vì con hay đau yếu.

5:23 "Đừng chỉ uống nước mà thôi," Đây là lời bình luận ngoài lề (parenthetical comment) cho Ti-mô-thê (NET Bible, trang. 2182, #14). LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG với TIỀN TỐ 'ME', thường có nghĩa "hãy dùng một hành động đang xảy ra". Phao-lô góp ý cho Ti-mô-thê thay đổi thói quen hàng

ngày. Mệnh lệnh gìn giữ mình tinh sạch trong 1 Ti-mô-thê 5:22 không bị ảnh hưởng bởi “uống chút rượu”. Xin hãy cẩn thận về truyền thống tín lý giáo hội vượt quá phạm vi Kinh thánh.

Ti-mô-thê đang thực hành kiêng rượu tuyệt đối. Phao-lô cho biết uống một chút rượu không phải là nan đề cho hội thánh. Chúng ta nên nhớ rằng xã hội xung quanh Địa Trung Hải thường uống rượu hàng ngày. Nó có thể là (1) thêm chút rượu vào nước uống, hoặc (2) uống chút rượu khi đau bụng. Uống rượu không phải là nan đề, nan đề xảy ra khi con người tội lỗi sử dụng sai lầm và lạm dụng dẫn đến tệ nghiện rượu. Kinh Thánh phản đối tệ nghiện rượu, (Xem Châm-ngôn 23:29-35; Ê-sai 5:11,22; 28:1-8), nhưng không dạy kiêng rượu tuyệt đối (Xem 1 Ti-mô-thê 3:3,8). Trong xã hội hôm nay, chúng ta kiêng rượu vì không muốn gây vấp phạm, theo chỉ dẫn của các câu Rô-ma 14:1-15:13; 1 Cô-rin-tô 8 và 10:23-33). Tuy nhiên chúng ta phải chống lại tất cả các hình thức chủ nghĩa khổ hạnh (asceticism) (Xem Cô-lô-sê 2:20-23)! Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Thái độ đối với rượu và tệ nghiện rượu / Attitudes Toward Alcohol and Alcoholism ở câu 1 Ti-mô-thê 3:3.

▣ "nhưng hãy dùng một ít rượu, vì có bao tử con và vì con hay đau yếu." Có phải đây là hai câu minh họa một tình trạng sức khỏe của Ti-mô-thê, hay minh họa hai nan đề riêng biệt. Có phải Ti-mô-thê là người không được khỏe một cách nói chung. Nếu vậy thì ông thật là một người phi thường, đáng phục và noi gương, bởi công việc và trách nhiệm của ông rất khó nhọc và đòi hỏi

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 5:24-25

²⁴ Tội lỗi của một số người đã quá rõ ràng trước khi bị xét xử, nhưng tội lỗi của một số người khác thì chỉ lộ ra sau khi bị xét xử. ²⁵ Cũng vậy, những việc tốt thì quá rõ ràng, và ngay cả những việc không lộ ra thì cũng không thể giữ kín mãi được.

5:24-25 Câu này có thể liên hệ với lời cảnh cáo trong 1 Ti-mô-thê 5:22. Qua bông trái cuộc sống mà chúng ta có thể biết được con người (Xem Ma-thi-ơ 7). Trong văn cảnh Phao-lô ám chỉ các giáo sư giả và giáo sư thực. Phẩm chất của họ được bày tỏ qua giáo huấn và nếp sống. Tội lỗi có thể thấy rõ hoặc ẩn khuất (trong tư tưởng và động cơ, cả hai sẽ bị phán xét trong Ngày Cuối Cùng).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp anh chị em suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Liệt kê các vị trí nhân sự được trả lương trong hội thánh địa phương theo chương 5.
2. Liệt kê các tiêu chuẩn quả phụ thực được trợ cấp bởi hội thánh.
3. Các câu 7,8, và 14 liên hệ tới 1 Ti-mô-thê 3 như thế nào?
4. Các câu 20 và 24-25 liên hệ với nhau như thế nào?
5. Phải chăng Kinh Thánh dạy kiêng rượu tuyệt đối?

1 TI-MÔ-THÊ 6

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Trách nhiệm đối với người khác (5:1-6:2a)	Kính trọng người chủ 6:1-2	(5:1-6:2a)	Trách nhiệm đối với tín đồ (5:1-6:2a)	người nô lệ 6:1-2a
Giáo huấn giả và sự giàu có thực 6:2b-10	Sai lầm và lòng tham 6:3-10	Hướng dẫn cuối cùng 6:2b-10	Giáo huấn sai lầm và sự giàu có thực 6:2b-5	Giáo sư thực và giáo sư giả 6:2b-10
Chiến trận tốt của đức tin 6:11-16	Xung nhận tốt 6:11-16	6:11-16	Hướng dẫn cá nhân 6:11-16	Nhắc lại sự kêu gọi của Ti-mô-thê 6:11-16
6:17-19	hướng dẫn người giàu 6:17-19	6:17-19	6:17-19	Người Cơ-đốc giàu 6:17-19
6:20-21a	Canh giữ đức tin 6:20-21	6:20-21a	6:20-21a	Cảnh báo cuối cùng và kết luận 6:20-21
6:21b		6:21b	6:20b	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của anh chị em với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

KIỆN GIẢI THEO VĂN CẢNH

- A. Chủ đề giáo sư giả quay lại (Xem 1 Ti-mô-thê 1:3-11,19-20; 4:1-5; 6:3-11,17-19). Chủ đề này được đề cập suốt cả bức thư bởi sự xáo trộn do giáo huấn dị giáo và nan đề đạo đức của những kẻ lầm lạc.
- B. Câu 1-2 dường như không phù hợp văn cảnh, nhưng nó liên hệ tới giáo sư giả giảng dạy về các nô lệ Cơ-đốc với sự tự do mới. Thánh Kinh Liên Hội USB⁴ và bản TEV đều nhìn thấy cấu trúc phân đoạn nhấn mạnh hướng dẫn của Phao-lô cho Ti-mô-thê về cách đối xử với từng nhóm tín đồ trong hội thánh.
1. nam, nữ cao tuổi (1 Ti-mô-thê 5:1-2)
 2. quả phụ (1 Ti-mô-thê 5:3-11)
 3. trưởng lão (1 Ti-mô-thê 5:17-25)
 4. nô lệ (1 Ti-mô-thê 6:1-2)
- C. thật ngạc nhiên khi thấy thư 1 Ti-mô-thê không được kết thúc bởi sự thăm hỏi cá nhân. Phao-lô ở lại Ê-phê-sô nhiều hơn bất cứ thành phố nào, và có nhiều cơ hội truyền giáo. Ông quen biết nhiều tín đồ trong thành phố, vì sao ông chỉ chào thăm Ti-mô-thê?

Bức thư này rõ ràng được viết để đọc chung cho toàn hội thánh hoặc các hội thánh tại gia. (để ý “anh chị em, ngôi hai số nhiều” trong 1 Ti-mô-thê 6:21). Tuy nhiên đây cũng là bức thư hướng dẫn, dặn dò cá nhân cho Ti-mô-thê, đại diện của ông

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 6:1-2

Xin tất cả anh chị em là các công nhân^[a] hãy xem các chủ của mình như hoàn toàn đáng kính trọng, để danh của Đức Chúa Trời và sự dạy dỗ của chúng ta không bị người ta xúc phạm.² Những người có các chủ là tín hữu thì đừng nại có các chủ mình là anh chị em^[b] trong Chúa mà thiếu tôn trọng họ; ngược lại, càng phải phục vụ tốt hơn, vì các chủ mình, những người nhận sự phục vụ, vừa là anh chị em tín hữu mà cũng là anh chị em yêu dấu. Con hãy dạy dỗ và khuyên bảo những điều ấy.

6:1 "Xin tất cả anh chị em là các công nhân" Cơ-đốc giáo thích nghi với xã hội đương thường trong vấn đề nô lệ. Hai phần ba dân số trong xã hội La-mã là nô lệ. Nhờ chân lý, sự công chính và tình yêu của Đức Chúa Trời trong Phúc Âm đã chấm dứt nạn nô lệ. Phao-lô chọn giải quyết nan đề với thái độ tôn trọng bối cảnh xã hội, thay vì đảo lộn nó. (Ông cũng làm tương tự đối với vai trò phụ nữ)

PHAO LÔ KHUYÊN VỀ NÔ LỆ

Phao-lô's admonitions to slaves

1. Hãy thỏa lòng, nhưng nếu có cơ hội được tự do, hãy nắm lấy (I Cô rin tô 7:21-24)
2. Trong Christ không có nô lệ hay tự do (Ga la ti 3:28; Cô-lô-sê 3:11; Xem I Cô rin tô 12:13)
3. Làm việc như đang phục vụ Chúa, Ngài sẽ trả công (Ê phê sô 6:5-9; Cô-lô-sê 3:22-25; Xem I Phi ê rơ 2:18-20)
4. Trong Christ nô lệ trở nên anh em (I Ti-mô-thê 6:2; Phi-lê-môn các câu 16-17)
5. Nô lệ sống tin kính đem lại vinh hiển cho Đức Chúa Trời (I Ti-mô-thê 6:1; Tít 2:9)

Phao-lô khuyên chủ nô lệ:

Nô lệ và chủ nô lệ Cơ-đốc đều có chung một Chúa nên họ phải tôn trọng lẫn nhau. (Ê phê sô 6:9; Cô-lô-sê4:1).

▣ "hãy xem các chủ của mình như hoàn toàn đáng kính trọng, " Rõ ràng trong câu 1: Cơ-đốc nhân phục vụ chủ nhân là người không tin, và câu 2: chủ nhân là tín đồ. Cơ-đốc nhân nên cư xử với chủ nhân tin hoặc không tin một cách đem lại vinh hiển cho Chúa và phục vụ Phúc Âm của Chúa Giê-su Christ (Xem Ê-phê-sô 6:6-7). Câu 1

cũng có cùng mục đích như các câu 3:2;7;10; 5:7,8,14; và Tích 2:5, tức là “không gây có cho sự chỉ trích” Xin cũng xem ghi chú ở câu 1 Ti-mô-thê 6:14 trong chương này.

6:2 "Những người có các chủ là tín hữu thì đừng nại có các chủ mình là anh chị em^[b] trong Chúa mà thiếu tôn trọng họ; ngược lại, càng phải phục vụ tốt hơn, vì các chủ mình, những người nhận sự phục vụ, vừa là anh chị em tín hữu mà cũng là anh chị em yêu dấu. " “Thiếu tôn trọng” theo nghĩa đen "nhìn xuống" - LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG với TIỀN TỐ PHỤ ĐỊNH , ám chỉ hãy dừng một hành động đang tiếp diễn. Câu này ám chỉ tất cả những gì tín đồ thực hiện đều phải làm với phẩm chất cao nhất vì danh Đấng Christ. (Xem 1 Cô-rin-tô 10:31; Ê-phê-sô 6:6-7; Cô-lô-sê 3:17; 1 Phi-ê-rơ 4:11).

Thuật ngữ “chủ” không giống thuật ngữ thường dùng cho người sở hữu nô lệ : *kurios* (Xem Ê-phê-sô 6:5,98; Cô-lô-sê 3:22; 4:1), nhưng là *despotēs*. Thuật ngữ này ám chỉ Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con, nhưng trong các thư Linh Vụ được dùng nói về các chủ nô lệ trần thế, (Xem 1 Ti-mô-thê 6:1,2; 2 Ti-mô-thê 2:21; Tích 2:9). Phao-lô có thể dùng nhiều thư ký với cách hành văn khác nhau.

▣ **"Con hãy dạy dỗ và khuyên bảo những điều ấy"** Câu này có hai LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG, ám chỉ một ràng buộc liên tục (Xem 1 Ti-mô-thê 4:11). Phao-lô kết thúc lời khuyên trong phần đoạn trước đó, (Xem NASB, NKJV) hoặc giới thiệu phần đoạn tiếp theo, (Xem NRSV, TEV, NJB).

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 6:3-10

³ Nếu kẻ nào dạy những tín lý khác, không phù hợp với những lời dạy chân chính của Đức Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng ta, và những sự dạy dỗ phù hợp với sự tin kính, ⁴ đó là kẻ tự kiêu, chẳng hiểu biết, nhưng có tật hay bắt bẻ, và thích cãi lẽ về chữ nghĩa, rồi từ đó sinh ra ganh ghét, cãi vã, phỉ báng, và nghi ngờ sự dữ cho người khác. ⁵ Những kẻ ấy thường hay xung đột với người khác, vì tâm trí đã băng hoại, mất hết khả năng nhận thức chân lý, họ nghĩ rằng sự tin kính chỉ là nguồn lợi. ⁶ Nhưng sự tin kính và sự thỏa lòng là một lợi lớn, ⁷ vì khi ra đời chúng ta chẳng đem gì theo, khi qua đời chúng ta cũng không thể đem gì theo. ⁸ Vậy hãy ăn đủ mặc, chúng ta hãy thỏa lòng với những điều ấy. ⁹ Còn những ai ham muốn giàu sang ắt sa vào chước cám dỗ, dính vào cạm bẫy, rơi vào những ham muốn điên rồ và nguy hại, đó là những thứ khiến người ta lao mình vào sự hủy hoại và diệt vong. ¹⁰ Thật vậy sự mê tham tiền bạc là căn nguyên của mọi điều xấu. Một số người vì ham tiền mà đã mất đức tin và chước lấy cho mình biết bao điều đau khổ.

6:3 "nếu" -CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (giả thiết sẽ điều đó có thực) tiếp tục theo văn cảnh từ 1 Ti-mô-thê 6:3 đến 1 Ti-mô-thê 6:5. Đây là các giáo sư giả là những người từ chối giáo huấn của Phao-lô, (Xem 1 Ti-mô-thê 1:3-7; 4:1-3).

▣ **"kẻ nào dạy những tín lý khác, "** “Khác” - thuật ngữ Hy-lạp *heteros*, có nghĩa “một cá thể khác, không cùng nòi giống” Giáo huấn giả là sự kết hợp giữa luật pháp hóa Do-thái giáo triết học Hy-lạp, tương tự như ở Cô-lô-sê và Ê-phê-sô.

▣ **"không phù hợp với những lời dạy chân chính "** xem ghi chú ở câu 1 Ti-mô-thê 1:10.

▣ **"của Đức Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng ta,** Phao-lô khẳng định nguồn gốc của “lời dạy chân chính” bắt đầu từ giáo huấn của Chúa Giê-su, được ban cho Phao-lô. Các giáo sư giả từ chối lời của cả Đấng Christ và của sứ đồ.

▣ **"và những sự dạy dỗ phù hợp với sự tin kính,"** Xem ghi chú ở câu 1 Ti-mô-thê 2:2. Giáo huấn của Đấng Christ luôn có mục đích gây dựng sự tin kính (Xem 1 Ti-mô-thê 3:16). Các giáo sư giả luôn tìm cách tách biệt chân lý khỏi nếp sống, tách biệt sự tuyên xưng công nghĩa khỏi sự nên thánh, tách biệt chân lý khỏi sự tin kính trong Phúc Âm. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:7). See [CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THÁNH KHIẾT VÀ NÊN THÁNH THEO TÂN ƯỚC \(NEW TESTAMENT HOLINESS / SANCTIFICATION\)](#) ở câu 2 Ti-mô-thê 2:21.

6:4

VB1925: “lên mình kiêu ngạo”
RVV11: “kẻ kiêu ngạo”
NASB, NRSV "tự phụ"
NKJV, NJB "hắn la kẻ kiêu ngạo"
TEV "phồng lên với sự kiêu ngạo"

Đây là lời LỜI CHỈ ĐỊNH hội thánh HÌ HOÀN THÀNH DẠNG THỤ ĐỘNG. Nghĩa đen là “mù lòa vì khói” kiêu căng (Xem 1 Ti-mô-thê 3:6; 6:4; 2 Ti-mô-thê 3:4). Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THÓI XẤU VÀ ĐỨC HẠNH TRONG TÂN ƯỚC (VICES AND VIRTUES in the NT) ở câu 1 Ti-mô-thê 1:9.

▣ "đó là kẻ tự kiêu, chẳng hiểu biết, nhưng có tật hay bắt bẻ, và thích cãi lẽ về chữ nghĩa," Trong suốt các thư Linh Vụ luôn có những nhắc nhở liên tục cho Ti-mô-thê đừng tham gia sự tranh luận vô bổ với các giáo sư giả. (Xem 1 Ti-mô-thê 1:3,4; 4:7; 2 Ti-mô-thê 2:14; 4:4; Tích 1:14). Tôi trộm nghĩ: điều đó có nên áp dụng hôm nay không?

Thuật ngữ “có tật” theo nghĩa đen là “mắc bệnh”. Qua ẩn dụ nó ám chỉ lòng ham muốn mạnh mẽ về một thứ nào đó, ở đây thay vì mong muốn sự tin kính, họ mong muốn kiến thức huyền bí về những lãnh vực không được bày tỏ, hoặc những lãnh vực bên ngoài chân lý. Họ chỉ muốn cãi cọ về tín lý không rõ ràng, chỉ gây tranh luận và chia rẽ vì kiêu căng.

Càng cao tuổi tôi càng biết mình biết ít và càng thấy mình phước hạnh vì không biết hết tất cả. Chân lý căn bản của Cơ-đốc giáo cần được hiểu rõ và nhắc đi nhắc lại. Tuy nhiên chúng ta tranh cãi vô bổ để biết từng chi tiết và ứng dụng, tìm cách đan dệt một mạng lưới thần học có vẻ hợp lý bao gồm các suy diễn câu khó, câu gián tiếp, mang tính khái thị và tiên tri. Chúng ta lên mặt về hệ thống thần học chi tiết, thay vì về mối liên hệ với Đấng Christ. Cũng có thể việc một nhà thần học độc đoán chui qua một lỗ kim khâu khó hơn một người giàu!

Hãy truyền giảng chân lý rõ ràng, bàn luận các phạm vi trong yêu thương, hãy nhân hậu với mọi người. Sự trưởng thành sẽ khiến chúng ta phán xét ít đi và giống Chúa Giê-su nhiều hơn

6:5 "tâm trí đã băng hoại," Có thể (1) cả văn cảnh nói về các giáo sư giả, hay (2) vài câu đầu nói về giáo sư giả, và các câu tiếp theo nói về sự rối loạn mà họ gây ra cho hội thánh địa phương (Xem Arichea and Hatton's *A Handbook on Phao-lô's Letters to Ti-mô-thê and Tích*, UBS). Tôi nghĩ rằng có một số quả phụ trẻ, hoặc có thể một số nô lệ (Xem 1 Ti-mô-thê 6:1-2), trở nên tay chân cho các giáo sư giả (Xem Gordon Fee's *First and Second Ti-mô-thê and Tích* trong cuốn giải kinh New International Biblical Commentary Vol. 13).

▣ "mất hết khả năng nhận thức chân lý," Cả hai vế cuối đều là ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HOÀN THÀNH DẠNG THỤ ĐỘNG, ám chỉ một tình trạng cứng lòng bởi tác động bên ngoài, tức là của ma quỷ, (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 3:6). Ma quỷ là cha đẻ của sự dối trá, của sự suy đoán tôn giáo và của chủ nghĩa ưu tú thần học. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Chân Lý / Truth at 1 Ti-mô-thê 2:4.

họ nghĩ rằng sự tin kính chỉ là nguồn lợi.

RVV11 “xem sự tin kính như là phương tiện trục lợi.”
VB1925: “coi sự tin-kính như là nguồn lợi vậy.”
NASB "người coi sự tin kính là phương tiện trục lợi"
NKJV “coi sự tin kính là phương tiện kiếm lời”
NRSV "coi sự tin kính là phương tiện kiếm lời"
TEV "trông tượng sự tin kính là phương tiện kiếm lời"
NJB "Họ nghĩ rằng tín ngưỡng là con đường trở nên giàu sang"

Câu này có thể hiểu theo hai cách: (1) các giáo sư giả dạy thần học thịnh vượng, giàu sang, hoặc (2) họ áp đặt lệ phí cho sự giảng dạy (Xem Tích 1:11; 2 Phi-ê-rơ 2:3). Khả năng thứ hai có lẽ thích hợp hơn.

Bản dịch King James Version thêm phần cuối câu cho 1 Ti-mô-thê 6:5, "hãy tránh xa những người như vậy". Phần thêm này chỉ thấy trong bản The Corrector từ thế kỷ thứ năm, (Greek uncial manuscript D). Nó không có mặt trong các bản cổ hơn κ , A, D*, F, hoặc G. Thánh Kinh Liên Hội USB⁴ xếp sự thiếu phần thêm ở trên vào hạng "A" (chắc chắn là vậy).

Về "sự tin kính" xin tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:7.

6:6 "Nhưng sự tin kính và sự thỏa lòng là một lợi lớn, " Câu này căn bản không nói về sự tự mãn dựa trên tài nguyên cá nhân hoặc hoàn cảnh, nhưng Đức Thánh Linh khích lệ sự nhờ cậy nơi Đức Chúa Trời trong Đấng Christ (Xem Phi-líp 4:11-13).

6:7 " vì khi ra đời chúng ta chẳng đem gì theo" Đây là câu gợi nhớ từ Cựu Ước (Xem Gióp 1:21; Thi-thiên 49:17; Truyền-đạo 5:15). Nó giải thích cho câu 1 Ti-mô-thê 6:6. Các câu 6 và 8 có vẻ giống như triết học Stoic Hy-lạp. Nhiều thói tốt, thói xấu mà Phao-lô đưa ra đều khá giống danh sách của các văn sỹ Hy-lạp. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Cách Phao-lô sử dụng thuật ngữ Kosmos / Paul's Use of *Kosmos* ở câu 1 Ti-mô-thê 1:15.

Bản Anh ngữ KJV thay chữ "vì" bằng cụm từ: "chắc chắn là". Sự thay đổi này có mặt trong các bản MSS κ ² and D², và một số bản Old Latin, Vulgate, và Syrian. Các bản MS D và một số Old Latin, Vulgate, và Syriac có chữ "thực" đứng trước chữ "vì". Thánh Kinh Liên Hội UBS⁴ xếp khả năng ngắn (không có sự thêm vào) vào hạng "A", (chắc chắn như vậy)

6:8 Vậy hãy đủ ăn đủ mặc, chúng ta hãy thỏa lòng với những điều ấy Tín đồ cần phải thỏa lòng với sự cung ứng của Đức Chúa Trời trong cuộc sống hàng ngày (Xem Châm-ngôn 30:8; Ma-thi-ơ 6:11). Phao-lô sử dụng thuật ngữ "kiếm lời" trong câu 1 Ti-mô-thê 6:5 với mục đích nhấn mạnh lòng tham của các giáo sư giả, (Xem 1 Ti-mô-thê 6:6-10 and 17-19).

Chủ Đề Đặc Biệt: SỰ GIÀU CÓ

Wealth

- I. Quan điểm tổng thể từ Cựu Ước.
 - A. Đức Chúa Trời làm chủ tất cả:
 1. Sáng Thế 1-2
 2. Sứ Ký 29:11
 3. Thi Thiên 24:1; 50:12; 89:11
 4. Ê-sai 66:2
 - B. Con người chỉ là quản gia tài sản vì mục đích, chương trình của Đức Chúa Trời:
 1. Phục Truyền 8:11-20
 2. Lê-vi ký 19:9-18
 3. Gióp 31:16-33
 4. Ê-sai 58:6-10
 - C. Tài sản là một phần của sự thờ phượng.
 1. hai loại "phần mười"
 - a. Dân Số 18:21-29; Phục Truyền 12:6-7; 14:22-27
 - b. Phục Truyền 14:28-29; 26:12-15
 2. Châm Ngôn 3:9
 - D. Tài sản là món quà của Đức Chúa Trời cho sự vâng phục giao ước.
 1. Phục Truyền 27-28
 2. Châm Ngôn 3:10; 8:20-21; 10:22; 15:6
 - E. Cảnh cáo việc gia tăng tài sản của mình bởi sự thiệt thòi của người khác.
 1. Châm Ngôn 21:6
 2. Giê-rê-mi 5:26-29
 3. Ô-sê 12:6-8
 4. Mi-chê 6:9-12
 - F. Tài sản không phải là tội lỗi, nếu như nó không phải là sự tối ưu.
 1. Thi Thiên 52:7; 62:10; 73:3-9

2. Châm Ngôn 11:28; 23:4-5; 27:24; 28:20-22

3. Gióp 31:24-28

II. Quan điểm đặc biệt trong Châm ngôn.

A. Tài sản trong khía cạnh sự cố gắng cá nhân

1. lười nhác bị phê phán – Châm Ngôn 6:6-11; 10:4-5,26; 12:24,27; 13:4; 15:19; 18:9; 19:15,24; 20:4, 13; 21:25; 22:13; 24:30-34; 26:13-16

2. siêng năng được khích lệ. Châm Ngôn 12:11,14; 13:11

B. Sự nghèo khó và giàu có được dùng để mô tả công chính và gian ác. Châm Ngôn 10:1 và các câu tiếp; 11:27-28; 13:7; 15:16-17; 28:6,19-20

C. Sự khôn ngoan (biết Chúa và biết đường lối của Ngài) tốt hơn sự giàu có. Châm Ngôn 3:13-15; 8:9-11,18-21; 13:18

D. Cảnh cáo và khích lệ

1. cảnh cáo

a. cẩn thận khi cho hàng xóm vay mượn. – Châm Ngôn 6:1-5; 11:15; 17:18; 20:16; 22:26-27; 27:13

b. cẩn thận khi làm giàu một cách bất chính. – Châm Ngôn 1:19; 10:2,15; 11:1; 13:11; 16:11; 20:10,23; 21:6; 22:16,22; 28:8

c. cẩn thận đừng vay mượn – Châm Ngôn 22:7

d. ý thức được sự mỏng manh của tài sản – Châm Ngôn 23:4-5

e. tài sản không giúp gì trong ngày phán xét. – Châm Ngôn 11:4

f. người giàu có nhiều “anh chị em” – Châm Ngôn 14:20; 19:4

2. khích lệ

a. sự rộng rãi được khích lệ – Châm Ngôn 11:24-26; 14:31; 17:5; 19:17; 22:9,22-23; 23:10-11; 28:27

b. công nghĩa tốt hơn tài sản – Châm Ngôn 16:8; 28:6,8,20-22

c. nên cầu nguyện cho nhu cầu, không cho sự dư dật. Châm Ngôn 30:7-9

d. ban cho người nghèo tức là cho Chúa mượn. – Châm Ngôn 14:31

III. Quan điểm trong Tân Ước:

A. Chúa Giê-su

1. Sự giàu có là nguồn cám dỗ khi đặt lòng tin cậy vào bản thân và con người hơn vào Đức Chúa Trời và tài nguyên của Ngài.

a. Ma-thi-ơ 6:24; 13:22; 19:23

b. Mác 10:23-31

c. Lu-ca 12:15-21,33-34

d. Khải Huyền 3:17-19

2. Đức Chúa Trời sẽ cung ứng mọi nhu cầu cho chúng ta.

a. Ma-thi-ơ 6:19-34

b. Lu-ca 12:29-32

3. Gieo - gặt là nguyên tắc thuộc thể và thuộc linh.

a. Mác 4:24

b. Lu-ca 6:36-38

c. Ma-thi-ơ 6:14; 18:35

4. lòng ăn năn ảnh hưởng tới sự giàu có

a. Lu-ca 19:2-10

b. Lê-vi ký 5:16

5. bóc lột người khác bị lên án.

a. Ma-thi-ơ 23:25

b. Mác 12:38-40

6. Sự phán xét cuối cùng liên hệ tới cách sử dụng tài sản - Ma-thi-ơ 25:31-46

B. Phao-lô

1. quan điểm thuộc thể giống như quan điểm Châm Ngôn (công việc)

a. Ê-phê-sô 4:28

- b. Tê-sa-lô-ni-ca 4:11-12
 - c. Tê-sa-lô-ni-ca 3:8,11-12
 - d. Ti-mô-thê 5:8
2. quan điểm thuộc linh giống quan điểm của Chúa Giê-su.
- a. Ti-mô-thê 6:6-10 (sự thỏa lòng)
 - b. Phi-líp 4:11-12 (sự thỏa lòng)
 - c. Hê-bơ-rơ 13:5 (sự thỏa lòng)
 - d. Ti-mô-thê 6:17-19 (rộng lòng, tin cậy Đức Chúa Trời)
 - e. 1 Cô-rin-tô 7:30-31 (không gấn bó)

Kết luận.

- D. Không có một hệ thống thần học chuyên về sự giàu có.
- E. Không có các phân đoạn dứt khoát về sự giàu có, chúng ta cần phải tham khảo các phân đoạn khác và cẩn thận đừng áp đặt quan điểm riêng của mình vào một cá nhân.
- F. Châm ngôn được viết bởi nhà Khôn Ngoan (sages), có quan điểm khác biệt so với các thể loại văn chương Kinh Thánh khác. Châm ngôn có áp dụng thực tế và cho cá nhân. Châm ngôn phải được quân bình với các phân đoạn Kinh Thánh khác, (xem Giê-rê-mi 18:18).
- G. Nhu cầu chúng ta ngày nay cần phải đem so sánh với ánh sáng Thánh Kinh về tài sản. Thường chúng ta áp dụng các nguyên tắc tư bản và cộng sản. Câu trả lời cho câu hỏi “vì sao và cách nào” giúp một cá nhân thành công quan trọng hơn “bao nhiêu” tiền bạc người đó có.
- H. Sự thu thập tài sản phải liên hệ với sự quản trị tín kính và thờ phượng, (xem 2 Cô-rin-tô 8-9).

6:9 "Còn những ai ham muốn giàu sang ắt sa vào chước cám dỗ," Tín đồ có thể đem họa vào mình bởi ham muốn trần thế, quyền lực và sự ca tụng người đời (Xem Châm-ngôn 23:4; 28:20; Ma-thi-ơ 6:19-34).

"Cám dỗ" trong tiếng Hy-lạp là *peirasmos*.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THUẬT NGỮ VÀ HÀM Ý CHO “THỬ NGHIỆM” TRONG TIẾNG HY LẠP **Greek Terms For Testing And Their Connotations**

Có hai thuật ngữ Hy-lạp với ý nghĩa thử nghiệm con người hoặc dụng ý .

1. *Dokimazō, Dokimion, Dokimasia*

Thuật ngữ dùng trong việc tôi luyện kim loại, một ẩn dụ về xác định tính thực chất của một chất liệu qua lửa. (xem chủ đề đặc biệt ‘Lửa’. Lửa bày tỏ kim loại thực và đốt cháy chất dơ. Một quá trình vật lý hùng mạng được dùng bởi Đức Chúa Trời và Sa-tan và con người để thử thách. Thuật ngữ này được dùng với ý nghĩa tích cực, tìm kiếm điều tốt và sự chấp nhận. (Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chúa thử thách con người trong Cựu-ước.

Thuật ngữ này được sử dụng trong Tân-ước:

- a. thử bò – Lu-ca 14:19
- b. thử bản thân chúng ta – 1 Cô-rin-tô 11:28
- c. thử niềm tin chúng ta – Gia-cơ. 1:3
- d. thử Đức Chúa Trời – Hê-bơ-rơ 3:9

Kết quả thử nghiệm theo thuật ngữ này thường là tốt (theo Rô-ma. 2:18; 14:22; 16:10; 2 Cô-rin-tô 10:18; 13:3,7; Phi-líp 2:27; 1 Phi-ê-rơ 1:7), vì vậy thuật ngữ này bao gồm ý tưởng một người được thử nghiệm và chấp nhận.

- a. là người thành tín, đáng tin
- b. là người thiện
- c. là người thực
- e. là người đáng tôn trọng
- f. là người đáng giá

2. *Peirazō, Peirasmus*

Thuật ngữ này mang ý nghĩa thử nghiệm để tìm ra điều xấu và không đáng chấp nhận. Nó được dùng

ngay cả đối với Chúa Giê-su khi bị thử thách trong đồng vắng.

- a. bao gồm sự cố gắng cài bẫy Chúa Giê-su (theo Ma-thi-ơ. 4:1; 16:1; 19:3; 22:18, 35; Mác 1:13; Lu-ca 4:2; Hê-bơ-rơ 2:18).
- b. Danh hiệu (*peirazōn* có gốc từ thuật ngữ này là ‘kẻ cám dỗ’ kẻ thử thách’ được gán cho Sa-tan , Ma-thi-ơ. 4:3; 1 Thê sa lô ni ca 3:5

Cách sử dụng: Chúa Giê-su cảnh cáo việc thử nghiệm Đức Chúa Trời (theo Ma-thi-ơ. 4:7; Lu-ca 4:12, [or Christ theo 1 Cor 10:9]). Cũng mang ý nghĩa thử làm một việc khi việc đó đã từng thất bại (theo Hê-bơ-rơ 1:29). Và đồng thời mang ý nghĩa ‘cám dỗ’ và ‘thử thách’ Tín Đồ, (theo 1 Cô-rin-tô 7:5; 10:9, 13; Ga-la-ti 6:1; 1 Thê sa lô ni ca 3:5; Hê-bơ-rơ 2:18; Gia-cơ. 1:2, 13, 14; 1 Phi-ê-rơ 4:12; 2 Pet 2:9).

▣ "**dính vào cạm bẫy**" Có những khác biệt giữa các văn bản.

1. Cạm bẫy – MSS Ɀ, A, D², H
2. Các cạm bẫy – minuscules 33, 1175, và the Peshitta và Coptic
3. Cạm bẫy của ma quỷ – MSS D^{*}, F, G, và bản the Old Latin

Thánh Kinh Liên Hội USB4 xếp khả năng thứ nhất vào hạng "A" có nghĩa là chắc chắn như vậy..

▣ "**sự hủy hoại và diệt vong.** " Khái niệm này được dùng vài lần trong Tân Ước (Xem Ma-thi-ơ 7:13; Rô-ma 9:22; Phi-líp 1:28; 3:19; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3; 2 Phi-ê-rơ 2:1; 3:7; Khải Huyền 17:8-11). Đây không minh họa quan điểm thần học về sự hủy diệt nhưng là ẩn dụ về sự kết thúc sự sống thuộc thể một cách mãnh liệt, Xin tham khảo chủ đề hủy diệt trong cuốn sách , *The Fire That Consumes*, trong đó tác giả Edward Fudge khẳng định những người hư mất thuộc linh sẽ không chịu đựng sự chia cách đời đời, nhưng chấm dứt tồn tại. Những người theo chủ nghĩa hủy diệt hiểu câu này theo nghĩa đen. “Chấm dứt tồn tại” khẳng định tính nhân đạo của Đức Chúa Trời hơn là địa ngục đời đời. Tuy nhiên thuật ngữ *aiōnion* được dùng để miêu tả thiên đàng đời đời cũng như địa ngục đời đời, Ma-thi-ơ 25:46, (tức nếu có thiên đàng đời đời thì cũng có địa ngục đời đời)

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỜI ĐỜI (*aiōnios*)

Eternal

Robert B. Girdlestone, trong cuốn *Synonyms of the Old Testament*, có lời bình luận khá thú vị cho thuật ngữ “đời đời”

"Tính từ “đời đời” (*aiōnios*) được sử dụng tới 40 lần trong Tân Ước miêu tả sự sống đời đời là món quà, là điều hứa hẹn cho tương lai. Nó cũng áp chỉ sự vĩnh hằng vô tận của Đức Chúa Trời, Rô-ma 16.26; sự công hiệu cứu rỗi không bao giờ ngừng của Đấng Christ, Hê-bơ-rơ 9.12; 13.20; và cho thời đại đã qua như “muôn đời về trước” Rô-ma 16.25; 2 Ti-mô-thê 1.9; Tít 1.2.

Thuật ngữ này được dùng miêu tả ngọn lửa đời đời, Ma-thi-ơ 18.8; 25.41; Giu-đe 1:7; phán xét đời đời, Ma-thi-ơ 25.46; phán xét và kết tội đời đời, Mác 3.29; Hê-bơ-rơ 6.2; hủy diệt đời đời, 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:9. Những từ thuật này ám chỉ sự cuối cùng, một khi bản án đã tuyên ra, thời gian thử nghiệm sẽ kết thúc, cơ hội để thay đổi sẽ hết, hết tuyệt đối và hết vĩnh viễn. Chúng ta biết rất ít về tương lai, về mối liên hệ con người với các thực thể còn lại, về trọng lượng của sự vô tin trong ánh sáng của sự vĩnh cửu. Thêm ý mình vào lời của Đức Chúa Trời cũng nghiêm trọng như lấy ý Ngài khỏi Kinh Thánh. Nếu còn mò mẫm trong tín lý phán xét đời đời, chúng ta hãy kiên nhẫn chờ đợi, bám chặt vào Phúc Âm tình yêu của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ, và chấp nhận có những lĩnh vực phía sau mà chúng ta không thể hiểu được" (pp. 318-319).

Copyright © 2014 [Bible Lessons International](http://www.biblelessons.org)

6:10 “Thật vậy sự mê tham tiền bạc là căn nguyên của mọi điều xấu. ” Câu này có thể là một châm ngôn quen biết thời đó. Tiền bạc không phải là nan đề, nan đề là tình yêu đối với tiền bạc. Tiếng Hy-lạp không có MAO TỬ CHỈ ĐỊNH cho “căn nguyên”, “mê tham tiền bạc” là một trong nhiều nan đề (Xem 2 Ti-mô-thê 2:25-26; 3:2-5,7-9). Tiền bạc là công cụ, chứ không phải là mục tiêu. Nó không thể trở nên thần tượng, (ma-môn, Xem Ma-thi-ơ 6:24; Lu-ca 16:9-13).

Các bản dịch anh ngữ NASB, NKJV and NRSV, cố gắng làm nhẹ ngôn ngữ phóng đại trong nguyên bản Hy-lạp (Nghĩa đen: “căn nguyên cho tất cả điều xấu” bằng cách thêm chữ “các loại. Tiền bạc không chỉ là sự cám dỗ,(Xem Cô-lô-sê 3:5), nhưng là sự cám dỗ nghiêm trọng (Xem 1 Ti-mô-thê 3:3).

▣ **"Một số người vì ham tiền mà đã mất đức tin"** Phải chăng đức tin ở đây nói về sự cứu rỗi hay nói về nếp sống tin kính? Trong văn cảnh, các giáo sư giả đã rời khỏi đức tin và lôi kéo người khác, (Xem Mác 13:22). Lòng tham, sự lạm dụng tài chính (và tình dục) cùng với sự tự xưng có được tri thức đặc biệt, và thuộc nhóm ưu tú, đó là những đặc tính đặc thù của các giáo sư giả. Khi tiền bạc trở mục đích tối hậu, nó trở nên thần tượng Ma-môn, Ma-thi-ơ 6:24. Ma-môn được viết hoa trong bản dịch NASB vì nó là thần tài của người Sy-ria. Lòng yêu tiền bạc đưa đến việc thờ lạy nó, và trở nên tai họa trong đời này và đời sau, (Xem 1 Ti-mô-thê 4:1; 5:8; 2 Ti-mô-thê 2:25-26; Títíc 1:16).

Cũng khó phân biệt ranh giới giữa giáo sư giả hư mắt và một tín đồ bị lừa. Nhiều lúc họ ăn nói và cư xử khác nhau, chỉ có Đức Chúa Trời biết được tâm lòng họ. Ngày sẽ có sự phán quyết cuối cùng. Lời của Chúa Giê-su "qua bông trái các ngươi sẽ biết họ" trong Ma-thi-ơ 7 và chuyện ngụ ngôn về những mảnh đất, chương 13 khiến nhiều người trong thần học hệ thống trở nên không vui. Xem [CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ BÔI ĐẠO / APOSTASY \(APHISTĒMI\)](#) ở câu 1 Ti-mô-thê 4:1).

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 6:11-16

¹¹ Nhưng con là người của Đức Chúa Trời, hãy tránh xa những điều ấy, và hãy tìm kiếm công chính, tin kính, đức tin, tình yêu, kiên trì, và khiêm tốn. ¹² Hãy chiến đấu anh dũng vì đức tin, giữ chặt lấy sự sống đời đời là sự sống mà con đã được gọi đến khi con tuyên xưng những lời tuyên xưng cao quý trước mặt nhiều nhân chứng.

¹³ Trước mặt Đức Chúa Trời, Đấng ban sự sống cho mọi loài, và trước mặt Đức Chúa Giê-su Christ, Đấng đã làm chứng những lời chứng cao quý trước mặt Pôn-tơ Phi-lát, ta truyền cho con:

¹⁴ Hãy vâng giữ mạng lệnh này một cách trọn vẹn, không chỗ chê trách được, cho đến khi Đức Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng ta, hiện ra. ¹⁵ Đó là điều Đấng Chủ Tể phước hạnh và duy nhất, Vua của các vua, Chúa của các chúa, sẽ bày tỏ vào đúng thời điểm của Ngài; ¹⁶ duy chỉ Ngài là Đấng Trường Sinh Bất Tử, ngự giữa ánh sáng không thể đến gần, Đấng chưa hề có ai thấy hoặc có thể thấy. Nguyện tôn quý và quyền năng thuộc về Ngài đời đời. A-men.

6:11 "hãy tránh xa những điều ấy, " Ti-mô-thê được truyền lệnh (LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG , Xem 2 Ti-mô-thê 2:22) chạy trốn khỏi nhiều điều đã được bàn đến trong 1 Ti-mô-thê 6:3-10 (i.e., những cuộc tranh luận vô tận và hoặc lòng tham tiền bạc). Đây là những điều ông phải truyền giảng và dạy dỗ, (Xem 1 Ti-mô-thê 5:1-6:2a. Cơ-đốc giáo là sự lựa chọn khởi đầu và liên tục.

Nhưng con là người của Đức Chúa Trời

RVV11; "nhưng hỡi con là người của Đức Chúa Trời"

VB1925: "Hỡi người của Đức Chúa Trời"

NASB, NRSV

TEV "hỡi người, người của Đức Chúa Trời "

NKJV "hỡi người của Đức Chúa Trời "

NJB "như một người biệt riêng cho Đức Chúa Trời "

Đây là danh hiệu kính trọng từ trong Cựu Ước đối với Mô-sê (i.e., Phục-truyền 33:1; Giô-suê 14:6), Ê-li-, Ê-li-sê, Sa-mu-en, Đa-vít và một tiên tri vô danh (i.e., 1 Sa-mu-en 2:27; 1 Các-vua 12:22; 13:1). trong 2 Ti-mô-thê 3:16,17 được dùng cho tác cá các tín đồ được trang bị lời Chúa. Các giáo sư giả không phải là người của Đức Chúa Trời và không được trang bị bởi lời Ngài.

▣ **"và hãy tìm kiếm "** LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG , ám chỉ một mệnh lệnh mang tính chất liên tục. Mệnh lệnh trước đó “hãy chạy trốn” mang ý nghĩa tiêu cực, mệnh lệnh ở đây “hãy tìm kiếm” mang ý nghĩa tích cực. Cả hai đều quan trọng trong giảng dạy và nếp sống công chính cá nhân.

▣ **"công chính"** Âm chỉ nếp sống thánh khiết (Xem Gia-cơ 3:13-18), chứ không phải được tuyên xưng công nghĩa, như trong Rô-ma 4. Các chương Rô-ma 1-8 nói về địa vị (được tha thứ) trong Đấng Christ. Các thư Linh Vụ nói về sở hữu công chính (sự nên thánh, tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 2 Ti-mô-thê 2:21).

Về "công chính" xin xem [CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÔNG CHÍNH / RIGHTEOUSNESS](#) ở câu Tịch 2:12.

Danh mục các phẩm chất giống Đấng Christ hoàn toàn đối nghịch với nếp sống của các giáo sư giả. "Bởi bông trái các ngươi sẽ biết họ", (Xem Ma-thi-ơ 7).

▣ **"tin kính"** là chủ đề lặp lại thường xuyên, (Xem 1 Ti-mô-thê 3:10; 4:7-8; 6:3,5-6; 2 Ti-mô-thê 3:5, Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:7). Sự sống đời đời (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:7) có những đặc tính có thể quan sát. Sự biết Đức Chúa Trời chính là lòng mong ước trở nên giống như Ngài, (Xem Ma-thi-ơ 5:48).

kiên trì,

RVV11: "kiên nhẫn"

VB1925: "nhịn nhục"

NASB, NJB "bền đỗ"

NKJV "kiên nhẫn"

NRSV, TEV "bền bỉ"

Thuật ngữ Hy-lạp *hupomonē* có vài ý nghĩa trong tiếng Anh. Trong cuốn từ điển *A Greek-English Lexicon of the New Testament*, Bauer, Arndt, Gingrich, và Danker cho rằng thuật ngữ này liên hệ tới chịu đựng sự vất vả và đau khổ (trang 846). Ti-mô-thê phải đối diện với (1) nan đề (2) những kẻ gây ra nan đề và (3) nạn nhân của nan đề, với sự kiên nhẫn bền bỉ, Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:16.

▣ **"và khiêm tốn"** Không chỉ kiên nhẫn, nhưng Ti-mô-thê phải trung tín. Yêu thương và nhẹ nhàng, (Xem 1 Ti-mô-thê 3:3; 2 Ti-mô-thê 2:25; Tịch 3:3; Ga-la-ti 6:1; Gia-cơ 1:21; 3:13,17; 1 Phi-ê-rơ 2:18; 3:4).

6:12 "Hãy chiến đấu anh dũng vì đức tin," LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH

(deponent). **ĐỘNG TỪ GỐC** và **DANH TỪ** được dùng trong ẩn dụ ở đây đề nhấn mạnh tính cạnh tranh của vận động viên (Xem 1 Ti-mô-thê 1:18; Hê-bơ-rơ 12:1-3) và quân đội (Xem Ê-phê-sô 6:10-18) (Phao-lô cũng dùng câu "đánh trận tối lành" Xem 2 Ti-mô-thê 4:7). Chúng ta có từ "agony" từ gốc Hy-lạp, có nghĩa là "vật lộn trong đau đớn"

▣ **"giữ chặt lấy sự sống đời đời"** LỜI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ DẠNG TRUNG CÁCH (Xem 1 Ti-mô-thê 6:19). Đây là hình ảnh vận động viên tiếp nhận vương miện vô địch cuộc đua. Nhân loại cần phải đáp ứng lời mời gọi (Xem 1 Ti-mô-thê 6:12b) và tiếp tục bước đi trong đức tin. Bước thứ hai chỉ ra quyền năng bảo vệ của Đức Chúa Trời (Xem 1 Ti-mô-thê 6:12c). Đó là hai vế quan trọng sự cứu rỗi theo giao ước, tuy mang tính nghịch lý nhưng là lẽ thật. Sự sống đời đời là chung kết của hy vọng trong Phúc Âm, (sự vinh hiển, Xem Rô-ma 8:30).

▣ **"là sự sống mà con đã được gọi đến"** nhấn mạnh sự chọn lựa và sự bảo vệ của Đức Chúa Trời, (Xem 1 Cô-rin-tô 1:9) kết hợp với đức tin liên tục của chúng ta. Sự lựa chọn tiền định và sự bền đỗ phải đi cùng với nhau, như hai mặt của một đồng xu.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CÂN BẰNG THẦN HỌC GIỮA THUYẾT LỰA CHỌN VÀ TIỀN ĐỊNH **Election/Predestination And The Need For A Theological Balance**

Sự lựa chọn là một tín lý tuyệt diệu. Tuy nhiên, nó không kêu gọi hướng đến sự thiên vị, nhưng hướng đến việc làm một kênh dẫn, một công cụ hay phương tiện để đem sự cứu rỗi đến cho người khác! Trong Cựu Ước từ ngữ này chủ yếu được dùng để chỉ sự phục vụ; trong Tân Ước nó được dùng chủ yếu cho sự cứu rỗi dẫn đến sự phục vụ. Kinh thánh chưa bao giờ hòa giải điều dường như mâu thuẫn giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người, nhưng nó đều khẳng định cả hai điều này! Một ví dụ rõ ràng về sự căng thẳng trong Kinh thánh là trong Rô-ma 9 về quyền lựa chọn tối thượng của Đức Chúa Trời và Rô-ma 10 về sự đáp ứng thích

hợp của con người (10:11,13).

Chìa khóa giải quyết mâu thuẫn thần học này có thể được tìm thấy trong Ê-phê-sô 1:4. Chúa Giê-xu là người được Đức Chúa Trời chọn và cả nhân loại đều có tiềm năng được chọn qua Ngài (Karl Barth). Chúa Jê-sus là câu trả lời “vâng” của Đức Chúa Trời để đáp lại nhu cầu của con người (Karl Barth). Ê-phê-sô 1:4 cũng giúp làm rõ vấn đề này bằng cách khẳng định rằng mục đích của sự tiền định không phải là thiên đàng, nhưng là sự thánh khiết (sự giống với Đấng Christ). Chúng ta thường bị cuốn hút bởi những ích lợi của Phúc âm mà lơ đi những trách nhiệm từ chính Phúc âm! Sự kêu gọi (lựa chọn) của Đức Chúa Trời là cho lúc này cũng như cho cõi đời đời!

Các tín lý hiện diện trong mỗi liên hệ với các lẽ thật khác, chứ không đơn độc, hay là những lẽ thật không liên hệ với nhau. Một hình ảnh khá lý thú đó là sự so sánh giữa một dãy ngân hà và một vì sao. Đức Chúa Trời trình bày lẽ thật theo lối văn chương Đông phương, chứ không phải Tây phương. Chúng ta không được lấy đi sự căng thẳng gây ra bởi những cặp biện chứng (nghịch lý) về lẽ thật mang tính tín lý (Một Đức Chúa Trời cách biệt và một Đức Chúa Trời gần gũi, ví dụ sự cứu rỗi chắc chắn và sự trung kiên; Chúa Jê-sus ngang bằng với Đức Chúa Cha và Chúa Jê-sus chịu phục Đức Chúa Cha; sự tự do của Cơ đốc nhân và trách nhiệm của Cơ đốc nhân đối với người bạn theo giao ước... vân vân...).

Khái niệm thần học về “sự giao ước” làm thống nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (là Đấng luôn khởi đầu và hoạch định) với sự đáp ứng bắt buộc phải có lúc ban đầu và được tiếp tục từ con người bằng đức tin và sự ăn năn (Mác 1:15; Công-vụ 3:16, 19;20:21). Nên cẩn thận khi dùng Kinh thánh để chứng minh chỉ một mặt của nghịch lý này mà xem thường mặt còn lại! Nên cẩn thận khi bạn chỉ công nhận những tín lý hoặc hệ thống thần học mà bạn ưa thích mà thôi!

▣ **"khi con tuyên xưng những lời tuyên xưng cao quý "** Thuật ngữ Hy-lạp *homologeō*, nói về sự công khai xưng nhận đức tin (Xem 1 Giăng 1:9). Có thể nói về lễ Báp-tem của Ti-mô-thê. Các tín đồ trước đây sử dụng câu “Giê-su là Chúa” (Xem Rô-ma 10:9-13) như là khuôn mẫu xưng nhận đức tin cá nhân nơi Đấng Christ. Câu này nói về nhân thể và thần thể, sự chuộc tội, và sự sống lại của Chúa Giê-su. Xin xem Chủ Đề Đặc Biệt “Thế Nào Là Tin Nhận, Tin, Tuyên Xưng Và Kêu Cầu Danh Chúa” / [What Does It Mean To "Receive," "Believe," "Confess/Profess," And "Call Upon?"](#)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ XUNG NHẬN,

Confession

- A. Có hai dạng cùng một gốc từ tiếng Hy Lạp dùng cho ý nghĩa xưng tội hay tuyên xưng, *homolegeo* và *exomolegeo*. Từ ghép lấy từ gốc từ *homo*, nghĩa là giống nhau; *lego*, nghĩa là nói; và *ex*, có nghĩa là ra từ. Ý nghĩa căn bản là nói cùng một sự việc, hay là đồng ý. Chữ *ex* diễn tả thêm ý nghĩa về sự tuyên xưng công khai
- B. Những chữ tiếng Anh dịch từ nhóm chữ này gồm có:
1. Ngợi khen (praise)
 2. Đồng ý
 3. Tuyên bố (declare)
 4. Tuyên xưng (profess)
 5. Xưng tội
- C. Nhóm từ này có hai cách sử dụng dường như trái hẳn nhau:
1. Ngợi khen (Đức Chúa Trời)
 2. Nhận tội
- Điều này có thể phát triển từ sự nhìn nhận của con người về bản tính thánh khiết của Đức Chúa Trời và tình trạng tội lỗi của họ. Nhìn nhận một sự thật tức là nhìn nhận cả hai điểm trên.
- D. Tân Ước có các cách dùng liên quan đến nhóm từ này như sau:
1. Hứa (Ma-thi-ơ 14:7; Công-vụ 7:17)
 2. Đồng ý hay đồng thuận về điều gì (Giăng 1:20; Tê-sa-lô-ni-ca 22:6; Công-vụ 24: 14; Hê-bơ-rơ 11:13)
 3. Ngợi khen (Ma-thi-ơ 11:25; Tê-sa-lô-ni-ca 10:21; Rô-ma 14:11; 15:9)
 4. Đồng ý
 - a. Với một người nào (Ma-thi-ơ 10:32; Tê-sa-lô-ni-ca 12:8; Giăng 9:22; 12:42; Rô-ma 10:9; Phi-líp 2:11; Khải huyền 3:5)

- b. Về một lễ thật nào (Công-vụ 23:8; II Cô-rinh-tô 11:13; I Giăng 4:2)
- 5. Tuyên bố công khai (ý nghĩa về luật pháp phát triển thành một sự xác nhận mang tính tôn giáo, Công-vụ 24:14; I Ti-mô-thê 6:13)
 - a. Không có sự nhận tội (I Ti-mô-thê 6:12; Hê-bơ-rơ 10:23)
 - b. Có sự nhận tội (Ma-thi-ơ 3:6; Công-vụ 19:18; Hê-bơ-rơ 4:14; Gia-cơ 5:16; I Giăng 1:9)

▣ **"trước mặt nhiều nhân chứng."** Có thể ý Phao-lô hướng về

1. Lễ thụ phong Ti-mô-thê (Xem 1 Ti-mô-thê 5:14; 2 Ti-mô-thê 1:6)
2. sự tuyên xưng trước hội thánh địa phương (Xem Công-vụ 16:1-2)
3. lễ Báp tem của ông.

6:13 "Trước mặt Đức Chúa Trời," các câu 13-16 là một câu trong bản Hy-lạp. Cũng như Ti-mô-thê công khai tuyên xưng Chúa Giê-su (Xem Ma-thi-ơ 10:32-33), truyền đạt sứ mạng cho người trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời (Xem 1 Ti-mô-thê 5:21; 2 Ti-mô-thê 4:1).

Phao-lô "truyền lệnh" cho Ti-mô-thê khá thường xuyên trong các thư Linh Vụ. (Xem 1 Ti-mô-thê 1:3,18; 4:11; 5:21; 6:13; 2 Ti-mô-thê 4:1) và nhắc người phải truyền đạt cho những người khác, (Xem 1 Ti-mô-thê 5:7,21; 6:17; 2 Ti-mô-thê 2:14).

DANH TỪ XUNG HỒ "ngươi" (hay "con") là lồi VÔ ĐỊNH, (đứng trước "phải giữ" trong 1 Ti-mô-thê 6:14). Một số bản MSS thêm nó sau ĐỘNG TỪ "ta truyền" trong 1 Ti-mô-thê 6:13 (MSS α^2 , A, D, H). Nó bị bỏ ra trong các bản MSS κ^* , F, G. Thánh Kinh Liên Hội UBS⁴ không thể quyết định đâu là lời nguyên thủy. Rõ ràng mặc dù có nhiều phiên bản khác nhau, nhưng ý chính không hề bị thay đổi trong văn cảnh một câu dài như câu 13-16

▣ **"Đấng ban sự sống cho mọi loài,"** Đức Chúa Trời là cội nguồn và nguồn cung ứng tất cả sự sống (Xem 1 Ti-mô-thê 6:16; 1:17; 2 Ti-mô-thê 1:10). Không có sự sống nào tồn tại ngoài Ngài. Bản thân danh hiệu Cựu Ước ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, mang hàm ý từ động từ xác định cá nhân "Ta Là", mà được dịch ra tiếng Việt, "Đấng Tự Hữu Hằng Hữu" (Xem Xuất Ê-díp-tô 3:14), là một dạng chơi chữ của "Đấng Hằng Sống", Đức Chúa Trời duy nhất ban cho và duy trì sự sống thuộc thể và sự sống đời đời.

Thuật ngữ này có ý nghĩa (1) ban sự sống (Xem 1 Sa-mu-en 2:6; 1 Ti-mô-thê 6:13) và (2) duy trì sự sống (Xem Quan-xét 8:19; 1 Sa-mu-en 27:9,11; 1 Các-vua 21:31; Lu-ca 17:33; Công-vụ 7:19). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA thực hiện cả hai sứ mạng qua Đấng Christ.

▣ **"và trước mặt Đức Chúa Giê-su Christ, Đấng đã làm chứng những lời chứng cao quý trước mặt Pôn-to Phi-lát,"** Chúa Giê-su được gọi là "nhân chứng trung tín" (Xem Khải Huyền 1:5; 3:14). Thuật ngữ "trước mặt" (*enōpion*) có nghĩa (1) "trước mặt ai" hoặc (2) "trong thời gian của..." Vì vậy đây có thể ám chỉ cả cuộc sống trên trần gian của Chúa Giê-su hay sự thương khó của Ngài, (Xem Ma-thi-ơ 27:2; Giăng 18:33-37).

6:14 "ta truyền cho con: Hãy vâng giữ mạng lệnh này một cách trọn vẹn, không chỗ chê trách được" Câu này liên hệ tới 1 Ti-mô-thê 6:11 và 12. Ti-mô-thê phải thực hành nếp sống vâng phục và tinh sạch, khác với các giáo sư giả. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 3:2.

▣ **"cho đến khi Đức Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng ta, hiện ra"** trong 2 Ti-mô-thê 1:10 và Tích 2:11 thuật ngữ "hiện ra" (*epiphaneia*) thường nói về sự nhập thể, nhưng ở đây nói về sự Tái Lâm (cũng như 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:8; 2 Ti-mô-thê 4:1,8; Tích 2:13). Sự Tái Lâm luôn là sự khích lệ mạnh mẽ cho nếp sống tin kính. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu Tích 2:13.

6:15 "sẽ bày tỏ vào đúng thời điểm của Ngài" Câu này cũng xuất hiện ở các câu 1 Ti-mô-thê 2:6 và Tích 1:3, nói về sự Nhập Thể. Chữ "Ngài" ám chỉ Đức Chúa Cha là Đấng duy nhất biết thời điểm và bối cảnh của sự Tái Lâm. (Xem Ma-thi-ơ 24:36; Công-vụ 1:7). The Jerome Biblical Commentary (p. 357) gợi ý rằng 1 Ti-mô-thê 6:15-16 là trích dẫn từ một bài Thánh Ca, (Xem 1 Ti-mô-thê 1:17; 3:16; 2 Ti-mô-thê 2:11-13).

▣ **"Đó là điều Đáng Chủ Tể phước hạnh và duy nhất, Vua của các vua, Chúa của các chúa"** Lời cầu nguyện này cũng giống như lời trong câu 1 Ti-mô-thê 1:17. Sự miêu tả và văn cảnh câu văn cho thấy Phao-lô đang nói về Đức Chúa Cha:

1. "phước hạnh" (1 Ti-mô-thê 1:1)
2. "tể trị duy nhất" (1 Ti-mô-thê 1:17; Xem Ecclesiasticus 46:5)
3. "Chúa muôn chúa" (Phục-truyền 10:17; Thi-thiên 136:3)

Danh hiệu "Vua muôn vua" tương đồng với "Chúa muôn chúa", thường nói về Chúa Giê-su, Khải Huyền 17:14; 19:16. Danh hiệu này đầu tiên được dùng cho các vua vùng Mesopotamia (I-rắc, Sy-ria), nhưng trong giai đoạn giữa Cựu Ước và Tân Ước để ám chỉ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

6:16 "duy chỉ Ngài là Đáng Trưởng Sinh Bất Tử" Thuật ngữ "bất tử" dạng PHỦ ĐỊNH ALPHA PRIVATIVE (Xem 1 Cô-rin-tô 15:53-54). Ý nghĩa căn bản là "ĐỨC GIÊ-HÔ-VA," Đáng Duy Nhất Hằng Sống, (Xem Xuất Ê-díp-tô 3:14-16). Chữ duy nhất ám chỉ sự Độc Tôn, tính nhất thần luận (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 2:5), "Đáng duy nhất sở hữu sự sống"! ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là cội nguồn, và nguồn duy trì sự sống, không ai ngoài Ngài.

▣ **"ngự giữa ánh sáng không thể đến gần"** "ánh sáng" được các thầy Ra-bi gọi là "đám mây vinh hiển" *Shekinah*, được bắt nguồn từ thuật ngữ Hê-bơ-rơ "ngự cùng" với hàm ý ngự cùng một cách vĩnh viễn, Xem Xuất Ê-díp-tô 24:17; 23:20).

▣ **"Đáng chưa hề có ai thấy hoặc có thể thấy"** Trong Cựu Ước hình ảnh Đức Chúa Trời tuyệt đối thánh khiết, khiến không phạm nhân tội lỗi nào có thể nhìn thấy Đức Chúa Trời mà sống (Xem Sáng-Thế-Ký 16:13; 32:30; Xuất Ê-díp-tô 20:19; 33:18-20; Quan-xet 6:22-23; 13:22; Ê-sai 6:5; Giăng 6:46; 1 Giăng 4:12). Trong Tân Ước, tín đồ nhìn thấy Ngài qua sự bày tỏ của Chúa Giê-su, (Xem 1 Giăng 1:18; 6:46) và sẽ thấy Ngày tận mắt trong một ngày vinh hiển, (Xem Ma-thi-ơ 5:8; Hê-bơ-rơ 12:14; Khải Huyền 22:40).

▣ **"Nguyện tôn quý và quyền năng thuộc về Ngài đời đời."** Phao-lô thường thốt lên lời ngợi ca tới Đức Chúa Cha (Xem 1 Ti-mô-thê 1:17). Đức Chúa Con là phương tiện của Đức Chúa Cha trong tạo hóa, mặc khải, cứu chuộc và phán xét. Nước Thiên Đàng đời đời thuộc về Đức Chúa Cha qua Đức Chúa Con (Xem Đa-ni-ên 7:13; 1 Cô-rin-tô 15:25-28).

▣ **"A-men"** là một thành ngữ Hê-bơ-rơ về sự tán đồng

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHỮ 'AMEN'

Amen

I. CỰU ƯỚC

- A. Chữ "Amen" lấy từ chữ Hê-bơ-rơ có nghĩa là lẽ thật (*emeth*) hay tính chân thật (*emun, emunah*), và đức tin hay sự thành tín.
- B. Gốc của chữ này lấy từ hình ảnh của một người có thể đứng vững chắc. Đối lập với nó là một người không vững vàng, bị trượt ngã (Phục truyền 28:64-67; 38:16; Thi thiên 40:2; 73:18; Giê-rê-mi 23:12) hay là vấp ngã (Thi thiên 73:2). Từ cách dùng theo nghĩa đen này, từ ngữ này đã phát triển mở rộng theo cách trừu tượng hơn với ý nghĩa thành tín, trung thành, đáng tin cậy (Sáng thế ký 15:16; Ha-ba-cúc 2:4).
- C. Các cách dùng đặc biệt khác:
 1. Một cột trụ, II Các Vua 18:16 (I Ti-mô-thê 3:15)
 2. Sự xác nhận, Xuất Ê-díp-tô ký 17:12
 3. Sự vững chãi, Xuất Ê-díp-tô ký 17:12
 4. Sự vững bền, Ê-sai 33:6; 34:5-7
 5. Sự thật, I Các Vua 10:6; 17:24; 22:16; Châm ngôn 12:22
 6. Sự vững vàng, II Sử ký 20:20; Ê-sai 7:9
 7. Tin cậy (luật pháp) Thi thiên 119:43, 142, 151, 168
- D. Trong Cựu Ước, hai từ ngữ Hê-bơ-rơ khác được dùng để chỉ một đức tin sống động:

1. *Bathach*, tin cậy

2. *Yra*, kính sợ, kính trọng, thờ phượng (Sáng thế ký 22:12)

- E. Từ ý nghĩa tin cậy hay đáng tin đã phát triển cách dùng trong nghi lễ chỉ sự xác tín một lời nói thật hay đáng tin của một người (Phục truyền 27:15-26; Nê-hê-mi 8:6; Thi thiên 41:13; 70:19; 89:52; 106:48).
- F. Chìa khóa thần học để hiểu ý nghĩa từ ngữ này không nằm ở sự trung thành của con người mà là ở sự thành tín của Đức Chúa Trời (Xuất 34:6; Phục truyền 32:4; Thi thiên 108:4; 115:1; 117:2; 138:2). Niềm hy vọng duy nhất của con người sa ngã là sự trung thành trong giao ước thành tín thương xót của Đức Giê-hô-va và lời hứa của Ngài.

Những người nhận biết Đức Giê-hô-va sẽ trở nên giống Ngài (Ha-ba-cúc 2:4). Kinh thánh là lịch sử và là quyển sách ghi lại thể nào Chúa phục hồi lại ảnh tượng của Ngài nơi con người (Sáng thế ký 1:26-27). Sự cứu rỗi phục hồi khả năng kết nối mối tương giao mật thiết với Đức Chúa Trời nơi con người. Đó là lý do tại sao chúng ta được tạo dựng nên.

II. TÂN ƯỚC

- A. Cách sử dụng chữ ‘amen’ như là lời kết xác tín sự đáng tin cậy của một câu nói trong nghi lễ là cách dùng thông thường trong Tân Ước (I Cô-rinh-tô 14:16; II Cô-rinh-tô 1:20; Khải huyền 1:7; 5:14; 7:12).
- B. Cách sử dụng từ ngữ này để kết thúc lời cầu nguyện là cách dùng thông thường trong Tân Ước (Rô-ma 1:25; 9:5; 11:36; 16:27; Ga-la-ti 1:5; 6:18; Ê-phê-sô 3:21; Phi-líp 4:20; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:18; I Ti-mô-thê 1:17; 6:16; II Ti-mô-thê 4:18).
- C. Chúa Jêsus là người duy nhất sử dụng từ ngữ này (thường là lặp lại: A-men, a-men) để mở đầu một câu nói quan trọng (Lu-ca 4:24; 12:37; 18:17, 29; 21:32; 23:43).
- D. Từ ngữ này được dùng làm danh hiệu cho Chúa Jêsus trong Khải huyền 3:14 (Có thể là danh hiệu Đức Giê-hô-va trong Ê-sai 65:16).

Khái niệm sự thành tín hay đức tin, sự đáng tin cậy hay tin cậy được diễn tả qua từ ngữ Hy-lạp *pistos* hay *pistis*, là chữ được dịch sang tiếng Anh là tin cậy, đức tin, tin tưởng (trust, faith, believe).

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 6:17-19

¹⁷ Còn đối với những người giàu có trong đời này, con hãy bảo họ đừng kiêu ngạo, đừng đặt hy vọng vào tính phù vân của tiền của, nhưng hãy đặt hy vọng vào Đức Chúa Trời, Đấng ban cho chúng ta mọi sự một cách rộng rãi để chúng ta hưởng. ¹⁸ Con hãy khuyên họ phải làm việc thiện; họ phải tỏ ra là những người giàu có đối với những việc thiện, phải rộng rãi ban cho và sẵn sàng chia sẻ. ¹⁹ Làm như thế, họ tích trữ cho họ một nền tảng tốt đẹp cho tương lai, để họ có thể giữ chặt lấy sự sống thật.

6:17-19 Có người cho rằng các câu 1 Ti-mô-thê 6:17-19 là phần viết thêm sau khi kết thúc bức thư, hay là phần Phao-lô có được thêm các thông tin về hội thánh Ê-phê-sô? Cũng có thể Phao-lô tự viết phần kết 1 Ti-mô-thê 6:17-21 nhưng việc ông thường làm (Xem 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:17-18).

6:17 "Còn đối với những người giàu có trong đời này, " Như câu 9 cảnh tỉnh những người ham muốn tiền bạc, câu 17 cảnh tỉnh những người tin cậy tiền bạc hơn tin cậy Đấng Christ, (Xem Ma-thi-ơ 6:19-21; 13:22; 19:23-30; Gia-cơ 1:9-11; 5:1-6).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỜI NÀY VÀ ĐỜI SẮP ĐẾN

This Age And The Age To Come

Các tiên tri Cựu Ước nhìn tương lai qua sự kéo dài của hiện tại. Đối với họ, tương lai sẽ là sự phục hồi quốc gia Y-sơ-ra-ên trên phương diện địa lý. Tuy vậy, ngay cả họ đã thấy một ngày mới (Ê-sai 65:17; 66:22). Trong sự từ khước Đức Giê-hô-va một cách cố ý và liên tục của con cái Áp-ra-ham (ngay cả sau thời kỳ lưu đày), một khuynh hướng mới xuất hiện trong văn chương về thời kỳ cuối trong khoảng giữa hai giao ước (như là sách Hê-nóc, IV E-xơ-ra, II Ba-rúc). Các bài viết này bắt đầu đưa ra sự khác biệt giữa hai thời kỳ: thời kỳ gian ác đời này thống trị bởi Satan, và thời kỳ công bình sắp đến điều khiển bởi Thánh Linh và được mở màn bởi Đấng Mê-si-a (thường là một tinh binh dũng mãnh).

Trong khía cạnh thần học này (lai thế học), có một sự phát triển rõ ràng. Các nhà thần học gọi đó là “sự mặc khải tiệm tiến.” (progressive revelation). Tân Ước khẳng định hiện thực vũ trụ mới của hai đời này (nghĩa là

thuyết nhị nguyên thuộc về thời gian) (temporal dualism):

Chúa Jêsus	Phao-lô	Thư Hê-bơ-rơ
Ma-thi-ơ 12:32	Rô-ma 12:2	1:2
Ma-thi-ơ 13:22, 29	I Cô-rinh-tô 1:20; 2:6,8; 3:18	6:5
	II Cô-rinh-tô 4:4	11:3
	Ga-la-ti 1:4	
Mác 10:30	Ê-phê-sô 1:21; 2:1, 7; 6:12	
	I Ti-mô-thê 6:17	
Lu-ca 16:8	II Ti-mô-thê 4:10	
Lu-ca 18:30	Tít 2:12	
Lu-ca 20:34-35		

Trong thần học Tân Ước hai thời kỳ này của người Do Thái trùng lấp nhau bởi vì sự tiên báo bất ngờ và bị bỏ qua trong hai lần đến của Đấng Mê-si-a. Sự nhập thể của Chúa Jêsus đã làm trọn lời tiên tri trong Cựu Ước về sự đăng quang một thời kỳ mới. Tuy nhiên, Cựu Ước cũng cho thấy Ngài đến như một Quan án hay Đấng chinh phục, thế nhưng lần đầu tiên Ngài đến làm một Nô lệ Chịu khổ (Ê-sai 53), khiêm nhường và nhu mì (Xa-cha-ri 9:9). Ngài sẽ đến trong quyền phép như Cựu Ước đã tiên báo (Khải huyền 19). Sự làm thành hai chặng này khiến đem Vương quốc của Ngài vào trong hiện tại (được đăng quang), nhưng chưa tiến đến tương lai (chưa hoàn toàn đạt đến đỉnh). Đây là sự giảng co của Tân Ước về khái niệm “đã có, nhưng chưa kết”!

▣ **"con hãy bảo họ đừng kiêu ngạo, đừng đặt hy vọng vào tính phù vân của tiền của,"** - THÌ HOÀN THÀNH DẠNG CHỦ ĐỘNG LỐI VÔ ĐỊNH. Con người thường tin cậy vào tài nguyên của mình thay vì vào tài nguyên của Đức Chúa Trời (Xem I Ti-mô-thê 4:10; 5:5). Có nhiều lời mạnh mẽ nhất của Chúa Giê-su hướng về những người giàu có (Xem Lu-ca 18:18-30).

▣ **"nhưng hãy đặt hy vọng vào Đức Chúa Trời,"** Có một vài sự khác biệt văn bản.

1. Vào Đức Chúa Trời – x, F, G
2. Vào Đức Chúa Trời duy nhất – MSS A, I, P
3. Vào Đức Chúa Trời hằng sống – MS D*
4. Vào Đức Chúa Trời duy nhất hằng sống – MS D²

Thánh Kinh Liên Hội USB⁴ xếp khả năng 1 vào hạng “A”. Khả năng 2-4 với tính từ miêu tả được có từ câu 4:10

6:18 "Con hãy khuyên họ " Phao-lô có lời khuyên ba phần cho những người sở hữu của cải trần thế

1. tiếp tục làm việc thiện (Xem I Ti-mô-thê 5:10; 2 Ti-mô-thê 2:21; 3:17; Tích 3:1,8,14)
2. sẵn lòng chia sẻ
3. hãy rộng lượng (Xem 2 Cô-rin-tô 8-9)

6:19 Làm như thế, họ tích trữ cho họ một nền tảng tốt đẹp cho tương lai, để họ có thể giữ chặt lấy sự sống thật. Câu này giống như bài giảng trên núi của Chúa Giê-su, đặc biệt chương Ma-thi-ơ 6 (Xem Lu-ca 12:15). Nó chứa đựng hai ẩn dụ: (1) “tích trữ” và (2) xây dựng nền tảng. Đó là cách sử dụng tài sản khôn ngoan. Thực hiện nó, tín đồ sẽ nắm chắc sự sống thực (sự sống đời đời, Xem I Ti-mô-thê 6:12).

sự sống thật

NASB	"sự sống thật"
NKJV	"sự sống đời đời"
NRSV	"sự sống thực sự là sự sống"
TEV	"sự sống, tức là sự sống thực"
NJB	"chỉ như (sự sống) thực"

Giữa các bản dịch Anh ngữ, các dịch gia phải chọn:

1. *ontōs* – MSS κ , A, D*, F, G

2. *aiōniou* – MS D²

3. cả hai – minuscules 69, 296, 467, và 1175 (Các nhà sao chép phải có bản Hy-lạp chứa đựng cả hai thuật ngữ)

Thánh Kinh Liên Hội USB⁴ xếp khả năng thứ nhất vào hạng "A"

BD2011: 1 TI-MÔ-THÊ 6:20-21

²⁰ **Ti-mô-thê con, hãy giữ những gì đã ủy thác cho con, hãy tránh xa những chuyện hư không báng bổ và những cuộc tranh luận nhằm chống đối nguy xưng là tri thức.** ²¹ **Vì muốn cho mình là người có thứ tri thức ấy, một số người đã mất đức tin. Nguyện xin ân sủng ở với con.**

6:20-21 Những câu cuối này (và cả các câu 17-19) có thể được viết bởi chính Phao-lô như một hình thức xác nhận tính trung thực của bức thư.

6:20 "hãy giữ những gì đã ủy thác cho con," - LỜI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG. Thuật ngữ "ủy thác" mang tính chất ngân hàng cho việc nhập tài khoản, được dùng 3 lần trong các thư Linh Vụ, liên hệ tới Phúc Âm. (Xem 1 Ti-mô-thê 1:11, xin ghi chú đầy đủ ở câu 1 Ti-mô-thê 1:18) hoặc chân lý Cơ-đốc, (Xem Công-vụ 6:7; 13:8; 14:22; Ga-la-ti 1:23; 3:23; 6:10; Phi-líp 1:27; Giu-đe 1:3,20). Tín đồ là những quản gia của Phúc Âm, (Xem 1 Cô-rin-tô 4:1-2; 2 Ti-mô-thê 1:12,14).

▣ **"hãy tránh xa những chuyện hư không báng bổ và những cuộc tranh luận nhằm chống đối nguy xưng là tri thức."** "Tránh xa" là ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH được sử dụng như LỜI MỆNH LỆNH. 1 Ti-mô-thê là bức thư đề cập chủ yếu về sự lầm lạc tín lý, chứ không về tổ chức hội thánh. Sự hướng dẫn tổ chức hội thánh trong các thư Linh Vụ cũng là phản ứng đối với những nan đề gây ra bởi các giáo sư giả, nên không nhất thiết là cầm nang phổ thông cho mọi hội thánh, mọi giai đoạn và mọi địa phương.

▣ **"tri thức"** Các giáo sư giả được nhắc tới trong các thư Linh Vụ là tập hợp những người sùng Luật Do-thái và những người theo Tri-huệ giáo Hy-lạp (cũng giống như trường hợp trong các thư cho người Cô-lô-sê và Ê-phê-sô) Tri thức thường là kiến thức được mặc khải hay không được mặc khải một cách đặc biệt, mà các giáo sư giả tuyên bố mình sở hữu. Những người này tách biệt chân lý khỏi nếp sống, tách biệt sự công chính khỏi sự biệt thánh, biến sự cứu rỗi bởi huyết thành sự cứu rỗi bởi kiến thức huyền bí, xa rời sự tin kính.

6:21 một số người đã mất đức tin.

VB1925: "có người bội đạo"

RVV11: "có người đánh mất đức tin"

NASB "một số người tuyên xưng (tri thức) và đi khỏi đức tin"

NKJV "bởi tuyên xưng, một số đã lạc mất khỏi đức tin"

NRSV "bởi tuyên xưng nó một số người đi quá giới hạn của đức tin"

TEV "Một số người cho mình có (tri thức) và kết cục là mất con đường đức tin"

NJB "bởi nhận (quan điểm này) một số người đã đánh mất tiêu điểm là đức tin"

Những lời dùng trong 1 Ti-mô-thê 1:6 để miêu tả các giáo sư giả cũng có trong các câu 1 Ti-mô-thê 1:19; 4:1-2; 5:15; 6:10. Có nhiều sự cảnh báo về họ trong cuốn sách này.

Xin nhớ rằng Cơ-đốc giáo là (1) Nhân Vật để đón nhận (2) Tín Lý để tin, và (3) Nếp Sống để noi theo. Nếu một trong ba điều này bị xem nhẹ hay loại bỏ, nan đề xuất hiện một cách nghiêm trọng, (Xem Ma-thi-ơ 7:21-27).

▣ "Nguyện xin ân sủng ở với con" Chữ "con" (số ít trong các bản MSS **8**, A, F, G, và bản BD2011 tiếng Việt), có thể "anh em" (số nhiều, theo bản MS D, và các bản RVV11, VB1925 tiếng Việt). Điều đó chứng tỏ rằng bức thư này tuy được viết cho cá nhân, nhưng phải được đọc một cách công khai. Xin để ý Phao-lô cầu thay cho họ được ân điển và kiến thức thực, (Xem 1 Ti-mô-thê 6:20)! Sự kết thúc bức thư bằng ngôi hai số nhiều "anh em", "mọi người" được thấy trong cả ba bức thư Linh Vụ (Xem 2 Ti-mô-thê 4:22; Tích 3:15).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp anh chị em suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Vì sao hội thánh không công kích việc sở hữu nô lệ? (Tham khảo 1 Cô-rin-tô 7:21-24; Ga-la-ti 3:28; Ê-phê-sô 6:5-9; Cô-lô-sê 3:22-25; Phi-lê-môn 1:16,17; Tích 2:9; 1 Phi-ê-rơ 2:18).
2. Vì sao câu 1, 2 nói về mối quan hệ chủ thợ ngày nay?
3. Thế nào là sự làm lạc tín lý?
4. Thế nào là sự khác biệt giữa giáo sư giả và người giải kinh khác biệt?
5. Phải chăng tiền bạc là tội lỗi?
6. Xin miêu tả những gì bạn biết về các giáo sư giả?

GIỚI THIỆU VỀ TÍCH

I. Bối cảnh lịch sử

A. Tích là một phần trong bộ sưu tầm các thư tín Phao-lô, được gọi là Thư Linh Vụ. 1 Ti-mô-thê, Tích, và 2 Ti-mô-thê chứa đựng sự hướng dẫn của Phao-lô cho các đồng sự về:

1. Cách giải quyết giáo sư giả.
2. Cách thiết lập lãnh đạo trong hội thánh
3. Cách khích lệ sự tin kính.

Trình tự theo thời gian rõ ràng được thấy là 1 Ti-mô-thê cùng thời với Tích, sau đó tới 2 Ti-mô-thê. Thư cho Tích giải quyết các vấn đề tương tự như 1 Ti-mô-thê. Tích còn có thể còn được viết sớm nhất, vì nó chứa đựng các lý thuyết thần học như Rô-ma và có phần giới thiệu dài hơn.

B. Sự di chuyển của Phao-lô và đồng sự không giống như trình tự trong Công-vụ. Chính vì vậy mà nhiều người, trong đó có tôi, nghĩ rằng Phao-lô đã được thả ra khỏi tù và trên đường đi truyền giáo lần thứ tư.

C. Thời điểm của chuyến truyền giáo thứ tư vào khoảng năm 60 đến 68, bởi vì Phao-lô bị sát hại bởi Nê-rô (có lẽ trong năm 65 là năm cao trào của khủng bố đạo) và Nê-rô tự sát năm 68.

II. Tích, nhân vật chính

A. Tích là một trong những cộng sự đáng tin cậy nhất của Phao-lô, Chính vì vậy mà Phao-lô cử ông đi giải quyết các nan đề giúp các hội thánh ở Cô-rin-tô và Cô-rét.

B. Ông là người Ngoại hoàn toàn, (trong khi Ti-mô-thê là người Do-thái lai người Ngoại), được cải đạo khi Phao-lô truyền giảng. Phao-lô từ chối áp lực bắt ông phải cắt bì cho Tích (Xem Ga-la-ti 2:3).

C. Ông được Phao-lô nhắc đến nhiều trong các thư (Xem 2 Cô-rin-tô 2:13; 7:6-15; 8:6-24; 12:18; Ga-la-ti 2:1-3; 2 Ti-mô-thê 4:10) nhưng vì sao Lu-ca không nhắc đến ông là điều khá thú vị. Các nhà giải kinh cho rằng:

1. Tích có thể là người thân của Lu-ca, hoặc là anh em. Nếu vậy Lu-ca cảm thấy ghi nhận tên Tích trong Công-vụ là điều không thích hợp trong nền văn hóa đương thời.
2. Tích là nguồn thông tin về Phao-lô cho Lu-ca. chình vì vậy mà nhắc đến ông, cũng như nhắc tên tác giả Lu-ca là điều không nên.

D. Ông đồng hành với Phao-lô và Ba-na-bas đi gặp Hội Đồng Giê-ru-sa-lem, Công-vụ 15, khi cuộc tranh luận về vị trí của tín đồ Ngoại đối với Luật Mô-sê được ngã ngũ.

E. Bức thư này là lời khuyên chức vụ của Phao-lô đối với Tích. Tích là đại diện cho Phao-lô ở đảo Cô-rét.

F. Thông tin cuối cùng trong Tân Ước là Tích được cử đi xứ Đan-ma-tia. (Xem 2 Ti-mô-thê 4:10).

III. Các giáo sư giả

A. Rõ ràng có một nhóm ở Cô-rét chống đối Phúc Âm của Phao-lô.

B. Giáo huấn thần học của họ đưa đến nếp sống vô tin kính đòi hỏi ở tất cả các tín đồ.

1. Dẫn chứng về nếp sống tin kính: Tích 1:1,16; 2:7,14; 3:1,8,14
2. Tóm tắt về nếp sống tin kính: Tích 2:11-14; 3:4-7

C. Rõ ràng có màu sắc Do-thái trong giáo huấn giả (Xem Tích 1:10,14; 3:8-9) kết hợp với Tri-huệ giáo của triết học Hy-lạp (Gnosticism, Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu Tích 1:1). Họ cũng tương tự như các giáo sư giả được nhắc đến trong 1 Ti-mô-thê, Cô-lô-sê, và Ê-phê-sô. Tiêu điểm của các bức thư này là đề cập tới sự sai lạc do các giáo sư giả gây ra, chứ không phải đến tổ chức và vận hành hội thánh

CHU KỲ ĐỌC KINH THÁNH LẦN THỨ NHẤT (xem trang v)

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc toàn bộ sách này trong một lần đọc. Viết ra chủ đề trọng tâm của toàn bộ sách bằng chữ của anh chị em.

1. Chủ đề của toàn bộ sách
2. Thể loại văn chương

CHU KỲ ĐỌC KINH THÁNH LẦN HAI (xem trang vi)

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc lại toàn bộ sách này lần thứ hai trong một lần đọc. Lập dàn ý các chủ đề chính và viết một câu đề diễn tả mỗi chủ đề.

1. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ nhất
2. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ hai
3. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ ba
4. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ tư
5. Vân vân...

TÍCH 1

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI *

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Chào thăm	Chào thăm	Chào thăm	Chào mở đầu	Lời mở đầu
1:1-4	1:1-3 1:4a 1:4b	1:1-3 1:4a 1:4b	1:1-3 1:4a 1:4b	1:1-4
Công việc của Tích ở Cơ-rét	Tiêu chuẩn trưởng lão	Hành chính	Công việc của Tích ở Cơ-rét	Bổ nhiệm trưởng lão
1:5-9	1:5-9 Trách nhiệm trưởng lão	1:5-9	1:5-9	1:5-9 Chống lại giáo sư giả
1:10-12a	1:10-16	1:10-16	1:10-16	1:10-14
1:12b-16				1:15-16

* Mặc dù không được linh cảm, việc phân đoạn và câu là chìa khóa để hiểu và theo dõi được ý tưởng của tác giả nguyên thủy. Mỗi bản dịch hiện đại đều có phần phân đoạn và tóm tắt đoạn. Mỗi đoạn có một chủ đề, một lẽ thật, một ý tưởng trọng tâm. Mỗi bản dịch có cách chia đoạn đặc biệt riêng của nó để nhằm cô đọng lại các chủ đề này. Khi đọc một bản văn, hãy tự hỏi chính mình bản dịch nào giúp anh chị em nắm được chủ đề qua lối chia đoạn và câu của nó.

Ở mỗi đoạn, chúng ta phải đọc Kinh thánh trước và tìm cách xác định các chủ đề (phân đoạn) của nó, sau đó so sánh sự hiểu biết này với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi nào chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách theo dõi lý luận và cách trình bày của họ, thì chúng ta mới thật sự hiểu được Kinh thánh. Chỉ có tác giả nguyên thủy được linh cảm- người đọc không có quyền thay đổi hay bổ sung vào sứ điệp. Tuy nhiên, những người đọc Kinh thánh có trách nhiệm áp dụng những lẽ thật được linh cảm này vào cuộc sống hằng ngày của họ.

Lưu ý rằng tất cả các thuật ngữ và những chữ viết tắt đều được giải thích trong Phụ lục một, hai và ba.

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của anh chị em với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

BD2011: TÍCH 1:1-3

Phao-lô, đầy tớ của Đức Chúa Trời và sứ đồ của Đức Chúa Giê-su Christ, với sứ mạng đưa những người được Đức Chúa Trời chọn đến đức tin và sự thông hiểu chân lý, để họ sống cuộc đời tin kính đạo đức,² trong hy vọng hưởng sự sống đời đời, mà Đức Chúa Trời, Đấng không hề nói dối, đã hứa ban trước khi thời gian bắt đầu,³ nhưng đến thời điểm đã định, bày tỏ Đạo¹ Ngài qua sự rao giảng đã được giao cho ta theo lệnh của Đức Chúa Trời, Đấng Giải Cứu chúng ta

1:1 "Phao-lô," Hầu hết mọi người Do-thái thời Phao-lô có hai tên, một tên Do-thái và một tên La-mã (Xem Công-vụ 13:9). Tên Do-thái của Phao-lô là Sau-lơ, giống vua Sao-lơ từ chi phái Bên-gia-min (Xem Rô-ma 11:1; Phi-líp 3:5) và tên La Mã là Phao-lô, có nghĩa là nhỏ, có thể là vì:

1. Dáng người không cao, dựa theo cuốn ngụ kinh thế kỷ thứ hai, "Công-vụ của Phao-lô", chương Phao-lô- và Thê-sa-lô-ni-ca"
2. Phao-lô cảm thấy mình nhỏ nhất trong vòng các thánh đồ bởi ông bắt bớ đạo Chúa. (Xem 1 Cô-rin-tô 15:9; Ê-phê-sô 3:8; 1 Ti-mô-thê 1:15)
3. Phao-lô có thể được đặt tên như vậy bởi cha mẹ ông.

Khả năng thứ ba này có lẽ hợp lý nhất.

▣ **"đầy tớ của Đức Chúa Trời "** Đây là một danh hiệu hết sức cao trọng cho tôi tớ Chúa trong Cựu Ước (Xem Phục-truyền 34:5; Giô-suê 1:1-2; 14:7; 24:29; 2 Sa-mu-en 7:5,8; 2 Các-vua 10:10; Thi-thiên 89:3; 105:42; Ê-sai 20:3; Đa-ni-ên 6:20; 9:11). Phao-lô thường dùng cụm từ "đầy tớ Đấng Christ" (Xem Rô-ma 1:1; Ga-la-ti 1:10; Phi-líp 1:1). Nhưng ở đây, ý của ông là "đầy tớ Đức Chúa Trời " có lẽ vì lý do một số giáo sư giả liên hệ tới Do-thái giáo.

1. Đức Chúa Trời được nhắc tới 5 lần trong phần mở đầu (Xem Tích 1:1-4).
2. Điều này cũng giải thích vì sao danh hiệu "Đấng Giải Cứu" được dùng ba lần cho Đức Chúa Cha và ba lần cho Chúa Giê-su.
3. Rõ ràng được thấy trong 2 Ti-mô-thê 1:10,14; 3:8-9 những thành phần Do-thái giáo trong nan đề ở Cơ-rét. .

▣ **"và sứ đồ "** Chính xác có nghĩa là "người được sai phái", trong bối cảnh các thầy Ra-bi sai người đại diện với thẩm quyền. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 1:1. Nó cũng giống như đại sứ quán ngày nay, (Xem 2 Cô-rin-tô 5:20). Đây là một trong cách cách mà Phao-lô xác nhận thẩm quyền của mình trong Christ, cũng như sử dụng danh hiệu tôi tớ của Đức Chúa Trời. Ông nhấn mạnh địa vị của mình để trao quyền cho Tích. Bức thư này sẽ được đọc trong cả hội thánh, vì cách Phao-lô gọi người đọc "anh chị em" (trong số nhiều) ở các câu 1 Ti-mô-thê 6:21; 2 Ti-mô-thê 4:22; và Tích 3:15 .

▣ **"đến đức tin "** DANH TỪ không có MẠO TỪ XÁC ĐỊNH, vì vậy có thể có nghĩa:

1. sự tin cậy cá nhân đối với Đấng Christ
2. nếp sống trung tín (theo Cựu Ước)
3. một hệ thống tín lý Cơ-đốc (Xem Công-vụ 6:7; 18:8; 14:22; Ga-la-ti 1:23; 3:23; 6:10; Phi-líp 1:27; Giu-đe 3,20)

Sứ mạng của Phao-lô:

1. Khích lệ những người đã tin và được cứu.
2. Đưa dắt người được chọn tới đức tin cá nhân (gọi người được gọi)

Cả hai đều cần thiết, nhưng không rõ điều nào là sự ưu tiên.

Phao-lô dùng thuật ngữ *kata* vài lần ở phần mở đầu này.

1. Theo đức tin, Tích 1:1
2. Theo tin kính, Tích 1:1
3. Theo mạng lịnh, Tích 1:3
4. Trong đức tin chung, Tích 1:4
5. để bỏ chức và bỏ nhiệm, Tích 1:5 (thuật ngữ ghép)
6. để khuyến khích bằng giáo lý lành mạnh, Tích 1:9

Rõ ràng Phao-lô nói tới một tiêu chuẩn chân lý và hành đạo (Xem Tích 3:5,7).

▣ "**được Đức Chúa Trời chọn**" Nghĩa đen là "theo đức tin của người được chọn". Trong Cựu Ước, "được chọn" mang ý nghĩa phục vụ, trong Tân Ước, được chọn mang ý nghĩa cứu rỗi, (Xem Rô-ma 8:29-30; 9:1 và các câu tiếp; Ê-phê-sô 1:4-11; 2 Ti-mô-thê 1:9). Ý nghĩa "được chọn" này được thấy rất rõ trong Công-vụ 13:48. Hội thánh được chọn lựa bởi Đức Chúa Trời (Xem Rô-ma 8:32; Cô-lô-sê 3:12; 2 Ti-mô-thê 2:10), hội thánh không phải là một thực thể mới, nhưng là sự mở rộng (nói tiếp) của dân tuyển trong Cựu Ước. Xem Chủ Đề Đặc Biệt Tiền Định / Predestination ở câu 1 Ti-mô-thê 6:12.

▣ "**và sự thông hiểu**" Thuật ngữ Hy-lạp *epiginōskō*, có hàm ý kiến thức trải nghiệm đầy đủ, cũng là thành ngữ về sự cải đạo thực sự. (Xem Giăng 8:32; 1 Ti-mô-thê 4:3; 2 Ti-mô-thê 2:25; 1 Giăng 2:21; 3 Giăng 1). Điều này trái ngược với các giáo sư giả nhân mạnh kiến thức huyền bí không liên hệ tới nếp sống thánh khiết. Câu này cũng có trong 1 Ti-mô-thê 2:4, nhưng nhấn mạnh ý chỉ của Đức Chúa Trời cho con người.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TRI-HUỆ GIÁO

Gnosticism

(Xuất phát từ thuật ngữ *gnosis*, nghĩa là "kiến thức" Xem 1 Ti-mô-thê 6:20)

I. Bối cảnh trong thế kỷ thứ nhất

Thế giới La-mã trong thế kỷ thứ nhất là thời đại của thuyết chiết trung (hòa nhập nhiều nguồn khác nhau) giữa miền Đông và Miền Tây đế quốc. Các vị thần của La-mã và Hy-lạp không được kính trọng. Một tôn giáo Huyền Bí trở nên hấp dẫn với sự nhấn mạnh về mối quan hệ cá nhân đối với thần thánh và kiến thức. Triết học Hy-lạp cũng được lòng dân và gia nhập thế giới quan đương thời. Trong thế giới tôn giáo chiết trung (hòa nhập) xuất hiện Cơ-đốc giáo độc tôn (Chúa Giê-su là con đường duy nhất dẫn đến Đức Chúa Trời) - (Giăng 14:6). Bất cứ điều gì làm bối cảnh cho dị giáo, ít nhất các giáo sư giả cố gắng làm Cơ-đốc Giáo trở nên dễ được chấp nhận và ủng hộ trong vòng người nghe gốc la-mã, Hy-lạp. (i.e., Giăng 14:6; 1 Giăng 5:12)

II. Một số giáo lý chủ yếu được thấy bởi nội chứng trong 1 Giăng.

- A. Từ chối việc nhập thể của Chúa Giê-su
- B. Từ chối vai trò trung tâm sự Cứu Rỗi của Chúa Giê-su
- C. Thiếu nếp sống Cơ-đốc nhân
- D. Nhấn mạnh về học thức (nhiều khi là kiến thức huyền bí)
- E. Hướng về tích riêng biệt và quý tộc – cho rằng chỉ có một nhóm đặc biệt được cứu.

III. Tri-huệ giáo sơ khởi, thế kỷ thứ nhất

- A. Cơ sở giáo huấn của nhóm Tri-huệ giáo phối thai nhấn mạnh về Nhị nguyên luận đời đời giữa hai thế giới thuộc linh và thuộc thể. Thuộc Linh (thần chí cao) luôn luôn tốt lành, còn thuộc thể mang tính

xấu xa cố hữu. Sự chia đôi này phản ánh

1. triết học Platon của sự tuyệt hảo thần linh so với vật chất.
 2. thuộc thiên so với thuộc hạ,
 3. vô hình so với hữu hình. Thêm vào đó là sự nhấn mạnh về kiến thức huyền bí (đòi hỏi những mật khẩu và mật mã để cho phép linh hồn vượt qua các tầng bậc thiên sứ (aeons), vươn tới Vị Thần tối cao và được cứu rỗi.
 4. possibly an influence from Zoroastrianism
- B. Hai nhóm Tri-huệ giáo phôi thai có thể làm bối cảnh cho Giảng thứ nhất.
1. Tri-huệ giáo Docetic từ chối nhân tính của Chúa Giê-su, bởi họ cho rằng vật chất là xấu xa,
 2. Tri-huệ giáo Cerinthian, xác nhận Chúa Giê-su là một trong các tầng bậc thiên sứ giữa vị thần tối cao tốt lành và vật chất xấu xa. Đấng Christ tâm linh nhập thể sống trong Giê-su ở thời điểm lễ Báp-tem và dẫn dụ Ngài cho đến khi Ngài bị đóng đinh.
 3. Thành viên của hai nhóm này thì hành nếp sống khổ hạnh (nếu cơ thể đòi hỏi cái gì, phải nghiêm cấm thứ ấy vì nó xấu xa), hoặc nếp sống buông thả (Cơ thể muốn cái gì, cho cái ấy)
- C. Không có vấn đề tồn tại về một hệ thống Tri-huệ giáo phát triển trong thế kỷ thứ nhất. Các văn tự về Tri-huệ giáo bắt đầu có từ giữa thế kỷ thứ hai. Để biết thêm về Tri-huệ giáo xin đọc
- a. The Gnostic Religion by Hans Jonas, published by Beacon Press
 - b. The Gnostic Gospels by Elaine Pagels, published by Random House
 - c. The Nag Hammadi Gnostic Texts and the Bible by Andrew Helmbold

IV. Các dị giáo ngày nay

- A. Tà linh dị giáo có mặt hôm nay khi người ta tìm cách phối hợp chân lý Cơ đốc với triết lý hiện hành
- B. Tà linh dị giáo có mặt khi người ta nhấn mạnh tín lý “đúng đắn” mà bỏ qua mối liên hệ và nếp sống niềm tin
- C. Tà linh dị giáo có mặt khi người ta từ bỏ Cơ-đốc giáo để gia nhập một nhóm quý tộc tri thức thuộc linh.
- D. Tà linh dị giáo có mặt khi người sùng đạo theo đuổi nếp sống khổ hạnh hay phóng dăng.

Copyright © 2014 [Bible Lessons International](#)

▣ **"chân lý, để họ sống cuộc đời tin kính đạo đức"** Đây là sự đối nghị căn bản so với các giáo sư giả là những người quảng bá chủ nghĩa biệt lập. Chân lý phải liên hệ tới cuộc sống. (Xem 1 Ti-mô-thê 2:2). Sự tin kính, hay sùng đạo (*eusebeia*) là chủ đề thường xuyên trong các thư Linh Vụ (Xem 1 Ti-mô-thê 2:2; 3:16; 4:7,8; 6:3,5,6,11; 2 Ti-mô-thê 3:5; Tích 1:1; cũng vậy, thuật ngữ ghép *theosebeia* được thấy trong 1 Ti-mô-thê 2:10; và tính từ *eusebōs* trong 2 Ti-mô-thê 3:10; Tích 2:12). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:7.

Phao-lô chỉ ra sự sai lầm của các giáo sư giả. Tín đồ sẽ được gọi lên Thiên đàng khi họ qua đời, nhưng họ phải sống đạo và trở nên giống Đấng Christ ở thời điểm bây giờ. (Xem Rô-ma 8:28-29; 2 Cô-rin-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3). Mục đích của Phúc Âm chưa đạt được cho đến khi tất cả sẽ biết Đấng Cứu Thế và phân chiếu các mỹ đức của Ngài. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Chân Lý / Truth in Phao-lô's Writings ở câu 1 Ti-mô-thê 2:4.

1:2 "trong hy vọng hưởng sự sống đời đời," GIỚI TỪ *epi* ám chỉ “dựa trên” Các bản dịch RSV và TEV “đặt trên” (hy vọng). Thuật ngữ “hy vọng” có vẻ khó hiểu về khía cạnh chung kết của chương trình cứu rỗi đời đời của Đức Chúa Trời.

Sự sống đời trong văn tự của Phao-lô luôn hướng về sự sống trong Kỷ Nguyên Mới, trong ý nghĩa lai thế học (Xem Rô-ma 2:7; 6:22,23; Ga-la-ti 6:8; 1 Ti-mô-thê 1:16; Tích 1:2; 3:7). Giảng viết về sự sống đời đời trong ý tưởng tin cậy Đấng Christ là Chúa Cứu Thế. (Xem Giảng 3:15; 10:28; 12:25; 17:2-3; 1 Giảng 1:2; 2:25; 3:15; 5:11,13,20). Cả hai đều đúng. Kỷ Nguyên mới đã được khai trương bởi sự nhập thể của Chúa Giê-su. Tín đồ đang ở trong Kỷ Nguyên Mới. Kỷ Nguyên Mới sẽ hoàn tất bởi khi Chúa Tái Lâm.

See **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Đời đời / ETERNAL** ở câu 1 Ti-mô-thê 6:8.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ TRÔNG CẬY, HY VỌNG.

Hope

Phao-lô thường sử dụng chữ này theo nhiều ý khác biệt nhưng có liên hệ lẫn nhau. Nó thường liên kết với sự hoàn tất đức tin của tín hữu (xem I Ti-mô-thê 1:1). Điều này có thể diễn đạt như sự vinh hiển, sự sống đời đời, sự cứu rỗi sau cùng, sự trở lại lần thứ hai, vân vân... Hoàn tất là chắc chắn, nhưng tính chất thời gian vẫn là tương lai và không biết rõ.

1. Sự đến lần thứ hai (xem Ga-la-ti 5:5; Ê-phê-sô 1:18; 4:4; Tít 2:13)
2. Đức Chúa Giê-su là nguồn hy vọng của chúng ta (xem I Ti-mô-thê 1:1)
3. Tín hữu sẽ phải trình diện trước Đức Chúa Trời (xem Cô-lô-sê 1:22-23; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:19)
4. Hy vọng đặt nơi thiên đàng (xem Cô-lô-sê 1:5)
5. Sự cứu rỗi sau rốt (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13)
6. Vinh quang của Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 5:2; II Cô-rinh-tô 3:7-12; Cô-lô-sê 1:27)
7. Sự cứu rỗi của người ngoại trong Đấng Christ (xem Cô-lô-sê 1:27)
8. Sự bảo đảm cho ơn cứu rỗi (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9)
9. Sự sống đời đời (xem Tít 1:2; 3:7)
10. Sự cứu chuộc của tất cả tạo vật (xem Rô-ma 8:20-22)
11. Hoàn tất của sự nhận làm con (xem Rô-ma 8:23-25)
12. Danh hiệu của Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 15:13)
13. Chỉ dẫn của Cựu Ước cho những tín hữu Tân Ước (xem Rô-ma 15:4)

▣ **"mà Đức Chúa Trời, Đấng không hề nói dối, "** Đức tin chúng ta dựa trên sự thành tín và đáng tin trong hứa ngôn của Đức Chúa Trời (Xem Dân-số 23:19; 1 Sa-mu-en 15:29; Rô-ma 3:4; 2 Ti-mô-thê 2:13; Hê-bơ-rơ 6:18). Niềm hy vọng của chúng ta dựa trên đặc tính không hề biến đổi của Ngài (Xem Thi-thiên 102:27; Mal. 3:6; Hê-bơ-rơ 13:8; Gia-cơ 1:17).

▣ **"đã hứa ban trước khi thời gian bắt đầu, "** Động từ "hứa" THÌ QUÁ KHỨ LỐI CHỈ ĐỊNH. DẠNG TRUNG CÁCH nhấn mạnh chủ ngữ, Đức Chúa Trời (Xem Rô-ma 4:21; 2 Ti-mô-thê 1:9). Cụm từ "trước khi thời gian bắt đầu, theo nghĩa đen là "đời đời trước các thời đại" (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:10). Tphao-lô ám chỉ chương trình của Đức Chúa Trời từ trước Sáng Thế. (Xem Ma-thi-ơ 25:34; Giảng 17:24; Ê-phê-sô 1:4; 1 Phi-ê-rơ 1:1920; Khải Huyền 13:8).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TUỔI VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TRÁI ĐẤT

the age and formation of the earth

(Xin tham khảo giải kinh Sáng thế Ký, chương 1:1-2:3, trong phần Lời Mở Đầu, mục L)

1:3 nhưng đến thời điểm đã định,

RVV11: "vào đúng thời điểm"

VB1925: "tới kỳ chỉ-định"

NASB, NKJV,

NRSV "ở thời thích hợp"

NJB "trong thời đã hẹn"

TEV "ở thời thích hợp"

"Thời điểm" trong SỐ NHIỀU (tức là. "trước các thời vĩnh hằng" và có thể liên hệ tất cả những sự kiện của Đấng Christ (Xem 1 Ti-mô-thê 2:6; 6:14-15; Ga-la-ti 4:4). Thời điểm ở đây có thể là

1. Sự phổ biến của tiếng Koine Hy-lạp (phổ thông)
2. sự hòa thuận chính trị ở Rô-m
3. sự trông đợi của thế gian sau khi đã mất sự kính trọng và tin cậy đối với các thần trong thần thoại Hy-lạp.

▣ **"bày tỏ "** Theo nghĩa đen “rõ ràng đem ra ánh sáng” hoặc “mặc khải rõ ràng” Chúa Giê-su được tỏ ra trong Phúc Âm và trong sự truyền giảng của các sứ đồ. (Xem 2 Ti-mô-thê 1:10).

▣ **"Đạo Ngài "** Có thể ám chỉ (1) Phúc Âm, hoặc (2) Đấng Christ. (Xem Giăng 1:1; Khải Huyền 19:13).

▣ **"qua sự rao giảng đã được giao cho ta "** Phao-lô ý thức sâu sắc trách nhiệm quản gia đối với Phúc Âm. (Xem 1 Cô-rin-tô 9:17; Ga-la-ti 2:7; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:4; 1 Ti-mô-thê 1:11) và đối với tất cả tín đồ (Xem 1 Cô-rin-tô 4:1-2 and 1 Phi-ê-rơ 4:10).

▣ **"theo lệnh của Đức Chúa Trời, Đấng Giải Cứu chúng ta "** Đức Chúa Trời Đấng Giải Cứu là danh hiệu khá thường dùng trong các thư Linh Vụ. (Xem Tích 1:3; 2:10; 3:4). Xem ghi chú đầy đủ ở câu 2 Ti-mô-thê 1:10. Nhưng theo văn cảnh cũng ám chỉ Chúa Giê-su (Xem 1:4; 2:13; 3:6). Danh hiệu chúa và đấng giải cứu cũng được sử dụng cho hoàng đế La-mã.

BD2011: TÍCH 1:4

gởi cho Tít, con thật của ta trong cùng đức tin: Nguyện xin ân sủng và bình an từ Đức Chúa Trời là Cha, và từ Đức Chúa Giê-su Christ, Đấng Giải Cứu chúng ta, ở với con

1:4 "gởi cho Tít, " Mặc dầu Phao-lô viết riêng cho Tít, bức thư này cũng sẽ được đọc chung cho cả hội thánh (Xem dạng SỐ NHIỀU NGÔI HAI “anh chị em” trong Tích 3:15). Tít là người ngoại, đại diện trung tín của Phao-lô, tuy nhiên tên của ông không được nhắc tới trong Công-vụ (xin xem phần giới thiệu Tích II. C.).

▣ **"con thật của ta "** Phao-lô sử dụng cách gọi này đối với Ti-mô-thê trong 1 Ti-mô-thê 1:2 , 2 Ti-mô-thê 1:2 và với Ô-nê-si-mu trong Phi-lê-môn 1:10. Con là ẩn dụ gần gũi của Phao-lô đối với người được ông cai đạo và là bạn bè, đồng lao.

▣ **"trong cùng đức tin: "** "đức tin chung" ở đây không mang hàm ý tầm thường, không thánh như trong Công-vụ 10:14 và 11:8, nhưng mang tính chất phổ thông. Từ thuật này cũng được thấy trong Giu-đe 1:3. Nó phổ thông cho tất cả mọi người, đối nghịch với chủ nghĩa ưu tú, biệt lập của các giáo sư giả.

▣ **"Nguyện xin ân sủng và bình an "** Đây là hai từ thường được dùng để mở đầu các thư của Phao-lô. Có thể từ “ân sủng” (*charis*) là sự chơi chữ của “chào thăm” (*charein*, Xem Gia-cơ 1:1; Công-vụ 15:23), là thuật ngữ thường được dùng trong các thư tín Hy-lạp đương thời. Phao-lô thay đổi “chào thăm” theo nền văn hóa thành “ân sủng” hết sức đặc thù cho Cơ-đốc giáo.

Thuật ngữ “bình an” đến từ bối cảnh Hê-bơ-rơ “shalom”, Nếu vậy thì Phao-lô kết hợp cả ngôn ngữ Hy-lạp và Do-thái trong lời chào thăm Cơ-đốc gửi đến độc giả gồm cả hai nhóm người.

Bản Textus Receptus (Xem KJV) và bản Hy-lạp A, C², và K, có thêm thuật ngữ “thương xót” cho “ân sủng” và “bình an”. Có lẽ đây là sự dập khuôn của 1 Ti-mô-thê 1:2 và 2 Ti-mô-thê 1:2. Không có sự thêm vào này trong các bản x, C*, D, F, G, và P cũng như bản Latin Vulgate. Thánh Kinh Liên Hội USB[†] chọn khả năng ngắn hơn theo hạng A, tức là chắc chắn như vậy.

Về chủ đề "Đức Chúa Cha" Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 1:2.

▣ **"từ Đức Chúa Trời là Cha, và từ Đức Chúa Giê-su Christ, Đấng Giải Cứu chúng ta, "** Câu này kết hợp Đức Chúa Cha, ĐỨC GIÊ-HỒ-VA của Cựu Ước với Chúa Giê-su , Đấng Mê-si-a bằng một danh hiệu chung là “Đấng Giải Cứu” (Xem Tích 1:3-4; 2:10,13; 3:4,6). “Đấng Giải Cứu” ám chỉ Đức Chúa Trời trong Tích 1:3 và ám chỉ Chúa Giê-su trong Tích 1:4. Sử dụng danh hiệu Cựu Ước của Đức Chúa Trời cho Chúa Giê-su là cách các tác giả Tân Ước ưa dùng để xác nhận Thần Đức của Chúa Giê-su.

BD2011: TÍCH 1:5-9

⁵ Mục đích của ta để con ở lại Cơ-rét là để con bổ túc những gì ta chưa hoàn tất và bổ nhiệm các trưởng lão trong mỗi thành, như ta đã dặn con. ⁶ Người được bổ nhiệm phải có đời sống không chỗ trách được, chồng của một vợ, có các con cái tin kính Chúa, không bị cáo là phóng đảng hoặc ngộ nghịch. ⁷ Vì giám mục là quản gia của Đức Chúa Trời, nên phải không chỗ trách được, không ngang bướng, không nóng tính, không ghiền rượu, không hung bạo, không tham lợi bất chính, ⁸ nhưng là người hiếu khách, yêu mến điều tốt, đứng đắn, công chính, thánh sạch, tự chủ, ⁹ giữ vững tinh túy của Đạo đáng tin cậy đã được dạy, để có thể khuyến khích người khác bằng các tín lý lành mạnh và phơi bày những sai lầm của những kẻ chống đối

1:5 "Mục đích của ta " Tích có trách nhiệm sắp đặt (1) những điều thiếu sót hoặc bỏ rơi, và (2) bổ nhiệm trưởng lão, (Xem Công-vụ 14:23). Đây không phải là tu chỉnh một hệ thống không hiệu quả, nhưng là thiết lập một hệ thống chưa có. Ở đây chúng ta thấy một thể chế tổ chức khác với 1 Ti-mô-thê 3, tức là hội thánh đã được ổn định ở Ê-phê-sô. Xin để ý việc Tích bổ nhiệm lãnh đạo, chứ không phải hội chúng bầu lên. Hãy nhớ rằng cả Ti-mô-thê và Tích là đại diện sứ đồ, chứ không phải là mục sư, hoặc lãnh đạo địa phương.

▣ **"Cơ-rét "** là quê hương của những người Phi-li-tin và người Mi-no-an tiền-Hy-Lạp. Công-vụ 27:7-13 xác nhận Phao-lô thăm đảo này trên đường ông đến Rô-m, nhưng không cho biết ông có truyền giảng ở đây không. Vì lý do này mà nhiều nhà giải kinh cho rằng ông viết các thư Linh Vụ trong chuyến đi truyền giáo thư tư, sau khi ông được thả khỏi nhà tù La-mã, trong những năm đầu thập kỷ 60.

▣ **"là để con "** Câu dụng ý *hina* rất đặc thù trong thư Phao-lô. (Xem Tích 1:9,13; 2:4,5,8,10,12,14; 3:7,8,13, 14).

Phao-lô muốn Tích

1. sắp đặt trật tự (THÌ QUÁ KHỨ DẠNG TRUNG CÁCH LỐI BÀN THÁI) những gì còn lại
2. bổ nhiệm (LỐI BÀN THÁI THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG) các trưởng lão.

▣ **"bổ nhiệm"** Động từ "bổ nhiệm" có nghĩa "trao nhiệm vụ" cũng được dùng trong Công-vụ 6:3 khi các sứ đồ trao nhiệm vụ cho 7 trợ lý. Đây là sự chia sẻ quyền hạn.

Phao-lô hướng dẫn Tích bổ nhiệm trưởng lão cho các hội thánh mới, như ông và Ba-na-ba đã làm trong Công-vụ 14:23. Phao-lô không làm như vậy đối với Ti-mô-thê vì hội thánh ở Ê-phê-sô đã được thiết lập ổn định (có sẵn hàng ngũ lãnh đạo) Xem 1 Ti-mô-thê 3).

▣ **"các trưởng lão"**, thuật ngữ *presbuteroi* đồng nghĩa với "giám mục" (Xem Tích 1:7) và "mục sư" (Xem Công-vụ 20:17,28; Tích 1:5,7). Mục sư mang tính chất Do-thái, còn giám mục mang tính chất Hy-lạp (như trong hệ thống hành chính thành phố đương thời). Trong Tích, tiêu chuẩn "không phải là người mới tin" (1 Ti-mô-thê 3:6) bị bỏ qua. Điều này chứng tỏ hội thánh ở Cơ-rét là hội thánh mới được thiết lập. Xem [CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TRƯỞNG LÃO / ELDER](#) ở câu 1 Ti-mô-thê 5:1.

▣ **"như ta đã dặn con. "** LỐI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ DẠNG TRUNG CÁCH . Tích sử dụng với tư cách đại diện sứ đồ.

1:6 "nếu" - CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT. Phao-lô giả thiết có những người xứng đáng trong mọi thành phố.

không chỗ trách được,

RVV11: "không có gì đáng trách"

VB1925: "không chỗ trách được"

NASB "không gì hổ thẹn"

NKJV, NRSV "không thể chê trách"

TEV "vô tội"

NJ "không thể chê trách"

Phẩm chất này là chìa khóa cho tất cả các tiêu chuẩn, dù tích cực hay tiêu cực trong 1 Ti-mô-thê and Tích (Xem Tích 1:6,7; 1 Ti-mô-thê 3:2,7,10; 5:7; 6:14). Mặc dù thuật ngữ không chính xác như trong 1 Ti-mô-thê 3, nhưng

từ đồng nghĩa được dùng trong phương cách như vậy. Người lãnh đạo phải có lời chứng tốt trong cộng đồng tín đồ và người chưa được cứu. (Xem Tích 2:5,8,10; Công-vụ 2:47; 4:4,31; 5:13,42). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 3:2.

Những phẩm chất lãnh đạo phải được xem xét trong hai khía cạnh: (1) người lãnh đạo phải có tiếng tốt trong cộng đồng trong và ngoài hội thánh, với mục đích tối hậu là truyền bá Phúc Âm và (2) người lãnh đạo phải khác với giáo sư giả. Biết được cách áp dụng một cách hợp lý trong từng bối cảnh văn hóa và lịch sử là điều không dễ. Tín đồ phải cảnh giác với các nguyên tắc được bối cảnh xã hội tác động, nhưng ưu tiên cho các nguyên tắc được Đức Chúa Trời ban. Sau đây là một số quan sát các hội thánh Tây phương:

1. Họ độc đoán coi trọng một số nguyên tắc, nhưng xem nhẹ hoặc làm lơ những nguyên tắc khác
2. Họ thêm vào một số nguyên tắc và xung những điều đó có thẩm quyền tương đương với lời của Đức Chúa Trời
3. Họ giải kinh theo ánh sáng xã hội hiện đại thay vì theo bối cảnh thế kỷ đầu tiên, khi hội thánh bị giáo sư giả phá hoại.
4. Họ lấy những câu Kinh Thánh khó hiểu để xây dựng tín lý độc đoán áp dụng một cách phổ quát.

Xin tham khảo thêm bản luận 1 Ti-mô-thê 3 của tôi trên mạng , www.freebiblecommentary.org.

▣ **"chồng của một vợ,"** Câu này gây ra nhiều tranh luận. Lẽ dĩ nhiên đó là điều quan trọng với với hội thánh Ê-phê-sô (Xem 1 Ti-mô-thê 3:1,12; 5:7). Nó có thể nói về

1. sự đa thê
2. tái hôn sau khi ly dị
3. tái hôn sau khi người phối ngẫu qua đời
4. một người chung thủy với vợ và gia đình của mình

Các hội thánh sơ khởi đặt giá trị cao với giá trị gia đình. bất cứ nan đề nào về gia đình đều có thể loại bỏ một người ra khỏi chức vụ.

1. Trường hợp đầu tiên ở trên không quan trọng trong xã hội La-mã, nhưng là nan đề đối với người do-thái. (ví dụ các trường hợp đa thê không thành công như Gia-cốp, En-ka-nah, Đa-vid, Sô-lô-môn).
2. Trường hợp thứ hai là nan đề trong cả xã hội La-mã và Do-thái, dựa theo tranh luận giữa trường phái bảo thủ của Shammai và trường phái tự do của Hillel.
3. Trường hợp thứ ba là sự quan tâm lớn đối với hội thánh sơ khởi, đặc biệt Tertullian, và vẫn là nan đề ở châu Âu. Tuy nhiên theo 1 Ti-mô-thê 5:9 (Xem Rô-ma 7:1-2; 1 Cô-rin-tô 7) người góa có thể tái hôn mà không gây vấp phạm.
4. Trường hợp thứ tư liên hệ tới sự giảm giá hôn nhân do giáo huấn của các giáo sư giả (Xem 1 Ti-mô-thê 4:3). Ở đây Phao-lô muốn nhấn mạnh về quan hệ gia đình mạnh mẽ chứ không loại bỏ người độc thân ra khỏi chức vụ. (Xin nhớ đến Chúa Giê-su và Phao-lô là những người độc thân)

▣ **"có các con cái tin kính Chúa, không bị cáo là phóng dăng hoặc ngỗ nghịch."** Câu này đã được bàn đến trong 1 Ti-mô-thê 3:4-5). Phẩm chất lãnh đạo có thể thấy được trong gia đình. Bất cứ nan đề nào xảy ra giữa vợ chồng, cha mẹ, con cái, ông bà đều có thể là cơ để loại một người khỏi chức vụ. "Không có cơ để gây chỉ trích" là nỗi quan tâm lớn đối với hội thánh sơ khởi. Cách một người quản trị gia đình mình sẽ thể trong cách quản trị hội thánh. Chúng ta, những người đang hầu việc Chúa một cách chuyên môn, nên quan tâm tới tiêu chuẩn này. Khá thường xuyên con cái phản loạn ngay trong các gia đình tin kính, dù cha mẹ lãnh đạo hội thánh. Có thể sự thiếu độc đoán trong điểm này nên phản chiếu các tiêu chuẩn khác nữa.

▣ Phải chăng Tích 1:6 áp dụng cho con cái mục sư? Hoặc đây là một trong hai điều mở rộng đối với mục sư? Dù sao, nó cũng tập trung tới nếp sống gia đình và thái độ đối với thẩm quyền. Tôi nghĩ rằng danh sách mở rộng hướng về người có tiềm năng làm lãnh đạo.

1:7 "Vì giám mục" thuật ngữ *episkopon* thường được dịch là "giám mục", "giám thị", "thanh tra". Văn cảnh cho thấy đây là một chức vụ, (Xem Tích 1:5,7 and Công-vụ 20:17,28). Nó có bối cảnh trong xã hội đương thời như một vị giám thị, thanh tra hành chính thành phố. Xem ghi chú ở câu 1 Ti-mô-thê 3:2.

▣ "**là quản gia của Đức Chúa Trời,**" Nói về người quản lý một cơ ngơi (Xem 1 Cô-rin-tô 4:1; 9:17). Thuật ngữ quen thuộc này liên hệ tới tiêu chuẩn trong Tích 1:6. Mục sư là một người quản trị gia đình như thế nào sẽ ảnh hưởng hội thánh như vậy. Có 5 đặc tính tiêu cực trong Tích 1:7 và 6 đặc tính tích cực trong Tích 1:8. Xem **CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: thói tốt và thói xấu trong Tân Ước / Vices and virtues in the NT** ở câu 1 Ti-mô-thê 1:9.

không ngang bướng

VB1925: "không kiêu ngạo"

RVV11: "không kiêu căng"

NASB, NKJV "không tự ý"

NRSV, TEV "không kiêu ngạo"

NJB "không kiêu căng"

Đây là thuật ngữ ghép *autus* (bản thân) và *edomai* (khoái lạc). Nó đặc trưng cho một người tùy ý, ngoan cố, kiêu ngạo và tự mãn (Xem 2 Phi-ê-rơ 2:10).

▣ "**không nóng tính,**" tiếng Hy-lạp *orgē*, ám chỉ sự bùng nổ một cơn giận, có ý nghĩa ngược lại với sự nhân từ kiên nhẫn. Trong danh mục ở câu 1 Ti-mô-thê 3:3, nó đặc trưng cho một người không kiềm chế được cảm xúc, và nhạy giận.

không ghiền rượu,

NASB, NRSV "không nghiện rượu"

NKJV "không say rượu"

TEV "không là người say xỉn"

NJB "không là người uống rượu nghiêm trọng"

Đây dường như là một minh họa cho Châm-ngôn 23:29-35 trong bản Bảy Mươi. Kinh Thánh cáo trách sự nghiện rượu, nhưng không khích lệ kiêng cử tuyệt đối. (Xem Sáng-Thế-Ký 27:28; Thi-thiên 104:14,15; Truyền-đạo 9:7; Châm-ngôn 31:6-7).

Sự kiêng cử tuyệt đối đến từ hứa nguyện cá nhân đối với Chúa Giê-su, hạn chế quyền riêng tư để không gây vấp phạm trong xã hội mà mình đang phục vụ (Xem Rô-ma 14:1-15:13; 1 Cô-rin-tô 8-9; 10:23-33). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Quan điểm Kinh Thánh đối với rượu và nghiện rượu / Biblical Attitudes Toward Alcohol (fermentation) and Alcoholism (addiction) ở câu 1 Ti-mô-thê 3:3.

không hung bạo,

VB1925: "hung tàn"

RVV11: "hung bạo"

NASB "gây gổ"

NKJV, NRSV,

TEV, NJB "hung dữ"

Theo nghĩa đen "không đấm đá", có thể nói về thái độ khi uống rượu, hoặc đặc tính ưa thích đánh nhau. (Xem 1 Ti-mô-thê 3:3).

không tham lợi bất chính,

VB1925: "Chẳng tham lợi"

NASB "chẳng ham lợi bất chính"

NKJV "chẳng tham tiền"

NRSV "chẳng tham lợi"

TEV "chẳng tham tiền"

NJB "chẳng hám lợi"

Điều này phản chiếu một đặc tính của các giáo sư giả, Tích 1:11. Xin tham khảo 1 Ti-mô-thê 3:8.

1:8 "nhưng là người hiếu khách" Nghĩa đen "yêu mến người lạ" Các nhà nghỉ thời Phao-lô nổi tiếng là nhà chứa mại dâm, vì vậy mà các lãnh đạo cần mở cửa nhà mình cho các giáo sỹ lưu động, và người gặp khó khăn trong cộng đồng. (Xem 1 Ti-mô-thê 5:10; Rô-ma 12:13; Hê-bơ-rơ 13:2; 1 Phi-ê-rơ 4:9; 3 Giăng 1:5).

▣ **"yêu mến điều tốt,"** Cả hai thuật ngữ mở đầu trong Tích 1:8 là từ ghép *phileos* và *agathos*. Cụm từ này là câu xác nhận khá phổ biến trong xã hội Hy-lạp / La-mã. Các nhà khảo cổ tìm thấy câu này được khắc trên dấu hoặc bia. Điều đối nghịch của sự yêu mến được thấy trong 2 Ti-mô-thê 3:3, đặc trưng cho các giáo sư giả, (bản VB1925 dịch là "bạn với bạn hiền", còn RVV dịch là "yêu mến việc thiện")

đứng đắn,

RVV: "lịch thiệp"
VB1925: "khôn ngoan"
NASB, NJB "biết điều"
NKJV "tỉnh táo"
NRSV "khôn ngoan"
TEV "có kỷ luật"

Đây là phẩm chất được thấy trong nhiều dạng khác nhau trong các thư Linh Vụ (Xem 1 Ti-mô-thê 2:9,15; 3:2; 2 Ti-mô-thê 1:7; Tích 1:8; 2:2,4,5,6,9,12,15). Nó ám chỉ sự quân bình trong cuộc sống, tránh những thái cực.

Xem ghi chú đầy đủ ở câu 1 Ti-mô-thê 3:2.

công chính, thánh sạch

RVV11: "chính trực thánh khiết"
VB1925: "công bình thánh sạch"
NASB "công chính just, nhiệt huyết"
NKJV "công chính thánh khiết, holy"
NRSV, NJB "công chính, nhiệt huyết"
TEV "công chính thánh khiết"

những phẩm chất này không được nói đến trong 1 Ti-mô-thê 3. Nó thường liên hệ tới xã hội Hy-lạp, phản chiếu trách nhiệm đối với Thần Linh và với người.

▣ **"tự chủ,"** Phẩm chất này miêu tả Phao-lô trước toà của quan tổng trấn Phê-lít và Đơ-ru-si trong Công-vụ 24:24 và các câu tiếp theo. Nó cũng dùng Phao-lô dùng trong hình ảnh vận động viên trong 1 Cô-rin-tô 9:25, hay về sự trưởng thành Cơ-đốc trong Tích 2:2 and 2 Phi-ê-rô 1:6. DANH TỬ "tự chủ" xuất hiện trong danh sách các ân tứ Đức Thánh Linh trong Ga-la-ti 5:23. Người được Đấng Christ làm chủ có thể nhờ quyền năng Đức Thánh Linh kiềm chế ước vọng và đề thoát khỏi sự cám dỗ của ma quỷ, thế gian và bản ngã tội lỗi của mình. .

1:9 giữ vững tinh túy của Đạo đáng tin cậy

VB1925: "hàng giữ đạo thật"
RVV11: "giữ vững lời đáng tin cậy"
NASB, NKJV "nắm chặt lời trung tín"
NRSV "nắm chặt lấy lời đáng tin cậy"
TEV "nắm chặt lấy sự điệp đáng tin cậy"
NJB "nắm chặt lấy niềm không thay đổi"

ĐỘNG TÍNH TỬ THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH. Tín đồ cần phải học hỏi từ các sứ đồ chân thực của Cơ-đốc giáo, bám chặt Cựu Ước và Tân Ước, là sự điệp mặc khải Đức Chúa Trời duy nhất. Kinh thánh là sự hướng dẫn đức tin và nếp sống đạo cho họ và cho chúng ta!

đã được dạy,

VB1925: "y như đã nghe dạy"
RVV11: "đã được dạy dỗ"
NASB, NRSV "tức là chiếu theo sự dạy dỗ"
NKJV "như người đã được dạy"
TEV "đồng thuận với giáo lý"
NJB "theo truyền thống"

Lãnh đạo hội thánh phải truyền đạt giáo huấn của các sứ đồ, như họ đã được dạy dỗ một cách miến phí.

▣ "để có thể khuyến khích người khác bằng các tín lý lành mạnh " Đây tớ Chúa phải chuẩn bị mình một cách cá nhân, được trang bị ân tứ và được tác động bởi tình yêu, phải luôn sẵn sàng chia sẻ với người chia tin và tín đồ. Trách nhiệm của ông là dạy dỗ, truyền giảng, và làm gương (qua nếp sống), và sửa sai các giáo huấn giả, (Xem 2 Ti-mô-thê 4:2).

Về "đạo thật" / "sound doctrine" xin xem ghi chú ở câu 1 Ti-mô-thê 1:10.

▣ "và phơi bày những sai lầm của những kẻ chống đối" Những câu tiếp theo phơi bày thái độ và hành động của các giáo sư giả (Xem Tích 1:10-16). Rõ ràng họ thuộc thành phần của Do-thái giáo (Xem Tích 1:10,14).

BD2011: TÍCH 1:10-16

¹⁰ Vì có nhiều kẻ chống đối, những kẻ nói vu vơ gây hoang mang, và những kẻ lừa dối, đặc biệt là trong giới được cắt bì, ¹¹ đó là những kẻ cần phải làm cho im miệng. Vì lợi lộc thấp hèn họ đã dạy những điều không nên dạy, làm xáo trộn cả gia đình của nhiều người. ¹² Một người trong họ, một tiên tri của họ, đã nói, "Người Cơ-rét hay nói dối, là những con thú dữ, tham ăn và biếng nhác."

¹³ Lời chứng ấy là thật. Vậy con hãy nghiêm khắc khiển trách họ, để họ được lành mạnh trong đức tin, ¹⁴ không chú ý vào những chuyện hoang đường của người Do-thái và các điều răn của những kẻ lia bỏ chân lý. ¹⁵ Mọi sự đều là trong sạch đối với những người trong sạch, nhưng đối với những kẻ ô uế và không tin thì chẳng có gì là trong sạch, vì tâm trí và lương tâm của họ đã bị ô uế. ¹⁶ Họ cũng xưng rằng họ biết Đức Chúa Trời, nhưng qua những việc làm của họ, họ chối bỏ Ngài. Họ thật đáng tởm, không vâng lời, và không thích hợp để làm việc tốt gì.

1:10 Vì có nhiều kẻ chống đối,

VB1925: "Chẳng chịu vâng-phục"

RVV11: "vô kỷ luật"

NASB "những người chống đối"

NKJV, NJB "những người bất tuân"

NRSV "những người chống nghịch"

TEV "người chống nghịch"

"Chống đối" là dạng PHỦ ĐỊNH ALPHA PRIVATIVE của "đầu phục" (*hupotassō*) (Xem Tích 1:6). Nghĩa đen là "không ở dưới thẩm quyền", theo văn cảnh liên hệ tới những người chống đối ở câu trước, Tích 1:9. Cả phân đoạn Tích 3:9-11 miêu tả những người này.

những kẻ nói vu vơ gây hoang mang, và những kẻ lừa dối,

RVV11: "hay huênh hoang và lừa dối"

VB1925: "hay nói hư-không và phỉnh-dở"

NASB "nói rỗng tuếch và lừa dối"

NKJV, NRSV "nói xuông và lừa gạt"

TEV "lừa gạt mọi người với điều vô nghĩa"

NJB "người nói điều vô nghĩa và gắng làm người ta tin"

"Vu vơ" và "lừa dối", hai chữ chỉ có ở đây chứ không có nơi nào khác trong Tân Ước, đặc trưng miêu tả các giáo sư giả và tay chân của họ. Những gì chúng ta tin và sống theo là những điều hết sức quan trọng trong Cơ-đốc giáo

▣ "đặc biệt là trong giới được cắt bì" Câu này nhắc lại sự phản đối của Phao-lô trước thái độ của hội đồng Giê-ru-sa-lem và hội thánh ở Ga-la-ti (Công-vụ 15, Ga-la-ti 2:12 và các câu tiếp). Không rõ những người sùng bái Do-thái giáo (ép mọi người trở nên Do-thái trước khi họ có thể tin Chúa) liên hệ thế nào với các giáo sư giả ở Cô-lô-sê, Ê-phê-sô, và các thư Linh Vụ. Các giáo sư giả thuộc thành phần sùng đạo Do-thái và thành phần Triết học gia Hy-lạp. (tri-huệ giáo). Hãy xem chương giới thiệu 1 Ti-mô-thê, phần C, Các Giáo Sư Giả, cũng như chủ đề đặc biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 1:8.

Với sự qua đời của các sứ đồ và tăng trưởng Cơ-đốc giáo, nhiều nhóm ly khai xuất hiện khắp các vùng Trung Cận Đông và Địa Trung Hải. Tân Ước cho thấy cách nhận diện họ, chủ yếu trong Ma-thi-ơ 7 và 1 Giăng, đặc biệt so sánh họ với nếp sống thích hợp và tín lý chân thật

1:11 "đó là những kẻ cần phải làm cho im miệng." THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG LỐI VÔ ĐỊNH của thuật ngữ ghép "đặt lên miệng" (ví dụ bịt miệng, khóa miệng bằng giẻ, làm yên lặng). Lãnh đạo phải chỉ đạo ai được quyền nói ở hội thánh. Đó là nguyên tắc mà Phao-lô truyền đạt trước đây và cũng thích hợp hôm nay. Tự do tôn giáo và tự do phát ngôn không đồng nghĩa với chuyện ai cũng được phép nói và giảng cho dân sự của Đức Chúa Trời !

▣ **"làm xáo trộn cả gia đình của nhiều người"** Câu này có thể liên hệ tới việc xáo trộn các hội thánh tại gia (Xem Rô-ma 16:5; 1 Cô-rin-tô 16:19; Cô-lô-sê 4:15; 1 Ti-mô-thê 3:15) hoặc sự lạm dụng các quả phụ và những người họ thuyết phục (Xem 2 Ti-mô-thê 3:6).

▣ **"Vì lợi lộc thấp hèn họ đã dạy những điều không nên dạy"** Đây là bản ngã tự nhiên của giáo sư giả: "vì lợi lộc thấp hèn". (Xem 1 Ti-mô-thê 1:7; 6:5,10; 2 Phi-ê-rơ 2:3,14; Giu-đe 1:16). Lãnh đạo hội thánh phải miễn dịch với sự cám dỗ (Xem 1 Ti-mô-thê 3:3,8; 6:9-10).

Các giáo sư giả có thể nhận định bởi những đặc tính sau đây:

1. lạm dụng tiền bạc
2. lạm dụng tình dục
3. tự xưng mình có khả thi duy nhất và đặc biệt

Nếu "một lãnh đạo tâm linh" muốn tiền bạc, vợ con của quý vị và tự xưng mình được Đức Chúa Trời phán, hãy cầm cửa và nói với họ: "Xin ông lui đi!"

1:12 "Một người trong họ, một tiên tri của họ," Epimenides (nhà thơ và tiên tri Hy-lạp) sống trong thế kỷ thứ sáu trước CN, xuất xứ từ Cơ-rét. Phao-lô dẫn chứng bài thơ của ông để nói về ảnh hưởng người Hy-lạp trên người dân đảo này và giáo lý lầm lạc. Có tới ba trích dẫn của các triết gia Hy-lạp trong các thư tín của ông (Xem Công-vụ 17:28; 1 Cô-rin-tô 15:13; Tích 1:12). Phao-lô lớn lên ở Tạc-sơ một thành phố nổi tiếng bởi giáo dục, chính vì vậy ông biết rõ cả nền văn hóa Hy-lạp và Do-thái.

Phao-lô gọi Epimenides là tiên tri vì ông viết rõ về đặc tính người Cơ-rét, hoặc có thể người Cơ-rét tin ông được thần cảm bởi các thần Hy-lạp. Ông là một trong những người khôn ngoan nhất xuất xứ từ Cơ-rét.

▣ **"Người Cơ-rét hay nói dối,"** Đây là câu thơ sáu âm tiết. Người Cơ-rét tin rằng thần Zeus chết và được chôn ở đảo Cơ-rét. Thuật ngữ "cretinous" (phát âm khá giống "người cơ-rét") có nghĩa "người nói dối" Theo ngữ cảnh, Phao-lô đang nói về các giáo sư giả, chứ không nói về hội thánh hay người ngoài xã hội.

▣ **"tham ăn và biếng nhác."** Ý nghĩa chính là tham lam (Xem Phi-líp 3:19).

1:13 "Hãy quả nặng" Nghĩa đen là "cắt bỏ bằng con dao" LỐI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG - một thuật ngữ mạnh chỉ được dùng ở đây trong toàn bộ Tân Ước. Các dạng quả trách mạnh khác được thấy trong 1 Ti-mô-thê 5:25; 2 Ti-mô-thê 4:2; Tích 2:15.

▣ **"để họ được lành mạnh trong đức tin"** Câu này cho thấy mục đích sự quả trách để được cứu, chứ không để trừng phạt. (Xem 1 Cô-rin-tô 5:5; Hê-bơ-rơ 12:5-13). The DANH TỪ XƯNG HỒ S in Tích 1:13 refer to the false teachers (Xem 2 Ti-mô-thê 2:25-26).

Thuật ngữ "lành mạnh" được thấy vài lần trong các thư Linh Vụ. (Xem 1 Ti-mô-thê 1:10; 2 Ti-mô-thê 1:13; 4:3; Tích 1:9,13; 2:1,2,8).

1:14 "những chuyện hoang đường của người Do-thái " các huyền thoại ở đây có lẽ được đồn đại bởi người Do-thái về nguồn gốc gia phả Đấng Mê-si-a (Xem Tích 3:9; 1 Ti-mô-thê 1:4; 2 Ti-mô-thê 4:4). Về tranh luận "chuyện hoang đường" xin tham khảo G. B. Caird, *The Language and Imagery of the Bible*, trang. 219-242.

▣ **"và các điều răn "** Trong văn cảnh, ở đây ám chỉ Luật Truyền Miệng của người Do-thái, được sao chép trong các văn tự Ba-by-lon và Pa-le-stin Talmuds (Xem Ê-sai 29:13; Mác 7:7-8; Cô-lô-sê 2:16-23).

▣ **"của những kẻ lia bỏ chân lý"**. “đang lià bỏ” - ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH, ám chỉ các giáo sư giả không ngừng quay lưng khỏi Phúc Âm. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Chân lý /Truth ở câu 1 Ti-mô-thê 2:4.

1:15 " Mọi sự đều là trong sạch đối với những người trong sạch, " "Mọi sự " được đứng đầu câu trong bản Hy-lạp với dụng ý nhấn mạnh. Chân lý này khó được một số người chấp nhận (Xem 1 Ti-mô-thê 4:4; Mác 7:15-23; Lu-ca 11:41; Rô-ma 14:14,20; 1 Cô-rin-tô 10:23-33)! Nó có thể liên hệ tới chủ nghĩa khổ hạnh khá phổ biến trong tín ngưỡng, triết lý Hy-lạp (Xem 1 Ti-mô-thê 4:3; Cô-lô-sê 2:20-22). Cơ-đốc nhân theo luật pháp chủ nghĩa cũng mất thăng bằng ở điểm này (Xem Rô-ma 14:1-15:13)!

▣ **"nhưng đối với những kẻ ô uế và không tin thì chẳng có gì là trong sạch, "** Thuật ngữ cùng nguồn gốc (COGNATE VERBAL) là ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HOÀN THÀNH DẠNG THỤ ĐỘNG (ô uế) và THÌ HOÀN THÀNH DẠNG THỤ ĐỘNG LỐI CHỈ ĐỊNH (chẳng trong sạch), ám chỉ tình trạng ổn định bởi một tác nhân bên ngoài, ở đây là ma quỷ. Loại người này xuyên tạc mọi sự và làm tổn thương mọi người, (ví dụ. Công-vụ 20:29).

1:16 "Họ cũng xưng rằng họ biết Đức Chúa Trời" - trong bản Hy-lạp, “Đức Chúa Trời họ cũng xưng rằng họ biết”. "Đức Chúa Trời " được đặt đầu câu với mục đích nhấn mạnh. Các giáo sư giả tuyên bố mình mộ đạo, tin kính với tiêu chuẩn con người, (Xem Ê-sai 29:13; Cô-lô-sê 2:16-23), nhưng thực ra họ bị ô uế. Ở đây có thêm một bằng chứng khác, là việc sử dụng danh hiệu "Đức Chúa Trời " thay vì Đấng Christ. Tham khảo [CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Tuyên xưng / CONFESSION](#) ở câu 1 Ti-mô-thê 6:12.

▣ **"nhưng qua những việc làm của họ, họ chối bỏ Ngài. "** “chối bỏ” - THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH LỐI CHỈ ĐỊNH. Nếp sống của tín đồ là bằng chứng cho sự cải đạo thực của họ. (Xem Ma-thi-ơ 7:16,20; 1 Giăng and Gia-cơ).

▣ **"Họ thật đáng tởm, "** “Đáng tởm” một thuật ngữ được dùng khá thường xuyên trong bản Bảy Mươi, còn được dịch là “đáng ghét, ghê gớm” (Xem Khải Huyền 17:4) thường xuyên trong sự liên hệ tới thờ phượng thần tượng. Nghĩa đen là “hôi thối”, (Xem Khải Huyền 21:8).

▣ **"không vâng lời, và không thích hợp để làm việc tốt gì "** Quả thực đây là một lời gây sốc (Xem 1 Cô-rin-tô 3:10-15; 2 Phi-ê-rơ 1:8-11)!

Từ "không vâng lời" được dùng trong Tích 3:3 để miêu tả cách sống của tín đồ trước khi họ tin Chúa và được ân sủng của Đức Chúa Trời /Christ thay đổi họ (3:4)!

Từ “không thích hợp” chính xác là “không qua nổi thử nghiệm” (*dokimos* dạng PHỮ ĐỊNH ALPHA PRIVATIVE Xem 1 Cô-rin-tô 9:27; 2 Ti-mô-thê 3:8). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Thuật ngữ Hy-lạp cho thử nghiệm / The Greek Term for "Testing" ở câu 1 Ti-mô-thê 6:9.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp anh chị em suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Danh mục các phẩm chất người lãnh đạo trong 1 Ti-mô-thê 3:1-13 khác trong Tích 1 như thế nào?

2. Các phẩm chất này phản ánh xã hội La-mã/Hy-lạp thế kỷ thứ nhất như thế nào? Nó liên hệ tới xã hội ngày nay và hội thánh như thế nào ?
3. Các phẩm chất này bị ảnh hưởng như thế nào bởi giáo huấn và nếp sống của giáo sư giả?
4. Hãy tóm tắt cả danh mục phẩm chất bằng một câu để miêu tả phẩm chất một lãnh đạo Cơ-đốc.
5. Phân đoạn này khác với 1 Ti-mô-thê trong hệ thống điều hành hội thánh?
6. Ai là giáo sư giả ở Cơ-rét, Phải chăng họ là Cơ-đốc nhân?
7. Liệt kê các câu miêu tả tính cách Do-thái của các giáo sư giả
8. Liệt kê các câu sấm chỉ tích cách triết học Hy-lạp của các giáo sư giả
9. Giải thích nguyên tắc chung của câu Tích 1:15.

TÍCH 2

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Dạy dỗ tín lý lành mạnh	Phẩm chất một hội thánh	Mục sư và đàn chiên (2:1-3:11)	Tín lý lành mạnh	Một số hướng dẫn cụ thể về đạo đức
2:1-10	2:1-10	2:1-2 2:3-5 2:6-8 2:9-10	2:1-5 2:6-8 2:9-10	2:1-10 Căn bản về nếp sống đạo đức Cơ-độc nhân
2:11-15	Huấn luyện bởi ân sủng 2:11-15	2:11-14 2:15-3:8a	2:11-14 2:15	2:11-14 2:15

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của anh chị em với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

KIẾN GIẢI THEO VĂN CẢNH CÂU 1-10

A. Phao-lô chỉ đạo các nhóm người

1. Các ông già (Tích 2:1-2)
2. Các bà già. Tích 2:3 (Xem 1 Ti-mô-thê 2:9-15)
3. Các phụ nữ trẻ (Tích 2:4-5)
4. Các thanh niên (Tích 2:6)
5. Bản thân Tích, Tích 2:7-8,15 (Xem 1 Ti-mô-thê 4:12-13)
6. Các nô lệ (Tích 2:9-10)

B. Trong Tích 2, các phẩm chất lãnh đạo đã được thấy trong Tích 1:5-9 và 1 Ti-mô-thê 3, nay mở rộng ra cho tín đồ cả nam và nữ, trong mọi lứa tuổi.

c. Mục đích của nếp sống tin kính Cơ-độc đư0ợc nói ra một cách rõ ràng trong Tích 2:11-14, là một câu dài trong bản Hy-lạp.

d. Tích 2 là sự đối ngược thực tế so với nếp sống của giáo sư giả đư0c đề cập trong Tích 1:10-16.

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

BD2011: TÍCH 2:1-3

Về phần con, hãy giảng dạy những gì phù hợp với tín lý lành mạnh.² Con hãy khuyên các cụ ông nên tiết độ, nghiêm trang, đứng đắn, vững vàng trong đức tin, trong tình yêu, và trong sự kiên trì.

2:1 "Về phần con," DANH TỪ XUNG HỒ số ít "con" đư0ợc nhấn mạnh. Điều này cho thấy sự khác biệt giữa các giáo sư giả và Tích, người lãnh đạo và giáo sư thực (Xem 1 Ti-mô-thê 6:11; 2 Ti-mô-thê 3:1,14).

▣ **"hãy giảng dạy"** LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG (Xem 1 Ti-mô-thê 4:13; 2 Ti-mô-thê 4:2). Sử điệp Phúc Âm và các ứng dụng phải đư0ợc truyền rao.

▣ **"những gì phù hợp với tín lý lành mạnh"** Tín lý lành mạnh là một chủ đề thường đư0ợc nhắc lại (Xem Tích 1:9,13; 2:1,2,8; 1 Ti-mô-thê 1:10; 2 Ti-mô-thê 1:13; 4:3). Xin hãy để ý rằng văn cảnh của tín lý lành mạnh không phải là lý thuyết, nhưng là nếp sống, thực tế, không vị kỷ và giống Đấng Christ. Chúng ta không thể tách biệt sự tuyên xưng công chính khỏi sự nên thánh.

2:2 "Con hãy khuyên các cụ ông " "Cụ ông" cũng cùng từ thuật như "trưởng lão" trong Tích 1:5 và 1 Ti-mô-thê 5:1,17, nhưng văn cảnh đòi hỏi cách dịch khác, (Xem Phi-lê-môn 9). Trong xã hội đương thời, Phao-lô ám chỉ đàn ông trên 60. Xem [CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TRƯỞNG LÃO / ELDER](#) ở câu 1 Ti-mô-thê 5:1.

nên tiết độ,

RVV11:	"tiết chế"
NASB, NRSV	"ôn hòa"
NKJV, TEV	"tĩnh táo"
NJB	"kín đáo"

Nghĩa đen là "tĩnh táo", so với sự say sưa (Xem Tích 1:6,7). Thuật ngữ cũng là ẩn dụ cho việc tỉnh thức, cảnh giác (Xem 1 Ti-mô-thê 3:2,11).

▣ **"nghiêm trang, đứng đắn,"** đư0ợc dùng trong Tích 2:2,4,5,6 và 12. Xem ghi chú "khôn ngoan" / "prudent" ở câu 1 Ti-mô-thê 3:2.

NASB, NJB	"tôn kính"
NKJV	"nghiêm túc"
NRSV	"hợp lý"
TEV	"trang nghiêm"

Thuật ngữ này đư0ợc dùng vài lần trong các thư Linh Vụ (Xem Tích 2:2,7; 1 Ti-mô-thê 2:2; 3:4,8,11; và còn một dạng đồng nghĩa trong 2 Ti-mô-thê 2:2; 3:4). Theo các chuyên gia từ điển Bauer, Arndt, Gingrich, và Danker, nó có thể đư0ợc dịch là "Tôn kính, nhân phẩm, nghiêm túc, tôn trọng, thánh thiện, hay thành thật" (Xem trang. 47).

Thuật ngữ tương đồng trong tiếng Latin là "Augustus" (Xem Công-vụ 25:21,25; 27:11). Nó ám chỉ việc tôn sùng hoặc thờ kính một cá nhân, ví dụ Hoàng đế, qua hành động hoặc cảm xúc trước mặt người ấy.

▣ **"vững vàng trong đức tin, trong tình yêu,"** "Vững vàng", đồng nghĩa với "lành mạnh" trong Tích 2:1 là chủ đề đư0ợc nhắc đi nhắc lại. Cơ đốc nhân phải "lành mạnh" trong đức tin, tình yêu và sự bền đỗ, (Xem 1 Ti-mô-thê

6:11; 2 Ti-mô-thê 3:10), cũng như trong giáo lý. Theo Phao-lô, đức tin và nếp sống là những điều không thể tách rời, khác với giáo huấn của các giáo sư giả.

▣ **"và trong sự kiên trì."** Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:16 và một dạng khác trong 2 Ti-mô-thê 2:11.

BD2011: TÍCH 2:3-5

³ **Trương tự, con hãy khuyên các cụ bà nên có thái độ phản ánh đức thánh khiết, không nói xấu, không ghiền rượu, biết dạy dỗ điều tốt, ⁴ để các cụ có thể khuyên các phụ nữ trẻ biết yêu chồng, yêu con, ⁵ đứng đắn, trong sạch, đảm đang việc nhà, tốt, thuận phục chồng, để Đạo ^[a] Đức Chúa Trời không bị nói xấu.**

2:3 "có thái độ phản ánh đức thánh khiết," Đây là từ ghép *hieros*, (thánh khiết, thiêng liêng như *hierou*, là đền thánh) và *prepei*, (thích hợp) Các cụ bà phải xử sự một cách tin kính và thánh khiết. (Xem 1 Ti-mô-thê 2:10).

không nói xấu,

NASB "nói xấu độc ác"

NKJV, NRSV,

TEV "không vu khống"

NJB "không vu khống"

Thuật ngữ Hy-lạp là (*diabolos*), có nghĩa là ma quỷ, kẻ vu khống, (Xem Giăng 6:20; 1 Ti-mô-thê 3:6. xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SATAN** ở câu 1 Ti-mô-thê 3:6). Tuy nhiên ở đây Phao-lô sử dụng ngôi số nhiều và không có **MAO TỬ**, ám chỉ các bà nói chung (Xem 1 Ti-mô-thê 3:11; 2 Ti-mô-thê 3:3). Theo John Calvin: "nói nhiều là bệnh của phụ nữ và trở nên trầm trọng hơn khi càng cao tuổi"

Nan đề không phải là chuyện mách lẻo, nhưng là truyền đạt thông tin giả. (Xem 1 Ti-mô-thê 5:13). Các quả phụ trẻ có thể là phương tiện của các giáo sư giả trong các gia đình và hội thánh tại gia ở Ê-phê-sô (Xem 2 Ti-mô-thê 3:5-7). Không biết các câu này, (cũng được thấy trong 1 Ti-mô-thê 3:11; 2 Ti-mô-thê 3:3) có liên hệ với nhau không? .

▣ **"không ghiền rượu, " ĐÔNG TÍNH TỪ THÌ HOÀN THÀNH DẠNG THỤ ĐỘNG .** Câu này mạnh hơn câu Tích 1:7 hoặc 1 Ti-mô-thê 3:3,8. Tệ ghiền rượu ở Co-rét chắc phải nghiêm trọng hơn so với các nơi khác. (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Nghiền rượu / Alcoholism ở câu 1 Ti-mô-thê 3:3, về mức độ tiêu thụ rượu khác nhau tùy theo nền văn hóa.)

▣ **"biết dạy dỗ điều tốt, "** Bởi vì câu 1 Ti-mô-thê 2:12, ở đây nói về chuyện dạy dỗ trong nhà của các phụ nữ trẻ. Câu 4-5 là văn cảnh cho điều này, Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 3:3.

2:4 "để các cụ có thể khuyên các phụ nữ trẻ " gốc của từ này là *sōphrōn* được thấy trong Tích 2:4,5,6, và 12. Ý nghĩa căn bản là "tâm trí tỉnh táo", quảng bá một nếp sống tự chủ, quân bình

▣ **"biết yêu chồng, yêu con, "** Hai thuật ngữ Hy-lạp chỉ được thấy ở đây trong Tân Ước. Ý chỉ của Đức Chúa Trời cho phụ nữ có chồng là họ yêu chồng con mình. Còn giáo sư giả làm những điều trái ngược, lộn xộn gia đình, (Xem Tích 1:11; 2 Ti-mô-thê 3:6).

2:5 Mô hình phụ nữ vâng phục làm nội trợ là mô hình phổ biến vùng Địa Trung Hải thế kỷ thứ nhất. (Xem 1 Ti-mô-thê 2:10). Mô hình này có nên áp dụng cho thế kỷ 21 không là điều khó trả lời. Cơ-đốc giáo cần được phép giải kinh một cách không độc đoán. Xin xem cuốn *How to Read the Bible For All Its Worth* của ông Fee và Stuart, cũng như cuốn *The Gospel và Đức Thánh Linh* của ông Gordon Fee.

▣ **"đứng đắn, "** Xem ghi chú đầy đủ ở câu 1 Ti-mô-thê 3:2.

▣ **"trong sạch,"** Trong các thư Linh Vụ, thuật ngữ này được dùng duy nhất ở đây. Ngoài ra Phao-lô cũng sử dụng với ý nghĩa "cô dâu tinh sạch" ở câu 2 Cô-rin-tô 11:2. BẢN RVV11 dịch là "trong sạch", Bản VB1925 "trong trắng"

đảm đang việc nhà, tốt,

VB1925: "trông nom việc nhà, lại biết ở lành"

RVV11: "đảm đang việc nhà, hiền thực"

NASB "làm việc ở nhà"

NKJV "nội trợ"

NRSV "bà chủ nhà"

TEV "nội trợ tốt"

NJB "làm việc trong nhà như thế nào"

Có những sự khác biệt trong các bản Hy-lạp (tham khảo BAGD, trang 561). Hầu hết các bản chữ lớn (uncial manuscripts \aleph , A, C, D, F, G, I), hầu hết các giám mục đầu tiên, và hầu hết các bản chữ nhỏ sau này (minuscule manuscript) đều sử dụng một thuật ngữ chung người làm việc nhà (*oikourgos*, "nhà" + "người làm việc"), nhưng một số bản cổ (\aleph^c , D^c, H, L, P) dùng thuật ngữ "người giữ nhà" (*oikouros*, "nhà" + "giữ"), giống như 1 Ti-mô-thê 5:14, hoặc quản gia (*oikodesmoteu*, "nhà" + "chủ").

Thuật ngữ này, *oikourgous*, là thuật ngữ rất hiếm hoi (Bruce M. Metzger, *Commentary on the Greek New Testament*, p. 654). Một trong các tiêu chuẩn xác định văn bản là: Thuật ngữ nào bất thường nhất chính là thuật ngữ nguyên thủy, bởi các nhà sao chép luôn có xu hướng thay đổi nó sang thuật ngữ thân thuộc.

▣ **"thuận phục chồng"** ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH - Thuật ngữ "thuận phục", "đầu phục" mang ý nghĩa quân sự, ám chỉ chuỗi thẩm quyền trên dưới. (Xem Ê-phê-sô 5:21 và các câu tiếp; Cô-lô-sê 3:18; 1 Ti-mô-thê 2:11-12; 1 Phi-ê-rô 3:1). Tuy nhiên, xin để ý rằng Phao-lô liên hệ sự đầu phục với sự đầy rẫy Thánh Linh, khiến mọi Cơ-độc nhân đầu phục lẫn nhau. (Xem Ê-phê-sô 5:18,21) và ghi chú ở câu 1 Ti-mô-thê 2:11-12.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐẦU PHỤC (HUPOTASSO)

Submission (Hupotassō)

Bản LXX dùng chữ này để dịch 10 chữ Hê-bơ-rơ khác nhau. Nghĩa căn bản trong Cựu Ước là "ra lệnh" hay là "quyền ra lệnh." Điều này được thấy trong bản LXX.

1. Đức Chúa Trời ra lệnh (Lê-vi-ký 10:1; Giô-na 2:1; 4:6-8)
2. Môi-se ra lệnh (Xuất Ê-díp-tô ký 36:6; Phục truyền 27:1)
3. Các vua ra lệnh (II Sử ký 31:13)

Trong Tân Ước ý nghĩa này cũng được duy trì trong Công-vụ 10:48, nói đến các sứ đồ truyền lệnh. Tuy nhiên, một số ý nghĩa mới cũng được phát triển trong Tân Ước.

Khía cạnh tình nguyện được phát triển (thường ở thể TRUNG CÁCH)

Hành động tự giới hạn mình được thấy trong Chúa Giê-xu khi Ngài đầu phục Đức Chúa Cha (Lu-ca 2:51)

Người tin Chúa thuận theo những khía cạnh văn hóa để Phúc âm khỏi bị phản tác dụng

1. Toàn thể người tin Chúa (Ê-phê-sô 5:21)
2. Những người vợ tin Chúa (Cô-lô-sê 3:18; Ê-phê-sô 5:22-24; Tít 2:5; I Phi-e-rô 3:1)
3. Người tin Chúa đối với chính quyền người ngoại (Rô-ma 13:1-7; I Phi-e-rô 2:13)

Người tin Chúa hành động bởi động cơ yêu thương, đối với Đức Chúa Trời, với Đấng Christ, với nước Đức Chúa Trời, vì sự tốt lành của người khác.

Giống như chữ *agapao* Hội thánh làm cho từ ngữ này mang một ý nghĩa mới dựa vào nhu cầu của vương quốc Đức Chúa Trời và nhu cầu của người khác. Chữ này khoác lên một vẻ cao trọng mới của sự không ích kỷ, không dựa vào mạng lệnh, nhưng dựa vào một mối liên hệ mới với một Đức Chúa Trời đã ban cho chính Ngài và Đấng Mê-si-a. Người tin Chúa vâng lời và đầu phục vì lợi ích của toàn thể và vì ơn phước cho cả gia đình Đức Chúa Trời.

▣ "để Đạo Đức Chúa Trời không bị nói xấu." Nếp sống tín đồ là chủ đề thường xuyên trong các thư Linh Vụ. "không có chi trích" (Xem Tích 2:8,10; 1 Ti-mô-thê 3:2,7,10; 5:8,14; 6:1; Tích 1:6-7,8,10). Nếp sống đạo và lời làm chứng phải đưa mọi người tới Đấng Christ. Chân lý, tức là giáo huấn lành mạnh, không bao giờ tách biệt sự được xưng công chính khỏi sự nên thánh!

BD2011: TÍCH 2:6-8

⁶Trong tự, con hãy khuyên các thanh niên phải đứng đắn.⁷Trong mọi sự, con phải tỏ ra là một người gương mẫu trong những việc tốt. Trong sự giảng dạy, con hãy trung thực và nghiêm chỉnh, ⁸lời lẽ phải lành mạnh, để không ai có thể bắt bẻ, hầu những kẻ chống đối phải hổ thẹn, không nói xấu chúng ta được điều gì.

2:6 đứng đắn

RVV11: "tự chủ"
VB1925: "tiết độ"
NASB "hợp tình hợp lý"
NKJV "tỉnh táo"
NRSV, TEV "tự chủ"
NJB "quân bình"

người trẻ chỉ nhận được một chỉ dẫn, ("biết điều," Xem Tích 2:2,4,5). Đây là LỜI MỆNH LỆNH duy nhất trong Tích 2:2-6. Xem ghi chú đầy đủ về thuật ngữ Hy-lạp thông dụng ở câu 1 Ti-mô-thê 3:1. Nó đặc trưng về giáo huấn dạy kỹ năng căn bản cho của sống của các triết gia Hy-lạp, (ví dụ nguyên tắc vàng: "đi ở giữa các thái cực")

2:7 "Trong mọi sự," đây là điều không rõ ràng về mặt ngữ pháp, không biết "trong mọi sự" liên hệ tới lời khuyên cho thanh niên, hay liên hệ tới lời khuyên cho cá nhân Tích?

▣ "**con phải tỏ ra là một người gương mẫu** " ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH được sử dụng như LỜI MỆNH LỆNH (Xem 1 Ti-mô-thê 4:12).

For "example" (*tupos*) Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Form ở câu 1 Ti-mô-thê 4:12.

▣ "**trong những việc tốt.** " Đây là chủ đề thường xuyên trong Tích (Xem Tích 1:16; 2:7,14; 3:1, 8, 14). Nếp sống được thay đổi là lời chứng hiệu quả và hấp dẫn cho sứ điệp Cơ-đốc.

Trong sự giảng dạy, con hãy trung thực và nghiêm chỉnh,

VB1925: "trong sự dạy-dỗ phải cho thanh-sạch"
RVV11: "trung thực, nghiêm trang khi dạy dỗ;"
NASB "với sự tinh khiết trong tín lý"
NKJV "trong tín lý cho thấy sự vẹn toàn"
NRSV "trong giảng dạy của con hãy cho thấy sự vẹn toàn"
TEV "hãy chân thành... trong việc giảng dạy của con"
NJB "bằng sự chân thành ... khi con dạy dỗ"

Phương pháp, nội dung giảng dạy và nếp sống của Tích phải đối nghịch với giáo huấn, nếp sống và động cơ bất thánh của các giáo sư giả. Tích phải tiếp tục truyền đạt sứ điệp của Phao-lô. Nếu ý của Phao-lô là nội dung, thì sự sống lại của Đấng Christ phải được nhấn mạnh, (Xem Rô-ma 2:7; 1 Cô-rin-tô 15:42,53,54).

Có vài sự khác biệt giữa các văn bản Hy-lạp. trong cuốn *A Textual Commentary on the Greek New Testament* tác giả Bruce M. Metzger nói rằng thuật ngữ *aphthorian* (không hư hoại) có nghĩa

1. được ủng hộ bởi các văn bản tốt (i.e., \aleph^* , A, C, D^{*})

2. thích hợp với văn cảnh
3. giải thích được các sự khác biệt
4. khác thường nhất trong các khả năng

Khả năng phổ thông nhất (tức là σ^c , D^c , L, và các bản chữ nhỏ sau này - minuscule manuscripts) là *adiaphthorian* (chân thành) (p. 654).

2:8 "lời lẽ phải lành mạnh," "Lành mạnh" là thuật ngữ được nhắc lại nhiều lần trong Tích 2:1 và 2, là ẩn dụ về sự đối nghịch với giáo huấn bệnh hoạn của các giáo sư giả

RVV11, "nghiêm trang"

VB1925: "nghiêm trang"

NASB "trang nghiêm"

NKJV "tôn kính"

NRSV "nghiêm trọng"

TEV "nghiêm túc"

NJB "thiết thực"

Xem ghi chú đầy đủ ở câu Tích 2:2.

▣ **"để không ai có thể bắt bẻ,"** Đây là sự hướng dẫn chung cho cả lãnh đạo và tín đồ. (Xem Tích 1:67,8,10; 1 Ti-mô-thê 3:2,7,10; 5:8,14; 6:1). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 3:2.

▣ **"hầu những kẻ chống đối"** Có thể liên hệ tới (1) giáo sư giả trong Tích 1:10-16 hoặc (2) những người chưa tin trong xã hội, trỉ trích hội thánh trong sự thiếu hiểu biết đạo Chúa. Nếp sống Cơ-đốc phải khiến cả hai nhóm này yên lặng và lôi kéo họ tới Phúc Âm.

BD2011 2:9-10

⁹ Con hãy khuyên các công nhân^[b] phải thuận phục chủ của họ trong mọi sự, hãy làm vui lòng chủ, đừng cãi lại, ¹⁰ đừng trộm cắp, nhưng hãy tỏ ra là người tốt và đáng tin cậy hoàn toàn, để đạo^[c] của Đức Chúa Trời, Đấng Giải Cứu chúng ta, được tôn quý trong mọi phương diện.

2:9 "Con hãy khuyên các công nhân phải thuận phục chủ của họ " "thuận phục" THỈ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH LỐI VÔ ĐỊNH (Xem Ê-phê-sô 6:5-9; Cô-lô-sê 3:22-24; 1 Ti-mô-thê 6:1-2). Động từ "khuyên" liên hệ tới câu Tích 2:6. Cũng như phụ nữ, các nô lệ cũng nên có thái độ tin kính đối với hệ thống tổ chức xã hội đương thời. Điều ưu tiên không phải là tự do cá nhân, nhưng truyền bá Phúc Âm. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Phao-lô khuyên người nô lệ / Paul's Admonitions to Slaves ở câu 1 Ti-mô-thê 6:1.

▣ **"trong mọi sự,"** Cụm từ này được nhắc lại ở cuối câu 10. Tín đồ phải ý thức được rằng nếp sống của họ phản chiếu Đức Chúa Trời. Theo thần học khái niệm này tương đương với sự đầu phục lẫn nhau theo Ê-phê-sô 5:21 và vợ đầu phục chồng trong Tích 5:22-6:9 (Xem H. E. Butt's *The Velvet Covered Brick*).

▣ **"hãy làm vui lòng chủ,"** Dù không được nói ra, chủ ở đây không giới hạn tới chủ nô lệ, nhưng tới Đức Chúa Trời (Xem Rô-ma 12:1-2; Ê-phê-sô 6:7-8).

đừng cãi lại,

RVV11: "đừng bướng bỉnh"

VB1925: "đừng cãi trả"

NASB "đừng tranh cãi"

NKJV "đừng nói ngược"

NRSV, TEV" "đừng nói ngược lại"

NJB "không tranh cãi"

Tín đồ phải cư xử đúng mức trong mọi hoàn cảnh, xứng đáng với sự làm chứng của đức tin trong Đấng Christ (Xem Ê-phê-sô 6:5-9).

2:10 "dùng trộm cắp" Điều này chắc chắn là nan đề trong vòng các nô lệ thời đó, (Xem Ê-phê-sô 4:28).

▣ **"nhưng hãy tỏ ra "** Thuật ngữ này có nghĩa rằng đưa ra bằng chứng sáng tỏ cho một điều nào đó. Tín đồ nô lệ phải mang lại vinh hiển cho Đức Chúa Trời qua nếp sống đạo. Trong sự làm chứng, địa vị xã hội không quan trọng như nếp sống đạo!

▣ **"Đức Chúa Trời, Đấng Giải Cứu chúng ta, "** Danh hiệu này cũng được dùng ám chỉ hoàng đế Sê-sa. Nó xuất hiện nhiều lần trong các thư Linh Vụ ám chỉ Thần Đức (Xem Tích 1:3-2:10; 3:4), và ám chỉ Chúa Giê-su (Xem Tích 1:4; 2:13; 3:6). Xem ghi chú đầy đủ ở câu 2 Ti-mô-thê 1:10.

KIẾN GIẢI THEO VĂN CẢNH CHO TÍCH 2:11-14

- A. Một phân đoạn ngắn (Tích 2:11-14) nói về cơ sở thần học đòi hỏi nếp sống đạo. Lời tranh luận khá giống trong Tích 3:4-7 và 2 Ti-mô-thê 1:8-10.
- B. Tích 2:11 nói về lần đến đầu tiên của Đấng Mê-si-a, sự Nhập Thể (Xem Tích 3:4; 2 Ti-mô-thê 1:10). Tích 2:13, cũng dùng thuật ngữ "xuất hiện" ám chỉ lần đến thứ hai, sự Tái Lâm của Đấng Christ (Xem 1 Ti-mô-thê 6:14; 2 Ti-mô-thê 4:1,8). Lần đến đầu tiên biểu hiện ân sủng của Đức Chúa Trời, lần đến thứ biểu hiện sự phán xét.
- C. Tích 2:12 tóm tắt những phẩm chất tin kính: đối với người lãnh đạo nói riêng, 1:5-9 và đối với tất cả Cơ-đốc nhân nói chung 2:1-10.
- D. Tích 2:13 đặt Phúc âm trong bối cảnh đặc trưng cho thần học Phao-lô, "đã có, nhưng chưa hết", (Nước Trời đã khai trương, nhưng chưa hoàn tất, vừa hiện tại, vừa tương lai). Sự căng thẳng được thấy trong hầu hết các tranh luận về đời sống Cơ-đốc nhân.
- E. Phải chăng chỉ có một mình Chúa Giê-su được ám chỉ trong Tích 2:13 (Xem bản dịch Anh Ngữ NASB, RSV, NEB, NIV) hay cả Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con (Xem KJV, ASV, Moffatt và 2 Phi-ê-rơ 1:1)? Có nhiều lý do cho thấy đây là sự ám chỉ Thần Đức của Chúa Giê-su, với danh hiệu dùng cho hoàng đế La-mã.
 1. một MAO TỬ dùng cho hai DANH TỬ.
 2. câu 14 liên hệ duy nhất tới Đấng Christ
 3. cụm từ "xuất hiện", "vĩ đại" không bao giờ được dùng trong Tân Ước để ám chỉ Đức Chúa Cha
 4. có nhiều phân đoạn của Phao-lô và tác giả Tân Ước chứa đựng miêu tả Thần Tính trọn vẹn của Chúa Giê-su
 5. hầu hết các giám mục thời sơ khởi xác nhận điều này nói về Chúa Giê-su. Tuy nhiên, cần để ý rằng các văn bản sớm có xu hướng nói về cả ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và Chúa Giê-su.
- F. Câu 14 miêu tả hội thánh trong thuật ngữ mà Cựu Ước ám chỉ I-sơ-ra-en . Trong một hàm ý, hội thánh là bông trái mà Đức Chúa Trời mong muốn ở I-sơ-ra-en (Xem Rô-ma 2:28-29; Ga-la-ti 6:16; 1 Phi-ê-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:6). Vâng, I-sơ-ra-en vẫn là đối tượng của tình yêu và sự chăm sóc đặc biệt của Đức Chúa Trời, (Xem Rô-ma 11).

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

BD2011: TÍCH 2:11-14

¹¹ Vì ân sủng của Đức Chúa Trời đã được bày tỏ để đem ơn cứu rỗi đến mọi người. ¹² Ân sủng ấy dạy chúng

ta phải từ bỏ nếp sống tội lỗi và những đam mê trần tục, để sống đứng đắn, công chính, và tin kính đạo đức trong đời này,¹³ trong khi chờ đợi hy vọng phước hạnh và sự xuất hiện vinh hiển của Đức Chúa Trời vĩ đại và Đấng Giải Cứu chúng ta là Đức Chúa Giê-su Christ,¹⁴ Đấng đã phó chính Ngài vì chúng ta, để có thể chuộc chúng ta khỏi mọi tội lỗi nhơ nhớp và thanh tẩy chúng ta thành một dân thuộc riêng về Ngài, một dân nhiệt thành làm những điều tốt.

2:11 "Vì" các câu 11-14 liên hệ tới 1-10, và là nền tảng cho nếp sống tin kính

▣ "ân sủng của Đức Chúa Trời đã được bày tỏ" Ám chỉ sự nhập thể của Chúa Giê-su (Xem 2 Ti-mô-thê 1:10; Tích 3:4-7). Cuộc sống, giáo huấn, và sự chết của Chúa bày tỏ tình yêu của , sự thương xót và ân sủng của Đức Chúa Cha. Khi thấy Chúa Giê-su, chúng ta thấy Đức Chúa Trời (Xem Giăng 1:1-14; 14:8-11; Cô-lô-sê 1:15-19; Hê-bơ-rơ 1:1-3).

Thuật ngữ *epiphany* (hiện ra) được dùng trong Tích 2:13 ám chỉ Đấng Christ Tái Lâm. (Xem Tích 2:11,13; 3:4; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:8; 1 Ti-mô-thê 6:14; 2 Ti-mô-thê 1:10; 4:1,8). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Thuật ngữ Tân Ước cho sự Tái Lâm / NT Terms for Christ's Return ở câu Tích 2:13.

▣ "để đem ơn cứu rỗi đến mọi người." Đức Chúa Trời sai Christ đến để chết thế cho tội lỗi nhân loại. (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:10), nhưng mỗi cá nhân phải đáp ứng bằng đức tin, lòng ăn năn, sự vâng phục và bền đỗ. Phân đoạn sau đây phản ánh tính phổ quát của công tác Đấng Christ:

1. "cho thế gian" (Giăng 1:29; 3:16; 6:33,51; 2 Cô-rin-tô 5:19; 1 Giăng 2:2; 4:14)

2. "mọi người" (Rô-ma 5:18; 1 Cô-rin-tô 15:22; 1 Ti-mô-thê 2:4-6; Hê-bơ-rơ 2:9; 2 Phi-ê-rơ 3:9)

Xin xem ghi chú đầy đủ ở câu 1 Ti-mô-thê 2:4 và Chủ Đề Đặc Biệt, 1 Ti-mô-thê 4:10.

Đức Chúa Trời tạo dựng con người trong hình ảnh của Ngài (Xem Sáng-Thế-Ký 1:26-27). Trong Sáng-Thế-Ký 3:15 Ngài hứa sẽ cứu chuộc con người. Ngài nhắc đến chương trình toàn cầu trong sự kêu gọi Áp-ra-ham (Xem Sáng-Thế-Ký 12:3) và đến I-sơ-ra-en (Xem Xuất Ê-díp-tô 19:5). Cựu Ước chứa đựng lời hứa cho I-sơ-ra-en , nay mở rộng một cách phổ quát cho cả tín đồ và người chưa tin (Xem Ê-phê-sô 2:11-3:13). Đức Chúa Trời mời gọi cả thế gian và từng cá nhân, qua công tác của Đức Thánh Linh

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THUYẾT TIỀN ĐỊNH (CALVINISM) VỚI Ý CHÍ TỰ DO CON NGƯỜI (ARMINIANISM)

Predestination (Calvinism) Versus Human Free Will (Arminianism)

Khúc Kinh Thánh này là sự quân bình với những khúc Kinh Thánh trong Tân Ước về sự lựa chọn. Tôi nghĩ là nó có thể hữu ích về phương diện thần học khi cung cấp các ghi chú giải nghĩa của tôi ở Rô-ma 8:29 và đoạn 9, cũng như Ê-phê-sô đoạn 1.

I. Rô-ma 8:29 – Phao-lô sử dụng chữ “biết trước” (*proginōskō*) hai lần, ở đây và 11:2.

Trong câu 11:2 nó chỉ tình yêu giao ước của Đức Chúa Trời đối với dân Y-sơ-ra-ên trước khi có thời gian. Nên nhớ chữ “biết” trong tiếng Hê-bơ-rơ chỉ mối quan hệ khăng khít, cá nhân, chứ không phải chỉ là những dữ kiện về một người nào (Sáng-thế-ký 4:1; Giê-rê-mi 1:5). Ở đây nó được đặt vào một loạt các sự kiện (xem Rô-ma 8:29-30). Chữ này liên kết với sự tiên định. Tuy nhiên, cần phải nói rằng sự biết trước của Đức Chúa Trời không phải là căn bản dựa vào đó để chọn lựa vì nếu như vậy sự chọn lựa sẽ dựa vào sự đáp ứng trong tương lai của con người sa ngã, mà như vậy là căn cứ trên việc làm của con người. Chữ này cũng được tìm thấy trong Công vụ Các sứ đồ 26:5; I Phi-e-rơ 1:2,20 và II Phi-e-rơ 3:17, “biết trước” (*proginōskō*).

A. Chữ “biết trước” hay “định sẵn” đều là các từ kép với giới từ “trước” (*pro*) và vì vậy nên dịch là “biết trước,” “định sẵn trước,” hay “giới hạn trước.”

Những phân đoạn quyết định về chủ đề thuyết tiên định trong Tân Ước là Rô-ma 8:28-30; Ê-

phê-sô 1:3-14 và Rô-ma 9. Những khúc kinh văn này rõ ràng nhấn mạnh Đức Chúa Trời toàn quyền. Ngài cầm quyền trên mọi sự. Có một chương trình thiên thượng đã được định trước vận hành theo dòng thời gian. Tuy nhiên, chương trình này không độc đoán hay là phân biệt lựa chọn. Nó không chỉ dựa vào chủ quyền tối cao và sự biết trước của Đức Chúa Trời, nhưng nó cũng dựa vào bản chất yêu thương, thương xót, ân điển cho những người không xứng đáng của Ngài.

Chúng ta cần phải cẩn trọng với chủ nghĩa cá nhân tây phương (Hoa kỳ) của chúng ta hay là lòng truyền giáo nhiệt thành tô vẽ chân lý sâu nhiệm này. Chúng ta cũng phải xem chừng để không bị rơi vào thái cực mâu thuẫn về thần học trong quá khứ giữa Augustine và Pelegius hay thuyết Calvin và Arminian.

- B. “tiền định” (*proorizō*, “hạn chế từ trước (chỉ một số người được cứu)”) Sự tiền định không phải là một giáo lý để giới hạn tình thương, ân sủng và sự thương xót của Đức Chúa Trời hay là để loại trừ cá nhân hay tập thể nào đó ra khỏi Phúc âm. Nó nhằm làm cho người tin Chúa trở nên mạnh mẽ hơn bằng cách nhào nặn thể giới quan của họ. Đức Chúa Trời là cho tất cả mọi người (I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9). Đức Chúa Trời đang nắm quyền kiểm soát tất cả mọi sự. Ai hay là điều gì có thể tách biệt chúng ta khỏi Ngài (xem Rô-ma 8:31-39)? Đức Chúa Trời xem tất cả lịch sử đều như là hiện tại. Con người bị giới hạn bởi thời gian. Tầm nhìn và khả năng hiểu biết của chúng ta bị giới hạn. Không có sự mâu thuẫn nào giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người. Nó là một cấu trúc giao ước. Đây là một ví dụ khác về lẽ thật Kinh thánh trình bày trong sự căng thẳng biện chứng. Các giáo lý Kinh thánh được trình bày trong những khía cạnh khác nhau. Chúng thường thấy có vẻ như là nghịch lý. Chân lý là sự quân bình giữa những cặp có vẻ như đối nghịch này. Chúng ta không nên loại bỏ sự căng thẳng này bằng cách chọn một phía của những lẽ thật. Chúng ta không nên tách riêng ra bất cứ lẽ thật Kinh thánh nào và cô lập nó.

Có điều quan trọng cần phải bổ túc ở đây: mục đích của sự chọn lựa không phải chỉ có được lên thiên đàng sau khi chúng ta qua đời, nhưng còn phải có một đời sống giống-như-Đấng-Christ khi còn ở trần gian này (xem Rô-ma 8:29; Ê-phê-sô 1:4; 2:10). Chúng ta được chọn lựa để trở nên “thánh khiết và không chỗ trách được”. Đức Chúa Trời chọn chúng ta để biến đổi đời sống chúng ta hầu cho bởi sự biến đổi này mà những người khác nhận biết và đáp ứng bằng đức tin vào Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Sự tiền định không phải là một đặc ân cá nhân, nhưng là một trách nhiệm giao ước. Đây là lẽ thật chính trong phân đoạn này. Đây là mục đích của Cơ Đốc Giáo. Sự thánh khiết là điều Chúa muốn cho mọi người tin Chúa. Chúa chọn chúng ta để trở nên giống với Đấng Christ (Ê-phê-sô 1:4) chứ không phải có một địa vị đặc biệt. Hình ảnh của Đức Chúa Trời đã ban cho con người trong sự sáng tạo (Sáng-thế-ký 1:26; 5:1, 3; 9:6) sẽ được phục hồi.

- C. “phù hợp với hình ảnh của Con Ngài”. Mục đích tối hậu của Đức Chúa Trời là khôi phục lại hình ảnh (của Chúa trong con người) đã bị mất trong sự sa ngã phạm tội. Những tín hữu đã được định từ trước để trở nên giống-như-Đấng-Christ (Ê-phê-sô 1:4).

II. Rô-ma 9

- A. Chương 9 là một trong những chương trình bày mạnh mẽ nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (chương còn lại là Ê-phê-sô 1:3-14), trong khi chương 10 trình bày rõ ràng và lặp đi lặp lại về ý chí tự do của con người (“mọi người” câu 4; “kẻ nào” câu 11,13; “tất cả” câu 12 [hai lần]). Phao-lô chưa bao giờ tìm cách giải hòa mối liên hệ thần học căng thẳng này. Cả hai điểm thần học này đều đúng. Hầu hết các tín lý trong Kinh thánh đều được trình bày theo dạng từng cặp biện chứng hay nghịch nhau. Hầu hết các hệ thống thần học chỉ hợp lý cho

một nửa của những lẽ thật. Cả thuyết của Augustine và Calvin đối lại với thuyết của Pelagian và Arminian đều có những yếu tố đúng và sai. Sự căng thẳng giữa các quan điểm tín lý về Kinh Thánh lại là điều tốt hơn là một hệ thống thần học tìm cách trung dẫn Kinh thánh, có tính cách giáo điều và duy lý, rồi bắt ép Kinh thánh vào một khuôn giải nghĩa đã định sẵn.

- B. Lẽ thật này cũng được thấy trong Rô-ma 8:29-30 và Ê-phê-sô 1:4, 11. Chương này diễn tả mạnh mẽ nhất tính chủ tể của Đức Chúa Trời trong cả Tân Ước. Không thể chối cãi được rằng Đức Chúa Trời hoàn toàn nắm quyền điều khiển trên tạo vật và sự cứu rỗi. Lẽ thật quan trọng này không bao giờ bị thu hẹp lại hoặc bị mềm yếu.

Tuy vậy, nó phải được xem xét quân bình với sự lựa chọn của Đức Chúa Trời về giao ước như một phương tiện liên hệ với con người, được dựng nên theo hình ảnh của Ngài. Chắc chắn rằng một số giao ước thời Cựu Ước, như Sáng-thế-ký 15, là giao ước vô điều kiện và không liên hệ gì đến sự đáp ứng của con người, nhưng những giao ước khác có điều kiện đòi hỏi con người đáp ứng lại (như là Ê-đen, Nô-ê, Môi-se, Đa-vít).

Đức Chúa Trời có một chương trình cứu rỗi cho tạo vật của Ngài, không ai có thể chi phối được kế hoạch của Ngài. Ngài muốn con người cùng tham gia trong kế hoạch này.

Cơ hội tham gia này là sự giăng co thần học giữa quyền tối thượng (Chúa) (Rô-ma 9) và ý chí tự do của con người (Rô-ma 10).

(Chúng ta) sai lầm khi chỉ chọn một điều chính yếu của Kinh thánh mà bỏ qua điều khác. Có sự giăng co giữa các tín lý bởi vì người Đông phương trình bày lẽ thật theo cặp biện chứng hay cặp đây căng thẳng. Các tín lý phải được xem xét trong mối liên hệ với các tín lý khác. Chân lý là một bức tranh khảm được ghép bằng nhiều (viên đá) lẽ thật.

III. Ê-phê-sô 1

- A. Sự lựa chọn là một tín lý tuyệt diệu. Tuy nhiên, nó không thúc đẩy hướng về sự thiên vị, nhưng hướng đến việc trở thành một kênh dẫn, một công cụ hay phương tiện để đem sự cứu rỗi đến cho người khác. Trong Cựu Ước từ ngữ này chủ yếu được dùng để chỉ sự phục vụ; trong Tân Ước nó được dùng chủ yếu cho sự cứu rỗi dẫn đến sự phục vụ. Kinh thánh chưa bao giờ hòa giải điều dường như mâu thuẫn giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người, nhưng nó đều khẳng định cả hai điều này. Một ví dụ rõ ràng về sự căng thẳng trong Kinh thánh là trong Rô-ma 9 về quyền lựa chọn tối thượng của Đức Chúa Trời và Rô-ma 10 về sự đáp ứng thích hợp của con người (10:11,13).

Chìa khóa giải quyết mâu thuẫn thần học này có thể được tìm thấy trong Ê-phê-sô 1:4. Chúa Giê-su là người được Đức Chúa Trời chọn và cả nhân loại đều có tiềm năng được chọn qua Ngài (Karl Barth). Chúa Giê-xu là câu trả lời “chấp nhận” của Đức Chúa Trời cho nhu cầu thiết yếu của con người sa ngã (Karl Barth). Ê-phê-sô 1:4 cũng giúp làm rõ vấn đề này bằng cách khẳng định rằng mục đích của sự tiên định không chỉ là vào thiên đàng, nhưng còn là sự thánh khiết (sự giống với Đấng Christ). Chúng ta thường bị cuốn hút bởi những ích lợi của Phúc âm mà lơ đi những trách nhiệm từ chính Phúc âm. Sự kêu gọi (lựa chọn) của Đức Chúa Trời là cho lúc (đời) này cũng như cho cõi đời đời.

Các tín lý hiện diện trong mối liên hệ với các lẽ thật khác, chứ không đơn độc, hay là những lẽ thật không liên hệ với nhau. Một hình ảnh khá lý thú đó là sự so sánh giữa một dãy ngân hà và một vì sao. Đức Chúa Trời trình bày lẽ thật theo lối văn chương Đông phương, chứ không phải Tây phương. Chúng ta không được loại bỏ sự căng thẳng gây ra bởi những cặp tín lý biện chứng (nghịch lý) (Đức Chúa Trời siêu việt so với Đức Chúa Trời nội tại; chắc chắn được cứu rỗi ngược lại việc tiếp tục bèn đổ; Đức Chúa Giê-xu bình đẳng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Giê-xu vâng phục Đức Chúa Cha; Sự tự do của Cơ Đốc Nhân và trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân đối với người dự phần trong giao ước, v.v...).

Khái niệm thần học về “sự giao ước” làm thống nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (là Đấng luôn khởi đầu và hoạch định) với sự đáp ứng bắt buộc phải có lúc ban đầu và được tiếp tục từ con người bằng đức tin và sự ăn năn. Nên cẩn thận khi dùng Kinh thánh để chứng minh chỉ một mặt của nghịch lý này mà xem thường mặt còn lại. Phải cảnh giác việc công nhận những tín lý hoặc hệ thống thần học mà bạn ưa thích.

- B. “Ngài đã chọn chúng ta” trong Ê-phê-sô 1:4 là thể CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH (THÌ QUÁ KHỨ MIDDLE INDICATIVE), nó nhấn mạnh chủ ngữ. Điều này chú trọng vào sự lựa chọn của Đức Chúa Cha từ trước khi có thời gian. Sự lựa chọn của Đức Chúa Trời phải được hiểu theo nghĩa giao ước, chứ không theo nghĩa của thuyết định mệnh (determinism) của Hồi giáo và cũng không phải theo nghĩa của thuyết Calvin quá trốn (ultra-Calvinism) một số người được chọn và số khác bị bỏ. Đức Chúa Trời hứa sẽ cứu chuộc loài người sa ngã (Sáng-thế-ký 3:15). Đức Chúa Trời đã chọn và gọi Áp-ra-ham để chọn tất cả mọi người (xem Sáng-Thế-Ký 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6). Chính Đức Chúa Trời đã chọn tất cả mọi người đặt đức tin nơi Đấng Christ. Đức Chúa Trời luôn chủ động trong kế hoạch cứu rỗi (Giăng 6:44, 65). Khúc Kinh Thánh này và Rô-ma là nền tảng Kinh Thánh cho thuyết tiền định được Augustine và Calvin nhấn mạnh.

Chúa chọn các tín nhân không phải chỉ để cho họ nhận được sự cứu rỗi (xung công bình), nhưng cũng làm cho họ được nên thánh (xem Cô-lô-sê 1:12). Điều này có thể liên quan đến (1) địa vị của chúng ta trong Đấng Christ (xem II Cô-rinh-tô 5:21) hoặc (2) Đức Chúa Trời mong muốn làm tái hiện đức tính (tốt) của Ngài trong các con cái của Ngài (xem 2:10; Rô-ma 8:28-29; Ga-la-ti 4:19). Ý chỉ của Đức Chúa Trời là ban cho con cái Ngài bản tính giống với Đấng Christ trong đời này và thiên đàng vào ngày sau.

“Trong Ngài” là một khái niệm cốt yếu của Ê-phê-sô 1:4. Các phước lành, ân sủng, và sự cứu rỗi của Đức Chúa Cha tuôn chảy qua Đức Chúa Giê-xu (xem Giăng 14:6). Nên chú ý vào sự lặp lại của hình thức ngữ pháp (TRƯỜNG SỔ CÁCH (LOCATIVE of SPHERE)) trong câu 3, “trong Đấng Christ”; câu 4, “trong Ngài”; câu 7, “trong Ngài”; câu 9, “trong Ngài”; câu 10, “trong Đấng Christ”, “trong Ngài”; câu 12, “trong Đấng Christ”, và câu 13, “trong Ngài” (hai lần). Chúa Giê-xu là câu trả lời “chấp nhận” của Đức Chúa Trời đối với loài người sa ngã (Karl Barth). Chúa Jê-sus là Người Được Chọn của Đức Chúa Cha và mọi người đều có tiềm năng được lựa chọn trong Ngài. Tất cả các phước lành từ Đức Chúa Cha tuôn chảy qua Đấng Christ.

Cụm từ “trước khi lập nên thế gian” cũng được sử dụng trong Ma-thi-ơ 25:34; Giăng 17:24; I Phi-e-rơ 1:19-20 và Khải huyền 13:8. Nó cho thấy chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời Ba Ngôi có từ trước khi có Sáng-Thế-Ký 1:1. Con người bị giới hạn bởi cảm nhận của chúng ta về thời gian, đối với chúng ta mọi thứ là trong quá khứ, hiện tại và tương lai, nhưng đối với Đức Chúa Trời thì không phải như vậy.

Mục đích của sự định trước là sự nên thánh, chứ không phải là đặc ân. Đức Chúa Trời kêu gọi không chỉ một số người được lựa chọn của con cháu A-đam nhưng là tất cả. Đó là một sự kêu gọi mà Đức Chúa Trời dự định cho nhân loại, là trở nên giống như Ngài (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 5:23; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13), theo hình ảnh của Ngài (xem Sáng-Thế-Ký 1:26-27). Biến đổi sự định trước thành một nguyên tắc thần học thay vì một lối sống thánh khiết sẽ là một thảm họa. Thường thì thần học của chúng ta “nói thêm, nói nhiều” hơn bản văn Thánh Kinh.

Chữ “không chỗ trách được” (amōmos) hoặc “không tì vết” được sử dụng cho

1. Đức Chúa Giê-xu (xem Hê-bơ-rơ 9:14; I Phi-e-rơ 1:19);
2. Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét (xem Lu-ca 1:6),
3. Phao-lô (xem Phi-líp 3:6), và

4. tất cả các Cơ Đốc Nhân đích thực (xem Phi-líp 2:15; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 5:23). Ý chỉ không dời đổi của Đức Chúa Trời cho mọi Cơ Đốc Nhân không chỉ là thiên đàng trong đời sau nhưng là trở nên giống như Đấng Christ trong hiện tại (xem Rô-ma 8:29-30; Ga-la-ti 4:19; I Phi-e-rơ 1:2). Các tín hữu bày tỏ những đức tính của Đức Chúa Trời cho thế giới hư mất chính là chủ đích của truyền giảng Phúc Âm.

Về phương diện ngữ pháp, cụm từ “trong tình yêu” trong câu này có thể đi với cả câu 4 hay câu 5. Tuy nhiên, khi cụm từ này được sử dụng ở những nơi khác trong Ê-phê-sô, nó luôn luôn đề cập đến tình yêu của con người đối với Đức Chúa Trời (xem 3:17; 4:2,15,16).

- C. Trong Ê-phê-sô 1:5 cụm từ “Ngài đã định trước cho chúng ta” ở dạng ĐỘNG TÍNH TỪ DẠNG CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE PARTICIPLE). Chữ Hy Lạp này là một từ ghép của “trước” và “tách riêng ra, lựa chọn” Nó đề cập đến kế hoạch cứu rỗi mà Đức Chúa Trời đã định từ trước (xem Lu-ca 22:22; Công vụ Các sứ đồ 2:23; 4:28; 17:31; Rô-ma 8:29-30). Tiên định là một trong nhiều lẽ thật liên quan đến sự cứu rỗi nhân loại. Nó là một bộ phận trong kiểu mẫu thần học hay trong số nhiều lẽ thật có liên quan. Nó không bao giờ có ý định đặt trọng tâm vào sự tách biệt. Lẽ thật Kinh Thánh đã được trình bày trong một loạt các cặp đối nghịch đầy căng thẳng. Khuynh hướng đề cao hệ phái (Denominationalism) có xu hướng loại bỏ sự căng thẳng trong Kinh Thánh bằng cách quan trọng hóa chỉ một tín lý trong các cặp biện chứng này (sự tiên định ngược với ý chí tự do của con người, an tâm (vì chắc chắn được cứu) của tín hữu với sự bèn đỗ của các thánh đồ; tội nguyên thủy với tội phạm chủ ý; bản chất không phạm tội với càng ít phạm tội; sự xưng công bình ngay lập tức với sự thánh hóa tiệm tiến, đức tin với việc làm; sự tự do của Cơ Đốc Nhân với trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân; siêu việt và nội tại).

Sự lựa chọn của Đức Chúa Trời không dựa trên sự biết trước về thành tích sẽ đạt được của con người, nhưng dựa trên đức tính nhân từ của Ngài (xem các câu 9 & 11). Ngài muốn tất cả sẽ được cứu (không phải chỉ là một số người đặc biệt như những người tin Trí Huệ Giáo (Gnostics) hoặc những người tin theo chủ thuyết Calvin hiện đại cực đoan (modern day ultra-Calvinists)) (xem Ê-xê-chi-ên 18:21-23,32; Giăng 3:16-17; I Ti-mô-thê 2:4; 4:10; Tít 2:11; II Phi-e-rơ 3:9). Ân sủng của Đức Chúa Trời (đức tính của Chúa) là chìa khóa thần học cho đoạn văn này (xem các câu 6a, 7c, 9b), cũng như lòng thương xót của Đức Chúa Trời là chìa khóa của phân đoạn khác về tiên định trong Rô-ma 9-11.

Hy vọng duy nhất của nhân loại sa ngã là ân sủng và lòng thương xót của Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 53:6 và một số đoạn Kinh Thánh khác trong Cựu Ước được trích dẫn trong Rô-ma 3:9-18). Nó thiết yếu cho việc giải thích ý nghĩa thần học của những chương đầu tiên này để công nhận rằng Phao-lô nhấn mạnh vào tiên định (trong đoạn 1), ân điển (trong chương 2), và kế hoạch cứu chuộc đời đời của Đức Chúa Trời (sự huyền nhiệm, 2:11-3: 13) và những điều đó hoàn toàn không có liên quan gì với thành tích của con người. Làm điều này là để đối trọng (chống) lại sự nhấn mạnh thái quá của các giáo sư giả cậy vào thành tích và kiêu hãnh của con người.

2:12 "ân sủng dạy chúng ta "- dạy theo nghĩa đen là “kỷ luật con trẻ” và “huấn luyện”, (Xem 1 Ti-mô-thê 1:20; 2 Ti-mô-thê 2:25; 3:16). Ân sủng được nhân cách hóa như là bậc phụ huynh, (Xem Hê-bơ-rơ 12:5 và các câu tiếp).

▣ **"phải từ bỏ nếp sống tội lỗi "** Đây là cách chơi chữ giữa *asebeia* (không tin kính, PHỦ ĐỊNH ALPHA PRIVATIVE) và *eusebia* (sự tin kính), xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:7). Nó phản chiếu hai chiều

trong văn chương khôn ngoan Cựu Ước (Xem Giô-suê 24:14-15; Thi-thiên 1; Châm-ngôn 4:10-19; Ma-thi-ơ 7:13-14). Chúng ta xây lưng lại với sự ác, bởi Christ đã hy sinh chuộc chúng ta khỏi sự ác. Chúng ta nay hướng mặt về sự thiện, bởi Christ nêu tấm gương trước chúng ta. Ân sủng giáo giục chúng ta những bài học mang tính tích cực và tiêu cực!

▣ "và những đam mê trần tục" (Xem Tích 3:3; 1 Ti-mô-thê 6:9; 2 Ti-mô-thê 2:22; 3:6; 4:3)

▣ ", để sống đứng đắn," Xem ghi chú đầy đủ ở câu 1 Ti-mô-thê 3:2.

▣ "công chính," xem các câu 2,4,5,6 và Chủ Đề Đặc Biệt sau đây

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CÔNG CHÍNH

Righteousness

“Sự công bình” là một chủ đề hết sức quan trọng mà mỗi người học Kinh thánh phải đích thân nghiên cứu sâu rộng khái niệm này.

Trong Cựu Ước bản tính của Đức Chúa Trời được mô tả là “công minh” hay “công bình.” Từ ngữ từ tiếng Mê-sô-bô-ta-mi này bắt nguồn từ một cây sậy dọc theo sông được dùng như một công cụ trong xây dựng để định đường thẳng theo chiều ngang của các bức tường hoặc các hàng rào. Chúa dùng từ ngữ này để chỉ cách hình bóng về bản tính của Ngài. Ngài là cây thước thẳng mà tất cả mọi sự đều phải căn cứ vào đó để đo. Khái niệm này khẳng định sự công bình của Đức Chúa Trời cũng như quyền đoán xét của Ngài.

Con người được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27; 5:1, 3; 9:6). Con người được dựng nên để thông công với Đức Chúa Trời. Tất cả mọi tạo vật là cơ sở hay nền tảng cho sự tương giao giữa con người và Đức Chúa Trời. Ngài muốn tạo vật tối cao nhất của Ngài là con người biết Ngài, yêu mến Ngài, phục vụ Ngài và trở nên giống như Ngài! Sự trung thành của con người đã được thử nghiệm (Sáng thế ký 3) và cặp vợ chồng đầu tiên đã thất bại tại cuộc thử nghiệm này. Kết quả là mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và con người đã bị gián đoạn (Sáng 3; Rô-ma 5:12-21).

Đức Chúa Trời hứa sẽ hàn gắn và phục hồi lại mối liên hệ này (Sáng 3:15). Ngài thực hiện điều này bằng chính ý định của Ngài và qua chính Con của Ngài. Con người không thể phục hồi lại sự rạn nứt này (Rô-ma 1:18-3:20).

Sau sự sa ngã của loài người, thì bước đầu tiên mà Đức Chúa Trời hướng đến sự phục hồi mối liên hệ là khái niệm giao ước dựa trên sự mời gọi của Ngài và sự đáp ứng bằng sự ăn năn, tin cậy, và vâng lời của con người. Bởi sự sa ngã, con người không có khả năng làm được điều đúng (Rô-ma 3:21-31; Ga-la-ti 3). Chính Chúa đã phải đích thân khởi xướng việc phục hồi những con người vốn đã không giữ được giao ước. Ngài làm điều này bằng cách:

1. Tuyên bố con người tội lỗi là công bình qua công tác của Đấng Christ (sự công bình theo pháp lý)
2. Ban tặng không sự công bình cho con người qua công tác của Đấng Christ (sự công bình được ban cho)
3. Ban Đức Thánh Linh ngự vào con người để tạo nên sự công bình (công bình về mặt đạo đức) nơi con người.
4. Phục hồi mối liên hệ ở vườn Ê-đen bằng cách phục hồi ảnh tượng của Đức Chúa Trời trong những tín nhân (Sáng-thế-ký 1:26-27) (sự công bình trong mối liên hệ).

Tuy vậy, Chúa đòi hỏi một sự đáp ứng theo giao ước. Chúa ban (cho không) và cung cấp, nhưng con người phải đáp ứng và liên tục đáp ứng qua:

1. Sự ăn năn
2. Đức tin
3. Lối sống vâng phục
4. Sự bền đỗ

Vì vậy, sự công bình là một hành động hỗ tương trong giao ước giữa Chúa và tạo vật cao quý nhất của Ngài. Nó dựa vào bản tính của Đức Chúa Trời, công tác cứu chuộc của Đấng Christ, và sự vâng giúp của Đức Thánh Linh, mà mỗi cá nhân phải đích thân và liên tục đáp ứng lại một cách thích đáng. Khái niệm này được gọi là

“xung công bình bởi đức tin.” Khái niệm này được bày tỏ trong các sách Phúc âm, nhưng những chữ này không có trong các sách Phúc âm. Phao lô là người đầu tiên định nghĩa từ ngữ này và sử dụng tiếng Hy Lạp “sự công bình” trong nhiều dạng khác nhau hơn 100 lần.

Phao lô, vốn là một Ra-bi Do thái, sử dụng từ *dikaioisune* từ ý nghĩa của tiếng Hê-bơ-rơ *SDQ* lấy từ bản Bảy Mươi, chứ không phải từ văn chương Hy Lạp. Trong các tác phẩm Hy Lạp, chữ này chỉ một ai đó làm theo mong đợi của các Thần thánh hay của một xã hội. Trong ý nghĩa tiếng Hê-bơ-rơ nó luôn được dùng trong các từ ngữ thuộc về giao ước. Đức Giê-hô-va là một Đức Chúa Trời công bình và thánh thiện. Ngài muốn dân của Ngài bày tỏ các đức tính của Ngài. Những con người được mua chuộc là những tạo vật mới. Sự mới mẻ này phải có kết quả là một cách sống thánh thiện (khía cạnh của sự xung công bình mà Công giáo La-mã chú trọng). Vì Y-sơ-ra-ên theo chế độ thần quyền nên không có ấn định ranh giới rõ ràng giữa thế tục (các tiêu chuẩn xã hội) và thánh khiết (ý chỉ Đức Chúa Trời). Tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng Hy-lạp diễn đạt được sự phân biệt này và tiếng Anh dịch là “công minh” (justice) (liên hệ đến xã hội) và “công bình” (righteousness) (liên hệ đến tôn giáo).

Phúc âm (Tin lành) của Chúa Jê-sus là: Con người sa ngã đã được phục hồi mỗi tương giao với Đức Chúa Trời. Quan điểm có vẻ nghịch lý của Phao lô là: Qua Đấng Christ, Đức Chúa Trời tha bổng cho người có tội. Điều này được hoàn tất qua tình yêu thương, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời; qua đời sống của Đức Chúa Con, sự chết và sống lại của Ngài; và Đức Thánh Linh thuyết phục, đưa dẫn con người đến với Phúc âm. Sự xung công bình là một hành động ban cho như không của Đức Chúa Trời, nhưng nó phải đem lại sự tin kính (lập trường của Augustine bao gồm quan điểm của những nhà Cải chánh chú trọng vào sự ban cho như không và sự nhấn mạnh vào một đời sống yêu thương và trung tín được thay đổi của Công giáo La-mã). Đối với người Cải chánh, từ ngữ “sự công bình của Đức Chúa Trời” là một SỞ HỮU CÁCH KHÁCH QUAN (OBJECTIVE GENITIVE) (tức là hành động làm cho con người tội lỗi được Chúa chấp nhận [sự nên thánh theo địa vị]), trong khi đối với người Công giáo nó là một SỞ HỮU CÁCH CHỦ QUAN (SUBJECTIVE GENITIVE), tức là nói đến tiến trình trở nên càng giống Chúa hơn (sự nên thánh theo kinh nghiệm tiệm tiến). Trong thực tế, nó là cả hai.

Theo tôi, cả Kinh thánh từ Sáng thế ký 4 đến Khải huyền 20, kỹ thuật về việc Đức Chúa Trời phục hồi lại mối liên hệ tại Ê-đen. Kinh thánh bắt đầu bằng mối tương giao giữa Đức Chúa Trời và con người trên đất này (Sáng thế ký 1-2) và kết thúc cũng với bối cảnh đó (Khải huyền 21-22). Ảnh tượng và mục đích của Đức Chúa Trời sẽ được phục hồi!

Để dẫn chứng tài liệu về đề tài mới vừa đề cập, xin lưu ý đến những phân đoạn Kinh thánh Tân Ước được chọn lọc sau đây minh họa nhóm từ tiếng Hy Lạp.

1. Đức Chúa Trời công bình (thường cập theo Đức Chúa Trời là Quan án)
 - a. Rô-ma 3:26
 - b. II Tê-sa-lô-ni-ca 1:5-6
 - c. II Ti-mô-thê 4:8
 - d. Khải huyền 16:5
2. Đức Chúa Jê-sus công bình
 - a. Công-vụ 3:14; 7:52; 22:14 (danh hiệu Mê-si-a)
 - b. Ma-thi-ơ 27:19
 - c. I Giăng 2:1, 29; 3:7
3. Ý chỉ của Đức Chúa Trời cho tạo vật của Ngài là công bình
 - a. Lê-vi-ký 19:2
 - b. Ma-thi-ơ 5:48 (5:17-20)
4. Cách Chúa cung ứng và chu cấp sự công bình
 - a. Rô-ma 3:21-31
 - b. Rô-ma 4
 - c. Rô-ma 5:6-11
 - d. Ga-la-ti 3:6-14
 - e. Được Chúa ban cho
 - i. Rô-ma 3:24; 6:23
 - ii. I Cô-rinh-tô 1:30
 - iii. Ê-phê-sô 2:8-9
 - f. Nhận bởi đức tin
 - i. Rô-ma 1:17; 3:22,26; 4:3,5,13; 9:30;10:4,6,10

- ii. I Cô-rinh-tô 5:21
- g. Qua công tác của Đức Chúa Con
 - i. Rô-ma 5:21-31
 - ii. II Cô-rinh-tô 5:21
 - iii. Phi-líp 2:6-11
- 5. Ý chỉ của Chúa là những người theo Ngài phải trở nên công bình
 - a. Ma-thi-ơ 5:3-48; 7:24-27
 - b. Rô-ma 2:13; 5:1-5; 6:1-23
 - c. II Cô-rinh-tô 6:14
 - d. I Ti-mô-thê 6:11
 - e. II Ti-mô-thê 2:22; 3:16
 - f. I Giăng 3:7
 - g. I Phi-e-rơ 2:24
- 6. Đức Chúa Trời sẽ phán xét thế gian bằng sự công bình
 - a. Công-vụ 17:31
 - b. II Ti-mô-thê 4:8

Sự công bình là đặc tính của Đức Chúa Trời, ban cho như không cho con người tội lỗi qua Đấng Christ. Nó là:

1. Một sắc lệnh (pháp lệnh)
2. Một quà tặng từ Đức Chúa Trời
3. Một hành động của Đấng Christ

Nhưng nó cũng là một tiên trình trở nên công bình, một điều phải được theo đuổi cách mãnh liệt và đều đặn; nó sẽ đi đến tột đỉnh ở lần đến thứ hai của Chúa. Mỗi tương giao với Chúa được phục hồi ở sự cứu rỗi, nhưng cứ phát triển càng hơn cho đến khi mặt gặp mặt với Chúa nơi Thiên đàng hoặc khi qua đời!

Sau đây là một trích dẫn tốt từ tự điển *Dictionary of Phao-lô and His Letters* của nhà xuất bản IVP:

"So với Lu-thơ, Can-vin nhấn mạnh nhiều hơn về khía cạnh liên hệ trong khái niệm công bình. Lu-thơ coi sự công bình là sự tha thứ bản thể tội lỗi chúng ta, còn Can-vin coi là sự ban cho chúng ta bản thể công bình của Đức Chúa Trời. (p. 834).

Đối với tôi, mỗi tương giao của một tín nhân đối với Đức Chúa Trời có ba phương diện:

1. Phúc Âm là Nhân Vật (Đông Giáo hội và trọng điểm của Calvin)
2. Phúc Âm là Chân Lý (trọng điểm của Luther và Augustine)
3. Phúc Âm là một đời sống được biến đổi (trọng điểm của Công giáo)

Tất cả những điều này đều đúng và phải được cân nhắc chung với nhau để có được một đức giáo lành mạnh, đúng đắn, và đúng Kinh thánh. Nếu một ai đó nhấn mạnh quá mức hay xem nhẹ điểm nào tất cả, họ sẽ gặp nan đề. Tóm lại:

Chúng ta phải mời Chúa Jêsus vào lòng!
 Chúng ta phải tin Phúc Âm!
 Chúng ta phải theo đuổi sự trở nên giống Đấng Christ!

▣ **"trong đời này,"** Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 6:17.

2:13 "trong khi chờ đợi" THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH nói về sự trông mong cá nhân tới ngày Tái Lâm của Đấng Christ

▣ **"hy vọng phước hạnh"** Đây lại thêm một cách nói về sự Tái Lâm

▣ **"và sự xuất hiện"** Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt below.

Chủ Đề Đặc Biệt: CÁC THUẬT NGỮ TÂN ƯỚC NÓI VỀ SỰ TÁI LÂM CỦA Đấng CHRIST.
NT terms for Christ's return

Sự nhấn mạnh cánh chung (về thời tận thế) nói về một ngày đặc biệt không xa, khi con người sẽ phải gặp Đấng Cứu Rỗi và Đấng phán xét, Chúa Giê-su. Ngày ấy còn được gọi là: .

1. "Ngày của Chúa Giê-su Christ (theo 1 Cô-rin-tô 1:8)
2. "Ngày của Chúa " (theo 1 Cô-rin-tô 5:5; 1 Thê sa lô ni ca 5:2; 2 Thê sa lô ni ca 2:2)
3. "Ngày của Chúa Giê-su " (theo 2 Cô-rin-tô 1:14; MS & has it in 1 Cô-rin-tô 5:5)
4. "Ngày của Giê-su Christ" (theo Phi-líp 1:6)
5. "Ngày của Đấng Christ" (theo Phi-líp 1:10; 2:16)
6. "Ngày của Ngài (Con Người)" (theo Lu-ca 17:24)
7. "Ngày của Con Người được tỏ ra" (theo Lu-ca 17:30)
8. "Sự Mặc Khải của Chúa Giê-su" (theo 1 Cô-rin-tô 1:7)
9. "Khi Chúa Giê-su sẽ được tỏ ra từ Thiên Đàng" (theo 2 Thê sa lô ni ca 1:7)
10. "Trong sự hiện diện của Chúa Giê-su khi Ngài đến" (theo 1 Thê sa lô ni ca 2:19)

Có ít nhất bốn cách mà Tân-ước mô tả sự Tái Lâm của Chúa Giê-su .

1. *epiphaneia*, nói về sự chói ngời, theo không theo ý nghĩa từ ngữ, nhưng theo ý nghĩa thần học, liên hệ tới sự vinh hiển. In 2 Ti-mô-thê 1:10; Tích 2:11 và 3:4 nói về sự nhập thể và sự Tái Lâm. Thuật ngữ này được dùng trong 2 Thê sa lô ni ca 2:8 trong đó chứa đựng tất cả ba thành phần của sự Tái Lâm: 1 Ti-mô-thê 6:14; 2 Ti-mô-thê 4:1,8; Tích 2:13.
2. *parousia*, Nói về sự hiện diện sự viếng thăm của một Quốc Vương, được sử dụng nhiều nhất trong Tân-ước (theo Ma-thi-ơ. 24:3,27,37,39; 1 Cô-rin-tô 15:23; 1 Thê sa lô ni ca 2:19; 3:13; 4:15; 5:23; 2 Thê sa lô ni ca 2:1,8; Gia-cơ 5:7,8; 2 Phi-ê-rơ 1:16; 3:4,12; 1 Giăng 2:28).
3. *apokalupsis* (or *apocalypsis*), Sự khải huyền, một ý nghĩa khác của sự tỏ ra. Đây cũng là tên cuốn sách cuối cùng của Kinh Thánh. (theo Lu-ca 17:30; 1 Cô-rin-tô 1:7; 2 Thê sa lô ni ca 1:7; 1 Phi-ê-rơ 1:7; 4:13).
4. *phaneroō*, có nghĩa đem ra ánh sáng được dùng nhiều lần trong Tân-ước về sự mặc khải chân lý của Đức Chúa Trời, tương tự như *epiphaneia*, cũng nói về Sự Nhập thể (theo 1 Phi-ê-rơ 1:20; 1 Giăng 1:2; 3:5,8; 4:9) và Sự Tái Lâm (theo Ma-thi-ơ. 24:30; Cô-lô-sê 3:4; 1 Phi-ê-rơ 5:4; 1 Giăng 2:28; 3:2).
5. Một trong những thuật ngữ rất phổ biến là, *erchomai*, "đến" cũng ám chỉ về sự Tái Lâm của Đấng (theo Ma-thi-ơ. 16:27-28; 23:39; 24:30; 25:31; Công-vụ 1:10-11; 1 Cô-rin-tô 11:26; Khải Huyền 1:7,8).
6. Cụm từ "Ngày của Chúa" (theo 1 Thê sa lô ni ca 5:2), là danh hiệu Ngày Phước Hạnh (Phục sinh) và Ngày Phán Xét của Đức Chúa Trời.
Cả Tân-ước được viết trong quan điểm của Cựu-ước, khẳng định:
 - a. Kỷ Nguyên Hiện Tại, Xấu Xa và Chống Nghịch.
 - b. Kỷ Nguyên Công Chính Sẽ Đến
 - c. Một Kỷ Nguyên Thánh Linh được bắt đầu bởi công việc của Đấng Mê-si-a (Đấng Được Xức Dầu)

Giả thiết thần học của sự mặc khải từng bước cần có bởi các tác giả Tân-ước thay đổi chút ít về sự mong đợi của dân tộc Do-thái. Họ trông đợi một Đấng Mê-si-a mang tính chất anh hùng dân tộc, một tướng lãnh tài ba. Thay vào đó là hai sự 'đến' của Đấng Mê-si-a theo Tân-ước. Sự đến Đầu tiên là Sự Nhập Thể của Vị Thần Đức, Sự Đầu Thai và Sinh Thành của Giê-su Na-xa-rét, không mang tính quân sự, hay phán xét, nhưng với tư cách 'người đầy tớ thương khó' theo Ê-sai 53; trong hình ảnh một người cười lừa, thay vì cười ngựa như tướng lãnh, theo Xa-cha-ri. 9:9. Sự đến đầu tiên mở đầu Kỷ Nguyên Đấng Mê-si-a, Nước Trời trên trần gian. (Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Nước Đức Chúa Trời. Trong một ý nghĩa: Nước Trời đã đến và trong ý nghĩa khác, Nước Trời còn xa. Đây là giai đoạn giảng co, chuyển tiếp giữa hai 'sự đến' của Đấng Mê-si-a, cũng là sự chông chéo giữa hai Kỷ Nguyên của người Do-thái. (Xem chủ đề Đặc Biệt Kỷ Nguyên Hiện Nay và Kỷ Nguyên sẽ đến). Giai đoạn chông chéo này không được thấy hoặc không rõ ràng từ Cựu-ước. Thực tế 'sự đến hai lần' nhấn mạnh sự cam kết cứu chuộc cả nhân loại của Đức Giê-hô-va, được thấy trong Ê-sai và Giôn-na (theo Sáng. 3:15; 12:3; Xuất. 19:5).

Hội Thánh không phải chờ đợi sự ứng nghiệm tiên tri của Cựu-ước, bởi hầu hết các tiên tri ấy nói về

‘sự đến’ lần thứ nhất. (theo *How to Read the Bible For All Its Worth*, trang 165-166). Các Tín Đồ Tân-ước trông chờ ‘sự đến’ vinh hiển của Vị Vua trên các vua và Chúa trên các chúa, sự ứng nghiệm Nước Trời dưới đất cũng như trên Thiên Đàng. (theo Ma-thi-ơ. 6:10). Sự trình bày của Cựu-ước không phải không chính xác, nhưng không đầy đủ. Chúa sẽ đến như đã được tiên tri trong quyền năng và uy thế của Đức Giê-hô-va

Sự Tái Lâm không phải là thuật ngữ trong Kinh thánh, nhưng là khái niệm thần học trong quan điểm và khuôn khổ cả Tân-ước. Đức Chúa Trời sẽ giải thích rõ ràng, mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và nhân loại trong hình ảnh của Ngài sẽ được phục hồi, Sự dữ sẽ bị phán xét và loại bỏ. ý chỉ của Đức Chúa Trời không bao giờ thất bại.

▣ **"vinh hiển "** Thuật ngữ “vinh hiển” có thể hiểu theo hai cách, (1) “sự hiện ra một cách vinh hiển” (Xem NKJV) hoặc (2) "sự hiện ra của Vinh Hiển" (Xem NASB, NRSV, TEV and NJB). Vinh hiển thường được dùng để miêu tả sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước, (đặc biệt là “đám mây vinh hiển” *Shekinah* trong thời kỳ Xuất Hành qua sa mạc). Thuật ngữ Hê-bơ-rơ cho vinh hiển là *kabod*, có nghĩa rực rỡ huy hoàng. Còn thuật ngữ “vinh hiển” trong tiếng Hy-lạp liên hệ tới sự Tái Lâm là *epiphaneia*, (Xem Ma-thi-ơ 25:31) và *phanerōō* (Xem Ma-thi-ơ 24:30). Chúa Giê-su nói về vinh hiển của Cha và của Mình trong Giăng 17:1-5,22,24.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ VINH HIỂN

Glory (Doxa)

Khái niệm “sự vinh hiển” trong Kinh thánh rất khó có thể định nghĩa. Sự vinh hiển của các tín hữu có nghĩa là họ hiểu Phúc âm và sự vinh hiển trong Đức Chúa Trời, không phải trong chính họ (1:29-31; Giê-rê-mi 9:23-24).

Trong Cựu Ước từ ngữ thông thường nhất để chỉ “sự vinh hiển” (*kbd*) là một thuật ngữ trong thương mại chỉ một cặp cân (“sức nặng”). Bên nào nặng thì có giá trị hay thể hiện giá trị bên trong. Thông thường khái niệm tỏa sáng được thêm vào chữ này để diễn tả oai nghi của Chúa (Xuất Ê-díp-tô ký 19:16-18; 24:17; Ê-sai 60:1-2). Duy nhất chỉ có Ngài mới xứng đáng và được tôn trọng. Ngài quá ngời sáng cho nên con người sa ngã không thể chiêm ngưỡng được (Xuất Ê-díp-tô ký 33:17-23; Ê-sai 6:5). Đức Giê-hô-va chỉ có thể được biết đến rõ ràng qua Đấng Christ (Giê-rê-mi 1:14; Ma-thi-ơ 17:2; Hê-bơ-rơ 1:3; Gia-cơ 2:1).

Từ ngữ “vinh hiển” có vẻ mơ hồ: (1) có thể tương đương với “sự công bình của Đức Chúa Trời”; (2) có thể chỉ sự “thánh khiết” hay “trọn vẹn” của Đức Chúa Trời; hay là (3) chỉ ảnh tượng của Đức Chúa Trời qua đó con người được dựng nên (Sáng-thế-ký 1:26-27; 5:1; 9:6), nhưng sau đó đã bị hoen ố bởi sự nổi loạn (Sáng-thế-ký 3:1-22). Lần đầu tiên nó được dùng để chỉ sự hiện diện của Đức Giê-hô-va với dân sự Ngài trong thời gian lang thang nơi đồng vắng được ghi lại trong Xuất Ê-díp-tô ký 16:7,10; Lê-vi-ký 9:23 và Dân số ký 14:10.

▣ **"của Đức Chúa Trời vĩ đại và Đấng Giải Cứu chúng ta là Đức Chúa Giê-su Christ,"** Chúa Giê-su được ban danh hiệu của Đức Chúa Trời! (Hoàng đế cũng tự xưng mình là đấng giải cứu, ví dụ Ptolemy I). Chúng ta biết đây đang ám chỉ Chúa Giê-su vì thuật ngữ “hiện ra” theo văn cảnh nói về sự Tái Lâm của Đấng Christ, thuật ngữ “vĩ đại” không bao giờ được dùng nói về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, và không có MẠO TỬ cho "đấng giải cứu." Cú pháp tiếng Hy-lạp phổ thông Koine ủng hộ lý giả thiết đây là danh hiệu dành cho Chúa Giê-su, bởi vì một MẠO TỬ được dùng cho cả hai DANH TỬ, “Đức Chúa Trời” và “Đấng Giải Cứu” (Theo tiếng Anh: The God and Savior”, xem NET Bible). Chúa Giê-su là Thần Đức (Xem Giăng 1:1; 8:57-58; 20:28; Rô-ma 9:5; Phi-líp 2:6; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:12; Hê-bơ-rơ 1:8; 2 Phi-ê-rơ 1:1,11; 1 Giăng 5:20). Trong Cựu Ước, Đấng Mê-si-a (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 1:1) được mong đợi như một người được Thần Linh giáng ngự, giống như các anh hùng trong sách Các Quan Xét. Thần Đức của Chúa Giê-su khiến mọi người sùng sốt, (xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHẤT THẦN LUÂN / MONOTHEISM** ở câu 1 Ti-mô-thê 2:5)!

2:14 "Đấng đã phó chính Ngài vì chúng ta" Câu này phù hợp với chủ đề thần học trong Mác 10:45; 2 Cô-rin-tô 5:21; và Hê-bơ-rơ 9:14., nói về sự đền tội chết thế, (Xem Ê-sai 53; Ga-la-ti 1:4; 1 Ti-mô-thê 2:5-6; Hê-bơ-rơ 9:12-15; 1 Phi-ê-rơ 1:18-19). Đức Chúa Cha "sai phái", nhưng Đức Chúa Con "tự nguyện hiến thân"!

▣ **"để có thể chuộc chúng ta "** Thuật ngữ "giá chuộc" và "chuộc lại" đều xuất xứ trong Cựu Ước, (bản dịch NASB in câu Tích 2:14 như là một dẫn chứng từ Cựu Ước). Cả hai câu này nói về việc chuộc lại người khỏi vòng nô lệ, hay I-sơ-ra-en được chuộc khỏi Ê-gíp. Điều này cũng có nghĩa là tín đồ được giải phóng khỏi quyền lực tội lỗi qua Đấng Christ. (Xem Rô-ma 6). Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIÁ CHUỘC, CỨU CHUỘC / RANSOM/REDEEM ở câu 1 Ti-mô-thê 2:6.

▣ **" thanh tẩy chúng ta "** Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Công Chính ở câu Tích 2:13. Câu hỏi thần học là làm thế nào Ngài thanh tẩy dân sự Ngài? Phải chăng đây là món quà qua Đấng Christ, được ban miễn phí bởi sự công bố của Đức Chúa Trời, hay là mạng lệnh ăn năn, vâng phục, và bền đỗ mà con người phải thực hiện? Có phải tất cả đến từ Đức Chúa Trời, hay còn có phần đáp ứng của con người?

Đối với tôi, tôi thấy Kinh Thánh trình bày chân lý theo cặp nghịch lý: Hành động tình nguyện của Đức Chúa Trời thánh khiết, và sự hưởng ứng không thể thiếu được từ tội nhân, lúc khởi đầu và cả quá trình bền đỗ. (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu Tích 2:11)! Đây là sự hiệp nhất hai vế của một giao ước, (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 2 Ti-mô-thê 2:1).

▣ **"thành một dân thuộc riêng về Ngài "** Dân tuyền là thuật ngữ Cựu Ước, (Xem Xuất Ê-díp-tô 19:5; Phục-truyền 14:2; 1 Phi-ê-rơ 2:5,9,10; Khải Huyền 1:6). Hội thánh là I-sơ-ra-en thuộc linh (Xem Ga-la-ti 6:16; Rô-ma 2:29). Hội thánh có một sứ mạng truyền giảng cho khắp thế gian (Xem Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:47; Công-vụ 1:8) qua sứ điệp và nếp sống đạo!

▣ **"một dân nhiệt thành làm những điều tốt"** Mục đích của Cơ-đốc giáo không phải là lên Thiên đàng khi qua đời, nhưng là trở nên giống Đấng Christ hôm nay. (Xem Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4 2:10). Dân sự của Đức Chúa Trời được đặc trưng bởi sự sốt sắng làm việc thiện, (Xem Gia-cơ and 1 Giảng).

BD2011: TÍCH 2:15

¹⁵ **Đó là những điều con phải nói, phải khuyên, và phải sửa dạy với tất cả uy quyền. Đừng để ai coi thường con.**

2:15 "những điều con phải nói, phải khuyên, và phải sửa dạy speak " Ba LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG, tiếp tục giảng dạy, (Xem Tích 2:1), tiếp tục khích lệ và tiếp tục khiển trách (Xem 2 Ti-mô-thê 3:16). Lãnh đạo hội thánh phải khích lệ tín đồ và phải hiện giáo sư giả.

▣ **"với tất cả uy quyền"** Chúa Giê-su có mọi thẩm quyền trên trời và dưới đất (*exousia*) (Xem Ma-thi-ơ 28:18). Ngài ban thẩm quyền cho các sứ đồ, (Phao-lô là sứ đồ cuối cùng, như được sinh ngoài thời điểm). Phao-lô truyền giao thẩm quyền *epitāē* cho hai sứ giả của của mình là Ti-mô-thê và Tích.

Từ thời điểm các sứ đồ qua đời đến nay, các văn tự của họ được gộp lại thành Tân Ước, cùng với Cựu Ước trở nên thẩm quyền cho tất cả mọi thế hệ tín đồ, (Xem 2 Ti-mô-thê 3:15-17).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THẨM QUYỀN

Authority (*Exousia*)

Thật thú vị khi quan sát sách Lu ca sử dụng thuật ngữ *exousia* (thẩm quyền, quyền phép, quyền pháp)

- Lu ca 4:6 Satan tuyên bố cho Chúa Giê-su thẩm quyền.
- Lu ca 4:32,36 người Do-thái ngạc nhiên bởi Chúa Giê-su giảng dạy với thẩm quyền
- Lu ca 9:1 Chúa trao thẩm quyền và quyền phép cho các sứ đồ
- Lu ca 10:19 Chúa trao thẩm quyền cho 70 giáo sỹ.
- Lu ca 20:2,8 Câu hỏi chính tập trung vào thẩm quyền của Chúa Giê-su
- In 22:53 Điều ác được phép xét đoán và sát hại Chúa Giê-su.

Không trong Lu-ca nhưng trong Ma-thi-ơ Chúa Giê-su ban Đại Mạng Lệnh: mọi thẩm quyền trên trời dưới đất được trao cho Ta (Ma thi ơ 28:18).

Chúa Giê-su trả lời họ như sau:

1. Đức Chúa Trời phán tại
 - a. lễ báp-tem Lu ca 3:21-22)
 - b. núi “Biển Hình” (Lu ca 9:35)
2. Ứng nghiệm Cựu Ước
 - a. Chi tộc Giu-đa (theo Sáng Thế Ký 49:10)
 - b. Gia tộc Gie-se (theo II Sa-mu-en 7)
 - c. Sinh tại Bết-lê-hem (theo Mi-chê 5:2)
 - d. Giáng sinh trong triều đại La-ma thứ tư dựa theo Đa-ni-en 2
 - e. Giúp người nghèo, mù, khốn khó (Ê-sai)
3. Sự đuổi quỷ chứng tỏ Ngài có thẩm quyền trên Sa-tan và vương quốc tối tăm
4. Sự Phục Sinh chứng tỏ Ngài có thẩm quyền trên sự sống thuộc thể và cái chết.
5. Phép lạ chứng tỏ Ngài có thẩm quyền trên không gian, thời gian và định luật vật lý
 - a. thiên nhiên
 - b. ban thực phẩm
 - c. chữa bệnh
 - d. đọc biết suy nghĩ nội tâm
 - e. bắt cá

▣ "Đừng để ai coi thường con." THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG LỜI MỆNH LỆNH PHỦ ĐỊNH “đừng”, (Xem 1 Ti-mô-thê 4:12). Nó có thể ám chỉ

1. những người trong HT” coi thường tuổi tác của Tịch và sự bổ nhiệm thẩm quyền
2. những người liên hệ tới giáo sư giả, có thể là phát ngôn viên hàng đầu.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp anh chị em suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Chương này nói về sự đến thứ nhất hay thứ hai của Đấng Christ?
2. Câu 13 quan trọng như thế nào?
3. Liệt kê ba trách nhiệm của Tịch với tư cách một người lãnh đạo 2:15.
 - a.
 - b.
 - c.
4. Phải chăng Tịch 2:15 là câu kết thúc chương hai hay mở đầu chương 3?

TÍCH 3

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

USB ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Tiếp tục công việc tốt là	Ân tứ của những người thừa kế ân sủng	Mục sư và đàn chiên (2:1-3:11)	nếp sống Cơ đốc	Hướng dẫn chung cho tín đồ
3:1-7	3:1-8	2:15-3:8a	3:1-8a	3:1-3 3:4-8a
3:8-11	Tránh chia rẽ bất đồng	3:8b-11	3:8b-11	Personal Advice to Tích 3:8b-11
Hướng dẫn cá nhân, chào tạm biệt	3:9-11 Sứ điệp cuối cùng	Sứ điệp cuối cùng	Sứ điệp cuối cùng	Lời khuyên thực tế, cầu chúc, chào tạm biệt.
3:12-14		3:12-14		3:12-14
3:15	3:12-14 Chào tạm biệt 3:15	3:15a 3:15b	3:12-14	3:15
			3:15a 3:15b	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của anh chị em với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

KIỆN GIẢI THEO VĂN CẢNH TÍCH 3

- A. Chương này miêu tả đặc điểm các chủ đề của cả bức thư.
1. Phẩm chất Cơ-đốc được nhấn mạnh Tích 1:16; 2:7,14; 3:1-2, 8
 2. Giáo lý Cơ-đốc được tóm lược. Tích 2:11-14 and 3:4-7
 3. Tín đồ phải sống công nghĩa bởi họ được làm công chính bởi Đức Chúa Trời. Chúng ta phải có được nét đặc thù của gia đình thiên thượng. Mục đích của chúng ta không phải là Thiên Đàng sau khi chết, nhưng là sự trở nên Giống Đấng Christ hôm nay (Xem Rô-ma 8:28-29; 2 Cô-rin-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3). Động cơ cho nếp sống mới phải vươn ra công đồng những người còn hư mất với Phúc Âm, (Xem Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:46-47; Công-vụ 1:8). Nhưng Phao-lô mong muốn lời kêu gọi “sống đạo” không bị hiểu lầm với việc “công chính bởi công đức”
- B. Tất cả Ba Ngôi đều tích cực trong công tác cứu rỗi con người. (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu Tích 3:6)
1. Đức Chúa Cha yêu thương (Tích 3:4)
 2. Đức Thánh Linh làm mới tâm linh và báp-tem (Tích 3:5)
 3. Đức Chúa Con làm Đấng Trung Bảo. (Tích 3:6)
- C. Tích 3:9-11 là sự cảnh báo tiếp tục đối với giáo sư giả, khích lệ công việc thiện, là những điều đặc thù cho các thư Linh Vụ. (Xem Tích 1:10-16; 1 Ti-mô-thê 1:3-7).
- D. Tích 3:12-15 tóm lược sự khích lệ và chỉ dẫn cho Tích

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

BD2011: TÍCH 3:1-11

Con hãy nhắc nhở các tín hữu nên thuận phục những người cai trị và các nhà cầm quyền, hãy vâng lời họ, và sẵn sàng làm mọi việc tốt, ² đừng nói xấu ai, đừng tranh chấp, nhưng hãy khiêm tốn, bày tỏ cách cư xử nhã nhặn với mọi người.

³ Vì đã có một thời chính chúng ta cũng điên rồ, không vâng phục, bị dẫn dắt sai lạc, làm nô lệ cho đủ thứ dục vọng và khoái lạc, sống trong sự hiểm ác và ganh tị, bị người ta ghét, và ghét lẫn nhau. ⁴ Nhưng khi lòng tốt và lòng nhân ái của Đức Chúa Trời, Đấng Giải Cứu chúng ta, thể hiện, ⁵ Ngài cứu chúng ta, không vì những việc công chính chúng ta làm, nhưng vì lòng thương xót của Ngài, qua sự thanh tẩy của sự tái sinh và sự đổi mới của Đức Thánh Linh, ⁶ Ngài đã tuôn đổ Đức Thánh Linh dồi dào trên chúng ta qua Đức Chúa Giê-su Christ, Đấng Giải Cứu chúng ta, ⁷ đến nỗi sau khi được xưng công chính nhờ ân sủng Ngài, chúng ta được trở thành những người thừa kế theo hy vọng hưởng sự sống đời đời. ⁸ Đó là những lời đáng tin cậy. Ta muốn con hãy thường nhấn mạnh những điều ấy, để ai tin thờ Đức Chúa Trời phải nghĩ đến mà dẫn thân vào những việc tốt. Đó là những điều tốt và có lợi cho mọi người.

⁹ Con hãy tránh những cuộc tranh luận điên rồ, cãi nhau về gia phả, và những cuộc cãi cọ và tranh chấp về luật pháp, vì những điều ấy đều vô ích và vô dụng. ¹⁰ Còn đối với kẻ gây chia rẽ, sau khi cảnh cáo lần thứ nhất và lần thứ nhì, con hãy lánh xa kẻ ấy, ¹¹ vì biết rằng một kẻ như thế thì đầu óc đã lệch lạc và cứ phạm tội, nên đã tự kết án chính mình

3:1 "Con hãy nhắc nhở" LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG có nghĩa hãy tiếp tục nhắc nhở. Rõ ràng câu này liên hệ với câu 2:15.

Tích phải nhắc nhở họ những gì họ đã biết (Xem 2 Ti-mô-thê 2:14; 2 Phi-ê-rơ 1:12; 3:1-2; Giu-đe 1:5). See **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: VICIES AND VIRTUES** in the NT ở câu 1 Ti-mô-thê 1:9.

▣ **"thuận phục "** THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH LỐI VÔ ĐỊNH, có nghĩa tiếp tục đặt mình dưới thẩm quyền. Đây là mệnh lệnh mang tích chất quân sự. Thuật ngữ này cũng được dùng cho các Cơ-đốc nhân là vợ (Tích 2:5) hoặc nô lệ (Tích 2:9), và cũng là lời khuyên chung cho mọi Cơ-đốc nhân (Ê-phê-sô 5:20). Đây phải là thái độ cho mọi người ở mọi thời điểm và mọi nơi. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Đầu Phục / Submission (*hupotassō*) Tích 2:5.

▣ **"những người cai trị và các nhà cầm quyền,"** Có hai thuật ngữ “thẩm quyền”, *exousia* (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu Tích 2:15) và “đứng đầu” *archē* (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây), mang nhiều ý nghĩa trong vùng Địa Trung Hải. Tuy nhiên có những sự trùng lặp trong ý nghĩa từ vùng giữa “thẩm quyền”, “quyền lực” và “vị trí đứng đầu”.

1. *Exousia* được dùng nói về quyền lực hành chính, trong Rô-ma 13:1 và Tích 3:1. Các câu 1 Ti-mô-thê 2:2 và 1 Phi-ê-rô 2:13-17 tương đồng về mặt thần học, mặc dầu không cùng sử dụng một từ thuật Hy-lạp.
2. *Exousia* và *archē* được dùng nói về thẩm quyền thuộc linh, trong Ê-phê-sô 2:2 và Cô-lô-sê 2:15. Trong Ê-phê-sô 3:10 và 6:12 có hai thuật ngữ liên hệ tới các tầng trời, rất đặc thù trong Ê-phê-sô, nói về các thực thể thuộc linh năng động trong lịch sử con người,
3. Có vài trường hợp trong thần học Phao-lô, trong đó thẩm quyền thuộc linh và thẩm quyền hành chính được kết hợp với nhau. (i.e., 1 Cô-rin-tô 15:24; Ê-phê-sô 1:21; and Cô-lô-sê 1:16).

See [CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHÍNH QUYỀN CỦA CON NGƯỜI / HUMAN GOVERNMENT](#) ở câu 1 Ti-mô-thê 2:2.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BAN ĐẦU (ARCHĒ)

ARCHĒ

Thuật ngữ Hy-lạp *archē* có nghĩa “khởi điểm” hoặc cội nguồn” của cái gì đó

1. bắt đầu trật tự tạo hóa, (theo Giăng 1:1; Hê-bơ-rơ 1:10)
2. bắt đầu Phúc Âm, (theo Mác 1:1; Phi-líp 4:15; 2 Thê sa lô ni ca 2:13; Hê-bơ-rơ 2:3; 1 Giăng 1:1)
3. nhân chứng đầu tiên, (theo Lu ca 1:2)
4. dấu hiệu, phép lạ đầu tiên, theo Giăng 2:11)
5. sơ đẳng, (theo Hê-bơ-rơ 5:12)
6. tin quyết ban đầu dựa theo Phúc Âm. (theo Hê-bơ-rơ 3:14)
7. đầu, khởi đầu, đứng đầu, Cô-lô-sê 1:18; Khải huyền 3:14

Thuật ngữ *archē* cũng được dùng nói về “thẩm quyền”

1. quan chức
 - a. Lu ca 12:11
 - b. Lu ca 20:20
 - c. La-mã 13:3; Tích 3:1
2. thứ bậc thiên sứ
 - a. La-mã 8:38
3. Cô rin tô 15:24
 - a. Ê phê sô 1:21; 3:10; 6:12
 - b. Cô-lô-sê 1:16; 2:10,15
 - c. Giu đê 1:6

▣ **"hãy vâng lời họ,"** THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG LỐI VÔ ĐỊNH. Vâng lời là thuật ngữ ghép: Vâng phục (*peithomai*) cộng với “thẩm quyền” (*archē*). Chỉ được thấy ở đây và trong Công-vụ 27:21 in the NT. Khái niệm vâng phục được Phao-lô nhắc nhở những người vợ, con và nô lệ là Cơ-đốc nhân trong Ê-phê-sô 5:21-6:9 và Cô-lô-sê 3:18-25.

▣ **"và sẵn sàng làm mọi việc tốt,"** Theo văn cảnh có lẽ Phao-lô nói về sự phục vụ chính quyền, cộng đồng và mọi người trong xã hội. Câu này cũng được thấy trong 2 Ti-mô-thê 2:21 and 3:17. Tuy nhiên làm việc tốt cũng

tương đồng với nếp sống tinh khiết nói chung, (Xem Tích 2:14; 2 Cô-rin-tô 9:8; Ê-phê-sô 2:10). Các giáo sư giả trong Tích 1:16 không xứng đáng cho bất cứ công việc tốt lành nào, dù ngoài xã hội, hay trong vòng tôn giáo .

3:2 Đây là bốn điều Phao-lô khuyên Cơ-đốc nhân nên làm trong cộng đồng. Cơ-đốc nhân là thiểu số, những gì họ làm là lời chứng rất quan trọng, đồng thời cũng là sự đối nghịch so với hành động của các giáo sư giả, mà tín đồ phải tránh.

Đây cũng là sự khuyên bảo tốt đối với chính trị gia Cơ-đốc ngày nay. Hành động cũng quan trọng như lời nói. Không một sự nghiệp nào được phép đặt cao hơn sứ mạng loan báo Tin Mừng

đừng nói xấu ai, đừng tranh chấp,

VB1925: “chớ nói xấu, chớ tranh cạnh”
RVV11: “không xúc phạm, tránh gây gổ”
NASB "không làm tổn hại ai"
NKJV, NRSV "không nói xấu ai"
TEV "không nói xấu ai"
NJB "không nói vu khống người khác"

Nghĩa đen là “phạm thượng” (Xem 1 Ti-mô-thê 1:13,20; 2 Ti-mô-thê 3:2; 1 Phi-ê-rơ 4:4; 2 Phi-ê-rơ 2:2,10,11,12), thường là nói xấu về Đức Chúa Trời (Xem Ma-thi-ơ 26:65). Phao-lô dùng thuật ngữ này để khuyên tín đồ nói chung không nói xấu ai, bởi đó là phẩm chất Cơ-đốc. (Xem Rô-ma 14:16; 1 Cô-rin-tô 10:30 và ở đây). Nếp sống đạo rất quan trọng trong sự làm chứng của hội thánh

▣ "**nhưng hãy khiêm tốn,**" Thái độ này cũng như các phẩm chất khác liên hệ tới cách cư xử với người chưa được cứu, xem ghi chú ở câu 1 Ti-mô-thê 3:3.

▣ "**bày tỏ cách cư xử nhã nhặn với mọi người"** Xem ghi chú ở câu 1 Ti-mô-thê 3:3.

RVV11: “hãy dịu dàng và cư xử hết sức nhã nhặn với mọi người”
VB1925: “hãy dung-thứ, đối với mọi người tỏ ra một cách mềm-mại trọn- vẹn”
NASB "bày tỏ sự nhã nhặn cho mọi người"
NKJV, NRSV "tỏ ra sự lịch thiệp đối với mọi người"
TEV "luôn tỏ ra sự dịu dàng đối với mọi người"
NJB "luôn luôn lịch sự với mọi người"

Cũng như trên, đây là thái độ của tín đồ đối với người chưa được cứu. Trong 2 Ti-mô-thê 2:25 Phao-lô nói về thái độ đối với tín hữu (cũng xem 1 Ti-mô-thê 6:11).

Thuật ngữ “mọi người” mang tính chất đặc trưng cho các thư Linh Vụ, Đức Chúa Trời yêu thương mọi người Chúa Giê-su chết thay cho mọi người, Cơ-đốc nhân phải cư xử thích hợp đối với tất cả mọi người, (Xem 1 Ti-mô-thê 2:1,4,6; 4:10; Tích 2:11).

3:3 " Vì đã có một thời chính chúng ta " Những hành động này đặc trưng cho nhân loại tội lỗi (Sáng-Thế-Ký 3; Rô-ma 1:19-3:31) mà bản thân Cơ-đốc nhân cũng như vậy khi còn chưa được cứu, (Xem Rô-ma 1:29-31; 2 Cô-rin-tô 6:9-11; Ê-phê-sô 2:3; 4:17-21; Ga-la-ti 5:19-21).

▣ "**cũng điên rồ "** Điên rồ là dạng ngược lại của thuật ngữ “suy nghĩ”, “tư duy” (Xem Lu-ca 6:11; 24:25; Rô-ma 1:14,21; Ga-la-ti 3:1,3; 1 Ti-mô-thê 6:9; 2 Ti-mô-thê 3:9). Đây là từ mạnh để miêu tả suy nghĩ xấu, không thích hợp.

▣ "**không vâng phục,**" Đây là dạng ngược lại của “tin”, tức là “không tin” như trường hợp:

1. Vua Ac-rip-pa, Công-vụ 26:19
2. Dân ngoại giáo in Rô-ma 1:30; Ê-phê-sô 2:2; 5:6
3. Người Do-thái in Lu-ca 1:17; Rô-ma 11:30,32; Hê-bơ-rơ 4:6
4. Các giáo sư giả Tích 1:16; 2 Ti-mô-thê 3:2

▣ **"bị dẫn dắt sai lạc"** ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG, theo nghĩa đen: bị lừa dối, bị cám dỗ. Gốc của từ thuật nói về sự lang thang trên bầu trời, như các hành tinh không theo quỹ đạo, từ đó chúng ta có từ Anh Ngữ "planet." Phao-lô dùng thuật ngữ này như một ẩn dụ về sự sai lầm. Cũng như hai trường hợp trước, ông gộp nó vào danh sách tội lỗi con người như trong Rô-ma 1:27 and 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:11. Xin cũng để ý sự có mặt của từ này trong 1 Ti-mô-thê 4:1-2; 2 Ti-mô-thê 3:13; 1 Phi-ê-rô 2:25; 2 Phi-ê-rô 2:18; 3:17; and Giu-đe 11.

DẠNG THỤ ĐỘNG VOICE “bị” ám chỉ tác động dẫn dắt từ bên ngoài, là Sa-tan, hoặc ma quỷ

▣ **"làm nô lệ "** ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG, có nghĩa là “phục vụ như một nô lệ cho ham muốn phàm tục, (Xem Rô-ma 6:6,12).

▣ **"cho đủ thứ "** đây là tính từ: “có nhiều màu sắc”, được dùng cho quang phổ cầu vồng (ví dụ [1] trong 1 Phi-ê-rô 1:6 và Gia-cơ 1:2 về đủ loại thử thách mà tín đồ phải đối diện và [2] trong 1 Phi-ê-rô 4:10 nói về đầy đủ các phương diện của ân sủng Đức Chúa Trời.)

▣ **"dục vọng "** Thuật ngữ ghép: (*epi*) “lên trên” và (*thumos*) “tâm hồn trí óc”, nói về khát vọng mạnh mẽ, thường mang tính chất tiêu cực, trong Rô-ma 1:24 miêu tả con người tội lỗi.

▣ **"và khoái lạc, "** Trong tiếng Anh có từ "hedonism" bắt nguồn từ tiếng Hy-lạp, (Xem Lu-ca 8:14; Gia-cơ 4:1-3). Theo đuổi sự khoái lạc có thể trở nên bạo chúa.

▣ **"sống trong sự hiểm ác và ganh tị, "** Lại thêm một miêu tả đặc trưng cho con người tội lỗi, cũng thấy trong Rô-ma 1:29

bị người ta ghét, và ghét lẫn nhau.

VB1925: “đáng bị người ta ghét và tự chúng ta cũng ghét lẫn nhau”

RVV11: “đáng ghét và coi thường nhau”

NASB, NKJV "đầy hận thù, căm ghét lẫn nhau"

NRSV "đáng khinh, căm ghét lẫn nhau"

TEV "người ta ghét mình và mình ghét người ta"

NJB "căm ghét lẫn nhau và ghê tởm chính mình"

Có hai thuật ngữ đồng nghĩa “ghét” (TÍNH TỪ *stugētos* và ĐỘNG TÍNH TỪ *miseō*). Đặc tính này gợi nhớ tới Ma-thi-ơ 7, "bởi bông trái mà các ngươi biết họ". Văn cảnh nói về tín đồ trong tình trạng trước khi được cứu, hy vọng không còn như vậy sau khi được cứu. Nó cũng nói về các giáo sư giả và tay chân của họ.

3:4-7 Phân đoạn này là cả một câu dài trong bản Hy-lạp, định nghĩa Phúc Âm, (giống như các câu 2:11-14). Có thể đây là một phần của bài thánh ca, tuyên xưng đức tin hay bài tụng kinh, (xem Nestle-Aland Greek NT phiên bản thứ 26 và 27).

3:4 "Nhưng khi lòng tốt và lòng nhân ái " Ôi tuyệt vời thay sự thay đổi bởi ân sủng. “Nhân ái” trong tiếng Anh là "philanthropy" bắt nguồn từ hai thuật ngữ ghép lại: (*phileō*) “yêu” và (*anthropos*) “nhân loại”. Thuật ngữ này chỉ thấy ở đây và trong Công-vụ 28:2. Đức Chúa Trời yêu mến con người được tạo dựng trong hình ảnh Ngài, (i.e., Sáng-Thế-Ký 1:26-27), dù họ còn là tội nhân (Xem Rô-ma 5:8).

▣ **"của Đức Chúa Trời, Đấng Giải Cứu chúng ta, "** đây là danh hiệu miêu tả ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Xem 2 Các-vua 13:5; Thi-thiên 106:21; Ê-sai 19:20; 43:3,11; 45:15,21; 49:26; 60:16; Lu-ca 1:47). Hoàng đế La-mã cũng dùng danh hiệu này cho mình (Xem 1 Ti-mô-thê 1:1). Đây là cụm từ đặc thù cho các thư Linh Vụ. Xin để ý Chúa Giê-su cũng được gọi bằng danh hiệu Đấng Giải Cứu. trong Tích 3:6 (Xem 1 Ti-mô-thê 1:1; 2:3; 4:10; Lu-ca 2:11; Giảng 4:42; Công-vụ 5:31; 13:23; 2 Ti-mô-thê 1:10). So sánh thêm với Tích 1:3-4; 2:10-13; 3:4-6. Một trong những cách kết hợp Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con là dùng một danh hiệu cho Cả Hai Đấng. Trọng tâm trái tim của Đức Chúa Trời Đấng Tạo Hóa là sự cứu rỗi, cứu chuộc, tha thứ, phục hồi, và hoà thuận với con người phản nghịch. (Xem Giảng 3:16; Rô-ma 5:8). Xem ghi chú đầy đủ ở câu 2 Ti-mô-thê 1:10.

▣ **"thể hiện,** " Nói về sự Nhập thể của Chúa Giê-su. Nhưng trong Tích 2:13 lại ám chỉ sự Tái Lâm (Xem 1 Ti-mô-thê 6:14). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Thuật ngữ Tân Ước về sự Tái Lâm của Đấng Christ / NT Terms for Christ's Return ở câu Tích 2:13. Đấng Mê-si-a , (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 1:1) được Đức Chúa Trời hứa đã sinh hạ trong làng Bết-lê-hem (Xem Tích 2:11).

3:5 "Ngài cứu chúng ta, " THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG LỐI CHỈ ĐỊNH, ám chỉ một hành động đã hoàn tất trong quá khứ. "Cứu" là động từ chính trong một câu khá dài (theo bản Hy-lạp) từ Tích 3:4 tới Tích 3:7. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Thuật ngữ Hy-lạp cho sự cứu rỗi / Greek Verb Tenses used for Salvation ở câu 2 Ti-mô-thê 1:9.

▣ **"không vì những việc ... chúng ta làm,** " Cụm từ này được đặt trước trong cả câu dài của bản Hy-lạp, với dụng ý nhấn mạnh. Sự cứu rỗi không dựa trên công đức con người, nhưng trên công tác của Đức Chúa Trời (Xem Tích 3:20,2-28; 4:4-5; Rô-ma 9:11; Ga-la-ti 2:16; Ê-phê-sô 2:8-9; Phi-líp 3:9; 2 Ti-mô-thê 1:9). Đây là sự căng thẳng giữa "đức tin không dựa trên việc làm" và đức tin thể hiện qua việc làm" (Xem Ê-phê-sô 2:8-10; Gia-cơ 2:14-26). Các giáo sư giả Do-thái và Tri-huệ giáo nhấn mạnh công đức của con người.

▣ **"công chính "** Tín đồ phải theo đuổi sự công chính (tức là sự trở nên giống Đấng Christ) sau khi được cứu. (Xem 1 Ti-mô-thê 6:11), Còn con người sa ngã không bao giờ có thể tiếp cận Đấng Thánh nhờ sự công nghĩa bản thân. (Xem Ê-sai 64:6 và các trích dẫn từ Cựu Ước trong Rô-ma 3:10-18). See CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: RIGHTEOUSNESS ở câu Tích 2:12.

▣ **"nhưng vì lòng thương xót của Ngài"** Niềm hy vọng duy nhất của con người ở trong tình yêu, lòng thương xót và ân sủng của Đức Chúa Trời. Bản tính và hành động đầy chủ đích của là cơ hội cho sự tha thứ và phục hồi (Xem Sáng-Thế-Ký 3:15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô 19:5-6; Mal. 3:6; Ê-phê-sô 2:4-7; 1 Phi-ê-rơ 1:3). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:10.

▣ **"qua sự thanh tẩy của sự tái sinh "** nghĩa đen là "tắm trong sự đổi mới", thuật ngữ "đổi mới" là (*loutron*), được dùng hai lần trong Tân Ước (Ê-phê-sô 5:26 và ở đây). Và cũng rất ít được dùng trong bản Bảy Mươi, nói về:

1. nơi tắm
2. nước tắm
3. hành động tắm (động từ)

Trong Lê-vi ký , tắm là biểu tượng thanh tẩy và làm thánh một người, hoặc một vật. (Xem Dead Sea Scrolls). Trong Ê-phê-sô 5:26, tắm ám chỉ nghi thức tắm trước hôn lễ.

Thuật ngữ "đổi mới" cũng không thông dụng, (*palingenesia*) được thấy hai lần, ở đây và Ma-thi-ơ 19:28. Đây là từ ghép, (*palin*) "tái" và (*genesis*) "sinh". Vì vậy mà có ý nghĩa tái sinh, qua công tác đã hoàn tất của Đấng Christ và sự mời gọi của Đức Thánh Linh . Thời điểm tái sinh là lễ Báp-tem, tác nhân tái sinh là Đức Thánh Linh (Xem Tích 3:5-6), phương tiện tái sinh là sự chết , sự sống lại của Đấng Christ, (Xem Tích 3:6), và nền tảng của sự tái sinh là tình yêu, sự thương xót của Đức Chúa Cha (Xem Tích 3:4). Đây không phải câu Kinh Thánh được dùng để chứng minh quan điểm tái sinh bởi phép Báp-tem. Phép Báp-tem là cơ hội tuyên xưng đức tin nơi công cộng (Xem Công-vụ 2:38) và là biểu tượng của sự đồng chết, đồng chôn và đồng sống lại của tín đồ với Đấng Christ. (Xem Rô-ma 6:3-9; Cô-lô-sê 2:12). Trong các hội thánh sơ khởi, người được Báp-tem tuyên xưng đức tin qua câu: "Giê-su là Chúa " Xem Rô-ma 10:13). Trọng tâm ở đây là công tác của Đức Thánh Linh (tức là Tái sinh và đổi mới).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: PHÉP BÁP-TEM

Baptism

Curtis Vaughan, *Công vụ*, ghi chú cuối trang 28, liên hệ tới Công vụ 2:38 "hãy ăn ăn và chịu Báp-tem" như sau. "Thuật ngữ Hy-lạp cho "chịu Báp-tem" là mệnh lệnh thức ngôi thứ ba. Còn "Hãy ăn năn" là mệnh lệnh thức ngôi thứ hai. Như vậy "Hãy ăn năn" quan trọng hơn "chịu Báp-tem" trong lời giảng của Phi-e-rơ
Điều này cũng tương tự với lời giảng của Giảng Báp-tít (Xem Ma thi ơ 3:2) và Chúa Giê-su (Xem Ma thi ơ 4:17).

Ăn năn là chìa khóa thuộc linh và Báp tem là hàng động bên ngoài thể hiện biến đổi nội tâm. Tân Ước không nhắc đến nhóm tín đồ không chịu Báp-tem. Trong các H.T sơ khởi, lễ Báp-tem là hình thức xưng nhận đức tin trong Đấng Christ, mặc dù nó không phải là cơ chế của sự cứu rỗi. Cũng nên để ý rằng Báp-tem cũng không được nhắc đến trong bài giảng thứ hai của Phi-ê-rơ, mặc dầu sự ăn năn được đề cập (Xem 3:19; Lu ca 24:17). Phép Báp-tem được làm gương bởi Chúa và là mạng lệnh của Ngài, (Xem Ma thi ơ 3:13-18, Ma thi ơ 28:19). Câu hỏi thời nay là có nên làm Báp-tem để được cứu hay không? Tân Ước trả lời là tất cả tín đồ cần chịu Báp-tem, nhưng không quan trọng hóa nó thành điều kiện cứu rỗi. Chỉ đức tin - chứ không phải thánh địa, lời nguyện, nghi lễ ... - mới có năng lực cứu rỗi.

▣ **"và sự đổi mới của Đức Thánh Linh "** Lại thêm một thuật ngữ hiếm dùng nữa, ở đây và trong Rô-ma 12:2. Nó có nghĩa khiến một người hoặc một điều trở nên mới. Một thuật ngữ liên hệ được thấy trong Cô-lô-sê 3:10. Về ngữ pháp nó tương đồng với "tái sinh". chỉ có một GIỚI TỪ (*dia*) cho cả hai thuật ngữ này. Vì vậy, không phải hai việc của ân sủng, nhưng ân sủng thể hiện qua hai công tác. Điều này ám chỉ một sự kiện được điều khiển bởi Đức Thánh Linh, cũng được thấy trong câu Giảng 3:5-8 và 1 Phi-ê-rơ 1:23.

3:6 "tuôn đổ dồi dào" Phải chăng đây nói về hành động của Đức Chúa Cha (Xem Tích 3:4) hay của Đức Thánh Linh (Xem Tích 3:5)? Cũng động từ này được dùng một cách bí ẩn trong Công-vụ 2:17-18,33; 10:45, được trích dẫn từ trong Giô-ên 2:28-30.

▣ **"qua Đức Chúa Giê-su Christ, Đấng Giải Cứu chúng ta, "** Danh hiệu "Đấng Giải Cứu" được áp dụng cho cả Đức Chúa Cha trong Tích 3:4 và ở đây cho Đức Chúa Con. Danh hiệu được dùng cho cả hai ngôi được thấy trong Tích 1:3 and 4; and 2:10 and 13.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BA NGÔI ĐỨC CHÚA TRỜI

The Trinity

Đề ý đến công tác của cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Tertullian là người đầu tiên dùng chữ "Ba ngôi," không phải là chữ Kinh Thánh dùng, nhưng khái niệm này lan tỏa rộng khắp.

A. Các sách Phúc âm

1. Ma-thi-ơ 3:16-17; 20:19 (và những câu tương ứng)
2. Giảng 14:26

B. Công-vụ 2:32-33, 38-39

C. Phao-lô

1. Rô-ma 1:4-5; 5:1,5; 8:1-4,8-10
2. I Cô-rinh-tô 2:8-10; 12:4-6
3. II Cô-rinh-tô 1:21; 13:14
4. Ga-la-ti 4:4-6
5. Ê-phê-sô 1:3-14,17; 2:18; 3:14-17; 4:4-6
6. I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-5
7. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
8. Tít 3:4-6

D. Phi-e-rơ trong I Phi-e-rơ 1:2

E. Giu-đe trong câu 20,21

Cựu Ước cũng có hướng về điều này

A. Sử dụng số nhiều để chỉ Đức Chúa Trời

1. Danh hiệu *Elohim* là số nhiều, nhưng khi dùng cho Đức Chúa Trời nó luôn có động từ ở số ít
2. Chữ "chúng ta" trong Sáng-thế-ký 1:26-27; 3:22; 11:7
3. Chữ "Một" trong kinh *Shema* trong Phục truyền 6:4 ở số nhiều (cũng như trong Sáng-thế-ký 2:24; Ê-xê-chi-ên 37:17)

B. Thiên sứ của Chúa là đại diện thấy được của thần linh

1. Sáng-thế-ký 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16
2. Xuất Ê-đíp-tô ký 3:2,4; 13:21; 14:19
3. Các quan xét 2:1; 6:22-23; 13:3-22
4. Xa-cha-ri 3:1-2

- C. Đức Chúa Trời và Thánh Linh riêng biệt nhau, Sáng-thế-ký 1:1-2; Thi thiên 104:30; Ê-sai 63:9-11; Ê-xê-chi-ên 37:13-14
- D. Đức Giê-hô-va (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA) và Đấng Mê-si-a (*Adon*) riêng biệt nhau, Thi thiên 45:6-7; 110:1; Xa-cha-ri 2:8-11; 10:9-12
- E. Đấng Mê-si-a và Thánh Linh phân biệt với nhau, Xa-cha-ri 12:10
- F. Cả ba đều được nói đến trong Ê-sai 48:16; 61:1

Thần tánh của Chúa Jê-sus và thân vị Đức Thánh Linh đã gây vấn đề cho những người tin Chúa cách nghiêm ngặt, chỉ theo độc thần thời kỳ đầu:

1. Tertullian cho rằng Đức Chúa Con ở dưới Đức Chúa Cha
2. Origen hạ thấp bản chất thần linh của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
3. Arius không chấp nhận thần tính của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
4. Monarchianism tin vào sự bày tỏ lần lượt của Đức Chúa Trời

Khái niệm Ba Ngôi là một mô thức được phát triển qua lịch sử dưới sự soi sáng của dữ liệu Kinh thánh

1. Thần tính đầy đủ của Chúa Jê-sus, ngang bằng với Đức Chúa Cha, được xác nhận trong Giáo hội nghị Nicea vào năm 325.
2. Thân vị và thần tính đầy đủ của Đức Thánh Linh bằng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con được xác nhận trong Giáo hội nghị Constantinople năm 381.
3. Giáo lý Ba Ngôi được trình bày đầy đủ trong tác phẩm *De Trinitate* của Augustine

Thật sự ở đây là một sự huyền diệu. Nhưng Tân Ước dường như xác nhận một bản chất thần linh thể hiện với ba thân vị đời đời.

3:7 "đến nỗi" Đây là câu dụng ý (*hina* purpose clause) giống như 3:8, 13 và 14.

sau khi được xưng công chính nhờ ân sủng Ngài,

RVV11: "nhờ ân điển Ngài mà được xưng công chính"

VB1925: "hầu cho chúng ta nhờ ơn Ngài được xưng công-bình"

NASB "được xưng công chính bởi ân sủng"

NKJV, NRSV "được xưng công chính bởi ân sủng"

TEV "bởi ân sủng chúng ta được ngay thẳng trước Đức Chúa Trời "

NJB "được xưng công chính bởi ân sủng"

ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ QUÁ KHỨ DẠNG THỤ ĐỘNG (Xem Rô-ma 1:16-17; 3:24) liên hệ tới thuật ngữ "công chính". Xem ghi chú đầy đủ ở câu Tịch 2:12. **DẠNG THỤ ĐỘNG** ám chỉ tác nhân là Đức Thánh Linh. "Xưng công chính bởi đức tin" là từ ngữ pháp lý mà Phao-lô thích dùng, nhấn mạnh ân sủng bắt đầu từ Đức Chúa Trời (Xem 1 Ti-mô-thê 1:2,14; 2 Ti-mô-thê 1:2; Tịch 1:4). "Biện hộ" và "xưng công chính" là những từ được dùng thường xuyên trong Ga-la-ti và Rô-ma, và chỉ hai lần trong các thư còn lại của Phao-lô, (1 Cô-rin-tô 6:11 và ở đây). Tín đồ được tha thứ, và tiếp nhận bởi vì đặc tính và công tác của Đức Chúa Trời, chứ không bằng công đức của con người.

▣ **"chúng ta được trở thành những người thừa kế"** Một áp dụng tuyệt đối của ân dụ gia đình, tín đồ là người thừa kế gia sản Đức Chúa Trời. (Xem Rô-ma 4:13; 8:14-17; Ga-la-ti 3:29; 4:7; Hê-bơ-rơ 6:7; Gia-cơ 2:5).

▣ **"sự sống đời đời."** Xem ghi chú ở câu Tịch 1:2.

3:8 "Đó là những lời đáng tin cậy." Đây là một trong năm cách Phao-lô dùng để khẳng định chân lý thần học trong các thư Linh Vụ. (Xem 1 Ti-mô-thê 1:15; 3:1; 4:9; 2 Ti-mô-thê 2:11). Chính xác điều gì ông muốn khẳng

định ở đây là điều còng tranh luận giữa các nhà giải kinh, nhưng hầu hết mọi người đồng ý về những điều được viết trong Tích 3:4-7.

▣ **"hãy thường nhấn mạnh những điều ấy,"** Xem ghi chú ở câu 1 Ti-mô-thê 1:7.

▣ **"để "** Đây là một câu dụng ý khác (*hina* purpose clause), like Tích 3:7, 13, and 14.

▣ **"ai tin thờ Đức Chúa Trời " ĐÔNG TÍNH TỪ THÌ HOÀN THÀNH DẠNG CHỦ ĐỘNG** , miêu tả hành động trong quá khứ với hậu quả tiếp tục và ổn định. Theo Tân Ước ám chỉ đối tượng của đức tin là Chúa Giê-su, nhưng DANH TỪ XUNG HỒ (Ngài) nhiều khi khó hiểu và ám chỉ used Đức Chúa Cha. See [CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TIN, TIN CÂY, ĐÁNG TIN CÂY TRONG CUU ƯỚC / BELIEVE, TRUST, FAITH, AND FAITHFULNESS IN THE OLD TESTAMENT \(128\)](#), cũng như ĐỨC TIN, TIN, VÀ ĐÁNG TIN TRONG TÂN ƯỚC ở câu 1 Ti-mô-thê 1:16.

▣ **"phải nghĩ đến mà dẫn thân vào những việc tốt."** Thuật ngữ “nghĩ đến” (BD2011), “chăm chỉ” (VB1925), “chú tâm” (RVV11), và “cẩn thận”, trong tiếng Anh là một hình thức động từ “suy tính cẩn thận”, chỉ thấy ở đây. LỐI VÔ ĐỊNH “dẫn thân” là một từ thường được dịch là “quản trị” (Xem 1 Ti-mô-thê 3:4,5,12). Tín đồ cần nên có một nếp sống tin kính thích hợp với việc loan báo Tin Mừng. Phao-lô xác nhận nghịch lý: việc mọi người trở nên công chính trước Đức Chúa Trời không bởi việc thiện cá nhân, nhưng làm việc thiện cũng là ý chỉ của Ngài cho họ. (Xem Ê-phê-sô 2:8-10 and Gia-cơ 2:14-23). Động cơ phục vụ phải là lòng biết ơn cho ân sủng mà mình không đáng nhận, hậu quả là sự trở nên giống Đấng Christ, và mục đích là loan báo Tin Mừng

▣ **"cho mọi người."** Một lần nữa, sự phổ quát toàn cầu của tình yêu Thiên Thượng được nhấn mạnh. Ngài muốn tất cả mọi người được cứu. (Giăng 3:16; 1 Ti-mô-thê 2:4; 2 Phi-ê-rơ 3:9). Chìa khóa để lôi kéo người chưa tin là biến đổi nếp sống của tín đồ. (Xem Ma-thi-ơ 5:16; 1 Phi-ê-rơ 2:12).

3:9 "Con hãy tránh " LỐI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH , có nghĩa là “tiếp tục tránh “ (Xem 2 Ti-mô-thê 2:16).

▣ **"những cuộc tranh luận điên rồ, cãi nhau "** Thuật ngữ này được đặt đầu câu trong bản Hy-lạp, với mục đích nhấn mạnh, xem 1 Ti-mô-thê 6:4-5; 2 Ti-mô-thê 2:14,23). Ti-mô-thê là sứ giả của Phao-lô, không được phép tranh cãi, nhưng chỉ truyền đạt chân lý từ các sứ đồ với thẩm quyền.

▣ **"về gia phả,"** Các giáo sư giả được thốt trong thành Ê-phê-sô (Xem 1 Ti-mô-thê 1:4) cũng có mặt ở Cơ-rét. gia phả ở đây nói mang tính chất Do-thái, về nguồn gốc Đấng Mê-si-a, chứ không phải các tầng thiên sứ trong Tri-hệ giáo (*eons*).

▣ Có một loạt các danh từ trong Tích 3:9 được nối kết với nhau qua chữ “và” (*kai*) . Tức là có thể nói về những khía cạnh riêng rẽ, hoặc về một điều chung (ví dụ, "Tranh cãi", "phả hệ", "xung đột" và "tranh chấp").

▣ **"về luật pháp"** Điều này chứng minh tính Do-thái của giáo huấn giả (Xem Tích 1:10,14; 1 Ti-mô-thê 1:3-7). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Quan điểm của Phao-lô về Luật Mô-sê / Paul's View of the Mosaic Law ở câu 1 Ti-mô-thê 1:8.

▣ **"vì những điều ấy đều vô ích và vô dụng."** Tranh luận quá chi tiết và phỏng đoán hầu như không giúp ích cho hội thánh. Tích, cũng như Ti-mô-thê, phải mở miệng với thẩm quyền sứ đồ từ Phao-lô.

3:10 " hãy lánh xa " LỐI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH , like Tích 3:9. Thuật ngữ đồng nghĩa là “từ chối”, được dùng trong 1 Ti-mô-thê 4:7; 5:11 and 2 Ti-mô-thê 2:23. Khái niệm này cũng được thấy trong Rô-ma 16:17; Ga-la-ti 1:8-9; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:6-14.

Trong cố gắng hội thoại với những người gây chia rẽ, chúng ta phải cẩn thận đừng bắt tay hoặc chào thăm, là những hành động dễ bị hiểu lầm như sự đồng thuận, (Xem 2 Giăng 10)!

kẻ gây chia rẽ

RVV11:	"kẻ gây bè phái"
VB1925:	"kẻ theo tà giáo"
NASB	"kẻ chệch phái"
NKJV	"kẻ chia rẽ"
NRSV	"bất cứ ai gây chia rẽ"
TEV	"những người gây chia rẽ"
NJB	"những người cãi về sự giảng dạy của con"

Thuật ngữ Hy-lạp: *hairetikos* (duy nhất chỉ thấy ở đây), từ đó trong tiếng Anh sinh ra thuật ngữ "heretic." Ý nghĩa ban đầu là "đứng về phe phái" hoặc "chọn riêng cho mình". Ý nghĩa trong Tân Ước là

1. Phái, đảng (Sa-đu-sê) trong Công-vụ 5:17; 24:14
2. Phe phái 1 Cô-rin-tô 11:19; Ga-la-ti 5:20
3. Theo tà giáo trong 2 Phi-ê-rơ 2:1

▣ **"sau khi cảnh cáo lần thứ nhất và lần thứ nhì, "** Cách này phù hợp với cách giải quyết khác về kỷ luật trong hội thánh (Xem Ma-thi-ơ 18:15-17; Ga-la-ti 6:1; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:15; Gia-cơ 5:19). Có thể gợi nhớ tới Lê-vi 19:17.

3:11 "vì biết rằng một kẻ như thế ", "Biết rằng" ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HOÀN THÀNH DẠNG CHỦ ĐỘNG. Hành động của các giáo sư giả đã và tiếp tục cho thấy rõ thực chất của họ (Xem Ma-thi-ơ 7).

▣ **"thì đầu óc đã lệch lạc "** THÌ HOÀN THÀNH DẠNG THỤ ĐỘNG LỐI CHỈ ĐỊNH. Hình thức này chỉ thấy ở đây. Đây là từ ghép, *ek* (ra từ) và *strephō* (quay ra), có nghĩa là quay lưng lại khỏi Đấng Christ, đối nghịch với quay mặt hướng về Đấng Christ (tức cải đạo) trong Ma-thi-ơ 18:3 (*epistrephō*), tương tự như hình ảnh Cự Ước quay mặt (*shub*) hướng về Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 13:15; Mác 4:12; Lu-ca 22:32; Giăng 12:40; Công-vụ 3:19; 25:27; Gia-cơ 5:19-20). Các giáo sư giả quay khỏi Đức Chúa Trời (Xem Tích 1:14, *apostrephō*) và hướng về sự lầm lạc, và giáo huấn giả. .

DẠNG THỤ ĐỘNG ám chỉ một tác nhân bên ngoài, Sa-tan hoặc ma quỷ. Xin Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt Sa-tan ở câu 1 Ti-mô-thê 3:6 và Ma-quỷ / demonic" ở câu 1 Ti-mô-thê 4:2.

▣ **"và cứ phạm tội, "** THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG LỐI CHỈ ĐỊNH, ám chỉ thói quen tiếp diễn đặc thù qua nếp sống (Xem 1 Ti-mô-thê 5:20, Xin cũng để ý THÌ HIỆN TẠI trong 1 Giăng 3:6,9).

▣ **"nên đã tự kết án chính mình."** ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG. chỉ được thấy ở đây trong cả Tân Ước, hành động và lời nói một cá nhân bày tỏ tâm lòng của người ấy. (Xem 1 Ti-mô-thê 5:24; Ma-thi-ơ 7).

BD2011: TÍCH 3:12-14

¹² Khi ta phái Ac-tê-ma hay Ty-chi-cơ đến với con, con hãy sắp đặt mọi việc để sớm đến gặp ta tại Ni-cô-pô-li, vì ta quyết định qua mùa đông ở đó. ¹³ Con hãy lo liệu chu đáo cho Luật Sư Xê-na và A-pô-lô khi họ lên đường, để họ không thiếu thôn gi. ¹⁴ Những người của chúng ta phải học làm những điều tốt, để có thể đáp ứng những nhu cầu cấp bách, hầu họ không là những người chẳng kết quả.

3:12 " Ac-tê-ma " Người này là ai chúng ta không rõ, nhưng Đức Chúa Trời tường tận..

▣ **"Ty-chi-cơ "** đư0oc nhắc đến trong Công-vụ 20:4; Ê-phê-sô 6:21-22; Cô-lô-sê 4:7-8 and 2 Ti-mô-thê 4:12. Anh ta là người đưa các bức thư Linh Vụ của Phao-lô. Hai người này sẽ thay Tích ở Co-rét, để Tích có thể nhập đoàn của Phao-lô trong mùa đông.

Câu này chứng tỏ bức thư, dù được viết riêng cho Tích nhưng cũng là phương tiện để truyền đạt, chỉ đạo, khích lệ cả hội thánh. Nhiều lời của Phao-lô có vẻ vô nghĩa nếu chỉ viết riêng cho Tích trong khi Tích sắp ra đi, trừ phi lá thư có dụng ý đọc cho hội thánh qua lời viết cho Tích..

▣ **"con hãy sắp đặt mọi việc để sớm đến gặp ta "** LỜI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG . Phao-lô không muốn làm việc đơn phương (Xem 2 Ti-mô-thê 4:9,21), Tôi nghĩ rằng Phao-lô có nan đề với mắt, có lẽ sau sự kiện gặp Chúa trên đường đi Đa-mách, (Xem Công-vụ 9:39,12,17-18). Tôi tin rằng đau mắt là "cái gai trong thân thể" (Xem 2 Cô-rin-tô 12:7) Cũng xin để ý tới một câu khác thường Ga-la-ti 4:15. Cũng trong Ga-la-ti 6:11 Phao-lô bình luận về việc ông viết chữ lớn. Mặc dầu sử dụng thư ký, ông thường viết vài giòng cuối như để chứng minh quyền tác giả của ông (Xem 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:2; 3:17; 1 Cô-rin-tô 16:21; Cô-lô-sê 4:18; Phi-lê-môn 19).

▣ **Ni-cô-pô-li,** " Có một vài thành phố với tên này, có nghĩa là chiến thắng. Có lẽ đây là một thành phố ven biển gần bãi chiến trường trận Actium.

3:13 "Con hãy lo liệu chu đáo khi họ lên đường, để họ không thiếu thốn gì"

VB1925: "hãy lo liệu ...đừng thiếu đồ chi hết

RVV11: "hãy lo liệu đừng để họ thiếu thứ gì cả"

NASB "chăm chỉ giúp đỡ họ ... trên đường họ đi"

NKJV "gửi đi. . .cho hành trình của họ một cách nhanh chóng"

NRSV "làm mọi cách ... để gửi gắm họ đi"

TEV "làm hết sức mình để họ bắt đầu hành trình. "

NJB "sốt sắng giúp họ trong hành trình."

Trạng từ *spoudaiōs*, có nghĩa "sốt sắng" hoặc "chăm chỉ", (Xem Lu-ca 7:4 and a related term in Phi-líp 2:28). kết hợp với LỜI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG *propempō*, có nghĩa là trang bị tất cả mọi cho nhu cầu cần thiết cho chặng đường. (Xem 3 Giăng 6; and Công-vụ 15:3). Rõ ràng là Xê-na và A-pô-lô chuẩn bị ra đi truyền giáo. Phao-lô cũng có yêu cầu tương tự khi viết cho các hội thánh tại gia ở thành Rôm, Rô-ma 15:24.

▣ **"cho Luật Sư Xê-na"** Ông là luật sư Do-thái hay Hy-lạp? Điều đó không ai biết

▣ **"và A-pô-lô Apollos"** Ông là một nhà truyền giảng được ơn từ thành phố A-lê-xan-đơ-ra, là người mà cặp vợ chồng A-qui-la và Bê-rít-ca giúp đỡ hiểu rõ Phúc Âm (Xem Công-vụ 18:24,28; 19:1; 1 Cô-rin-tô 1:12; 3:5,6,22; 4:6; 16:12). Hai người này có thể là người đưa thư của Phao-lô cho Tích

3:14 "Những người của chúng ta phải học làm những điều tốt, " LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG (Xem Tích 1:16; 2:7,14; 3:18), Khích lệ giáo sỹ là hành động tiếp trợ công tác truyền giáo. (Xem Tích 2:7,14; 3:8).

▣ **"hầu họ không là những người chẳng kết quả. "** Thuật ngữ "không kết quả" có vẻ khó hiểu. Tôi nghĩ rằng nó đồng nghĩa với từ "uổng phí" (Xem *eikē* trong 1 Cô-rin-tô 15:2; Ga-la-ti 3:4; 4:11 hoặc *kenos* trong 1 Cô-rin-tô 15:10,58; 2 Cô-rin-tô 6:1; Ga-la-ti 2:2; Phi-líp 2:16; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:1; 3:5), liên hệ tới sự thiết lập hội thánh truyền giáo. Phao-lô thiết lập hội thánh ở một số nơi như là trung tâm truyền giáo cho cả vùng. Vì một lý do nào đó mà hội thánh được thiết lập đáng mất khả thi và nhiệt huyết cho Sứ Mạng Trọng Đại, như vậy, sự thiết lập họ có vẻ uổng phí

BD2011: TÍCH 3:15a

¹⁵ Tất cả những người đang ở với ta gửi lời chào thăm con. Xin con cho ta kính lời chào thăm những người quý mến chúng ta trong đức tin.

3:15 "Tất cả những người đang ở với ta " Phao-lô thường kết thúc lá thư bằng lời chào tạm biệt, (Xem 1 Ti-mô-thê,) nhưng cũng có lúc không có. Lời tạm biệt: (1) từ các thành viên trong đoàn truyền giáo, (2) đến tín đồ hội thánh mà ông gửi thư

▣ **"trong đức tin"** Thuật ngữ "đức tin" có thể hiểu là "tín lý" như trong Công-vụ 6:7; 13:8; 14:22; Ga-la-ti 1:23; 3:23; Phi-líp 1:27; Giu-đe 3,20, hoặc là cách bày tỏ mối liên hệ mật thiết với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ (Xem Giăng 1:12; 3:16). Cũng có thể hiểu là sự chung thủy, hay sự đáng tin cậy theo ý nghĩa Cựu Ước, Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TIN, TIN CẬY, ĐỨC TIN VÀ CHUNG THỦY TRONG CỰU ƯỚC / BELIEVE, TRUST, FAITH, AND FAITHFULNESS IN THE OLD TESTAMENT (128), và Chủ đề đặc biệt Tin, và Tin Cậy trong Tân Ước / Believe and Trust ở câu 1 Ti-mô-thê 1:16. Câu này nói về bối cảnh các giáo sư giả ở Co-rét từ chối giáo huấn và thẩm quyền thuộc linh của Phao-lô.

BD2011: TÍCH 3:15b

Nguyện xin ân sủng ở cùng tất cả anh chị em.

▣ **"Nguyện xin ân sủng ở cùng tất cả anh chị em"**. "Anh chị em" trong số nhiều, ám chỉ lá thư này sẽ được đọc cho toàn thể các hội thánh tại gia ở Co-rét, tương tự như các thư Linh Vụ khác.,(Xem 1 Ti-mô-thê 6:21; 2 Ti-mô-thê 4:22).

▣ Bản Anh Ngữ "The King James Version" còn thêm chữ A-men, nhưng sự thêm này không có mặt trong văn bản Hy-lạp sớm, P⁶¹, N*, A, C, hoặc D*. Có thể các nhà sao chép văn bản để ý chữ A-men trong Rô-ma 16:27; Ga-la-ti 6:18; Phi-líp 4:20; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:18; 1 Ti-mô-thê 6:16; và 2 Ti-mô-thê 4:18, nên tự ý thêm vào, ở đây cũng như ở Rô-ma 15:33; 16:20,24; 1 Cô-rin-tô 16:24; 2 Cô-rin-tô 13:14; Ê-phê-sô 6:24; Phi-líp 4:23; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:28; 1 Ti-mô-thê 6:21; 2 Ti-mô-thê 4:22; và Tích 3:15. Thánh Kinh Liên Hội UBS⁴ xếp khả năng không có chữ A-men vào hạng A, tức chắc chắn như vậy.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp anh chị em suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Vì sao Cơ-đốc nhân phải đầu phục chính quyền? Nếu chính quyền không phải là Cơ đốc, họ có nên đầu phục không?
2. Những gì là điều nhấn mạnh trong đoạn Tích 3:4-7?
3. Phải chăng phép báp-tem cần thiết cho sự cứu rỗi? Vì sao cần hoặc vì sao không?
4. Vì sao Cơ-đốc nhân phải đầu phục chính quyền dân sự?
5. Ai là người làm lạc (heretic)?
6. Phân tích về mặt thần học câu Tích 3:5-7.
7. Giải thích về việc thiện, công việc tốt lành trong các câu Tích 3:8 và 14?
8. Những giáo sư giả là ai? Do-thái hay Tri-huệ giáo?

2 TI-MÔ-THÊ 1

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Chào thăm	Chào thăm	Chào thăm	Giới thiệu	Chào thăm và cảm tạ
1:1-2	1:1 1:2a 1:2b	1:1 1:2a 1:2b	1:1 1:2a 1:2b	1:1-2
Trung thành với Phúc âm	Đức tin và gia sản tâm linh của Ti-mô-thê	Cảm tạ và cổ vũ	Cảm tạ và khích lệ	
1:3-14	1:3-7 Không xấu hổ về Phúc âm 1:8-12 Trung thành với Đức tin 1:13-18	1:3-7 Kêu gọi can đảm (1:8-2:13) 1:8-14	1:3-7 1:8-10 1:11-14	1:3-5 Ân tứ của Ti-mô-thê 1:6-11 1:12 1:13-14
1:15-18		1:15-18	1:15-18	1:15-18

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của anh chị em với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

BD2011: 2 TI-MÔ-THÊ 1:1-2

Phao-lô, sứ đồ của Đức Chúa Giê-su Christ bởi ý muốn của Đức Chúa Trời, theo lời hứa về sự sống trong Đức Chúa Giê-su Christ, ²gợi cho Ti-mô-thê con yêu dấu của ta. Nguyện xin ân sủng, thương xót, và bình an từ Đức Chúa Trời là Cha, và từ Đức Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng ta, đến với con.

1:1 "Phao-lô," Sao-lơ thành Tạt-sơ, cũng là Phao-lô, Công-vụ 9:11,13:9. Hầu hết người Do-thái sống ngoại bang có hai tên, Sao-lơ theo tiếng Hê-bơ-rơ, và Phao-lô tiếng Hy-lạp. Nếu Sau-lô là tên cha mẹ đặt, vậy sao đột nhiên xuất hiện Phao-lô trong Công-vụ 13? Có thể mọi người bắt đầu gọi ông bằng tên này, hoặc ông bắt đầu tự gọi mình là Phao-lô, có nghĩa là nhỏ, nhỏ nhất. Có một vài giả thiết là (1) ông có dáng người thấp, béo, chân vòng kiềng, mắt lồi, lông mày rậm, được miêu tả trong sách ngụ kinh Công Vụ Phao-lô, chương “*Phao-lô và Thekka*” và (2) Phao-lô tự coi mình nhỏ bé hèn kém nhất trong các thánh đồ bởi ông khùng bỏ đạo Chúa (Xem Công-vụ 9:1-2; 1 Cô-rin-tô 15:9; Ê-phê-sô 3:8; 1 Ti-mô-thê 1:15). Nhiều người coi đây này là nguyên nhân chính. Tuy nhiên trong sách Ga-la-ti, ông khẳng định mình độc lập và bình đẳng với nhóm Mười sứ đồ, vậy giả thiết này không còn hợp lý. (Xem 2 Cô-rin-tô 11:5; 12:11; 15:10).

▣ **"sứ đồ "** có nghĩa là được sai đi, bắt nguồn từ thuật ngữ Hy-lạp (*apostellō*). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 1:1. Chúa Giê-su chọn mười hai môn đồ để ở cùng với Ngài, bổ nhiệm họ với trọng trách sứ đồ. (Xem Lu-ca 6:13). Thuật ngữ này cũng ám chỉ về việc Chúa Giê-su được sai phái bởi Đức Chúa Cha (Xem Ma-thi-ơ 10:40; 15:24; Mác 9:37; Lu-ca 9:48; Giăng 4:34; 5:24,30,36,37,38; 6:29,38,39,40,57; 7:29; 8:42; 10:36; 11:42; 17:3, 8,18,21,23,25; 20:21). Trong xã hội Do-thái, sứ đồ là người biệt phái, đại diện chính thức, như sử giả, hoặc đại sứ, (Xem 2 Cô-rin-tô 5:20).

▣ **"Christ "** Tiếng Hy-lạp có nghĩa “Đấng Được Xức Dầu” tương tự trong tiếng Hê-bơ-rơ, Đấng Mê-si-a. Trong Cựu Ước có ba nhóm người được xức dầu và biệt riêng ra cho công việc Chúa: Thầy tế lễ, vua và tiên tri. Chúa Giê-su làm trọn cả ba vai trò này. (Xem Hê-bơ-rơ 1:2-3). Ngài là Đấng được hứa đến để khai trương Kỷ Nguyên Mới, Kỷ Nguyên Công Chính. See [CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐÁNG MÊ-SI-A](#) ở câu 1 Ti-mô-thê 1:1.

▣ **"Chúa Giê-su"** Tiếng Hê-bơ-rơ là "ĐỨC GIÊ-HÔ-VA giải cứu," tương tự như danh hiệu “Giô-suê”. “Ô-sê” là tiếp tố (phần đuôi) của danh hiệu "ĐỨC GIÊ-HÔ-VA", ám chỉ công việc giải cứu của Ngài. Giê-su là tên mà thiên sứ phán Ma-ry đặt cho con mình (Xem Ma-thi-ơ 1:21).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: DANH CỦA CHÚA

Names For Deity

Đây là một cụm từ thông dụng trong Tân Ước để chỉ sự hiện diện cá nhân và quyền năng hành động của Ba Ngôi Đức Chúa Trời trong hội thánh. Nó không phải là một câu thần chú, nhưng là một lời cầu khẩn đến bản tính của Đức Chúa Trời.

Thông thường, cụm từ này chỉ Chúa Jê-sus là Chúa (Phi-líp 2:11)

1. Khi xưng nhận đức tin nơi Chúa Jê-sus tại lễ báp-têm (Rô-ma 10:9-13; Công-vụ 2:38; 8:12, 16; 10:48; 19:5; 22:16; I Cô-rinh-tô 1:13, 15; Gia-cơ 2:7)
2. Khi đuổi quỷ (Ma-thi-ơ 7:22; Mác 9:38; Lu-ca 9:49; 10:17; Công-vụ 19:13)
3. Khi chữa bệnh (Công-vụ 3:6, 16; 4:10; 9:34; Gia-cơ 5:14)
4. Khi làm mục vụ (Ma-thi-ơ 10:42; 18:5; Lu-ca 9:48)
5. Khi khiển trách trong Hội thánh (Ma-thi-ơ 18:15-20)
6. Khi giảng cho người ngoại (Lu-ca 24:47; Công-vụ 9:15; 15:17; Rô-ma 1:5)
7. Khi cầu nguyện (Giăng 14:13-14; 15:2, 16; 16:23; I Cô-rinh-tô 1:2)
8. Một cách để chỉ Cơ đốc giáo (Công-vụ 16:9; I Cô-rinh-tô 1:10; II Ti-mô-thê 2:19; Gia-cơ 2:7; I Phi-e-ro 4:14)

Khi hành động trong bất cứ cương vị nào: Người rao truyền, mục vụ, trợ lý, chữa bệnh, đuổi quỷ, vân

▣ **"bởi ý muốn của Đức Chúa Trời"** Cũng cùng một câu giới thiệu này được thấy trong 1 Cô-rin-tô 1:1; 2 Cô-rin-tô 1:1; Ê-phê-sô 1:1; and Cô-lô-sê 1:1. Phao-lô tin chắc mình được kêu gọi với tư cách một Sứ Đồ, sự kêu gọi được xảy ra trên đường đ đến thành Đa-mách. (Xem Công-vụ 9:1-22; 23:3-16; 26:9-18). Phao-lô thường khẳng định thẩm quyền được ban bởi Đức Chúa Trời (tức là Thần cảm, Xem 2 Ti-mô-thê 3:16; 1 Cô-rin-tô 2:9-13; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13).

theo lời hứa về sự sống

RVV11: "theo lời hứa ban sự sống"
VB1925: "lời hứa của sự sống"
NASB, NKJV "theo lời hứa của sự sống"
NRSV "vì lời hứa của sự sống"
TEV "sai truyền rao lời hứa của sự sống"
NJB "theo lời hứa của Ngài về sự sống "

Phao-lô khẳng định sự cứu rỗi, kêu gọi và chức vụ của mình dựa theo hứa ngôn của Đức Chúa Trời về sự sống thực, sự sống đời đời. Ông dẫn chứng và gợi ý về khái niệm Đức Chúa Trời là Đấng Hằng Sống và Ban Sự Sống vài lần trong các thư Linh Vụ. (Xem 2 Ti-mô-thê 1:1; 1 Ti-mô-thê 6:15-16,19; Tích 1:2).

1:2 "gợi cho Ti-mô-thê con yêu dấu của ta. " Trong phân đoạn mở đầu Phao-lô bày tỏ lòng yêu mến Ti-mô-thê trong tình cha con thuộc linh một cách ẩn dụ. (Xem 2 Ti-mô-thê 2:1; Ti-mô-thê 1:2; Tích 1:4). Xem [CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TI-MÔ-THÊ](#) ở câu 1 Ti-mô-thê 1:1.

▣ **"Nguyện xin ân sủng, thương xót, và bình an "** Xin để ý sự giống nhau cũng như sự khác biệt về cách mở đầu thư của Phao-lô:

1. "Cầu xin Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, và Chúa là Đức Chúa Jê-sus Christ ban ân điển và bình an cho anh em" (Xem Rô-ma 1:7; 1 Cô-rin-tô 1:3; 2 Cô-rin-tô 1:2; Ga-la-ti 1:3; Ê-phê-sô 1:2; Phi-líp 1:2; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:2; Phi-lê-môn 1:3)
2. "Cầu xin Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, ban ân điển và bình an cho anh em." (Xem Cô-lô-sê 1:2)
3. "Cầu xin ân điển và bình an ban cho anh em!" (Xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1)
4. Cầu xin Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, và Đấng Christ Jê-sus, Chúa chúng ta, ban ân điển, sự thương xót và bình an cho con! (Xem 1 Ti-mô-thê 1:2; 2 Ti-mô-thê 1:2)
5. "Cầu xin Đức Chúa Trời là Cha và Đấng Christ Jê-sus, Cứu Chúa chúng ta, ban ân điển và bình an cho con!" (Xem Tích 1:4)

Xin để ý trong sự khác biệt có một số thuật ngữ là hầu luôn có mặt (tiêu chuẩn chung):

1. "Ân điển" bắt đầu trong tất cả lời chào thăm. Đây là một đặc tính Đức Chúa Trời, trở nên đặc thù của Cơ-đốc giáo .
2. "Bình an" là kết quả của sự tin cậy nơi Đức Chúa Trời .
3. "Thương xót" là một cách nữa miêu tả đặc tính của Đức Chúa Trời, hết sức đặc thù trong văn thư Phao-lô. Bản Bảy Mươi Septuagint dịch từ thuật ngữ Hê-bơ-ro *hesed* (i.e., có nghĩa trung tín theo giao ước). Đức Chúa Trời luôn nhân nghĩa và đáng tin cậy.
4. Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con đều được nhắc tới trong từng câu chào thăm (trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca được nhắc ở câu trước đó). Hai ngôi được liên kết làm một qua ngữ pháp, cũng là cách các tác giả Tân Ước xác nhận Thần Đức đầy đủ của Chúa Giê-su Na-xa-ret. Danh Hiệu chính thức của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được áp dụng cho Chúa Giê-su (i.e., Lord and Savior).

▣ **"từ Đức Chúa Trời là Cha, và từ Đức Chúa Giê-su Christ, "** Câu này tiếp theo" ân sủng thương xót và bình an". Có một GIỚI TỪ (*apo*) cho hai Nhân Vật, ám chỉ theo ngữ pháp Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con bình đẳng

trong quan hệ. (Xem 1 Ti-mô-thê 1:2; Tích 1:4 and 2 Ti-mô-thê 1:2). Đây là kỹ xảo văn chương của Phao-lô, dùng để xác nhận Thần Đức của Chúa Giê-su.

"Cha" không ám chỉ thứ tự theo sự sinh sản hoặc thời gian, nhưng ám chỉ vị trí trong quan hệ gia đình. Đức Chúa Trời chọn mô hình gia đình để bày tỏ Ngài cho con người (Xem Ô-sê 2-3, Đức Chúa Trời được miêu tả như một người chồng chung thủy và trong Ô-sê 11 như người cha người mẹ yêu thương)

Trong triết học Hy-lạp, thần thánh mặc khải không phải là căn nguyên, nhưng là cha của christ. Tuy nhiên Kinh Thánh không phải là triết học dựa theo lý luận con người, nhưng là sự bày tỏ bản thân của Thiên Chúa. See [CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC CHÚA CHA](#) ở câu 1 Ti-mô-thê 1:2.

▣ **"Chúa "** Đức Chúa Trời bày tỏ mình cho Mô-sê, trong danh hiệu theo giao ước: ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, xem Xuất Ê-díp-tô 3:14. Danh hiệu này xuất phát từ động từ xác nhận "Ta Là" Đấng Hằng Hữu, Tự Hữu. Người Do-thái không dám gọi danh Ngài sợ mắc tội phạm húy trong Mười Điều Răn. (Xem Xuất Ê-díp-tô 20:7; Phục-truyền 5:11). Vì vậy họ sử dụng một danh hiệu ám chỉ là *Adon*, có nghĩa là "chồng, cha, chủ nhà, chủ nô, và chúa tể" Các tác giả Tân Ước gọi Giê-su là Chúa, qua đó xác nhận Ngài là Thần Đức. Giê-su là Chúa" cũng là lời tuyên thệ khi tín đôn nhận lễ Báp-tem trong hội thánh sơ khởi. (Xem Rô-ma 10:9-13; Phi-líp 2:6-11).

BD2011: 2 TI-MÔ-THÊ 1:3-14

³ Ta cảm tạ Đức Chúa Trời, Đấng ta thờ phượng với lương tâm trong sạch như tổ tiên ta đã thờ phượng. Cả ngày lẫn đêm, mỗi khi ta cầu nguyện ta luôn nhớ đến con. ⁴ Ta nhớ đến nước mắt con, ta mong sớm gặp lại con để được tràn ngập niềm vui. ⁵ Ta nhớ đến đức tin chân thành của con, đức tin ngày trước ở trong Lô-ít bà ngoại con, và trong Êu-nít mẹ con, và hiện nay ta tin chắc cũng đang ở trong con.

⁶ Vì thế ta muốn nhắc con hãy khơi dậy ân tứ của Đức Chúa Trời đang ở trong con qua sự đặt tay của ta. ⁷ Vì Đức Chúa Trời chẳng ban cho chúng ta tinh thần nhút nhát, nhưng tinh thần mạnh mẽ, yêu thương, và tự chủ. ⁸ Vậy con đừng hổ thẹn làm chúng ta hay hổ thẹn về việc ta vì Ngài bị tù, nhưng hãy cậy vào quyền năng Đức Chúa Trời cùng ta chịu khổ trong việc truyền bá Tin Mừng. ⁹ Ngài đã cứu chúng ta và kêu gọi chúng ta bằng sự kêu gọi thánh, không theo những việc làm của chúng ta, nhưng theo mục đích và ân sủng của Ngài, mà Ngài đã ban cho chúng ta trong Đức Chúa Giê-su Christ từ muôn đời về trước, ¹⁰ nhưng nay được bày tỏ qua sự xuất hiện của Đức Chúa Giê-su Christ, Đấng Giải Cứu chúng ta, Đấng đã vô hiệu hóa quyền lực của tử thần và dùng Tin Mừng để đem sự sống và sự bất tử ra ánh sáng; ¹¹ về Tin Mừng ấy, ta được lập làm một nhà truyền giảng, một sứ đồ, và một giáo sư.

¹² Chính vì lý do đó mà ta phải chịu những khổ đau này, nhưng ta không hổ thẹn, vì ta biết ta đã tin ai, và ta tin chắc rằng Ngài có thể bảo vệ những gì Ngài đã ủy thác cho ta^[a] cho đến ngày ấy.

¹³ Con hãy giữ vững những giềng mối của tín lý lành mạnh mà con đã nghe nơi ta bằng đức tin và tình yêu trong Đức Chúa Giê-su Christ.

¹⁴ Nguyện xin Đức Thánh Linh, Đấng đang ngự trong chúng ta, giúp con bảo vệ những điều đã ủy thác cho con.

1:3 "Ta cảm tạ Đức Chúa Trời" Các bức thư vùng Địa Trung Hải trong thế kỷ thứ nhất thường bắt đầu bằng lời cầu nguyện và cảm tạ. Phao-lô cũng theo khuôn mẫu này, (Xem Rô-ma 1:8; 1 Cô-rin-tô 1:4; Ê-phê-sô 1:15-16; Phi-líp 1:3-4; Cô-lô-sê 1:3-4; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:2; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:3; Phi-lê-môn 4).

▣ **"Đấng ta thờ phượng ... như tổ tiên ta đã thờ phượng"** Phao-lô không coi Cơ-đốc giáo tách rời khỏi đức tin Cựu Ước, (Xem Công-vụ 24:14; 26:5-6,22; Rô-ma 4; 2 Cô-rin-tô 11:22; and Phi-líp 3:5). Trong Ga-la-ti 6:15-16 ông sử dụng thuật ngữ Cựu Ước, I-sơ-ra-en của Đức Chúa Trời " để miêu tả hội thánh. Trong Rô-ma 2:28-29 ông khẳng định rằng con cháu Áp-ra-ham là những người có đức tin, chứ không phải theo dòng dõi gia phả. (Xem Rô-ma 9:6). Không có sự phân biệt Do-thái hay Hy-lạp. (Xem Rô-ma 3:22; 1 Cô-rin-tô 12:13; Ga-la-ti 3:28; Cô-lô-sê 3:11)!

▣ **"với lương tâm trong sạch "** xem ghi chú trong câu 1 Ti-mô-thê 1:5.

▣ **"ta luôn nhớ đến con."** Phao-lô nhớ để cuộc sống, gia đình, chức vụ của Ti-mô-thê qua thuật ngữ *mneia* - nhớ đến, trong 4 các khác nhau, xem 2 Ti-mô-thê 1:3-6.

1. trong 2 Ti-mô-thê 1:3 Phao-lô nhớ để s Ti-mô-thê với lời cầu nguyện không ngừng.
2. trong 2 Ti-mô-thê 1:4 ông sử dụng ĐÔNG TÍNH TỪ để nhắc nhở về cuộc chia ly đầy nước mắt
3. trong 2 Ti-mô-thê 1:5 ông dùng THUẬT NGỮ GHÉP (*hupo + mneia*) để nhắc Ti-mô-thê về truyền giống đức tin của gia đình.
4. trong 2 Ti-mô-thê 1:6 ông dùng THUẬT NGỮ GHÉP (*ana + mneia*) để nhắc Ti-mô-thê về sự kêu gọi và trang bị cho chức vụ.

Về thần học, một cá nhân nên được nhắc nhở, ôn lại bàn tay của Đức Chúa Trời trong từng giai đoạn (cuộc sống, gia đình, trải nghiệm cá nhân, sự kêu gọi, trang bị cho chức vụ, và cuối cùng người hướng dẫn tâm linh)

1:4 "Ta nhớ đến nước mắt con, ta mong sớm gặp lại con để được tràn ngập niềm vui." Phao-lô và Ti-mô-thê có một mối tình đồng lao trong Đấng Christ. Họ khích lệ nhau và làm nhau mạnh mẽ trong chức vụ. (Xem 2 Ti-mô-thê 4:9,21).

1:5 "đức tin chân thành" Nghĩa đen: "không giả hình", được dùng ám chỉ "đức tin tinh khiết" (Xem 1 Ti-mô-thê 1:5).

▣ **"trong Lô-ít bà ngoại con, và trong Êu-nít mẹ con"** Theo văn cảnh 3:15 và Công-vụ 16:1, không rõ ở đây nói về đức tin Do-thái giáo (của bà ngoại, hay mẹ của Ti-mô-thê), hay đức tin Cơ-đốc giáo, (chuyện Ti-mô-thy được cải đạo), nhưng nói chung đức tin trong ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và chương trình cứu chuộc của Ngài (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:10).

ta tin chắc cũng đang ở trong con.

RVV11: ta tin chắc rằng đức tin ấy nay đang sống trong con

VB1925: ta chắc rằng nay cũng ở trong con nữa.

NASB "Ta chắc rằng cũng ở trong con"

NKJV "Ta được thuyết phục rằng nó ở trong con

NRSV "Ta chắc rằng nó sống trong con"

TEV "Ta chắc rằng con có nó."

NJB "Ta chắc nó ở với con"

THÌ HOÀN THÀNH DẠNG THỤ ĐỘNG LỜI CHỈ ĐỊNH. Trong tiếng Hy-lạp, đây là một câu khẳng định mạnh công việc của Đức Thánh Linh trong Ti-mô-thê cuộc sống và chức vụ. (Xem Phi-líp 1:6).

1:6 "hãy khơi dậy" THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG LỜI CHỈ ĐỊNH ám chỉ nhu cầu liên tục của việc khơi dậy ngọn lửa tâm linh. Trong khía cạnh ân tứ có phần tình nguyện. (xem [CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIAO ƯỚC / COVENANT](#) ở câu 2 Ti-mô-thê 2:1)! Điều này không có nghĩa Ti-mô-thê đã cho phép ngọn lửa tâm linh và ân tứ cháy âm ỷ, nhưng hoàn cảnh khó khăn hiện tại khiến ông cần được nhắc nhở quay về thời điểm bắt đầu khi được kêu gọi và trang bị.

▣ **"ân tứ của Đức Chúa Trời"** Gốc từ "ân tứ" là (*charisma*), từ đó có chữ "ân sủng" (*charis*). Đây có thể ám chỉ về Đức Thánh Linh, hoặc tốt hơn, ám chỉ ân tứ chức vụ. 1 Cô-rin-tô 12:7,11,18). Ân tứ trên Ti-mô-thê được xác nhận bởi Phao-lô và hội thánh nhà, (xem 1 Ti-mô-thê 4:14).

▣ **"đang ở trong con qua sự đặt tay của ta."** Câu này không thể dùng chứng minh văn bản (prooftext) cho quan điểm thần học về "Giáo Quyền Kế Nhiệm Sứ Đồ" ("apostolic succession"), Xem ghi chú đầy đủ ở câu 1 Ti-mô-thê 4:14. Có vài lý do khác nhau cho thực hành đặt tay trong Kinh Thánh. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:14.

1:7 "Vì Đức Chúa Trời chẳng ban cho chúng ta tinh thần". Thuật ngữ "tinh thần" hay "linh" ở đây ám chỉ điều gì? Thánh Linh Đức Chúa Trời hay tâm linh con người? Bản Hy-lạp cổ được viết bằng chữ hoa (uncials), chính vì vậy mà chữ Linh được viết hoa, ám chỉ Đức Thánh Linh chẳng qua là sự diễn giải hiện đại. Không có MAO TỬ XÁC ĐỊNH trong bản Hy-lạp. Lại cũng có những câu Hy-lạp tương tự, trong đó chữ "linh" được viết

bằng chữ nhỏ, nhưng văn cảnh ám chỉ Đức Thánh Linh (Xem Rô-ma 8:15; 1 Cô-rin-tô 2:12) Hầu hết các bản dịch Anh ngữ dùng chữ nhỏ, có nghĩa là tâm linh, tinh thần của con người (Ví dụ các bản KJV, ASV, NKJV, NASB, RSV, NRSV, NEB, REB and NIV). Tuy nhiên có các bản khác coi đây là Đức Thánh Linh (Xem TEV, NJB và William's). Trong thực tế phải chăng đây là sự khó hiểu có chủ đích, (Xem NEB and NJB) và Đức Chúa Trời đã ban cho từng cá nhân tín đồ món quà vĩ đại nhất, Đức Thánh Linh, cũng như món quà ân tứ thuộc linh cho chức vụ, để họ có thể làm chứng mạnh dạn, mạnh mẽ, mong muốn phục vụ, chia sẻ và trở nên giống Đấng Christ.

Tác giả Robert Girdlestone, trong cuốn *Synonyms of the Old Testament*, đưa ra một số điểm tranh luận khá thú vị về thuật ngữ “linh” trong Tân Ước (trang. 61-63).

1. Linh xấu
2. Linh con người
3. Đức Thánh Linh
4. Những gì mà Đức Thánh Linh tạo ra trong và qua linh con người
 - a. "thần-trí của tôi-mọi ... so với thần-trí của sự làm con nuôi," Rô-ma 8:15
 - b. "a tinh thần dịu dàng," 1 Cô-rin-tô 4:21
 - c. "tinh thần đức tin," 2 Cô-rin-tô 4:13
 - d. "linh của sự khôn ngoan và sự mặc khải để nhận biết Ngài," Ê-phê-sô 1:17
 - e. "linh sợ hãi" so với "linh quyền năng, yêu thương và tự chủ" 2 Ti-mô-thê 1:17
 - f. "linh nhầm lẫn" và "linh chân lý" 1 Giăng 4:6

tinh thần nhút nhát,

VB1925: “tâm thần nhút nhát”

RVV11: “tinh thần nhút nhát”

NASB, NJB "tinh thần nhút nhát"

NKJV "tinh thần sợ hãi"

NRSV "linh nhút nhát"

TEV "Đức Thánh Linh . . . không làm chút ta nhút nhát"

Chúng ta quan sát thấy có một tính tiêu cực (nhút nhát) và ba tính tích cực (quyền năng, yêu thương, tự chủ) trong tính cách ân tứ của Đức Chúa Trời.

tự chủ.

RVV11: “tự chủ”

VB1925: “dè giũ”

NASB "kỷ luật"

NKJV "tinh táo"

NRSV "tự chủ"

TEV, NJB "tự kiểm chế"

Xem ghi chú đầy đủ ở câu 1 Ti-mô-thê 3:2.

1:8-14 đây là một câu dài trong bản Hy-lạp.

1:8 "dùng hổ thẹn " đây là câu chìa khóa cho chương 1, (Xem 2 Ti-mô-thê 1:8,12,16; cũng nên xem Mác 8:38; Rô-ma 1:16). Về ngữ pháp, là LỖI BÀN THÁI THÌ QUÁ KHỨ DẠNG THỤ ĐỘNG (deponent) ; nó không ám chỉ Ti-mô-thê đang hổ thẹn, nhưng Phao-lô khuyên người dùng bắt đầu hổ thẹn.

Phao-lô dường như gọi nhớ khái niệm Cựu Ước, rằng tội lỗi đem lại phiền toái, còn công chính đem lại phước hạnh. (Xem Phục-truyền 27-28; Gióp, Thi-thiên 73). Phao-lô không chịu khổ nạn vì tội lỗi, nhưng vì Đấng Christ

▣ **"làm chứng về Chúa chúng ta hay hổ thẹn về việc ta vì Ngài bị tù, "** Phao-lô khuyên Ti-mô-thê tiếp tục truyền giảng về sự thương khó của Đấng Christ (Xem Sáng-Thế-Ký 3:15; Ê-sai 53; Công-vụ 3:18; 26:23) và đồng xác nhận với ông với tư cách tù nhân tâm linh. Hãy công bố Phúc Âm, bất kể hoàn cảnh hay hậu quả (Xem Ga-la-ti 4:17; 2 Cô-rin-tô 4:7-12; 6:3-10; 11:23-29)!

▣ **"nhưng hãy ... cùng ta chịu khổ "** Bởi vì quan điểm thần học của Phao-lô liên hệ tín đồ trong sự chết của Christ (Xem Rô-ma 6; Ga-la-ti 2:20) và sự thương khó (Xem Rô-ma 8:17; 2 Cô-rin-tô 1:5; Phi-líp 3:10; cũng như trong 1 Phi-ê-rô 4:13), Phao-lô thường sử dụng GIỚI TỬ *syn* có nghĩa là “đồng” như:

1. đồng chịu đau đớn (1:8 and 2:3)
2. đồng chết (2:11)
3. đồng sống (2:11)
4. đồng trị (2:12)

▣ **"trong việc truyền bá Tin Mừng."** LỜI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG (Xem 2 Ti-mô-thê 2:3, 9; 4:5; Rô-ma 8:17; 1 Phi-ê-rơ 3:14; 4:12-19). Chìa khóa cho câu này là “Phúc Âm” - tức là chịu khổ vì Phúc Âm, chứ không vì điều ác của mình, xem 1 Phi-ê-rơ 2:15-16). Cơ-đốc nhân ngày nay nên xác nhận rằng chịu khổ phải là điều bình thường, chứ không phải là chuyện hiếm hoi. (Xem Ma-thi-ơ 5:10-12; Giăng 15:18-21; 16:1-2; 17:14; Công-vụ 14:22; Rô-ma 5:3-4; 2 Cô-rin-tô 4:16-18; 6:4-10; 11:23-28; Phi-líp 1:29; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; 2 Ti-mô-thê 3:12; Gia-cơ 1:2-4).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: VÌ SAO CƠ ĐỐC NHÂN CHỊU KHỔ **Why Do Christians Suffer?**

1. Vì tội lỗi bản thân (phán xét tạm thời). Điều này phủ nhận quan điểm tất cả mọi nan đề và hoàn cảnh đều là hậu quả của tội lỗi. (Xem Gióp; Thi-thiên 73; Lu-ca 14:1-5; Nê-hê-mi 9; Giăng 9; Công-vụ 5:1-11; 1 Cô-rin-tô 11:29-30; Ga-la-ti 6:7).
2. Phát triển sự trở nên giống Đấng Christ (Hê-bơ-rơ 5:8). Ngay đến Chúa Giê-su – nói theo cách con người – cũng cần được trưởng thành, vậy tín đồ càng phải tăng trưởng (Xem Rô-ma 5:3-4, 8:28-29; 2 Cô-rin-tô 12:7-10; Phi-líp 3:10; Hê-bơ-rơ 12:5-12; Gia-cơ 1:2-4; 1 Phi-ê-rơ 1:7).
3. Phát triển sự làm chứng hiệu quả (Xem Ma-thi-ơ 5:10-12; Giăng 15:18-22; 1 Phi-ê-rơ 2:18-21, 3:13-17).
4. Là dấu hiệu đau đớn sinh nở trong Kỷ Nguyên Mới (Xem Ma-thi-ơ 24:6; Mác 13:8).

Hai cuốn sách giúp tôi hiểu sự bất công và xấu xa của thế gian này là *The Christian's Secret of a Happy Life* của Hannah Whithall Smith, và *The Goodness of Đức Chúa Trời*. Giăng W. Wenham,

Tín đồ nên nhớ rằng nan đề không luôn là dấu hiệu cơn thịnh nộ hoặc án phạt từ Chúa. Sự ác xảy ra cho cả cơ đốc nhân trung tín trong thế gian băng hoại. (Xem 1 Phi-ê-rơ 4:12-19). Đức Chúa Trời hứa hẹn và sự chết thế chuộc của Đấng Christ là dấu hiệu tình yêu của Ngài (Xem Rô-ma 5:8). Kinh Thánh phải được cân nhắc trước hoàn cảnh tạm thời.

Copyright © 2014 [Bible Lessons International](http://BibleLessonsInternational.com)

1:9 "Ngài đã cứu chúng ta và kêu gọi chúng ta " Có hai ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG được nối kết qua chữ “và” (*kai*, ở đây “cứu” và “kêu gọi. Trong Rô-ma 8:29-30 “kêu gọi” đứng trước “cứu” ám chỉ sự tể trị của Đức Chúa Trời (tiền định), nhưng ở đây, “kêu gọi” đứng sau, ám chỉ chức vụ. (Kêu gọi đồng nghĩa với chức vụ trong 2 Ti-mô-thê 1:6-8 Xem thêm Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 2 Ti-mô-thê 1:9).

Điều này trong Tân Ước tương tự như giao ước Cựu Ước đối với I-sơ-ra-en . Tín đồ trong Đấng Christ là dân tuyển của Đức Chúa Trời .

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THÌ CỦA CÁC ĐỘNG TỪ HY LẠP DÙNG CHO SỰ CỨU RỖI **Salvation (Greek Verb Tenses)**

Sự cứu rỗi không phải là một sản phẩm, nhưng là một mối liên hệ. Nó chưa kết thúc cho đến khi một người đặt lòng tin cậy vào Đấng Christ; nó chỉ mới bắt đầu! Nó không phải là bảo hiểm cháy nhà, cũng không phải là vé vào thiên đàng, nhưng là một cuộc sống lớn lên càng giống với Đấng Christ càng hơn.

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT HÀNH ĐỘNG HOÀN TẤT (thì THÌ QUÁ KHỨ)

- Công-vụ 15:11
- Rô-ma 8:24
- II Ti-mô-thê 1:9
- Tít 3:5
- Rô-ma 13:11 (kết hợp thì THÌ QUÁ KHỨ với thì khuynh hướng TƯƠNG LAI)

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT TRẠNG THÁI THÌ HIỆN TẠI (thì THÌ HOÀN THÀNH) (THÌ HOÀN THÀNH)

- Ê-phê-sô 2: 5, 8

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT TIỀN TRÌNH TIẾP DIỄN (thì THÌ HIỆN TẠI)

- I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2
- II Cô-rinh-tô 2:15

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT SỰ ĐẠT ĐẾN ĐIỂM ĐỈNH TRONG TƯƠNG LAI (thì TƯƠNG LAI CỦA ĐỘNG TỪ hoặc trong ngữ cảnh)

- Rô-ma 5:9, 10; 10:9, 13
- I Cô-rinh-tô 3:15; 5:5
- Phi-líp 1:28; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9
- Hê-bơ-rơ 1:14; 9:28
- (Được hàm ý trong Ma-thi-ơ 10:22; 24:13; Mác 13:13)

Bởi vậy Sự cứu rỗi bắt đầu bởi quyết định đức tin (Xem Giăng 1:12; 3:16; Rô-ma 10:9-13), tiếp theo là quá trình tăng trưởng nếp sống đạo. (Xem Rô-ma 8:29; Ga-la-ti 3:19; Ê-phê-sô 1:4; 2:10), đến một ngày sẽ hoàn tất (Xem I Giăng 3:2). Giai đoạn cuối cùng này được gọi là trở nên vinh hiển qua sự minh họa sau:

1. Vinh hiển khởi đầu / được tha thứ khỏi tội lỗi
2. Vinh hiển tiệm tiến / thánh hóa, được cứu khỏi quyền lực tội lỗi
3. Vinh hiển chung kết / được cứu khỏi sự hiện diện tội lỗi

▣ **"bằng sự kêu gọi thánh,"** – Thánh có thể nói về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, nhưng theo văn cảnh chắc nói về ý chỉ của Đức Chúa Trời cho dân thánh được tạo dựng trong hình ảnh của Ngài (Xem Sáng-Thế-Ký 1:26-27) và phản chiếu Ngài cho thế gian chứng kiến. (Xem Sáng-Thế-Ký 12:3; Xuất Ê-díp-tô 19:5-6)! Công tác của Đấng Christ là hồi phục hình ảnh Thiên Chúa đã bị mất trong tội lỗi của A-đam và Ê-va trong Sáng-Thế-Ký 3. Mục đích của Cơ-đốc giáo là sự trở nên giống Đấng Christ. (Xem Rô-ma 8:29; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4).

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐƯỢC KÊU GỌI

Called

Đức Chúa Trời luôn chủ động kêu gọi, lựa chọn và nài mời những người tin đến với Ngài (xem Giăng 6:44, 65; 15:16; I Cô-rinh-tô 1:12; Ê-phê-sô 1:4-5, 11). Từ ngữ "kêu gọi" được sử dụng trong một số ý nghĩa thần học sau:

- A. Tội nhân được kêu gọi đến sự cứu rỗi bởi ân điển của Đức Chúa Trời qua công tác đã được hoàn tất của Chúa Giê-xu và sự thuyết phục của Đức Thánh Linh (chữ *kleos*, xem Rô-ma 1:6-7; 9:24, vốn cũng có ý nghĩa thần học giống với I Cô-rinh-tô 1:1-2 và II Ti-mô-thê 1:9; II Phi-e-rơ 1:10).
- B. Tội nhân kêu cầu đến danh của Đức Chúa Trời để được cứu (chữ *epikaleo*, xem Công vụ 2:21; 22:16; Rô-ma 10:9-13). Từ ngữ này là thành ngữ trong cách thờ phượng Do Thái.
- C. Những tín nhân được kêu gọi để sống giống Đấng Christ (chữ *klesis*, xem I Cô-rinh-tô 1:26; 7:20; Ê-phê-sô 4:1; Phi-líp 3:14; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:11; II Ti-mô-thê 1:9)
- D. Những tín nhân được kêu gọi vào các công tác phục vụ Chúa (xem Công vụ 13:2; I Cô-rinh-tô 12:4-7; Ê-phê-sô 4:1).

▣ **"không theo những việc làm của chúng ta,"** đây là điểm rao giảng chính trong Công-vụ 15 và sách Ga-la-ti của Phao-lô cho những người sùng bái Do-thái giáo. Các giáo sư giả trong các thư Linh Vụ mang nặng khái niệm công chính bởi việc làm. Từ chối công chính bởi việc làm là chủ đề thường xuyên trong văn tự của Phao-lô, (Xem Rô-ma 3:20; 27-28; 4:4-5; 8; 9:11; Ga-la-ti 2:16; 3:11; Ê-phê-sô 2:8-9; Phi-líp 3:9; 2 Ti-mô-thê 1:9; Tích 3:5).

▣ **"nhưng theo mục đích và ân sủng của Ngài,"** Ý chỉ và tính cách của Đức Chúa Trời không thể bị tách biệt. Ngài hành động dựa trên tính cách của Ngài (Xem Ê-phê-sô 1:4-5, 11). Phúc Âm là tấm lòng của Đức Chúa Cha, hành động của Đức Chúa Con và quyền năng của Đức Thánh Linh, tất cả đều là tình yêu thiên thượng. Sự cứu rỗi là ý tưởng của Đức Chúa Trời, khởi xướng bởi Đức Chúa Trời và cung ứng bởi Đức Chúa Trời!

▣ **"mà Ngài đã ban cho chúng ta trong Đức Chúa Giê-su Christ từ muôn đời về trước"** Phúc Âm không phải là phương án dự phòng. Ngay từ đầu Đức Chúa Trời đã lên kế hoạch cứu chuộc nhân loại sa ngã, hồi phục con người trở lại hình ảnh và mỗi thông công trong Ngài. Sáng-Thế-Ký 3 ghi nhận con người phạm tội đồng thời lời hứa và chương trình của Chúa, (Xem Sáng-Thế-Ký 3:15; Rô-ma 16:25-26; Ê-phê-sô 2:11-3:13, Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:10).

Chương trình tiền định qua Đấng Christ được các sứ đồ truyền giảng trong Công-vụ (Xem Công-vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29 và cũng bởi Chúa Giê-su trong các câu Mác 10:45; Lu-ca 22:20). Bạn có thể thấy thêm sự gọi ý trong Tích 1:2 (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Đòi đòi / Eternal ở câu Tích 1:2) và Khải Huyền 13:8.

I-so-ra-en chỉ là giai đoạn đầu tiên của chương trình cứu chuộc thế gian (Xem Sáng-Thế-Ký 12:3; Xuất Ê-díp-tô 19:5-6). Đấng Mê-si-a luôn là hy vọng duy nhất cho nhân loại sa ngã.

1:10 "nhưng nay được bày tỏ qua sự xuất hiện" Thuật ngữ Hy-lạp *epiphany* ở đây ám chỉ Sự Đến Lần Thứ Nhất của Đấng Christ (Xem 1 Ti-mô-thê 6:14; Tích 2:11), nhưng trong 2 Ti-mô-thê 4:1 và Tích 2:13 nói về Sự Đến Lần Thứ Hai. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Thuật ngữ Tân Ước cho sự Tái Lâm / NT Terms for Christ's Return ở câu Tích 2:13.

▣ **"của Đức Chúa Giê-su Christ, Đấng Giải Cứu chúng ta,"** Đấng Giải Cứu là danh hiệu Cựu Ước cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Xem Thi-thiên 106:21; Ê-sai 43:3,11,15,21; 49:26; 60:16; 63:8; Ô-sê 13:4; Lu-ca 1:47). Trong Tân Ước nói chung, Chúa Giê-su được gọi là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời (Xem Lu-ca 2:11; Giăng 4:42; 13:23; Ê-phê-sô 5:23; Phi-líp3:20; 1 Giăng 4:14). Chỉ trong các thư Linh vụ, danh hiệu Đấng Giải Cứu được dùng cho cả Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con.

A. Đức Chúa Cha

1. Đức Chúa Trời Đấng Giải Cứu chúng ta (1 Ti-mô-thê 1:1)
2. Đức Chúa Trời Đấng Giải Cứu chúng ta (1 Ti-mô-thê 2:3)
3. Đấng Giải Cứu mọi người (1 Ti-mô-thê 4:10)
4. Đức Chúa Trời Đấng Giải Cứu chúng ta (Tích 1:3)
5. Đức Chúa Trời Đấng Giải Cứu chúng ta (Tích 2:10)
6. Đức Chúa Trời Đấng Giải Cứu chúng ta (Tích 3:4)

B. Christ

1. Đấng Giải Cứu chúng ta (2 Ti-mô-thê 1:10)
2. Chúa Giê-su Christ Đấng Giải Cứu chúng ta (Tích 1:4)
3. Đức Chúa Trời vĩ đại and Đấng Giải Cứu chúng ta, Chúa Giê-su Christ (Tích 2:13)
4. Chúa Giê-su Christ Đấng Giải Cứu (Tích 3:6)
5. Chúa và Đấng Giải Cứu Giê-su Christ (1 Phi-ê-rơ 1:11)
6. Chúa và Đấng Giải Cứu Giê-su Christ (2 Phi-ê-rơ 2:20)
7. Chúa và Đấng Giải Cứu Giê-su Christ (2 Phi-ê-rơ 3:18)

Các thư Linh Vụ được viết trong những năm 60 SCN, phản ứng việc hoàng đế và những người theo đạo thờ hoàng đế tự xưng Sê-sa là thần và đáng giải cứu, (danh hiệu này cũng phổ biến trong các tôn giáo huyền bí đương thời). Đối với Cơ-đốc nhân, danh hiệu này chỉ dành cho ĐỨC GIÊ-HỐ-VA và Đấng Mê-si-a của Ngài .

▣ **"Đấng đã vô hiệu hóa quyền lực của tử thần"** Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt below.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ LÀM RA HỮU KHÔNG VÀ TRỐNG RỖNG (KATARGEŌ)

Null And Void (Katargeō)

Chữ “*katargeō*” là một trong những chữ Phao lô rất thích dùng. Ông dùng ít nhất là 25 lần nhưng nó có một tầm ý nghĩa rất rộng.

A. Từ gốc của nó từ chữ *argos* có nghĩa là:

1. Không hoạt động
2. Vô hiệu
3. Không được sử dụng
4. Vô dụng
5. Không hoạt động

B. Từ ghép với chữ *kata* được dùng để diễn tả:

1. Tình trạng không hoạt động
2. Sự vô dụng
3. Điều gì đó bị hủy bỏ
4. Điều gì đó bị bỏ đi
5. Điều gì đó hoàn toàn không chạy được

C. Nó được dùng một lần trong Lu-ca để chỉ một cái cây không kết quả, vì vậy vô dụng (Lu-ca 13:7)

D. Phao lô dùng với nghĩa bóng trong hai cách chủ yếu sau:

1. Chúa khiến có những điều không hiệu quả (inoperative) gây thù hận với con người
 - a. Bản chất tội lỗi của con người - Rô-ma 6:6
 - b. Luật Môi se và lời hứa của Chúa về “hột giống” - Rô-ma 4:14; Ga-la-ti 3:17; 5:4,11; Ê-phê-sô 2:15
 - c. Các thế lực thần linh - I Cô-rinh-tô 15:24
 - d. “Kẻ nghịch cùng luật pháp” - II Tê-sa-lô-ni-ca 2:8
 - e. Sự chết thuộc thể - I Cô-rinh-tô 15:26; II Ti-mô-thê 1:16 (Hê-bơ-rơ 2:14)
2. Chúa thay cái cũ (luật pháp, thời kỳ) bằng cái mới
 - a. Những điều liên hệ đến luật Môi se - Rô-ma 3:3,31; 4:14; II Cô-rinh-tô 3:7,11,13,14
 - b. Hình bóng về hôn nhân dùng trong Luật pháp - Rô-ma 7:2,6
 - c. Những điều thuộc về đời này - I Cô-rinh-tô 13:8, 10,11
 - d. Thân thể này - I Cô-rinh-tô 6:13
 - e. Những người lãnh đạo đời này - I Cô-rinh-tô 1:28; 2:6

Từ ngữ này được dịch nhiều cách khác nhau nhưng ý nghĩa chính của nó là làm cho điều gì đó trở nên vô dụng, vô nghĩa, trống rỗng, không hoạt động được, mất quyền lực, nhưng không có nghĩa là không tồn tại, bị hủy diệt, hay tiêu hủy.

▣ **"và dùng Tin Mừng để đem sự sống và sự bất tử ra ánh sáng"** Thuật ngữ “sự sống” trong các thư Linh Vụ có vài hàm ý:

1. sự sống đời đời (1 Ti-mô-thê 1:16; 6:12; Tít 1:2; 3:7)
2. sự sống thực (1 Ti-mô-thê 6:19)
3. sự sống hiện tại và sự sống trong Kỳ Nguyên Sẽ Đến (1 Ti-mô-thê 4:8)
4. sự sống được hứa trong Đấng Christ. (2 Ti-mô-thê 1:1)
5. sự sống và sự bất tử trong Đấng Christ. (2 Ti-mô-thê 1:10)

Có hai thuật ngữ liên hệ đến sự sống trong các thư Linh Vụ để miêu tả sự sống vô tận, sự sống trong Kỷ Nguyên Mới:

1. “không hư hoại” (dạng PHỮ ĐỊNH ALPHA PRIVATIVE của "hư hoại") (2 Ti-mô-thê 1:10; Tít 2:7; Rô-ma 2:7; 1 Cô-rin-tô 15:52-54)
2. “không hề chết” (dạng PHỮ ĐỊNH ALPHA PRIVATIVE của "chết") (1 Ti-mô-thê 6:16 and 1 Cô-rin-tô 15:53-54)

Điều này không xuất phát từ khái niệm của triết học Hy-lạp rằng mỗi người đều có linh hồn tiền tại bất tử. Sự bất tử của tín đồ chỉ bắt đầu với sự ăn năn và đức tin trong Đấng Christ. Đức Chúa Trời là nguồn hy vọng duy nhất của sự bất tử (Xem 1 Ti-mô-thê 1:17; 6:16). Ngài ban hy vọng miễn phí qua Đấng Christ, và duy nhất qua Đấng Christ.

▣ **"về Tin Mừng ấy"** Thuật ngữ Hy-lạp có nghĩa: “phần thưởng cho việc đem lại tin mừng”. Nó trở nên đặc thù cho Cơ Đốc nhân về sứ điệp tha thứ và tiếp nhận, qua sự sống, giáo huấn, sự chết thể và sự sống lại của Chúa Giê-su. Sau này, Phúc Âm trở nên tên gọi của một nhóm sách trong Tân Ước về Chúa Giê-su. (Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca, Giăng). Chúa Giê-su là Tin Mừng về tình yêu và sự giải cứu cho tội nhân.

1:11 " ta được lập " THÌ QUÁ KHỨ DẠNG THỤ ĐỘNG LỐI CHỈ ĐỊNH. Trong câu này, Phao-lô khẳng định sứ mạng và ân tứ truyền giảng Phúc Âm được ban cho ông bởi Đức Chúa Trời (Xem 1 Ti-mô-thê 2:7).

▣ **"làm một nhà truyền giảng,"** Truyền giảng không mang tính chất ân tứ, nhưng là sứ mạng (xem TEV). Trong một ý nghĩa nào đó truyền giảng là lãnh vực sống còn của ân tứ lãnh đạo, (Xem Ê-phê-sô 4:11), tất cả đề liên hệ tới công bố chân lý. Trong khía cạnh kỹ thuật, thuật ngữ “truyền giảng” là *kērussō*, có nghĩa là công bố, rao truyền, đặc biệt được thấy trong thông điệp sứ đồ đầu tiên (*kērygma*), là các bài giảng của Phi-ê-rô và Phao-lô trong sách Công-vụ. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: *The Kerygma of the Early Church* ở câu 2 Ti-mô-thê 3:15.

▣ **"một sứ đồ,"** "sứ đồ" là thuật ngữ gốc Hy-lạp (*apostellō*). có nghĩa là “sai phái” Chúa Giê-su chọn mười hai môn đệ trong sự kêu gọi đặc biệt và sai phái họ đi với tư cách sứ đồ. (Xem Lu-ca 6:13). Động từ sai phái cũng được sử dụng trong hình ảnh Chúa Giê-su được Đức Chúa Cha sai phái, (Xem Ma-thi-ơ 10:40; 15:24; Mác 9:37; Lu-ca 9:48; Giăng 4:34; 5:24,30,36,37,38;6:29,38,39,40,57; 7:29; 8:42; 10:36; 11:42; 17:3,3,18,21,23,25; 20:21). Theo nguồn Do-thái, thuật ngữ này được dùng cho một người đại diện cấp trên của mình, như là sứ giả, hay sứ quán. Không chỉ là đại diện, nhưng người ấy còn có thẩm quyền. Nó được dùng cho những người biết Đấng Christ, trong thời gian Ngài sống, giảng và phục vụ trên đất. Xem Công-vụ 1:21-26), Phao-lô xác nhận mình thấy Đấng Christ trong khải thị trên đường đi Đa-mách (Xem Công-vụ 9). Các sứ đồ được kêu gọi và trang bị một cách đặc biệt bởi Đức Thánh Linh, để ghi nhận và truyền đạt các sự kiện, phép lạ, lời giảng của Chúa Giê-su trên trần thế.

Sứ đồ cũng là thuật ngữ về ân tứ trong hội thánh, (Xem 1 Cô-rin-tô 12:28; Ê-phê-sô 4:11). Cụ thể về trách nhiệm của sứ đồ ngày nay như thế nào không được biết rõ từ Tân Ước, nhưng chắc liên hệ tới công tác thiết lập hội thánh mới, hoặc là lãnh đạo cho một vùng, (Xem Công-vụ 14:4,14; 18:5; 1 Cô-rin-tô 4:9; Ga-la-ti 1:19; Phi-líp2:25; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:6).

▣ **"và một giáo sư."** Đây là một ân tứ thuộc linh trong Công-vụ 13:1; Rô-ma 12:6-7; 1 Cô-rin-tô 12:28; and Gia-cơ 3. Nó kết hợp với ân tứ mục sư trong Ê-phê-sô 4:11 và 1 Ti-mô-thê 3:2; 2 Ti-mô-thê 2:24. Khi được dùng một cách riêng rẽ, nó nói về người huấn luyện tín hữu mới, nhưng nếu liên hệ tới một mục sư, nó ám chỉ công tác giảng dạy tín lý. (Xem 2 Ti-mô-thê 2:15; 3:16-17).

Bản Anh Ngữ KJV và NKJV có thêm một cụm từ “cho các dân ngoại” sau từ “giáo sư” trong câu này. Cụm từ “cho các dân ngoại” không có trong bản chữ lớn \aleph và A, nhưng xuất hiện trong các bản MSS ξ^2 , C, D, F, G, và văn bản cổ khác. Nó cũng được thấy trong 1 Ti-mô-thê 2:7 và chắc đó là sự thêm vào của các nhà sao chép. Thánh Kinh Liên Hội USB⁴ xếp sự thiếu cụm từ này vào hạng A, tức là chắc chắn.

1:12 "Chính vì lý do đó mà ta phải chịu những khổ đau này," Câu này liên hệ tới 2 Ti-mô-thê 1:8. Phao-lô biết rõ giá phải trả cho chức vụ lãnh đạo. (Xem 2 Cô-rin-tô 4:7-12; 6:3-10; 11:24-28).

▣ **"nhưng ta không hổ thẹn,"** câu này liên hệ tới lời khuyên Ti-mô-thê trong 2 Ti-mô-thê 1:8 và v.16. Nan đề của Phao-lô – trong một hàm ý – là bằng chứng thành công trong công tác truyền giảng Phúc Âm (Xem Ga-la-ti 6:17)!

▣ **"vì ta biết"** Xin để ý sự nhấn mạnh trên mỗi liên hệ cá nhân, chứ không trên hoàn cảnh.

▣ **"ta đã tin ai,"** THÌ HOÀN THÀNH DẠNG CHỦ ĐỘNG LỐI CHỈ ĐỊNH có nghĩa “ta tin và tiếp tục tin” ám chỉ trải nghiệm gặp Chúa trên đường đi thành Đa-mách. (Xem Công-vụ 9).

Về “đã tin” xin tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 1:16.

▣ **"và ta tin chắc"** THÌ HOÀN THÀNH DẠNG THỤ ĐỘNG LỐI CHỈ ĐỊNH, ám chỉ sự tự tin của Phao-lô trong Chúa và từ Chúa, giữa hoàn cảnh bị bắt bớ và tù tội mà ông đang chịu đựng.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐẢM BẢO, (SỰ BẢO CHỨNG) CỦA CƠ ĐỐC NHÂN

Assurance

- A. Tín Đồ có thể biết mình được cứu không? (theo 1 Giăng 5:13)? Thơ Giăng thứ nhất đưa ra 3 thử nghiệm.
1. Tín Lý (niềm tin thần học, 1 Giăng 1:1,5,10; 2:18-25; 4:1-6,14-16; 5:11-12)
 2. Nếp sống (vâng phục, 1 Giăng 2:2-3; 2:3-6; 3:1-10; 5:18)
 3. Quan hệ (yêu thương, 1 Giăng 1:2-3; 2:7-11; 3:11-18; 4:7-12, 16-21)
- B. Sự đảm bảo trở nên nan đề của giáo phái
1. Giăng Calvin: Sự đảm bảo dựa theo sự tuyển chọn tiền định của Đức Chúa Trời, chúng ta không thể có sự chắc chắn trong đời này
 2. Giăng Wesley: Sự đảm bảo dựa trên trải nghiệm tín ngưỡng, Chúng ta có thể sống thánh khiết, vô nhiễm đối với tội lỗi đã được biết.
 3. Công giáo La Mã và Hội thánh Đấng Christ: Sự đảm bảo dựa trên Giáo Hội có thẩm quyền. Tín Đồ tham gia Giáo Hội nào là chìa khóa quyết định sự cứu rỗi.
 4. Mỗi một giáo hội Tin Lành dựa sự đảm bảo trên lời hứa của Đức Chúa Trời, liên hệ tới bông trái Đức Thánh Linh, (theo Ga-la-ti 5:22-23) trong đời sống hàng ngày, sự giống-Đấng-Christ).
- C. Sự bảo đảm vừa là một lẽ thật Kinh Thánh vừa là trải nghiệm của đức tin và cách sống của tín hữu. Nền tảng Kinh Thánh của sự đảm bảo là
1. Bản tính của Đức Chúa Cha
 - a. Sáng-Thế-Ký 3:15; 12:3
 - b. Thi Thiên 46:10
 - c. Ma-thi-ơ 1:11
 - d. Giăng 3:16; 10:28-29
 - e. Rô-ma 8:38-39
 - f. Ê-phê-sô 1:3-14; 2:5,8-9
 - g. Phi-líp 1:6
 - h. I Ti-mô-thê 1:12
 - i. I Phi-e-rơ 1:3-5
 2. Công tác của Đức Chúa Con
 - a. Lời cầu nguyện như thầy tế lễ của Ngài (Giăng 17:9-24, đặc biệt câu 12)
 - b. Sự hy sinh thay thế của Ngài
 - 1) Rô-ma 8:31
 - 2) II Cô-rinh-tô 5:21
 - 3) I Giăng 4:9-10
 - c. Sự cầu thay liên tục của Ngài
 - 1) Rô-ma 8:34

- 2) Hê-bơ-rơ 7:25
- 3) I Giăng 2:1
- 3. Sự ban cho năng lực của Đức Thánh Linh
 - a. Sự kêu gọi của Ngài (Giăng 6:44,65)
 - b. Sự đóng ấn của Ngài
 - 1) II Cô-rinh-tô 1:22; 5:5
 - 2) Ê-phê-sô 1:13-14; 4:30
 - c. Sự đảm bảo của Chúa
 - 1) Rô-ma 8:16-17
 - 2) I Giăng 5:7-13
- D. Tín hữu cần phải có đáp ứng qua giao ước là
 - 1. Sự ăn năn khởi đầu và liên tục cùng với đức tin
 - a. Mác 1:15
 - b. Công-vụ các Sứ-đồ 3:16,19; 10:21
 - c. Giăng 1:12 và Rô-ma 10:9-13
 - 2. Phải nhớ rằng mục đích của sự cứu rỗi là trở nên giống như Đấng Christ
 - a. Rô-ma 8:28-29
 - b. Ê-phê-sô 2:10
 - 3. Phải nhớ rằng sự đảm bảo được chứng thực bằng lối sống
 - a. Gia-cơ
 - b. I Giăng
 - 4. Phải nhớ rằng sự đảm bảo được chứng thực qua đức tin chủ động và sự bền đỗ
 - a. Mác 13:13
 - b. I Cô-rinh-tô 15:2
 - c. Hê-bơ-rơ 3:14
 - d. II Phi-e-rơ 1:10
 - e. Giu-đe 20-21
- E. Sự đảm bảo khó hiểu bởi vì
 - 1. Tín Đồ thường tìm kiếm sự đảm bảo với trải nghiệm thay vì với lời hứa của Kinh thánh.
 - 2. Tín Đồ thường không hiểu Phúc Âm
 - 3. Tín Đồ thường phạm tội một cách chủ ý. (theo 1 Cô-rin-tô 3:10-15; 9:27; 1 Ti-mô-thê 1:19-20; 2 Ti-mô-thê 4:10; 2 Phi-ê-rơ 1:8-11)
 - 4. Một số tính cách cá nhân, ví dụ người theo đuổi chủ nghĩa toàn hảo không bao giờ có thể chấp nhận tình yêu vô điều kiện của Đức Chúa Trời.
 - 5. trong Kinh thánh có 3 ví dụ về tuyên xưng một cách sai trật. (theo Ma-thi-ơ. 13:3-23; 7:21-23; Mác 4:14-20; 2 Phi-ê-rơ 2:19-20; 1 Giăng 2:18-19, xem chủ đề đặc biệt: sự Dị giáo)
 - 6. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Sự đảm bảo Cơ-đốc để hiểu thêm về chủ đề này.

▣ **"rằng Ngài có thể bảo vệ "** Câu "Ngài có thể" miêu tả đặc tính kỳ diệu của Đức Chúa Trời, (Xem Rô-ma 16:25; Ê-phê-sô 3:20 và Giu-đe 1:24). Đức Chúa Trời không những "có thể", nhưng "sẵn lòng" bảo vệ đức tin của chúng ta (Xem 1 Phi-ê-rơ 1:4-5) và nếp sống tin kính của chúng ta. Không chỉ bảo vệ sự cứu rỗi khỏi xướng bởi Đức Chúa Trời, thực hiện bởi Đức Chúa Trời ,trong sự kiện tuyệt vời tiếp nhận Đức Chúa Trời nhưng cả cuộc đời cơ-đốc nhân.

▣ **"những gì Ngài đã ủy thác cho ta"** Đức Chúa Trời gìn giữ sự xưng nhận đức tin của tín đồ, (Xem 1 Phi-ê-rơ 1:4-5). nhưng bản thân tín đồ cũng phải bảo vệ sứ mạng quản gia đối với Phúc Âm. Xem ghi chú đầu đủ ở câu 1 Ti-mô-thê 1:18, Xem 1 Ti-mô-thê 6:20; 2 Tim . 1:14). Cơ-đốc giáo là giao ước chứa đựng cả quyền lợi và trách nhiệm

▣ "cho đến ngày ấy", đây là thành ngữ Cựu Ước ám chỉ ngày tận thế (Xem 2 Ti-mô-thê 1:18). Cựu Ước bày tỏ sự can thiệp đầy kịch tính của Đức Chúa Trời vào lịch sử nhân loại. Tuy nhiên, qua mặc khải tiệm tiến, chúng ta biết rằng có hai Lần Đến. Lần Đến Thứ Nhất là sự kiện Nhập Thể (khai trương Nước Trời) và Lần Đến Thứ Hai, là sự kiện Tái Lâm (Hoàn tất Nước Trời)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGÀY ẤY

That Day

Cụm từ, "trong ngày ấy" là cách các tiên tri thế kỷ thứ tám nói về sự thăm viếng (hiện diện) của Đức Chúa Trời trong ý nghĩa phán xét và hồi phục.

Ô-sê		A-mốt		Mi-chê	
<u>Tích cực</u>	<u>Tiêu cực</u>	<u>Tích cực</u>	<u>Tiêu cực</u>	<u>Tích cực</u>	<u>Tiêu cực</u>
1:11	1:5		1:14(2)		2:4
	2:3		2:16		3:6
2:15			3:14	4:6	
2:16	4:5		5:18 (2)		5:10
2:18	5:9		5:20		7:4
2:21	6:2		6:3	7:11(2)	
	7:5		8:3	7:12	
	9:5	9:11	8:9 (2)		
	10:14		8:10		
			8:13		

Khuôn mẫu phổ biến là các tiên tri công bố việc Đức Chúa Trời sẽ phán xét tội lỗi đương thời, nhưng cũng hứa một ngày trong tương lai với cơ hội ăn năn và tha thứ cho những ai sẵn lòng thay đổi tâm lòng và hàng động (tức là tiếp nhận trái tim mới, tâm trí mới và tâm linh mới, Xem Ê-xê-chiên 36:22-27)! Đức Chúa Trời sẽ hoàn tất sự cứu chuộc và hồi phục Con Dân Chúa sẽ phản chiếu đặc tính của Ngài. Mục đích tạo hóa, tức là sự thông công giữa Đức Chúa Trời và con người sẽ được ứng nghiệm!

Copyright © 2014 [Bible Lessons International](http://BibleLessonsInternational.com)

1:13 Hãy giữ

VB1925:	"Giữ lấy"
RVV11:	"hãy giữ"
NASB	"hãy giữ"
NKJV	"hãy nắm chặt"
NRSV	"nắm lấy "
TEV	"nắm chắc lấy"
NJB	"hãy giữ "

Thuật ngữ thông dụng (*echō*), có phạm vi ý nghĩa rộng như được thấy qua các bản dịch. **LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG**. Ý chính là Ti-mô-thê phải tiếp tục nắm chắc các chân lý sứ đồ, được truyền đạt lại bởi Phao-lô. (Xem 2 Ti-mô-thê 1:14; Tích 1:9).

▣ **"Con hãy giữ vững những giềng mối"** Thuật ngữ “giềng mối” còn có nghĩa là “tiêu chuẩn”, (VB1925: khuôn mẫu, RVV11: mẫu mực). Trong tiếng Hy-lạp là phác thảo của nhà kiến trúc, (đồ họa). Ở đây Phao-lô đã trao cho Ti-mô-thê bản thiết kế tổng hợp của chương trình thần học.

▣ **"của tín lý lành mạnh"** (RVV11: điều dạy dỗ chân chính) Đây là chủ đề thường được lặp lại trong các thư Linh Vụ, nói về giáo huấn tinh sạch. (Xem 1 Ti-mô-thê 1:10; 4:6; 6:3; 2 Ti-mô-thê 1:13; 4:3,4; Tít 1:9,13; 2:1,2). Câu này phản chiếu sự hiện diện và phá hoại của các giáo sư giả.

▣ **"đức tin và tình yêu"** – hai phẩm chất mà một người lãnh đạo phải gìn giữ, truyền lại và dùng để bảo vệ Phúc Âm, (Xem 1 Cô-rin-tô 13).

1:14 “Nguyện xin Đức Thánh Linh ... giúp con bảo vệ những điều đã ủy thác cho con.” LỜI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG, Xin để việc ý tín đồ phải ý thức bảo vệ tín lý, nhưng Đức Thánh Linh là phương tiện và quyền năng để bảo vệ điều mình được ủy thác.

▣ **"Đấng đang ngự trong chúng ta"** – “đang ngự” là ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG . Có một sự uyển chuyển giữa công việc của Đức Thánh Linh và Đức Chúa Con. Ông G. Campbell Morgan phát biểu: Danh hiệu thứ hai của Đức Thánh Linh có thể là "Chúa Giê-su kia". Sau đây là sự lược khảo về công việc và danh hiệu của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh :

1. Đức Thánh Linh được gọi là "Thần Linh của Chúa Giê-su" hoặc tương tự (Xem Rô-ma 8:9; 1 Cô-rin-tô 15:45; 2 Cô-rin-tô 3:17; Ga-la-ti 4:6; 1 Phi-ê-rơ 1:11).
2. Cả hai đều được gọi là
 - a. "Chân Lý"
 - (1) Chúa Giê-su (Giăng 14:6)
 - (2) Đức Thánh Linh (Giăng 14:17; 16:13)
 - b. "Đấng Biện Hộ"
 - (1) Chúa Giê-su (1 Giăng 2:1)
 - (2) Đức Thánh Linh (Giăng 14:16; 16:7)
3. Cả hai đều ngự trị trong tín đồ
 - a. Chúa Giê-su (Ma-thi-ơ 28:20; Giăng 14:20,23; 15:4-5; Rô-ma 8:10; 2 Cô-rin-tô 13:5; Ga-la-ti 2:20; Ê-phê-sô 3:17; Cô-lô-sê 1:27)
 - b. Đức Thánh Linh (Giăng 14:16-17; Rô-ma 8:9,11; 1 Cô-rin-tô 3:16; 6:19; 2 Ti-mô-thê 1:14)
 - c. Đức Chúa Cha (Giăng 14:23; 2 Cô-rin-tô 6:16)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT : NGÔI VỊ CỦA ĐỨC THÁNH LINH

The Personhood Of The Spirit

Trong Cựu Ước có cụm từ "Thần Linh của Đức Chúa Trời" (*ruach*) là một linh lực thực hiện mục đích của Đức Giê-hô-va, như không có sự gợi ý Ngôi Vị. (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Nhất Thần Luận trong Cựu Ước). Tuy nhiên, trong Tân Ước, bản tánh và ngôi vị của Đức Thánh linh được bày tỏ một cách trọn vẹn:

1. Ngài có thể bị xúc phạm (một cách phạm thượng) (Xem Ma-thi-ơ. 12:31; Mác 3:29)
2. Ngài dạy (Xem Lu-ca 12:12; Giăng 14:26)
3. Ngài làm chứng (Xem Giăng 15:26)
4. Ngài hướng dẫn và cáo trách (Xem Giăng 16:7-15)
5. Ngài được gọi “Đấng” (, *hos*, Xem Ê-phê-sô. 1:14)
6. Ngài có thể bị làm phiền lòng (Xem Ê-phê-sô. 4:30)
7. Ngài có thể bị ‘đập tắt’ (Xem 1 Thê-sa-lô-ni-cas. 5:19)

Những câu Kinh thánh về Ba Ngôi (Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi) nói về Ba Cá Nhân.

1. Ma-thi-ơ. 28:19
2. Cô-rin-tô. 13:14
3. Phi-ê-rơ. 1:2

ĐứcThánh Linh liên hệ tới sự vận hành của nhân loại.

1. Công-vụ 15:28
2. Rô-ma. 8:26
3. Cô-rin-tô. 12:11
4. Ê-phê-sô. 4:30

Ngay từ đầu sách Công vụ, vai trò của ĐứcThánh Linh được nhấn mạnh. Lễ Ngũ Tuần không phải là sự bắt đầu công việc của Đức Thánh Linh, nhưng là công việc của Ngài trong một chương sách mới. Chúa Giê-su luôn có ĐứcThánh Linh. Sự báp-tem của Ngài không phải là sự bắt đầu công việc của Đức Thánh Linh, nhưng là công việc của Ngài trong một chương sách mới. ĐứcThánh Linh là Tác Nhân trong chương trình của Đức Chúa Cha nhằm hồi phục nhân loại trong hình bóng của Ngài (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Của Đức Giê-hô-va)!

“Những điều đã ủy thác cho con”

RVV11: “gìn giữ điều tốt đẹp đã được ủy thác cho con”

VB1925: “giữ lấy điều phó-thác tốt-lành”

NASB “kho báu được trao cho con”

NKJV “điều tốt lành được trao cho con”

NRSV “kho báu tốt lành được trao cho con”

TEV “Những điều tốt lành được trao cho con”

NJB “những điều quý giá được trao trong sự tin cậy”

Đây nói về một điều được ủy thác người khác để gìn giữ bảo đảm. Phao-lô chơi chữ với thuật ngữ *pistis*, được dịch ra Việt Ngữ: niềm tin, tin cậy, đức tin, Tín đồ ủy thác- (xem ghi chú đầy đủ ở câu 1 Ti-mô-thê 1:18) - đức tin của mình cho Đức Chúa Trời (Xem 2 Ti-mô-thê 1:12). Đức Chúa Trời lại ủy thác sứ điệp Phúc Âm (Xem 1 Ti-mô-thê 6:20). Tín đồ là người quản gia của Chúa và một ngày tương lai sẽ phải tường trình về chân lý được ủy thác (Xem 2 Cô-rin-tô 5:10)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CHÍNH THỐNG CỦA CÁC THƯ LINH VỤ

The Orthodoxy Of The Pastorals

Ở thời điểm viết các thư Linh Vụ (i.e., 1 Timothy, Tịch, 2 Timothy) trong những năm 60, (Phao-lô bị sát hại năm 67 SCN), một số chân lý Phúc Âm đã trở nên tín lý. Xin để ý nhiều cách khác nhau mà Phao-lô dùng ám chỉ “*Kerygma* phát triển” / “developed *kerygma*” (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Sứ điệp của các sứ đồ / *The Kerygma of the Early Church*), là phương tiện của các hội thánh sơ khởi dùng để chống lại các giáo sư giả.

1. "giáo huấn lành mạnh"
 - a. 1Ti-mô-thê 1:10
 - b. 2Ti-mô-thê 4:3
 - c. Tịch 1:9; 2:1
2. "những lời trung thực"
 - a. 1Ti-mô-thê 1:15; 3:1; 4:8-9
 - b. 2Ti-mô-thê 2:11-13
 - c. Tịch 1:9; 3:5-8
3. "giáo huấn"
 - a. 1Ti-mô-thê 4:16; 6:1
 - b. 2Ti-mô-thê 3:10

- c. Tích 2:7
4. "giáo huấn tốt lành"
1Ti-mô-thê 4:6
 5. "giáo huấn tin kính"
a. 1Ti-mô-thê 6:3
b. Tích 1:1
 6. "lời lành mạnh"
a. 1Ti-mô-thê 6:3
b. 2Ti-mô-thê 1:13
 7. "điều đã được ủy thác"
a. 1Ti-mô-thê 6:20
b. 2Ti-mô-thê 1:12,14 (i.e., "the good deposit")
 8. "đức tin"
a. 1Ti-mô-thê 1:5,19; 3:9,13; 4:1,6; 5:8; 6:10,12,21
b. 2Ti-mô-thê 3:10; 4:7
c. Tích 1:13; 2:2

Khuôn mẫu tín lý của Phúc Âm phải được:

1. bảo vệ – 1Ti-mô-thê 6:20; 2 Ti-mô-thê 1:14
2. gìn giữ – 2Ti-mô-thê 4:7
3. nắm chặt – Tích 1:9
4. ủy thác cho người đáng tin cậy – 2Ti-mô-thê 2:2

Tất cả mọi tín đồ đều được ủy thác Phúc Âm (*kerygma*). Chúng ta phải bảo vệ, gìn giữ và chuyển giao trọng vẹn cho người kế tiếp!

Copyright © 2014 [Bible Lessons International](http://BibleLessonsInternational.com)

BD2011: 2 TI-MÔ-THÊ 1:15-18

¹⁵ Chắc con đã biết rằng tất cả những người ở A-si-a đã bỏ ta, trong đó có Phy-ghê-lu và Hệt-mô-ghen.

¹⁶ Nguyễn xin Chúa ban ơn thương xót cho gia đình của Ô-nê-si-phô-ru, vì ông đã nhiều lần làm tươi mới tinh thần ta và không hổ thẹn vì ta phải mang xiềng xích. ¹⁷ Khi đến Rô-ma ông đã sốt sắng đi tìm ta và đã tìm được ta.

¹⁸ Nguyễn xin Chúa cho ông tìm được ơn thương xót của Chúa trong ngày ấy, và chắc con đã biết rõ, lúc ở Ê-phê-sô ông đã giúp đỡ chúng ta nhiều điều như thế nào.

1:15 "tất cả những người ở A-si-a " Đây là cách nói cường điệu hóa. Phao-lô nhấn mạnh rằng hầu hết nhiều người đã sợ hãi mà chấm dứt liên hệ với ông

▣ **"đã bỏ ta"** một số trợ lý của Phao-lô (Xem 2 Ti-mô-thê 4:10,16) bỏ rơi Phao-lô trong tù (Xem 2 Ti-mô-thê 1:8,16), nhưng không nhất thiết từ bỏ đức tin trong Đấng Christ. Điều này chắc liên hệ tới việc Phao-lô ra tòa ở Rô-m.

▣ **"trong đó có Phy-ghê-lu và Hệt-mô-ghen."** Không có thông tin về hai người này

1:16-18 câu 16-18 là câu cầu nguyện mở rộng, (THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG LỐI MONG MỎI).

1:16 "Nguyễn xin Chúa ban ơn thương xót cho gia đình của Ô-nê-si-phô-ru," Tín đồ này và gia đình hoặc hội thánh tại gia của ông không bỏ rơi Phao-lô. (Xem 2 Ti-mô-thê 4:19). Trong một số cách không được nêu ra, (có thể tinh thần, hoặc tiền bạc) ông khích lệ Phao-lô và cung ứng cho chức vụ ở Ê-phê-sô (Xem 2 Ti-mô-thê 1:18).

1:18 "Chúa ... Chúa " Trong tiếng Hê-bơ-rơ có sự phân biệt rõ ràng giữa ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Chúa) và Adon (Chúa, Xem Thi-thiên 110:1). Trong tiếng Hy-lạp, cả hai đều là *kurios*. Hình như lời cầu nguyện này hướng về Đấng Mê-si-a và ám chỉ "Ngày Của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA", một thành ngữ Cựu Ước về ngày Tận thế, một ngày phước hạnh và phán xét. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THÂN THÁNH / CÁC DANH HIỆU NAMES FOR DEITY ở câu 2 Ti-mô-thê 1:2.

"Nguyện xin Chúa cho ông tìm được lòng thương xót của Ngài trong ngày ấy" Đây là câu cầu nguyện khá lạ đối với chúng ta. Nhiều nhà giải kinh cho rằng Ô-nê-si-pho-ru đã qua đời. Nếu thật vậy thì đây là câu Kinh Thánh duy nhất ủng hộ việc cầu nguyện cho người chết. Nếu không Phao-lô chỉ cầu xin Đức Chúa Trời ban phước cho nhà của Ô-nê-si-pho-ru (gia đình hoặc hội thánh tại gia) bởi vì sự phục vụ trung tín của ông, (Xem Phục-truyền 7:9; 5:10 và cũng ý tưởng tương tự trong 1 Cô-rin-tô 7:14).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp anh chị em suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Phải chăng Phao-lô thấy Cơ-đốc giáo khác biệt với Cựu Ước hoặc là phần mở rộng của Cựu Ước?
2. Mục đích đặt tay là gì?
3. Xin nêu ra những điểm thần học quan trọng trong câu 2 Ti-mô-thê 1:9.
4. Làm thế nào Chúa Giê-su chấm dứt sự chết?
5. Thuật ngữ gìn giữ được sử dụng theo cách khác nhau như thế nào trong 2 Ti-mô-thê 1:12 and 2 Ti-mô-thê 1:14?
6. Phải chăng các trợ lý của Phao-lô từ bỏ ông? Có phải họ không còn là tín đồ nữa sao?

2 TI-MÔ-THÊ 2

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Người lính tốt lành của Chúa Giê-su Christ	Hãy mạnh trong ân điển	Kêu gọi can đảm Courage (1:8-2:13)	người lính trung thành của Chúa Giê-su Christ	Timôthê nên đối diện khó khăn thế nào
2:1-7	2:1-13	2:1-7	2:1-7	2:1-2 2:3-7
2:8-13		2:8-13	2:8-13	2:8-13
Người lao công đáng khen	Người lao công đáng khen và đáng chê	Mục sư và bầy chiên (2:14-4:5)	Người lao công đáng khen	Tranh đấu hiểm nguy từ giáo sư giả
2:14-26	2:14-26	2:14-19 2:20-3:9	2:14-19 2:20-26	2:14-18 2:19 2:20-21 2:22-26

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của anh chị em với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

BD2011: 2 TI-MÔ-THÊ 2:1-7

Vậy con ơi, hãy mạnh mẽ trong ân sủng của Đức Chúa Giê-su Christ. ² Những gì con đã nghe ta giảng dạy trước nhiều nhân chứng, hãy truyền lại cho những người đáng tin cậy, để họ cũng có thể dạy lại những người khác. ³ Hãy cùng ta chịu khổ như người lính giỏi của Đức Chúa Giê-su Christ. ⁴ Không ai phục vụ

trong quân đội mà để những việc của cuộc sống dân sự làm vương bận mình; người lính ấy làm vậy cốt để được đẹp lòng người đã tuyển mộ mình.⁵ Cũng vậy, không lực sĩ tranh tài thể thao nào có thể đoạt giải^a nếu không tranh tài đúng theo luật.⁶ Người làm nông lao động vất vả phải là người được hưởng hoa lợi trước tiên

2:1 "Vậy con ơi " Câu này liên hệ tới các câu 2 Ti-mô-thê 1:15-18, khi Phao-lô phân biệt giữa những người trung thành và những người từ bỏ ông .

▣ **"con của ta"** Phao-lô với tư cách là cha tâm linh của Ti-mô-thê trong Phúc Âm (Xem 2 Ti-mô-thê 1:2; 1 Ti-mô-thê 1:2; Tích 1:4).

▣ **"hãy mạnh mẽ trong ân sủng "** Đây có thể

1. **LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG THỤ ĐỘNG** , "có nghĩa hãy tiếp tục được làm mạnh mẽ" (*Word Pictures in the Greek New Testament* , của A. T. Robertson; *A Grammatical Analysis of the Greek NT* , của Zerwick và Grosvenor; và *Analytical Greek New Testament* , của Barbara and Ti-mô-thê Friberg)
2. **LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH** , "tiếp tục mạnh mẽ" (*The Analytical Greek Lexicon Revised* của Harold K. Moulton và bản dịch the Charles B. Williams).

Phải chăng tín đồ tự mình làm “mạnh mẽ trong ân sủng”? (khả năng (2), hay Đức Chúa Trời là Đấng khiến tín đồ mạnh mẽ, theo khả năng (1)? Ở đây xuất hiện sự căng thẳng giữa quyền tể trị của Đức Chúa Trời và quyền quyết định của con người. Trong Tân Ước, sự căng thẳng này được thấy trong sự cứu rỗi và nếp sống đạo. Đức Chúa Trời cư xử với nhân loại qua giao ước, trong giao ước có quyền lợi và trách nhiệm / ân huệ và đòi hỏi. Ân sủng được đưa ra trước, nhưng con người phải đáp ứng bởi hành động.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIAO ƯỚC

Covenant

Chữ “berith”, giao ước, trong tiếng Hê-bơ-rơ, không phải dễ định nghĩa. Không có một **ĐỘNG TỪ** tương ứng trong tiếng Hê-bơ-rơ. Toàn bộ các nỗ lực nhằm truy tìm định nghĩa bằng từ nguyên của nó đều không mấy thuyết phục. Tuy nhiên, trọng tâm hiển nhiên của nó đã buộc các học giả phải xem xét cách sử dụng chữ này để cố gắng tìm ra ý nghĩa hiện có của nó.

Giao ước là phương tiện qua đó Đức Chúa Trời làm việc với tạo vật của Ngài là con người. Khái niệm giao ước, hiệp ước, hay sự thỏa thuận rất quan trọng để giúp hiểu được mạch khai của Kinh thánh. Tính căng thẳng giữa sự chủ tể của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người được thấy rõ ràng trong khái niệm giao ước. Các giao ước được lập dựa trên bản tính, hành động và mục đích của Đức Chúa Trời.

1. Chính tạo vật (Sáng-thế-ký 1-2)
2. Sự kêu gọi Áp-ra-ham (Sáng-thế-ký 12)
3. Giao ước với Áp-ra-ham (Sáng-thế-ký 15)
4. Sự bảo tồn và lời hứa đối với Nô-ê (Sáng-thế-ký 6-9)

Tuy nhiên, chính bản chất của giao ước đòi hỏi một sự đáp ứng

1. Bằng đức tin, A-đam phải vâng lời Đức Chúa Trời không ăn cây ở giữa vườn Ê-đen (Sáng-thế-ký 2)
2. Bởi đức tin, Áp-ra-ham phải lìa gia đình theo Chúa và tin vào một hậu tự trong tương lai (Sáng-thế-ký 12, 15)
3. Bởi đức tin, Nô-ê đóng một chiếc tàu lớn cách xa biển và tụ tập thú vật lại (Sáng-thế-ký 6-9)
4. Bởi đức tin, Môi-se đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ê-díp-tô và nhận lãnh những chỉ thị cụ thể về cách tổ chức cuộc sống xã hội và tôn giáo với lời hứa lành và dữ cập theo (Phục truyền 27-28)

Cũng sự căng thẳng này trong mối liên hệ của Đức Chúa Trời với con người được đề cập đến trong “giao ước mới.” Sự gay cấn này được thấy rõ ràng khi so sánh Ê-xê-chi-ên 18 với Ê-xê-chi-ên 36:27-37. Giao ước dựa vào hành động yêu thương của Đức Chúa Trời hay dựa vào sự đáp ứng bắt buộc từ con người? Đây là vấn đề gay gắt giữa Giao ước cũ và mới. Mục tiêu của cả hai giao ước này đều giống nhau: (1) phục hồi lại mỗi thông công bị cắt

đút trong Sáng-thế-ký 3 và (2) thiết lập một dân tộc công bình phản ánh bản tính của Đức Chúa Trời.

Giao ước mới trong Giê-rê-mi 31:31-34 giải quyết tình trạng căng thẳng này bằng cách cắt đi việc làm của con người như một phương tiện để được chấp nhận. Luật pháp của Đức Chúa Trời trở thành một sự mong muốn từ bên trong chứ không phải là công việc làm bên ngoài. Mục tiêu của một dân tin kính, công bình vẫn giữ nguyên, nhưng phương pháp thì thay đổi. Con người sa ngã đã tự chứng minh họ không đủ tốt để phản ánh ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Rô-ma 3:9-18). Vấn đề không phải ở tại giao ước, nhưng tại tội lỗi và sự yếu đuối của con người (Rô-ma 7; Ga-la-ti 3).

Cũng tình trạng căng thẳng này giữa giao ước có điều kiện và không điều kiện của Cựu Ước vẫn giữ nguyên trong Tân Ước. Sự cứu rỗi hoàn toàn miễn phí bởi công tác đã hoàn tất của Chúa Jêsus Christ, nhưng nó đòi hỏi sự ăn năn và đức tin (lúc ban đầu và tiếp tục sau đó). Nó vừa là sự tuyên bố theo luật pháp vừa là một sự kêu gọi sống giống với Đấng Christ, vừa là lời tuyên bố chỉ định sự chấp nhận, vừa là mạng lệnh phải sống thánh khiết! Người tin Chúa không được cứu bởi công việc, nhưng được cứu để sống vâng lời (Ê-phê-sô 2:8-10). Lối sống thánh khiết là bằng chứng của sự cứu rỗi, chứ không phải là phương tiện để được cứu.

2:2 "Những gì con đã nghe ta giảng dạy " Ti-mô-thê phải truyền đạt giáo huấn sứ đồ của Phao-lô, chứ không truyền đạt ý kiến cá nhân hoặc triết lý, (Xem 2 Ti-mô-thê 1:13, Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 2 Ti-mô-thê 1:14).

▣ **"trước nhiều nhân chứng, "** có thể liên hệ tới:

1. Bài giảng trong lễ bổ chức cho Ti-mô-thê (Xem 2 Ti-mô-thê 1:6; 1 Ti-mô-thê 4:14)
2. Những gì Ti-mô-thê nghe từ Phao-lô và được khẳng định bởi các tiên tri, giáo sư khác
3. Ti-mô-thê nghe Phao-lô truyền giảng cũng một chân lý nhiều lần

▣ **"hãy truyền lại "** LỜI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ DẠNG TRUNG CÁCH . Cũng cụm từ này được dùng trong 2 Ti-mô-thê 1:12,14 and 1 Ti-mô-thê 1:18. Xem ghi chú ở câu 2 Ti-mô-thê 1:12 and 1 Ti-mô-thê 1:18.

cho những người đáng tin cậy,

NASB, NKJV "cho nam phụ trung tín"

NRSV "cho những người trung tín"

TEV, NJB "cho những người đáng tin cậy"

Thuật ngữ Hy-lạp, *pistis* được dịch là "đức tin", "niềm tin", và "tin cậy". Ở đây là dạng TÍNH TỪ, *pistos*, theo gợi ý Cựu Ước là tính cách đáng tin cậy, trung tín, của người có tiềm năng trở nên lãnh đạo hội thánh. Truyền lại cho người đáng tin cậy là quá trình ủy nhiệm và gia tăng. Chúa Giê-su bỏ thời gia lựa chọn, huấn luyện chỉ vài người và qua họ giảng dạy cho nhiều người. Có hai cuốn sách phát triển rõ hơn về chủ đề này: *The Master Plan of Evangelism* và *The Maser Plan of Discipleship*, của tác giả Robert E. Coleman.

▣ **"để họ cũng có thể dạy lại những người khác. "** Người giảng viên và truyền đạo Cơ đốc có được khả năng và sự tự tin từ

1. Đức Chúa Trời, Xem 2 Cô-rin-tô 2:17; 3:5-6
2. thông điệp sứ đồ được truyền giao và tiếp nhận

Khả năng không đến từ sự thông minh, hoặc học vấn, hoặc nhân tính. Chúng ta phải trung tín truyền đạt lời chân lý của of Đức Chúa Trời.

2:3 "Hãy cùng ta chịu khổ " LỜI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG . đây là chủ đề thường lặp lại (Xem 2 Ti-mô-thê 1:8,12; 2:3,9; 4:5). Hãy xem ghi chú đầy đủ ở câu 2 Ti-mô-thê 1:8. Chúc vạ thường gây sự phản ứng từ những người chưa được cứu, hàng xóm, xã hội và chính quyền.

▣ **"như người lính giỏi "** Phao-lô thường miêu tả nếp sống Cơ-đốc trong ẩn dụ quân sự hoặc thể thao, ví dụ câu 3 và 4 (Xem Rô-ma 13:12; 2 Cô-rin-tô 6:7; 9:7; 10:4; Ê-phê-sô 6:11-17; Phi-líp 2:25; Phi-lê-môn 2; 1 Ti-mô-thê 1:18; 6:12; 2 Ti-mô-thê 4:7).

2:4 "người lính... lực sỹ ... người làm nông..." Phao-lô sử dụng ba nghề nghiệp để khích lệ Ti-mô-thê.

▣ **"để những việc của cuộc sống dân sự làm vương bản mình; "** ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH nhấn mạnh tính liên tục của hành động trong quá khứ. Không phải điều thế tục là xấu, (Xem 2 Phi-ê-ro2:20). Nó chỉ không được phép trở nên điều ưu tiên, hoặc tối hậu. Người lãnh đạo phải tập trung trong chức vụ.

2:5 "nếu" CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA có nghĩa là có tiềm năng xảy ra.

▣ **"tranh tài đúng theo luật"** được dùng nói về vận động viên chuyên nghiệp, phải thi đấu đúng luật, nhược bằng không sẽ bị loại bỏ. (Xem 1 Cô-rin-tô 9:24-27).

2:6 "Người làm nông lao động vất vả " Phao-lô sử dụng ba nghề nghiệp làm ẩn dụ

1. người lính đánh trận quên mình vì chỉ huy
2. vận động viên tranh đấu theo luật để được giải
3. nông dân lao động vất vả để nhận được bông trái mùa gặt

Tất cả đề đòi hỏi sự hứa nguyện, cố gắng, kiên nhẫn và chịu khổ, tất cả đều mong đợi phần thưởng xứng đáng (Xem Châm-ngôn 27:18).

2:7 "Con hãy suy nghĩ những gì ta nói" LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG ám chỉ "hãy tiếp tục suy nghĩ cẩn thận". Xin để ý một liên hệ quyền quyết định của con người và sự khởi xướng một cách ân huệ của Đức Chúa Trời

▣ **"vì Chúa sẽ cho con sự thông sáng để hiểu rõ mọi sự."** Chúa qua môi giới của Đức Thánh Linh, sẽ ban cho con người sự hiểu biết (Xem Giăng 14:16; 16:13). Điều này có thể là gợi nhớ từ giao ước mới được nhắc tới trong Giê-rê-mi 31:31-34 (đặc biệt. 2 Ti-mô-thê 2:33-34).

Hiểu biết ở đây không phải là sự tường tỏ mọi lãnh vực, nhưng sở hữu kiến thức đầy đủ về Phúc âm và sống đạo. Đức Thánh Linh cung cấp cho tín đồ mọi thông tin để họ có thể sống đẹp lòng Đức Chúa Trời .

BD2011: 2 TI-MÔ-THÊ 2:8-13

⁸ Hãy nhớ rằng Đức Chúa Giê-su Christ đã sống lại từ cõi chết, Ngài thuộc về dòng dõi Vua Đa-vít, theo như Tin Mừng ta rao giảng. ⁹ Vì rao giảng Tin Mừng đó ta chịu gian khổ, thậm chí bị xiềng xích như kẻ tội đồ, nhưng Đạo^[1] của Đức Chúa Trời không bị xiềng xích. ¹⁰ Vì vậy ta cam chịu mọi sự vì cố những người được chọn để họ cũng được ơn cứu rỗi trong Đức Chúa Giê-su Christ với vinh hiển đời đời. ¹¹ Đây là những lời đáng tin cậy:

Nếu chúng ta đã chết với Ngài, chúng ta cũng sẽ sống với Ngài;

¹² Nếu chúng ta chịu đựng nổi,

chúng ta sẽ trị vì với Ngài;

Nếu chúng ta chối bỏ Ngài,

Ngài cũng sẽ chối bỏ chúng ta;

¹³ Nếu chúng ta không thành tín,

thì Ngài vẫn thành tín,

Vì Ngài không thể chối bỏ chính Ngài

2:8 "Hãy nhớ rằng " LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG. Phao-lô nhắc Ti-mô-thê nhớ lại vài lần (Xem 2 Ti-mô-thê 1:3,4,5,6; 2:8,14). Lần này nói về tín lý Đấng Christ.

▣ **"Đức Chúa Giê-su Christ đã sống lại từ cõi chết"** ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HOÀN THÀNH DẠNG THỤ ĐỘNG ám chỉ Chúa Giê-su được Đức Chúa Cha làm sống dậy và tiếp tục đặng sống sau phục sinh. Sự sống lại là bằng chứng Đức Chúa Cha chấp nhận công tác giảng dạy và chết thế cho tội nhân của Đức Chúa Con trên thế gian. Sự sống lại là tín lý căn bản của Cơ-đốc giáo (Xem 1 Cô-rin-tô 15).

Sự sống lại cũng là sứ điệp căn bản ban đầu (*kerygma*, Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 2 Ti-mô-thê 3:15) của Phi-ê-rô và Phao-lô trong Công-vụ, là chân lý chính Phúc Âm được truyền rao trong hội thánh sơ khởi

1. Đấng Mê-si-a chịu thương khó
2. Chúa Giê-su ứng nghiệm tiên tri Cựu Ước
3. Kỳ Nguyên Mới, Kỳ Nguyên Thánh Linh đã đến trong Chúa Giê-su
4. Chúa Giê-su chết thế cho tội nhân, là chương trình tiền định của Đức Chúa Trời
5. Chúa Giê-su sống lại từ cõi chết và thăng thiên vinh hiển bên hữu Đức Chúa Trời
6. Chúa Giê-su sẽ tái lâm
7. Bất cứ ai tin nhận Ngài trong ăn năn và đức tin sẽ được cứu.

Ghi chú cuối trang (2,d) trang 365 của Jerusalem Bible (1966) có câu bình luận thú vị "sự sống lại đặc biệt khó có thể chấp nhận trong tư tưởng Hy-lạp, Công-vụ 17:37; 1 Cô-rin-tô 15:12."

2:9 "ta chịu gian khổ," đây là tính đặc thù của truyền giảng Phúc Âm trong thế kỷ thứ nhất. Phao-lô biết giá phải trả và kêu gọi Ti-mô-thê tham gia chịu khổ với mình. (Xem 2 Ti-mô-thê 1:8; 2:3; 4:5).

▣ **"thậm chí bị xiềng xích như kẻ tội đồ,"** Phao-lô bị bắt và giam, ông biết mình sẽ bị chặt đầu trong thời gian không lâu nữa (Xem 2 Ti-mô-thê 4:6). Hầu việc Đức Chúa Trời phải trả giá cao trong thế gian sa ngã (Xem 2 Cô-rin-tô 4:7-15; 6:1-10; 11:23-30)!

▣ **"nhưng Đạo của Đức Chúa Trời không bị xiềng xích"** Tôi đặt tên cho chương này là "Phao-lô bị giam, nhưng Phúc Âm không bị giam", dựa theo câu này. Lời của Đức Chúa Trời chỉ có thể bị giam khi chúng ta yên lặng.

▣ **"Ngài thuộc về dòng dõi Vua Đa-vít"** là điều rất quan trọng về bản thể con người của Đấng Christ (Xem Ma-thi-ơ 1:1; Rô-ma 1:3 cũng như sự ứng nghiệm tiên tri (Xem 2 Sa-mu-en 7:14 và các câu tiếp).

▣ **"theo như Tin Mừng ta rao giảng."** câu này cũng thấy trong Rô-ma 2:16; 16:25, nói về thông điệp sứ đồ truyền giảng Phúc Âm.

2:10 " Vì vậy ta cam chịu mọi sự" Có nghĩa "tình nguyện, năng động, bền bỉ chịu đựng" Phao-lô chọn gánh nặng của chức vụ vì lợi ích của nhiều người.

▣ **"vì có những người được chọn "** Đức Chúa Trời biết hết những ai thuộc về Ngài, (Xem Tít 1:1; Khải Huyền 13:8) Ngài biết cả những người đã hưởng ứng (Xem Rô-ma 11:25-26) và cả những người chưa hưởng ứng Phúc Âm.

▣ **"để họ cũng được ơn cứu rỗi "** Sự cứu rỗi chỉ có trong Đấng Christ và kết bông trái trong sự sống đời đời (Xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:9; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13-14).

▣ **"trong Đức Chúa Giê-su Christ với vinh hiển đời đời"** Theo Tân Ước, sự cứu rỗi chỉ được đặc trưng bởi hai yếu tố: (1) lấy đi và (2) ban cho .

A. Lấy đi

1. tội lỗi
2. Sa-tan và quyền lực ma quỷ.
3. lầm lẫn
4. tự dối mình

B. Ban cho

1. Hòa thuận với Đức Chúa Trời hôm nay.
2. a purpose in life now
3. a giftedness for ministry now
4. a Đức Thánh Linh -filled and directed life now
5. a future consummation

6. a future home in heaven
7. a future glory with Christ
8. a future reigning with Christ
9. a future body like Christ's

▣ **"vinh hiển"** ám chỉ sự chung kết khả hoàn trong Rô-ma 8:28-30. Xem ghi chú đầy đủ ở câu 1 Ti-mô-thê 1:17.

2:11 – câu cuối cùng trong năm câu “đây là điều chắc chắn, đáng tin cậy” trong các thư Linh Vụ của Phao-lô. (Xem 1 Ti-mô-thê 1:15; 3:1; 4:9; Tít 3:8). Câu này (2 Ti-mô-thê 2:11-13) dường như là trích dẫn từ một bài Thánh Ca, bài tuyên xưng đức tin.

"nếu"

1. một loạt các CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT, Xem 2 Ti-mô-thê 2:11,12,13 hai lần)
2. hai “nếu” đầu tiên mang tính tích cực, hai “nếu” sau mang tính tiêu cực.
3. “nếu” thứ ba và thứ tư có thêm dòng phụ.

▣ **"Nếu chúng ta đã chết với Ngài,"** đây là một trong các trường hợp dùng giới từ *syn* ghép với từ thuật trong 2 Ti-mô-thê. Nó nói về sự “đồng chết”, trong biểu tượng lễ báp-tem nhúng mình (Xem Rô-ma 6:1-11; Ga-la-ti 2:20). Khuôn mẫu chính xác của câu chỉ có ở đây và ở trong Mác 14:31, và 2 Cô-rin-tô 7:3.

▣ **"chúng ta cũng sẽ sống với Ngài;"** Lại thêm một giới từ *syn* ghép với từ thuật có nghĩa “đồng sống lại” (Xem Rô-ma 6:8; 2 Cô-rin-tô 7:3). Nó liên hệ tới tương giao mật thiết với Chúa Giê-su, không chỉ bây giờ qua đức tin, nhưng cả trong một ngày gặp mặt đối mặt với Ngài.

Ba câu “nếu” đầu tiên trong thì TƯƠNG LAI TENSE, ám chỉ bối cảnh Lai-Thế học. Cả Tân Ước đều chứa đựng tình trạng căng thẳng, nước Trời “đã khai trương, nhưng chưa hoàn tất”. Tín đồ kinh nghiệm nhiều lãnh vực Nước Trời bây giờ, nhưng nhiều lãnh vực còn được giành lại cho đến kỳ sau rốt, trong Ngày Tái Lâm.

▣ **"Nếu chúng ta chịu đựng nổi,"** CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT, giả thiết tín đồ có thể chịu đựng và bền đỗ

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CẦN THIẾT PHẢI BỀN ĐỖ

Perseverance

Các tín lý Kinh thánh liên quan đến đời sống Cơ đốc nhân rất khó giải thích vì chúng được trình bày trong những cặp biện chứng rất Đông phương. Những cặp này dường như mâu thuẫn nhau, nhưng chúng đều có nền tảng Kinh thánh. Những Cơ đốc nhân phương Tây thường có khuynh hướng chọn một lẽ thật và bỏ qua hoặc không xem trọng lẽ thật đối lại. Tôi minh họa như sau:

1. Sự cứu rỗi là một quyết định ban đầu tin cậy nơi Đấng Christ hay là một cam kết trọn đời làm môn đồ của Ngài?
2. Có phải sự cứu rỗi là một sự lựa chọn bởi ân điển từ một Đức Chúa Trời chí cao hay là đáp ứng tin cậy và ăn năn của con người trước một món quà thiêng thượng?
3. Sự cứu rỗi, một khi đã nhận được, thì không thể mất được, hay là phải có sự chuyên cần liên tục?

Vấn đề về sự kiên trì đã gây nhiều tranh cãi trong lịch sử Hội thánh. Vấn đề khởi sự từ những phân đoạn rõ ràng mâu thuẫn với nhau trong Tân Ước:

2. Các phân đoạn về sự đảm bảo chắc chắn
 - a. Câu nói của Đức Chúa Giê-xu (Giăng 6:37; 10:28-29)
 - b. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 8:35-39; Ê-phê-sô 1:13; 2:5,8-9; Phi-líp 1:6; 2:13; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; II Ti-mô-thê 1:12; 4:18)
 - c. Câu nói của Phi-e-rơ (I Phi-e-rơ 1:4-5)
3. Các phân đoạn về sự cần thiết phải kiên trì

- Câu nói của Đức Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 10:22; 13:1-9, 24- 30; 24:13; Mác 13:13; Giăng 8:31; 15:4-10; Khái huyền 2:7,17,20; 3:5,12,21)
- Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 11:22; I Cô-rinh-tô 15:2; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 1:6; 3:4; 5:4; 6:9; Phi-líp 2:12; 3:18-20; Cô-lô-sê 1:23)
- Câu nói của tác giả thư Hê-bơ-rơ (2:1; 3:6,14; 4:14; 6:11)
- Câu nói của Giăng (I Giăng 2:6; II Giăng 9)
- Câu nói của Đức Chúa Cha (Khái huyền 21:7)

Sự cứu rỗi theo Kinh thánh xuất phát từ tình yêu, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời Ba Ngôi chí cao. Không một ai có thể được cứu mà không nhờ vào sự khởi đầu của Đức Thánh Linh (Giăng 6:44,64). Trời đến trước và lập kế hoạch, nhưng đòi hỏi người đáp ứng bằng đức tin và ăn năn, từ lúc ban đầu và tiếp tục về sau. Chúa làm việc với con người trong mối liên hệ giao ước. Vì vậy có cả đặc ân và trách nhiệm.

Sự cứu rỗi được ban cho tất cả mọi người. Sự chết của Đức Chúa Giê-xu đã giải quyết vấn đề tội lỗi của muôn vật bị sa ngã. Đức Chúa Trời đã ban cho một con đường và Ngài muốn mọi người được dựng nên theo ảnh tượng của Ngài đáp ứng lại tình yêu và sự ban tặng của Ngài trong Đức Chúa Giê-xu.

Nếu muốn đọc thêm về chủ đề này theo quan điểm không theo phái Calvin, thì anh chị em có thể xem:

- Dale Moody, *The Word of Truth*, Eerdmans, 1981 (trang 348-365)
- Howard Marshall, *Kept by the Power of Đức Chúa Trời*, Bethany Fellowship, 1969
- Robert Shank, *Life in Đức Chúa Con*, Westcott, 1961

Kinh thánh cho thấy hai vấn đề trong lãnh vực này (1) tin vào sự cứu rỗi chắc chắn được xem như giấy phép để sống cuộc đời không kết quả, ích kỷ và (2) khích lệ những người đang tranh đấu với tội lỗi

2:12 "chúng ta sẽ trị vì với Ngài;" thêm giới từ *syn* trong "đồng trị", ở đây và trong 1 Cô-rin-tô 4:8. Phao-lô rất thích dùng cách ghép từ như vậy. Đồng trị ở đâu, khi nào, trên ai không được định nghĩa rõ ràng.

Chủ Đề Đặc Biệt: TRỊ VÌ TRONG VƯƠNG QUỐC ĐỨC CHÚA TRỜI **Reigning In The Kingdom Of God**

Khái niệm đồng trị với Đấng Christ là một phần trong thần học về Vương Quốc Đức Chúa Trời, liên hệ đến ý tưởng từ Cựu Ước về Đức Chúa Trời là Vua Duy Nhất của I-sơ-ra-en. (xem 1 Sam. 8:7). Ngài trị vì một cách biểu tượng (1 Sam. 8:7; 10:17-19) qua bộ tộc Giu-đa (xem Gen. 49:10) và dòng họ Giê-sê (xem 2 Samuel 7). Chúa Giê-su ứng nghiệm các tiên tri về Đấng Christ trong Cựu Ước. Ngài khai trương Vương Quốc Đức Chúa Trời với sự nhập thể ở Bét-lê-hem. Vương Quốc Đức Chúa Trời là trọng tâm sự giảng dạy của Chúa Giê-su. Vương Quốc Đức Chúa Trời ứng nghiệm trọn vẹn trong Ngài. (xem Matt. 10:7; 11:12; 12:28; Mark 1:15; Luke 10:9,11; 11:20; 16:16; 17:20-21).

Tuy nhiên, Vương Quốc Đức Chúa Trời còn ở trong thì tương lai (thời Tận Thế). Nước Trời đã được bày tỏ, nhưng chưa đến cực điểm. (xem Matt. 6:10; 8:11; 16:28; 22:1-14; 26:29; Luke 9:27; 11:2; 13:29; 14:10-24; 22:16,18). Chúa Giê-su đến lần đầu với tư cách một đầy tớ khiêm nhường (xem Isa. 52:13-53:12); (xem Zech. 9:9). Nhưng Ngài sẽ quay trở lại với tư cách một vị Vua trên các muôn vua (xem Matt. 2:2; 21:5; 27:11-14). Khái niệm trị vì là một phần trong thần học Vương Quốc. Đức Chúa Trời đã trao Vương Quốc cho các tín đồ theo Chúa Giê-su (xem Luke 12:32).

Khái niệm đồng trị với Đấng Christ có vài khía cạnh đáng hỏi.

- Phải chăng các câu nói về Đức Chúa Trời ban cho tín đồ Vương Quốc mang ý nghĩa đồng trị với Đấng Christ? (xem Matt. 5:3,10; Luke 12:32)?
- Phải chăng lời của Chúa Giê-su cho các tín đồ thế kỷ thứ nhất cũng thích hợp cho tín đồ mọi thế hệ. (xem Matt. 19:28; Luke 22:28-30)?
- Phải chăng Phao-lô nói tín đồ đồng trị trong đời này phản biện hay xác nhận khái niệm trên. (xem Rom. 5:17; 1 Cor. 4:8)?
- Sự nhin nhục và sự tể trị liên hệ với nhau như thế nào? (xem Rom. 8:17; 2 Tim. 2:11-12; 1 Pet. 4:13; Rev. 1:9)?

5. Một chủ đề lặp lại trong Khải Huyền là đồng trị với Đấng Christ vinh hiển. Phải chăng sự trị vì này liên hệ tới
- Trần thế? , Rev. 5:10
 - Thiên Hỷ Niên (1000 năm)? , Rev. 20:4-6
 - Cõi Đồi Đồi?, Rev. 2:26; 3:21; 22:5 and Dan. 7:14,18,27

▣ **"Nếu chúng ta chối bỏ Ngài, Ngài cũng sẽ chối bỏ chúng ta;"** Đây là lời cảnh báo nghiêm trọng (xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BỘI ĐẠO / APOSTASY (APHISTĒMI)** ở câu 1 Ti-mô-thê 4:1)! Hãy nhớ thời kỳ này là thời kỳ bắt bớ, khủng bố đạo, tra tấn và thảm sát (Xem Ma-thi-ơ 10:32-33; Lu-ca 9:26; 1 Ti-mô-thê 5:8; Tít 1:16; 2 Phi-ê-rô 2:1; Giu-đe 4).

2:13 "Nếu chúng ta không thành tín, thì Ngài vẫn thành tín," Lời Phao-lô gây sự ngạc nhiên. Câu ĐIỀU KIẾN BẬC NHẤT (giả thiết điều này có thật) trông đợi câu ĐIỀU KIẾN BẬC BA (có tiềm năng xảy ra)

Không thành tín có nghĩa gì? Phải chăng là:

- Thay đổi ý kiến khi bị thử thách, bắt bớ?
- Đi theo giáo sư giả?
- Sống không tin kính?

Điều này có thể gợi nhớ giao ước cũ giữa Đức Chúa Trời trung tín và I-sơ-ra-en bất tín một cách liên tục. (Xem Mal. 3:6). Hy vọng tối hậu của tín đồ dựa trên đặc tính không hề biến đổi và hứa ngôn của Đức Chúa Trời. Thành tín vừa là danh hiệu (Phục-truyền 7:9; Ê-sai 49:7; 1 Cô-rin-tô 1:9; 10:13; 2 Cô-rin-tô 1:18; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:24; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:3) vừa là đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Thi-thiên 36:5; 40:10; 89:1,2,5,8; 92:2; 119:90; Hê-bơ-rơ 6:17-18; 1 Phi-ê-rô 4:19), được bày tỏ trọn vẹn trong Đấng Christ (Hê-bơ-rơ 6:13-20). Bởi vì một số người từ bỏ đức tin, (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Apostasy ở câu 1 Ti-mô-thê 4:1), không có nghĩa Ngài từ bỏ họ (Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐAM BẢO / ASSURANCE** ở câu 2 Ti-mô-thê 1:12)! Quyền tự do quyết định được phép thực hành ở bất cứ mức độ nào, ân điển và sự thành tín của Đức Chúa Trời không thể tổn hại bởi sự bất tín của giáo sư giả và tay chân của họ.

▣ **"Vì Ngài không thể chối bỏ chính Ngài "** Phao-lô khẳng định tính bất biến của Đức Chúa Trời (ví dụ trong Thi-thiên 102:27; Mal. 3:6), cũng vậy Chúa Giê-su không hề thay đổi (Xem Hê-bơ-rơ 13:8). Bản tính trước sau như một của sự Thương Xót và Ân Điển là nền tảng cho hy vọng, tin cậy và bảo đảm của Cơ-độc nhân.

BD2011: 2 TI-MÔ-THÊ 2:14-19

¹⁴ Con hãy nhắc nhở họ những điều ấy, và trước mặt Đức Chúa Trời con hãy nghiêm khắc khuyên họ đừng bắt bẻ nhau về lời nói, vì làm như thế chẳng đem lại ích lợi gì, nhưng chỉ gây tổn hại cho những người nghe mà thôi. ¹⁵ Hãy nỗ lực chứng tỏ con được chấp thuận cho Đức Chúa Trời, một người làm công không có gì phải hổ thẹn, thẳng thắn giảng dạy sứ điệp của chân lý. ¹⁶ Con hãy tránh những chuyện báng bổ vu vơ, vì những chuyện như thế chỉ làm cho người ta càng giảm bớt lòng tin kính Chúa. ¹⁷ Lời nói của họ sẽ ăn lan như ung độc bị nhiễm trùng, trong số đó có Hy-mê-nê và Phi-lê-tu, ¹⁸ những người đã lia bỏ chân lý, bảo rằng sự sống lại đã xảy ra rồi, và họ phá đổ đức tin của một số người. ¹⁹ Tuy nhiên nền tảng vững chắc của Đức Chúa Trời vẫn đứng vững; trên nền đó có ghi rõ rằng, "Chúa biết những người thuộc về Ngài," và "Ai kêu cầu danh Chúa^[c] thì phải lánh xa tội lỗi."

2:14 "Con hãy nhắc nhở họ " LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG, xem ghi chú ở câu 2 Ti-mô-thê 1:3 về "hãy nhớ"

▣ **"những điều ấy,"** liên hệ tới các câu 2 Ti-mô-thê 2:11-13 or 14-19. Các giáo sư giả được đặc trưng trong 2 Ti-mô-thê 2:14, 16, và 23 cũng như 1 Ti-mô-thê 1:4,6; 6:4,20.

và trước mặt Đức Chúa Trời con hãy nghiêm khắc khuyên họ

RVV11: “trước mặt Đức Chúa Trời, hãy khuyên cáo họ”

VB1925: “răn-bảo trước mặt Đức Chúa Trời rằng”

NASB “nghiêm khắc chỉ thị họ trước Đức Chúa Trời ”

NKJV “chỉ thị họ trước Chúa”

TEV “cảnh cáo họ trước Đức Chúa Trời ”

NJB “nói với họ trong danh của Đức Chúa Trời ”

Các bản Hy-lạp có sự khác biệt giữa "Đức Chúa Trời " (MSS x, C, F, G, I) và "Chúa" (MSS A, D). Một câu tương tự dùng "Đức Chúa Trời " được thấy trong 2 Ti-mô-thê 4:1 và 1 Ti-mô-thê 5:4,21 (xem Metzger, p. 647), chính vì vậy mà *Theos* – Đức Chúa Trời là nguyên thủy. Thánh Kinh Liên Hội USB⁴ xếp khả năng “Đức Chúa Trời, thay vì “Chúa” vào hạng "B" (gần chắc chắn). Cũng như nhiều sự khác biệt khác về từ vựng, ý nghĩa thần học của câu văn không hề thay đổi.

Ở đây có từ ghép *dia + marturomai*, có nghĩa “tuyên bố nghiêm trang và long trọng” (Xem Lu-ca 16:28; Công-vụ 2:40; 8:25; 10:42; 18:5; 20:21,24; 23:11; 28:23; 1 Ti-mô-thê 5:21; 2 Ti-mô-thê 2:14; 4:1).

Ti-mô-thê sử dụng thẩm quyền sứ đồ với vai trò đại diện và phát ngôn viên của Đức Chúa Trời để đối đầu với các giáo sư giả trong sự tin kính chứ không trong sự phỏng đoán thần học, (Xem 2 Ti-mô-thê 2:14-26).

▣ **"dừng bắt bẻ nhau về lời nói,** " Phao-lô ám chỉ một số nhóm bè phái (Xem 2 Ti-mô-thê 2:16; 1 Ti-mô-thê 1:3-4; 4:7; 6:4,5,20; Tích 3:9).

Ti-mô-thê không được tranh luận thần học với giáo sư giả bởi vì vài lý do sau:

1. Vô dụng, vì tâm trí và lương tâm họ đã chai lý (Xem 2 Ti-mô-thê 2:14; 1 Ti-mô-thê 4:2; 6:5; Tích 3:11)
2. Khiến tín đồ xung quanh nghe tranh luận mà bị lừa. (Xem 2 Ti-mô-thê 2:14,18; 1 Ti-mô-thê 6:20-21)
3. dẫn đến sự xa rời tin kính (Xem 2 Ti-mô-thê 2:16,19; 1 Ti-mô-thê 6:3)
4. Sẽ lan ra như hoại thư (Xem 2 Ti-mô-thê 2:17)

▣ **"chỉ gây tổn hại cho những người nghe mà thôi.** " "tổn hại" trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là “lật nhào”, “lật đổ”, tiếng Anh là “đại nạn” (Xem 2 Phi-ê-rô 2:6 “hủy phá”), (Xem Ma-thi-ơ 21:12 “lật bàn”).

2:15 "Hãy nỗ lực chứng tỏ con " LỜI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG với THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG LỜI VÔ ĐỊNH. Ti-mô-thê phải có một hành động dứt khoát của lý trí. (Xem Rô-ma 6:13; Ê-phê-sô 4:3).

▣ **"được chấp thuận "** Đây là thuật ngữ nghề luyện kim, “thử nghiệm để xem có thể chấp thuận được không” một ẩn dụ về việc xác nhận thực chất. (Xem 1 Cô-rin-tô 11:19; 2 Cô-rin-tô 10:18). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Thuật ngữ Hy-lạp và hàm ý cho thử nghiệm. / Greek Terms for "Testing" and Their Connotations ở câu 1 Ti-mô-thê 6:9.

▣ **"cho Đức Chúa Trời,** " Đức Chúa Trời là Đấng chấp thuận sự giảng dạy, truyền giảng và nếp sống của chúng ta

"một người làm công không có gì phải hổ thẹn," Giáo huấn không tin kính và nếp sống khác Đấng Christ sẽ đem lại sự hổ thẹn khi một người đứng trước Chúa. (Xem 2 Cô-rin-tô 5:10). Phao-lô quan tâm đến việc bị hổ thẹn trước mặt Chúa chứ không hổ thẹn trước con người. (Xem 2 Ti-mô-thê 1:8,12,16).

▣ **"thẳng thắn giảng dạy "** ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG có nghĩa “cắt đường thẳng” được dùng duy nhất ở đây. Trong cuộc sống, đây là ngôn ngữ của những người làm đường, cày ruộng, cắt đá, làm nhà, v.v... (Xem Châm-ngôn 3:6; 11:5 bản Bảy Mươi / the Septuagint).

Thuật ngữ này là ẩn dụ miêu tả việc cắt đường thẳng. Lời của Đức Chúa Trời là đường thẳng, đường công chính, dẫn đến chân lý. Từ “thẳng” trong Cựu Ước có gốc từ “cây sậy nước” được dùng làm thước đo, hoặc công cụ xác nhận mức độ thẳng theo chiều ngang của bức tường, hoặc đường phố. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dùng từ ngữ này để miêu tả tính cách của Ngài, được dịch là “công nghĩa, chính trực”, (và các hàm ý liên hệ. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu Tích 2:12). Đức Chúa Trời là tiêu chuẩn để tất cả mọi vật nhờ Ngài mà được đánh giá. Thông điệp sứ đồ xác nhận tính cách Đức Chúa Trời, Nếp sống sứ đồ phản chiếu đức hạnh Đức Chúa Trời. Các giáo sư giả đều thất bại ở hai điểm này.

▣ "sứ điệp của chân lý." trong Ê-phê-sô 1:13; Cô-lô-sê 1:5 và Gia-cơ 1:18, cụm từ này ám chỉ Phúc Âm, còn ở đây ám chỉ thông điệp được rao giảng bởi Phao-lô và được truyền đạt đến Ti-mô-thê và được thực hành sống đạo bởi tín đồ. Để hiểu thêm sự phát triển thông điệp sứ đồ, giáo huấn và thư tín trong Tân Ước, xin đọc cuốn *Birth of a New Testament* của ông William L. Bevens (Union Baptist University, Carson City, TN). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Chân lý trong văn tự của Phao-lô / Truth in Phao-lô's Writings ở câu 1 Ti-mô-thê 2:4.

2:16 "Con hãy tránh những chuyện báng bổ vu vơ" LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH. Tránh chuyện báng bổ là một chủ đề chính trong các thư Linh Vụ. (Xem 1 Ti-mô-thê 6:20; Tích 3:9).

▣ "vì những chuyện như thế chỉ làm cho người ta càng giảm bớt lòng tin kính Chúa." Tín đồ phải đi đường thẳng để đến sự công chính và chân lý, (Xem 2 Ti-mô-thê 2:15) Còn các giáo sư giả và môn đồ của họ đi con đường cong đến sự vô đạo và tự lừa dối mình. (Xem 2 Ti-mô-thê 3:9,15).

2:17 Lời nói của họ sẽ ăn lan như ung độc bị nhiễm trùng,

RVV11: "lời nói của họ như chứng hoại thư lây lan"

VB1925: "lời nói của họ như chàm-bao ăn lan"

NASB, NRSV "Lời của họ lây lay như hoại thư"

NKJV "sứ điệp của họ lan rộng như ung thư."

TEV "giáo huấn của họ họ vết thương mở, ăn hết xác thịt"

NJB "Lời nói của họ lan truyền hủ hoại như hoại thư"

Thật là một sự miêu tả sinh động về giáo huấn giả. Tín lý sai làm lây lan nhanh như tế bào ung thư, trong vòng cả các tín đồ, và hậu quả của nó nghiêm trọng như được miêu tả trong ẩn dụ. (Xem 1 Ti-mô-thê 6:20-21).

▣ "Hy-mê-nê" Xem ghi chú ở câu ở câu 1 Ti-mô-thê 1:20.

▣ "Phi-lê-tu" người chỉ được nhắc đến ở đây.

2:18 "những người đã lia bỏ chân lý," theo nghĩa đen “bắn trượt” một ẩn dụ về cung nỏ, (Xem 1 Ti-mô-thê 1:19; 4:1; 5:8; 6:10,21). Thuật ngữ chung cho tội lỗi là (*hamartia*) trượt khỏi tiêu điểm. Cách nói ở đây liên hệ tới chủ đề của chương là “đi đường thẳng” (Xem 2 Ti-mô-thê 2:15-16). Đức Chúa Trời là “đường thẳng” (ẩn dụ từ Cựu Ước về cây sậy dùng để đo đạc, tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu Tích 2:12), đồng nghĩa với Đức Chúa Trời công chính. Dân sự của Ngài phải phản chiếu đặc tính ấy, còn giáo sư giả và môn đồ của họ từ chối đi đường thẳng, bày tỏ sự đi lạc khỏi thông điệp sứ đồ, (Con Đường là danh hiệu cho hội thánh sơ khởi) Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: APOSTASY (APHISTĒMI) ở câu 1 Ti-mô-thê 4:1.

▣ "bảo rằng sự sống lại đã xảy ra rồi," THÌ HOÀN THÀNH DẠNG CHỦ ĐỘNG LỜI VÔ ĐỊNH (Xem 1 Cô-rin-tô 15:12). Sau đây là một số cách giải kinh của họ:

1. Nhị Nguyên luận Hy-lạp từ chối phương diện thuộc thể trong cõi vĩnh hằng
2. Triết họ Hy-lạp dạy rằng trong mỗi con người có tia chớp tâm linh, hiệp một với Thần Linh ở thời điểm qua đời.
3. Nhóm Sa-đu-sê từ chối sự sống lại thuộc thể
4. Sự sống lại chỉ xảy ra cho Đấng Christ
5. Sự sống lại đã xảy ra (Xem 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:1-2)
6. Tín đồ đã sống lại cho sự sống mới ở thời điểm tin Chúa. (Xem Giăng 5:25; Rô-ma 6:1-11; Cô-lô-sê 2:12-13)

Thánh Kinh Liên Hội USB⁴ đặt MAO TỬ "the" trong ngoặc đơn "(the) resurrection" và cho rằng nó có thể có trong nguyên bản, theo các bản MSS 8, F, G, và Georgian (thế kỷ thứ 5), cũng như các bản Hy-lạp của Cyril thành Alexandria (A.D. 444), cũng loại MAO TỬ ra. (Về ngữ pháp, "the resurrection" - sự sống lại duy nhất, thay vì "a resurrection" - một trong những sự sống lại, hay "resurrection" sự sống lại nói chung- lời người dịch) Mặt dầu có những chi tiết khác biệt, ví dụ như ở đây, văn bản thực không bị mất. Thư tín được thần cảm của các sử đồ vẫn còn có sẵn cho độc giả ngày nay, với chân lý, ý nghĩa và tín lý không hề thay đổi.

Rõ ràng Tri-huệ giáo có những khẳng định thần học mà các giám mục sau đây của hội thánh sơ khởi phát hiện và phân biện. Đó là:

1. Polycarp (A.D. 69-155) thành Phi-líp 3:5
2. Justin Martyr (bị sát hại năm A.D. 162-168) – *Dialogue with Trypho* 80
3. Irenaeus (viết *Adv. Haer* in A.D. 180) – *Against Heresies* I.23.5; II.31.2
4. Tertullian (A.D. 160-220)
 - a. *Prescriptions Against Heretics* 33:7
 - b. *Of the Resurrection of the Flesh* 19

và họ phá đổ đức tin của một số người.

RVV11: "đảo lộn đức tin một số người"
VB1925: "phá đổ đức tin một số người"
NASB "lật đổ đức tin một số người"
NKJV "lật đổ đức tin một số người "
NRSV, TEV "họ làm xáo lộn đức tin một số người"
NJB "họ lật úp đức tin một số người. "

THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG LỜI CHỈ ĐỊNH, theo nghĩa đen là "lật đổ", là "xáo lộn" (Xem Giăng 2:15) theo ẩn dụ là "làm biến chất" "làm hư hoại" (Xem Tích 1:11 và hậu quả trong 1 Ti-mô-thê 1:19; 6:21). Không rõ ràng câu này ám chỉ điều gì trong mối liên hệ tới giáo lý sai lầm (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:1) nhưng hậu quả là một tai họa thuộc linh. Lời Chúa Giê-su trong Ma-thi-ơ 7, "bởi bông trái các ngươi sẽ biết họ" (Xem 2 Ti-mô-thê 2:19), thật không sai!

Thuật ngữ "đức tin" có thể là

1. một Nhân Vật để chào đón,
2. một Chân Lý về Ngài để tin
3. một nếp sống giống Ngài để noi theo

2:19 Tuy nhiên nền tảng vững chắc của Đức Chúa Trời " Đức Chúa Trời xây dựng con dân Ngài trên nền tảng Đấng Christ, một ẩn dụ mà Phao-lô ưa thích. (Xem 1 Cô-rin-tô 3:10 và các câu tiếp; Ê-phê-sô 2:20 và các câu tiếp; 1 Ti-mô-thê 3:15). Trong văn cảnh này, Chân lý của Đức Chúa Trời không hề thay đổi, so với giáo huấn của các giáo sư giả. Niềm hy vọng của tín đồ được đặt trên đặc tính thành tín của Đức Chúa Trời sự đáng tin của hứa ngôn Ngài

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI CỦA Y-SƠ-RA-ÊN **Characteristics Of Israel's God**

1. Hay thương xót (BDB 933) - Xuất 34:6; Phục 4:31; II Sứ ký 30:9; Thi 86:15; 103:8; 111:4; Nê-hê-mi 9:17,31; Giô-ên 2:13; Giô-na 4:2
2. Nhân từ (BDB 337) - Xuất 34:6; II Sứ ký 30:9; Thi 86:15; 103:8; 111:4; Nê-hê-mi 9:17,31; Giô-ên 2:13; Giô-na 4:2
3. Chậm nóng giận (BDB74 TỪGHÉP BDB 60) - Xuất 34:6; Thi 86:15; 103:8; Nê-hê-mi 9:17; Giô-ên 2:13; Giô-na 4:2
4. giàu lòng yêu thương vững bền (BDB 912 I TỪGHÉP BDB 338) - Xuất 34:6-7; Thi 86:15; 103:8; Nê-hê-mi 9:17; Giô-ên 2:13; Giê-rê-mi 42:5

5. Thành tín (BDB 54) - Phục 7:9; Ê-sai 49:7; Giô-na 42:5
6. dư dật sự tha thu (BDB 699) - Nê-hê-mi 9:17
7. Không bao giờ bỏ rơi họ (BDB 736 I) - Nê-hê-mi 9:17,31
8. Đỗi ý về sự tai vạ (BDB 636, KB 688, Niphal ĐỘNG TÍNH TỪ + BDB 948) - Giô-ên 2:13; Giô-na 4:2
9. Đức Chúa Trời vĩ đại (BDB 42, 152) - Nê-hê-mi 1:5; 9:32
10. Đức Chúa Trời vĩ đại và đáng kính sợ (BDB 152, 431) - Nê-hê-mi 1:5; 4:14; 9:32
11. Giữ giao ước của Ngài (BDB 1036, 136) - Nê-hê-mi 1:5; 9:32
12. yêu thương vững bền (BDB 338) - Nê-hê-mi 1:5; 9:32

▣ **"vấn đứng vững; "** THÌ HOÀN THÀNH DẠNG CHỦ ĐỘNG LỐI CHỈ ĐỊNH. Thánh Kinh Liên Hội (The United Bible Societies *A Handbook on Phao-lô's Letters to Ti-mô-thê and Títch*, p. 210), liệt kê 4 khả năng về “nền tảng” ở đây:

1. Christ tảng đá góc nhà (Xem Ê-sai 28:16; Rô-ma 9:33; 1 Cô-rin-tô 3:10-12)
2. sứ điệp về Christ (Xem Ê-phê-sô 2:20)
3. hội thánh thân thể Đấng Christ
4. Chân lý (giáo lý lành mạnh)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: VIÊN ĐÁ GÓC

Cornerstone

I. Các cách dùng trong Cựu Ước

- A. Khái niệm một viên đá như một vật thể cứng lâu bền dùng làm nền móng vững chắc được dùng để mô tả Đức Giê-hô-va (Thi thiên 18:1).
- B. Sau đó nó phát triển thành một danh hiệu của Đấng Mê-si (Sáng-thế-ký 49:24; Thi thiên 118:22; Ê-sai 28:16).
- C. Nó trở thành biểu tượng của sự đoán xét từ Đức Giê-hô-va bởi Đấng Mê-si (Ê-sai 8:14; Đa-ni-ên 2:34-35, 44-45).
- D. Chữ này phát triển thành một hình ảnh về xây dựng
 1. Đá nền tảng, được đặt đầu tiên, là đá vững chắc định các góc cạnh còn lại cho một căn nhà, được gọi là “viên đá góc.”
 2. Nó cũng có thể chỉ viên đá cuối cùng được đặt xuống, là viên đá làm cho các bức tường kết chặt lại với nhau (Xa-cha-ri 4:7; Ê-phê-sô 2:20, 21), gọi là ‘đá đầu’ từ chữ *rush* trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là ‘đầu’
 3. Nó cũng có thể chỉ ‘đá đỉnh vòm,’ là viên đá đặt chính giữa vòm cửa để giữ trọng lượng của toàn bộ bức tường.

II. Các cách dùng trong Tân Ước

- A. Chúa Jê-sus trích Thi thiên 118 một vài lần để chỉ về chính Ngài (Ma-thi-ơ 21:41-46; Mác 12: 10-11; Lu-ca 20:17)
- B. Phao-lô dùng Thi thiên 118 để liên hệ đến việc Đức Giê-hô-va từ chối dân Y-sơ-ra-ên nổi loạn và bất trung (Rô-ma 9:33)
- C. Phao-lô dùng khái niệm ‘đá đầu’ trong Ê-phê-sô 2:20-22 để chỉ Đấng Christ
- D. Phi-e-rơ dùng khái niệm này về Chúa Jê-sus trong I Phi-e-rơ 2:1-10. Chúa Jê-sus là viên đá góc và người tin Chúa là những đá sống (tức là người tin Chúa là các đền thờ, I Cô-rinh-tô 6:19), dựng trên Ngài (Chúa Jê-sus là đền thờ mới, Mác 14:58; Ma-thi-ơ 12:6; Giăng 2:19-20).

Người Do Thái đã từ chối chính nền tảng hy vọng của họ khi họ từ chối Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si

II. Những tuyên bố thần học

- A. Đức Giê-hô-va cho phép Đa-vít/Sa-lô-môn xây cất đền thờ. Ngài bảo họ rằng nếu họ giữ giao ước

này, Ngài sẽ ban phước và ở cùng họ, nhưng nếu họ không làm như vậy, đền thờ này sẽ bị hoang tàn (I Các Vua 9:1-9)!

- B. Do thái giáo của các thầy ra-bi chú trọng đến hình thức và lễ nghi và bỏ qua khía cạnh cá nhân của đức tin (đây không phải là câu tuyên bố gom đũa cả nắm; có những thầy ra-bi yêu mến Chúa). Đức Chúa Trời tìm kiếm một mối quan hệ cá nhân, tin kính hằng ngày với những người được dựng nên trong ảnh tượng của Ngài (Sáng-thế-ký 1:26-27). Lu-ca 20:17-18 chứa đựng những lời đoán xét khiếp sợ.
- C. Chúa dùng khái niệm đền thờ để chỉ thân thể vật chất của Ngài. Điều này tiếp nối và mở rộng khái niệm đức tin cá nhân nơi Chúa Jê-sus, là Đấng Mê-si, chìa khóa dẫn đến mối liên hệ với Đức Giê-hô-va.
- D. Sự cứu rỗi nhằm phục hồi ảnh tượng Đức Chúa Trời nơi con người để mối tương giao với Đức Chúa Trời có thể thực hiện được. Mục đích của Cơ đốc giáo bây giờ là trở nên giống với Đấng Christ. Người tin Chúa phải trở nên đá sống xây theo khuôn mẫu của Đấng Christ (đền thờ mới).
- E. Chúa Jê-sus là nền tảng đức tin chúng ta và là đá đầu của đức tin chúng ta (tức là An-pha và Ô-mê-ga). Nhưng Ngài cũng là đá gậy vấp ngã và ngăn trở. Hụt mất Ngài là hụt mất tất cả. Không có một lập trường trung dung ở đây!

▣ **"trên nền đó có ghi rõ rằng,"** Đây có thể điều gợi ý tới

- 1. Phong tục cổ, khắc mục đích xây dựng trên hòn đá góc
- 2. Một bản ấn bằng sáp là bằng chứng cho sự sở hữu (Xem Giăng 3:33; 6:27; Rô-ma 4:11; 15:28; 1 Cô-rin-tô 9:2; 2 Cô-rin-tô 1:22; Ê-phê-sô 1:13; 4:30; Khải Huyền 7:3-8)

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT : ẤN

Seal

Ấn là cách miêu tả của người cổ về:

- 1. chân lý (xem Giăng 3:33)
- 2. quyền sở hữu (xem Giăng 6:27; 2 Ti-mô-thê 2:19; Khải Huyền 7:2-3; 9:4)
- 3. quyền bảo vệ (xem Sáng Thế 4:15; Ma-thi-ơ 27:66; Rô-ma 4:11; 15:28; 2 Cô-rin-tô 1:22; Ê-phê-sô 1:13; 4:30; Khải Huyền 20:3)
- 4. có thể là dấu hiệu về hữu thể của lời hứa của Đức Chúa Trời liên hệ tới một món quà, (xem Rô-ma 4:11 và 1 Cô-rin-tô 9:2)

Mục đích đóng ấn trong 7:2-4; 9:4 là xác nhận dân của Chúa, để cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời không tác động lên họ. Sa-tan cũng xác nhận những kẻ theo hắn, là những kẻ sẽ chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời.

Trong Khải Huyền, cơn hoạn nạn (ví dụ *thlipsis*) luôn nói về sự bắt bớ của thế gian vô tín đối với tín đồ, còn cơn thịnh nộ / sự giận dữ (ví dụ *org'* hoặc *thumos*) luôn ám chỉ sự phán xét của Đức Chúa Trời đối với người không tin, để họ ăn năn và quay lại với Đấng Christ trong đức tin. Mục đích tích cực trong phán

▣ **"Chúa biết những người thuộc về Ngài,"** Một gợi nhớ tới Dân-số 16:5 trong bản Bảy Mươi / the Septuagint, về sự chia các gia tộc trong dân tuyền, cũng như Giăng 10:14,27.

▣ **"và Ai kêu cầu danh Chúa"** Đây có thể là một khó hiểu có chủ đích: "Chúa" có nghĩa là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hay Chúa Giê-su? Trong Cựu Ước cụm từ kêu cầu danh ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đồng nghĩa với thờ phượng. Các tác giả Tân Ước sử dụng ngôn ngữ này với mục đích

- 1. xác nhận Thân Đức của Chúa Giê-su
- 2. xác nhận Ngài là Chúa và là Đấng Giải Cứu
- 3. ám chỉ người kêu cầu danh chúa phải noi gương hàng động và nếp sống của Ngài, hàng ngày cũng như trong buổi thờ phượng công cộng.

LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG, ám chỉ những người tiếp tục tuyên xưng mối liên hệ mật thiết với Chúa Giê-su. Tên một cá nhân luôn luôn là một cách xác nhận tính cách người đó. Nếu tín đồ kêu cầu danh Ngài để được cứu và mang danh hiệu Cơ-đốc nhân, họ phải tin và hành động giống như Ngài .

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: DANH CỦA CHÚA **The Name Of The Lord**

Đây là một cụm từ thông dụng trong Tân Ước để chỉ sự hiện diện cá nhân và quyền năng hành động của Ba Ngôi Đức Chúa Trời trong Hội thánh. Nó không phải là một câu thần chú, nhưng là một lời cầu khẩn đến bản tính của Đức Chúa Trời.

Thông thường, cụm từ này chỉ Chúa Jêsus là Chúa (Phi-líp 2:11)

1. Khi xưng nhận đức tin nơi Chúa Jêsus tại lễ báp-têm (Rô-ma 10:9-13; Công-vụ 2:38; 8:12, 16; 10:48; 19:5; 22:16; I Cô-rinh-tô 1:13, 15; Gia-cơ 2:7)
2. Khi đuổi quỷ (Ma-thi-ơ 7:22; Mác 9:38; Lu-ca 9:49; 10:17; Công-vụ 19:13)
3. Khi chữa bệnh (Công-vụ 3:6, 16; 4:10; 9:34; Gia-cơ 5:14)
4. Khi làm mục vụ (Ma-thi-ơ 10:42; 18:5; Lu-ca 9:48)
5. Khi khiển trách trong Hội thánh (Ma-thi-ơ 18:15-20)
6. Khi giảng cho người ngoại (Lu-ca 24:47; Công-vụ 9:15; 15:17; Rô-ma 1:5)
7. Khi cầu nguyện (Giăng 14:13-14; 15:2, 16; 16:23; I Cô-rinh-tô 1:2)
8. Một cách để chỉ Cơ đốc giáo (Công-vụ 16:9; I Cô-rinh-tô 1:10; II Ti-mô-thê 2:19; Gia-cơ 2:7; I Phi-e-rơ 4:14)

Khi chúng ta làm trong bất cứ cương vị nào là người rao truyền, mục vụ, người giúp đỡ, chữa lành, đuổi quỷ, vân vân...chúng ta làm trong bản tính của Ngài, quyền năng, và sự cung ứng của Ngài - trong danh Ngài.

▣ **"thì phải lánh xa tội lỗi "** LỜI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG. Đây là điều gọi nhớ tới Dân-số 16:26-27 trong bản Bảy Mươi. Văn cảnh cho thấy sự liên hệ tới các giáo sư giả và môn đồ của họ (tức là "bình đất. . .việc hèn" 2 Ti-mô-thê 2:20; 3:5).

BD2011: 2 TI-MÔ-THÊ 2:20-26

²⁰ Trong một tòa nhà lớn không phải chỉ có các vật dụng bằng vàng và bằng bạc, nhưng cũng có những vật dụng bằng gỗ và bằng đất sét; một số được dùng vào việc sang và một số được dùng vào việc hèn. ²¹ Vậy nếu ai làm cho mình sạch khỏi những điều ô uế nói trên, người ấy sẽ như các vật dụng được dùng cho việc sang, được biệt riêng ra thánh, hữu dụng cho Chủ, sẵn sàng cho mọi việc tốt đẹp.

²² Con cũng hãy chạy trốn những dục vọng của tuổi trẻ, nhưng hãy đeo đuổi công chính, đức tin, tình yêu, hòa bình, cùng với những người kêu cầu Chúa với tấm lòng trong sạch. ²³ Con hãy từ chối tham dự vào những cuộc tranh luận điên rồ và đại dốt, vì như con biết, chúng chỉ đưa đến cãi vã mà thôi. ²⁴ Đầy tớ Chúa không nên cãi vã, nhưng phải hòa nhã với mọi người, có khả năng giảng dạy, nhịn nhục, ²⁵ lấy đức nhu mì sửa dạy những kẻ chống đối; biết đâu Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ sự ăn năn để nhận biết chân lý, ²⁶ và họ có thể tỉnh ngộ mà thoát khỏi cạm bẫy của Ác Quỷ, vì họ đang bị Ác Quỷ bắt giữ để làm theo ý nó

2:20 "Trong một tòa nhà lớn" Trong văn cảnh gần gũi, chắc Phao-lô dùng ẩn dụ ám chỉ hội thánh (Xem Giăng 14:2).

▣ **"một số được dùng vào việc sang và một số được dùng vào việc hèn"** Có người coi đây nói về những khả năng, nhân cách, và ân tứ, (Xem Rô-ma 9:19-24; 1 Cô-rin-tô 12:12-31) của tín đồ nhưng có người khác coi đây liên hệ tới những người gây rối, 2 Ti-mô-thê 2:22-23.

2:21 "Vậy nếu ai làm cho mình sạch" CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA ám chỉ tiềm năng hành động, nhưng với tính chất dự phòng, tùy theo sự tình nguyện cá nhân.

Thuật ngữ "làm mình sạch" là **LỐI BÀN THÁI THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG** có thể liên hệ tới sự cải đạo, hoặc từ chối đi theo giáo sư giả. Thuật ngữ ghép *ek + kathairō* (làm sạch + ra từ, xin thay đổi thứ tự để được rõ nghĩa - lời người dịch) chỉ được thấy ở đây và trong 1 Cô-rin-tô 5:7. Tín đồ được quyền lựa chọn tham gia và đầu tư vào công việc Nước Trời.

▣ **"được biệt riêng ra thánh, "** **ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HOÀN THÀNH DẠNG THỤ ĐỘNG** ám chỉ vài điều sau:

1. họ được thánh hóa trong quá khứ và sự thánh hóa đang tiếp tục (**THÌ HOÀN THÀNH TENSE**)
2. họ được thánh hóa bởi Đức Chúa Trời (**DẠNG THỤ ĐỘNG VOICE**)

Xin để ý điều kiện một người chọn thánh hóa bản thân và sau đó có lời xác nhận công tác thánh hóa của Đức Chúa Trời. Sự thánh hóa là hành động của cả Thần Linh và con người, nó minh họa mối liên hệ theo giao ước trong tất cả giao tiếp của Chúa đối với nhân loại. Ngài luôn luôn khởi xướng và đòi hỏi con người đáp ứng và tiếp tục đáp ứng.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THÁNH KHIẾT THEO TÂN ƯỚC / SỰ NÊN THÁNH

New Testament Holiness/Sanctification

Kinh thánh Tân Ước khẳng định rằng khi tội nhân quay lại với Chúa Giê-xu bằng sự ăn năn và đức tin, thì họ lập tức được xưng công bình và được nên thánh. Đây là vị trí mới của họ trong Đấng Christ. Sự công bình của Ngài đã được ban cho họ (Rô-ma 4). Họ được tuyên bố là công bình và thánh sạch (hành động theo luật pháp của Đức Chúa Trời).

Nhưng Tân Ước cũng khuyến khích các tín nhân phải sống thánh khiết, hay là phải nên thánh. Theo phương diện thần học, đây là một địa vị có được qua công tác đã hoàn tất của Chúa Giê-xu, và cũng là một sự kêu gọi trở nên giống Đấng Christ trong thái độ và hành động trong nếp sống hằng ngày. Sự cứu rỗi là một món quà miễn phí, như vậy sự nên thánh là một lối sống phải chịu mất mát nhiều điều (phải trả giá).

Đáp ứng ban đầu	Tiến trình giống với Đấng Christ
Công-vụ 20:23; 26:18	Rô-ma 6:19
Rô-ma 15:16	II Cô-rinh-tô 7:1
I Cô-rinh-tô 1:2-3; 6:11	I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3-4,7; 5:23
II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13	I Ti-mô-thê 2:15
Hê-bơ-rơ 2:11; 10:10,14; 13:12	II Ti-mô-thê 2:21
I Phi-e-rơ 1:1	Hê-bơ-rơ 12:14
	I Phi-e-rơ 1:15-16

▣ **"hữu dụng cho Chủ, "** Từ thuật ngữ Hy-lạp chúng ta có thuật ngữ tiếng Anh "despot" (tiếng việt chuyên chế, hay độc tài). Nó liên hệ tới một chủ nô (Xem v.24) được toàn quyền trên nô lệ của mình (Xem I Ti-mô-thê 6:1-2; Tích 2:9; I Phi-e-rơ 2:18).

Tín đồ nào làm sạch mình sẽ hữu dụng cho Đức Chúa Trời, còn giáo sư giả là những người vô dụng.

▣ **"sẵn sàng cho mọi việc tốt đẹp."** Thêm một **THÌ HOÀN THÀNH DẠNG TRUNG CÁCH** hoặc **ĐỘNG TÍNH TỪ DẠNG THỤ ĐỘNG** nữa. Động từ này chỉ được thấy ở đây và là trích dẫn từ Ê-sai trong 1 Cô-rin-tô 2:9 (i.e., Ê-sai 64:4 and 65:17). Việc thiện không làm chúng ta gần gũi Chúa hơn (i.e., Ê-phê-sô 2:8-9), nhưng khi đã gặp Chúa trong Đấng Christ, công việc tối lành là điều được trông chờ, (Xem Ê-phê-sô 2:10; Gia-cơ 2:14-26)! Chúng ta là những người được tạo dựng cho sự giống Đấng Christ, được hồi phục trong hình ảnh Đức Chúa Trời (bị mất khi con người sa ngã, Sáng-Thê-Ký 3). Nếp sống tin kính của tín đồ xác nhận họ được cứu và là chứng nhân tốt

lời kéo người chưa tin đến với Đấng Christ, xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THÓI TỐT VÀ THÓI XẤU trong Tân Ước / VICES AND VIRTUES in the NT ở câu 1 Ti-mô-thê 1:9.

2:22 Chạy trốn.. theo đuổi

RVV11: “Tránh xa ... theo đuổi”

VB1925: “tránh khỏi ... tìm”

NASB, NKJV "chạy trốn ... theo đuổi"

NRSV "xa lánh ... theo đuổi"

TEV "tránh ... nỗ lực cho..."

NJB "xây lưng lại ... tập trung vào..."

Cả hai đều là **LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG** Tín đồ phải trung bày tính cách Đức Chúa Trời (Xem 1 Ti-mô-thê 6:11).

▣ **"những dục vọng của tuổi trẻ "** Mỗi một thời kỳ của cuộc sống đều có những cám dỗ đặc thù. (Xem Truyền-đạo 3:1-8; 11:10; 12:1-8).

▣ **"công chính, đức tin, tình yêu, hòa bình"** Đây là một danh sách các đặc tính của Đức Chúa Trời (Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 2 Ti-mô-thê 2:19) cần được phát triển và trung bày trong con dân Ngài (Xem 1 Ti-mô-thê 1:5,14). Về “công chính” xin tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu Tịch 2:13.

▣ **"cùng với những người kêu cầu Chúa với tấm lòng trong sạch. "** **ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG**, ám chỉ hành động liên tục. Trong Giô-ên 2:32, Công-vụ 2:21 và Rô-ma 10:9-13 câu này có thể liên hệ tới thời điểm khởi đầu xưng nhận đức tin, nhưng vẫn cảnh nói về tín đồ trưởng thành. Sự tương giao có chủ đích với tín hữu trưởng thành là bí quyết một cuộc sống Cơ-đốc hạnh phúc vui vẻ và bình an. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÂM LÒNG / THE HEART ở câu 1 Ti-mô-thê 1:5.

2:23 "Con hãy từ chối tham dự vào những cuộc tranh luận " Ti-mô-thê được chỉ đạo không tham gia tranh cãi với các giáo sư giả dựa theo lý sự và phỏng đoán (**THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH [deponent] LỜI MỆNH LỆNH**).

▣ **"điên rồ "** Thuật ngữ này phản ánh gốc Hê-bơ-rơ / A-ra-mit “điều ác vô nghĩa” (tức là *raca* Xem Ma-thi-ơ 5:22).

▣ **"và đại dốt, "** Thuật ngữ về “được dạy dỗ”, nhưng ở đây là dạng **PHỦ ĐỊNH ALPHA PRIVATIVE**, có nghĩa là “không được dạy dỗ”, hay là “mất dạy”. Phao-lô thường dùng các thuật ngữ “ không -phủ nhận” (un-negated) trong nhiều dạng khác nhau trong các thư Linh vụ. (Xem 1 Ti-mô-thê 1:20; 2 Ti-mô-thê 2:25; 3:16; Tịch 2:12). Các giáo sư giả là những người vô nghĩa, vô học, và họ cố tình và chú ý trong sự vô nghĩa vô học như vậy. Họ chỉ muốn cãi cò và rao truyền những điều vô bổ (Xem 1 Ti-mô-thê 1:4; 4:7; 6:4; 2 Ti-mô-thê 2:14; 4:4; Tịch 1:14; 3:9). Kiểu tranh luận kiêu ngạo như vậy luôn bị Phao-lô lên án trong các thư Linh vụ.

2:24-25 Đây là danh sách những việc tín đồ có thể làm để hồi phục những người bị lừa quay trở lại với Chúa.

1. đừng tranh cãi (Xem 1 Ti-mô-thê 3:3; Tịch 3:9)
2. hãy từ tế với mọi người (Xem Tịch 3:2)
3. có thể dạy dỗ (Xem 1 Ti-mô-thê 3:2; Tịch 1:7)
4. kiên nhẫn khi bị làm hại, (nhiều thuật ngữ khác nhau nhưng đồng nghĩa 1 Ti-mô-thê 3:3; 6:11; 2 Ti-mô-thê 3:10; Tịch 2:2)
5. dịu dàng khi sửa sai (Xem 1 Ti-mô-thê 3:3; Tịch 3:2)

Rõ ràng Phao-lô gợi ý những phẩm chất người lãnh đạo, (Xem 1 Ti-mô-thê 3) đồng thời tính cách tin kính của mọi tín đồ, (Xem Tịch 3:1-3).

2:25 "những kẻ chống đối; " **ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH** (tức là những người liên tục và cố tình chống đối thông điệp và đạo đức sứ đồ) Mặc dù trong những người này có thể có một số người

có tiềm năng trở nên tín đồ. Cách chúng ta đối xử với người chống đối Phúc Âm cho biết những điều quan trọng của Phúc Âm và của chúng ta

▣ **"biết đâu Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ sự ăn năn "** Trong bản Hy-lạp không có “nếu” nhưng LỜI BÀN THÁI THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG ám chỉ CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA.

Vấn đề thần học liên quan đến câu này là sự tể trị của Đức Chúa Trời và quyền tự do của con người. Phải chăng đức tin và ăn năn là đáp ứng của con người, (Xem Mác 1:15; Công-vụ 3:16,19; 20:21), hay món quà của Đức Chúa Trời? Có những câu Kinh Thánh ám chỉ mạnh mẽ món quà của Đức Chúa Trời (Xem Công-vụ 5:31; 11:18; Rô-ma 2:4). Vì tôi tin cả Kinh Thánh được Thần Cảm (Xem 2 Ti-mô-thê 3:16) chúng ta phải so sánh tất cả các câu liên hệ thần học với nhau, chứ không được phép lựa lọc tùy ý theo phương pháp chung minh văn bản text-proof - trích dẫn Kinh Thánh mà không quan tâm tới văn cảnh, bối cảnh và dụng ý của tác giả). Rõ ràng là Đức Chúa Trời điều hành mọi sự. Nhưng Ngài chọn liên hệ với con người qua giao ước. Đức Chúa Trời luôn khởi xướng và con người phải đáp ứng và đáp ứng không ngừng. Đây không phải là câu hỏi “hoặc tể trị Chúa hoặc tự do của con người - chọn một trong hai), nhưng là cả hai hiệp lại: tể trị của Chúa và với tự do của con người . Tham khảo CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIAO ƯỚC / COVENANT ở câu 2 Ti-mô-thê 2:1

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĂN NĂN TRONG CỰU ƯỚC

Repentance In The Old Testament

Khái niệm này là then chốt nhưng khó để có thể định nghĩa. Hầu hết chúng ta đều có một định nghĩa đến từ quan điểm hệ phái của chúng ta. Tuy nhiên, thường để “thiết lập” một định nghĩa thần học là sử dụng dựa trên một vài từ Hê-bơ-rơ (và Hy Lạp) vốn không chỉ cách cụ thể về định nghĩa được “thiết lập” này. Phải ghi nhớ rằng những tác giả Tân Ước (ngoại trừ Lu-ca) đã là những nhà tư tưởng Hê-bơ-rơ sử dụng những thuật ngữ Hy Lạp Koine, do vậy xuất phát điểm chính là những thuật ngữ Hê-bơ-rơ, mà từ đó cốt yếu có hai điều.

1. nhm (BDB 636, KB 688)
2. swb (BDB 996, KB 1427) Điều đầu tiên , nhm, vốn ban đầu có vẻ như đã có nghĩa là hít vào một hơi thở sâu, được sử dụng trong một vài nghĩa khác nhau.
 - a. “sự nghi ngại” hoặc “an ủi” (ví dụ, Sáng 5:29; 24:67; 27:42; 37:35; 38:12; 50:12; thường được sử dụng trong các tên, II Các Vua 15:14; I Sứ ký 4:19; Nê-hê-mi 1:1; 7:7; Na-hum 1:1)
 - b. “than khóc” (ví dụ, Sáng 6:6,7)
 - c. “đổi ý” (ví dụ, Xuất 13:17; 32:12,14; Dân Số Ký 23:19)
 - d. “sự thương xót” (ví dụ, Phục 32:36)

Chú ý rằng những điều này liên quan sâu sắc đến cảm xúc! Đây chính là chìa khóa: những cảm nhận sâu sắc dẫn dắt đến hành động. Sự thay đổi của hành động thường nhằm vào những người khác, nhưng cũng hướng đến Đức Chúa Trời. Đây là một sự thay đổi thái độ và hành động hướng đến Đức Chúa Trời vốn truyền cho từ này một sự đáng chú ý thần học. Nhưng ở đây, sự cẩn trọng cần phải được tập chú. Đức Chúa Trời được mô tả rằng Ngài “hối hận” (Sáng 6:6,7; Xuất 32:14; Các quan xét 2:18; I Sa-mu-ên 15:11,35; Thi 106:45), nhưng điều này không gây ra kết quả từ sự hối tiếc về tội lỗi hoặc một sự sai trật, nhưng là một cách nói theo nghĩa đen về cách Đức Chúa Trời bày tỏ sự thương xót và quan tâm (Dân Số Ký 23:19; I Sa-mu-ên 15:29; Thi 110:4; Giê-rê-mi 4:27-28; Ê-xê- chi-ên 24:14). Dựa vào hình phạt dành cho tội lỗi và sự phản nghịch được tha thứ nếu như tội nhân thực sự quay lại khỏi tội lỗi của ông ta/ cô ta/họ và quay lại với Đức Chúa Trời.

Từ này có khoảng nghĩa rất rộng. Văn mạch là then chốt để xác định ý nghĩa được dự định trước.

Từ thứ hai, swb, có nghĩa là “quay lại” (quay lại khỏi, quay về, quay đến). Nếu nó là chính xác rằng hai yêu cầu của giao ước là “sự ăn năn” và “đức tin” (ví dụ, Ma-thi-ơ 3:2; 4:17; Mác 1:4,15; 2:17; Lu-ca 3:3,8; 5:32; 13:3,5; 15:7; 17:3), khi đó nhm rchi về những cảm xúc mãnh liệt của việc nhận ra tội lỗi của một cai đó và quay đi khỏi nó, trong khi swb sẽ chỉ đến sự quay lại khỏi tội lỗi đến với Đức Chúa Trời (một ví dụ của hai hành động thuộc linh là A-mốt 4:6-11, “ngươi đã không quay trở lại với Ta” [năm lần] và A-mốt 5:4,6,14, “hãy tìm kiếm Ta. . .hãy

tim kiếm Đức Giê-hô-va. . . hãy tìm điều lành và đừng tìm điều dữ”).

Ví dụ tuyệt vời đầu tiên của năng quyền của sự ăn năn chính là sự phạm của Đa-vít đối với Bát-sê-ba (II Samu-ên 12; Thi 32, 51). Đã có những hậu quả liên tiếp dành cho Đa-vít, gia đình của ông, và cho Y-sơ-ra-ên, nhưng Đa-vít đã được phục hồi trong mối quan hệ với Đức Chúa Trời! Ngay cả vị vua tàn ác Ma-na-se cũng có thể ăn năn và được tha thứ (II Sử ký 33:12-13).

Cả hai từ này được sử dụng song hành với nhau trong Thi 90:13. Phải có một sự nhận biết tội lỗi và một sự quay lại cách cá nhân và có chủ ý khỏi nó, cũng như là một sự khao khát tìm kiếm Chúa và sự công chính của Ngài (Ê-sai 1:16-20). Sự ăn năn bao gồm một khía cạnh về sự nhận thức, một khía cạnh cá nhân, và một khía cạnh đạo đức. Cả ba điều đều được đòi hỏi, tất cả để bắt đầu một mối quan hệ mới với Đức Chúa Trời và duy trì mối quan hệ mới đó. Cảm xúc hối hận sâu sắc chuyển thành một sự cam kết gắn chặt với Đức Chúa Trời và vì Đức Chúa Trời!

▣ **"để nhận biết chân lý,"** Con đường đến chân lý (*alētheia*) và tri thức trọn vẹn (*epignōsis*) không đến từ (1) gia phả Do-thái hay (2) phỏng đoán Tri-hệ giáo, nhưng trong Phúc Âm về Chúa Giê-su Christ, (Xem 2 Ti-mô-thê 3:7; 1 Ti-mô-thê 2:4; Tích 1:1). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Chân Lý / Truth ở câu 1 Ti-mô-thê 2:4.

2:26 "họ có thể tinh ngộ " LỜI BÀN THÁI THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG thuật ngữ ghép (*ana + nēphō*) của từ gốc *nēphalios* ("tinh táo"), được dùng một cách ẩn dụ "tinh ngộ" (Xem 1 Ti-mô-thê 3:2,11; Tích 2:2).

▣ **"họ đang bị Ác Quỷ bắt giữ "** ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HOÀN THÀNH DẠNG THỤ ĐỘNG, thuật ngữ ghép (bắt+sống) thường được dùng trong việc bắt tù binh. DẠNG THỤ ĐỘNG và văn cảnh gần gũi ám chỉ Sa-tan là chủ nhân, và giáo sư giả cùng các môn đồ của họ là tù nhân. Cũng như Phúc Âm cầm giữ tín đồ (Xem Lu-ca 5:10), ma quỷ cũng bắt tù con người hư mất (Xem 1 Ti-mô-thê 3:7).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp anh chị em suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Thế nào là sứ mạng ưu tiên của mục sư?
2. Vì sao đau đớn là một phần của Cơ-đốc giáo?
3. Vì sao sự sống lại là trọng tâm của đức tin Cơ-đốc?
4. Câu 12b liên hệ tới điều gì? Nó có ý nghĩa gì?
5. Ti-mô-thê phải giải quyết thế nào đối với giáo sư giả?
6. Vì sao câu 15 quan trọng với tất cả mọi tín đồ?
7. Phải chăng Đức Chúa Trời ban sự ăn năn? Cho một số người hay cho tất cả mọi người?
8. Ai đã cầm giữ các giáo sư giả và môn đồ của họ? làm thế nào họ có thể trốn chạy?

2 TI-MÔ-THÊ 3

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Nhân cách thời tận thế	thời đại xấu, con người xấu	mục sư, bày chiên (2:14-4:5) 2:20-3:9	những ngày cuối	Nguy hiểm của những ngày cuối
3:1-9	3:1-9		3:1-9	3:1-5 3:6-9
chỉ thị cuối cho Timôthê (3:10-4:8)	Người của Chúa, lời của Chúa		hướng dẫn cuối (3:10-4:8)	
3:10-17	3:10-17	3:10-4:5	3:10-4:5	3:10-13 3:14-17

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của anh chị em với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

BD2011: 2 TI-MÔ-THÊ 3:1-9

Con phải biết điều này: trong những ngày cuối cùng sẽ có những thời khó khăn, ² vì người ta sẽ vị kỷ, tham tiền, khoe khoang, kiêu ngạo, phạm thượng, không vâng lời cha mẹ, vô ơn bạc nghĩa, bất khiết, ³ không có tình người, cố chấp, vu khống, buông tuồng, hung dữ, ghét điều tốt, ⁴ phản bội, ngang bướng, tự phụ, ham thích vui thú thế gian hơn yêu mến Đức Chúa Trời, ⁵ bề ngoài giữ hình thức của sự tin kính đạo đức nhưng trong lòng chối bỏ quyền năng của sự tin kính đạo đức ấy; con hãy tránh xa những kẻ như thế. ⁶ Vì trong vòng họ có những kẻ lên vào nhà người ta, quyến dụ những phụ nữ nhẹ dạ, lòng đầy ắp tội lỗi, bị đủ thứ dục vọng sai khiến; ⁷ những kẻ ấy cứ học mãi nhưng không bao giờ thông hiểu chân lý. ⁸ Giống như Gian-nét và Giam-rê đã chống đối Môi-se thế nào, những kẻ có tâm trí bại hoại và đức tin giả dối đó cũng chống

đổi chân lý thể ấy.⁹ Nhưng chúng sẽ không phá hoại thêm được nữa, vì cũng giống như hai người kia, sự diên đại của chúng đã quá rõ rệt đối với mọi người.

3:1 "trong những ngày cuối cùng " giai đoạn này còn được gọi bằng vài tên khác nhau.

1. ngày sau cùng, Dân-số 24:14; về sau Phục-truyền 8:16; ngày sau rốt Đa-ni-ên 2:28; 10:14
2. những ngày sau rốt, Giê-rê-mi 23:20; 30:24; 49:39; Ê-xê-chiên 38:8,16; Ô-sê 3:5; Giô-ên 2:28 (Công-vụ 2:17); Giăng 6:39,40,44,54; 11:24; 12:48; 2 Ti-mô-thê 3:1; Gia-cơ 5:3
3. thời kỳ sau rốt Phi-ê-rơ 1:5
4. trong cuối các thời kỳ, 1 Phi-ê-rơ 1:20
5. những ngày sau rốt, 2 Phi-ê-rơ 3:3
6. giờ cuối cùng, 1 Giăng 2:18

Chung kết của “những ngày sau rốt” là Ngày Của Chúa” (tức là “sự hoàn tất” Ma-thi-ơ 13:39,40; 24:3; 28:20; Hê-bơ-rơ 9:26).

Người Do-thái trong giai đoạn giữa Cựu Ước và Tân Ước nhìn thấy hai Kỳ Nguyên: Kỳ Nguyên Gian Ác Hiện Tại và Kỳ Nguyên Công Chính Sẽ Tới. Kỳ Nguyên Gian Ác Hiện Tại được bắt đầu từ tội lỗi trong vườn Ê-đen (Sáng-Thế-Ký 3) và Kỳ Nguyên Công Chính Sẽ Tới được khai trương bởi Đấng Mê-si-a trong quyền năng của Đức Thánh Linh. Cựu Ước nhấn mạnh sự đến của Đấng Mê-si-a trong phán xét và thẩm quyền để thiết lập Kỳ Nguyên Mới. tuy nhiên người Do-thái không thấy được sự đến đầu tiên của Chúa Giê-su với tư cách (1) “Người Đầy Tớ Chịu Khổ” trong Ê-sai 53; (2) Vua Khiêm Nhường cười con lừa trong Xa-cha-ri 9:9; và (3) Đấng Bị Đâm Thủng trong Xa-cha-ri 12:10. Từ khai thị tiệm tiến của Tân Ước chúng ta biết được có hai sự đến của Đấng Mê-si-a. Giai đoạn giữa hai sự đến là giai đoạn trùng lặp của hai Kỳ Nguyên Do-thái. Tân Ước gọi giai đoạn này là “những ngày cuối cùng”. Chúng ta đã ở trong giai đoạn này 2000 năm. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Kỳ Nguyên Này và Kỳ Nguyên Sẽ Đến / This Age and the Age to Come ở câu 1 Ti-mô-thê 6:17. Những ngày cuối cùng là những ngày hôm nay (Xem Công-vụ 2:16-17; Hê-bơ-rơ 1:2; 1 Phi-ê-rơ 1:20; 4:7; 1 Giăng 2:18).

▣ **"sẽ có những thời khó khăn,"** nói về cơn đau đẻ của Kỳ Nguyên Mới. (Xem Ma-thi-ơ 24; Mác 8:13; Lu-ca 21; Rô-ma 8:22; 1 Ti-mô-thê 4:1).

Có nhiều tranh luận giữa các nhà giải kinh và thần học về tình trạng xã hội khi Chúa Tái Lâm. Một số người thấy quyền năng của Phúc Âm và công tác của Đức Thánh Linh đang thay đổi xã hội trở nên tốt hơn (theo trường phái Hậu – Thiên Hy Niên). Còn một số người khác cho rằng Kinh Thánh tiên tri sự chung kết đầy kịch tính của lịch sử loài người (trường phái Tiền-Thiên Hy Niên, Không –Thiên Hy Niên) Phao-lô bàn về “Kẻ Ác”, “Người Vô Luật Pháp” trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2, báo trước sự gia tăng của điều ác và phản loạn, được miêu tả cụ thể trong 1 Ti-mô-thê 4 và 2 Ti-mô-thê 3. Chúa Giê-su sẽ đến để thiết lập trật tự công chính.

3:2 "người ta sẽ vị kỷ, " Về danh sách phản nghịch tương tự, xin xem Rô-ma 1:28-32. Đặc tính này là nhân bản của con người tội lỗi. Vị kỷ là thuật ngữ ghép, bao gồm: Yêu (*philo*) và tự mình (*auto*), hay nói cách khác: tự yêu mình. (Xem Phi-líp 2:21).

▣ **"tham tiền, "** Xem ghi chú ở câu 1 Ti-mô-thê 3:3 và 6:10.

▣ **"khoe khoang, "** Con người đặt kiêu ngạo và tự tin vào chính mình (Xem Rô-ma 1:30; Gia-cơ 4:16; 1 Giăng 2:16)

▣ **"kiêu ngạo, "** Âm chỉ một người coi mình hơn người khác về lời nói và công việc. (Xem Lu-ca 1:51; Rô-ma 1:30; Gia-cơ 4:6; 1 Phi-ê-rơ 5:5). Thuật ngữ Hy-lạp là *hyperēphanos*. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Phao-lô dùng từ Huper / Paul's Use of *Huper* Compounds ở câu 1 Ti-mô-thê 1:14.

phạm thượng,

RVV11:	“lộng ngôn”
VB1925:	“xác xược”
NASB	"người phản đối"
NKJV	"kẻ báng bổ"
NRSV	"lạm dụng"
TEV	"họ sẽ xúc phạm"
NJB	"thô lỗ"

Theo nghĩa đen “phạm thượng”. Không rõ họ phạm thượng với ai?

1. Đức Chúa Trời /Christ (Xem 1 Ti-mô-thê 1:13,20; 6:1; Khải Huyền 16:11;21)
2. Thiên sứ (Xem 2 Phi-ê-rơ 2:10-12)
3. người trần thế (Xem 1 Ti-mô-thê 6:4; Títíc 3:2; 1 Phi-ê-rơ 4:4)

▣ **"không vâng lời cha mẹ,"** Liên hệ tới Mười Điều Răn (Xem Xuất Ê-díp-tô 20:12, “Ngày của người sẽ kéo dài trên đất”). Đối với người Do-thái, gia đình mạnh khiến xã hội ổn định. Quá nhấn mạnh cá nhân sẽ làm tổn thương mối quan hệ gia đình, xã hội, hội thánh, công sở.

▣ **"vô ơn bạc nghĩa,"** Đây là thuật ngữ đối nghịch với “ân điển” Có nhiều thuật ngữ trong danh sách này là dạng PHỤ ĐỊNH ALPHA PRIVATIVE . Đó là những người bất hiếu, vô ơn, vị kỷ, vô tình, bất hòa

▣ **"bất khiết,"** Thuật ngữ đối nghịch với *hosios*, nói về một người luôn tuân theo luật pháp của Chúa, sùng đạo (Xem Títíc 1:8) và thánh khiết (Xem 1 Ti-mô-thê 2:8). *Hosios* được dùng để miêu tả Chúa Giê-su là Đấng Thánh trong Công-vụ 2:27; 13:35 (a quote from Thi-thiên 16). Trong Hê-bơ-rơ 7:26 *hosios* là đặc tính Chúa Giê-su, Thầy Thượng Tế của chúng ta. Phao-lô dùng thuật ngữ này để miêu tả hành động của mình đối với tín đồ (Xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:10).

3:3 không có tình người,

VB1925:	“vô tình”
RVV11;	“không tình người”
NASB, NKJV	"không yêu thương"
NRSV	"không nhân đạo"
TEV	"không tử tế"
NJB	"không có tâm"

Thuật ngữ Hy-lạp đối nghịch với tình cảm bản năng (Xem Rô-ma 1:31). Nó ám chỉ sự thiếu yêu thương trong gia đình và xã hội.

cổ chấp,

RVV11:	“bất nhân”
VB1925:	“khó hòa thuận”
NASB	"Không thể hòa hợp "
NKJV	"Không tha thứ"
NRSV	"Không thể cưỡng lại được"
TEV	"Tàn nhẫn"
NJB	"Khó chữa"

Thuật ngữ Hy-lạp đối nghịch với việc làm giao ước, (Xem Rô-ma 1:31). Nó ám chỉ những người không muốn hòa giải và hồi phục mối liên hệ.

▣ **"vụ không,"** Thuật ngữ Hy-lạp là (*diaboloí*) danh hiệu của Ma Quỷ, (Sa-tan theo tiếng Hê-bơ-rơ) Xem ghi chú ở câu 1 Ti-mô-thê 3:11.

buông tuồng,

RVV11: “ngông cuồng”
VB1925: “không tiết độ”
NASB, NKJV “không tự chủ”
NRSV, NJB “phóng đảng”
TEV “hung dữ”

Thuật ngữ đối nghịch với *kratos* có nghĩa “sức mạnh”, chỉ được thấy ở đây, ám chỉ những người không có sức tự chủ (Xem Ma-thi-ơ 23:25; 1 Cô-rin-tô 7:5).

▣ **"hung dữ,"** Thuật ngữ đối nghịch với “tử tế, hiền dịu”. Bản NJB dịch là hoang dã, (chỉ có ở đây).

▣ **"ghét điều tốt"** Thuật ngữ đối nghịch với từ ghép *philos + agathos* (tức là người yêu điều thiện, Xem Tích 1:8) (chỉ có ở đây), Những người này là kẻ thù của mọi sự tốt lành, đạo đức.

3:4 "phản bội," Từ ghép *prodotes* "trao +cho", tức là thành ngữ về người phản bội (Xem Lu-ca 6:16; Công-vụ 7:52). RVV11: “bội bạc”, VB1925: “lường thầy phản bạn”.

▣ **"ngang bướng,"** Từ ghép *pros + piptō* dùng trong thành ngữ cho người thiếu suy nghĩ, hành động không thể hiểu nổi (Xem Công-vụ 19:36).

tự phụ,
VB1925: “lên mình kiêu ngạo”
RVV11: “tự phụ”
NASB “kiêu ngạo”
NKJV “kiêu căng”
NRSV “sưng mặt với sự tự phụ”
TEV “sưng mặt với niềm tự hào”
NJB “phát cuồng bởi niềm tự hào”

ĐỘNG TÍNH TỰ THÌ HOÀN THÀNH DẠNG THỤ ĐỘNG ám chỉ tình trạng bị gây ra bởi tác nhân bên ngoài, kẻ ác, Đây là thành ngữ về người tự phụ như bị “mù mắt vì khói” (Xem 1 Ti-mô-thê 3:6; 6:4).

- ▣ **"ham thích vui thú thế gian hơn yêu mến Đức Chúa Trời,"** Phao-lô sử dụng nhiều từ ghép với *philos*:
1. tự yêu (2 Ti-mô-thê 3:2)
 2. yêu tiền (2 Ti-mô-thê 3:2)
 3. không yêu điều thiện (2 Ti-mô-thê 3:3)
 4. yêu khoái lạc (2 Ti-mô-thê 3:4)
 5. yêu Đức Chúa Trời (2 Ti-mô-thê 3:4)

Thay vì tập trung vào Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài, những người này tập trung vào bản thân và ý muốn cá nhân (Xem Phi-líp 3:19).

3:5 "bề ngoài giữ hình thức của sự tin kính đạo đức nhưng trong lòng chối bỏ quyền năng của sự tin kính đạo đức ấy;" **THÌ HOÀN THÀNH DẠNG TRUNG CÁCH ĐỘNG TÍNH TỰ** (Xem Ê-sai 29:13; Rô-ma 2:20; Tích 1:16). Đây ám chỉ tình trạng đã ổn định của sự sùng đạo tự xưng. Một tôn giáo theo hệ thống có thể là một chủ nô tàn nhẫn. Về "sự tin kính /godliness" xin tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 4:7.

▣ **"con hãy tránh xa những kẻ như thế."** **LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH** (Xem 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:6). Ti-mô-thê phải cố tình và liên tục né tránh những người như vậy, tức là các giáo sư giả và môn đồ của họ. (Xem 2 Ti-mô-thê 2:19,20).

3:6 "Vì trong vòng họ có những kẻ lên vào nhà người ta, " theo nghĩa đen "vụng trộm" (Xem Ma-thi-ơ 7:15; Giu-đe 1:4). Thuật ngữ này chỉ thấy ở đây. Các giáo sư giả lợi dụng những người phụ nữ nội trợ thiếu cảnh giác và thiếu học vấn.

▣ **"quyền dụ "** This is a THÌ HIỆN TẠI ĐỘNG TÍNH TỪ. Nghĩa đen là: "bắt sống bằng giáo" (Xem Ê-phê-sô 4:8; Khải Huyền 13:10). Các giáo sư giả tiếp tục sử dụng chiến lược này để dụ dỗ các gia đình qua các bà vợ nhàn rỗi ở nhà trong giờ làm việc.

những phụ nữ nhẹ dạ,
RVV11; "phụ nữ sa đọa"
VB1925: "phụ nữ"
NASB, TEV,
NET "phụ nữ yếu đuối"
NKJV "phụ nữ cả tin"
NRSV, NJB "phụ nữ khờ dại"

Thuật ngữ *gunaikaria* là dạng nhỏ của *gunē* (phụ nữ), chỉ được thấy ở đây. Giải thích "phụ nữ nhỏ" có hàm ý gì là điều không rõ, nhưng nó mang tính tiêu cực. (Xem BAGD 168). Phần còn lại của 2 Ti-mô-thê 3:6 và 2 Ti-mô-thê 3:7 là sự miêu tả của những người phụ nữ này .

Cũng không rõ đây nói về một số phụ nữ trong hội thánh hay ngoài xã hội, (ghi chú Tích 3:3 and 1 Ti-mô-thê 5:6).

▣ **"lòng đầy ắp tội lỗi, " ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HOÀN THÀNH DẠNG THỤ ĐỘNG.** Đây liên hệ tới những quả phụ trẻ, bị quyến rũ bởi kẻ ác (Xem 1 Ti-mô-thê 5:6).

▣ **"bị đứ thứ dục vọng sai khiến; "** This is a ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG THỤ ĐỘNG . Âm chỉ những phụ nữ này luôn bị dẫn dụ bởi thôi thúc xấu xa (Xem Tích 3:3).

3:7 Văn cảnh gần gũi và ĐỘNG TỪ GIỐNG TRUNG SỐ NHIỀU xuất hiện hai lần trong 2 Ti-mô-thê 3:6 và hai lần trong 2 Ti-mô-thê 3:7 xác nhận người phụ nữ ở câu trước là "phụ nữ yếu", 2 Ti-mô-thê 3:6. Thật tang thương sự miêu tả tội lỗi và lạm dụng. Nói chung các giáo sư giả trong mọi thời đại đều có những đặc thù sau

1. lạm dụng tình dục
2. lạm dụng tiền bạc
3. lạm dụng khả thi (tự xưng mình duy nhất được Đức Chúa Trời phán)

3:8 "Gian-nét và Giam-rê " Đây là tên của hai thuật sỹ Ai-cập trong Xuất Ê-dip-tô 7:11,22; 8:7,18; 9:11. Tên của họ không được ghi trong Cựu Ước, nhưng được ghi trong truyền thống và giảng dạy Do-thái giáo, đặc biệt trong Targum của Jonathan. Phao-lô thường sử dụng nguồn thông tin từ các thầy Ra-bi (Xem 1 Cô-rin-tô 10:4).

▣ **"chống đối chân lý" THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH LỐI CHỈ ĐỊNH.** Các giáo sư giả có nan đề với thẩm quyền và luôn chống đối giáo huấn các sứ đồ, Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Chân Lý / Truth ở câu 1 Ti-mô-thê 2:4.

tâm trí bại hoại

VB1925: "lòng họ bại hoại"
RVV11: "tâm trí băng hoại"

NASB "Những người bị tâm trí băng hoại"
 NKJV "Người với tâm trí hư hỏng"
 NRSV "Những người này với tâm trí phân hủy"
 TEV "Những người có trí tuệ không hoạt động"
 NJB "Tâm trí của họ hư hỏng"

ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HOÀN THÀNH DẠNG THỤ ĐỘNG Độ từ thuật ngữ ghép *kata + patheirō*, có nghĩa một người đã trở nên và tiếp tục băng hoại bởi tác nhân bên ngoài (Satan hoặc ma quỷ), cuối cùng tình nguyện từ chối chân lý. (Xem 1 Ti-mô-thê 6:5 Tíh 1:15).

đức tin giả dối

RVV11: "đức tin yếu đuối."
 VB1025: "đức-tin họ không thể chịu thử-thách"
 NASB "Bị chối bỏ liên quan đến đức tin "
 NKJV "Bị bác bỏ liên quan đến đức tin"
 NRSV "Đức tin giả mạo"
 TEV "Những người thất bại trong đức tin"
 NJB "Đức tin của họ giả mạo"

Thuật ngữ đối nghịch với *dokimazō*, thử nghiệm xem có chấp nhận được không. Những người này thất bại trong thử nghiệm đức tin (Xem Rô-ma 1:28; 1 Cô-rin-tô 9:27; 2 Cô-rin-tô 13:5-7; Tíh 1:16; Hê-bơ-rơ 6:8). Phao-lô miêu tả tình trạng chìm tàu của họ một cách đáng sợ.

Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Greek Terms for "Testing" and their Connotations ở câu 1 Ti-mô-thê 6:9; cũng xem thêm CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BỘI ĐẠO / APOSTASY (APHISTĒMI) ở câu 1 Ti-mô-thê 4:1.

3:9 "Nhưng chúng sẽ không phá hoại thêm được nữa" Đây là những giáo sư giả và môn đồ của họ, vì động từ nói về họ cũng thấy trong các câu 2 Ti-mô-thê 2:16 and 3:13. Ý nghĩa gốc là "tiến tới trong điều gì đó" (câu 2:16 tiến tới trong sự tin kính và câu 3:13 tiến tới trong sự lừa đảo và bị lừa)

▣ "sự điên dại của chúng đã quá rõ rệt đối với mọi người." "Bởi bông trái các ngươi sẽ biết họ" (Xem Ma-thi-ơ 7:20; 1 Ti-mô-thê 5:24). Sự sống đời đời có những đặc tính có thể quan sát, đức tin giả cũng vậy.

BD2011: 2 TI-MÔ-THÊ 3:10-17

¹⁰ Riêng phần con, con đã biết rõ sự dạy dỗ, nếp sống, mục đích, đức tin, sự chịu đựng, tình yêu, và sự kiên trì của ta; ¹¹ con đã biết những lần ta bị bách hại và những đau đớn đã xảy ra cho ta tại An-ti-ốt, I-cô-ni-um, và Lít-tra; ta đã chịu những trận bách hại như thế nào, nhưng Chúa đã cứu ta ra khỏi tất cả. ¹² Thật vậy tất cả những ai muốn sống một đời tin kính đạo đức trong Đức Chúa Giê-su Christ sẽ bị bách hại. ¹³ Còn những kẻ gian ác và lừa đảo sẽ càng xấu xa hơn; chúng lừa gạt người ta, và bị người ta lừa gạt. ¹⁴ Nhưng về phần con, hãy tiếp tục giữ vững những gì con đã học và đã tin, vì con biết con đã học những điều đó với ai, ¹⁵ và từ khi con còn thơ ấu, con đã biết Kinh Thánh có thể làm con khôn ngoan để hưởng ơn cứu rỗi bởi đức tin nơi Đức Chúa Giê-su Christ. ¹⁶ Cả Kinh Thánh đều được Đức Chúa Trời hà hơi soi dẫn, có ích cho sự dạy dỗ, khiển trách, sửa trị, đào tạo người trong sự công chính, ¹⁷ để người của Đức Chúa Trời có đầy đủ bản lĩnh, được trang bị sẵn sàng cho mọi việc tốt đẹp.

3:10-11

Câu 10 là sự phản nghịch với nếp sống và sự ưu tiên của các giáo sư giả. Phao-lô liệt kê sau đây những gì mà Ti-mô-thê chia sẻ trong chức vụ:

1. giáo huấn sứ đồ của Phao-lô 's Apostolic teaching (Xem 1 Ti-mô-thê 4:6)
2. nếp sống của Phao-lô
3. mục đích của Phao-lô
4. đức tin của Phao-lô (Xem 1 Ti-mô-thê 6:11)
5. sự kiên nhẫn của Phao-lô
6. tình yêu của Phao-lô (Xem 1 Ti-mô-thê 6:11)
7. sự bền đỗ của Phao-lô (Xem 1 Ti-mô-thê 6:11)
8. sự bắt bớ của Phao-lô
9. sự chịu đựng của Phao-lô (Xem 1 Cô-rin-tô 4:10-13; 2 Cô-rin-tô 4:7-11; 6:3-10; 11:23-28)

Tất cả các động từ trong 2 Ti-mô-thê 3:10-11 là THÌ QUÁ KHỨ. Phao-lô hồi tưởng các chuyến đi truyền giáo và những lần Chúa cứu ông khỏi mọi trường hợp hiểm nguy. Ông truyền đạt lại cho Ti-mô-thê bằng cách nhắc nhở.

3:11 "An-ti-ôt, I-cô-ni-um, và Lít-tra " từ Công-vụ 13, 14 chúng ta biết đây là quê hương của Ti-mô-thê.

3:12 "Thật vậy tất cả những ai muốn sống một đời tin kính đạo đức trong Đức Chúa Giê-su Christ sẽ bị bách hại." Đây là điều sừng sốt đối với các tín đồ ngày nay. Nền văn hóa Tây Phương thiếu sự bắt bớ liên hệ tới Cơ-đốc giáo. Nhưng thiếu sự bắt bớ là thiếu quyền năng và sự tin kính! Chúa Giê-su trở nên trọn vẹn trong sự đau đớn, (Xem Hê-bơ-rơ 5:8). Những gì mà Đức Chúa Trời muốn con dân Ngài phát triển để trở nên giống Đấng Christ là những điều mà tín đồ Tây Phương trốn tránh. Phong trào tìm kiếm sức khỏe, sự thịnh vượng, giàu sang đặc trưng cho thế hệ hư hỏng nuông chiều của chúng ta.

Xin để ý cụm từ: "tất cả những ai". Sự bắt bớ là điều bình thường đối với tín đồ nào tìm cầu sự tin kính trong thế gian băng hoại. Đúng vậy, ấy là điều bình thường, xin bạn đừng ngạc nhiên, (Xem Ma-thi-ơ 5:10-12; Giăng 15:18-21; 16:1-2; 17:14; Công-vụ 14:22; Rô-ma 5:3-4; 8:17; 2 Cô-rin-tô 4:16-18; Phi-líp 1:29; 2 Ti-mô-thê 1:8; 2:3; 3:12; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; Gia-cơ 1:2-4; 1 Phi-ê-rơ 4:12-19)!

Chúng ta không tìm cầu sự bắt bớ, nhưng phải chuẩn bị cho sự bắt bớ. Nếu chúng ta chịu chết hàng ngày, (Xem 2 Cô-rin-tô 5:14-15; Ga-la-ti 2:20; 1 Giăng 3:16) vì Đấng Christ, thì sự chết thuộc thể chẳng còn là điều khiếp sợ.

3:13 "Còn những kẻ gian ác và lừa đảo " Các giáo sư giả là những kẻ lang băm bịp bợm, không khác gì các thầy phù thủy (Xem 2 Ti-mô-thê 3:8).

▣ "sẽ càng xấu xa hơn;" Động từ này cũng thấy ở câu 2 Ti-mô-thê 2:16.

▣ "chúng lừa gạt người ta, " ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG, họ dắt dụ người khác lầm đường lạc lối và bản thân họ cũng bị ma quỷ dắt dẫn.

▣ "và bị người ta lừa gạt." ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG THỤ ĐỘNG. Những kẻ bị cài bẫy bởi tội lỗi, bản thân và ma quỷ cũng có xu hướng cài bẫy cho người khác.

3:14 " Nhưng về phần con, hãy tiếp tục giữ vững những gì con đã học và đã tin" đây là sự tương phản so với câu 2 Ti-mô-thê 3:13 và tiếp tục sự khích lệ từ 2 Ti-mô-thê 3:10-12. "Hãy tiếp tục..." - LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG (Xem 2 Ti-mô-thê 2:13; Tích 1:9).

3:15 "khi con còn thơ ấu," cho thấy Ti-mô-thê được giáo dục tâm linh ở nhà (Xem 2 Ti-mô-thê 1:5). Không rõ Ti-mô-thê được giáo dục về Do-thái giáo hay Cơ-đốc giáo?

▣ **con đã biết Kinh Thánh "** "Kinh Thánh" thường ám chỉ cả Cựu Ước và Tân Ước, nhưng văn cảnh của câu 16 cho thấy Phao-lô đang nói về Cựu Ước.

▣ "có thể làm con khôn ngoan để hưởng ơn cứu rỗi " Câu này chứng tỏ mục đích tối hậu của Kinh Thánh là sự cứu rỗi của con người. Nó cũng cho thấy cơ chế cứu chuộc là đáp ứng bởi đức tin nơi Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời. Đây là điều căn bản của Thông điệp Sứ Đồ (*kerygma*). Tuy nhiên, câu 17 chỉ ra thêm một mục đích nữa của Kinh Thánh (vẫn nói về Cựu Ước, bởi Tân Ước chưa hoàn tất, chưa được phổ biến rộng rãi). Mục đích đó là trang bị cho thánh đồ trở nên giống Đấng Christ. Phao-lô thường dùng Cựu Ước để khích lệ tín hữu sống tin kính. Cựu Ước không dùng để tuyên xưng công chính, (Xem Ga-la-ti 3), nhưng có thể dùng để thánh hóa. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 1:8. Tín đồ

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC BÀI GIẢNG (*KERYGMA*) CỦA HỘI THÁNH ĐẦU TIÊN **The *Kerygma* Of The Early Church**

1. Lời hứa của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước giờ đây được ứng nghiệm khi Chúa Jê-sus, Đấng Mê-si-a đến (Công vụ 2:30; 3:19,24; 10:43; 26:6-7, 22; Rô-ma 1:2-4; I Ti-mô-thê 3:16; Hê-bơ-rơ 1:1-2; I Phi-e-rơ 1:10-12; II Phi-e-rơ 1:18-19).
2. Chúa Jê-sus được Đức Chúa Trời xức dầu làm Đấng Mê-si-a trong báp têm của Ngài (Công vụ 10:38).
3. Chúa Jê-sus bắt đầu chức vụ tại Ga-li-lê sau khi chịu báp têm (Công vụ 10:37).
4. Chức vụ của Ngài được thể hiện qua các việc lành và làm phép lạ bởi quyền năng Đức Chúa Trời (Mác 10:45; Công vụ 2:22; 10:38).
5. Đấng Mê-si-a bị đóng đinh theo chương trình của Đức Chúa Trời (Mác 10:45; Giăng 3:16; Công vụ 2:23; 3:13-15, 18; 4:11; 10:39; 26:23; Rô-ma 8:34; I Cô-rinh-tô 1:17-18; 15:3; Ga-la-ti 1:4; Hê-bơ-rơ 1:3; I Phi-e-rơ 1:2, 19; 3:19; I Giăng 4:10).
6. Ngài sống lại từ trong kẻ chết và hiện ra cho các môn đồ (Công vụ 2:24, 31-32; 3:15,26; 10:40-41; 17:31; 26:23; Rô-ma 8:34; 10:9; I Cô-rinh-tô 15:4-7, 12 và các câu sau; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:10; I Ti-mô-thê 3:16; I Phi-e-rơ 1:2; 3:18,21).
7. Ngài được Đức Chúa Trời tôn cao và được gọi là "Chúa" (Công vụ 2:25-29, 33-36; 3:13; 10:36; Rô-ma 8:34; 10:9; I Tim 3:16; Hê-bơ-rơ 1:3; I Phi-e-rơ 3:22).
8. Ngài ban Đức Thánh Linh xuống để thành lập một cộng đồng mới của Đức Chúa Trời (Công vụ 1:8; 2:14-18, 38-39; 10:44-47; I Phi-e-rơ 1:12)
9. Ngài sẽ trở lại để đoán xét và phục hồi mọi điều (Công vụ 3:20-21; 10:42; 17:31; I Cô-rinh-tô 15:20-28; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:10)
10. Tất cả những ai nghe sứ điệp này nên ăn năn và chịu báp têm (Công vụ 2:21, 38; 3:19; 10:43, 47-48; 17:30; 26:20; Rô-ma 1:17; 10:9; I Phi-e-rơ 3:21).

Tất cả những điểm trên đã được sử dụng như một sơ đồ thiết yếu cho việc công bố tin mừng của Hội thánh đầu tiên, dầu rằng các tác giả trong Tân Ước có thể bỏ qua một phần nào đó hoặc nhấn mạnh đến một số điểm đặc biệt khác trong sơ đồ này khi họ giảng. Toàn bộ Phúc âm theo Mác theo sát quan điểm của Phi-e-rơ về sự giảng dạy *kerygma* này. Truyền thống cho rằng Mác hệ thống lại các bài giảng của Phi-e-rơ giảng ở Rô-ma, và gộp lại thành Phúc âm Mác. Cả Ma-thi-ơ và Lu-ca đều theo cấu trúc cơ bản của Mác.

3:16 "Cả Kinh Thánh " Không có MAO TỬ đứng trước "Kinh Thánh", vậy có thể dịch là tất cả từng câu Kinh Thánh. ("every Scripture" - NET Bible), nhưng đối với một số người nó cũng ám chỉ từng chân lý riêng biệt. Một căn bệnh của phương pháp nghiên cứu Kinh Thánh hiện đại là giải kinh theo "chứng minh văn bản" / "proof-text", trong đó người ta "lựa chọn tùy ý" những câu phù hợp với quan điểm, không đếm xỉa tới văn cảnh, và dụng ý của tác giả được thần cảm khi viết câu đó.

▣ **"đều được Đức Chúa Trời hà hơi soi dẫn,"** Theo nghĩa đen "Đức Chúa Trời thổi ra." "Hà hơi" thế nào là điều không rõ, nhưng Ai hà hơi và lý do là những điều cụ thể. Trong 2 Phi-ê-rơ 1:21 Đức Thánh Linh là Đấng hà hơi, còn ở đây là Đức Chúa Cha. Cả hai đều năng động trong lĩnh vực Thần Cảm. Đtrích dẫn ghi chú giải kinh từ câu 2 Phi-ê-rơ 1:20-21 (see www.freebiblecommentary.org.) sau đây

Phi-ê-rơ 1:20 "Kinh Thánh" Đây là một trong những ví dụ nói về Đức Chúa Trời tự mặc khải trong cách sách Tân Ước và Cựu Ước (tức là Kinh Thánh).

1. Ma-thi-ơ 5:17-19
2. 1 Cô-rin-tô 2:9-13
3. 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
4. 2 Ti-mô-thê 3:16
5. 1 Phi-ê-rơ 1:23-25
6. 2 Phi-ê-rơ 1:20-21
7. 2 Phi-ê-rơ 3:15-16

Trong ý nghĩa của các câu này, Kinh Thánh từ Đức Chúa Trời và bởi Đức Chúa Trời, chứ không từ nguồn của con người. Đức Chúa Trời thần cảm các tác giả (Xem 2 Phi-ê-rơ 1:20-21) và văn tự họ viết (Xem 2 Ti-mô-thê 3:16).

▣ **"có thể được giải nghĩa theo ý riêng của một người nào"** Câu này chỉ ra tình trạng căng thẳng thời đó, giữa các giáo sư giả và hội thánh. Có thể các giáo sư giả cũng dẫn chứng Kinh Thánh theo ý riêng của họ (cũng thường xảy ra trong ngày hôm nay)

Theo văn cảnh, khó mà biết được câu này nói về (1) các tác giả Cựu Ước hay (2) các giáo sư giả đương thời. Nếu nói về khả năng thứ nhất (tác giả Cựu Ước), nó nói về khái niệm thần cảm (Xem 2 Ti-mô-thê 3:16). Câu tiếp theo xác nhận cách giải kinh này. Nếu nói về khả năng thứ hai (giáo sư giả), nó nói về khái niệm làm sáng tỏ (illumination) (tức là Đức Thánh Linh hướng dẫn tín đồ giải kinh). Cũng nên khẳng định là khái niệm "chức vụ thầy tế lễ của tín đồ" thường được hiểu là Đức Thánh Linh ban cho khả năng giải kinh cho cá nhân. Tuy nhiên theo Kinh Thánh, câu này nói về HT, với tư cách tác nhân để hoàn tất Sự Mạng Trọng đại. Xem 1 Phi-ê-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:6. Xin để ý cả Cựu Ước, Xuất Ê-díp-tô 19:6 và câu Tân Ước "chức vụ thầy tế lễ của tín đồ" ở trong số nhiều, nói về tập thể chứ không về cá nhân từng người.

Phi-ê-rơ 1:21 "người ta được Đức Thánh Linh cảm thúc" Nghĩa đen là "nâng ầm" ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ HIỆN TẠI DẠNG THỤ ĐỘNG. Nó thêm phần nhấn mạnh cho chân lý: Kinh Thánh là sứ điệp của Đức Chúa Trời chứ không phải của con người. Mặc dù Kinh Thánh được viết bằng ngôn ngữ con người, nhưng đó là con người được hướng dẫn bởi Thánh Linh để viết. Kinh Thánh không chứa đựng hết chân lý, vì không con người nào có thể hiểu hết. Nhưng những gì được viết đều đáng tin cậy và đầy đủ để hiểu về Đức Chúa Trời, về tội lỗi về sự tin kính và về cõi vĩnh hằng. Các phương pháp thần cảm khác nhau:

1. Thân hiện hiện (hiện ra)
2. bắt thăm Urim và Thummin.
3. giấc mơ
4. khải thị
5. xuất thần
6. thiên sứ
7. hành động biểu tượng
8. sự kiện đặc biệt và giải kinh

Câu hỏi còn lại: (1) Phải chăng Đức Chúa Trời ban cho nội dung sứ điệp, còn con người lựa chọn hình thức trình bày sứ điệp, hoặc (2) Đức Chúa Trời ban cho cả hai ?

▣ **"có ích cho sự dạy dỗ, khiển trách, sửa trị, đào tạo . . ."** Lời của Đức Chúa Trời (Kinh Thánh) được đặc trưng như sau:

1. Đức Chúa Trời –hà hơi
2. Có ích
 - a. cho (*pros*) dạy dỗ
 - (1) tính cục, 2 Phi-ê-rơ 3:10; 1 Ti-mô-thê 5:17
 - (2) tiêu cục, 2 Phi-ê-rơ 4:3
 - b. cho (*pros*) khiển trách
 - c. cho (*pros*) sửa trị
 - d. cho (*pros*) huấn luyện (kỹ luật con trẻ, Xem Hê-bơ-rơ 12:5,7,8,11) trong công chính
 - e. để (*hina*) người của Đức Chúa Trời được đầy đủ, 2 Phi-ê-rơ 3:17
 - f. trang bị cho (*pros*) mọi việc tốt lành, 2 Phi-ê-rơ 3:17

Thuật ngữ “Kinh Thánh” được các tác giả Tân Ước trích dẫn, luôn là Cựu Ước (Luật Pháp và Tiên Tri). Cựu Ước vận hành trong sự thánh hóa, chứ không trong sự tuyên xưng công chính (Xem Ga-la-ti 3). Sự cứu rỗi (tức là tuyên xưng công chính) chỉ có trong Đấng Christ qua đức tin (Xem 2 Phi-ê-rơ 1:14).

Có hai câu chứa đựng hai vế của Sứ Mạng Trọng Đại.

1. làm môn đệ (Ma-thi-ơ 28:19)
2. dạy dỗ họ (Ma-thi-ơ 28:20)

hai vế phải đi với nhau. Sự trưởng thành, tức là sự giống Đấng Christ là mục tiêu.

▣ "trong sự công chính," Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu Tịch 2:12.

3:17 " để người " Câu chủ đích (i.e., *hina*) có thể dịch “để cho...” “để được”

▣ "đầy đủ bản lĩnh," chỉ xuất hiện ở đây, có nghĩa “đầy đủ, có khả năng, hiệu quả, hoàn toàn thích nghi”

▣ "được trang bị sẵn sàng" "đầy đủ" (*artios*) và "trang bị" (*exartizo*) là hai từ cùng gốc COGNATE VERBS được dùng cho việc trang bị một người cho một sứ mạng đặc biệt. (Xem Ê-phê-sô 4:12). Nói về ân tứ, về mức độ trưởng thành hiệu quả, (sự giống Chúa) được đem lại bởi Đức Thánh Linh qua Kinh Thánh (2 Ti-mô-thê 3:16). Sự cứu rỗi được ban bởi công việc của Đấng Christ và đức tin, sự tin cậy của con người (Xem 2 Ti-mô-thê 3:15).

▣ "cho mọi việc tốt đẹp" Những gì Đức Chúa Trời gọi tới (Xem E ph. 2:0), Ngài sẽ trang bị cho chúng ta thực hiện (Xem 2 Ti-mô-thê 2:21)!

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp anh chị em suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Câu “Những ngày sau rớt” ám chỉ ý nghĩa gì?
2. Loại giáo sư giả nào Phao-lô nhắc tới? họ tin những điều gì?
3. Liệt kê 9 điều Phao-lô muốn Ti-mô-thê noi gương trong câu 10-11.
4. Các câu 15-17 nói gì về thân cảm?
5. Lời Hằng Sống - Chúa Giê-su, liên hệ tới Lời được viết – Kinh Thánh, như thế nào ?

2 TI-MÔ-THÊ 4

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Chỉ thị cuối (3:10-4:8)	Giăng Phúc Âm	Mục sư và đàn chiên (2:14-4:5)	Hướng dẫn cuối (3:10-4:8)	Chỉ thị nghiêm túc
		3:10-4:5	3:10-4:5	
4:1-5	4:1-5			4:1-5
	Phao-lô từ biệt	Cỗ vũ lần cuối		Phao-lô cuối đời
4:6-8	4:6-8	4:6-8	4:6-8	4:6-8
Hướng dẫn cá nhân	Sứ đồ bị bỏ rơi		Lời cá nhân	Lời khuyên cuối
4:9-15	4:9-16	4:9-15	4:9-13 4:14-15	4:9-15
4:16-18		4:16-18	4:16-18	4:16-18
	Chúa thành tín 4:17-18			
Chào tạm biệt	Đến trước mùa đông		Chào lần cuối	Tạm biệt, chúc phước
4:19-22	4:19-21	4:19-21	4:19-21a	4:19-21a
	Farewell		4:21b	4:21b
	4:22	4:22	4:22a	4:22
			4:22b	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của anh chị em với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2

3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

BD2011: 2 TI-MÔ-THÊ 4:1-5

Trước mặt Đức Chúa Trời và Đức Chúa Giê-su Christ, Đấng sẽ phán xét người sống và người đã chết, với viễn ảnh về sự hiện đến của Ngài và vương quốc của Ngài, ta nghiêm túc truyền cho con: ² Hãy giảng Đạo, ³ hãy sẵn sàng bất luận gặp thời hay không gặp thời, hãy thuyết phục, khiển trách, khuyên bảo, với tất cả lòng nhẫn nại và tinh thần giáo huấn. ³ Vì sẽ có lúc người ta không muốn nghe ⁴ giáo lý lành mạnh, nhưng muốn theo dục vọng mình, quy tụ quanh mình các giáo sư giảng những lời làm đã ngừa lỗ tai. ⁴ Họ sẽ ngoảnh tai khỏi chân lý, nhưng hướng tai về những chuyện hoang đường. ⁵ Nhưng về phần con, hãy điềm tĩnh trong mọi sự, hãy chịu đựng gian khổ, hãy thi hành công việc của người rao giảng Tin Mừng, hãy chu toàn chức vụ của con.

4:1 "ta nghiêm túc truyền cho con: " Phao-lô tiếp tục trưng bày sứ mạng của Ti-mô-thê và khích lệ người hành động. (Xem 1 Ti-mô-thê 5:21; 6:13; 2 Ti-mô-thê 2:14; 4:1). Xin nhớ rằng đây là bức thư cuối cùng của ông trước khi từ đạo (cuối năm 67 đầu năm 68).

▣ **"Trước mặt Đức Chúa Trời và Đức Chúa Giê-su"** The Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con được liên hệ với nhau với mục đích nhấn mạnh sự bình đẳng (xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THE TRINITY ở câu Tích 3:6). Lãnh đạo hội thánh sống và phục vụ trước mặt Đức Chúa Trời và Đấng Christ.

▣ **"Đấng sẽ phán xét "** Danh hiệu Cựu Ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được dùng ở đây cho Chúa Giê-su. Điều này chứng tỏ Thần Đức trọn vẹn của Ngài (Xem Ma-thi-ơ 25:31 và các câu tiếp; Công-vụ 10:42; 17:31; Rô-ma 2:16; 1 Phi-ê-rơ 4:5); Christ là tác nhân của Đức Chúa Cha trong tạo hóa, (Xem Giảng 1:3; 1 Cô-rin-tô 8:6; Cô-lô-sê 1:16; Hê-bơ-rơ 1:2), Ngài cũng là tác nhân của Đức Chúa Cha trong phán xét.

▣ **"người sống và người đã chết"** Nói về Chúa Giê-su phán xét tất cả tạo vật có lương tâm, (Xem Phi-líp 2:10). Cụm từ này cũng xuất hiện ở câu Công-vụ 10:42 và 1 Phi-ê-rơ 4:5. Một số người sẽ còn sống ở thời điểm Tái Lâm (Xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18; Một số người đã về nước Chúa (Xem 2 Cô-rin-tô 5:8); và một số người và kẻ xấu, đang ở địa ngục (Hades) (Xem Khải Huyền 20:13; Ma-thi-ơ 11:23; Lu-ca 16:23).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGƯỜI CHẾT Ở ĐÂU?

Where Are the Dead?

I. Cựu Ước

A. Cả nhân loại đến *She'ol* (không rõ từ nguyên), là một cách đề cập đến cái chết hay là phần mộ thường xuất hiện trong thể loại văn chương khôn ngoan và sách Ê-sai. Theo Cựu Ước, nó là sự hiện hữu không cảm xúc, mờ ảo nhưng có nhận thức (xem Gióp 10:21-22; 38:17; Thi-thiên 107:10,14).

B. Đặc tính của *She'ol*

1. liên hệ với sự phán xét (bằng lửa) của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22
2. gắn liền với hình phạt trước Ngày Đoán Xét, Thi-thiên 18:4-5
3. liên kết với chữ *Abaddon* (sự huỷ diệt), nhưng cũng mở rộng chỉ về Đức Chúa Trời, xem Gióp 26:6; Thi-thiên 139:8; A-môt 9:2
4. liên hệ với khái niệm "hố" (mỏ mả), Thi-thiên 16:10; Ê-sai 14:15; Ê-xê-chi-ên 31:15-17
5. kẻ ác xuống thẳng đến *She'ol* đang khi còn sống, Dân-số Ký 16:30,33; Thi-thiên 55:15
6. thường được mô tả như là một con thú có mõm lớn, Dân-số Ký 16:30; Ê-sai 5:14; 14:9; Ha-ba-cúc 2:5
7. người ở nơi đó gọi là *Shades*, Ê-sai 14:9-11

II. Tân Ước

- A. Chữ *She'ol* trong tiếng Do thái được dịch sang tiếng Hy Lạp là *Hades* (thể giới vô hình)
- B. Đặc tính của *Hades*
1. đề cập đến cái chết, Ma-thi-ơ 16:18
 2. liên kết với sự chết, Khải-huyền 1:18; 6:8; 20:13-14
 3. thường trình bày tương tự như nơi của sự hình phạt đời đời (*Gehenna*), Ma-thi-ơ 11:23 (trích dẫn Cựu Ước); Lu-ca 10:15; 16:23-24
 4. thường trình bày tương tự như phần mộ, Lu-ca 16:23
- C. Sự phân biệt khả dĩ theo các tu sĩ Do-Thái-Giáo
1. Nơi dành cho người công chính gọi là thiên đàng (thật ra là một tên gọi khác chỉ thiên đàng, xem II Cô-rinh-tô 12:4; Khải-huyền 2:7), Lu-ca 23:43
 2. Phần dành cho người độc ác gọi là *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4, là nơi giam giữ những ác thần (xem Sáng-thế Ký 6; I Hê-nóc)
- D. *Gehenna*
1. Phản ảnh cụm từ trong Cựu Ước “thung lũng của các con trai Hinnom,” (phía nam của Giê-ru-sa-lem). Đó là nơi các trẻ em bị cúng tế cho thần lửa của người Phoenician, *Molech* (xem II Các Vua 16:3; 21:6; II Sử ký 28:3; 33:6), tập tục này bị nghiêm cấm trong Lê-vi Ký 18:21; 20:2-5
 2. Giê-rê-mi đổi địa điểm này từ nơi thờ phượng ngoại giáo thành nơi cho sự phán xét của Đức Giê-hô-va (xem Giê-rê-mi 7:32; 19:6-7). Nó trở thành nơi của sự phán xét đời đời trong I Hê-nóc 90:26-27 và Sib. 1:103.
 3. Người Do thái trong thời của Đức Chúa Giê-xu kinh hãi bởi tập tục dâng hiến trẻ em để thờ phượng thần ngoại bang của tổ phụ họ đã biến nơi đây thành bãi rác cho Giê-ru-sa-lem. Nhiều hình ảnh ẩn dụ về sự phán xét đời đời của Đức Chúa Giê-xu xuất phát từ bãi rác này (lửa, khói, sâu bọ, mùi hôi, xem Mác 9:44,46). Chữ *Gehenna* chỉ được dùng bởi Đức Chúa Giê-xu (ngoại trừ trong Gia-cơ 3:6).
 4. Cách sử dụng chữ *Gehenna* của Đức Chúa Giê-xu
 - a. lửa, Ma-thi-ơ 5:22; 18:9; Mác 9:43
 - b. vĩnh viễn, Mác 9:48 (Ma-thi-ơ 25:46)
 - c. nơi huỷ diệt (cả linh hồn và thể xác), Ma-thi-ơ 10:28
 - d. tương đương với *She'ol*, Ma-thi-ơ 5:29-30; 18:9
 - e. đặc tính của kẻ ác là “con địa ngục” Ma-thi-ơ 23:15
 - f. kết án, Ma-thi-ơ 23:33; Lu-ca 12:5
 - g. khái niệm *Gehenna* tương đương với sự chết thứ hai (xem Khải-huyền 2:11; 20:6,14) hoặc là hồ lửa (xem Ma-thi-ơ 13:42,50; Khải-huyền 19:20; 20:10,14-15; 21:8). Có thể rằng hồ lửa là nơi giam giữ đời đời cho con người (theo chữ *She'ol*) và các ác thần (theo chữ *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4; Giu-đe 6 hay là địa ngục, xem Lu-ca 8:31; Khải-huyền 9:1-10; 20:1,3).
 - h. Nơi này không dành cho con người nhưng cho Sa-tan và những quỷ sứ của nó, Ma-thi-ơ 25:41
- E. Bởi sự chông chéo ý nghĩa của ba chữ *She'ol*, *Hades*, và *Gehenna* có lẽ
1. trong nguyên thủy cả nhân loại sẽ đến *She'ol/Hades*
 2. trải nghiệm của họ nơi đó (tốt hay xấu) càng tăng thêm sau ngày phán xét, nhưng chỗ dành cho kẻ ác vẫn là một (đây là lý do bản Kinh thánh KJV dịch chữ *hades* (phần mộ) giống như chữ *gehenna* (địa ngục).
 3. chỉ trong bản văn Tân Ước mới nhắc đến sự đau đớn trước ngày phán xét trong Lu-ca 16:19-31 (câu chuyện La-xa-rơ và người giàu có). *She'ol* được mô tả là nơi của sự hình phạt ngay hiện tại (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22; Thi-thiên 18:1-5). Tuy nhiên, chúng ta không thể xây dựng giáo lý chỉ dựa vào câu chuyện này.
- III. Nơi ở trung chuyển giữa cái chết và sự phục sinh
- A. Tân Ước không dạy về “sự bất diệt của linh hồn”, là một trong vài quan điểm cổ xưa về đời sau.
1. linh hồn con người đã hiện hữu trước đời sống thể chất của họ
 2. linh hồn con người tồn tại trước và sau cái chết thuộc thể
 3. thông thường thân thể bị xem như ngục tù giam giữ linh hồn và cái chết được xem như là sự phóng thích linh hồn trở về trạng thái trước đó.
- B. Tân Ước gợi ý cách gián tiếp về giai đoạn lia khỏi thân xác giữa cái chết và sự phục sinh
1. Đức Chúa Giê-xu nói về sự phân chia giữa thân xác và linh hồn, Ma-thi-ơ 10:28

2. Áp-ra-ham có thể có thân thể hiện thời, Mác 12:26-27; Lu-ca 16:23
3. Môi-se and Ê-li có thân thể trong Sự Hóa Hình, Ma-thi-ơ 17
4. Phao-lô quả quyết rằng trong sự đến lần thứ hai, các linh hồn ở với Đấng Christ sẽ được nhận lấy một thân thể mới trước nhất, II Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18
5. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ nhận lãnh thân thể thiêng liêng mới trong Ngày Phục Sinh, I Cô-rinh-tô 15:23,52
6. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ không đến *Hades*, nhưng khi chết ở với Đức Chúa Giê-xu, II Cô-rinh-tô 5:6,8; Phi-líp 1:23. Đức Chúa Giê-xu đã đắc thắng sự chết và đem những người công chính lên thiên đàng với Ngài, I Phi-e-rơ 3:18-22.

IV. Thiên đàng

- A. Chữ này được sử dụng trong Kinh thánh với ba ý nghĩa.
 1. khoảng không phía trên trái đất, Sáng-thế Ký 1:1,8; Ê-sai 42:5; 45:18
 2. các tầng trời, Sáng-thế Ký 1:14; Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; Thi-thiên 148:4; Hê-bơ-rơ 4:14; 7:26
 3. ngôi của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; I Các Vua 8:27; Thi-thiên 148:4; Ê-phê-sô 4:10; Hê-bơ-rơ 9:24 (tầng trời thứ ba, II Cô-rinh-tô 12:2)
- B. Kinh thánh không tiết lộ nhiều đời sau. Có lẽ bởi vì nhân loại đã sa ngã không thể nào hay không có khả năng để hiểu (xem I Cô-rinh-tô 2:9).
- C. Thiên đàng là khái niệm cả về nơi chốn (xem Giăng 14:2-3) và là thân vị (xem II Cô-rinh-tô 5:6,8). Thiên đàng có thể là Vườn Ê-đen được phục hồi (Sáng-thế Ký 1-2; Khải-huyền 21-22). Trái đất sẽ được tẩy sạch và phục hồi (xem Công-vụ 3:21; Rô-ma 8:21; II Phi-e-rơ 3:10). Hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sáng-thế Ký 1:26-27) đã được khôi phục trong Đấng Christ. Giờ đây, mỗi tương giao gần gũi trong vườn Ê-đen có thể tái lập.

Tuy nhiên, đây có thể là hình ảnh ẩn dụ (thiên đàng như là thành phố lớn theo hình khối vĩ đại theo Khải-huyền 21:9-27). I Cô-rinh-tô 15 mô tả sự khác biệt giữa hình thể vật chất và thể chất tâm linh giống như là so sánh giữa hạt giống với cây lớn đã trưởng thành. Một lần nữa I Cô-rinh-tô 2:9 (một trích dẫn từ Ê-sai 64:4 và 65:17) là nguồn hy vọng và lời hứa to lớn. Tôi biết rằng khi chúng ta xem thấy Ngài thì chúng ta được giống như Ngài (xem I Giăng 3:2).

V. Những nguồn tài liệu hữu ích

- A. William Hendriksen, *The Bible On the Life Hereafter*
- B. Maurice Rawlings, *Beyond Death's Door*

▣ **"với viễn ảnh về sự hiện đến của Ngài "** Nghĩa đen là *epiphany*, bao gồm "Sáng láng, rực rỡ, huy hoàng, hay vinh quang". Nó có thể gợi nhớ tới khái niệm vinh hiển từ Cựu Ước về sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong *Shekinah*, đám mây vinh hiển trong thời lang thang trong đồng vắng của I-sơ-ra-en trong Xuất Ê-díp-tô ký. Hình ảnh này mang tính đặc thù cho các thư Linh Vụ về sự Tái Lâm (Xem I Ti-mô-thê 6:14; 2 Ti-mô-thê 1:10; 4:1,8; Tích 2:11,13; 3:4; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:8). Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu Tích 2:13.

Phao-lô khuyên Ti-mô-thê làm một số điều trong ánh sáng Ngày Phán Xét / Ngày Phục sinh. Sự Đến Lần thứ Hai là điều khích lệ với tất cả mọi thế hệ, nhưng là thực tế cho một thế hệ. Tín đồ nên sống như hôm nay là ngày bình thường, hoặc có thể là ngày cuối cùng.

▣ **"vương quốc của Ngài,"** nước Trời là sự tể trị của Đức Chúa Trời trong trái tim tín đồ, và sẽ được hoàn tất trong tất cả tạo hóa. (Xem Ma-thi-ơ 6:10). Vương quốc Đức Chúa Trời được phó thác cho Đức Chúa Con. Chúa Giê-su Christ được miêu tả trong ba vai trò Lai thế Học: (1) thẩm Phán, (2) Đấng Tái Lâm, (3) Vua.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI **The Kingdom Of Đức Chúa Trời**

Trong Cựu Ước người ta cho rằng Đức Giê-hô-va là Vua của Y-sơ-ra-ên (I Sa-mu-ên 8:7; Thi-thiên 10:16; 24:7-9; 29:10; 44:4; 89: 18; 95:3; Ê-sai 43:15; 4:4, 6) và Đấng Mê-si-a là vị Vua lý tưởng (Thi-thiên 2:6). Qua sự

giáng sinh của Chúa Jê-sus tại Bết-lê-hem, vương quốc Đức Chúa Trời đã bước vào lịch sử nhân loại đem theo quyền năng và sự cứu rỗi (Giao ước mới, Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:27-36). Giảng Báp-tít công bố nước Đức Chúa Trời đã đến gần (Ma-thi-ơ 3:2; Mác 1:15). Chúa Jê-sus dạy rõ ràng rằng nước Trời ở trong Ngài và trong lời dạy của Ngài (Ma-thi-ơ 4:17, 23; 9:35; 10:7; 11:11-12; 12:28; 16:19; Mác 12:34; Lu-ca 10:9, 11; 11:20; 12:31-32; 16:16; 17:21). Tuy nhiên, nước Trời cũng ở trong tương lai (Ma-thi-ơ 16:28; 24:14; 26:29; Mác 9:1; Lu-ca 21:31; 22:16, 18).

Trong các sách Tin lành cộng quan Mác và Lu-ca, chúng ta thấy cụm từ “nước Đức Chúa Trời.” Chủ đề thường xuyên này trong các lời dạy của Chúa Jê-sus bao gồm sự cai trị trong hiện tại của Đức Chúa Trời trong tâm lòng của con người mà trong một ngày nào đó sẽ hoàn tất trên cả trái đất. Điều này thể hiện trong lời cầu nguyện của Chúa Jê-sus trong Ma-thi-ơ 6:10. Vì viết cho người Do thái, Ma-thi-ơ muốn dùng cụm từ không đụng đến tên của Đức Chúa Trời (cho nên ông viết là ‘Nước Trời,’ trong khi Mác và Lu-ca viết cho người ngoại, thì dùng cách chỉ định phổ biến cho danh xưng của thần thánh).

Đây là cụm từ chìa khóa quan trọng trong các Phúc âm Cộng quan. Bài giảng đầu tiên và bài giảng cuối của Chúa Jê-sus, và hầu hết các ẩn dụ của Ngài, đều xoay quanh chủ đề này. Nó chỉ quyền cai trị của Đức Chúa Trời trong tâm lòng con người ngay bây giờ! Điều ngạc nhiên là Giảng chỉ dùng cụm từ này hai lần mà thôi (trong các ẩn dụ của Chúa Jê-sus thì không hề có cụm từ này). Trong Phúc Âm Giảng “sự sống đời đời” là từ chìa khóa và là hình ảnh chính.

Sự căng thẳng liên quan đến chủ đề này xảy ra bởi hai lần đến của Đấng Christ. Cựu Ước chỉ chú trọng đến một lần đến của Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời-lần đến trong huy hoàng kèm theo sự phán xét và binh đao - nhưng Tân Ước cho biết Chúa Jê-sus đến lần đầu làm một Đầy tớ chịu khổ theo Ê-sai 53 và một vị Vua khiêm nhường theo Xa-cha-ri 9:9. Hai thời kỳ của người Do thái, thời kỳ gian ác và thời kỳ công bình, trùng lặp nhau. Chúa Jê-sus đang trị vì trong tâm lòng những người tin Chúa, nhưng một ngày nào đó sẽ cai trị toàn cả cõi sáng tạo. Ngài sẽ đến như Cựu Ước đã tiên đoán! Những người tin Chúa sống trong tình trạng “đã rồi” nhưng “chưa” của vương quốc Đức Chúa Trời (xem Gordon D. Fee và Douglas Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 131-134).

4:2 "Hãy giảng Đạo" Đây là LỜI MỆNH LỆNH thứ nhất trong một loạt 9 LỜI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ Sứ điệp của chúng ta là (*logos*) là Chúa Giê-su (Xem Cô-lô-sê 4:3). Ngài là Phúc Âm, là Ngôi Lời (Giăng 1:1).

▣ **"hãy sẵn sàng bất luận gặp thời hay không gặp thời, "** LỜI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG. Nghĩa đen là “trong thời” (*eukairōs*) và “ngoài thời” (*akairōs*). Điều này miêu tả Sứ mạng Trọng Đại của Cơ-đốc giáo (Xem Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:46-47; Công-vụ 1:8). Khi nghỉ ngơi, hãy chia sẻ Phúc Âm, nó luôn luôn là điều đáng làm.!

▣ **"hãy thuyết phục, "** Theo nghĩa đen “thử nghiệm để chấp nhận” (Xem 1 Ti-mô-thê 5:20; Tít 1:13; 2:15).

▣ **"khiến trách"** LỜI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG (Xem Lu-ca 17:3; 23:40).

▣ **"khuyến bảo"** LỜI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG, thuật ngữ này có cùng gốc với “khích lệ”. Khiến trách, phê phán mà không có sự khích lệ, kiên nhẫn, không phải là cách cư xử kiểu Cơ-đốc. (Xem 2 Ti-mô-thê 3:10; 1 Ti-mô-thê 1:16).

▣ **"với tất cả lòng nhẫn nại "** xem ghi chú ở câu 1 Ti-mô-thê 1:16.

4:3 " Vì sẽ có lúc " đây ám chỉ thời Phao-lô, nhưng có người cho là đây là mọi thời chung chung và có người khác cho đây là ngày tận thế một cách đặc thù. (Xem 2 Ti-mô-thê 3:1; 1 Ti-mô-thê 4:1-2).

▣ **"người ta không muốn nghe giáo lý lành mạnh"** Nhiều lời trong các thư Linh Vụ được thấy trong Lu-ca. Có thể Phao-lô sử dụng Lu-ca làm thư ký để viết những thư này.

Thuật ngữ “lành mạnh” thường được dùng bởi Lu-ca (Xem Lu-ca 5:31; 7:10; 15:27, etc.). Nó là ngôn ngữ thường gặp trong các thư Linh Vụ miêu tả về đức tin và tín lý. (Xem 1 Ti-mô-thê 4:6; 6:3; 2 Ti-mô-thê 1:13; 4:8; Tích 1:9,13; 2:1,2,8).

▣ **“nhưng muốn theo dực vọng mình,”** Câu này nói về các giáo sư giả (Xem 2 Ti-mô-thê 4:4) và môn đồ của họ. Họ chỉ nghe những gì họ muốn!

▣ **“quy tụ quanh mình các giáo sư giảng những lời làm đã ngã lổ tai.”** Họ chỉ muốn nghe:

1. những ai đồng ý với họ. (Xem Giê-rê-mi 5:31)
2. những ai giảng điều mới lạ và mang tính suy đoán
3. nhiều loại giáo sư (luôn luôn tham dự hội thảo mới)

4:4 "Họ sẽ ngoảnh tai khỏi chân lý, nhưng hướng tai về những chuyện hoang đường." Thuật ngữ đầu tiên nói về sự đồi bại trong Tích 1:14 (Xem 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:11) hoặc từ bỏ hàng ngũ trong 2 Ti-mô-thê 1:15. Thuật ngữ thứ hai được dùng thường xuyên trong các thư Linh Vụ (Xem 1 Ti-mô-thê 1:6; 5:15; 6:20; 2 Ti-mô-thê 4:4).

Cả hai thuật ngữ đều dựa theo ý tưởng Cựu Ước về công chính như là thước đo, hoặc “cạnh thẳng” (straightedge), Tất cả tội lỗi đều là sự sai lệch khỏi cạnh thẳng. Các giáo sư giả trốn chạy khỏi tín lý lành mạnh để hướng vào huyền thoại.

▣ **“khỏi chân lý”** Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Chân lý/ Truth ở câu 1 Ti-mô-thê 2:4.

▣ **“chuyện hoang đường”** Khái niệm này thường được dùng trong các thư Linh Vụ (Xem 1 Ti-mô-thê 1:4; 4:7; Tích 1:14; 3:9; 2 Phi-ê-rơ 1:16). Có thể ám chỉ

1. các thứ bậc *aeons* theo Tri-hệ giáo (tầng lớp thiên sứ giữa thần tối cao tốt lành và linh cấp thấp tạo ra vật chất)
2. gia phả Đấng Mê-si-a theo Do-thái
3. một số “phúc âm” không được quy kinh điển.

Để có cuộc tranh luận về ý nghĩa “huyền thoại” xin đọc cuốn *The Language and Imagery of the Bible* của ông G. B. Caird, , trang. 219-242.

4:5 Thêm một sự khác biệt giữa hành động của Ti-mô-thê và của các giáo sư giả.

hãy điềm tĩnh trong mọi sự,

RVV11; “hãy tiết độ trong mọi sự”

VB1925: “hãy tiết độ trong mọi sự”

NASB "tĩnh táo trong mọi sự"

NKJV "hãy cẩn thận trong mọi sự"

NRSV "luôn tĩnh táo"

TEV "giữ quyền kiểm soát bản thân trong mọi hoàn cảnh"

NJB "phải giữ vững tất cả thời gian"

LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG CHỦ ĐỘNG. Đây không nói về sự kiêng rượu hay cầm cờ. Xin xem ghi chú đầy đủ ở câu 1 Ti-mô-thê 3:2.

hãy chịu đựng gian khổ,

NASB "hãy chịu khó khăn"

NKJV "hãy chịu đau đớn"

NRSV, TEV "hãy chịu đau khổ"

Đây là một loạt ba **LỜI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG.** Thuật ngữ này được dùng 3 lần trong 2 Ti-mô-thê (Xem 2 Ti-mô-thê 1:8; 2:3,9; 4:5). Nói về sự bắt bớ và thiệt thòi bởi chức vụ Phúc Âm

▣ **"hãy thi hành công việc của người rao giảng Tin Mừng, " LỜI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG** thứ hai trong phân đoạn này. DANH TỪ "người rao giảng Tin Lành" được dùng ba lần trong Tân Ước

1. bảy con gái của tiên tri Phillip (Xem Công-vụ 21:8)
2. một lãnh đạo hội thánh địa phương có tài (Xem Ê-phê-sô 4:11)
3. và ở đây

Thuật ngữ "Phúc Âm" (*euangelion*) có nghĩa đen là "tin lành, tin mừng". Người rao giảng tin mừng được gọi là (*euangelistēs*).

Người có ơn rao giảng Tin Mừng là món quà cho hội thánh (Xem 1 Phi-ê-rô 3:15; Cô-lô-sê 4:6), nhưng rao giảng Tin Mừng cũng là trách nhiệm mỗi người. Tín đồ không những xác nhận Sứ mạng Trọng Đại của Chúa Giê-su (Xem Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:47; Công-vụ 1:8) nhưng phải sống theo Tin Mừng hàng ngày.!

▣ **"hãy chu toàn chức vụ của con" LỜI MỆNH LỆNH THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG** thứ ba. Chức vụ Phúc Âm mà không truyền giảng là chức vụ không trọn vẹn (Xem Cô-lô-sê 4:17). Truyền giảng Phúc Âm là trọng tâm ưu tiên của Đức Chúa Trời, mục đích hy sinh của Đấng Christ, và công tác mời gọi của Đức Thánh Linh.

BD2011: 2 TI-MÔ-THÊ 4:6-8

⁶Về phần ta, ta đang bị đổ ra như một cửa lễ quán, và thời điểm ra đi của ta đã gần. ⁷Ta đã đánh trận tốt đẹp, ta đã hoàn tất cuộc đua, ta đã giữ vững đức tin. ⁸Giờ đây mào chiến thắng của sự công chính đang để dành cho ta. Chúa, Vị Thẩm Phán công bình, sẽ ban nó cho ta trong ngày ấy; và không phải chỉ cho ta, nhưng cũng cho tất cả những người yêu mến sự hiện đến của Ngài.

4:6 "Về phần ta, ta đang bị đổ ra như một cửa lễ quán," THÌ HIỆN TẠI DẠNG THỤ ĐỘNG LỜI CHỈ ĐỊNH. Câu này được dùng trong Phi-líp 2:17 nhưng hình ảnh của lễ dâng rượu trong Cựu Ước (Xem Xuất Ê-díp-tô 29:40; Dân-số 15:4-7,9-10; 28:7,10,14,15,24). Phao-lô thấy cuộc sống mình như của lễ cho Đấng Christ.

▣ **"và thời điểm ra đi của ta đã gần. "** THÌ HOÀN THÀNH DẠNG CHỦ ĐỘNG LỜI CHỈ ĐỊNH. Thuật ngữ *analysis* (Tiếng Anh: "analysis") được thấy trong Tân Ước một lần ở đây, nhưng ĐỘNG TỪ được dùng vài lần liên hệ tới việc tàu sắp rời bến (Xem Lu-ca 12:36). Nó được dùng như một ẩn dụ về sự gần chết trong Phi-líp 1:23. Đây là bức thư Phao-lô viết trước khi bị sát hại giữa năm 67-68 SCN, (Nê-rô tự sát năm 68)

4:7 "Ta đã đánh trận tốt đẹp" Đây là ví dụ đầu tiên trong một loạt ba THÌ HOÀN THÀNH DẠNG TRUNG CÁCH LỜI CHỈ ĐỊNH. Phao-lô dùng ẩn dụ vận động viên (1 Cô-rin-tô 9:27; Phi-líp3:13-14) và người lính (Xem Ê-phê-sô 6:10-18) để miêu tả chức vụ của mình. Những gì ông khích lệ Ti-mô-thê thực hành (Xem 1 Ti-mô-thê1:18; 6:12) bản thân ông cũng đã làm.

▣ **"ta đã hoàn tất cuộc đua"** đây là ví dụ thứ hai THÌ HOÀN THÀNH DẠNG CHỦ ĐỘNG LỜI CHỈ ĐỊNH. Phao-lô biết rằng cái chết đã kề cận. Ông đã thực hiện lời tiên tri của A-na-ni-a trên ông, Công-vụ 9:15 (Xem Công-vụ 26:32). Ông đã rao giảng Phúc Âm cho tất cả các hạng người, và bây giờ vươn tới Hoàng Đế

▣ **"ta đã giữ vững đức tin."** lại có thêm một ví dụ nữa về THÌ HOÀN THÀNH DẠNG CHỦ ĐỘNG LỜI CHỈ ĐỊNH. Đức tin ở đây ám chỉ

1. tín lý
2. sự trung tín
3. ẩn dụ vận động viên tranh đấu đúng luật (Xem 1 Cô-rin-tô 9:27)

4:8 "Giờ đây mào chiến thắng của sự công chính". Câu này ám chỉ (1) công chính, không của chúng ta nhưng của Đấng Christ và / hoặc (2) nếp sống giống Đấng Christ. Thuật ngữ mang hình ảnh vòng lá làm mào chiến thắng. Chúng ta có tên tiếng Anh "Stephen" từ thuật ngữ Hy-lạp này. Trong Tân Ước có nói đến vài loại mào:

1. mào không hề hư mất (1 Cô-rin-tô 9:25)
2. mào công chính (2 Ti-mô-thê 4:8)

3. mầu sự sống (Gia-cơ 1:12; Khải Huyền 2:10)
4. mầu vinh quang (1 Phi-ê-rơ 5:4)
5. mầu vàng (Khải Huyền 4:4)

Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: RIGHTEOUSNESS** ở câu Tịch 2:12.

▣ **"Chúa, Vị Thẩm Phán công bình,"** Thuật ngữ "Chúa" có thể ám chỉ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bởi Ngài là thẩm Phán (Xem Sáng-Thế-Ký 18:25; Thi-thiên 5:6; 94:2; Giô-ên 3:12; Hê-bơ-rơ 12:23; Gia-cơ 4:12) hoặc Chúa Giê-su bởi vì sự phán xét ở đây liên hệ tới sự "hiện ra của Ngài" (Xem 2 Ti-mô-thê 1:10; 4:1,8; 1 Ti-mô-thê 6:14; Tịch 2:13). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bổ nhiệm Chúa Giê-su với tư cách thẩm phán (Xem Ma-thi-ơ 25:31-46; Công-vụ 17:31; 2 Cô-rin-tô 5:10; xem ghi chú ở câu 2 Ti-mô-thê 4:1).

▣ **"sẽ ban nó cho ta trong ngày ấy;"** Câu này có tính chất Lai-thế-học, về ngày tận thế. (Xem 2 Ti-mô-thê 1:18; 4:1). Rõ ràng Phao-lô tin tin đồ sẽ ở cùng với Chúa ở thời điểm qua đời, (Xem 2 Cô-rin-tô 5:8), nhưng phần thưởng và sự gặp gỡ sẽ phải chờ đến ngày Phục Sinh, (Xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18).

▣ **"cũng cho tất cả những người yêu mến sự hiện đến của Ngài."** Tín đồ mong mỏi đón chờ ngày Tái Lâm. Họ không còn sợ hãi, nhưng vui mừng. Vui mừng chờ đón Tái Lâm là dấu hiệu của Cơ-đốc giáo thực chất.

BD2011: 2 TI-MÔ-THÊ 4:9-15

⁹ Con hãy cố gắng đến gặp ta cho sớm, ¹⁰ vì Đê-ma đã ham mến đời này, bỏ ta, và đi Thê-sa-lô-ni-ca rồi; Cơ-rét-xen đã đi Ga-la-ti, còn Tít đã đi Đan-ma-ti-a. ¹¹ Chỉ còn Lu-ca ở với ta. Hãy dẫn Mác theo với con, vì anh ấy sẽ hữu ích cho chức vụ của ta. ¹² Ta đã phái Ti-chi-cơ đi Ê-phê-sô.

¹³ Khi con đến, hãy mang theo chiếc áo choàng ta đã gửi tại nhà Ca-pu ở Trô-ách và các sách vở của ta, nhất là các cuộn sách da.

¹⁴ A-léc-xan-đơ người thợ đồng đã làm hại ta nhiều lắm. Chúa sẽ báo trả hấn về những việc hấn làm. ¹⁵ Con phải cẩn thận với hấn, vì hấn kịch liệt chống đối sứ điệp chúng ta rao giảng.

4:9 "Con hãy cố gắng đến gặp ta cho sớm," Phao-lô cảm thấy cô đơn (Xem 2 Ti-mô-thê 4:21; Tịch 3:12) và có lẽ bệnh mắt trở nên tệ hơn (Xem 2 Cô-rin-tô 12:7), khiến ông cần có người bên cạnh.

4:10 "vì Đê-ma đã, bỏ ta," Bối cảnh lịch sử cho biết ông bị bắt giam, sắp bị hành hình nên Đê-ma bỏ ông. Không ai rõ việc bỏ Phao-lô có ảnh hưởng đến đức tin Đấng Christ của ông ta hay không?

4:10 "ham mến" (ĐỘNG TÍNH TỪ THÌ QUÁ KHỨ DẠNG CHỦ ĐỘNG). Động từ ở đây là *agapaō*. Các động từ *agapaō* và *phileō* đồng nghĩa trong Tân Ước (xem ghi chú Giảng 3:35; 5:20; 11:3,5).

▣ **"đời này"** –theo đúng nghĩa đen. Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 1 Ti-mô-thê 6:17. Đê-ma chọn những điều trước mắt thay thế những điều vĩnh cửu. Sự lôi kéo của đời này rất mạnh, nhưng chỉ là tạm thời. (Xem 1 Giảng 2:15-17).

▣ **"và đi Thê-sa-lô-ni-ca rồi"** Xin so sánh Phi-lê-môn 24 với Công-vụ 20:4. A-ri-tạc và có thể cả Đê-ma nữa xuất xứ từ Thê-sa-lô-ni-ca

▣ **"Cơ-rét-xen đã đi Ga-la-ti,"** Có sự khác biệt giữa các bản Hy-lạp về địa danh Cơ-rét-xen

1. Tiểu Á (miền tây Thổ Nhĩ Kỳ) thuộc tỉnh Ga-la-ti (Xem MSS A, D, F, G)
2. Phía nam nước Pháp, còn gọi là Gaul (Ga-la-ti-a, Xem MSS 8, C)
3. Ga-li-lê xứ Pa-le-stin (Xem Vulgate, Coptic, và Armenian versions)

Bản của Thánh Kinh Liên Hội, phiên bản thứ tư (UBS⁴) *The Greek New Testament* xếp "Galatia" (khả năng thứ nhất) vào hạng "B" có nghĩa gần chắc chắn. Khả năng thứ hai ủng hộ giả thiết Phao-lô đã đến vùng đông Địa Trung Hải.

▣ **"còn Tít đã đi Đan-ma-ti-a"** Ông là một trong những đại diện sứ đồ trung tín của Phao-lô. (Xem Cô-rin-tô 3:2; 7:6; 12-12; 8:6,16,23; 12:18; Ga-la-ti2:1,3; Tít 1:4). Đan-ma-ti-a là một tỉnh của đế quốc La-mã, phía nam vùng Illyricum (Xem Rô-ma 15:19, nước Nam Tư). Phao-lô đã truyền giảng ở đây theo Công-vụ 20:1, phía bắc của Ma-xê-đô-ni-a. Đây là lần cuối cùng chúng ta có thông tin về Tít.

4:11 "Chỉ còn Lu-ca ở với ta." Ông là bác sỹ người ngoại. (Xem Cô-lô-sê 4:14; Phi-lê-môn 1:24 và được xác định qua đại từ xưng hô "chúng ta" trong Công-vụ). Có thể thuật ngữ bác sỹ chẳng qua ám chỉ người có học. Lu-ca là tác giả người Ngoại duy nhất trong Tân Ước (ông viết Phúc Âm, Công vụ và có lẽ các thư Linh Vụ)

▣ **"Hãy dẫn Mác theo với con,"** Giảng Mác, là người có căn nhà được dùng làm Tiệc Thánh (Xem Công-vụ 12:12). Ông đồng hành với Phao-lô và Ba-na-ba trong chuyến truyền giáo thứ nhất, bỏ cuộc vì một lý do nào đó (Xem Công-vụ 15:38). Phao-lô và Ba-na-ba tranh luận gay gắt về việc có cho Giảng Mác tham gia chuyến truyền giáo lần thứ hai không. Cuối cùng hai ông phải chia tay đi hai hướng khác nhau. Xem Công-vụ 15:36-41). Phao-lô và Giảng Mác hoà thuận trở lại khi Phao-lô bị giam (Xem Cô-lô-sê 4:10).

4:12 Ti-chi-cơ " có thể là người đưa các thư từ Phao-lô đến Ti-mô-thê ở Ê-phê-sô . Ê-phê-sô là thành phố và hội thánh mà Phao-lô bỏ nhiều thời gian và sức lực ở đó. Ty-chi-cơ là giao liên đáng tin cậy của Phao-lô, (Xem Công-vụ 20:4; Cô-lô-sê 4:7; Ê-phê-sô 6:21; Tít 3:12) , và có thể thay thế Ti-mô-thê sau khi trao thư thứ hai cho người.

4:13 "chiếc áo choàng " Đây là chiếc áo dài, lớn, nặng , cũng được dùng để làm túi ngủ mùa đông

▣ **"Trô-ách "** là một thành phố cảng miền tây Thổ Nhĩ Kỳ. Ở đây Phao-lô nhận được khải thị Ma-xê-đô-ni-a, Công-vụ 16:6-10. Phao-lô thiết lập công tác ở đây trong một thời điểm nào đó.

▣ **"và các sách vở của ta, nhất là các cuộn sách da."** Ngay đến Phao-lô cũng cảm thấy cần nghiên cứu học hỏi. "Cuộn sách da" là cuộn da thú mà người xưa dùng để ghi chép. Tên nó được bắt nguồn từ thành Pergamum mà vật liệu này bắt đầu được dùng. Nó đắt tiền nhưng bền. Có thể Phao-lô cũng nói đến các cuộn Cựu Ước. Còn "Các sách vở của ta" ? Phải chăng nó là tài liệu pháp lý, hoặc thư tín? Đây chẳng qua chỉ là những lời suy đoán.

4:14 "A-léc-xan-đơ " là tên thông dụng, chúng ta không biết có phải ông là:

1. Cùng một người được nói đến trong Công-vụ 19:33-34
2. Giáo sư giả được nhắc tới trong 1 Ti-mô-thê 1:20, cùng với Hy-mê-nê
3. Một A-léc-xan-đơ chưa được biết đến

Người này là một ví dụ chống đối Phúc Âm, dù từ trong hay ngoài hội thánh

▣ **"Chúa sẽ báo trả hấn về những việc hấn làm."** Báo trả là một nguyên tắc thuộc linh. Đức Chúa Trời là Đấng có đạo đức là lương tâm, con người cũng vậy. Con người vi phạm tiêu chuẩn của Ngài, chúng ta gặt hái những gì chúng ta gieo. Điều này áp dụng cho cả tín đồ và người vô tín, tuy nhiên đối với tín đồ, hình phạt không ảnh hưởng tới sự cứu rỗi, (Xem Gióp 34:11; Thi-thiên 28:4; 62:12; Châm-ngôn 24:12; Truyền-đạo 12:14; Giê-rê-mi 17:10; 32:19; Ma-thi-ơ 16:27; 25:31-46; Rô-ma 2:6; 14:12; 1 Cô-rin-tô 3:8; Ga-la-ti 6:7-10; 2 Ti-mô-thê 4:14; 1 Phi-ê-rơ 1:17; Khải Huyền 2:23; 20:12; 22:12).

▣ **"Con phải cẩn thận với hấn"** - LỜI MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI DẠNG TRUNG CÁCH. Hãy cảnh giác. Điều ác đang thể hiện và không thương xót. Nó đến từ nội tâm và ngoại nguồn.

BD2011: 2 TI-MÔ-THÊ 4:16-18

¹⁶ Khi ta biện hộ cho mình lần thứ nhất, chẳng có ai đến ủng hộ ta; mọi người đều bỏ mặc ta. Cầu xin Chúa đừng chấp nê họ!

¹⁷ Nhưng Chúa đã ở bên cạnh ta và thêm sức cho ta, để qua ta sứ điệp của Tin Mừng có thể được rao giảng một cách đầy đủ, và để các dân ngoại có dịp nghe; và ta đã được thoát khỏi mồm sư tử. ¹⁸ Chúa sẽ giải cứu ta khỏi mọi mưu toan gian ác và sẽ đem ta về an toàn trong vương quốc thiên đàng của Ngài. Nguyện vinh hiển thuộc về Ngài đời đời vô cùng! A-men.

4:16 "Khi ta biện hộ cho mình lần thứ nhất, " Thuật ngữ Hy-lạp *apologia*, Anh ngữ "apology, được dùng trong biện hộ pháp lý, (Xem Công-vụ 19:33; 22:1; 26:1,2,24). Phao-lô tự bảo vệ, giải thích, và tuyên bố Phúc Âm trong vài toà án, cả ở Pa-lét-stin và ở Rô-ma (Xem Công-vụ 9:15).

▣ **"chẳng có ai đến ủng hộ ta; mọi người đều bỏ mặc ta."** Câu này giải thích câu 2 Ti-mô-thê 4:10 trước đó. Nỗi sợ hãi làm mềm trái tim của các môn đồ của Chúa khi Ngài bị bắt, các trợ lý của Phao-lô cũng sợ và từ bỏ người. (ví dụ Đê-ma)

Trong thời Phao-lô, tòa án La-mã có tòa án sơ bộ trước tòa án chính thức. Rõ ràng trong lần ra tòa sơ bộ không có ai làm chứng cho Phao-lô

Có sự khác biệt trong các bản Hy-lạp liên hệ tới thì của động từ.

1. THÌ CHƯA HOÀN THÀNH – MSS A, C, D^{2,3}, F, G, L
2. THÌ QUÁ KHỨ – MSS κ , D* (in the UBS⁴ text)

Lời giải kinh của Bruce Metzger (trang. 649) nhắc tới sự tương tự trong các câu 2 Ti-mô-thê 4:10,13, và 20.

▣ **"Cầu xin Chúa đừng chấp nê họ!"** Phao-lô nhắc lại lời Chúa Giê-su trên cây thập tự, (Xem Lu-ca 23:34) và Sê-tiên trong Công-vụ 7:60, nhưng cũng xin nhớ câu về trách nhiệm cá nhân 2 Ti-mô-thê 4:14. (Chúa sẽ báo trả hẳn về những việc hấn làm)

4:17 Nhưng Chúa đã ở bên cạnh ta " Chúa Giê-su hứa ở cùng người của Chúa trong Ma-thi-ơ 28:20. Cũng động từ này nói về sự hiện diện siêu nhiên bên cạnh Phao-lô trong Công-vụ 23:11 và 27:23 (cũng xin chú ý Công-vụ 18:9).

▣ **"và thêm sức cho ta, "** Phao-Lô thường nói về sự thêm sức của Chúa. (Xem Ê-phê-sô 3:16; Phi-líp 4:13; Cô-lô-sê 1:11; 1 Ti-mô-thê 1:12; 2 Ti-mô-thê 2:1).

▣ **"để qua ta sứ điệp của Tin Mừng có thể được rao giảng một cách đầy đủ, "** Phao-lô được sai phái với tư cách sứ đồ cho dân Ngoại. (Xem Công-vụ 9:15; 22:21; 23:11; 26:17; Rô-ma 1:5; 11:13; 15:16; Ga-la-ti 1:16; 2:7; Ê-phê-sô 3:1-8; 1 Ti-mô-thê 2:7).

▣ **"và để các dân ngoại có dịp nghe; và ta đã được thoát khỏi mồm sư tử. "** Bởi là công dân La-mã, Phao-lô không thể bị giết bởi cho thú dữ ăn thịt ở hý trường. Câu "thoát khỏi mồm sư tử" là thành ngữ Cựu Ước về việc (1) Đức Chúa Trời giải cứu khỏi kẻ thù, và (2) Đức Chúa Trời giải cứu khỏi cái chết, Thi-thiên 7:2; 22:21 và 35:17. Có thể tòa án sơ bộ kết thúc mà không tuyên án

Vài lần trong Tân Ước khi con người được mô tả như con thú theo ẩn dụ

1. Ma-thi-ơ 10:16
 - a. Tín đồ – chiên, rắn, và bò câu
 - b. người không tin- chó sói
2. Lu-ca 13:32 – Hê-rốt con cáo
3. Ma-thi-ơ 15:26-27; Phi-líp 3:2; 2 Phi-ê-rơ 2:22; Khải Huyền 22:15 – chó, biểu tượng cho dân Ngoại, giáo sư giả và người không tin.

4:18 "Chúa " Ở câu này và trong 2 Ti-mô-thê 4:14, ám chỉ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, nhưng câu 17 (và 2 Ti-mô-thê 4:1) ám chỉ Chúa Giê-su. Chúa Giê-su là khả năng tốt nhất trong các trường hợp của chương 4.

sẽ giải cứu ta khỏi mọi mưu toan gian ác

VB1925: "sẽ giải-thoát ta khỏi mọi điều ác"
RVV11: "Chúa sẽ giải cứu ta khỏi mọi điều ác"
NASB "giải cứu ta ra khỏi mọi việc ác"

NKJV "giải phóng ta ra khỏi công việc ác"
NRSV "giải cứu ta khỏi sự tấn công độc ác"
TEV "giải cứu ta khỏi mọi điều độc ác"
NJB "giải cứu ta khỏi mọi ý định độc ác nhắm vào ta "

Phao-lô biết rằng Chúa ở với ông , vì ông và trong ông. mọi sự chống đối con người đều xuất sứ từ ma quỷ và Sa-tan (Xem Ê-phê-sô 6:10-19). Sự truyền rao Phúc Âm luôn đi cùng với sự chống đối của kẻ ác.

Câu này gây sững sốt và tranh luận khi Phao-lô vẫn tin Chúa sẽ giải cứu khi biết mình sắp bị hành quyết!

▣ "và sẽ đem ta về an toàn trong vương quốc thiên đàng của Ngài. " xem [CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THỜI NÀY VÀ THỜI SẼ ĐẾN / THIS AGE AND THE AGE TO COME](#) ở câu2 Ti-mô-thê 3:1.

▣ "Nguyện vinh hiển thuộc về Ngài đời đời vô cùng" Phao-lô thường thốt ra những lời ngợi khen (i.e., hai ví dụ tốt là, Rô-ma 11:36; Ê-phê-sô 3:14-21).

▣ "Amen" Tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt ở câu Tích 2:12.

BD2011: 2 TI-MÔ-THÊ 4:19-21

¹⁹ Con cho ta gửi lời chào thăm **Phơ-rít-ca**^[a] và **A-qui-la**, cùng gia đình của **Ô-nê-si-phô-ru**. ²⁰ **Ê-ra-tu** đã ở lại **Cô-rinh-tô**, còn **Trô-phi-mu** bị bệnh nên ta để ở lại **Mi-lê-tu**. ²¹ Con hãy cố gắng đến trước mùa đông. **Ê-u-bu-lu** gửi lời thăm con; **Pu-đen**, **Li-nu**, **bà Cơ-lau-đi-a** và tất cả anh chị em đều gửi lời thăm con. ²² Cầu xin Chúa ở cùng tâm linh con. **Nguyện xin ân sủng ở với anh chị em.**

4:19 "Phơ-rít-ca và A-qui-la, " Người phụ nữ (cũng còn được gọi là **Pe-rít-sin**, bản RVV11, **Phơ-rít-ca** bản VB1925) được nhắc trong Công-vụ 18:18,26; Rô-ma 16:3 và ở đây. Chồng bà được nhắc trong Công-vụ 18:2 và 1 Cô-rin-tô 16:19. Vì sao tên bà được nhắc trước? Có thể bà là quý phái **La-mã**, mặc dầu điều này bất thường. Hoặc có thể bà là người có nhân cách mạnh hơn. Hai vợ chồng này làm nghề may trại, hoặc thuộc da, giống như Phao-lô. Họ là những đồng lao và bạn thân của Phao-lô trong Phúc Âm.

▣ "**Ô-nê-si-phô-ru.** " Xem ghi chú ở câu2 Ti-mô-thê 1:16-18.

4:20 "Ê-ra-tu " Tên này được nhắc đến trong Công-vụ 19:22 và Rô-ma 16:23, nhưng có lẽ ám chỉ nhân vật khác.

▣ "**Trô-phi-mu bị bệnh nên ta để ở lại "** Tên này được thấy trong Công-vụ 20:4; 21:29 và có thể trong 2 Cô-rin-tô 8:19-22.

Còn có nhiều câu hỏi chúng ta muốn các tác giả Tân Ước trả lời. Một trong các chủ đề mà tín đồ nghĩ đến đó là sự chữa lành thuộc thể. Trong Công-vụ (Xem Công-vụ 19:12; 28:7-9) Phao-lô có thể chữa lành người bệnh, nhưng ở đây lại không. (Cũng trong 2 Cô-rin-tô 12:7-10 and Phi-líp 2:25-30). Phải chăng cửa sổ cơ hội chữa bệnh đã đóng?

Tôi tin chắc chắn vào việc chữa bệnh siêu nhiên, bởi Đức Chúa Cha thương xót, là Đấng chữa bệnh thuộc thể và thuộc linh. Nhưng vì sao việc chữa bệnh khi có khi không? Tôi không nghĩ nó phụ thuộc vào đức tin, vì Phao-lô có đức tin. (Xem 2 Cô-rin-tô 12). Tôi nghĩ rằng chữa bệnh và đức tin vào phép lạ xác nhận quyền năng và thực hữu của Phúc Âm. Điều đó vẫn xảy ra trong nhiều nơi mà Phúc âm đang được rao giảng. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời muốn chúng ta đi bằng đức tin, chứ không bằng thị giác. Bệnh tật thuộc thể xảy ra đối với tín đồ:

1. Là hình phạt tạm thời cho tội lỗi
2. Hậu quả sự sống trong thế gian băng hoại
3. Giúp tín đồ trưởng thành thuộc linh.

Nạn đề của tôi là tôi không biết nguyên nhân nào kể trên đang hành động. Lời cầu nguyện của tôi là ý Chúa được nên, điều ấy không phải là sự thiếu đức tin, nhưng sự cố gắng cho phép Đức Chúa Trời hành động theo thánh ý trong từng trường hợp.

▣ **"Mi-lê-tu."** Đây là hải cảng phía tây Tiểu Á, (Thổ Nhĩ Kỳ), phía nam Ê-phê-sô.

4:21 "Con hãy cố gắng đến trước mùa đông." Phao-lô cảm thấy cô đơn và bệnh mắt làm ông khó chịu. Lưu thông hàng hải dừng lại vào mùa đông nên không ai có thể đến thăm ông trước các cơn bão bắt đầu. (Xem Tích 3:21).

▣ Chúng ta không biết đến những tín đồ này trong Tân Ước, nhưng Đức Chúa Trời biết tên họ.

Theo truyền thống giáo hội, (từ danh sách của Irenaeus, giám mục thành Rô-ma) chúng ta được biết một vị lãnh đạo hội thánh tên là "Linus" trong những năm cuối thập kỷ 60, 70

BD2011: 2 TI-MÔ-THÊ 4:22

²² Cầu xin Chúa ở cùng tâm linh con. Nguyện xin ân sủng ở với anh chị em.

4:22 Câu này có lẽ được Phao-lô tự tay viết để chứng tỏ tính trung thực của bức thư (Xem 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:2; 3:17).

▣ **"Chúa"** Bản dịch NKJV có thêm danh hiệu "Giê-su Christ" theo các bản Hy-lạp MSS ξ^2 , C, D, K, L, P, và hầu hết các bản chữ nhỏ. Danh hiệu trọn vẹn cũng được thấy trong bản KJV anh Ngữ, 2 Ti-mô-thê 4:1. Thánh Kinh Liên Hội USB⁴ xếp khả năng ngắn (thiếu Giê-su Christ) vào hạng "B", tức gần như chắc chắn, theo các bản Hy-lạp MSS κ^* , F, G, Old Latin và Coptic.

Rõ ràng các nhà sao chép có sự bất đồng ở đây. MS A có "Chúa Giê-su," cũng được thấy trong Old Latin và Vulgate. Câu cuối cùng có 8 dạng trong các bản Hy-lạp, (theo ông Metzger's bình luận văn bản Textual Commentary, trang. 651).

▣ **"Chúa ở cùng tâm linh con"** DANH TỪ XUNG HỒ "con" là SỐ ÍT, ám chỉ riêng Ti-mô-thê (Xem Phi-lê-môn 1:25). Chữ "tâm linh" không được viết hoa, vậy không ám chỉ Đức Thánh Linh, nhưng tâm linh của Ti-mô-thê.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SPIRIT (PNEUMA) IN THE NT

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT "LINH" (*pneuma*) TRONG TÂN ƯỚC

Đức Thánh Linh (*pneuma*) In The New Testament

Thuật ngữ Hy-lạp "linh" được dùng trong nhiều cách trong Tân Ước. Sau đây là vài đại diện và thí dụ.

A. Về Ba Ngôi Đức Chúa Trời

1. Đức Chúa Cha (xem Giăng 4:24)
2. Đức Chúa Con (xem Ro-ma. 8:9-10; 2 Cô-rin-tô. 3:17; Ga-la-ti 4:6; 1 Phi-ê-rơ. 1:11)
3. Đức Thánh Linh (xem Mác 1:11; Ma-thi-ơ. 3:16; 10:20; Giăng 3:5,6,8; 7:39; 14:17; Công vụ 2:4; 5:9; 8:29,35; Ro-ma. 1:4; 8:11,16; 1 Cô-rin-tô. 2:4,10,11,13,14; 12:7)

B. Về linh lực sự sống trong con người

1. của Chúa Giê-su (xem Mác 8:12; Giăng 11:33,38; 13:21)
2. của nhân loại (xem Ma-thi-ơ. 22:43; Công vụ 7:59; 17:16; 20:22; Ro-ma. 1:9; 8:16; 1 Cô-rin-tô. 2:11; 5:3-5; 7:34; 15:45; 16:18; 2 Cô-rin-tô. 2:13; 7:13; Phi-líp. 4:23; Cô-lô-sê. 2:5)

C. về lãnh vực thuộc linh

1. các linh
 - a. tốt (tức là thiên sứ, xem Công vụ 23:8-9; Hê-bơ-rơ 1:14)
 - b. xấu (tức là quỷ, xem Ma-thi-ơ. 8:16; 10:1; 12:43,45; Công vụ 5:16; 8:7; 16:16; 19:12-21; Ê-phê-sô. 6:12)
 - c. ma (xem Lu-ca 24:37)

2. phán xét thuộc linh (xem Ma-thi-ơ. 5:3; 26:41; Giảng 3:6; 4:23; Công vụ 18:25; 19:21; Ro-ma. 2:29; 7:6; 8:4,10; 12:11; 1 Cô-rin-tô. 14:37)
3. nhữnh gì thuộc linh (xem Giảng 6:63; Ro-ma. 2:29; 8:2,5,9,15; 15:27; 1 Cô-rin-tô. 9:11; 14:12)
4. ân tứ thuộc linh (xem 1 Cô-rin-tô. 12:1; 14:1)
2. linh cảm bởi Thánh Linh. (xem Ma-thi-ơ. 22:43; Lu-ca 2:27; Ê-phê-sô. 1:17)
3. thân thể thuộc linh (xem 1 Cô-rin-tô. 15:44-45)

A. Mô tả đặc điểm

1. thái độ của thế gian (xem Ro-ma. 8:15; 11:8; 1 Cô-rin-tô. 2:12)
2. quá trình tư duy của con người (xem Công vụ 6:10; Ro-ma. 8:6; 1 Cô-rin-tô. 4:2)

B. về lãnh vực thuộc thể

1. gió (xem Ma-thi-ơ. 7:25,27; Giảng 3:8; Công vụ 2:2)
2. hơi thở (xem Công vụ 17:25; 2 Thê-sa-lô-ni-ca. 2:8)

Rõ ràng ý nghĩa của từ thuật này phải được hiểu trong ánh sáng ngữ cảnh gần gũi. Có vài nghĩa bóng có thể hướng về (1) thế giới thuộc thể; (2) thế giới vô hình; (3) một nhân vật trong thế giới thuộc thể hoặc thuộc linh.

Chúa Thánh Linh là một Thành Phần trong Ba Ngôi, hành động hết sức tích cực trong giai đoạn lịch sử này. Tân Kỷ Nguyên của Đức Thánh Linh đã đến. Tất cả những gì tốt đẹp, thánh khiết, công chính đều liên hệ tới Ngài. Sự hiện diện, ân tứ và chức vụ của Chúa Thánh Linh đóng vai trò quan trọng bậc nhất cho sự tăng trưởng thành công của Vương Quốc Đức Chúa Trời. (xem Giảng 14 và 16). Chúa Thánh Linh không lôi kéo sự vinh hiển về mình nhưng về Chúa Giê-su (xem Giảng 16:13-14). Ngài cáo trách, thuyết phục, cảm hóa, làm phép báp-tem và làm trưởng thành tất cả Cơ-độc Nhân. (xem Giảng 16:8-11).

▣ " **Nguyện xin ân sủng ở với anh chị em.**" ĐÀI TỪ XUNG HỒ "anh chị em" là SỐ NHIỀU ám chỉ thư Phao-lô, dù được viết cho cá nhân, nhưng phải được đọc lớn cho hội thánh địa phương. (Xem 1 Ti-mô-thê 6:21; Tích 3:15).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là anh chị em phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính anh chị em, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Anh chị em không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp anh chị em suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Ai là người rao giảng Phúc Âm?
2. Tất cả mọi tín đồ có nên là nhân chứng qua lời nói?
3. Phải chăng các câu 5-8 ám chỉ Phao-lô sắp qua đời?
4. Chuyện gì đã xảy ra với Đê-ma?
5. Vì sao Phao-lô không chữa lành bệnh cho Trô-phi-mu?
6. Vì sao câu cuối cùng của sách hướng tới số nhiều?

PHỤ LỤC MỘT

MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN VỀ CẤU TRÚC NGỮ PHÁP TIẾNG HY LẠP

Tiếng Hy-lạp Koine, thường được gọi là tiếng Hy-lạp của văn hóa Hy Lạp cổ, là một ngôn ngữ thông dụng của thế giới vùng Địa trung hải bắt đầu từ sự chinh phục của Alexander Đại đế (336-323 TCN) và kéo dài trong khoảng 800 năm (300 TCN-500 SCN). Không phải nó chỉ là một thứ tiếng đơn giản, cổ điển, nhưng trong nhiều phương diện nó là một dạng mới hơn của tiếng Hy-lạp và đã trở thành ngôn ngữ thứ hai của vùng Cận đông cổ (Ancient Near East) và thế giới vùng Địa trung hải.

Tiếng Hy-lạp trong Tân ước rất đặc biệt xét về một số mặt bởi vì những người sử dụng nó, trừ Lu-ca và tác giả sách Hê-bơ-ơ, có lẽ hầu hết sử dụng tiếng A-ram là chính. Vì vậy, lối viết của họ bị ảnh hưởng bởi các thành ngữ và cấu trúc của tiếng A-ram. Thêm vào đó, họ đọc và trích từ bản LXX (bản dịch Kinh thánh Cựu ước bằng tiếng Hy-lạp), là bản được viết bằng Koine. Nhưng bản LXX cũng được viết bởi các học giả Do thái là những người mà ngôn ngữ mẹ đẻ của họ không phải là tiếng Hy-lạp.

Điều này là một sự nhắc nhở cho chúng ta rằng chúng ta không nên thúc ép Tân ước vào một cấu trúc ngữ pháp quá chặt chẽ. Nó rất đặc biệt nhưng cũng có nhiều điểm tương đồng với (1) bản LXX; (2) các tài liệu văn chương của người Do thái như Josephus chẳng hạn; và (3) các bản chỉ thảo được tìm thấy ở Ai-cập.. Vậy thì chúng ta sẽ tiếp cận như thế nào với vấn đề phân tích ngữ pháp trong Tân ước?

Các đặc điểm ngữ pháp của tiếng Hy-lạp Koine và tiếng Hy-lạp Koine trong Tân ước rất ‘lỏng’ (hay thay đổi). Xét về một số mặt đây là thời điểm đơn giản hóa văn phạm. Ngữ cảnh sẽ là người hướng dẫn chính của chúng ta. Từ ngữ chỉ có ý nghĩa trong một ngữ cảnh rộng lớn hơn, vì vậy, các cấu trúc ngữ pháp chỉ có thể được hiểu dưới ánh sáng của (1) tính cách của một tác giả cụ thể; và (2) một ngữ cảnh cụ thể. Khó mà có được một định nghĩa cuối cùng về các dạng thức hay cấu trúc tiếng Hy-lạp.

Tiếng Hy-lạp Koine chủ yếu là ngôn ngữ theo động từ (verbal language). Thông thường chìa khóa để giải nghĩa là các loại hay dạng của các động từ này. Trong hầu hết các về câu chính, động từ luôn xuất hiện trước, để cho thấy sự quan trọng của nó. Khi phân tích động từ tiếng Hy-lạp, có ba điều cần phải chú ý: (1) sự nhấn mạnh cơ bản về các thì, dạng (thụ động, chủ động...) và lối (mood) (hình thái học (accidence hoặc morphology); (2) nghĩa căn bản của một động từ cụ thể (từ điển học); và (3) tính trôi chảy của ngữ cảnh (cú pháp) (syntax).

I. THÌ (TENSE)

- A. Thì bao gồm mối liên hệ của các động từ với một hành động đã hoàn tất hoặc chưa hoàn tất. Nó cũng thường được gọi là “hoàn thành” hay “chưa hoàn thành.”
1. Các thì hoàn thành tập trung vào sự xảy ra của một động từ. Không có một thông tin nào được cung cấp thêm ngoài việc biết rằng hành động đó đã xảy ra! Việc nó bắt đầu ra sau, có đang tiếp diễn hay đạt đến đỉnh điểm hay chưa thì không được nói đến.
 2. Các thì chưa hoàn thành tập trung vào một tiến trình đang diễn ra của một hành động. Nó được mô tả qua các hành động liên tiếp, hành động trong một khoảng thời gian, hành động tiếp diễn...
- B. Thì có thể được phân chia bởi cách người viết nhận thấy hành động diễn tiến ra sao
1. Đã xảy ra= QUÁ KHỨ (AORIST)
 2. Đã xảy ra và kết quả kéo đến hiện tại= HOÀN THÀNH (PERFECT)
 3. Đang xảy ra trong quá khứ và kết quả còn ảnh hưởng trong quá khứ, không phải trong hiện tại= HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT)
 4. Đang diễn ra= HIỆN TẠI (PRESENT)
 5. Đang diễn ra trong quá khứ= CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT)
 6. Sẽ diễn ra= TƯƠNG LAI (FUTURE)

Một ví dụ rõ ràng cho thấy các thì của động từ giúp cho việc giải nghĩa Kinh thánh là ví dụ về chữ “cứu.” Nó được dùng với nhiều thì khác nhau để cho thấy cả tiến trình và điểm đỉnh của nó:

1. QUÁ KHỨ- ‘đã cứu’ (Rô-ma 8:24)
2. HOÀN THÀNH- ‘đã được cứu và kết quả còn trong hiện tại (Ê-phê-sô 2:5, 8)
3. HIỆN TẠI- “được cứu” (I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2)
4. TƯƠNG LAI- ‘sẽ được cứu’ (Rô-ma 5:9, 10; 10:9)

C. Khi tập trung nghiên cứu các thì của động từ, người giải nghĩa tìm xem lý do gì khiến các trước giả nguyên thủy chọn diễn tả ý tưởng của mình qua thì của động từ đó. Thì tiêu chuẩn ‘không màu mè’ là thì QUÁ KHỨ. Đây là một dạng động từ thông thường “không cụ thể,” “không định lần ranh,” hoặc “không dễ ngã ngũ.” Khía cạnh của thì quá khứ chỉ có trong LỐI CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE MOOD). Nếu một thì nào khác được dùng đến, thì có một điều gì đó cụ thể hơn được nhấn mạnh. Nhưng đó là gì?

1. THÌ HOÀN THÀNH (PERFECT TENSE) Thì này diễn tả một hành động đã hoàn tất và kết quả vẫn còn lại trong hiện tại. Nói nôm na, nó là sự kết hợp của THÌ QUÁ KHỨ và THÌ HIỆN TẠI. Thông thường trọng tâm của nó xoay vào các kết quả hiện có hoặc là sự hoàn tất của hành động. Ví dụ: Ê-phê-sô 2:5 và 8, “các người đã và vẫn tiếp tục được cứu.”
2. HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT) Thì này giống như thì HOÀN THÀNH nhưng kết quả theo sau đã chấm dứt. Ví dụ: “Phi-e-rơ đang đứng trước cửa ở bên ngoài” (Giăng 18:16).
3. HIỆN TẠI (PRESENT) Điều này diễn tả một hành động chưa hoàn tất. Sự tập trung thông thường là vào sự tiếp diễn của một sự kiện. Ví dụ: “Ai cứ ở trong Ngài thì không tiếp tục phạm tội,” “những người sanh bởi Đức Chúa Trời thì không tiếp tục phạm tội” (I Giăng 3:6 & 9).
4. CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT TENSE) Trong thì này mối liên hệ với THÌ HIỆN TẠI cũng gần giống với mối liên hệ giữa thì HOÀN THÀNH và HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT). Thì CHƯA HOÀN THÀNH nói đến một hành động chưa hoàn thành đang diễn ra nhưng đã chấm dứt hoặc sự bắt đầu của một hành động trong quá khứ. Ví dụ: “Cả Giê-ru-sa-lem vẫn tiếp tục đi đến với Ngài” hay là “cả Giê-ru-sa-lem đã bắt đầu đi đến với Ngài” (Ma-thi-ơ 3:5).
5. TƯƠNG LAI (FUTURE) Điều này nói đến một hành động thường được hoạch định trong một thời điểm trong tương lai. Nó tập trung vào triển vọng có thể xảy ra của hành động hơn là sự xảy ra thật sự. Nó cũng thường chỉ sự chắc chắn của một sự kiện. Ví dụ: “Phước cho...họ sẽ...” (Ma-thi-ơ 5:4-9)

II. DẠNG (VOICE)

A. Dạng mô tả mối liên hệ giữa hành động của động từ và chủ thể của nó.

B. DẠNG CHỦ ĐỘNG (ACTIVE VOICE) là cách dùng thông thường, không nhấn mạnh để xác định một chủ thể nào đó đang làm một hành động nào đó.

C. DẠNG THỤ ĐỘNG (PASSIVE VOICE) có nghĩa là chủ từ nhận hành động của động từ sinh ra bởi một tác nhân khác ở bên ngoài. Tác nhân bên ngoài tạo ra hành động đó được chỉ định bằng các giới từ và trường hợp sau đây trong tiếng Hy-lạp của Tân ước:

1. Tác nhân trực tiếp có ngôi thứ (personal direct agent) sử dụng từ *hupo* với công cụ cách (ABLATIVE CASE) (Ma-thi-ơ 1:22; Công vụ 22:30).
2. Tác nhân trung gian có ngôi thứ (personal intermediate agent) sử dụng từ *dia* với công cụ cách (ABLATIVE CASE) (Matt 1:22)
3. Tác nhân không ngôi thứ (impersonal agent) thường dùng với từ *en* với công cụ cách (INSTRUMENTAL CASE).
4. Tác nhân có khi thuộc nhân cách hóa, có khi không và được dùng bởi chỉ công cụ cách (INSTRUMENTAL CASE).

D. DẠNG TRUNG CÁCH (MIDDLE VOICE) nghĩa là chủ từ làm ra hành động của động từ và cũng đồng thời trực tiếp tham gia vào hành động đó. Nó cũng thường được gọi là dạng lợi ích cá nhân nâng cao (heightened personal interest). Cấu trúc nào nhấn mạnh chủ từ của một vế câu hay của cả câu trong một

cách nào đó. Cấu trúc này không có trong tiếng Anh. Nó có một tầm ý nghĩa và cách dịch khá rộng trong tiếng Hy-lạp. Một vài ví dụ của nó được liệt kê như sau:

1. TỰ THÂN (REFLEXIVE)- hành động trực tiếp của chủ từ lên chính nó. Ví dụ: “từ treo cổ hắn” (Ma-thi-ơ 27:5)
2. NHẤN MẠNH (INTENSIVE)- chủ từ làm ra hành động cho chính nó. Ví dụ: “Chính quý Satan mạo làm thiên sứ sáng láng” (II Cô-rinh-tô 11:14).
3. QUA LẠI (RECIPROCAL) – sự tương giao qua lại giữa hai chủ từ. Ví dụ “họ bàn với nhau” (Ma-thi-ơ 26:4).

III. LỐI (MOOD)

- A. Có bốn lối trong tiếng Hy Lạp Koine. Chúng cho thấy mối liên hệ giữa động từ và hiện thực, ít nhất là trong đầu của người viết. Các lối này được chia ra làm hai loại khá rộng: loại chỉ hiện thực (CHỈ ĐỊNH) (INDICATIVE) và loại chỉ điều có thể sẽ xảy ra (potentiality) (BÀN THÁI CÁCH, MỆNH LỆNH VÀ MONG MỎI) (SUBJUNCTIVE, IMPERATIVE, OPTATIVE).
- B. LỐI CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE MOOD) là lối thông thường diễn tả hành động đã diễn ra hoặc đang diễn ra, ít ra là trong trí của người viết. Nó là lối duy nhất trong tiếng Hy-lạp diễn tả một thời gian xác định và ngay cả ở đây khía cạnh này chỉ là thứ yếu.
- C. LỐI BÀN THÁI (SUBJUNCTIVE MOOD) diễn tả hành động có thể có trong tương lai. Điều gì đó đã không xảy ra nhưng nó có cơ hội xảy ra. Nó có nhiều điểm chung với LỐI CHỈ ĐỊNH TƯƠNG LAI (FUTURE INDICATIVE). Điều khác nhau là LỐI BÀN THÁI diễn tả sự nghi ngờ ở một mức độ nào đó. Trong tiếng Anh, điều này thường được diễn tả qua các từ ngữ như “could,” “would,” “may,” hay “might.”
- D. LỐI MONG MỎI (OPTATIVE MOOD) diễn tả một sự mong ước trên lý thuyết có thể xảy ra. Nó được xếp xa hơn một bước so với LỐI BÀN THÁI. LỐI MONG MỎI bày tỏ sự có thể xảy ra trong một số điều kiện nào đó. LỐI MONG MỎI rất hiếm trong Tân ước. Cách nó thường được dùng là trong câu nói nổi tiếng của Phao-lô, “Chẳng hề như vậy” (KJV, “Lạy Trời đừng có chuyện như vậy”), được sử dụng 15 lần (Rô-ma 3:4, 6, 31; 6:2, 15; 7:7, 13; 9:14; 11:1, 11; I Cô-rinh-tô 6:15; Ga-la-ti 2:17; 3:21; 6:14). Các ví dụ khác được ghi lại trong I Tê-sa-lô-ni-ca 1:38; 20:16, Công vụ 8:20 và I Thess 3:11.
- E. LỐI MỆNH LỆNH (IMPERATIVE MOOD) nhấn mạnh một mệnh lệnh có thể xảy ra, nhưng nhấn mạnh đến ý định của người nói. Nó chỉ khẳng định sự xảy ra một cách tự nguyện trong điều kiện có một sự lựa chọn khác. Có một cách sử dụng đặc biệt của LỐI MỆNH LỆNH trong các lời cầu nguyện và trong các lời cầu xin ở ngôi thứ ba. Những loại mệnh lệnh như vậy chỉ có ở thì HIỆN TẠI và thì QUÁ KHỨ trong Tân ước.
- F. Một số sách ngữ pháp xếp loại ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLES) vào một loại khác của lối trong động từ. Nó rất thông dụng trong tiếng Hy-lạp của Tân ước, thường là một động tính từ. Nó được dịch cùng với động từ chính mà nó liên hệ đến. Có một phạm vi rộng các cách dịch những động tính từ này. Tốt nhất là nên tham khảo nhiều bản dịch khác nhau. Cuốn *The Bible in Twenty Six Translations* xuất bản bởi nhà sách Baker là một công cụ rất hữu ích.
- G. CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVE) là một cách rất thông thường và “chưa được định lần ranh” để ghi lại một điều xảy ra. Các thì, dạng và lối khác cũng có một số ý nghĩa quan trọng nhất định mà trước giả nguyên thủy muốn dùng để chuyển tải ý tưởng của mình.

IV. Đối với những người chưa quen với tiếng Hy-lạp, những công cụ học tập sau đây sẽ cung cấp một số thông tin cần thiết:

- A. Friberg, Barbara và Ti-mô-thê. *Analytical Greek New Testament*. Grand Rapids: Baker, 1988.
- B. Marshall, Alfred. *Interlinear Hy-lạp-English Tân Ước*. Grand Rapids: Zondervan, 1976.

- C. Mounce, William D. *The Analytical Lexicon to the Greek New Testament*. Grand Rapids: Zondervan, 1993.
- D. Summer, Ray. *Essentials of Tân Ước Hy-lạp*. Nashville: Broadman, 1950.
- E. Các môn học hàm thụ có tín chỉ có ở Viện Thánh Kinh Moody, Moody Bible Institute ở Chicago, Illinois.

V. DANH TỪ (NOUNS)

- A. Xét về mặt cú pháp, các danh từ được xếp theo các cách (cases). Cách là biến dạng của danh từ để cho biết liên hệ của nó đối với động từ và các phần khác trong câu. Trong tiếng Hy-lạp Koine các chức năng của cách (cases) được diễn tả qua các giới từ. Bởi vì các dạng của cách (case form) có thể xác định một số liên hệ khác nhau, nên các giới từ phát triển thêm để cho thấy sự tách biệt rõ ràng hơn đối với các chức năng này.
- B. Các cách trong tiếng Hy-lạp được phân theo 8 loại sau đây:
1. DANH CÁCH (NOMINATIVE CASE) được dùng để gọi tên và thông thường nó là chủ ngữ của một câu hay một vế câu. Nó cũng được dùng cho các danh từ và tính từ vị ngữ với các động từ nối “là” hay “trở thành.”
 2. SỞ HỮU CÁCH (GENITIVE CASE) được dùng để mô tả và thường gán cho một tính chất hay giá trị cho từ nó liên hệ đến. Nó trả lời câu hỏi, “Loại gì?” Nó thường được diễn tả bởi cách dùng chữ “of” trong tiếng Anh.
 3. CÔNG CỤ CÁCH (ABLATIVE CASE) có cùng cách chia giống như SỞ HỮU CÁCH, nhưng nó được dùng để chỉ sự phân cách. Nó thường chỉ sự phân cách trong một thời điểm, không gian, nguồn gốc, hay mức độ. Trong tiếng Anh, nó thường được sử dụng bằng chữ “from”
 4. TẶNG CÁCH (DATIVE CASE) dùng để diễn tả sở thích cá nhân. Nó có thể chỉ một khía cạnh tích cực hay tiêu cực. Thông thường đó là một bổ ngữ gián tiếp. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua từ “to.”
 5. VỊ TRÍ CÁCH (LOCATIVE CASE) có cùng cách chia từ như TẶNG CÁCH, nhưng nó diễn tả vị trí trong không gian, thời gian hay những giới hạn lô-gích. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua những từ “in, on, at, among, during, by, upon, beside.”
 6. CÔNG CỤ CÁCH (INSTRUMENTAL CASE) có cách chia từ giống với TẶNG CÁCH và VỊ TRÍ CÁCH. Nó diễn tả phương tiện hay sự liên hệ. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua các giới từ “by” “with.”
 7. ĐỐI CÁCH (ACCUSATIVE CASE) dùng để diễn tả sự chấm dứt của một hành động. Nó diễn tả sự giới hạn. Sự sử dụng chủ yếu của nó là bổ ngữ trực tiếp (direct object). Nó trả lời câu hỏi, “Xa bao nhiêu?” hay là “Cho đến mức nào?”
 8. XUNG HỒ CÁCH (VOCATIVE CASE) được dùng để xưng hô trực tiếp.

VI. CÁC LIÊN TỪ VÀ TỪ NỐI (CONJUNCTIONS, CONNECTORS)

- A. Tiếng Hy-lạp là một ngôn ngữ rất chính xác vì nó có rất nhiều từ nối. Chúng nối kết các ý tưởng (về câu, câu và đoạn). Nó xuất hiện rất thường đến nỗi sự vắng mặt của nó gây ảnh hưởng trong vấn đề giải kinh. Thật ra, các liên từ và từ nối này cho thấy hướng đi trong ý tưởng của các trước giả. Chúng rất hệ trọng trong việc quyết định điều các trước giả này thực sự muốn nói.
- B. Sau đây là danh sách của một số liên từ và từ nối và ý nghĩa của chúng (thông tin này được gộp nhặt từ sách của H.E. Dana và Julius K. Mantey *A Manual Grammar of the Greek New Testament*).
1. Từ nối chỉ thời gian
 - a. *Epei, epeid e, hopote, hos, hote, hotan* (bàn thái cách)- “khi”
 - b. *Hoes*- “trong khi”
 - c. *Hotan, epan* (bàn thái cách)- “bất cứ khi nào”
 - d. *Hoes, achri, mechri* (bàn thái cách)- “cho đến khi”
 - e. *Priv* (nguyên mẫu)- “trước”

- f. *Hos* – “từ khi” “khi”
- 2. Từ nối chỉ sự lô-gích
 - a. Chỉ mục đích
 - (1) *Hina, hopos, hos* (bàn thái cách)- “để mà”
 - (2) *Hoste* (nguyên mẫu đối cách)- “để”
 - (3) *Pros* (nguyên mẫu đối cách), *eis* (nguyên mẫu đối cách)- “để”
 - b. Chỉ kết quả (có một sự liên hệ mật thiết giữa dạng ngữ pháp thuộc mục đích và kết quả)
 - (1) *Hoste* (nguyên mẫu, đây là dạng thông dụng nhất)- “để mà”
 - (2) *Hiva* (bàn thái)- “để mà”
 - (3) *Ara*- “thì”
 - c. Chỉ hệ quả hay lý do
 - (1) *Gar* (nguyên nhân/hệ quả hay lý luận/kết luận)- “bởi vì”
 - (2) *Dioti, hotiy*- “bởi vì”
 - (3) *Epei, epeide, hos*- “vì”
 - (4) *Dia* (với đối cách) và (nguyên mẫu)- “bởi vì”
 - d. Hàm ý, ám chỉ
 - (1) *Ara, poinun, hoste*- “vì vậy”
 - (2) *Dio* (liên từ ám chỉ mạnh nhất)- “vì điều này,” “vì vậy”
 - (3) *Oun*- “vì vậy” “kết quả là”
 - (4) *Toinoun*- “do vậy”
 - e. Tương phản
 - (1) *Alla* (dạng tương phản mạnh)- “nhưng,” “trừ ra”
 - (2) *De*- “nhưng” “tuy nhiên,” “nhưng” “mặt khác”
 - (3) *Kai*- “nhưng”
 - (4) *Mentoi, oun*- “tuy nhiên”
 - (5) *Plen*- “tuy nhiên” (hầu hết là trong sách Lu-ca)
 - (6) *Oun*- “tuy nhiên”
 - f. So sánh
 - (1) *Hos, kathos* (giới thiệu các vế câu so sánh)
 - (2) *Kata* (trong các từ kép, *katho, kathoti, kathosper, kathaper*)
 - (3) *Hosos* (trong thư Hê-bơ-rơ)
 - (4) *E*- “hơn”
 - g. Tiếp diễn
 - (1) *De*- ‘và’ “bây giờ”
 - (2) *Kai*- ‘và’
 - (3) *Tei*- ‘và’
 - (4) *Hina, oun*- ‘rằng’
 - (5) *Oun*- ‘sau đó’ (trong sách Giăng)
- 3. Các cách nhấn mạnh
 - a. *Alla*- “chắc chắn,” “vâng” “thật ra”
 - b. *Ara*- “thực sự” “chắc vậy” “thật vậy”
 - c. *Gar*- “nhưng thật ra” “chắc vậy” “thực sự”
 - d. *De*- “thực sự”
 - e. *Ean*- “ngay cả”
 - f. *Kai*- “ngay cả,” “thực sự,” “thật ra”
 - g. *Mentoi*- “thực sự”
 - h. *Oun*- “thật sự”

VII. CÂU ĐIỀU KIỆN

A. CÂU ĐIỀU KIỆN là câu chứa đựng một hay nhiều vế câu chỉ điều kiện. Cấu trúc ngữ pháp này giúp cho việc giải nghĩa bởi vì nó cung cấp các điều kiện, lý do, hoặc các nguyên nhân tại sao hành động của động

từ chính xảy ra hay không xảy ra. Có 4 loại câu điều kiện. Chúng giao động từ một trường hợp vốn cho là thật từ quan điểm của người viết hay để đạt mục đích của người viết đến trường hợp chỉ là sự mong ước.

B. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT** diễn tả hành động hay trạng thái cho là thật từ quan điểm của người viết hay để đạt mục đích của người viết cho dù nó được diễn tả bằng chữ “nếu.” Trong một số trường hợp, nó có thể được dịch là ‘vì’ (Ma-thi-ơ 4:3; Rô-ma 8:31). Tuy nhiên, nó không có nghĩa là tất cả các BẬC MỘT đều là thật trong thực tế. Thông thường nó được dùng để chứng minh một điểm nào đó trong một cuộc tranh luận hay để chỉ ra một sai lầm (Ma-thi-ơ 12:27).

C. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC HAI** thường gọi là “đổi ngược sự kiện.” Nó nói đến một điều gì đó không có thật trong thực tế để chứng minh một điều gì đó. Ví dụ:

1. “Nếu hấn thật là một tiên tri, nhưng thật ra hấn không phải, hấn sẽ biết người phụ nữ đó là ai và như thế nào và là người đã nắm lấy hấn, nhưng hấn không biết” (Lu-ca 7:39)
2. “Nếu các người thật sự tin Môi-se, là điều các người không có, người sẽ tin Ta, là điều các người không làm (Giăng 5:46).
3. “Nếu tôi tìm cách để làm đẹp lòng con người, là điều tôi không làm, tôi sẽ không phải là nô lệ của Đấng Christ, là điều tôi đang làm” (Ga-la-ti 1:10).

D. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA** nói đến các hành động có thể xảy ra trong tương lai. Nó cho rằng các hành động này có thể xảy ra. Nó thường ám chỉ một sự dự phòng. Hành động trong động từ chính thường liên hệ đến hành động trong vế câu theo bậc này. Ví dụ: I Giăng 1:6-10; 2:4, 6, 9, 15, 20, 21, 24, 29; 3:21; 4:20; 5:14, 16.

E. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** diễn tả bậc xa nhất của trường hợp có thể xảy ra. Nó rất hiếm trong Tân ước. Thật sự, không có một **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** hoàn chỉnh mà cả hai phần thỏa mãn định nghĩa này. Một ví dụ về một phần của **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** là vế câu mở đầu trong I Phi-e-rơ 3:14. Một ví dụ khác về **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** là vế câu kết thúc trong Công vụ 8:31.

VIII. LỜI NGĂN CẤM (PROHIBITIONS)

A. **CÂU MỆNH LỆNH HIỆN TẠI** với **TIỀN TỐ ‘ME’** thường khi (không phải mọi lúc) nhấn mạnh sự ngưng một hành động đang diễn ra. Một số ví dụ như “ngưng chất chứa của cải người ở dưới đất..” (Ma-thi-ơ 6:19); “ngừng lo lắng về cuộc sống...” (Ma-thi-ơ 6:25); “ngưng giao cho tội lỗi các chi thể như là đồ dùng cho sự gian ác...” (Rô-ma 6:13); “người phải ngưng làm buồn Thánh Linh của Đức Chúa Trời...” (Ê-phê-sô 4:30); và “ngưng say rượu...” (5:18).

B. **LỜI BÀN THÁI QUÁ KHỨ** với **TIỀN TỐ ‘ME’** nhấn mạnh “đừng nghĩ đến chuyện bắt đầu một hành động” Một vài ví dụ “Đừng ngay cả bắt đầu suy nghĩ...” (Ma-thi-ơ 5:17); “đừng bao giờ bắt đầu lo lắng...” (Ma-thi-ơ 6:31); “đừng bao giờ hổ thẹn...” (II Ti-mô-thê 1:8).

C. **PHỦ ĐỊNH KÉP (DOUBLE NEGATIVE)** đi chung với **LỜI BÀN THÁI** mang tính phủ định tuyệt đối. “Không bao giờ, thật không bao giờ” hay là “không có trong bất cứ hoàn cảnh nào.” Một vài ví dụ như: “sẽ không có bao giờ ném sự chết” (Giăng 8:51); “ta sẽ không bao giờ...” (I Cô-rinh-tô 8:13).

IX. MẠO TỪ

A. Trong tiếng Hy-lạp Koine, mạo từ xác định “the” giống với tiếng Anh. Chức năng chủ yếu của nó là “một con trỏ,” một cách để gây sự chú ý về một từ, một tên, hay một cụm từ. Cách dùng của nó thay đổi theo các trước giả trong Tân ước. Mạo từ xác định cũng có các chức năng sau:

1. Một dụng cụ làm tương phản giống như một đại từ chỉ định (demonstrative pronoun);
2. Một dấu hiệu chỉ một chủ đề hay một người đã được đề cập đến ở phần trước;

3. Một cách để xác định chủ từ trong một câu với một động từ nối. Ví dụ: “Đức Chúa Trời là thần” Giăng 4:24; “Đức Chúa Trời là sự sáng” I Giăng 1:5; “Đức Chúa Trời là tình yêu thương” 4:8, 16.

B. Tiếng Hy-lạp Koine không có một mạo từ bất định như “a” “an” trong tiếng Anh. Sự vắng mặt của một mạo từ xác định có thể có ý:

1. Tập trung vào bản chất hay giá trị của một điều gì đó
2. Tập trung vào phân loại của một điều gì đó

C. Các trước giả Tân ước sử dụng mạo từ rất khác nhau.

X. CÁCH NHẤN MẠNH TRONG TIẾNG HY LẠP CỦA TÂN ƯỚC

A. Kỹ thuật bày tỏ sự nhấn mạnh thay đổi theo các trước giả trong Tân ước. Các trước giả sử dụng có vẻ nhất quán và nghiêm chỉnh nhất là Lu-ca và trước giả sách Hê-bơ-rơ.

B. Chúng tôi đã nói ở phần trước rằng LỜI CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVE) là lời tiêu chuẩn, không bị gò bó để nhấn mạnh, nhưng bất cứ một thì nào, dạng nào, lời nào cũng có một tầm quan trọng của nó khi giải nghĩa. Điều này có nghĩa là LỜI CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ vẫn thường được dùng đến trong một ý nghĩa ngữ pháp quan trọng. Ví dụ: Rô-ma 6:10 (hai lần).

C. Thứ tự từ trong tiếng Hy-lạp Koine

1. Tiếng Hy-lạp Koine là một ngôn ngữ biến cách (inflected language) có nghĩa là nó không phụ thuộc vào thứ tự từ như trong tiếng Anh. Vì vậy, trước giả có thể thay đổi các thứ tự thông thường của nó để cho thấy:

- a. Điều trước giả muốn nhấn mạnh
- b. Điều trước giả nghĩ sẽ đem đến sự ngạc nhiên cho độc giả
- c. Điều trước giả thật sự cảm nhận sâu xa

2. Các trật tự từ tiêu chuẩn trong tiếng Hy-lạp vẫn là vấn đề chưa ngã ngũ. Tuy vậy, một thứ tự tạm gọi là thông thường sẽ là:

- a. Đối với động từ liên kết:
 - (1) Động từ
 - (2) Chủ từ
 - (3) Bổ ngữ (complement)
- b. Đối với ngoại động từ:
 - (1) Động từ
 - (2) Chủ từ
 - (3) Bổ ngữ (object)
 - (4) Bổ ngữ gián tiếp (indirect object)
 - (5) Cụm giới từ (prepositional phrase)

c. Đối với các cụm danh từ:

- (1) Danh từ
- (2) Từ bổ nghĩa (modnêuier)
- (3) Cụm giới từ

3. Thứ tự từ có thể mang ý nghĩa giải kinh vô cùng quan trọng. Ví dụ:

- a. “tay hữu họ trao tôi và Ba-na-ba của sự thông công” (Ga-la-ti 2:9) Cụm từ “tay hữu của sự thông công” được tách ra và đặt phía trước để nhấn mạnh sự quan trọng của nó.
- b. “với Đấng Christ” (Ga-la-ti 2:20), được đặt trước. Sự chết của Ngài là trọng tâm.
- c. “Từng hồi từng lúc trong nhiều cách” (Hê-bơ-rơ 1:1) được đặt trước. Cách Đức Chúa Trời tự mặc khải chính Ngài là điều quan trọng hơn, đối lại với sự kiện mặc khải ở đây.

D. Sự nhấn mạnh ở các mức độ khác nhau được biểu hiện qua:

1. Sự lặp lại đại từ vốn đã có sẵn trong dạng động từ được chia. Ví dụ, “Ta, chính ta, sẽ chắc chắn ở cùng các ngươi...” (Ma-thi-ơ 28:20).
 2. Sự vắng mặt các liên từ vốn thường được mong đợi, hoặc các từ nối giữa các từ, cụm từ, vế câu hay câu. Điều này gọi là sự bỏ liên từ (asyndeton) (“không bị ràng buộc”). Các từ nối thường được mong đợi phải có mặt, vì vậy nếu chúng vắng mặt sẽ tạo sự chú ý. Ví dụ:
 - a. Các phước lành, Ma-thi-ơ 5:3 và tiếp sau (nhấn mạnh danh sách này)
 - b. Giăng 14:1 (chủ đề mới)
 - c. Rô-ma 9:1 (phần mới)
 - d. II Cô-rinh-tô 12:20 (nhấn mạnh danh sách này)
 3. Sự lặp đi lặp lại các từ hay cụm từ trong một số ngữ cảnh nào đó. Ví dụ: “ngợi khen sự vinh hiển Ngài” (Ê-phê-sô 1:6, 12, 14). Cụm từ này được dùng để chỉ công tác của mỗi thân vị trong Ba ngôi.
 4. Cách sử dụng một thành ngữ hay một từ (một âm), cách chơi chữ giữa các từ.
 - a. Cách nói trại- thay thế từ cho những chủ đề cấm kỵ như “ngủ” để chỉ sự chết (Giăng 11:11-14) hay “chân” để chỉ bộ phận sinh dục nam (Ru-tơ 3:7-8; I Sa-mu-ên 24:3).
 - b. Lối nói vòng- thay thế chữ dùng cho danh của Chúa như “nước Trời” (Ma-thi-ơ 3:21) hoặc “tiếng từ trời” (Ma-thi-ơ 3:17).
 - c. Các hình thái Tân Ước từ:
 - (1) Sự nói thái quá (Ma-thi-ơ 3:9; 5:29-30; 19:24).
 - (2) Các câu nói gây đụng chạm (Ma-thi-ơ 3:5; Công vụ 2:36).
 - (3) Nhân cách hóa (I Cô-rinh-tô 15:55)
 - (4) Mía mai (Ga-la-ti 5:12)
 - (5) Đoạn văn thơ (Phi-líp 2:6-11)
 - (6) Chơi âm của các từ
 - i. “Hội thánh”
 - (a) “Hội thánh” (Ê-phê-sô 3:21)
 - (b) “kêu gọi” (Ê-phê-sô 4:1, 4)
 - (c) “được gọi” (Ê-phê-sô 4:1, 4)
 - ii. “tự do”
 - (a) “Người nữ tự do” (Ga-la-ti 4:31)
 - (b) “Sự tự do” (Ga-la-ti 5:1)
 - (c) “tự do” (Ga-la-ti 5:1)
 - d. Các thành ngữ- thường mang tính văn hóa và ngôn ngữ đặc trưng:
 - (1) Đây là cách nói bóng của từ “thức ăn” (Giăng 4:31-34)
 - (2) Đây là cách nói bóng của từ “đền thờ” (Giăng 2:19, Ma-thi-ơ 26:61).
 - (3) Đây là thành ngữ Hê-bơ-rơ chỉ sự thương xót, ‘ghen ghét’ (Sáng thế ký 29:31; Phục truyền luật lệ ký 21:15; Lu-ca 14:36; Giăng 12:25; Rô-ma 9:13).
 - (4) “Tất cả” và “một số.” So sánh Ê-sai 53:6 (“tất cả”) với 53:11 và 12 (“một số”). Những chữ này đều đồng nghĩa như trong Rô-ma 5:18 và 19 cho thấy.
 5. Cách dùng một cụm từ đầy đủ các yếu tố ngữ học thay vì chỉ dùng một từ. Ví dụ: “Đức Chúa Jê-sus Christ”
 6. Cách dùng đặc biệt của chữ *autos*
 - a. Khi đi với một mạo từ (ở vị trí thêm giá trị (attributive position)), thì nó được dịch là “giống.”
 - b. Khi không kèm theo một mạo từ (ở vị trí bổ ngữ (predicate position)), nó được dịch như là một đại từ phản tỉnh nhấn mạnh- “chính anh ta,” “cô ta,” “chính nó.”
- E. Những người không đọc được Hy-lạp có thể xác định được những lỗi nhấn mạnh qua các cách sau:
1. Sử dụng các từ điển phân tích hoặc các bản Anh/Hy Lạp đối chiếu.
 2. Các bản dịch Anh ngữ đối chiếu, đặc biệt là từ các quan điểm dịch khác nhau. Ví dụ: so sánh bản dịch theo “tùng chữ” (KJV, NKJV, ASV, NASB, RSV, NRSV) với cách dịch “thoát theo lối tương đương” (Williams, NIV, NEB, REB, JB, NJB, TEV). Một cuốn sách hữu ích ở đây là *The Bible in Twenty-Six Translations* xuất bản bởi nhà xuất bản Baker.
 3. Sử dụng cuốn *The Emphasized Bible* của Joseph Bryant Rotherham (Kregel, 1994).

4. Sử dụng bản dịch theo nghĩa đen

a. *The American Standard Version* năm 1901

b. *Young's Literal Translation of the Bible* của Robert Young (Guardian Press, 1976).

Việc nghiên cứu ngữ pháp là một vấn đề rất tỉ mỉ, công phu, nhưng cần thiết để có thể giải nghĩa một cách hợp lý. Các định nghĩa, lời bình và các thí dụ ngắn ngủi này nhằm mục đích khuyến khích và trang bị cho độc giả không quen với tiếng Hy-lạp có thể tận dụng các chú thích ngữ pháp có trong tập sách này. Chắc chắn rằng những định nghĩa này rất đơn sơ. Đừng nên sử dụng chúng một cách cứng nhắc, giáo điều, nhưng chỉ là các viên đá bước tiếp đến một sự hiểu biết rõ hơn về các cú pháp Tân ước. Mong ước rằng các định nghĩa này cũng giúp độc giả hiểu được các lời giải thích trong các sách trợ giúp cho việc nghiên cứu chẳng hạn như các sách giải kinh chuyên môn về Tân ước.

Chúng ta phải xác định sự giải thích của chúng ta dựa trên những thông tin có được trong bản văn. Ngữ pháp là một trong những công cụ hữu hiệu nhất; các công cụ khác như bối cảnh lịch sử, ngữ cảnh, cách sử dụng từ và các đoạn văn đối xứng nhau.

PHỤ LỤC HAI

PHÊ BÌNH VĂN BẢN

Chủ đề này được bàn đến với mục tiêu giúp giải thích các chú thích về văn bản có trong tập sách này. Dàn ý sau đây sẽ được dùng đến:

- I. Các nguồn văn bản của Kinh thánh tiếng Anh
 - A. Cựu ước
 - B. Tân ước
- II. Giải thích ngắn về vấn đề và lý thuyết của “hạ phê bình” cũng gọi là “phê bình văn bản”
- III. Tư liệu đề nghị để đọc thêm

I. Các nguồn văn bản của Kinh thánh tiếng Anh:

A. Cựu ước

1. Bản Masoretic (MT)- Bản phụ âm Hê-bơ-rơ được bắt đầu bởi Rabi Aquiba vào năm 100 SCN. Các dấu nguyên âm, dấu nhấn, chú thích bên lề, chấm phẩy được bắt đầu thêm vào từ thế kỷ thứ 6 SCN và hoàn tất vào thế kỷ thứ chín. Nó được thực hiện bởi một dòng các học giả Do thái gọi là Masorettes. Dạng văn bản họ sử dụng cũng giống với các bản trong Mishna, Talmud, Targums, Peshitta và Vulgate.
2. Bản LXX- Truyền thống cho rằng bản LXX được thực hiện bởi 70 học giả Do thái trong 70 ngày cho thư viện Alexandria dưới sự bảo trợ của vua Ptolemy II (năm 285-246 TCN). Người ta cho rằng bản dịch này được thực hiện bởi yêu cầu của một lãnh đạo Do thái sống ở Alexandria. Truyền thống này dựa vào “Lá thư của Aristeas.” Bản LXX thường dựa vào một truyền thống Hê-bơ-rơ khác với bản của Rabi Aquiba (MT).
3. Cuộn biên chết (DSS)- Cuộn biên chết được viết trong thời kỳ của đế quốc La mã trước Công nguyên (200 TCN-70 SCN) bởi một nhóm Do thái phân lập gọi là “Essenes.” Các bản tiếng Hê-bơ-rơ được tìm thấy ở nhiều nơi xung quanh khu vực Biên chết, cho thấy một trường phái văn bản có khác với cả hai trường phái MT và LXX.
4. Một vài ví dụ cụ thể cho thấy cách đối chiếu các bản văn giúp các nhà giải kinh hiểu hơn về Cựu ước
 - a. Bản LXX đã giúp các nhà dịch thuật và học giả hiểu thêm bản MT
 - (1) Ê-sai 52:14 của bản LXX, “khi nhiều người sẽ ngạc nhiên về người.”
 - (2) Ê-sai 52:14 của bản MT, “như nhiều người đã kính ngạc về người”
 - (3) Trong Ê-sai 52:15 sự phân biệt đại từ được xác định trong bản LXX:
 - i. Bản LXX, “cũng vậy nhiều nước sẽ ngạc nhiên về người”
 - ii. Bản MT, “và người sẽ vậy rửa trên các nước”
 - b. Bản Cuộc biên chết (DSS) giúp các nhà dịch thuật và học giả hiểu thêm bản MT
 - (1) Ê-sai 21:8 của bản DSS, “người tiên tri la lên, tôi đứng trên một cái tháp canh...”
 - (2) Ê-sai 21:8 của bản MT, “và tôi la lên một con sư tử! Chúa tôi, tôi vẫn luôn đứng nơi tháp canh ngày này...”
 - c. Cả hai bản LXX và DSS giúp làm rõ ý nghĩa câu Ê-sai 53:11
 - (1) Bản LXX và DSS, “sau sự khốn khổ của linh hồn mình, người sẽ thấy ánh sáng, người sẽ được thỏa mãn”
 - (2) MT, “người sẽ thấy...sự khốn khổ của linh hồn mình, Người sẽ thỏa mãn”

B. Tân ước

1. Có khoảng hơn 5.300 bản thảo của toàn bộ hay một phần Tân ước tiếng Hy-lạp còn lại ngày nay. Khoảng 85 bản được viết trên giấy papyrus và 268 bản viết bằng chữ viết hoa (uncials). Sau đó khoảng thế kỷ thứ 9 SCN, bản viết chữ nhỏ phát triển (minuscule). Các bản Hy-lạp ở dạng viết có khoảng 2.700 bản. Chúng ta cũng có khoảng 2.100 bản liệt kê các đoạn Kinh thánh dùng trong thờ phượng mà chúng ta gọi là những bài giảng theo năm (lectionaries).
2. Khoảng 85 bản tiếng Hy-lạp chứa một số phần của Tân ước viết trên giấy papyrus được lưu giữ trong các viện bảo tàng. Một số mang năm tuổi từ thế kỷ thứ hai SCN, nhưng hầu hết đều từ thế kỷ thứ ba hay thứ tư SCN. Không có một bản nào trong các bản này chứa đựng toàn bộ Tân ước. Không phải bởi

vì chúng là những bản cổ nhất thì đương nhiên chúng sẽ có ít dị bản. Nhiều bản trong số này được sao chép rất hồi hã để dùng trong nội bộ. Người ta đã không thật sự cẩn thận trong quá trình sao chép. Vì vậy, nó có nhiều điểm khác nhau (variants).

3. Bản Codex Sinaiticus, được gọi theo chữ Hê-bơ-rơ a (*aleph*) hay là (01), được tìm thấy tại Tân Ước viện thánh Catherine trên núi Si-na-i bởi Tischendorf. Nó có năm tuổi từ thế kỷ thứ 4 SCN và chứa đựng cả Cựu ước của bản LXX và Tân ước tiếng Hy-lạp. Nó thuộc về dạng “văn bản Alexandrian.”
4. Bản Codex Alexandrinus, cũng được biết với tên gọi “A” hay là (02), là bản tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 được tìm thấy ở Alexandria, Ai cập.
5. Bản Codex Vaticanus, cũng gọi là “B” hay (03), được tìm thấy trong thư viện Vatican ở Roma và có năm tuổi từ giữa thế kỷ thứ 4 SCN. Nó chứa cả bản LXX Cựu ước và Tân ước tiếng Hy-lạp. Nó thuộc về dạng “văn bản Alexandrian.”
6. Bản Codex Ephraemi, cũng gọi là “C” hay (04), một bản bằng tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 và đã bị hủy đi một phần.
7. Bản Codex Bezae, cũng gọi là “D” hay là (05), là bản tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 hay 6. Nó là đại diện chính của cái gọi là “Bản Tây phương.” Nó chứa đựng nhiều phần thêm vào và là nhân chứng Hy-lạp chính cho bản dịch King Gia-cơ.
8. Các bản Tân ước có thể được nhóm thành 3 hoặc 4 gia đình có chung một số đặc tính:
 - a. Bản Alexandria từ Ai cập
 - (1) P⁷⁵, P⁶⁶ (khoảng năm 200 SCN), ghi lại các sách Phúc âm
 - (2) P⁴⁶ (khoảng năm 225 SCN), ghi lại các lá thư của Phao-lô
 - (3) Bản P⁷² (khoảng năm 225-250 SCN), ghi lại Phi-e-rơ và Giu-đê
 - (4) Bản Codex B, hay là Vaticanus (khoảng năm 325 SCN) bao gồm trọn Cựu ước và Tân ước
 - (5) Các câutrích của Origen từ loại văn bản này
 - (6) Các văn bản khác có loại văn bản a, C, L, W, 33
 - b. Bản Tây phương từ Bắc Phi
 - c. Bản Đông Byzantine từ Constatinople
 - d. Loại thứ tư “Caesarean” từ Palestine
 - (1) Chỉ được thấy chủ yếu trong sách Mác
 - (2) Các bằng chứng cho nó là bản P⁴⁵ và W

II. Các vấn đề và lý thuyết của “hạ phê bình” hay “phê bình bản văn”

A. Các dị bản xảy ra như thế nào

1. Do sơ suất, tình cờ (phần lớn các trường hợp)
 - a. Trượt mắt khi chép tay dẫn đến việc nhìn chữ giống nhau nằm ở sau đó và do vậy bỏ mất những chữ nằm giữa hai chữ giống nhau này (homoioteleuton)
 - (1) Trượt mắt khiến bỏ mất một chữ đôi hay cụm từ đôi (haplography)
 - (2) Trượt đi trong trí khiến lặp lại một cụm từ hay một hàng trong bản Hy-lạp (dittography)
 - b. Nghe trượt khi chép xuống bởi một người đọc làm cho viết sai chữ (itacism). Thường thì chữ viết sai hàm ý hay viết một chữ Hy-lạp khác có cùng âm
 - c. Các bản tiếng Hy-lạp cổ nhất không có chia theo chương hay câu, ít hoặc không có các dấu chấm câu và không có khoảng cách giữa các chữ. Rất có thể có trường hợp các ký tự được tách ra ở những chỗ khác nhau dẫn đến việc tạo ra những chữ khác nhau.
2. Do chủ ý
 - a. Thay đổi để cải tiến dạng ngữ pháp của bản văn được sao chép
 - b. Thay đổi để làm cho bản văn đó hài hòa với các bản Kinh thánh khác (sự hài hòa đối xứng)
 - c. Thay đổi bằng cách kết hợp hai hay nhiều dị bản khác ghép lại thành một bản dài hơn (conflation)
 - d. Thay đổi để chỉnh lại một vấn đề được nhận ra trong bản văn (I Cô-rinh-tô 11:27 và I Giăng 5:7-8)
 - e. Một vài thông tin thêm vào liên quan đến bối cảnh lịch sử hay cách giải kinh đúng đắn cho bản văn được ghi ở ngoài lề bởi người sao chép trước nhưng lại được chép vào ngay bản văn bởi người sao chép sau đó (Giăng 5:4)

B. Các điểm căn bản của phê bình bản văn (bảng hướng dẫn theo lô-gích để giúp xác định đâu là bản văn nguyên thủy khi vấn đề dị bản xuất hiện)

1. Bản văn vụng về, ngược ngiu, rất rối nhất hay bất thường nhất về mặt ngữ pháp có thể là bản nguyên thủy
2. Bản ngắn nhất có thể là bản nguyên thủy
3. Bản cổ hơn có trọng lượng hơn bởi vì nó gần với bản nguyên thủy hơn về mặt lịch sử, mọi điều khác đều như nhau
4. Các bản phân tán khắp nơi về mặt địa lý thường có một bản nguyên thủy
5. Các bản có tính giáo lý yếu hơn, đặc biệt là những bản liên hệ đến các cuộc bàn luận về các chủ đề thần học chính trong thời gian có sự thay đổi trong các bản văn, ví dụ như giáo lý Ba Ngôi trong I Giăng 5:7-8, là bản được chuộng hơn.
6. Bản giải thích được rõ nhất nguồn gốc của các dị bản khác
7. Có hai câu trích giúp cho thấy sự quân bình trong vấn đề dị bản gây khó khăn này
 - a. J. Harold Greenlee trong cuốn *Introduction to Tân Ước Textual Criticism* cho biết, “Không có một giáo lý Cơ-đốc nào treo trên một bản văn gây tranh cãi; và các học trò của Tân ước phải xem chừng việc mình muốn bản văn của mình chính thống hơn hay có tính giáo lý mạnh mẽ hơn là bản nguyên thủy được linh cảm” (trang 68).
 - b. W.A. Criswell nói với Greg Garrison trong tờ *The Birmingham News* rằng ông không tin mọi chữ trong Kinh thánh đều được linh cảm, “ít ra là không phải mọi chữ đã được đưa ra cho công chúng hiện đại ngày nay bởi các nhà dịch thuật hàng thế kỷ trước.” Criswell nói tiếp, “Tôi cũng là một tín đồ của việc phê bình bản văn. Do đó, tôi nghĩ phần nửa cuối của chương 16 trong sách Mác là tà giáo; nó không được linh cảm, nó chỉ là sự bịa đặt... Khi ta so sánh các bản khác cổ hơn, không có cái gọi là phần kết luận của sách Mác. Một ai đó đã thêm vào...”
 Ông tổ của trường phái cho rằng Kinh thánh không sai thuộc giáo hội Báp-tít nam phương này cũng tuyên bố rằng “sự tự thêm ý” có trong Giăng 5, chuyện Chúa Jê-sus ở ao Bê-tết-đa. Và ông cũng nói về hai ghi chép khác nhau về sự tự tử của Giu-đa (Ma-thi-ơ 27 và Công vụ 1): “Đó chỉ là các quan điểm khác nhau về sự tử tử,” Criswell nói, “nếu nó ở trong Kinh thánh, nó phải có lời giải thích cho điều này. Và cả hai sự tường thuật về sự chết của Giu-đa đều có trong Kinh thánh.” Criswell thêm, “Phê bình văn bản tự nó là một khoa học tuyệt vời. Nó không phải là chóng qua, nó không phải là vô lý. Nó năng động và quan trọng...”

III. Các vấn đề về bản văn

A. Các sách đề nghị để đọc thêm

1. *Biblical Criticism: Historical, Literacy và Textual*, của R.H. Harrison
2. *The Text of the Tân Ước : Its Transmission, Corruption và Restoration*, của Bruce M. Metzger
3. *Introduction to Tân Ước Textual Criticism* của J. H. Greenlee

PHỤ LỤC BA

TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ

Thuyết nhận làm con nuôi (Adoptionism) Đây là một trong những quan điểm ban đầu về sự liên hệ của Chúa Jê-sus và thần tính. Về căn bản, nó khẳng định rằng Chúa Jê-sus là một con người bình thường trong mọi cách và được nhận làm con nuôi trong một ý nghĩa đặc biệt bởi Đức Chúa Trời qua phép báp-têm của Ngài (Ma-thi-ơ 3:17; Mác 1:11) hoặc qua sự sống lại của Ngài (Rô-ma 1:4). Chúa Jê-sus đã sống một cuộc sống rất gương mẫu đến nỗi Đức Chúa Trời, trong một lúc nào đó, (qua phép báp-têm, hay qua sự sống lại) đã nhận Jê-sus làm “con” của Ngài (Rô-ma 1:4; Phi-líp 2:9). Đây là quan điểm thiểu số trong thế kỷ thứ 8 và ở thời kỳ Hội thánh đầu tiên. Thay vì là Đức Chúa Trời trở thành người (sự nhập thể) nó đổi ngược lại thành người trở thành Trời!

Thật khó mà diễn tả được thể nào Chúa Jê-sus, Đức Chúa Con, đáng thần linh đã có từ trước, được tưởng thưởng và tôn cao vì đã sống đời sống gương mẫu. Nếu Ngài đã là Đức Chúa Trời, thì làm sao Ngài lại được ban thưởng? Nếu Ngài đã có sự vinh quang thiêng liêng hiện hữu từ trước, thì tại sao Ngài lại được tôn cao thêm nữa? Mặc dù thật khó để hiểu được điều này, Đức Chúa Cha làm thế nào đó đã tôn vinh Chúa Jê-sus trong một ý nghĩa đặc biệt vì sự làm thành hoàn toàn ý chỉ của Đức Chúa Cha.

Trường phái Alexandrian Phương pháp giải nghĩa Kinh thánh này được phát triển từ Alexandria, Ai cập vào thế kỷ thứ hai SCN. Nó sử dụng các nguyên tắc giải kinh căn bản của Philo, là một học trò của Plato. Nó được gọi là phương pháp ngụ ngôn (allegorical method). Nó có ảnh hưởng lớn trong giáo hội cho tới thời Cải chánh. Những người ủng hộ hùng hồn nhất là Origen và Augustine. Xin xem sách của Moises Silva, *Has the Church Misread the Bible?* (Academic, 1987).

Bản Alexandrinus Bản văn tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 từ Alexandria, Ai cập, bao gồm Cựu ước, Ngũ kinh và phần lớn Tân ước. Nó là một trong những nhân chứng chính của chúng ta cho toàn bộ Tân ước tiếng Hy-lạp (trừ một số phần trong Ma-thi-ơ, Giăng và II Cô-rinh-tô). Một khi bản văn này, được gọi là “A,” và bản văn “B,” tức là bản Vaticanus trùng hợp với nhau, thì phần được xem xét đó được kể là nguyên thủy theo hầu hết các học giả trong hầu hết các trường hợp.

Ngụ ngôn (Allegory) Đây là phương pháp giải nghĩa Kinh thánh xuất phát từ Do thái giáo thuộc Alexandria. Nó được phổ biến bởi Philo từ Alexandria. Trọng tâm của nó là muốn làm cho Kinh thánh trở nên hợp thời với văn hóa và hệ thống triết lý của người đọc bằng cách bỏ qua các bối cảnh lịch sử hoặc/và các bối cảnh ngữ văn nguyên thủy. Nó tìm kiếm ý nghĩa thiêng liêng kín đáo đằng sau mỗi bản văn của Kinh thánh. Cần phải nhìn nhận rằng Chúa Jê-sus trong Ma-thi-ơ 13 và Phao-lô trong Ga-la-ti 4 đã dùng ẩn dụ để truyền đạt lẽ thật. Tuy nhiên, đây là một dạng hình bóng học (typology), chứ không phải thuần ngụ ngôn.

Tự điển phân tích (Analytical lexicon) Đây là một công cụ nghiên cứu cho phép chúng ta xác định mọi dạng chữ của tiếng Hy-lạp trong Tân ước. Đây là một tập tài liệu tổng hợp theo thứ tự chữ cái tiếng Hy-lạp, theo dạng và cung cấp các định nghĩa căn bản. Khi kết hợp nó với các bản dịch đối chiếu, những người không quen với tiếng Hy-lạp có thể phân tích các điểm ngữ pháp và cú pháp của Tân ước.

Tính tương đương của Kinh thánh (Analogy of Scripture) Đây là cụm từ dùng để diễn tả quan điểm cho rằng cả Kinh thánh đều được linh cảm bởi Đức Chúa Trời và vì vậy nó không mâu thuẫn với nhau nhưng bổ sung cho nhau. Sự xác nhận có tính chất giả định trước như vậy là nền tảng để sử dụng các phân đoạn tương đương với nhau khi giải nghĩa một bản văn.

Tính không rõ ràng (Ambiguity) Điều này chỉ sự không rõ ràng đến từ một văn bản khi nó có thể có hai hay nhiều ý nghĩa hoặc khi có hai hay nhiều điều được đề cập đến trong một lúc. Có thể Giăng đã sử dụng phương pháp mơ hồ có chủ đích (lời hai ý (double entendres)).

Hình nhân (Anthropomorphic) Nghĩa là “có đặc tính liên hệ đến con người,” thuật ngữ này được dùng để diễn tả ngôn ngữ của chúng ta về Đức Chúa Trời. Nó xuất phát từ chữ Hy-lạp có nghĩa là người. Nó có nghĩa rằng chúng ta nói về Chúa như thể Ngài là con người. Đức Chúa Trời được mô tả qua các từ ngữ vật chất, xã hội và tâm lý liên hệ đến con người (Sáng thế ký 3:8; I Các Vua 22:19-23). Dĩ nhiên, đây chỉ là sự so sánh. Tuy vậy, không có một phân loại nào khác ngoài phân loại của con người để chúng ta có thể dùng. Do đó, hiểu biết của chúng ta về Đức Chúa Trời, mặc dù đúng, nhưng vẫn có giới hạn.

Trường phái An-ti-ốt (Antiochian School) Phương pháp giải nghĩa Kinh thánh này được phát triển ở An-ti-ốt, Sy-ri-a vào thế kỷ thứ 3 SCN như là một phản ứng đối lại với phương pháp ngu ngôn của trường phái Alexandria ở Ai cập. Chủ yếu của nó là tập trung vào ý nghĩa lịch sử của Kinh thánh. Nó giải thích Kinh thánh như một tác phẩm văn chương bình thường của con người. Trường phái này dần dần rơi vào sự tranh cãi về vấn đề có phải Đấng Christ có hai bản chất (Nestorianism) hay chỉ có một (vừa hoàn toàn con người, vừa hoàn toàn Trời). Nó bị gán cho là tà giáo bởi Giáo hội Công giáo La mã và phải dời đi đến Persia nhưng nó đã không có một ảnh hưởng quan trọng nào. Các nguyên tắc giải kinh căn bản của nó sau đó trở thành nguyên tắc giải nghĩa của các nhà cải chánh Tin lành cổ điển (Luther và Calvin).

Phép đối chọi (Antithetical) Đây là một trong ba từ ngữ dùng mô tả mối liên hệ giữa các hàng trong văn thư Hê-bơ-rơ. Nó liên hệ đến các hàng thư có ý nghĩa đối chọi nhau (Châm-ngôn 10:1; 15:1).

Văn chương Khải thị (Apocalyptic literature) Đây là một thể loại có lẽ thuần khiết, hoặc phần lớn là Do thái. Đây là loại văn bí ẩn dùng trong những lúc bị xâm lăng hay chiếm đóng bởi các cường quyền ngoại bang. Nó cho rằng một Đức Chúa Trời cá nhân, hay giải cứu đã tạo dựng nên thế giới và điều khiển các hoạt động trên thế giới và rằng Y-sơ-ra-ên là dân tộc được Ngài quan tâm và chăm sóc đặc biệt. Loại văn chương này hứa hẹn chiến thắng cuối cùng từ sự giúp đỡ đặc biệt của Chúa.

Nó có đầy những từ hình bóng và giàu tưởng tượng diễn tả qua các từ ngữ bí ẩn. Nó thường diễn tả lẽ thật qua các màu sắc, con số, khái tượng, sự hiện thấy, gặp gỡ thiên thần, các chữ mang mã số và thường mang tính nhị nguyên giữa thiện và ác.

Một vài ví dụ về dạng văn chương này là (1) trong Cựu ước, sách Ê-xê-chi-ên (chương 36-48), Đa-ni-ên (chương 7-12), Xa-cha-ri; và (2) trong Tân ước, Ma-thi-ơ 24; Mác 13; II Tê-sa-lô-ni-ca 2 và Khải huyền.

Người biện giải (Apologist, apologetics) Chữ này xuất phát từ gốc từ Hy-lạp “sự biện hộ pháp lý.” Đây là một nhánh trong thần học nhằm đưa ra các bằng chứng và các cuộc bàn luận theo lý lẽ cho ủng hộ cho đức tin Cơ-đốc.

Tiên nghiệm (A priori) Chữ này hầu như đồng nghĩa với từ “phỏng định trước.” Nó bao gồm sự lý giải từ các định nghĩa, nguyên tắc, hay quan điểm đã được chấp nhận trước đó là đúng. Chính điều đó là điều được chấp nhận mà không cần phải xem xét hay phân tích.

Thuyết Arianism Arius là một giáo phụ ở Alexandria, Ai cập vào thế kỷ thứ 3 và đầu 4. Ông cho rằng Chúa Jê-sus đã có từ trước nhưng không phải là thần (không cùng bản chất với Đức Chúa Cha), có lẽ là dựa theo Châm-ngôn 8:22-31. Một giám mục ở Alexandria đã thách thức quan điểm này và đã mở màn cuộc tranh cãi (năm 318 SCN) kéo dài nhiều năm. Thuyết Arianism trở thành tín điều chính thức của Đông giáo hội. Hội đồng Nicaea năm 325 SCN đã lên án Arius và khẳng định sự đồng đẳng và đồng bản chất thần tính của Đức Chúa Con.

Aristotle Ông là một trong các triết gia Hy Lạp cổ, học trò của Plato và là thầy của Alexander đại đế. Ảnh hưởng của ông, ngay cả ngày nay, thâm nhập vào nhiều lãnh vực học thuật hiện đại. Lý do là vì ông đã nhấn mạnh tri thức thông qua quan sát và phân loại. Đây là một trong những điểm mấu chốt của phương pháp khoa học.

Bản viết tay (Autograph) Đây là chữ dùng cho các bản viết tay nguyên thủy của Kinh thánh. Những bản viết tay nguyên thủy này đã bị mất hoàn toàn. Chỉ còn lại những bản sao chép mà thôi. Đây là nguồn gốc của nhiều dị bản trong các bản văn tiếng Hy-lạp và Hê-bơ-rơ và các ấn bản cổ khác.

Bản Bezae Đây là bản văn bằng tiếng Hy-lạp và Latin vào thế kỷ thứ 6 SCN. Nó được gọi là bản “D.” Nó chứa đựng các sách Phúc âm, Công vụ và một số thư tín. Đặc điểm của nó là có rất nhiều phần được người sao chép thêm vào. Nó hình thành nền tảng cho bản “Textus Receptus,” bản văn Hy-lạp tiêu chuẩn truyền thống đằng sau bản King Gia-cơ.

Thành kiến Đây là từ dùng để diễn tả một thành kiến mạnh mẽ về một đối tượng hay một quan điểm. Nó là quan điểm cho rằng sự không thiên vị không thể có được về một đối tượng cụ thể hay một quan điểm. Đây là luận điểm thiên vị.

Thẩm quyền Kinh thánh Chữ này được dùng trong một ý nghĩa rất chuyên biệt. Nó được định nghĩa là sự nhận biết điều tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của họ và áp dụng lẽ thật đó trong thời của chúng ta ngày nay. Thẩm quyền Kinh thánh thường được định nghĩa là việc xem chính Kinh thánh là sự hướng dẫn có thẩm quyền duy nhất của chúng ta. Tuy nhiên, nhận thấy được những sự giải nghĩa sai lầm hiện tại, tôi đã giới hạn khái niệm này trong khuôn khổ Kinh thánh khi được giải nghĩa bởi các nguyên tắc chính của phương pháp lịch sử-ngữ pháp.

Qui điển Đây là từ dùng để diễn tả các bản văn mà người ta tin rằng đã được linh cảm cách đặc biệt. Nó được dùng chỉ cả Cựu và Tân ước.

Trọng tâm Đấng Christ (Christocentric) Đây là từ dùng để diễn tả tính trung tâm của Chúa Jê-sus. Tôi dùng nó liên kết với khái niệm Jê-sus là Chúa trong toàn bộ Kinh thánh. Cựu ước chỉ về Ngài và Ngài là sự THÌ HOÀN THÀNH và mục tiêu của Cựu ước (Ma-thi-ơ 5:17-48).

Giải kinh Đây là tập sách nghiên cứu chuyên môn. Nó cung cấp các thông tin căn bản về một sách trong Kinh thánh. Sau đó nó cố gắng giải thích ý nghĩa của từng phần trong sách đó. Một số tập trung vào phần ứng dụng, số khác đề ý đến bản văn trong cách chuyên môn hơn. Những cuốn sách này rất ích lợi, nhưng chỉ nên dùng sau khi chúng ta đã sơ bộ nghiên cứu riêng về điều mình muốn tìm hiểu. Không bao giờ nên chấp nhận sự giải nghĩa của các nhà giải kinh mà không thắc mắc hay chất vấn điều gì. Đôi khi các bản giải kinh từ các lập trường thần học khác nhau cũng có nhiều lúc đem lại lợi ích.

Thánh kinh phù dẫn (Concordance) Đây là một công cụ nghiên cứu học Kinh thánh. Nó liệt kê mọi lần xuất hiện của mỗi chữ trong Cựu và Tân ước. Nó giúp ích như sau: (1) xác định các chữ Hy-lạp hay Hê-bơ-rơ đằng sau một từ ngữ tiếng Anh cụ thể; (2) so sánh các bản văn nơi những chữ Hy-lạp và Hê-bơ-rơ giống nhau được sử dụng; (3) chỉ cho thấy những chỗ hai chữ Hê-bơ-rơ hay Hy-lạp khác nhau được dịch bằng chỉ một từ trong tiếng Anh; (4) cho biết số lần sử dụng của một số từ trong một số sách hay tác giả; (5) giúp tìm một đoạn văn trong Kinh thánh (xem Walter Clark *How to Use Tân Ước Grek Study Aids*, trang 54-55).

Cuộn Biển Chết (Dead Sea Scrolls) Chữ này chỉ một loạt các bản viết cổ bằng tiếng Hê-bơ-rơ và Aram được tìm thấy nơi khu vực gần Biển Chết vào năm 1947. Chúng là các thư viện tôn giáo của một phái thuộc Do thái giáo vào thế kỷ thứ nhất. Sức ép của sự chiếm đóng từ người La mã và các cuộc chiến quá khốc của những năm 60 đã khiến họ phải giấu đi các cuộn giấy da này được hàn kín trong các chai sành sứ để ở trong các hang động hay lỗ. Chúng giúp chúng ta hiểu hơn về bối cảnh lịch sử của thế kỷ thứ 1 vùng Palestine và cũng đã xác nhận bản Masoretic Text là rất chính xác, ít ra là từ thời kỳ rất sớm của thời đại trước Công nguyên. Chúng được viết tắt với chữ “DSS.”

Suy diễn (Deductive) Phương pháp lý luận này đi từ các nguyên tắc chung đến những áp dụng cụ thể bằng cách lý luận. Nó đối lại với phương pháp suy luận quy nạp, là phương pháp khoa học đi từ những cái cụ thể được quan sát đến những kết luận chung tổng quát (những lý thuyết).

Biện chứng (Dialectical) Đây là phương pháp lý luận qua đó điều được xem dường như mâu thuẫn hay nghịch lý được giữ chung lại với nhau trong một tình trạng căng thẳng, tìm kiếm một câu trả lời thống nhất bao gồm cả

hai phía của một nghịch lý. Rất nhiều giáo lý Kinh thánh là những cặp biện chứng như, Tiên định - Ý chí tự do; sự cứu rỗi chắc chắn- sự kiên trì trong đức tin; đức tin- việc làm; quyết định- tiến trình môn đồ hóa; sự tự do của Cơ-đốc nhân- trách nhiệm của Cơ-đốc nhân.

Dân lưu đày (Diaspora) Đây là thuật ngữ Hy-lạp dùng bởi những người Do thái ở Palestine để chỉ những người Do thái khác đang sống ngoài biên giới địa lý của Đất hứa.

Lỗi dịch thoát tương đương (Dynamic equivalent) Đây là một lý thuyết dịch Kinh thánh. Việc dịch Kinh thánh có thể được xem xét trên một dãy đánh giá từ quan điểm ‘dịch từng chữ’, tức là mỗi chữ tiếng Hy-lạp hay Hê-bơ-rơ đều phải có một chữ tiếng Anh tương đương, đến quan điểm “dịch ý” tức là chỉ dịch ý tưởng mà không chú trọng nhiều đến từ ngữ hoặc cụm từ nguyên gốc. Ở giữa hai lý thuyết này là quan điểm dịch “thoát tương đương” là nỗ lực xem xét bản nguyên gốc một cách nghiêm túc, nhưng dịch bằng các dạng và thành ngữ của ngữ pháp hiện đại. Phần bàn luận rất tốt về lý thuyết các bản dịch được tìm thấy trong sách của Fee và Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 35 và sách của Robert Bratcher *Introduction to the TECAU*

Chiết trung (Eclectic) Chữ này được dùng chung với vấn đề phê bình bản văn. Nó chỉ thói quen chọn các bản văn từ các bản Hy-lạp khác nhau để đi đến một bản được xem là gần với nguyên bản nhất. Nó gạt bỏ quan điểm cho rằng bất cứ một họ văn bản Hy-lạp nào đều thu nhận được bản gốc.

Đọc (ý mình) vào bản văn (Eisegesis) Đây là sự đối lập của việc giải thích Kinh thánh (exegesis). Nếu việc giải nghĩa Kinh thánh (exegesis) là “dẫn ra” từ ý tưởng nguyên thủy của trước giả, thì thuật ngữ ‘eisegesis’ hàm ý “đem vào” trong bản văn một ý tưởng hay ý kiến lạ từ bên ngoài.

Từ nguyên học (Etymology) Đây là một khía cạnh của việc nghiên cứu từ ngữ nhằm tìm hiểu chắc chắn ý nghĩa nguyên gốc của một từ ngữ. Từ ý nghĩa gốc này, một số cách sử dụng chuyên biệt sẽ được dễ dàng phát hiện ra. Trong sự giải nghĩa, từ nguyên học không phải là trọng tâm chính, nhưng là ý nghĩa và việc sử dụng từ ngữ này đương thời.

Giải nghĩa (Exegesis) Đây là từ ngữ chuyên môn dành cho việc giải nghĩa một đoạn văn cụ thể. Nó có nghĩa là “dẫn ra” (từ bản văn), hàm ý rằng mục đích của chúng ta là nhằm hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy trong ánh sáng của bối cảnh lịch sử, bối cảnh ngữ văn, cú pháp và ý nghĩa từ ngữ đương thời của nó.

Thể loại văn chương (Genre) Đây là một thuật ngữ tiếng Pháp chỉ các thể loại văn chương khác nhau. Điểm chủ yếu của từ này là sự phân chia các dạng văn chương thành các loại khác nhau là những loại có cùng đặc điểm với nhau: tường thuật lịch sử, văn thơ, châm ngôn, khái thị và hành pháp.

Trí huệ giáo (Gnosticism) Hầu hết những điều chúng ta biết được về tà giáo này là từ các bài viết của trí huệ giáo ở thế kỷ thứ 2. Tuy nhiên, các ý tưởng phôi thai của nó đã có từ thế kỷ thứ 1 và trước đó nữa.

Một vài điểm căn bản của Trí huệ giáo theo nhóm Valentian và Cerinthian là (1) vật chất và thần linh cùng hiện hữu đời đời (thuyết nhị nguyên về bản chất); (2) có các vật phát ra (emanations) giữa Đức Chúa Trời và vật chất (*eons* hay các cấp bậc thiên thần). Bậc cuối cùng và thấp nhất là Đức Giê-hô-va của Cựu ước, đáng đã dựng nên vũ trụ (*kosmos*); (3) Jê-sus cũng là một vật phát ra giống như Giê-hô-va nhưng ở đẳng cấp cao hơn, gần với Đức Chúa Trời thật hơn. Một số đặt Ngài ở vị trí cao nhất nhưng vẫn thấp hơn Đức Chúa Trời và dĩ nhiên không phải là Đấng nhập thể (Giăng 1:14). Bởi vì vật chất là ác, Jê-sus không thể có thân thể con người mà vẫn là thần. Ngài là một con ma thần (I Giăng 1:1-3; 4:1-6); và (4) sự cứu rỗi nhận được từ đức tin nơi Chúa Jê-sus cộng với tri thức đặc biệt, là điều chỉ có một số người đặc biệt biết mà thôi. Cần có tri thức (mã số) để bước vào chôn thiên đàng. Sự tôn cao luật pháp Do thái cũng là một điều được đòi hỏi để có thể đến được Đức Chúa Trời.

Những giáo sư giả trí huệ giáo cổ xúy hai hệ thống luân lý đối ngược nhau: (1) đối với một số người, lối sống không liên quan gì đến sự cứu rỗi. Đối với họ, sự cứu rỗi và sự thiêng liêng được gói gọn trong một tri thức đặc biệt (các mã số) để đi đến cõi thiên thần (*eons*); hay là (2) đối với một số khác, lối sống hết sức quan trọng để có sự cứu rỗi. Họ nhấn mạnh lối sống khắc kỷ như là một bằng chứng cho sự thiêng liêng thật.

Khoa giải thích bản văn (Hermeneutics) Đây là từ ngữ chuyên môn chỉ các nguyên tắc hướng dẫn việc giải kinh. Nó vừa là những chỉ dẫn cụ thể vừa là một nghệ thuật. Giải thích bản văn Kinh thánh thường được chia ra làm hai loại: các nguyên tắc chung và các nguyên tắc đặc biệt. Những điều này liên quan đến các loại văn chương có trong Kinh thánh. Mỗi thể loại có những hướng dẫn đặc biệt riêng cho nó nhưng cũng có một số giá định và tiến trình giải thích tương tự nhau.

Thượng phê bình (Higher criticism) Đây là trình tự giải nghĩa Kinh thánh tập trung vào bối cảnh lịch sử và cấu trúc văn chương của một sách cụ thể trong Kinh thánh.

Thành ngữ Chữ này được dùng để chỉ các cụm từ được tìm thấy trong các văn hóa khác nhau có ý nghĩa riêng biệt không gắn với một ý nghĩa thông thường khi đứng riêng lẻ. Các ví dụ hiện đại như: “Cái đó hay dễ sợ” (that was awefully good), hay là “mày hại tao rồi” (you just kill me). Kinh thánh cũng có những câu, cụm từ tương tự như vậy.

Sự soi sáng (Illumination) Đây là chữ dùng để chỉ khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Quy nạp (Inductive) Đây là phương pháp lý luận đi từ cái cụ thể đến cái toàn thể. Đây là phương pháp thực nghiệm của khoa học hiện đại. Đây là phương pháp của Aristotle.

Đối chiếu (Interlinear) Đây là một công cụ nghiên cứu cho phép những người không đọc được ngôn ngữ Kinh thánh có thể phân tích ý nghĩa và cấu trúc của nó. Nó đặt bản dịch Anh ngữ vào cấp độ ‘từng chữ’ ngay bên dưới ngôn ngữ Kinh thánh. Công cụ này, cộng với một ‘từ điển phân tích,’ sẽ giúp cung cấp các dạng từ và định nghĩa căn bản của tiếng Hy-lạp và Hê-bơ-rơ.

Sự linh cảm (Inspiration) Đây là khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người bằng cách hướng dẫn các trước giả Kinh thánh ghi lại một cách rõ ràng và chính xác sự mặc khải của Ngài. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Ngôn ngữ mô tả (Language of description) Điều này được dùng chung với các thành ngữ trong Cựu ước. Nó mô tả thế giới chúng ta bằng những điều đụng đến năm giác quan. Nó không phải là sự mô tả có tính chất khoa học và nó cũng không có mục đích làm như vậy.

Sự tôn sùng luật pháp (Legalism) Đặc điểm của thái độ này là việc chú trọng quá mức đến luật lệ, nghi lễ. Nó có chiều hướng dựa vào sự giữ luật pháp của con người như một phương tiện để Chúa chấp nhận. Nó nghiêng về việc hạ thấp mối liên hệ và nâng cao sự phổ diễn, cả hai đều là những khía cạnh quan trọng trong mối liên hệ giao ước giữa một Đức Chúa Trời thánh khiết và con người tội lỗi.

Theo nghĩa đen (literal) Đây là một tên khác để chỉ phương pháp giải nghĩa theo lịch sử và tập trung vào bản văn từ An-ti-ôt. Nó có nghĩa là sự giải nghĩa bao gồm cả những ý nghĩa hiển nhiên và thông thường của ngôn ngữ loài người, mặc dù có vẫn nhận biết sự có mặt của ngôn ngữ hình bóng.

Thể loại văn chương Đề cập đến các dạng khác nhau mà sự truyền thông nơi con người có thể có, như là thơ hay tường thuật lịch sử. Mỗi loại văn chương có một trình tự giải nghĩa riêng biệt cộng với các nguyên tắc chung áp dụng cho toàn bộ văn chương viết.

Đơn vị ngữ văn (literary unit) Điều này chỉ các phân chia theo ý tưởng chính trong một sách trong Kinh thánh. Nó có thể là một vài câu, đoạn văn hay chương sách. Đây là một đơn vị độc lập có một chủ đề trọng tâm.

Hạ phê bình Xin xem “Phê bình bản văn”

Bản văn (Manuscript) Chữ này chỉ các bản sao chép khác nhau của Tân ước tiếng Hy-lạp. Thông thường chúng được phân chia thành các loại khác nhau theo (1) chất liệu dùng để viết (giấy chỉ thảo, giấy da); hay (2) dạng chữ viết (hoàn toàn viết hoa hay chữ nhỏ). Nó được viết tắt là ‘MS’ số ít và ‘MSS’ số nhiều.

Masoretic Text Bản Masoretic là bản Cựu ước bằng tiếng Hê-bơ-ơ ở thế kỷ thứ 9 được thực hiện bởi nhiều thế hệ học giả Do thái, trong đó chứa đựng các dấu nguyên âm và chú thích về văn bản. Nó tạo thành bản văn căn bản cho Kinh thánh Cựu ước của chúng ta ngày nay. Bản văn của nó xét về lịch sử đã được công nhận bởi các bản văn tiếng Hê-bơ-ơ khác, đặc biệt là sách Ê-sai, được phát hiện trong Cuộn Biển chết. Nó được viết tắt là “MT.”

Phép hoán dụ (Metonymy) Đây là hình thức Tân Ước từ trong đó tên của một điều gì đó được dùng để đại diện một điều khác có liên hệ. Ví dụ, “nồi nước đang sôi” thì thật ra có nghĩa là “nước trong nồi đang sôi.”

Các mảnh Muratorian (Muratorian fragments) Đây là danh sách các sách qui điển của Tân ước. Nó được viết tại Rô-ma trước năm 200 SCN. Nó cũng liệt kê 27 sách như trong Tân ước của người Tin lành. Nó rõ ràng cho thấy các Hội thánh địa phương ở khắp nơi trong đế quốc La mã ‘trên thực tế’ đã định ra qui điển Thánh kinh trước khi các giáo hội nghị chính họp lại vào thế kỷ thứ 4.

Sự mặc khải tự nhiên (Natural revelation) Đây là một cách Đức Chúa Trời tự mặc khải chính Ngài cho con người. Nó bao gồm các trật tự thiên nhiên (Rô-ma 1:19-20) và sự nhận biết luân lý từ lương tâm (Rô-ma 2;14-15). Nó cũng được nói đến trong Thi-thiên 19:1-6 và Rô-ma 1-2. Nó khác với khải thị đặc biệt, là điều Đức Chúa Trời đã tự bày tỏ cách đặc biệt qua Kinh thánh và cao nhất là qua Chúa Jê-sus ở Na-xa-rét.

Phân loại thần học này được nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại bởi phong trào “trái đất cũ” giữa vòng các nhà khoa học Cơ-đốc (bài viết của Hugh Ross). Họ dùng phân loại này để xác định rằng mọi lẽ thật đều là lẽ thật của Đức Chúa Trời. Thiên nhiên là cánh cửa mở rộng để đi đến hiểu biết về Đức Chúa Trời; nó khác với mặc khải đặc biệt (Kinh thánh). Nó cho phép khoa học hiện đại có sự tự do để nghiên cứu trật tự tự nhiên. Theo ý tôi, nó là một cơ hội tuyệt vời để làm chứng cho thế giới phương Tây với khoa học hiện đại.

Nestorianism Nestorius là người sáng lập trường phái Constantinople vào thế kỷ thứ 5. Ông được đào luyện ở An-ti-ốt, Sy-ri-a và nhìn nhận Chúa Jê-sus có hai bản chất, một bản chất hoàn toàn người và một bản chất hoàn toàn Trời. Quan điểm này đi lạc ra khỏi quan điểm chính thống một bản chất từ trường phái Alexandria. Vấn đề chính của Nestorius là danh hiệu ‘mẹ Đức Chúa Trời’ dành cho Ma-ri. Nestorius bị phản đối bởi Cyril từ Alexandria và hàm ý rằng từ chính trường đào luyện An-ti-ốt của ông. An-ti-ốt là trung tâm chính của trường phái xét theo lịch sử-ngữ pháp của văn bản khi giải thích, trong khi Alexandria là trung tâm chính của trường phái giải nghĩa ẩn dụ 4 lần. Nestorius cuối cùng bị rút khỏi chức vụ và bị đày.

Tác giả nguyên thủy Điều này chỉ các trước giả thật sự đã viết Kinh thánh.

Giấy chỉ thảo papyrus Đây là một chất liệu dùng để viết lên trên từ Ai-cập. Nó được làm từ những cây sậy bên sông. Nó là chất liệu mà các bản sao cũ Tân ước cũ nhất được viết lên.

Các đoạn đối chiếu Chúng thuộc về khái niệm cho rằng cả Kinh thánh đều được Đức Chúa Trời ban cho và vì vậy chính nó là người giải nghĩa tốt nhất và là người quân bình các lẽ thật nghịch lý trong Kinh thánh. Điều nó cũng giúp ích khi chúng ta muốn giải nghĩa một đoạn không rõ ràng. Chúng cũng giúp chúng ta tìm một đoạn nói rõ ràng nhất về một chủ đề nào đó cũng như các khía cạnh khác của Kinh thánh về chủ đề đó.

Diễn ý Đây là một lý thuyết dịch Kinh thánh. Việc dịch Kinh thánh có thể được xem xét trên một dãy đánh giá từ quan điểm ‘dịch từng chữ’, tức là mỗi chữ tiếng Hy-lạp hay Hê-bơ-rơ đều phải có một chữ tiếng Anh tương đương, đến quan điểm “dịch ý” tức là chỉ dịch ý tưởng mà không chú trọng nhiều đến từ ngữ hoặc cụm từ nguyên gốc. Ở giữa hai lý thuyết này là quan điểm dịch “thoát trong đương” là nỗ lực xem xét bản nguyên gốc một cách nghiêm túc, nhưng dịch bằng các dạng và thành ngữ của ngữ pháp hiện đại. Phần bàn luận rất tốt về lý thuyết các bản dịch được tìm thấy trong sách của Fee và Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 35.

Đoạn văn Đây là một đơn vị ngữ văn giải nghĩa cơ bản trong văn xuôi. Nó bao gồm một ý tưởng chính và sự phát triển của ý đó. Nếu chúng ta giữ lấy điểm chính của nó thì chúng ta sẽ không tập trung vào những điểm phụ và đánh mất đi ý định của tác giả nguyên thủy.

Chủ nghĩa địa phương hẹp hòi (parochialism) Điều này chỉ các thành kiến bị khóa trong các bối cảnh thần học/văn hóa địa phương. Nó không nhận ra tính xuyên văn hóa của các lễ thật Kinh thánh và sự ứng dụng của nó.

Nghịch lý Nó chỉ những lễ thật dường như đối lập nhau, nhưng cả hai đều đúng, mặc dù có sự căng thẳng với nhau. Chúng hình thành lễ thật bằng việc trình bày nó từ hai phía đối nghịch nhau. Nhiều lễ thật Kinh thánh được trình bày theo cặp nghịch lý (biện chứng). Các lễ thật Kinh thánh không phải là những ngôi sao đơn chiếc, nhưng là một chùm các ngôi sao làm thành các mô hình khác nhau.

Plato ông là một trong các triết gia của Hy-lạp cổ đại. Triết lý của ông ảnh hưởng rất lớn lên Hội thánh đầu tiên qua các học giả ở Alexandria, Ai-cập và sau này là Augustine. Ông cho rằng mọi vật trên thế gian này là ảo ảnh và chỉ là bản sao của một nguyên mẫu thuộc linh (spiritual archetype). Các thần học gia sau này đã đặt “dạng thức/ý tưởng” của Plato ngang hàng với phương diện thuộc linh.

Giả định trước Điều này chỉ sự hiểu biết vốn có của chúng ta về một vấn đề. Thông thường chúng ta hình thành ý kiến và phán quyết về một số vấn đề trước khi chúng ta tiếp cận Kinh thánh. Giả định trước này gọi là thành kiến, một luận điểm tiên nghiệm, một giả định hay một nhận biết có từ trước.

Lấy Kinh thánh chứng minh (Proof-texting) Đây là cách giải thích Kinh thánh bằng việc trưng dẫn một câu mà không quan tâm đến bối cảnh gần và xa trong một đơn vị ngữ văn. Điều này tách rời các câu Kinh thánh khỏi ý định của tác giả nguyên thủy và thường là nỗ lực chứng minh một ý kiến cá nhân trong khi muốn khẳng định thẩm quyền Kinh thánh.

Do thái giáo theo các Rabi Đây là giai đoạn cuộc sống của những người Do thái sau thời kỳ lưu đày ở Ba-by-lôn (586-538 TCN). Khi ảnh hưởng của các thầy tế lễ và đền thờ bị lấy đi, các nhà hội địa phương trở thành trung tâm cuộc sống của người Do thái. Những trung tâm địa phương mang tính văn hóa, giao lưu, thờ phượng và học Kinh thánh của Do thái này trở thành điểm tập trung của cuộc sống tôn giáo của quốc gia. Trong thời Chúa Giêsu “tôn giáo của các thầy dạy luật này” tương đương với tôn giáo của các thầy tế lễ. Khi Giê-ru-sa-lem thất thủ vào năm 70 SCN, các thầy dạy luật, áp đảo bởi những người Pha-ri-si, đã điều khiển đời sống tôn giáo của người Do thái. Đặc điểm của nó là sự giải nghĩa Torah một cách thực dụng, trọng luật pháp như đã được giải thích trong truyền thống truyền miệng (bản Talmud).

Khái thị Đây là chữ dùng để chỉ khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Ngữ nghĩa học Điều này chỉ toàn bộ phạm vi ý nghĩa liên hệ đến một từ. Chủ yếu nó là những ý nghĩa của một từ trong các ngữ cảnh khác nhau.

Bản Bảy Mươi (LXX) Đây là tên của bản dịch tiếng Hy-lạp Kinh thánh Cựu ước. Truyền thuyết cho rằng nó được viết trong 70 ngày bởi 70 học giả người Do thái cho thư viện Alexandria, Ai-cập. Thời điểm theo truyền thuyết là khoảng năm 250 TCN (trên thực tế có thể phải mất khoảng hơn 100 năm để hoàn tất). Bản dịch này là quan trọng bởi vì (1) nó cung cấp cho chúng ta một bản văn cổ để so sánh với bản Masoretic Text; (2) nó cho chúng ta biết về các cách giải nghĩa của người Do thái vào thế kỷ thứ 2 và 3 TCN; (3) nó cho chúng ta biết sự hiểu biết về Đấng Mết-si-a của người Do thái trước khi họ từ chối Chúa Jêsus. Nó được viết tắt là “LXX.”

Bản Sinaiticus Đây là bản văn Hy-lạp ở thế kỷ thứ 4 SCN. Nó được tìm thấy bởi một học giả người Đức tên là Tischendorf, tại Tân Ước viện thánh Catherine ở Jebel Musa, theo truyền thuyết là núi Si-nai. Bản văn này được gọi theo ký tự đầu tiên của tiếng Hê-bơ-rơ gọi là “aleph” (a). Nó chứa đựng cả Cựu và toàn bộ Tân ước. Nó là một trong những bản văn bằng chữ viết hoa (uncial) cổ nhất của chúng ta.

Thiêng liêng hóa (Spiritualizing) Đây là thuật ngữ đồng nghĩa với việc ngu ngôn hóa trong ý nghĩa là nó lấy đi bối cảnh ngữ văn và bối cảnh lịch sử khỏi đoạn văn và giải nghĩa trên cơ sở của những tiêu chuẩn khác.

Đồng nghĩa Chữ này chỉ những từ ngữ có ý nghĩa rất sát hoặc tương tự (mặc dù trên thực tế không có hai chữ nào lại có một sự trùng lặp hoàn toàn về mặt ngữ nghĩa). Chúng rất gần nhau đến nỗi chúng có thể thay thế cho nhau trong một câu mà không làm mất đi ý nghĩa của nó. Nó cũng được dùng để chỉ một trong 3 dạng của hình thức văn thơ song song trong tiếng Hê-bơ-rơ. Trong ý nghĩa này, nó chỉ hai hai dòng thơ diễn tả cùng một lẽ thật (Thi-thiên 103:3).

Cú pháp Đây là thuật ngữ Hy-lạp dùng để chỉ cấu trúc của một câu. Nó liên hệ đến cách các phần của một câu ghép lại với nhau để tạo nên một ý tưởng hoàn chỉnh.

Thần học hệ thống Đây là một giai đoạn giải nghĩa tìm cách liên hệ các lẽ thật Kinh thánh lại với nhau một cách thống nhất và hợp lý. Nó là một sự trình bày lô-gích, hơn là chỉ mang tính lịch sử, về thần học Cơ-đốc theo từng phân loại (Đức Chúa Trời, con người, tội lỗi, sự cứu rỗi, câuv...).

Bản Talmud Đây là tên gọi cho bản luật lệ của Truyền thống truyền miệng Do thái (Jewish Oral Tradition). Người Do thái tin rằng Chúa đã ban những điều này cho Môi-se trên núi Si-nai qua cách truyền miệng. Trên thực tế, nó dường như là một tuyển tập các tri thức khôn ngoan của những thầy dạy luật Do thái qua nhiều thế hệ. Có hai ấn bản Talmud: bản Babylonian và một bản ngắn hơn, chưa hoàn tất là bản Palestinian.

Phê bình văn bản (Textual criticism) Đây là phương pháp nghiên cứu các bản văn Kinh thánh. Phương pháp phê bình văn bản là cần thiết bởi vì không có một bản nguyên thủy nào hiện hữu và các bản sao thì khác nhau. Nó nỗ lực giải thích những sự khác nhau này để đi đến càng gần với bản viết tay nguyên thủy của Cựu và Tân ước hơn. Nó cũng được gọi là “hạ phê bình.”

Bản chuẩn Textus Receptus Từ ngữ này xuất hiện trong ấn bản Kinh thánh Tân ước bằng tiếng Hy-lạp của Elzevir vào năm 1633 SCN. Về cơ bản nó là một dạng Tân ước Hy-lạp được thực hiện từ một số bản Hy-lạp sau này, bản Latin của Erasmus (1510-1535), Stephanus (1546-1559) và Elzevir (1624-1678). Trong cuốn *An Introduction to the Textual Criticism of the Tân Ước* trang 27, A.T. Robertson nói rằng, “bản Byzantine thực ra là bản Textus Receptus.” Bản Byzantine là bản có ít giá trị nhất trong ba họ các bản tiếng Hy-lạp (Western, Alexandria và Byzantine). Nó chứa đựng sự kết tụ của những sai sót qua nhiều thế kỷ chép tay. Tuy nhiên, A. T. Robertson cũng nói rằng, “bản Textus Receptus đã bảo tồn cho chúng ta một bản văn khá chính xác.” (trang 21). Bản Hy-lạp này (đặc biệt là ấn bản thứ ba của Erasmus năm 1522) hình thành nên phần cơ bản của bản King Gia-cơ năm 1611.

Torah Đây là chữ Hê-bơ-rơ có nghĩa là “dạy.” Nó dần dần trở nên tên chính thức để chỉ các sách của Môi-se (từ Sáng thế ký đến Phục truyền luật lệ ký). Đối với người Do thái, đây là phần Kinh thánh Hê-bơ-rơ có thẩm quyền nhất.

Hình bóng học Đây là một cách giải nghĩa mang tính chuyên biệt. Thông thường nó bao gồm lễ thật Tân ước được tìm thấy trong các đoạn văn Cựu ước qua các hình tượng ẩn dụ. Cách giải nghĩa này là yếu tố chính của trường phái Alexandria. Bởi vì có người lạm dụng hình thức giải nghĩa này, chúng ta phải giới hạn sự sử dụng của nó trong các ví dụ cụ thể có trong Tân ước.

Bản Vaticanus Đây là bản Hy-lạp ở thế kỷ thứ 4 SCN. Nó được tìm thấy trong thư viện của Vatican. Theo nguyên gốc, nó chứa đựng toàn bộ Cựu ước, Ngũ kinh và Tân ước. Tuy nhiên, một vài phần đã bị mất (Sáng thế ký, Thi-thiên, Hê-bơ-rơ, thư tín mục vụ, Phi-lê-môn và Khải huyền). Nó là một bản văn rất có ích giúp cho việc xác định từ ngữ có trong bản viết tay nguyên thủy. Nó được đặt tên là “B.”

Bản Vulgate Đây là tên của bản dịch Kinh thánh bằng tiếng Latin của Jerome. Nó trở thành bản dịch căn bản hay “thông dụng” cho Giáo hội Công giáo La mã. Nó được thực hiện vào khoảng năm 380 SCN.

Văn chương khôn ngoan Đây là một thể loại văn chương thông dụng trong vùng Cận đông cổ (và thế giới hiện đại). Nó là một nỗ lực khuyên dạy thế hệ mới bằng những hướng dẫn để sống thành công qua văn thơ, châm ngôn, các bài viết. Nó viết cho một cá nhân hơn là cho cả một tập thể xã hội. Nó không dùng lịch sử để ám chỉ, nhưng dựa trên kinh nghiệm cuộc sống và quan sát thực tế. Trong Kinh thánh, sách Gióp và Nhã ca công nhận sự hiện diện và thờ phượng Đức Giê-hô-va, nhưng quan điểm tôn giáo này không phải lúc nào cũng hiện rõ trong các kinh nghiệm của con người.

Là một thể loại văn chương, nó khuyến tải các lễ thật. Tuy nhiên, thể loại này không thể được sử dụng trong mọi trường hợp. Những câu văn này là các câu nói bao quát không phải lúc nào cũng áp dụng được cho mọi trường hợp cá nhân của mỗi người.

Những nhà hiền triết này đã dám đặt ra những câu hỏi khó về cuộc sống. Thông thường họ thách thức các quan điểm tôn giáo truyền thống (sách Gióp và Truyền đạo). Chúng tạo một sự cân bằng và căng thẳng cho những câu trả lời quá hời hợt về các thảm trạng của cuộc sống.

Thế giới hình (world picture) và thế giới quan (worldview) Đây là hai từ ngữ đi chung với nhau. Chúng là những khái niệm triết học liên quan đến sự tạo hóa. Chữ “thế giới hình” chỉ “cách thức” của tạo hóa trong khi chữ “thế giới quan” chỉ “Chủ thể là ai.” Đây là những từ cần thiết để giải nghĩa Sáng thế ký 1-2 là những đoạn đề cập chủ yếu đến Chủ thể, chứ không phải là cách thức, của tạo hóa.

Đức Giê-hô-va **Đức Giê-hô-va** Đây là tên giao ước của Đức Chúa Trời trong Cựu ước. Nó được định nghĩa trong Xuất Ê-díp-tô ký 3:14. Đây là DẠNG NGUYÊN NHÂN (CAUSATIVE) của từ ngữ “thì, là” trong tiếng Hê-bơ-rơ. Người Do thái sợ phát âm ra chữ này, vì họ có thể bị rơi vào trường hợp lấy danh Chúa làm chơi; vì vậy, họ thế chữ này bằng một chữ Hê-bơ-rơ khác “Adonai,” nghĩa là “Chúa.” Đây là cách tên giao ước này được dịch ra trong tiếng Anh.

PHỤ LỤC BỐN

LẬP TRƯỜNG VỀ TÍN LÝ

Tôi thực sự không chú tâm lắm đến các tuyên bố về đức tin hay tín lý. Tôi thà xác nhận chính Kinh thánh. Tuy nhiên, tôi nhận thấy rằng một bản tuyên bố về đức tin sẽ cung cấp cho những người không quen biết tôi có một điều gì đó để đánh giá quan điểm về tín lý của tôi. Trong thời đại ngày nay khi có rất nhiều sai lầm và lừa gạt về các vấn đề thần học, tôi đưa ra bản tóm tắt ngắn gọn sau đây để bày tỏ quan điểm thần học của tôi.

1. Kinh thánh, cả Cựu và Tân ước, đều được linh cảm, là lời vô ngộ, có thẩm quyền, là lời hằng sống của Đức Chúa Trời. Nó là sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời được con người ghi lại dưới một sự hướng dẫn siêu nhiên. Nó là nguồn duy nhất trình bày lẽ thật rõ ràng về Đức Chúa Trời và mục đích của Ngài. Nó cũng là nguồn duy nhất về đức tin và sự thực hành cho Hội thánh của Ngài.

2. Chỉ có một Đức Chúa Trời đời đời, là đấng tạo hóa và là đấng cứu rỗi. Ngài là đấng tạo ra mọi điều, thấy được và không thấy được. Ngài bày tỏ chính Ngài là một đấng yêu thương và đầy sự quan tâm nhưng Ngài cũng công bằng và công chính. Ngài bày tỏ chính Ngài qua ba thân vị khác nhau: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh; hoàn toàn riêng biệt nhưng có cùng chung bản chất.

3. Đức Chúa Trời đang tích cực điều khiển thế giới của Ngài. Có một chương trình đời đời cho tạo vật của Ngài là chương trình không thể thay đổi và một chương trình tập trung vào mỗi cá nhân, là chương trình cho con người có sự tự do trong ý chí. Không việc gì xảy ra mà Ngài không biết hay không có phép của Ngài, nhưng Ngài cũng cho phép sự lựa chọn cá nhân trong vòng con người và các thiên thần. Chúa Jêsus là Người Được Chọn của Đức Chúa Cha và mọi người đều có khả năng được lựa chọn trong Ngài. Sự biết trước của Đức Chúa Trời về những sự kiện xảy ra không hề làm giảm đi giá trị của con người như là một tấm giấy đã được viết sẵn lên. Mỗi chúng ta đều phải chịu trách nhiệm về những tư tưởng và hành động của mình.

4. Con người, mặc dù được tạo dựng theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời và được tự do khỏi tội lỗi, đã chọn chống nghịch lại Đức Chúa Trời. Mặc dù bị cám dỗ bởi một tác nhân siêu nhiên, A-đam và Ê-va vẫn phải chịu trách nhiệm về tính tự kỷ có chủ ý của chính họ. Sự chống nghịch của họ đã ảnh hưởng đến con người và tạo vật. Chúng ta thấy đều cần sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời bởi điều kiện chung của chúng ta trong A-đam và bởi sự tự ý chống nghịch của mỗi cá nhân.

5. Đức Chúa Trời đã cung cấp một phương tiện để tha tội và phục hồi sự sa ngã của con người. Chúa Jêsus Christ, Con độc sanh của Đức Chúa Trời, đã trở thành người, sống một cuộc sống vô tội và bởi sự chết thế của Ngài, đã trả án phạt về tội lỗi của con người. Ngài là con đường duy nhất để đem đến sự phục hòa và mối tương giao với Đức Chúa Trời. Không có một phương tiện cứu rỗi nào khác ngoại trừ đức tin nơi công tác đã hoàn tất của Ngài.

6. Mỗi người trong chúng ta phải nhận món quà tha thứ và phục hồi của Đức Chúa Trời trong Chúa Jêsus một cách cá nhân. Điều này được thực hiện qua sự tự nguyện đặt niềm tin nơi lời hứa của Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus và chủ động từ bỏ tội lỗi biết được.

7. Tất cả chúng ta đều được tha tội và phục hồi dựa vào sự tin cậy của chúng ta nơi Đấng Christ và sự ăn năn tội lỗi của mình. Tuy nhiên, bằng chứng về mối liên hệ mới này phải được thấy qua một cuộc sống được thay đổi và đem đến sự thay đổi. Mục đích của Đức Chúa Trời cho con người không phải chỉ là thiên đàng trong một ngày nào đó, nhưng là sự giống với Đấng Christ ngay bây giờ. Những người thật sự được cứu, mặc dù thỉnh thoảng có phạm tội, sẽ tiếp tục sống trong đức tin và sự ăn năn suốt cuộc đời họ.

8. Đức Thánh Linh là “một Jêsus khác.” Ngài hiện diện trong thế giới này để dẫn đưa những người hư mất về với Đấng Christ và bồi đắp sự giống với Đấng Christ càng hơn trong đời sống của những người được cứu. Các ân tứ của Thánh Linh được ban cho ngay trong thời điểm nhận sự cứu rỗi. Chúng là đời sống và mục vụ của Chúa Jêsus phân chia ra giữa vòng thân thể Ngài, tức là Hội thánh. Các ân tứ này về cơ bản là những thái độ và động cơ của Chúa Jêsus cần được thúc đẩy bởi các bông trái Thánh Linh. Thánh Linh đang hoạt động trong thời đại ngày nay cũng như Ngài đã hoạt động trong thời của Kinh thánh.

9. Đức Chúa Cha đã khiến Chúa Jêsus Christ là đấng đã sống lại, làm quan án trên mọi sự. Ngài sẽ trở lại trái đất này để phán xét mọi người. Những ai đã tin cậy nơi Chúa Jêsus và tên của họ đã được ghi vào sách sự sống của Chiên Con sẽ nhận lấy một thân thể vinh hiển đời đời khi Ngài trở lại. Họ sẽ được ở với Ngài luôn luôn. Tuy nhiên, những ai đã khước từ lẽ thật của Đức Chúa Trời sẽ bị phân cách khỏi niềm vui tương giao với Ba Ngôi Đức Chúa Trời đời đời. Họ sẽ bị rửa sạch cùng với ma quỷ và các thuộc hạ của nó.

Rõ ràng đây không phải là một bản tuyên bố hoàn toàn đầy đủ tuyệt đối nhưng tôi hy vọng nó sẽ cho anh chị em biết hương vị thần học từ chính tấm lòng của tôi. Tôi thích câu nói này:

“Trong cốt lõi- là sự hợp nhất,
Trong những vấn đề ngoài lề- là sự tự do,
Trong mọi điều- là tình yêu thương.”